

ĐẠI NAM THỰC LỤC

大南實錄

TẬP IV

CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHẤT KỶ III



NHÀ XUẤT BẢN SỬ HỌC

VIỆN SỬ HỌC

ĐẠI NAM THỰC LỤC

TẬP IV

CHÍNH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ III

TIMSACH.COM.VN

Tổ biên dịch VIỆN SỬ HỌC
phiên dịch

Đ. Đ. Nam



10/02

NHÀ XUẤT BẢN SỬ HỌC

HÀ-NỘI — 1963

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ

QUYỀN XXXVII

THỰC LỤC VỀ THẾ TỒ CAO HOÀNG ĐẾ

Kỷ ty, Gia-long năm thứ 8 [1809] (Thanh Gia-khánh năm thứ 14), mùa xuân, tháng giêng, ngày mậu thìn, tế xuân hương.

Lấy cai bạ Quảng-ngãi là Nguyễn Hữu Thận làm hữu tham tri Lại bộ, tham quân quân Thần sách là Trịnh Văn Thành làm cai bạ Quảng-ngãi, thêm sự Hộ bộ là Trương Văn Ngoạn làm ký lục Bình-thuận, tri phủ Hà-trung là Mai Đức Giai làm thêm sự Công bộ.

Quan Bắc-thành tâu rằng: « Dòng sông Đĩnh-ngọ (tên xã) thuộc huyện Duyên-hà bị úng tắc đã lâu, xin lấy dân khơi đào cho thông với sông Hưng-na huyện Quỳnh-côi để lợi việc nông ». Vua y theo.

Quan Bắc-thành lại nói: « Thế nước sông Nhĩ-hà chảy xói, bờ sông ở Phúc-lâm và Kiên-nghĩa (hai thôn thuộc phủ Hoài-dức) nên xây mỏ kê để chống nạn nước, xin lấy các quân ra làm ».

Vua nói: « Nhà nước nuôi quân cốt để phòng khi có việc, sao lại động việc gì cũng bắt làm mệt nhọc ». Bèn sai thuê dân làm, chi tiêu 37.900 quan.

Thổ phi Hải-dương cướp ở tổng Yên-lãng (thuộc huyện Đông-triều), thổ hào là Nguyễn Đức Hậu đem dân chống đánh, chém được 9 đầu giặc, bắt được tướng giặc tên là Sĩ. Tổng Minh-nông (thuộc huyện Phù-ninh) trấn Sơn-tây cũng có thổ phi đi cướp bóc, thổ hào là Đinh Đăng Bạch và Đinh Văn Chiêu đem dân đuổi bắt được tướng giặc tên là Đinh chém đi. Dư đảng chạy tan hết. Thành thần đem việc tâu lên. Cho Đức Hậu và Đăng Bạch làm phó tổng, Văn Chiêu làm cai tổng và thưởng cho dân phu 500 quan tiền.

Trấn thủ Sơn-nam hạ là Ngô Văn Tham ốm được nghỉ việc; lấy chánh quản thập cơ Tả quân là Nguyễn Văn Xuân làm trấn thủ Sơn-nam hạ:

Đặt Đê chính ở Bắc-thành, sai Binh bộ Đặng Trần Thường làm tổng lý, tham tri Công bộ là Nguyễn Khắc Thiệu làm tham lý. Trước nay công việc đê điều thuộc về Hộ tào, thành thần cho rằng công việc hộ rất bề bộn, sợ khó kiêm coi được, tâu xin đặt quan đê giữ việc ấy. Vua bèn cho Thường và Thiệu lãnh làm. Dụ rằng: « Sóng có đê, đời sống của dân quan hệ ở đó, bọn người đi phải kính cẩn nhé! ».

Chuẩn định đê điều các trấn thuộc Bắc-thành cứ tháng 10 hàng năm các quan phủ huyện trấn phải lần lượt đến khám, quan Đê chánh khám lại. Đê nào nên sửa đắp thì xét định công trình lớn hay nhỏ, thành thần xét công trình nhỏ thì giao cho phủ huyện lấy dân ở những nơi thế nước đến được mà làm, công trình lớn thì sai người hiệp cùng trấn thần thuê dân làm; đều khởi công vào khoảng hai tháng giêng và hai, hạn tới tháng tư thì xong. Quan Đê chánh khám đúng thực, do thành thần làm sớ vẽ đồ tâu lên.

Quan Bắc-thành tâu rằng: « Năm ngoái ở Sơn-nam hạ và Thái-nguyên giặc nổi, nhân dân sở tại có người dò báo đúng thực, có người ra sức chặn bắt, xin khen thưởng cho ». Vua sai chép danh sách, cho bọn Trịnh Công Tuần, Dương Đình Trượng, Nguyễn Phú Thuật, Nguyễn Đức Huy hơn mười người làm cai đội, đội trưởng, cai tổng, phó tổng, theo thứ bậc khác nhau, và thưởng tiền 800 quan.

Đặt kho Hưng-phúc ở Biên-hòa. Vua thấy Hưng-phúc là nơi quan quân đi lại phải qua, nên chứa sẵn đề phòng chi cấp. Bèn sai xây kho ở Khu-my (tên đất), rồi thu thóc tở ở huyện Phúc-yên chứa trữ vào đó.

Quảng-bình đói, sai phát thóc kho cho dân nghèo vay.

Đổi dựng miếu Lê Thánh tông. Vua cùng bầy tôi bàn rằng: « Nước ta từ triều Lê về trước, tự châu Ô châu Lý vào Nam còn là đất Chiêm-thành. Lê Thánh tông binh được Chiêm-thành, mở đất tới Phú-yên, dời dân đến ở, công mở mang đất đai thực bắt đầu từ đây. Trước kia dựng miếu thờ là để nhớ công, nay nên nhân cũ mà sửa mới để làm nơi sùng tự ». Bèn sai hợp thợ xây dựng, hơn một tháng thì miếu làm xong. Đặt 10 người miếu phu, lấy dân Phú-xuân sung vào, mỗi năm hai mùa xuân thu lấy ngày nhâm sai quan đến tế.

Làm duyệt tuyển ở ba dinh Quảng-đức, Quảng-trị và Quảng-bình.

Sai vệ úy Thị trung là Trương Phúc Đặng, tham tri Hộ bộ là Lê Viết Nghĩa, phó đô thống chế quân Thần sách là Nguyễn Văn Tri, tham tri Binh bộ là Nguyễn Quang Diệu, vệ úy Hùng cự là Trần Văn Tri, tham tri Hình bộ là Lê Bá Phẩm, chia nhau đi làm. Trước kia,

eo phép duyệt tuyền năm Gia-long thứ 2, người dân thân hình lùn bé không đầy 3 thước 5 tấc thì làm hạng tiểu nhiều; năm thứ 7 lại định không đầy 3 thước mới cho làm tiểu nhiều, quan tuyền trường bèn đưa hạng tiểu nhiều lần trước trở về trảng hạng. Đến nay sai đề hết ở hạng tiểu nhiều và chuẩn định từ nay về sau hễ người dân thân hình từ 3 thước trở xuống thì cho làm tiểu nhiều. Nhân đó dụ cho bọn Phúc Đặng rằng: « Phép tuyền duyệt của nhà nước vốn để biết rõ số dân mà chia đều phú dịch, chứ không phải lấy người già yếu để hư trương con số làm gì. Bọn người nên cần thận đấy ».

Quan Bắc-thành tâu rằng: « Văn miếu ở thành từ triều Lê về trước đem Sĩ vương và Chu An tòng tự. Xét trong *Sử ký* thì Sĩ vương dùng thi thư để hóa tục nước, đem lễ nhạc để hóa lòng người, văn hiến của nước ta bắt đầu từ đấy, Chu An thì thanh bạch giữ tiết, lý học tinh thông, là vị đại nho ở đời, cho nên các đời đều nêu rạng mà đặt vào hàng tòng tự ở Văn miếu. Nay xin tùy bệ hạ quyết định ».

Vua giao xuống cho bầy tôi bàn, mọi người đều cho rằng Văn miếu ở Kinh sư, Sĩ vương và Chu An chưa liệt vào hạng tòng tự. Ở thành nên lấy Kinh sư làm chuẩn. Vua theo lời. Lại sai Lễ bộ xét lại đền thờ, thấy Sĩ vương và Chu An đều đã có đền thờ, cho dân sở tại giữ việc thờ cúng, tha dao dịch cho 61 người. (Đền thờ Sĩ vương ở hai xã Lũng-kê Tam-á trấn Kinh-bắc, cho 50 người dân tạo lệ; đền thờ Chu An ở xã Huỳnh-cung trấn Sơn-nam, cho 11 người dân tạo lệ).

Sai Tổng Phước Lương và Nguyễn Đức Huyền đốc suất binh và thợ đóng thêm 30 chiếc thuyền ó.

Dựng miếu Đô thành hoàng ở bên hữu Kinh thành. (Chính vị là thần Đô thành hoàng, ở tả vu là các thần thành hoàng ở Gia-dịnh, Quảng-đức, Quảng-nam, Quảng-trị, Quảng-bình, Quảng-ngãi, Bình-dịnh, Phú-yên, Bình-hòa, Bình-thuận, Phiên-an, Biên-hòa, Định-trường, Vĩnh-thanh, Hà-tiên, ở hữu vu là các thần thành hoàng ở Bắc-thành, Thanh-hoa, Nghệ-an, Sơn-nam thượng, Sơn-nam hạ, Sơn-tây, Kinh-bắc, Hải-dương, Thái-nguyên, Yên-quảng, Hưng-hóa, Lạng-sơn, Cao-bằng, Tuyên-quang). Đặt miếu phu 15 người, lấy dân Phú-xuân sung vào, mỗi năm hai mùa xuân thu lấy ngày canh sai quan đến tế.

Sửa đắp thành trấn Sơn-nam thượng.

Ban mũ áo cho các huyện lệnh ở bốn dinh trực lệ. Vua cho rằng huyện lệnh là chức gần dân, muốn lựa chọn cẩn thận; bốn dinh ở gần kinh kỳ, vua muốn xem xét được để phân biệt người hay người dở, bèn vời bọn Ngô Công Nghi, Nguyễn Đức Tế 28 người, sai hai bộ Lại Lễ khảo xét. Bọn Nghi lời lẽ đều có thể dùng được, đặc biệt ban cho mũ áo rồi cho về.

Tháng 2, tha tô thuế năm nay cho huyện Tống-sơn.

Ban phẩm phục cho các thiêm sự sáu bộ.

Hạ lệnh cho Bình-dịnh mỗi năm phải nộp ống tre phun lửa 3.000 chiếc.

Trấn thủ Hải-dương là Trần Công Hiến và trấn thủ Cao-bằng là Nguyễn Văn Đạo vì có cha mẹ già xin về thăm. Vua y cho. Sai chánh quản thập cơ Hậu quân là Ngô Văn Ngũ quyền lãnh việc trấn Hải-dương, vệ úy Cường võ là Lê Văn Thái quyền lãnh việc trấn Cao-bằng. Rồi Công Hiến về dinh ưu (1), cho tiền 100 quan.

(1) Dinh ưu: Về nhà chịu tang cha mẹ.

Tướng giặc ở Kinh-bắc là tên Tri nguy xưng thống lĩnh Tiên dinh, tướng giặc ở Hải-dương là Nguyễn Đình Thanh nguy xưng là Trung quân, tướng giặc ở Sơn-nam là tên Nam nguy xưng là tham mưu, họp đảng ở hai huyện Gia-định Lang-tài, thủ hợp Tả đồn quân Thần võ là Nguyễn Đức Trạch sai người thuộc hạ là Nguyễn Văn Đát, Nguyễn Văn Yên, Nguyễn Văn Thế nhập vào bọn giặc để báo quan quân vây bắt, bắt được tên Tri tên Nam và đồ đảng hơn mười người. Việc tâu lên. Vua cho Đức Trạch làm tri huyện, họn Văn Đát làm đội trưởng. Đình Thanh sau ra thú. Vua cho rằng năm ngoài có chiếu cho kẻ phạm tội ra thú thì được miễn nên đặc biệt tha cho.

Tướng giặc ở huyện Tiên-hưng trấn Sơn-nam hạ nguy xưng Tiên phong là tên Ngạnh, nguy xưng Tả dũng là tên Xuân, bị quan quân đánh dẹp, lên trốn ở xã Tĩnh-xuyên (thuộc huyện Thư-tri). Phủ lại là Lê Quý Tín, thổ hào là bọn Nguyễn Duy Lân, Đào Bùi Kha, báo dẫn lính phủ đến bắt được tên Xuân và đồ đảng 4 người. Việc tâu lên. Cho Quý Tín làm đề lại và bọn Duy Lân làm xã trưởng, đều cấp cho bằng son.

Tướng giặc ở huyện Bảo-lộc trấn Kinh-bắc tên là Thân Vạn Đồng và Lê Đặc Lộc họp đảng ở trại Cửu-dầu. Thành thần sai quản cơ cơ Tiên tiếp Trung quân là Võ Văn Ngữ, phó quản cơ cơ Hậu kinh là Lê Huy Tích đóng ở bảo Tam-dị (tên xã) để phòng bị. Linh bảo là Thân Bá Huy dò được chỗ ở của giặc, báo cho bọn Huy Tích vây bắt, bắt được Đặc Lộc và đồ đảng 6 người. Việc tâu lên. Cho Bá Huy làm thứ đội trưởng.

Bỏ thuế tức hương cho thôn Chi-quan (thuộc huyện Kỳ-anh) trấn Nghệ-an. Thôn Chi-quan mỗi năm phải

nộp hơn 140 cân tấc hương. Đến nay nhân dân đi lấy không được, hạ lệnh miễn trừ cho.

Bói lại ngày tế Giao. Trước bói được ngày đình mùa, vì vua khó ở nên mới bói lại.

Trần thần Thanh-hoa tâu rằng : « Kho ở trấn và kho ở đạo Thanh-bình, lương chứa đầy đầy, xin đều dựng kho lợp tranh để chứa thóc tô mùa hạ năm nay ». Vua y cho.

Đặt 25 lò gạch ngói, lấy dân Quảng-đức hơn 700 người để ứng dịch, mỗi tháng cấp cho tiền gạo.

Sai phó đô thống chế Thủy quân là Đào Văn Lương quản 30 chiếc thuyền để chuyên vận sản vật ở Bắc-thành, vệ úy vệ Dương võ là Trần Phúc Trung và quản cơ cơ Hậu thủy là Cao Công Giang quản hơn 40 chiếc thuyền để chuyên vận cây gỗ ở Nghệ-an, nộp về Kinh.

Quản cơ cơ Trung trấn Bắc-thành là Thái Bá Hùng cùng với đội trưởng Nguyễn Đặc Tài báo rằng dân quan quân đi bắt được thái bảo nguy tên là Địch và đồ đảng hơn hai chục người. Việc tâu lên. Vua ban mũ áo cho Bá Hùng và thăng Đặc Tài làm cai đội, thưởng tiền 600 quan.

Người Man ở bảy sách Cam-lộ vào cống.

Nước Vạn-tượng sai sứ dâng thư nói : « Dân ở Trấn-ninh trước theo Chiêu Nội lánh nạn ở đất Trà-lân, nay xin chiêu tập trở về ». Khi sứ đến Nghệ-an, trấn thần không nhận thư mà đem việc tâu lên. Vua dụ bầy tôi rằng : « Dân Trấn-ninh xiêu dạt ở đất Trà-lân đã lâu, dần đã có cách sinh sống, thích yên ở ngại dời đi là thương tình của người ta, sao lại còn bắt dời đi? Trấn thần khước đi là phải. Nước Vạn-tượng là nước thần thuộc của ta, theo lệ năm nay phải cống, cống thì

không đến mà lại muốn trả lại dân xiêu dạt, thế là ý gì? ». Bèn sai trấn thần gửi thư hỏi. Vạn-tượng sợ hãi, lại sai sứ đến tạ. Sứ đến. Vua triệu vào yết kiến, hỏi về phong tục chính sự nước ấy. Sứ giả đem tình trạng đáp. Vua lại hỏi : « Quốc vương người thích cái gì ? ». Sứ giả nói : « Thích trống trận ». Khi trở về, dãi yến rất hậu, lấy hai chiếc trống trận ban cho.

Lấy phó trưởng chi chi Hùng kiên trấn Thái-nguyên là Dương Như Đình làm chánh trưởng chi, trưởng hiệu hiệu Hữu hùng là Đình Quang Châu và cai đội là Ngô Đình Chấn làm phó trưởng chi, theo trấn sai phái.

Dời dinh lý Quảng-trị đến xã Thạch-hãn, mở vào ruộng công rất nhiều, sai lấy ruộng công ở ấp bên cạnh là xã Câu-kinh cấp cho. (Dinh lý cũ ở phường Tiên-kiên huyện Đăng-xương. Thạch-hãn, Câu-kinh đều là tên xã, thuộc huyện Hải-lăng).

Tháng 3, đặt ba trường diễn bắn súng, họp các quân Thị trung và Thần sách diễn thi. Mười vệ quân Thị trung chia làm tả hữu hai trường, tả trường sai đô thống chế quân Thần sách là Lê Văn Phong, tham tri Binh bộ là Nguyễn Quang Diệu, thêm sự là Nguyễn Đình Chất làm giám khảo, hữu trường sai phó tướng quân Thần võ là Trần Quang Thái, tham tri Binh bộ là Ngô Nhân Tĩnh, thêm sự là Bùi Công Kim làm giám khảo. Quân Thần sách thi một trường, sai vệ úy Thị trung là Trương Phúc Đặng, tham tri Binh bộ là Võ Danh Trung, thêm sự là Hoàng Trọng Mộ làm giám khảo. Đều duyệt xem ai trúng ai không để định thưởng phạt.

Tướng giặc ở huyện Từ-liêm trấn Sơn-tây nguy xưng là giám quân, sách nhiều tiền gạo của dân. Thổ hào xã

Minh-tảo là Nguyễn Hữu Châu đem dân bắt giải nộp. Thành thần đem việc tâu lên. Cho Hữu Châu làm cai tổng, thưởng tiền 300 quan.

Ở Thái-nguyên giặc nổi. Vệ úy vệ Trương võ là Đỗ Thiên Thâm, phó trưởng chỉ chi Hùng kiên là Đinh Quang Châu đánh giặc ở phố Bắc-linh, chém được 20 đầu, đóng ở bảo Chợ Chu. Bọn giặc xông ra bao vây. Trấn thủ Nguyễn Đình Tuyển đem quân đến cứu. Bọn Thiên Thâm nghe quân viện đến, mở bảo giáp đánh, chém được tả tướng giặc là Triệu Văn-thanh (người Thanh), hữu tướng giặc là Nông Á Bình (người Nùng) cùng 82 đầu đồ đảng, bắt sống được 18 người, thu được khí giới rất nhiều. Việc tâu lên. Thưởng cho biên binh 2.000 quan tiền.

Hạ lệnh thuộc binh do các quản quan ở Gia-dịnh đã lập đều lưu ở ngạch cũ, thu lấy thuế thân, từ nay về sau không được mộ thêm nữa.

Vua nhớ Tả chi Trần Xuân Trạch và Hữu chi Nguyễn Kim Phàm ứng nghĩa có công, cho các cháu gọi bằng chú bác là bọn Trần Xuân Thành, Trần Thế Quyền, Nguyễn Kim Diệu, Nguyễn Kim Huy được miễn phú dịch. Lại thấy thuộc tướng là Trần Xuân Cách và Hà Văn Đản đều chết trận, miễn phú dịch cho con hay cháu gọi bằng chú bác đều một người. Anh của Trạch là Trần Xuân Hiệp đem hài cốt Trạch về chôn, sai thành thần Gia-dịnh cho tiền kho 100 quan và một cây gấm Tống, cho thuyền đưa về.

Sai chánh thống Hậu đồn quân Thần võ quản thập cơ Hùng Dũng là Nguyễn Văn Hưng kiêm chánh quản cơ Hậu hùng. Vua thấy chánh phó thống đồn ngũ quân, từ trước chưa có binh bản quản, tới lúc có việc sai

khiến chưa được đặc lược, nên sai Hưng quản suất cơ Hậu hùng đề làm binh bản quản. Hạ lệnh cho quan Bắc-thành từ nay về sau chánh phó quản thập cơ, hoặc chánh phó quản cơ ở các quân có khuyết, đều làm biểu tâu lên, đợi chỉ chọn bổ.

Sai tham tri Lại bộ là Nguyễn Hữu Thận sung chánh sứ tuế cống (hai lần cống năm丁卯 năm kỷ ty) sang nước Thanh, cai bạ Quảng-bình là Lê Đắc Tàn, thêm sự Lại bộ là Ngô Vy sung giáp ất phó sứ. (Hành nhân 9 người, lục sự 2 người, thư ký 4 người, điều hộ 1 người, thông sự 2 người, đi theo hầu 15 người) Dụ rằng: « Bọn người vãng mệnh đi sứ, từ lệnh phải cẩn thận cho trọng quốc thể ».

Lưu thủ Quảng-ngãi là Nguyễn Văn Toàn ốm được nghỉ việc. Lấy đồ thống chế quản Thần sách kiêm phó tướng Tả quân là Phan Tiến Hoàng hành chức lưu thủ Quảng-ngãi.

Lấy cai cơ Nguyễn Văn Hương làm vệ úy vệ Võ bảo nhất quân Thần võ, Bùi Văn Trung làm quản cơ cơ Hữu kiên Quảng-ngãi.

Nguyễn Hữu Nghiễm tâu xin mộ thuộc binh, theo trấn Thanh-hoa sai phái. Nguyễn Hữu Toàn và Nguyễn Hữu Thanh cũng xin mộ thuộc binh theo trấn Cao-băng sai phái. Vua đều y cho.

Quan Bắc-thành tâu rằng: « Xưa nay việc mộ lính, ai mộ được 50 người thì cho làm quyền sai cai đội, nay các đội mới lập phần nhiều mộ không đủ số, vậy mộ được 10 người trở lên thì xin cho quyền cai đội trưởng. Kẻ phạm tội ra thú cũng cho ứng mộ ». Vua không chuẩn. Dụ rằng: « Việc mộ lính lấy một đội làm

suất, nếu không thành đội thi sao lại cho bữa. Kẻ phạm tội ra thú thi cho về làng mạc làm ăn là được rồi ».

Ngày tân mùi, tế Trời Đất ở dân Nam-giao.

Ngày giáp tuất, xa giá đi tuần Quảng-trị, sai Nguyễn Văn Khiêm coi giữ Kinh thành.

Ngày ất hợi, xa giá đến Quảng-trị, xem quân dân xây đắp lũy sớ, nhân đó, bàn về hình thế hồi lâu. Ngày canh thìn, hồi loan.

Dựng hai kho Quảng-bình, Quảng-chừ, thưởng cho các quân 2.000 quan tiền.

Đắp đê ở Bắc-thành. Đặng Trần Thường và Nguyễn Khắc Thiệu tâu rằng: « Đê điều các trấn Sơn-tây, Kinh-bắc, Sơn-nam thượng đều bị sụt lở, nên đắp ba đoạn đê mới khác và đắp thêm hai đoạn đê cũ, xin thuê dân làm. Còn các đoạn khác thế nước chảy không xói lắm có thể chống đỡ được thì bắt dân sớ tại ra sức sửa đắp ». Vua y lời tâu. (Trấn Sơn-tây một đoạn đê mới, từ xã An-lão-thị huyện Yên-lạc đến xã Kim-đà huyện Yên-lãng, dài 1.282 trượng 8 thước 4 tấc; trấn Kinh-bắc, một đoạn từ xã Đông-dư huyện Gia-lâm đến xã Kim-quan dài 637 trượng 8 thước 7 tấc; trấn Sơn-nam thượng, một đoạn từ xã Đội-xuyên huyện Nam-xang đến xã Như-trác dài 508 trượng 1 thước. Đê cũ ở Sơn-nam thượng, một đoạn ở xã Nho-lâm huyện Kim-dộng dài 125 trượng, một đoạn ở xã Quỳnh-trân huyện Duy-tiên dài 18 trượng. Tính giá tiền là 87.000 quan).

Vua thay Gia-định thành và Bắc-thành mỗi năm quan lịch từ Kinh ban ra, phu trạm chuyển đệ khó nhọc, chuẩn định cho hai thành mỗi năm cứ đến thượng tuần tháng 4 đều ủy cho ty Chiêm hậu về Kinh lãnh bản thảo lịch sang năm, đem về viết rõ rồi khắc in.

Đến thượng tuần tháng 10 lại ủy người đem bia lịch vào cho Khâm thiên giám đóng ấn. Lại thấy từ Bình-hòa trở ra, từ Thanh-hoa trở vào, theo lệ cũ thì cứ đến ngày mồng 1 tháng 12 ban lịch, rồi sau đó các bộ thần mới gọi đi, bèn hạ lệnh cho các dinh trấn từ nay ủy người đến lĩnh, đến ngày ấy ban cấp một loạt.

Chia đội Tiều sai ra làm tám đội.

TIMSACH.COM.VN

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHINH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ

QUYỀN XXXVIII

THỰC LỤC VỀ THẾ TỒ CAO HOÀNG ĐẾ

Kỷ ty, Gia-long thứ 8 [1809], mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, tế hạ hưởng.

Sửa đắp đường quan ở Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-dịnh, Phú-yên và Bình-hòa. Vua cho rằng đường cũ quanh co xa xôi không tiện, bèn sai Nguyễn Hoàng Đừc và Lê Chắt đi trông coi công việc, lấy dây dồng nắn thẳng lại, phát dân sửa đắp, hoãn bắt lính, đình kiện vật, hễ chỗ nào mở vào nhà dân và phần mộ thì chi tiền cấp cho. Ven đường thì trồng cây thích hợp.

Phạm Như Đăng vào châu, dâng sớ nói: « Vài năm nay vì thiếu người, hạ thần được vâng làm Hình tào ở Bắc-thành. Cúi nhận thấy một phương Bắc-thành tài lực bằng nửa thiên hạ. Gần đây kiện tụng ngày nhiều, tài lực ngày hao, trăm họ nhôn nhao, không được yên nghiệp. Đấy vẫn là lỗi ở bọn thần không làm trọn chức, nhưng cũng bởi dân mới phụ về, chưa thấm đức hóa, quan dựa đó mà thêm nhiều, lại theo đó mà làm gian, tệ hại trăm mối, dân không chịu nổi, kẻ giàu không giữ được của, kẻ nghèo phần nhiều lưu vong, bèn khiến

những lũ bất bình nhân mà phiến hoặc. Năm ngoài giặc cướp nổi khắp, phải nhọc sức quân mới dập tắt được, nhân dân dần dần trở lại làm ăn. Nay lòng dân mong yên như đời mong ăn, khát mong uống. Nên đương lúc này rộng suy nhân chính để cho thiên hạ được nhờ ân trạch. Vả Bắc-thành cách Kinh sư hơi xa, tình dưới không thông được đến trên, nỗi đau khổ chưa có thể đạt lên hết được. Cúi mong bệ hạ bắt chước phép tuần thú đời xưa, nhân thăm địa phương xem phong hóa, làm lợi, bỏ hại, mở mới cho tai mắt, định yên cho tâm chí, để ai ai đều biết thánh triều coi dân như một, không phân trong ngoài. Tự nhiên dân nâng đội như mặt trời mặt trăng, thân yêu như với cha như với mẹ, vui vẻ hưởng theo, không sinh lòng khác, cốt để bồi thêm nguyên khí, mở mang thái bình; để lại phúc tốt cho trẻ muông năm không cùng hẳn là ở đây». Nhân điều trần 12 việc như sau:

1. Mở kinh diên để tiến giảng. (Đạo trị nước của đế vương đời xưa đều chép trong sách, cúi xin sau khi muông việc đã rảnh, sáu ngày ngự tới kinh diên một lần, sai nho thần thay đổi tiến giảng, tìm lấy gốc thịnh trị).

2. Đặt khoa mục để kén học trò. (Tìm nhân tài thì lấy khoa mục làm đầu, là để ngăn sự cầu may mà tiến và chọn được chân tài. Xin định phép khoa cử, cử tý ngọ, mao dậu thi thi Hương, thìn tuất sừu mùi thi thi Hội, làm thường thức lâu dài).

3. Bản xét hình ngục. (Nay ở Bắc-thành việc hình ngục ử động rất nhiều, xin ban điều luật định trình hạn cho quan biết mà giữ, dân biết mà theo).

4. Xử án nặng. (Những vụ án về nhân mạng, trộm cướp có tang chứng rõ ràng, thì xét trị ngay; nếu việc

còn mờ tối, nên dè dợi xét ra, không được cho là trọng án mà tự bắt tra, làm lụy cho kẻ bình dân).

5. Đặt Đô sát viên ngự sử ở Bắc-thành. (Phàm quan lại không theo pháp luật, kẻ quyền thế ức hiếp người dưới, việc nhỏ thì xét xử ngay, việc lớn thì đàn hặc tâu lên, cho nghiêm phép làm quan; cuối năm kiểm duyệt các án do thành trấn đã xét, nếu có việc oan thì xét lại).

6. Cấp ruộng lương điền cho lính giã ở Bắc-thành. (Năm Gia-long thứ 1, lệ định cấp tiền phu dưỡng cho lính giã mỗi tháng một quan, nay xin lấy công điền công thổ của dân cấp cho 5 mẫu, không đủ thì lấy công điền công thổ ở ấp làng giềng mà cấp, lại không đủ thì lấy công điền công thổ ở huyện bên mà cấp, và bỏ tiền phu dưỡng đi. Các quản quan gần đây phần nhiều nhân việc bắt đóng góp, xin nghiêm cấm dè trừ thời tệ lâu ngày).

7. Kén nghĩa binh. (Phàm các nhà chiêu mộ nghĩa binh đều phải chọn những người tinh nhanh khỏe mạnh để phòng dùng đến, không được lấy người già yếu sung bổ mà mạo chi tiền lương).

8. Coi trọng sức dân. (Nay phủ lý các trấn sửa xây gần xong, sau này có nơi nào nên sửa chữa việc nhỏ thì báo ở thành, việc lớn thì tâu lên, không được khinh dè sức dân).

9. Thu tô thuế. (Cai trung cai lại ở trường thuế, ở thành thì ủy sai liêu thuộc Hộ tào, các trấn thì ủy sai thuộc ty, không được khinh thường mà ủy tư nhân; đòi hỏi ngoại ngạch và mưu đồ lợi riêng, đều cấm).

10. Xét dân xiêu dạt. (Phàm dân các xã xiêu tán, phủ huyện phải đem việc báo lên trấn, trấn sai người hội

khám, thành thần làm sớ tâu lên, đều lấy mười ngày làm hạn, không được chậm trễ; nếu phủ huyện báo cáo không thực và lại thuộc đim đi để sách nhiễu thì có tội).

11. Chiêu tập dân xiêu đạt. (Phàm dân các xã xiêu tán, xin hạ lệnh cho quan trấn phủ huyện đề ý yên ủi khiến trở về; nơi nào hộ khẩu hàng năm tăng lên thì hậu thưởng để khuyến khích).

12. Răn cấm nơi cửa ải bến đò. (Từ trước tới nay đánh thuế cửa ải và bến đò, cứ 40 phần thì lấy 1, đã thành phép không nặng không nhẹ. Gần đây những kẻ vụ lợi tranh nhau trưng thầu, vật rẻ mà định giá đắt, hàng nhẹ mà đòi thuế nặng, dân buôn thường thường than vãn, xin nghiêm răn cấm).

Sớ dâng lên. Vua rất khen ngợi. Đến khi bệ từ, lại dâng biểu xin cử Hồ Công Thuận là tri phủ Tĩnh-gia, Trương Công Vĩ là tri phủ Kiến-xương làm thêm sự Hình bộ sung làm việc tào. Vua y cho.

Đưa quốc trưởng nước Nam-chương là Chiêu Ôn-mãnh sang nước Thanh. Trước đây Ôn-mãnh mất nước, chạy sang đầu ngụ ở châu Chiêu-tấn. Khi vua lấy được Bắc-hà; Ôn-mãnh đến hành tại bãi yết. Vua cho rằng nhà nước mới định, chưa rồi tính việc xa xôi, khiến trở về châu Chiêu-tấn, và dụ bảo trấn thần để cho được tự do đi lại. Sau Ôn-mãnh cùng với người trong châu là Đèo Quốc Uy có hiềm khích, nhân đêm trốn đi. Châu trưởng sai thuộc hạ là Phia Trại đi tìm không được, nói dối là Ôn-mãnh đã chết đường rồi. Năm ngoái Ôn-mãnh tới trấn bày kêu. Thành thần làm biểu đưa Ôn-mãnh về Kinh. Vua bàn với bầy tôi rằng: « Ôn-mãnh theo về ta là muốn mượn thanh thế để lấy lại nước thôi. Làm cho nước mất dấy lên mới dứt nỗi

đại vẫn là lòng nhân của vương giả, nhưng đem quân đi xa, chỗ được không bù chỗ mất. Ôn-mãnh đã từng nhận sắc ấn của nhà Thanh chi bằng ta đưa về nhà Thanh, để cho nhà Thanh mưu tính. Nếu người Thanh nhận thì Ôn-mãnh có chỗ trở về, bằng không nhận thì ta cũng có chỗ nói được. Bèn sai gởi thư cho nhà Thanh, và đưa Ôn-mãnh đến cửa ải Lạng-sơn để chờ. Người Thanh cho rằng Ôn-mãnh không hay tự lập bèn khước từ mà thu lại sắc ấn.

Vua lại sai thành thần cho Ôn-mãnh ở châu Chiêu-tán và cho 100 lạng bạc, 200 quan tiền. Rồi Ôn-mãnh bị bệnh chết.

Cấp lương ăn cho tù tội, từ tội đồ tội lưu đến trăm giảo giam hậu, mỗi tháng cấp cho mỗi người 10 thăng gạo, sở tại hàng năm làm sở tàu lên; người bị giam xét chữa kết tội thì không ở lệ này.

Gọi 3.000 người ở ngũ quân Bắc-thành về Kinh.

Triệu Nguyễn Duy Hòa và Trần Văn Tuấn về Kinh chờ chỉ. Hòa trước làm hiệp trấn Sơn-nam thượng, Tuấn làm ký lục Bình-dịnh, đều bị tội phải miễn chức. Nguyễn Văn Thành dâng sớ nói hai người này có tài khí kiến thức, xin cho lục dụng. Vua theo lời xin nên triệu đến.

Chánh thống lĩnh thượng đạo Thanh-hoa là Hà Công Thái tâu rằng Quách Tất Thúc và Trịnh Văn trốn xa vào rừng núi, tự xin ủy người đi dò các nơi tìm bắt. Vua dụ rằng: « Xem tờ tâu của người đủ thấy tấm lòng thành khẩn. Duy bọn Quách Tất Thúc đương cùng nên phải trốn lánh, không có nơi nhất định, trăm đã cho các quan địa phương đề ý đề phòng. Người nên đóng giữ địa hạt mình, đề phòng nghiêm ngặt, không cần ra

ngoài địa phận để tìm bắt». Hơn một tháng, Tất Thúc sai con là Tất Toại lên tới Thanh-hoa thú tội, trấn thần gởi thư gọi về, nhưng Tất Thúc dùng dằng, cuối cùng không chịu ra.

Lưu thủ Quảng-nam là Tôn thất Huyền tự tiện thả tù ăn cướp và dung túng cho quân đánh bạc, việc phát, giáng làm cai cơ. Cai bạ Nguyễn Tường Văn và ký lục Lê Văn Hậu vì thất sát bị giáng làm thêm sự.

Lấy vệ úy Ban trực là Nguyễn Cửu Khoáng làm lưu thủ Quảng-nam, thêm sự Lại bộ là Nguyễn Xuân Tinh làm ký lục.

Phục chức cho Trần Văn Tuấn làm cai bạ.

Đặt thêm kho thuốc súng và kho Nội đồ gia.

Sai quản cơ cơ Tiền thủy là Nguyễn Văn Hạnh, quản cơ cơ Hậu thủy là Cao Công Giang chở gỗ đá ở Thanh-hoa về Kinh.

Cấm quan dân không được mua bán dân Man làm nô. Dân nguồn Chiên-dàn ở Quảng-nam có người đi cướp người Man ở nguồn Đà-bông thuộc Quảng-ngãi đem bán cho binh nhưng Trần Đắc Xiêm. Vua nghe tin, cho rằng Đắc Xiêm không biết pháp luật, đánh 50 roi, thả người Man về. Lại ra lệnh cấm, trái lệnh thì tội đồ.

Lấy Đông-các học sĩ Nguyễn Đa làm cai bạ Quảng-bình, Hàn lâm thị thư Nguyễn Khoa Minh làm thêm sự Hộ bộ sung việc Hộ tào Bắc-thành.

Hiệp trấn Sơn-nam hạ là Trần Quang Tĩnh ốm phải nghỉ việc. Phục chức cho Nguyễn Duy Hòa làm hiệp trấn Sơn-nam hạ. Dụ rằng: « Điều cốt yếu của người làm quan là phải trong sạch siêng năng, người nên cố gắng ».

Quan tài Duệ tông Hiếu định hoàng đế từ Gia-dịnh đưa về, thành thần đem việc tâu trước. Vua bèn đến Quảng-nam rước, sai bọn Phạm Văn Nhân, Trần Văn Trac, Lê Quang Định đi trước. Xuống chiếu dụ lại dân ở Quảng-nam rằng: « Quảng-nam sát gần Kinh sư, triều đình lấy làm quận chân tay. Từ khi lấy lại đến nay, lễ thăm địa phương còn thiếu, sự tinh u ẩn bá dễ nhất nhất rõ hết! Nay từ cung Duệ tông Hiếu định hoàng đế chở từ Gia-dịnh về, trăm thần hành đem bày tôi đi đón. Đặc sai các đại thần đi trước, nhân dân địa phương ai có sự gì oan khuất, làm đơn kêu sẽ do đại thần duyệt tâu để rõ ẩn tình của dân. Ngày xa giá đến, quan quân dân chúng không được tiến dâng gì cả ».

Sai Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Khiêm, Đặng Đức Siêu, Phạm Đăng Hưng, Lê Việt Nghĩa lưu giữ Kinh thành.

Ngày canh tuất, xa giá bắt đầu từ Kinh sư ra. Ngày giáp dần đến Quảng-nam. Vua đem bày tôi đón quan tài Hiếu định hoàng đế ở cửa biển Đại-áp, buổi sớm buổi hôm vua thân làm lễ điện.

Tháng 5, ngày nhâm tuất, quan tài đến Kinh. Dựng trước điện lợp tranh ở bến sông Hương, đặt quan tài ở đó, sai Tôn thất Bình sớm hôm làm lễ điện. Thưởng cho thủy quân hơn 2.000 quan tiền, sai Tống Phước Lương theo thứ bậc chia cấp. Phát các quân xây đắp sơn lăng và các sơn phần. Thưởng hơn 4.000 quan tiền. Sai thành thần Gia-dịnh triệt hết vật liệu ở miếu cũ, đốt sạch đi.

Tháng 6, ngày quý mão, an táng ở lăng Trường-thiệu (ở núi La-khé). Trước ngày an táng vua nghỉ chầu bảy ngày, bố cáo trong ngoài, cấm xử xét việc hình án và

cấm âm nhạc, hát xướng, mặc áo màu đỏ màu tía, và cười xin trong bảy ngày.

Ngày canh tý, kính cáo Thái miếu. Ngày nhâm dần, tế tổ điện và tế khiên điện, đều sai Tôn thất Thăng làm lễ. Hôm ấy an táng (phụ đề mộ thái sư Tôn thất Đồng ở phía bên hữu). Tế ngu, vua thân làm lễ.

Đề mộ Mục vương ở Long-hồ, mộ Anh duệ hoàng thái tử ở Dương-xuán. Ngày an táng, vua thân hành đi đưa.

Các quan tài của hoàng hai là thiếu úy Hy, hoàng ba là Tuấn, thiếu phó Tôn thất Chi, Tôn thất Xuân, thái phó Tôn thất Huy, Tiền quân Tôn thất Hội, đều sai Lễ bộ tri việc tang. Ngày an táng sai hoàng tử hoàng tôn đến đưa. Cho mộ phụ theo thứ bậc.

Tổng trấn Bắc-thành là Nguyễn Văn Thành dâng biểu tiến sách *Đại học diễn nghĩa*, đại lược nói: « Sách *Đại học* là phép người xưa dạy người ở bậc đại học và là nguồn vực truyền dạy của thánh môn đại cương của sách là: « Minh đức tân dân chí chí thiện » [Sáng đức mình, mới đức dân, đều đến chỗ chí thiện], mục của nó là: « Cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ » [Xét cùng lẽ vật, biết đến nơi, thực ý, ngay lòng, sửa mình, tề nhà, trị nước, bình thiên hạ]. Cái đạo cùng lẽ ngay lòng, sửa mình trị người, thực đủ ở đây. Nhà nho đời Tống là Chân Đức-tú làm sách *Diễn nghĩa*, nhà nho đời Minh là Khâu Tuấn bổ thêm, đều dễ sáng rõ những điều cốt yếu, sách trước đã suy từ điều cốt yếu về sáng đức mình để làm gốc cho việc mới đức dân, sách sau thì nêu những điều cốt yếu về mới đức dân để thu thành công về sáng đức mình. Trong đó đầu tiên là lấy lời dạy rõ ràng của thánh hiền, tham

hợp với sự tích xưa nay, lại phụ thêm những lời phát minh của các tiên nho, chia từng điều, tách từng sợi, thể dung đều đủ, không những có thể dễ giảng ở chốn kinh điển mà những người học giả đều cần phải biết. Nhưng vì sách ấy nhiều quyển nhiều pho mà người buôn nước Thanh ít đem sang, nên từ trước đến nay người học giả ít được thấy. Nay thánh thượng dùng võ công dẹp yên thiên hạ, đem văn giáo mở mang thái bình, muốn đưa người đời đến chỗ không đâu hơn nữa, hạ thần nhận thấy đức ý bèn đem sách ấy để khắc, khắc xong, in thành một bản để tiến lẫm. Cúi xin ban cho in ra phát hành, khiến người trong nước đều biết ý thánh thượng muốn nêu ra, để cho nhà nhà cùng truyền, người người cùng đọc, đối với phép dạy dân hóa tục, tin chắc rằng bổ ích không nhỏ vậy ».

Lấy vệ úy vệ Uy võ là Bùi Công Điển đóng giữ bảo Hà-trung.

Sai phó quản cơ cơ Hữu thủy là Lê Văn Duyên chở gỗ đá ở Quảng-nam về Kinh, để dựng các cửa Kinh thành; thưởng cho các quân 4.800 quan tiền.

Trần thần Thanh-hoa tâu rằng: « Ở trấn sửa sang thành trì kho tàng lấy 6.000 dân làm việc, nay đến mùa làm ruộng, xin hãy cho về, khi làm ruộng xong sẽ lại đến làm ». Vua theo lời tâu.

Định trình hạn thuế sản vật biệt nạp ở Bắc-thành. Lệ cũ mỗi năm thu thuế thổ sản, cứ tháng 7 năm nay bắt đầu đến tháng 7 sang năm thì xong. Đến nay thành thần xin chia mỗi năm làm hai hạn, từ tháng 2 đến tháng 6 làm một hạn, từ tháng 7 đến tháng 12 làm một hạn, trung thu dùng ngạch, cuối năm làm sổ. Lại xin chế

triệu gỗ cấp cho các tổng trưởng và các xã trưởng mỗi người một cái, phàm thừa hành việc công thi dùng làm tin. Vua đều y cho.

Thả quân Thần sách ở Thanh Nghệ về, sai trấn thần thưởng cho mỗi người 3 quan tiền.

Sửa nanh cung Sơn-nam thượng.

Định lại lệ cấp lương điền cho quân lính. Năm Gia-long thứ 5 [1806] chuẩn cấp lương điền cho các vệ đội thuyền Thị trung, Trung hầu, Chấn uy, Nội trực, Tiền sai, Thị trà, Loan nghi, Tá vệ, Hữu vệ, Nội hoàng kiếm, Nội thủy, Phấn dực, mỗi người 1 mẫu, ngoài ra đều không được dự. Đến nay sai dinh thần đem hết dinh vệ cơ đội các quân trong ngoài chia làm ba hạng, đều lấy công điền sở tại cấp cho. (Mười vệ Thị trung, tám đội thuyền Trung hầu nhị, tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu, ba đội Chấn uy nhất, nhị, tam, các đội của vệ Nội trực, các đội của đội Tiền sai, đội Thị trà, đội Loan nghi, ba đội Tá vệ, Hữu vệ, Nội hoàng kiếm, mười đội của vệ Chấn dực Nội thủy, ba vệ Thị tượng, các đội Nội mã, Tả mã, Hữu mã, Tư thiện, Thị hành, Thị nội, Trung cần thị nội, Nội cần thị nội, Nội sai, Ngoại trừ, Tân nhị, lương điền mỗi người 1 mẫu, quân Thần sách, Trung dinh vệ Long võ; Tiền dinh vệ Ban trực tiền, Tả dinh vệ Ban trực tả, Hữu dinh vệ Ban trực hữu, Hậu dinh vệ Ban trực hậu, năm cơ thủy quân, năm đội Kiên thủy, lương điền mỗi người 9 sào; Trung quân hai vệ Trung bảo nhất, nhị, Tiền quân hai vệ Tiền bảo nhất, nhị, Tả quân hai vệ Tả bảo nhất, nhị, Hữu quân hai vệ Hữu bảo nhất, nhị, Hậu quân hai vệ Hậu bảo nhất, nhị; quân thần võ, hai vệ Võ bảo nhất, nhị; quân Chấn võ, hai vệ Chấn bảo nhất, nhị, Tượng quân, hai

vệ Hùng cự, nhất, nhị, các cơ của Tượng quân; Trường thọ cung, hai đội Thị trà, đội Thủ kiện nhất, đội Phiên như nội; cơ Kiên thuận, các đội Cứu dực; Trung quân, năm đội Trung sai; Tiền quân, năm đội Tiền sai; Tả quân, năm đội Tả sai; Hữu quân, năm đội Hữu sai; Hậu quân, năm đội Hậu sai, ba đội Kiên dũng; Tượng quân, năm đội Hùng sai; sáu bộ các đội thuộc Kiên, lương điền mỗi người 8 sào).

Bọn Tổng Phước Ngoạn, Phạm Nhữ Phong, Mạc Tử-thiền từ nước Xiêm về. Người Xiêm nhân đưa thư nói rằng nước ấy cũng Diễn-diện đánh nhau, xin giúp cho 3 vạn quân thủy và quân bộ, quân bộ tiến từ Ai-lao, quân thủy do Hải tây đến hội. Vua triệu bầy tôi bàn, dụ rằng: «Nước Xiêm cùng nước ta giao hiếu với nhau, nghĩa không thể không cứu được. Nhưng quân bộ đi theo thượng đạo, nghìn khe muôn núi, lặn trôi khó nhọc, ta không nỡ xua quân trong nước để phục dịch cho người phương xa, Thủy quân ta vốn đã tập quen, nếu dùng đường biển thì tiện. Đường biển có hai lối: một lối đi từ Lục-khôn Xa-gia-lục về hội với quân Xiêm thì chưa lương đóng quân nên ở chỗ nào? Một lối qua hải đảo các nước Chà-và Hồng-mao thẳng tới nước Diễn-diện thì phải mượn đường ở người, nên nói thế nào? Phàm muôn dặm dấy quân là việc lớn của nước, phải nên xem xét kỹ càng, rồi sau mới có thể hành động được. Nay thư của người Xiêm nhiều chỗ phân rõ ràng. Vậy hạ lệnh cho Lại bộ làm thư hỏi xem. Mà trước hãy đem quân Kinh đến đóng ở Gia-dịnh cho đông đề chờ». Thư người Xiêm lại nói nếu nước ấy có sự khẩn cấp thì xin cho sứ đi theo đường Ai-lao. Vua nói: «Ai-lao không phải là đường sứ đi. Không cho».

Sai đô thống chế quân Thần sách là Trần Văn Năng quản 1.000 binh năm dinh, đô thống chế lãnh phó tướng quân Chấn võ là Trần Văn Tín quản 400 lính vệ Chấn bảo, đi thú ở Gia-dịch, theo thành thần điều độ. Bọn Văn Năng đến nơi, Xiêm-la lại phục thư nói rằng quân Diến-diện đã bãi rồi. Quân ta không phát nữa. Rồi hạ lệnh lưu Văn Tín ở lại thành, triệu Văn Năng về. Thưởng cho quân lính 3.000 quan tiền, từ phó đội trở lên đều thưởng 1 tháng lương.

Lấy phó vệ úy vệ Tuyên uy Hậu quân là Tống Văn Tri làm phó vệ úy vệ Hồ uy, đi thú Cao-băng.

Dinh thần Quảng-bình tâu xin rở bỏ gỗ kho cũ ở Thanh-hà và Động-hải, tạm dựng kho tranh ở Trung-thị (tên xã) để chứa thóc tô năm nay. Vua y theo.

Thả các cục tượng Quảng-nam và Nghệ-an về, thưởng cho cai đội thợ đóng thuyền mỗi người 15 quan tiền, cai đội thợ đánh dây thuyền và thợ cưa mỗi người 10 quan, các cai quan thủ hợp mỗi người 7 quan, thợ mỗi người 6 quan. Cho mỗi người một chiếc áo hẹp tay.

Cấp hạn ra thú cho phạm nhân trốn ở Bắc-thành. Thành thần tâu nói « đảng giặc ở các trấn trốn tránh còn nhiều, xin cho thêm hạn ra thú ».

Chiếu báo rằng: « Năm ngoái giặc cướp nổi lên, đã bị quan quân đánh dẹp. Sợ tội trốn lánh, nhiều người đến nỗi mất làm ăn, trăm rất thương tình, cho nên phạm tương giặc đảng giặc nếu biết thực tình ra thú thì đều tha tội để chúng đổi dũ theo lành, cùng nhau ở yên làng mạc. Nay gia hạn cho 3 tháng nữa, để kẻ nhảm nhỡ đều được tự đổi mới. Duy kẻ nào phạm án cướp án mạng thì không được tha ».

Phó vệ úy Ban trực là Mai Văn Thành tham nhũng, việc phát, giáng làm cai đội.

Sai Thị trung học sĩ Võ Trinh làm chánh sử sang nước Thanh chúc mừng (Khánh tiết ngũ tuần của vua Thanh), thêm sự Binh bộ là Nguyễn Đình Chất, thêm sự Công bộ là Nguyễn Văn Thịnh sung giáp ất phó sử. (Phẩm vật: ngà voi 2 đôi, sừng tê 4 tòa, trư, the, lụa, vải đều 100 tấm).

Ban mũ áo cho bọn cai cơ Nguyễn Viết Bảo, vệ úy Trần Đăng Long, Tôn thất Bình, Nguyễn Văn Phán, Nguyễn Văn Soạn, Trương Văn Phụng, Hoàng Công Lý.

Lấy Võ Qui Dĩnh sung Hàn lâm viện.

Bọn giặc trốn ở Thái-nguyên lần trốn ở châu Định-hóa. Trấn thủ Nguyễn Đình Tuyền sai biên binh thuộc trấn cùng với dân huyện Phú-lương đón triệt các đường trọng yếu, chém được tướng giặc tên là Đoài và đồ đảng hơn ba chục thủ cấp, bắt sống hơn hai chục người. Thưởng cho quân và dân 400 quan tiền.

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ

QUYỀN XXXIX

THỰC LỤC VỀ THẾ TỒ CAO HOÀNG ĐẾ

Kỷ ty, Gia-long năm thứ 8 [1809], mùa thu, tháng 7, ngày mồng 1, tế thu hưởng.

Dựng hành lang tả hữu, dựng lang và trường lang. Một ngày, buổi chiều hôm, người làm việc đã ra rồi, vua tới xem công sở, thấy một người nằm ngủ ở trên xà nhà. Người tả hữu vội vàng gọi dậy. Vua e người ấy sợ mà ngã, ngăn không cho gọi. Bảo người ấy xuống. Nhìn ra thì là Nguyễn Đức Thu làm vệ úy coi việc ở đấy. Vua cười rồi cho đi. Đấy tháng làm xong, thưởng cho lính và thợ 8.000 quan tiền. Lại thấy dân các đội Hùng diêm, Sinh thiết ở Bình-định làm việc đã lâu, thưởng cho 2.000 quan tiền.

Triệu cai bạ Bình-định là Trần Tiến Bảo về Kinh, lấy thêm sự Hộ bộ là Nguyễn Văn Diên làm cai bạ Bình-định.

Lấy quản thủ đạo Đông-khâu là Nguyễn Huy làm trấn thủ Vĩnh-thanh, ký lục Biên-hòa là Nguyễn Xuân làm cai bạ, thêm sự Binh bộ là Hoàng Trọng Mộ làm ký lục Biên-hòa, quản cơ Nguyễn Văn Lân làm quản thủ đạo Đông-khâu.

Lấy Trần Ngọc Quán sung Hàn lâm viện.

Lại sai Nguyễn Văn Hanh chở gỗ ở Nghệ-an về Kinh. Dự rằng: « Hiện nay cuối mùa gió nước, thuyền ghe vượt biển, phải nên theo thuận tiện, không nệ chậm chóng ».

Miễn thuế thân cho dân sở Phú-quốc.

Hạ lệnh rằng các hiệu đội Mộc dinh ở Gia-dịnh lấy nhiều gỗ cây ở Quang-hóa chở về Kinh, cấp cho tiền 4 500 quan, gạo 3 000 phượng, miễn thuế ván thuyền hai năm canh ngộ và lân mùi; số thuế năm trước còn thiếu tha hết.

Vua lại nghĩ Quang-hóa đường xa, vận chở khó nhọc, phát 300 người lính ở thành và 30 chiếc thuyền để giúp đỡ, thưởng tiền 300 quan, gạo 300 phượng và vải 100 tấm.

Ba huyện Quảng-trị thường có nạn cướp. Lấy hơn 200 người dân các xã Phù-bái và Thủy-ba đi bắt hổ, thưởng 100 quan tiền.

Sai quan Bắc-thành kiểm duyệt sổ quân. Phạm binh lính các vệ đội đủ mà chánh phó viên có khuyết thì theo lệ mà cất bỏ. Nếu số lính không đủ mà chánh viên khuyết đã có phó viên, phó viên khuyết đã có chánh viên, thì không được nhất khái xin bổ khuyết. Cai đội cai án quyền sai thì đợi có công trạng mới được thăng bổ.

Nguyễn Văn Bình là chương cơ Vọng-các vi tuổi già xin hưu trí, cho mũ áo và cho mộ thuộc binh 40 người.

Thái trưởng công chúa Ngọc-huyền mất. Chúa là con gái cả Thế tông Hiếu võ hoàng đế (1), gả cho chương

1. Thế tông Hiếu võ hoàng đế là Nguyễn Phúc Khoát.

dinh quận công Nguyễn Cửu Thống (con ngoại tử chưởng dinh quận công Nguyễn Cửu Thông), cuộc biển năm Giáp ngọ, chúa ở lại Thuận-hóa, ở lẫn với nhà chúa, người ta quen gọi là ni cô Vân-dương, từng sai con rể là Nguyễn Đức Tuấn đi dò tin giặc, viết thư kin gọi đến Gia-định đề báo. Khi vua đã lấy lại được Kinh thành, bèn làm nhà cho chúa ở Vân-dương, đến nay chúa mất; sai Tống Phước Lương, Ngô Nhân Tĩnh chỉ tiền kho đề trị tang và dùng nhà ở ấy làm từ đường đề thờ.

Cho tổng nhung cai cơ Nguyễn Văn Triệu làm khâm sai chưởng cơ, cai đội Nguyễn Văn Thảo làm cai cơ.

65 chiếc thuyền vận tải của Bắc-thành gặp gió ở ngoài phần biển Nghệ-an, thủ ngự cửa Luật-hải [Cửa Sốt] lấy thuyền đánh cá của dân đưa dẫn vào cửa biển. Thưởng cho hơn 200 quan tiền.

Đặt đồn Eo-ung ở Nghệ-an. Trấn thần tâu nói: « Huyện Quỳnh-lưu tiếp giáp huyện Ngọc-sơn trấn Thanh-hoa, núi rừng rộng vắng, thường có giặc cướp trộm phát. Xin đặt bảo Eo-ung đề cùng với bảo Hoàng-mai làm thanh ứng cho nhau ». Vua theo lời xin. Sai lấy một phó vệ úy đem hơn 100 quân đóng giữ.

Tháng 8, chuẩn định từ nay, tế Mậu ở đàn Xã Tắc, tế Đinh ở Văn miếu, cứ ba năm một lần vua thân hành đến tế. (Tế đàn Xã Tắc dùng ngày mậu về mùa xuân và mùa thu trong những năm tý, mao, ngọ, dậu; tế Văn miếu thì dùng ngày đinh về mùa xuân và mùa thu những năm sửu, thìn, mùi, tuất), còn các năm khác thì sai quan đại thần tế thay.

Vua cùng Lê Chất bàn về đạo dùng người, dụ rằng: « Từ xưa bầy tôi có kẻ ngay thẳng dèn ơn nước, cũng

có kẻ gian nịnh làm hại nước, nên đạo dùng người thực phải cẩn thận».

Hạ lệnh cho Quảng-bình lấy dân in và nung gạch ngói, rồi vi nước to nên bãi.

Thuyền buôn của Ngô Ngạnh là người Xiêm gặp gió bão giạt vào bến Đà-nẵng, cấp cho 200 phượng gạo.

Ấm thụ cho cháu chưởng dinh Tôn thất Tráng là Tôn thất Giảng làm thứ đội trưởng để giữ việc thờ Tráng. Trước là Tôn thất Hoán là ngành thứ mao nhận tập ấm. Việc phát, lấy lại bằng, cho Giảng được tập ấm.

Thả cho năm quân ở Bắc-thành về, sai thành thần thường cấp mỗi người 6 phượng gạo.

Hạ lệnh cho Bắc-thành lấy đất hạng nhì và đá đỏ đá đen ở Lãm-sơn (tên núi) huyện Đông-triều chở về Kinh.

Làm ống thông hơi bằng tre cho kho ở Kinh. Vì kho chứa nhiều thóc bị mốc mục và mọc mọng, bèn sai làm ống tre đặt ở các kho cho lúa có lỗ thông khỏi hấp hơi mà mốc.

Vệ úy Thị trung là Văn Nguyên sai riêng quân lên rừng lấy gỗ và dung tủng cho người dưới quyền xuống các làng sách nhiều. Việc phát, đánh 70 roi và bãi chức.

Định điều lệ ngạch thuế cho thuyền buôn Hà-tiên, Xiêm-la, Hạ-châu.

(1. Thuyền buôn Hà-tiên và Xiêm-la, trung tâm bề ngang từ 6 thước đến 6 thước 9 tấc, đánh thuế cảng vào bực ba hạng ba, tiền 40 quan; từ 7 thước đến 7 thước 9 tấc, đánh thuế bực hai hạng ba, tiền 50 quan; từ 8 thước đến 8 thước 9 tấc, đánh thuế bực nhất hạng ba, tiền 60 quan; từ 9 thước đến 9 thước 9 tấc, đánh thuế bực

ba hạng nhì, tiền 80 quan; từ 10 thước đến 10 thước 9 tấc, đánh thuế bực hai hạng nhì, tiền 100 quan; từ 11 thước đến 11 thước 9 tấc, đánh thuế bực nhất hạng nhì, tiền 120 quan; từ 12 thước đến 12 thước 9 tấc, đánh thuế bực ba hạng nhất, tiền 150 quan; từ 13 thước đến 13 thước 9 tấc, đánh thuế bực nhì hạng nhất, tiền 180 quan; từ 14 thước đến 14 thước 9 tấc, đánh thuế bực nhất hạng nhất, tiền 210 quan.

2. Thuyền buôn Hà-tiên và Xiêm-la, bề ngang từ 6 thước đến 6 thước 9 tấc, chở bán thoi sắt Hà-sung 2.000 cân, hoặc phiến gang 4.000 cân; ngang từ 7 thước đến 7 thước 9 tấc, thoi sắt 2.500 cân hoặc phiến gang 5.000 cân; ngang từ 8 thước đến 8 thước 9 tấc, thoi sắt 3.000 cân hoặc phiến gang 6.000 cân; ngang từ 9 thước đến 9 thước 9 tấc, thoi sắt 4.000 cân hoặc phiến gang 8.000 cân; ngang từ 10 thước đến 10 thước 9 tấc, thoi sắt 5.000 cân hoặc phiến gang 10.000 cân; ngang từ 11 thước đến 11 thước 9 tấc, thoi sắt 6.000 cân hoặc phiến gang 12.000 cân; ngang từ 12 thước đến 12 thước 9 tấc, thoi sắt 7.500 cân hoặc phiến gang 15.000 cân; ngang từ 13 thước đến 13 thước 9 tấc, thoi sắt 9.000 cân hoặc phiến gang 18.000 cân; ngang từ 14 thước đến 14 thước 9 tấc, thoi sắt 10.500 cân hoặc phiến gang 21.000 cân, các hạng thuyền trên đây chở bán đúng như lệ thì cho được mua tơ, kén, lụa, vải, đường cát, đường phôi, đường phèn, lại trừ thuế cảng cho. Nếu chở bán không như lệ thì chỉ cho mua tạp hóa và lại đánh thuế.

3. Sắt Hà-sung 100 cân trị giá 6 quan tiền, phiến gang 100 cân trị giá 3 quan tiền, lấy làm giá thường của nhà nước.

4. Thuyền buôn Hà-tiên và Xiêm-la, trung tâm ngang từ 15 trước trở lên thì chiếu theo lệ thuế cảng của thuyền buôn Hải-nam.

5. Thuyền buôn của Hạ-châu đến buôn ở các trấn thì chiếu theo lệ thuyền buôn của Ma-luc-giáp và Chà-và mà đánh thuế.

6. Vàng, bạc, muối, gạo, tiền đồng, kỳ nam, trầm hương đều cấm không được mua bán.

7. Các hàng quý như ngà voi, sừng tê, đậu khấu, sa nhân, nhục quế, hồ tiêu, gỗ vang, gỗ mun, gỗ hồng, thuyền buôn Hà-tiên và Xiêm-la có mua để chở về thì cứ chiếu giá mua, cứ mỗi 10 quan tiền phải nộp thuế hàng 5 tiền. Nếu chở đi các trấn để bán lại cho người bản địa thì miễn thuế.

8. Thuyền buôn Hà-tiên và Xiêm-la đã vào trước cửa biển trấn nào, đã chở bán thoi sắt phiến gang hoặc đã nộp thuế cảng rồi, mà lại đi sang trấn khác để buôn bán thì phải lãnh văn bằng của quan sở tại, để khỏi phải chịu thuế lần nữa. Đến ngày trở về chỉ cho mỗi người được mua 1 phượng gạo.

9. Khi thuyền buôn Hà-tiên và Xiêm-la vào cửa, quan sở tại đều chiếu văn bằng mà kiểm xét số người trong thuyền, khi trở về lại kiểm đúng số, cấp văn bằng cho về. Nếu có chở kèm người bản quốc, không kể trai gái già trẻ, tức thì bắt giữ trị tội. Chủ thuyền chở kèm thì xử 100 trượng, đồ 3 năm; người trong thuyền đều bị 50 roi. Người trong thuyền mà chở kèm cũng bị tội trượng và tội đồ, chủ thuyền bị 60 trượng, những người khác đều bị 50 roi; tài vật đều sung công. Người ở trong thuyền ai phát giác thì được miễn tội mà hàng

hóa cũng không mất. Nếu người ngoài phát giác thì lấy tiền tang vật của người phạm tội thưởng cho 100 quan.

10. Các thuyền buôn Hà-tiên, Xiêm-la và Hạ-châu chỉ được đi thông thương từ bốn trấn ở Gia-dịnh cho đến Quảng-ngãi là thôi.

11. Những dân buôn ở các thành dinh trấn cùng người Thanh ngu ở nước ta không được tự tiện đi đến Xiêm-la và Hạ-châu buôn bán.

12. Phép đo thuyền dùng thước đồng của nhà nước làm chuẩn, đo từ mảnh ván chấn nước ở đầu thuyền đến mảnh ván chấn nước ở cuối thuyền, được bao nhiêu thước thước là chiều dài; chia đôi lấy giữa làm trung tâm, ở chỗ trung tâm đo từ mặt ngoài ván che bên tả đến mặt ngoài ván che bên hữu được bao nhiêu thước tắc là bề ngang, phần lẻ không kể.

13. Các trấn cứ chiếu số các thuyền buôn đến buôn chịu thuế trong một năm, đến cuối năm làm sổ hai bản giáp ất, do quan cai tàu chuyền tâu lên).

Chia các biên binh ngạch cũ của hai đội Nội hầu làm hai đội nhị và tam. Lấy người huyện Tống-sơn cùng những người rút về ở đội Hữu hầu và đội An lão để bổ sung. (Đội nhị 61 người, đội tam 64 người, mỗi tháng cấp lương mỗi người 1 quan 5 tiền và 1 phượng gạo).

Vua thường lo đến đời sống của dân, khi có quan ở ngoài vào chầu thì vời hỏi về công việc làm ruộng, mưa nắng thế nào, giá gạo đắt rẻ. Đến nay lại hạ lệnh cho các trấn phủ huyện hỏi khắp dân gian về thời tiết cấy gặt vụ mùa vụ chiêm và về đất nền giống những vật gì, làm sổ kê rõ tâu lên.

Thành thần Gia-dịnh tâu rằng: « Ly sở Định-tường ở tại Mỹ-tho, xuống cửa biển thi hơi gần, lên đầu nguồn thi hơi xa, xin chọn một nơi đường đi lên xuống đều nhau để dời đến ». Vua cho rằng nơi ấy liền với sông cái, trên nằm Đông-khâu, dưới thông với các tăn, không đâu tốt hơn đây ». Không y lời xin.

Thành thần lại tâu rằng: « Thành trấn chật hẹp, xin cho dựng kho tàng ở trong thành, dựng hành cung và các sảnh thự ở ngoài thành ». Vua y cho.

Tham luận Tả quân là Phan Văn Tải tố cáo Lê Văn Duyệt thiết lập bảo và kho, ngầm sai người đi ra Bắc-thành dụ người hào kiệt. Lại thường cùng Lê Chất đi lại nói kín với nhau, ngờ là có mưu phản. Văn Duyệt sợ hãi, xin cứu xét.

Vua giao cho Hình bộ xét hỏi thi những lời tố cáo của Tải đều là vu cả, nghị nên xử tội chết. Án ấy tâu lên. Vua nói: « Lời Tải đã nói đáng như có duyên cớ, nên xét cho cùng để dứt mối ngờ về sau ». Lại sai địah thần xét lại. Tải không nói được điều gì, bèn phải tội chết.

Tháng 9, triệu ký lục Vĩnh-thanh là Trần Công Đán về Kinh, lấy thêm sự Hình bộ là Trần Bá Bảo làm ký lục Vĩnh-thanh.

Lấy tham tri Binh bộ là Vũ Danh Trung làm tham tri Hình bộ

Lấy phó đốc học Quốc tử giám là Nguyễn Viêt Ung làm chánh đốc học Quốc tử giám, hương cống triều Lê cũ là Lê Lãng làm phó đốc học, Hàn lâm viện là Trần Ngọc Quán, Vũ Quý Đĩnh và tham luận Hậu quân là Nguyễn Văn Phong làm thêm sự Lại bộ, Hàn lâm

viện là Phùng Huy Giang, thừa chỉ là Nguyễn Văn Quang, tri phủ Triệu-thiên là Đoàn Công Nghi làm thêm sự Hình bộ, Nguyễn Hữu Nghị sung Hàn lâm viện.

Ban điều lệ Đê chính cho Bắc-thành.

Vua lưu ý đến việc phòng nước sông, sai thành thần tham chước việc cũ lâu lên, lại sai đình thần bàn lại, định làm điều lệ ban hành:

1. Làm sớ chung. (Phàm đê điều và cống nước sớ tại, quan trấn biên đủ số đề làm ngạch nhất định).

2. Khám xét. (Mỗi năm đến tháng 10, các quan phủ huyện đi khám trước, xem chỗ nào nên đắp mới và nên sửa lại thì trình rõ quan trấn đến khám lại. Quan trấn lại trình rõ quan Đê chính khám nghiệm, phân biệt công trình lớn nhỏ đề quan tổng trấn xét duyệt).

3. Công việc. (Phàm đắp đê mới và sửa đê cũ rộng từ 5 thước trở lên và làm cống mới, những việc ấy là công trình lớn, đều phải lượng nhân công vật liệu và số tiền công nên chi bao nhiêu, quan Đê chính chép đưa cho quan trấn rồi sai các phủ huyện mộ dân làm phu khoán. Việc sửa đắp đê cũ rộng từ 4 thước trở xuống và tu bổ cống cũ là công trình nhỏ, chỉ sai dân chỗ nào mà thế nước chảy đến ứng dịch. Công việc đều bắt đầu làm từ tháng giêng tháng 2. Công việc nhỏ hạn một tháng làm xong, thượng tuần tháng 3 thì quan Đê chính đến khám nghiệm. Công trình lớn thì hạn hai tháng làm xong, thượng tuần tháng 4 thì quan Đê chính đến khám nghiệm. Nếu có chỗ nào sơ lược, làm không đúng cách thức, tùy theo nặng nhẹ mà kết tội, bắt phu khoán làm đền. Quan Đê chính phải vẽ bản đồ và làm sớ, quan tổng trấn phải ghi những số tiền đã chi tiêu (tàu hết lên).

4. Tinh giá. (Ở thượng lưu trung lưu sông cái, mặt đê rộng 2 trượng, chân rộng 7 trượng, cao 1 trượng, 2 thước, mỗi trượng lấy đất chứa trên mặt bằng 54 đồng làm hạn. Ở hạ lưu thì mặt đê rộng 1 trượng 5 thước, chân rộng 5 trượng cao 1 trượng, mỗi trượng lấy đất chứa 32 đồng 5 thước làm hạn. Những sông vừa, mặt đê rộng 1 trượng 2 thước, chân rộng 4 trượng cao 1 trượng, mỗi trượng lấy đất chứa 26 đồng làm hạn. Những sông nhỏ, mặt đê rộng 9 thước, chân rộng 3 trượng cao 9 thước, mỗi trượng lấy đất chứa 17 đồng 5 thước 5 tấc làm hạn. Chỗ bùn lầy, sâu từ 1 thước đến 4 thước, mỗi trượng dùng 46 cây gỗ, 6 cây tre tươi. Bùn lầy sâu từ 5, 6 thước trở lên, mỗi trượng phải dùng 73 cây gỗ, 6 cây tre tươi, đều chi tiền mua dùng để làm cọc cốt đê, cánh phen, cầu dài, cầu ngang, cùng cừ gỗ, sách gỗ hai bên. Lại sai dân đào hết bùn lầy đi, đến đất chắc mới cho đắp lằm. Phàm đắp đê mới hay sửa đê cũ, về công trình lớn thì định đóng đất bốn bề mỗi bề dài 1 trượng sâu 1 thước làm một đồng. Xem lấy đất gần xa khó dễ để định tiền công thuê. Như ngoài chân đê 5 trượng hai bên có thể lấy được đất thì tiền công bớt đi. Nếu chỗ lấy đất được có một bên, hay bị hồ ao gián cách thì tiền công tăng lên. Đê ở sông cái, tính để lại mỗi trượng 3 quan, đê ở sông nhỏ, tính để lại mỗi trượng 1, 2 quan, đợi sau có phải đắp đê hay không sẽ chiếu số trả lại. Lằm cống nước, đào đất cũ đi và lấy đất lấp đầy lên, cứ mỗi đồng đất cấp cho 6 tiền. Mua gỗ lim, cây dài 12 thước, ngang 1 thước, trị tiền 22 quan. Cốt sắt, đá trắng, mỗi 100 cân trị giá 3 tiền. Mây chèo mỗi 100 cân trị giá 4 tiền. Lấy sắt công rèn danh, thiếu phải mua thêm mỗi 100 cân trị giá 12 quan.

Than gỗ 100 cân trị giá 1 quan. Cây gỗ làm chày, hai đầu bọc sắt, mỗi cây dài 4 thước 3 tấc, ngang 3 tấc, trị giá 1 tiền 30 đồng. Tiền thuê thợ xây cống mỗi ngày 3 tiền 30 đồng, nện chày mỗi ngày 2 tiền).

5. Giám đốc. (Quan Đê chính ủy cho thuộc viên cùng với thuộc viên của trấn chia nhau đi trông coi đốc suất).

6. Bảo cố. (Đê và cống đã làm xong, đều sai phu khoán phòng giữ, đê hạn 3 năm, cống hạn 5 năm, trong hạn ấy, có chỗ nứt lở sụt đổ thì phải làm đê. Quan trấn và người trông coi đốc suất đều tùy theo nhẹ nặng mà luận tội. Quan Đê chính cũng bị phạt. Nếu đê vì nước lên mạnh quá sức người không thể chống giữ được thì miễn tội).

7. Phòng và hộ đê. (Hàng năm cứ đến kỳ tháng 4 nước sông lên to, quan trấn chia nhau đi khám xét. Đoạn nào xung yếu, khiến phủ huyện bắt dân đắp phụ ngay. Chỗ nào nước chảy xói mạnh quá thì đốc quân và dân đắp sẵn nhiều sọt đất và cây gỗ để tùy thế chống giữ. Đoạn nào thế khó giữ được thì báo ngay cho thành, đê phải thêm quan và binh góp sức chống giữ. Ở ngoài chân các đê sông lớn cách 5 trượng hoặc 7 trượng, mỗi trượng trồng sáu cây tre để chống sóng dữ và khi khuyết vỡ thì lấy mà chống chữa, không quan hệ đến việc chống chữa thì không ai được chêm tre ấy).

8. Bán cấm. (Những quan lại quân lính khám xét, trông coi, làm việc, đều không được sách nhiễu tiền gạo của dân và bắt dân khiêng chở. Làm trái thì thành thần xét trị tội).

Chia các công tượng [thợ] ở Bình-dịnh làm ba ban để sang xuân về Kinh làm việc, lần lượt thay đổi đê cho nhọc rồi đều nhau.

Bọn Lê Duy Hoán, Lê Duy An vào chầu. Cho hơn 100 quan tiền.

Bắc-thành bị gió bão, nước biển tràn lên. Hải-dương, Yên-quảng và Sơn-nam hạ nặng nhất, dân gian bị hại nhiều. Thành thần đem việc tâu lên, và xin sai người đến khám đề bàn việc chấn cấp.

Chiếu trả lời rằng : « Dân dương mắc nạn đói, không thể trông nhờ vào dâu, nếu đợi khám rồi mới chấn cấp thì làm sao cứu được cái nạn cần kíp như lửa đốt lông mày ». Bèn hạ lệnh cho Phạm Như Đăng đi Sơn-nam hạ, Đặng Trần Thường đi Hải-dương, Yên-quảng, theo tại nạn nặng nhẹ, khiến trấn thần sở tại phát ngay thóc mà chấn cấp.

Trấn thần Bình-dịnh tâu rằng : « Dân thôn Vĩnh-khánh trung mua dằm Hải-dông thuộc Thanh-châu gồm 10 sở, mỗi năm nộp thuế yến sào 10 cân, nay lấy không được, xin nộp thay bằng tiền 400 quan ». Vua y cho.

Vua thấy Hình bộ phúc tâu các án, thường tâu sau khi các nha đã tâu việc rồi, bèn triệu đường quan sáu bộ mà dụ rằng : « Việc hình ngục quan hệ đến tính mạng của thiên hạ, từ nay các quan tâu việc, trừ khi là việc quan trọng khẩn cấp, thì bộ Hình đem việc an tâu trước để tỏ ý của trăm kinh cần việc dụng hình ».

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, tế đông hưởng.

Tham hiệp Sơn-tây là Dương Công Tông, tham hiệp Sơn-nam thượng là Nguyễn Công Viên đều nghỉ dinh ưu. Lấy tri phủ Kinh-môn là Lê Văn An làm tham hiệp Sơn-tây, tri phủ Lạng-giang là Nguyễn Văn Khanh làm tham hiệp Sơn-nam thượng.

Lưu thủ Quảng-đức là Nguyễn Công Hòa, lưu thủ Quảng-trị là Nguyễn Cửu An xin nghỉ về thăm nhà. Vua y cho. Công Hòa nói với Bình bộ Lê Quang Định

phái cấp cho 20 người lính dinh đi theo. Vua nghe tin nói rằng: « Về thăm nhà là việc riêng của Hòa, sao được đem riêng lính dinh đi theo? ». Tức thì xuống lệnh trời Quang Định ở công thự bên văn, bắt Công Hòa trở về Kinh, giao cho dinh thần xét hỏi, rồi tha cho. Sai lấy lính đội Tiệp sai cấp cho Công Hòa 6 người, cấp cho Cửu An 5 người.

Lấy phó đô thống chế Hoàng Viết Toán lãnh chức lưu thủ Quảng-đức, cai cơ Nguyễn Văn Thiện làm lưu thủ Quảng-trị.

Hạ lệnh cho tuyên úy đại sứ Tuyên-quang là Ma Sĩ Trạch đem 150 người lính hiệu Hùng nhị đóng giữ bảo Tụ-long.

Thả cho thợ ngói ở Bình-hòa về. Trưởng cho cai quan áo quần đều một cái, tiền 10 quan, ty quan tiền 7 quan, thợ mỗi người tiền 3 quan.

Tham hiệp Sơn-nam hạ là Vũ Văn Sĩ ốm phải nghỉ việc; lấy tri phủ Ứng-thiên là Trần Văn Lộc làm tham hiệp Sơn-nam hạ.

Dời trạm Hà-lam dinh Quảng-nam đến Ngọc-phố (nay là Nam-ngọc), sai lấy dân Ngọc-phố sung làm phu trạm, mà kén dân Hà-lam làm lính.

Nguyễn Văn Trương lấy cai đội thuộc quyền là Nguyễn Qua cho vào sách man đồi chác. Việc phát giác, bị phạt.

Đổi hai đội Lão thuyền làm hai đội Tư phụng.

Hộ bộ Nguyễn Kỳ Kế chết, tặng Tham chính, cấp cho 3 người mộ phu.

Triệu hiệp trấn Sơn-tây là Nguyễn Thừa Thân về Kinh. Thân là cháu gọi bằng chú bác tham tán Nguyễn

Thừa Diên và là em đóc chiến Nguyễn Thừa Ước. Diên và Ước trước theo Duệ tông Hiếu định hoàng đế vào Nam, sau đều chết tại Gia-định. Thân xin đi đem hài cốt về chôn. Vua y cho.

Người Vĩnh-thanh tên là Sâm tự xưng là chánh trấn Hậu giang đại tướng quân, làm ấn tin nguy, đòi dân giàu phải đưa của cải. Việc phát giác, bắt giết.

Tháng 11, sai Hàn lâm thị thư Võ Văn Vượng và Trần Văn Phán bang biện công việc quan ải và khai mỏ ở Bắc-thành.

Định điều lệ về tội cướp. Phạm kẻ cướp đã hai lần lấy được của hoặc một lần lấy được của một lần không, đều là cố ý phạm pháp, cho chém trước rồi sau tâu lên. Nếu hai lần đều chưa lấy được gì và mới phạm một lần mà lấy được của, thì đều phải tâu lên đợi chỉ.

Bọn chưởng cơ Cáp Văn Hiếu, cai cơ Nguyễn Văn Tuấn tâu nói rằng tiên tổ trước là người Thanh-hoa Nghệ-an, được theo thờ triều trước, đặt đồn ở Võ-xá và Thạch-xá (hai xã thuộc tỉnh Quảng-bình), cho lấy hơn 70 mẫu ruộng công ở đấy lập làm hai ấp Tráng-tiếp và Tả-thắng, tha cho thuế lệ, đến đời nguy Tây mới đánh thuế, nay xin vẫn miễn như cũ. Vua y lời tâu.

Lấy vệ úy vệ Trung nhị Thị trung là Hoàng Công Lý làm vệ úy vệ Trung nhất Thị trung, vệ úy vệ Tiền nhị là Trương Phúc Đặng làm vệ úy vệ Trung nhị, vệ úy vệ Túc võ quân Thần sách là Phan Văn Thúy làm vệ úy vệ Tiền nhị, vệ úy vệ Tề võ là Tôn thất Dịch làm vệ úy vệ Tả nhất, vệ úy vệ Toàn dũng là Tôn thất Huy làm vệ úy vệ Hữu nhị, cai đội Thị trung là Thái Ngọc Bạch làm phó vệ úy vệ Hữu nhị.

Sai Binh bộ duyệt các dinh vệ hiệu các quân, ai quê ở Tống-sơn thì bỏ vào các đội của vệ Thăng uy.

Tham hiệp Cao-bằng là Võ Văn Chiêu tiêu hụt tiền công 2.600 quan, thu riêng bạc thuế ba năm của sách Man hơn 500 lang. Việc phát giác, bị giết, tịch thu gia sản. Lấy tri phủ Thuận-hồng là Bùi Văn Bình làm tham hiệp Cao-bằng.

Triệu trưởng chi đồn Xiêm binh là Diệp Mậu về Kinh; lấy phó trưởng chi là Ích làm an phủ phủ Trà-vinh kiêm làm việc phủ Mân-thít.

Quan Bắc-thành tâu rằng: «Bào Nông-giang là nơi thủy quân đóng, phía trước giáp sông cái, có thể thông việc vận tải, nay Hải-dương kho chứa đầy dẫy, xin sai trấn thần dựng kho lợp tranh ở đây, thu thóc tô chín huyện Đường-an, Đường-hào, Cầm-giang, Gia-lộc, Tứ-kỳ, Vĩnh-lại, Thanh-miền, Tiên-minh, Thanh-hà chứa vào đây, để phòng chi phát và tiện đường vận chở». Vua theo lời xin.

Dựng các kho Tiên-ly, Hà-trung, Đại-nại ở Nghệ-an. Sai trấn thần chi tiền kho và lấy gỗ lim mà làm.

Tha thuế thiếu cho dân biệt nạp gỗ lim ở Nghệ-an, sai lấy 10.000 cây gỗ hành (1) để nộp.

Đô thống chế lãnh phó tướng quân Chấn võ là Trần Văn Tín cho riêng lính thuộc hiệu sang buôn bán ở Nam-vang. Ở-nhà nước Chân-lạp là Ma lấy cớ là không có ấn quan cấp thông hành bắt giết. Thành thần Gia-dịnh đem việc ấy hạch tâu. Hạ lệnh cách hàm đô thống chế của Văn Tín.

1. Hành: Gỗ ngang ở trên rường nhà.

Hạ lệnh cho Gia-định thu lại ấn « Thủy lợi lý tài » và ấn « Nam-vang thông hành ». Trước kia lệ định phàm cho người lãnh trưng dằm ao thi dùng ấn có chữ « Thủy lợi lý tài chi ấn », người sang buôn ở Nam-vang thi dùng ấn có chữ « Nam-vang thông hành chi ấn ». Đến nay ra lệnh nộp lại để dùng ấn tổng trấn.

Trấn thần Bình-định tâu xin mộ dân ngoại tịch bổ làm hai đội Trấn binh nhất, nhị. Vua y cho.

Trấn thủ Sơn-tây là Hoàng Đăng Lý ốm phải nghỉ việc; lại lấy Trương Phúc Phượng làm trấn thủ Sơn-tây.

Triệu Đặng Trần Thường về Kinh.

Lấy thượng thư Binh bộ là Lê Quang Định làm thượng thư Hộ bộ, cai thu Lại bộ Trần Văn Trạc làm thượng thư Lại bộ, Lễ bộ Đặng Đức Siêu làm thượng thư Lễ bộ, Binh bộ Đặng Trần Thường làm thượng thư Binh bộ, Hình bộ Nguyễn Tử Châu làm thượng thư Hình bộ, Công bộ Trần Văn Thái làm thượng thư Công bộ, Hình bộ Phạm Như Đăng làm thượng thư Hình bộ vẫn lãnh công việc Hình tào ở Bắc-thành. Sáu bộ đặt chức thượng thư bắt đầu từ đây.

Lấy cai bạ Trần Tiến Bửu làm hữu tham tri Hộ bộ, kiêm quản công việc Nội đồ gia, ký lục Trần Công Đan hiệp đồng quản trị.

Lấy ký lục Quảng-ngãi là Đoàn Viết Nguyên làm cai bạ Quảng-trị.

Tháng 12, thêm chế lộc hàng năm cho các hoàng tử hoàng tôn (tiền 360 quan, gạo 360 phượng).

Lấy trưởng chi Trương Văn Dương làm vệ úy vệ Hậu bảo nhị thuộc Hậu quân.

Đốc học Hoài-đức là Phạm Thích ốm phải nghỉ việc; lấy Trần Toàn làm đốc học Hoài-đức.

Trần thủ Hà-tiên là chưởng cơ Mạc Tử-thiên chết. Hà-tiên, từ khi Mạc Cửu hiến đất tới nay, triều đình vẫn nhớ đến người cũ có công nên cho con cháu đời đời được tập chức trần thủ. Đến khi Tử-thiên chết, con là Công-thế, Công-tài còn nhỏ, cháu [gọi bằng chú bác] là Công-du vì có việc bị giao xuống nghị tội. (Công-du đem vợ lẽ của đô thống chế Phạm Văn Triệu bán cho người Xiêm), bèn sai cai đội Ngô Y Nghiêm và tham luận Lê Tiến Giảng quyền lãnh việc trần, mà ám thụ cho bọn Công-thế làm cai đội để giữ việc thờ tự họ Mạc, cấp cho mộ phu 53 người. Hạ lệnh cho thành thần Gia-dịnh đem việc ấy báo cho nước Xiêm biết. Vua Xiêm viết thư trả lời nói: «Cha con Mạc Thiên-tứ có công to ở Hà-tiên, xin rộng tha tội cho Công-du để cho tập chức». Vua lại sai Lại bộ làm thư trả lời rằng: «Hà-tiên vốn là bờ cõi của triều đình, từ các vua trước của ta dựng cờ trần tiết, cha con Mạc Thiên-tứ đều hay giữ tròn chức vụ nên trao chức cho, chứ đấng không phải là khuê điền thái ấp (1), không thể viện làm thế nghiệp được. Huống chi đất ấy liền núi sát biển, từ khi nổi binh thì dân vật tiêu điều, võ về yên ủi chính là việc cần kíp hiện nay. Công-du nếu có tài thì không cứ phải là dòng dõi Thiên-tứ, cũng nên trao cho trần chức; nhưng vì tài kém tuổi ít, chưa thể làm nổi, nên mới không cho, không phải là tiếc dẫu. Nhớ công mà tập ám cho một người là việc nhỏ mà nhà nước đặt quan vi dân là việc to. Lệnh đã ra là phải làm, lý không thể kéo lại được. Xin vua nghĩ xem». Vua Xiêm nhận được thư bèn thôi.

1. Ruộng ấp cấp cho chư hầu.

Ban lộc hàng năm (tiền 180 quan, gạo 180 phương) cho hoàng tôn (tức Hiến tổ chương hoàng đế).

Các tù trưởng ở tám sách Man hoang thuộc Bình-thuận (sách Kiều, sách Dương, sách Lân, La-thế, Ba-lang, Hà-lung, Ba-ác, La-dao) đến trấn dâng một cặp ngà voi, nhân nói các man ở xa lánh chốn núi sâu, trước không phải nộp thuế, nay xa thắm đức hóa của vua, đem nhau qui thuận, xin mỗi năm nộp 2 con trâu để làm ngạch thuế. Lưu thủ Phan Tiến Qui cấp áo quần, muối gạo để vỗ về. Bọn tù trưởng đều mừng, xin chiêu dụ các man đến qui thuận.

Định lệ cho thuyền vận tải ở Gia-định phối hợp chở dầu và than. (Phàm phối hợp chở dầu rái và than gỗ cứ 100 cân thì cấp cho tiền thuê bằng chở 2 học thóc).

Sai phó quân cơ cơ Trung thủy là Phan Văn Thọ, phó quân cơ cơ Tiền thủy là Nguyễn Tài Năng vận chở gỗ ván ở Gia-định về Kinh.

Binh sáu cơ Kiên ở Quảng-ngãi đóng giữ miền thượng đạo nhiều người bị ốm, trấn thần xin đặt mười người y sĩ ngoại khoa để chia nhau đi điều trị. Vua y cho.

Vét đường kênh Vĩnh-giang ở Nghệ-an. Hiệp trấn Ngô Đình Siêu vào châu, đem bản đồ dâng lên. Sai lấy dân mà đào vét.

Sai phó vệ úy vệ Nghiêm võ là Tôn thất Nhật và thiêm sự Hộ bộ là Nguyễn Khoa Minh trông coi cục Đúc tiền ở Bắc-thành.

Nước Xiêm-la bị nước Diến-điện đánh, trưng 5.000 quân ở Chân-lạp. Nặc Chấn sai em đem quân đi và sai Triệu-bồn-nha chạy báo tin cho Gia-định biết. Thành thần đem việc tâu lên. Sai dò hỏi việc binh của người Xiêm, chạy sớ tâu ngay cho biết.

Phật vương mới của nước Xiêm-la sai bề tôi là bọn Phi-nhã Sĩ-xú Ly-giá-ba-ha đến dâng sản vật địa phương và cáo tang Phật vương trước. Vua thứ hai nước Xiêm mới chịu nhà Thanh phong, cũng đem phẩm vật đến tiến. Khi sứ đến Gia-định, thành thần thấy trong thư nói nhiều chỗ khoa trương cho rằng nhận thư thì làm cho họ kiêu ngạo thêm mà khước từ thì hại tình hòa hảo, bèn làm mật sớ tâu lên. Vua nói: « Người Xiêm không có văn tự, dấy đều là lỗi của người Đường (người Thanh nhiều người làm quan ở nước Xiêm) sinh bứt thối, không đủ trách ». Sai đưa sứ giả về Kinh, lại phái quân đi Quảng-nam, Bình-định để hộ tiếp. Sứ giả đến, vua vời vào yết kiến, hỏi về tình trạng đánh nhau với Diến-điện. Sứ giả đem sự thực nói. Ở vài ngày, hậu đãi rồi cho về. Sai Tống Phước Ngọa, Phạm Cảnh Giảng, Dương Văn Châu, Võ Đoãn Thiếp sung làm chánh phó sứ hai sứ bộ sang Xiêm. (Phúng Phật vương trước: đường phôi, đường phèn đều 1.000 cân, đường cát 1.500 cân, sáp ong 500 cân, lụa trắng, vải trắng mỗi thứ 100 tấm; tặng Phật vương mới: kỳ nam 2 cân, nhục quế 3 cân, lụa 100 tấm, the màu 200 tấm, sa màu 100 tấm, vải trắng nhỏ 100 tấm; cho vua thứ hai mới: kỳ nam 1 cân, nhục quế 1 cân 8 lạng, lụa 50 tấm, the màu 100 tấm, sa màu, vải trắng đều 50 tấm). Sứ giả về. Xiêm-la gửi thư trần tạ.

Ngày mậu tuất, yết lẫm.

Ngày kỷ hợi, tế Chạp.

Tha giảm tô thuế ruộng vụ mùa năm nay cho năm trấn nội ở Bắc-thành. Chiếu rằng: « Có ruộng thì có tô là đạo thường của nhà nước, nhưng có vùng lụt hạn, nên lượng gia khoan giảm. Nay vụ mùa ở các trấn nơi

thì nắng hạn lâu ngày, nơi thì gió bão nước mặn, lúa má tổn hại, đã soi xét rõ, rất là đáng thương. Vậy hạ lệnh cho Hộ bộ chiếu ruộng vụ mùa, phạm 10 phần tổn hại 4 phần thì giảm cho 1 phần, tổn hại 5 phần thì giảm cho 3 phần, tổn hại 6 phần thì giảm cho 5 phần, tổn hại 7 phần thì giảm cho 7 phần, tổn hại 8 phần trở lên thì cho miễn cả. Đến như ruộng cấy hai mùa, nửa nộp về mùa thu cũng lấy 10 phần làm suất, chiếu số mà thu giảm ».

TIMSACH.COM.VN

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ

QUYỀN XL

THỰC LỤC VỀ THỂ TỒ CAO HOÀNG ĐỀ

Canh ngọ, Gia-long năm thứ 9 [1810] (Thanh Gia-khánh năm thứ 15), mùa xuân, tháng giêng, ngày qui hội tế xuân hưởng.

Sai bốn dinh trực lệ và trấn Quảng-ngãi kén dân phụ giữ các cửa biển, người nào khỏe mạnh, giỏi lội nước, cứ 5 dinh lấy 1 người, cho lệ vào thủy quân, do Tổng Phước Lương quản lãnh.

Dân Bắc-thành bị đói. Trước là các trấn Kinh-bắc, Hải-dương, Yên-quảng, Sơn-nam hạ bị hạn và lụt, thành thần đem việc thiên tai báo lên. Sai hoãn việc đòi lính, nghỉ hỏi kiện vật, bãi các công dịch, lại sai thành thần bàn kỹ chính sách cứu đói. Nguyễn Văn Thành dâng sớ nói: «Nước lấy dân làm gốc, dân lấy ăn làm đầu. Sau khi các trấn bị thiên tai, nhân dân ngày càng đói lắm. Xin bàn cách phát chẩn và cho vay, để đỡ túng ngặt cho dân, cấm chọn tiền để dân tiêu dùng được dễ». Vua đều theo lời. Sai phát thóc kho ra 30.000 hộc, khiến bọn Trương Tiến Bửu, Phạm Như Đăng, Nguyễn Đình Đức chia đi các nơi chẩn cấp. Lại sắc rằng thuế

khóa trưng thu và dân gian mua bán, ai dám kén chọn loại bỏ đồng tiền thì trị tội.

Trương Tiến Bửu đến Kinh-bắc phát chẩn. Trấn thủ là Lưu Phước Tường truyền hịch cho các phủ huyện đem dân đến. Duy có dân huyện Võ-giang đến sau. Tường bắt tri huyện là Nguyễn Văn Hán đánh roi để trách. Hán nói: « Kẻ sĩ thà chết chứ không chịu nhục ». Xin trả chức về ruộng làng. Thành thần tâu lên. Vua nói: « Hán chậm trễ vẫn là có tội rồi. Tường đánh bằng roi để làm nhục cũng chẳng quá lắm ư? ». Giao cho thành thần bàn. Tường bị phạt. Hán mất chức tri huyện.

Kén người tôn thất và công tinh vào đội Nội hầu, mỗi tháng cấp tiền gạo theo thứ bậc.

Ở huyện Lục-ngạn trấn Kinh-bắc giặc nổi, quan Bắc-thành đem quân đi bắt. Thổ hào là bọn Nguyễn Hiền và Giáp Phủ đi theo quân, chém được 4 đầu giặc. Việc tâu lên. Cho bọn Hiền làm đội trưởng, thưởng tiền 200 quan.

Giặc trốn ở Sơn-âm tên là Quách Tất Thúc lại cùng tướng giặc là Đặng Trần Siêu họp quân ở Mỹ-lương. Bắc-thành gửi thư cho Thanh-hoa đem quân hợp đánh. Đốc trấn là Tôn thất Chương cho rằng Tất Thúc trước đã xin hàng, chưa chắc là lại làm phản, sai người đi dò xem mà đem việc tâu lên. Vua xuống chiếu rằng: « Tất Thúc nói dối đầu hàng, chỉ là kế hoãn binh thôi. Trẫm đã mật chiếu cho Bắc-thành chia đường tiến công, người nên đóng quân yên lặng, để cho nó một con đường sống. Nếu giặc thế cùng quay đầu về thú thì bắt giữ lấy, triều đình tự có cách xử trí ». Rồi người

đi dò thám trở về nói: Bọn giặc có hơn nghìn người, mưu đánh úp Thiên-quan. Chương chia quân đóng giữ đường hiểm yếu, giặc sợ không dám động. Vừa các đạo quân ở Bắc-thành tiến đến giáp đánh, bắt được hơn mười người, giặc bèn chạy trốn.

Cho Lê Phi Mai coi việc động Khương-chánh (thuộc châu Lương-chính, trấn Thanh-hoa). Theo tục người thổ ở động sách, người chánh phải làm thổ tù, người thứ phải làm phụ đạo. Thổ tù là Lê Phi Giáp còn nhỏ, có chiếu cho làm phòng ngự sử, phụ đạo là Phi Mai lấy tư cách là phòng ngự đồng tri xin được mệnh lệnh của triều mà quyền việc động, không dám trái vượt phận chánh thứ. Lê Chất tâu việc ấy lên, nên có mệnh này.

Tổng trấn Gia-dịnh là Nguyễn Văn Nhân ốm. Cho 3 cần quế. Hơn một tháng thì bệnh khỏi, dâng sớ tạ ơn.

Nguyễn Văn Thành tâu nói: «Tả quân Nguyễn Cửu Dật chết về việc nước, lại có chiến công, xin chiếu theo lệ công thần, hoặc cho tòng tự hoặc được thờ riêng, để nêu lòng trung». Vua sai đình thần bàn.

Giảm thuế đầm Hải-dông ở Bình-dịnh và thuế người Man Phương-kiều ở Bình-dịnh. Lệ trước thuế đầm Hải-dông là 710 quan, thuế nguồn Phương-kiều hơn 550 quan và 360 cân sáp ong. Năm nay người lãnh trưng lấy cơ là lợi cả ở đầm Hải-dông ít đi nên xin bớt tiền thuế 210 quan. Người Man buôn ở nguồn Phương-kiều xiêu tán, xin bớt tiền thuế hơn 250 quan. Trấn thần đem việc tâu lên. Vua y cho.

Sửa lầu Thủy các (xây lầu ở trên thuyền lớn, thuyền dài 7 trượng, ngang 3 trượng 5 thước). Thường cho binh và thợ hơn 600 quan tiền.

Định thứ vị những công thần khai quốc, công thần trung tiết và công thần trung hưng.

Công thần khai quốc 4 người. (Nội tán tặng Đặc tiến kim tử Vinh lộc đại phu Thái thường tự khanh Lộc-kê hầu Đào Duy Từ, Tiết chế tặng Tả quân đô đốc phủ chương phủ sự Thuận quận công Nguyễn Hữu Tiến, Lưu đồn đạo đốc suất tặng Tả quân đô đốc phủ chương phủ sự Chiêu quận công Nguyễn Hữu Dật, Phó tướng chương cơ tặng Đô đốc phủ chương phủ sự Lễ-tài hầu Nguyễn Hữu Kinh, cộng 4 người).

Công thần trung tiết 114 người. (Trung dinh giám quân tặng Hữu phủ chương dinh quận công Nguyễn Hữu Thụy, Tiết chế Tả quân đô đốc tặng Đô đốc phủ chương phủ sự quận công Nguyễn Cửu Dật, Phó tiết chế nội tả chương dinh tặng Đô đốc phủ chương phủ sự quận công Nguyễn Cửu Tuấn, Tiết chế tặng Hữu phủ Kinh quốc công Tống Phước Hợp, chương cơ tặng chương dinh quận công Nguyễn Kim Phẩm, chương cơ quản Phiên-trấn binh dân chư vụ tặng chương dinh quận công Trần Xuân Trạch, Thiếu phó chương dinh quận công Tôn thất Xuân, Nội tả chương dinh tặng Tả quân đô đốc quận công Nguyễn Văn Chính, Tổng nhung chiêu thảo sứ chương cơ tặng chương dinh quận công Nguyễn Thành, chương cơ tặng chương dinh quận công Tống Phước Hòa, Trấn thủ chương cơ tặng chương dinh Bùi Kế, Nội tả chương cơ Tống Phước Mãn, chương dinh Tống Phước Hựu, Tiền chỉ tam quân Tiên phong thủy đạo tặng chương dinh Nguyễn Văn Hiến, Đốc chiến chương cơ Nguyễn Thừa Ước, Tán lý chiêu thảo sứ tặng Tham chính Đỗ Văn Hoảng, cai cơ tặng chương cơ Trần Văn Chấn, Hồ Văn Khách,

Nguyễn Văn Đán, Phạm Văn Thịnh, Chu Văn Bích,
 Tổng nhung chương cơ Hoàng Tiến Cảnh, cai cơ quản
 Tả hầu đạo tặc chương cơ Hoàng Văn Duyệt, chương
 cơ Hà Văn Lộc, cai cơ tặc chương cơ Nguyễn Văn
 Hương, Thống binh cai cơ tặc chương cơ Phan Văn
 Nhị, cai cơ tặc chương cơ Tống Huê, Nguyễn Văn
 Lượng, Phan Văn Tiến, Thống binh cai cơ tặc chương cơ
 Lê Sương, cai cơ tặc chương cơ Nguyễn Quân, Nguyễn
 Văn Thịnh, Thuộc nội cai cơ tặc chương cơ Bùi Văn
 Nghị, cai cơ tặc chương cơ Nguyễn Văn Phượng,
 Thống lĩnh cai cơ tặc chương cơ Nguyễn Văn Luận,
 cai cơ tặc chương cơ Nguyễn Sương, Thống lĩnh cai
 cơ tặc chương cơ Hoàng Quỳnh, Tổng nhung cai cơ
 tặc chương cơ Đinh Văn Long, Tiền quân cai cơ tặc
 chương cơ Nguyễn Lân, cai cơ tặc chương cơ Nguyễn
 Lượng, Ngô Cầm, Tống Văn Trung, Trần Văn Vạn,
 Nguyễn Văn Minh, cai cơ quản Hữu quân đạo tặc
 chương cơ Nguyễn Văn Tài, cai cơ tặc chương cơ
 Nguyễn Bình, Thuộc nội cai cơ tặc chương cơ Võ
 Văn Chính, Phiên-trấn cai cơ suất Tân nhưng đội tặc
 chương cơ Nguyễn Chương, Thống binh cai cơ tặc
 chương cơ Nguyễn Vận, cai cơ tặc chương cơ Lê Văn
 Cẩn, Nguyễn Công Hồ, Hoàng Lịch, Tổng nhung cai
 cơ tặc chương cơ Hồ Văn Huệ, cai cơ tặc chương
 cơ Lưu Văn Trí, Ngô Đăng, Nguyễn Quả, Giám quân
 cai cơ tặc chương cơ Nguyễn Văn Thảo, Thống binh
 cai cơ tặc chương cơ Hoàng Lộc, cai cơ tặc chương
 cơ Nguyễn Văn Lý, Ngô Nghĩa, Nguyễn Đăng, Thống
 binh cai cơ tặc chương cơ Trần Tú, Đốc chiến cai cơ
 tặc chương cơ Phạm Văn An, cai cơ tặc chương cơ
 Nguyễn Vạn, Nguyễn Long, Nguyễn Văn Liêm, Dương

Văn Hạnh, Lê Phúc Điển, Thống binh cai cơ tặg chươg cơ Đặng Văn Thúy, cai cơ tặg chươg cơ Nguyễn Văn Phú, Vĩnh-trấn lưu thủ tặg chươg cơ Nguyễn Đăng Chiêu, Thuộc nội thống binh cai cơ tặg chươg cơ Nguyễn Công Kiêm, Đốc chiến cai cơ tặg chươg cơ Nguyễn Văn Triệu, cai cơ tặg chươg cơ Nguyễn Tường, Thống binh cai cơ tặg chươg cơ Tống Văn Phúc, cai cơ tặg chươg cơ Ngô Văn Lễ, Nguyễn Giám, Nguyễn Thái, Nguyễn Lộc, Tổng nhung cai cơ tặg chươg cơ Nguyễn Loan, cai cơ tặg chươg cơ Lê Cẩm, Đỗ Điền, Trấn dinh lưu thủ cai cơ tặg chươg cơ Nguyễn Văn Thuận, cai cơ tặg chươg cơ Lưu Văn Trung, Nguyễn Văn Lễ, Thuộc nội cai cơ tặg chươg cơ Võ Văn Tuy, Nguyễn Văn Thiên, Lê Văn Lan, Tổng nhung cai cơ tặg chươg cơ Phạm Văn Thạc, Thống binh cai cơ tặg chươg cơ Phạm Văn Khánh, cai cơ tặg chươg cơ Nguyễn Kỹ, Thuộc nội cai cơ tặg chươg cơ Bùi Liêm, cai cơ tặg chươg cơ Nguyễn Mân, Nguyễn Công Thụy, Trần Phúc, Lê Quân, Nguyễn Ngô, Nguyễn Văn Châu, Hoàng Bản, Nguyễn Chân, cai cơ suất Tả bộ tặg chươg cơ Nguyễn Nghi, Đốc chiến Nguyễn Cửu Đàm, Tham tán Trần Phúc Thành, Điều khiển Tống Văn Khôi, Thống binh Nguyễn Văn Tuy, Lại bộ Bạch Doãn Triều, Tham tán Nguyễn Đăng Trường, Nguyễn Thừa Điền, Giám quân chươg cơ Nhật Long Hồ, Ký lục Bùi Hữu Lễ, Hậu tập cai đội Tán, Trung chi cai đội Phú, Hữu chi cai đội Bảo, Tả chi cai đội Trọng, cộng 114 người).

Công thần trung hưng 258 người. (Chinh giữa thờ : Thiếu phó quận công Tôn thất Mão, Chươg Hậu quân binh Tây tham thặg đại tướng quân tặg Thái úy quốc

công Võ Tánh, Chương Tả quân thiếu phó quận công Tôn thất Huy, Lễ bộ tể tướng Thái tử thái sư quận công Ngô Tông Chu, Chương Tiền quân điều bát chư đạo bộ binh binh Tây đại tướng quân quận công Tôn thất Hội, Ngoại tả chương dinh đại đô đốc tể tướng Tả quân đô đốc phủ chương phủ sự quận công Chu Văn Tiếp, cộng 6 người. *Tả nhất thờ*: Ngoại tả chương dinh quận công Nguyễn Đình Thuyên, Ngoại hữu chương dinh lãnh đại tư nông tể tướng Hữu quân đô đốc phủ chương phủ sự quận công Tôn thất Du, Thuộc nội cai cơ quản ngũ thủy dinh tể tướng Thiếu bảo quận công Võ Di Nguy, Thần sách quân Trung dinh đô thống chế tể tướng Thiếu bảo quận công Tống Viết Phước, Trung dinh giám quân tể tướng cai cơ Tống Phước Đạm, Thuộc nội cai cơ quản Tiểu sai đội tể tướng chương cơ Bùi Văn Khoan, Tống Phước Ngọc, cai cơ tể tướng chương cơ Nguyễn Đăng Văn, cộng 8 người. *Hữu nhất thờ*: Ngoại tả chương dinh kiêm chương sử sự tể tướng Thái bảo quốc công Tống Phước Khuông, Nội thủy chương cơ kiêm Công bộ cai Nội mã cai Tàu vụ tể tướng chương dinh quận công Tôn thất Cốc, Thuộc nội cai cơ quản Tiểu sai đội tể tướng chương cơ Đỗ Văn Hựu, Thuộc nội cai cơ quản Tiền trực vệ, tể tướng chương cơ Nguyễn Văn Mẫn, Thần sách quân Hậu dinh đô thống chế tể tướng Thiếu bảo quận công Mai Đức Nghị, Thuộc nội cai cơ chánh giám thành sử tể tướng chương cơ Tô Văn Đoài, Thuộc nội cai cơ quản Tiểu sai đội tri Tượng chính cai Trường đã sự tể tướng chương cơ Trương Phúc Luật, Lễ bộ kiêm đốc học tể tướng Thiếu phó Nguyễn Thái Nguyên, cộng 8 người. *Tả nhị thờ*: Thuộc nội tổng nhung chương cơ quản Tiền quân đạo điều bát bộ binh tướng sĩ quận công Nguyễn Văn Hoảng,

Quản Tiền chi hiệu úy tặg chươg dinh Nguyễn Văn
 Đắc, Tổng nhung chươg cơ Hoàng Tiến Cảnh, Hộ bộ
 tặg Tham chính Trần Phúc Giai, Tiền quân phó tướng
 chươg cơ Phạm Văn Sỹ, cai cơ quản Tiền chi tặg
 chươg cơ Ngô Công Quý, Tiền phong dinh chươg dinh
 hành Diên-khánh thành án trấn Nguyễn Văn Tánh,
 Thuộc nội cai cơ quản Long diện vệ tặg chươg cơ
 Nguyễn Văn Liêm, cộng 8 người. *Hữu nhị* thờ: Trấn-
 biên lưu thủ cai cơ tặg chươg cơ Đoàn Văn Kha,
 Đốc chiến cai cơ tặg chươg cơ Nguyễn Văn Thuận,
 Thống binh cai cơ tặg chươg cơ Nguyễn Thành,
 Phiên-trấn lưu thủ cai cơ tặg chươg cơ Trương Văn
 Giao, Quản Trung thủy dinh cai cơ tặg chươg cơ
 Nguyễn Văn Uy, Lễ bộ Nguyễn Nghi, Tuyên úy sứ thị
 giảng hành Lễ bộ sự tặg Lễ bộ thượng thư Nguyễn
 Đô, Hộ bộ tặg Tham chính Phan Thiên Phúc, cai
 cơ tặg chươg cơ Bùi Văn Điền, cộng 9 người.
Dãy bên đông thờ: Trung thủy dinh thống chế tặg
 chươg dinh Tống Phước Châu, Chấn võ quân phó
 tướng chươg cơ tặg chươg dinh Nguyễn Văn Lợi,
 Tiền quân phó tướng tặg chươg dinh Nguyễn Huệ,
 chươg cơ quản nội trực vệ tặg chươg dinh Lê Văn
 Tin, chươg cơ quản Thần võ vệ tặg chươg dinh
 Nguyễn Văn Kỳ, Thần sách quản Trung võ vệ úy
 tặg chươg dinh Trần Văn Xung, Dũng võ vệ vệ úy
 tặg chươg dinh Trương Văn Hoảng, Thượng đạo
 chươg cơ tặg chươg dinh Đặng Văn Lương, Thần
 sách quản Trung dinh phó đô thống chế Nguyễn Vĩnh
 Thi, Hậu dinh phó đô thống chế tặg chươg dinh Tôn
 Thọ Vinh, Tổng nhung cai cơ hành Bình-hòa lưu thủ
 tặg chươg cơ Nguyễn Thoan, Tả thủy dinh chính

dinh cai cơ tặg chươg dinh Nguyễn Hữu Nghi, Tổng
 nhung cai cơ tặg chươg cơ Nguyễn Văn Dực, Tuyển
 phong tả vệ vệ úy tặg chươg cơ Lê Thành Lý, cai cơ
 suất Tả binh đội tặg chươg cơ Nguyễn Văn Định,
 Hậu thủy dinh thốg nhung cai cơ bảo hộ tặg chươg
 cơ Nguyễn Văn Nhân, Thống binh cai cơ tặg chươg
 cơ Phan Văn Viện, Thượng đạo chươg cơ Nguyễn Văn
 Thảo, Quản Tiên phong đạo cai cơ Võ Văn Chính,
 chươg cơ Hà Văn Lộc, Chánh sử cai cơ tặg chươg
 cơ Mai Văn Tinh, chươg cơ quản Thần sách quân,
 Ban trực hữu vệ Nguyễn Uy, chươg cơ Lê Văn Phú,
 Thần sách quân, Tuyển phong hậu vệ vệ úy tặg chươg
 cơ Đoàn Cảnh Cư, Ban trực tuyển phong tiên vệ úy
 tặg chươg dinh Nguyễn Văn Hựu, Ban trực tả vệ vệ
 úy tặg chươg cơ Võ Văn Đồ, Uy vũ vệ vệ úy tặg
 chươg dinh Hoàng Phúc Bảo, Dương vũ vệ vệ úy
 tặg chươg cơ Phạm Văn Trường, Nội dực vệ vệ úy
 tặg chươg cơ Nguyễn Hiên, Cung vũ vệ vệ úy tặg
 chươg cơ Hoàng Văn Tử, Tuyển phong hậu vệ phó vệ
 úy tặg chươg cơ Đoàn Phúc Tân, Dương vũ vệ phó
 vệ úy tặg chươg dinh Nguyễn Vĩnh Hựu, Ban trực
 hữu vệ phó vệ úy tặg chươg cơ Nguyễn Văn Đăng,
 Thống binh cai cơ tặg chươg cơ Dự Kỳ, Thống binh
 cai cơ hành Trấn-biên lưu thủ tặg chươg cơ Võ Tiến
 Đầu, Thanh-châu đạo cai cơ tặg chươg cơ Đoàn
 Công Dục, Tiên quân cai cơ tặg chươg cơ Nguyễn
 Văn Tri, Tiên quân chánh chi cai cơ tặg chươg cơ
 Nguyễn Văn Cầm, Thần sách quân Dương vũ vệ vệ úy
 tặg chươg cơ Lê Văn Thuận, Tiên quân cai cơ tặg
 chươg cơ Nguyễn Quân, Thượng đạo An vũ chi cai
 cơ tặg chươg cơ Nguyễn Văn Tuy, Tiên thủy dinh

chính tiền chi cai cơ tặg chưởng cơ Nguyễn Văn Thái, Chấn võ dinh Tả chấn chi cai cơ tặg chưởng cơ Cao Đức Hùng, Cai cơ tặg chưởng cơ Nguyễn Văn Loan, Thần sách quân Tuyền phong hậu vệ vệ úy Mãn, Tuyền phong tả vệ phó vệ úy Nguyễn Nhân Sử, Trung thủy dinh chính tiền chi quản Thanh châu đạo, thống binh cai cơ Cù Văn Liêm, cai cơ Hồ Văn Trương, Vĩnh-trấn lưu thủ Nguyễn Đăng Chiêu, cai cơ Lê Văn Lưu, Thanh-châu đạo cai cơ Lê Thượng, Nguyễn Tần, Tả thủy dinh Hậu chi cai cơ Nguyễn Văn Chất, cai cơ Nguyễn Văn Chính, Hộ bộ tả tham tri tặg Hộ bộ Nguyễn Văn Mỹ, Phiên-trấn cai bạ tặg Hộ bộ Nguyễn Văn Thiêm, Tham mưu hành Trấn-biên ký lục Nguyễn Văn Hiến, Kiên uy vệ phó vệ úy Thành, cai cơ Nguyễn Chính, Hoàng Lộc, Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Văn Minh, Tiền quân thuộc binh cai cơ Lộc, cai cơ Ngoạn, Tiền quân tham mưu Hồ Xuân Quang, Chính dinh cai cơ Lê Công Luật, cai cơ Lê Công Giám, Nguyễn Công Tường, Lê Văn Nguyên, Hoàng Văn Hợi, Trung quân Tiền chi thống binh cai cơ Nguyễn Văn Biện, Tả mã cai cơ Tống Phước Giao, Nguyễn Văn Quân, Tổng nhung cai cơ Nguyễn Đăng, Chánh tàu cai cơ Võ Văn Khách, Tiền quân Súng nhất vệ cai đội tặg cai cơ Nguyễn Văn Thủy, Thần sách quân Dương võ vệ cai đội tặg cai cơ Đĩnh, Tiền khuông chi cai đội tặg cai cơ Đinh Văn Tam, Thuộc nội cai đội suất Túc trực bát đội tặg cai cơ Lưu Văn Trung, Thuộc nội cai đội suất Túc trực thất đội tặg cai cơ Lưu Đức Hiến, Ban trực tiền vệ thập đội cai đội tặg cai cơ Mai Đức Luật, Thuộc nội cai đội tặg cai cơ Nguyễn Văn Thạch, Túc trực tam đội cai đội tặg cai cơ

Nguyễn Văn Sơn, cai đội tãng cai cơ Trần Văn Mỹ,
 Tống Văn Đồng, Túc trực nhị đội cai đội tãng cai
 cơ Nguyễn Văn Hòa, Ban trực tả vệ cai đội tãng cai
 cơ Nguyễn Khương, Ban trực tả vệ nhị đội cai đội
 tãng cai cơ Lê Văn Hậu, Thất đội thuộc nội cai đội
 tãng cai cơ Nguyễn Văn Ân, Thuộc binh đội cai
 đội tãng cai cơ Phan Văn Hiến, Hậu điện cai đội
 tãng cai cơ Nguyễn Đình Thạch, cai đội tãng cai cơ
 Nguyễn Văn Bích, Túc trực nhị đội cai đội Nguyễn
 Văn Lượng, Tiền sai đội cai đội Nguyễn Lợi, Nội trực
 đội cai đội Lê, Tiền sai đội cai đội Hồ Văn Siêu, Trung
 hầu tam thuyền cai đội Cao Phúc Luật, Thủ ngự cai
 đội Lê Văn Linh, Nội mã đội cai đội Nguyễn Văn Ngân,
 Tả mã đội cai đội Cẩm, Tả mã đội cai đội Huấn, cai đội
 Võ Văn Tiến, cai đội Huệ, cai đội Luận, cai đội Võ
 Văn Hiến, Nguyễn Lưu, Trần Văn Định, Nguyễn Văn
 Đông, Trần Văn Nho, Trường thọ cung cai đội Mỹ,
 Tuyển phong tiền vệ cai đội Đắc, Trung hầu thuyền cai
 đội Trần Toán, Trung quân cai đội Nguyễn Thận, cai
 đội Nguyễn Văn Huy, Hoàng kiếm đội cai đội Tống Việt
 Khánh, cai đội Nguyễn Văn Sự, Trần Văn Phong, Tả
 quân cai đội Nguyễn Văn Thục, cai đội Nguyễn Văn
 Thụ, Nguyễn Văn Quỳnh, Nguyễn Văn Châu, Nguyễn
 Văn Lại, Hoàng Văn Cửa, Lê Văn Chắp, Hà Văn Tài,
 Nguyễn Luật, Trần Văn Bình, Lê Văn Liễu, cộng 128
 người. *Ngôi phụ thờ*: Ứng nghĩa đạo thống binh cai cơ
 tãng chương cơ Nguyễn Tiến Huyền. *Dây bên tây thờ*:
 Tiền quân phó tướng tãng chương cơ Nguyễn Văn Thư,
 Hậu quân phó tướng tãng chương dinh Trần Công Đề,
 Hậu quân phó tướng tãng chương dinh Nguyễn Thành,
 Thần sách quân Tiền dinh đó thống chế Phan Văn Triệu,

Tham tán tặng tham khám Trần Văn Thúc, Lại bộ tặng tham chính Nguyễn Bảo Tri, Hộ bộ tặng tham chính Trương Đức Khoan, Binh bộ tặng tham chính Nguyễn Đức Thiện, Binh bộ kiêm Hộ bộ tri Trương Đà sự tặng Tham chính Phạm Ngọc Uẩn, Binh bộ tả tham tri tặng Binh bộ Trần Phúc Tuy, Lại bộ tham tri tặng Lại bộ Nguyễn Bảo Mưu, Tiền quân phó thống Trung đồn chương cơ tặng Thị nội thống chế Nguyễn Văn Lân, Thần sách quân Tiền du đồn Minh uy vệ vệ úy tặng Phó đô thống chế Lê Văn Tự, Hộ bộ hữu tham tri Nguyễn Thành Chấn, Lễ bộ tham tri Nguyễn Công Hy, Lễ bộ tham tri Trần Văn Định, Hộ bộ tham tri Nguyễn Công Kiên, Công bộ tham tri Trần Công Biên, Thị trung Trung nhất vệ vệ úy Lê Văn Tường, Thị trung Trung nhất vệ vệ úy Tôn thất Hãn, Hùng cứ nhất vệ chương cơ Võ Văn Giáo, Hậu quân chánh quản Trung kích vệ tổng nhung cai cơ tặng chương cơ Nguyễn Văn Tường, Thần sách quân Quảng võ vệ vệ úy tặng chương cơ Nguyễn Văn Triệu, Hậu quân Hùng phong vệ vệ úy tặng chương cơ Phạm Văn Trường, Nghị võ vệ vệ úy tặng chương cơ Nguyễn Công Giao, Chiêu võ vệ vệ úy tặng chương cơ Nguyễn Văn Phụng, Hữu quân Võ lương vệ vệ úy tặng chương cơ Phan Văn Thịnh, Tả quân Thần võ vệ vệ úy tặng chương cơ Nguyễn Văn Sửu, Thần dũng vệ vệ úy tặng chương cơ Nguyễn Văn Thông, Thần lược vệ vệ úy tặng chương cơ Mai Văn Bảo, Tiền quân Lương võ vệ vệ úy tặng chương cơ Nguyễn Công Trọng, Tin trực vệ vệ úy tặng chương cơ Nguyễn Tường, Tiệp võ vệ vệ úy tặng chương cơ Nguyễn Công Bình, Tin võ vệ vệ úy tặng chương cơ Lê Văn Lễ, Hùng võ vệ vệ úy Trần Vĩnh Khoa, Thị trung Hữu nhất vệ

phó vệ úy Đỗ Văn Thuyên, Hùng uy vệ phó vệ úy tặg
 chương cơ Lê Công Thành, Thị trung Hậu nhất vệ phó
 vệ úy Nguyễn Công Đình, Hậu quân Hùng phong vệ
 phó vệ úy tặg chương cơ Trần Văn Ất, Nguyễn Văn
 Sĩ, Nhuệ phong vệ phó vệ úy tặg chương cơ Bùi Văn
 Trương, Phạm Văn Hương, Tiền quân phó thống Tiền
 đồn cai cơ tặg chương cơ Hoàng Văn Long, Thần
 sách quân Túc võ vệ phó vệ úy tặg chương cơ
 Lê Văn Ngoạn, Uy võ vệ phó vệ úy tặg chương
 cơ Nguyễn Văn Phụng, Hùng võ vệ phó vệ úy
 tặg chương cơ Trần Văn Tại, Phấn uy vệ phó vệ
 úy tặg chương cơ Hồ Văn Huệ, Phan Văn Dũng,
 Hùng uy vệ phó vệ úy tặg chương cơ Trần Văn
 Phụng, Tiền quân Lương võ vệ phó vệ úy tặg chương
 cơ Nguyễn Võ, Quản Tiền sai đội kiêm suất Trung hầu
 các thuyền tặg cai cơ Nguyễn Kỹ, cai cơ Trần Văn
 Diêu, Hậu quân phó Hữu chi cai cơ tặg chương cơ
 Nguyễn Văn Cần, Phó quân Tiền thủy dinh thống binh
 cai cơ tặg chương cơ Hoàng Văn Định, Thượng đạo
 cai cơ tặg chương cơ Nguyễn Văn Lan, Tiền quân cai
 cơ tặg chương cơ Nguyễn Văn Toán, Võ Văn An, Hậu
 quân cai cơ tặg chương cơ Nguyễn Uy, Nguyễn Công
 Thành, Tiền thủy dinh thống binh cai cơ tặg chương
 cơ Nguyễn Văn Huấn, Thần sách quân Diêu võ vệ
 úy tặg chương cơ Trương Văn Bình, cai cơ tặg
 chương cơ Nguyễn Văn Định, Tổng nhung cai cơ quản
 Đông khẩu đạo tặg chương cơ Nguyễn Văn Nghiêm,
 Tá quân Tiền chi chánh trưởng chi cai cơ tặg chương
 cơ Vũ Văn Cầu, Trung thủy dinh chánh Hậu chi cai
 cơ tặg chương cơ Đặng Văn Đoài, Hữu quân Hữu chi
 chánh trưởng chi cai cơ tặg chương cơ Dương Công

Bảo, Phó trưởng chi cai cơ tặng chương cơ Dương Công Tú, Thượng đạo Tả chi chánh trưởng chi cai cơ tặng chương cơ Quách Công Nghi, Tả quân Tả chi phó trưởng chi cai cơ tặng chương cơ Nguyễn Đình Phong, Hùng võ vệ phó vệ úy tặng chương cơ Trần Văn Huy, Chinh dinh Tiền tượng chi chánh trưởng chi tặng chương cơ Nguyễn Đại Châu, Tiền quân Trung đồn Trung chi trưởng hiệu cai cơ tặng chương cơ Mai Văn Triêm, Trung quân Tả chi chánh trưởng chi cai cơ tặng chương cơ Lê Lục, Trung quân Hữu dực chi trưởng chi cai cơ tặng chương cơ Trần Văn Tịnh, Tiền quân Trung chi trưởng hiệu cai cơ tặng chương cơ Nguyễn Văn Lộc, Hậu chấn cơ cai cơ tặng chương cơ Bùi Văn Trinh, Thuộc nội cai cơ tặng chương cơ Nguyễn Danh Thành, Lương võ vệ phó vệ úy tặng vệ úy Trần Văn Lợi, Hậu quân Trung kích vệ phó vệ úy tặng vệ úy Trần Văn Tu, Tiền quân Lương võ vệ phó vệ úy tặng vệ úy Nguyễn Công An, Thân sách quân Ban trực tuyển phong hậu vệ phó vệ úy tặng vệ úy Trần Công Tân, Uy võ vệ phó vệ úy tặng vệ úy Nguyễn Văn Di, Tin uy vệ phó vệ úy tặng vệ úy Lê Phúc Mỹ, Tả quân Thần lược vệ phó vệ úy tặng cai cơ Phan Đăng Hào, Túc võ vệ phó vệ úy tặng cai cơ Nguyễn Tiến Quỳnh, Tả quân cai cơ Nguyễn Văn Thanh, cai đội Nguyễn Tự, Thuộc nội cai đội Nguyễn Văn Lễ, cai đội Mai Viết Lân, cộng 89 người. Tất cả là 258 người. Hai giải võ bên tả, bên hữu thi tổng tự công thần Võ giai Văn giai và quân lính chết trận).

Sai trước dựng miếu thờ Công thần trung hưng, đặt miếu phu (20 người dân hai xã Thiên-lộc, Vĩ-dã), làm

đồ thờ, hàng năm mùa xuân mùa thu sau ngày tế Mậu (1) đến ngày Giáp thi tế. Những công thần khai quốc và công thần trung tiết thì đều đặt đàn ở bên tả bên hữu miếu đề tế.

Định lệ đưa quan tài của quan quân về quê. Phạm quan hay quân dương làm quan hay đóng thù mà chết thì quan địa phương liệu lấy thuyền của nhân dân chở về mai táng, tay lái và tay chèo được cấp tiền gạo (thợ lái và tay chèo từ 5 người trở xuống thì thợ lái được tiền 3 quan tay chèo tiền 1 quan, gạo mỗi người đều 1 phượng) và miễn thuế thuyền năm ấy. Nếu không có thuyền của dân thì lấy thuyền vận tải, chiếu lệ ấy mà thưởng cấp cho thợ lái và tay chèo, và miễn cho một lần vận chở.

Nguyễn Văn Thành có tang mẹ, tâu xin đưa quan tài về táng ở quê, vua y cho. Lấy Nguyễn Hoàng Đức làm tổng trấn Bắc-thành. Lê Chất làm hiệp tổng trấn, Phạm Như Đăng làm tham hiệp tổng trấn. Chiếu dụ rằng: «Cối Bắc là nơi trọng trấn, hết thấy ủy cho các người. Các người nên gia tâm võ vệ, dẹp trộm cướp để yên dân, cho vừa lòng trăm. Về việc quân lữ thì từ phó tướng trở xuống, có ai trái luật thì đều được tiện nghi làm việc, rồi sau tâu lên».

Hạ lệnh cho phó tướng Trương Tiến Bửu, Nguyễn Đình Đắc đều đem bộ thuộc theo Nguyễn Văn Thành về Kinh. Ngoài ra nhiều người lưu thủ ở Bắc-thành xin theo. Vua nghe tin dụ rằng: «Bọn các người đi thú xa, kẻ đã lâu năm, tình cảm gia đình, trăm vẫn thương

1. Tế Mậu là ngày tế Thái công ở Võ miếu.

lắm. Nhưng nay nếu thay đổi thì lính mới đến thú chưa quen đất nước, chợt có hoãn cấp thì trung phát làm sao được? Làm việc công thì quên việc riêng, làm việc nước thì quên việc nhà, các người phải cố gắng ở lại đây ».

Lấy tham tri Hình bộ là Hoàng Ngọc Uẩn lãnh Hình tào Bắc-thành, đổi bổ hữu tham tri Hình bộ Võ Đức Thông làm hữu tham tri Binh bộ lãnh Binh tào Bắc-thành.

Lại sai Trần Công Hiến lãnh trấn thủ Hải-dương.

Triệu phó tướng Trung quân chánh quản thập cơ Kinh Tiệp là Hoàng Văn Diêm về Kinh, lấy phó quản thập cơ là Võ Văn Thuyền thay lãnh quân ấy.

Lấy cai cơ Tiền thủy Nguyễn Văn Sĩ làm quản thủ đạo Long-xuyên, cai đội Phan Văn Nhân làm thủ ngự nguồn Trà-dinh, Nguyễn Văn Tín làm thủ ngự cửa biển Thi-nại.

Lập 20 sở lò nung gạch ngói sai chưởng cơ tri Đồ gia Phan Tiến Cần, cai bạ Quảng-đức là Lý Gia Du giám đốc công việc.

Dựng kho trấn Quảng-ngãi sai dân lấy gỗ nọp, chi tiền cấp cho.

Phát hơn 2 nghìn người các quân Thanh Nghệ đi thú Bắc-thành.

Triệu phó đô thống chế Hữu dinh quân Thần sách là Nguyễn Văn Trí đem lính thú ở Thanh-hoa về Kinh.

Tháng 2, ngày canh dần, vua yết lăng Cơ thánh; khi thuyền về, đến chơi cửa Eo. Thương tiền cho quan quân đi theo theo thứ bậc khác nhau. Ngày giáp ngọ trở về.

Đặt chánh cai quan và chánh ty quan đội Việt tướng.
Lấy thêm sự Hộ bộ là Nguyễn Tường Văn làm ký
lục Bình-thuận.

Ký lục Định-tướng là Võ Văn Doãn xử việc hình ngục
chậm trễ, bị miễn chức, lấy Bùi Đức Mãn thay.

Lấy phó thống Tả đồn Tiền quân là Hoàng Văn Nhị
kiêm quản cơ Tả kinh, phó thống Tiền đồn là Lê Văn
Hợp kiêm quản cơ Trung kinh, phó thống Hậu đồn
Trung quân là Nguyễn Văn Giáo kiêm quản vệ Trung
bảo nhất.

Tướng giặc ở Sơn-nam thượng là Chử Văn Nhị họp
đảng mưu làm loạn, vệ úy vệ Tiền bảo là Nguyễn Văn
Phượng bắt được giết đi. Thưởng cho 100 quan tiền.

Bọn giặc ở Thái-nguyên hơn 4 trăm người cướp bảo
Đường-lang. Cai đội thủ bảo là Võ Hữu Bích, Dương
Văn Quế cùng với quyền sai thủ hợp là Nguyễn Đắc
Thọ đem lính thổ chống đánh, chém được 3 đầu giặc.
Hữu Bích bị đạn chết. Giặc lừa quân vào đồn. Văn
Quế, Đắc Thọ và thuộc hạ 15 người đều bị giặc giết.
Việc tâu lên. Tặng Hữu Bích, Văn Quế làm chánh hiệu
úy, Đắc Thọ làm thủ hợp, đều chiếu theo phẩm trật
cấp tiền tuất. Thuộc hạ thì chiếu theo lệ tuất của binh
lính cấp cho người nhà.

Thượng thư Lê bộ Đặng Đức Siêu chết; cho gấm lụa
và tặng Tham chính.

Ngày quí mão, tế Trời Đất ở đàn Nam giao.
Đặt thêm tri huyện hai huyện Duy-tiên và Tiên-lữ ở
Sơn-nam thượng. Hai huyện này trước đặt một tri
huyện, đến nay công việc nhiều, mỗi huyện đặt thêm
một viên nữa.

Đắp đập ở hai xã Kim-dôi và Yên-xuân. Vua thấy nước biển làm hại nghề nông, hạ lệnh đắp đập để ngăn.

Dựng Thái y viện.

Đóng thuyền sam bản lớn.

Sai bọn Trương Bảo Thiện, Lã Hữu Định (người Minh-hương ở Gia-dịnh) đem 20.000 lạng bạc sang Quảng-dông mua hàng hóa.

Đắp thành đất ở Bình-thuận (ở thôn Long-lễ huyện Hòa-da), sai 7 trăm lính Thuận nghĩa, Thuận thủy và 2 trăm dân Thuận-thành làm việc.

Thuyền của thiên tổng tỉnh Phúc-kiến nước Thanh là Tiêu Nguyên-hầu bị nạn giạt vào cửa biển Cam-ranh ở Bình-hòa, hơn một tháng trấn thần đem việc tâu lên. Vua khiển trách rằng: « Sao chậm thế? ». Sai cho Tiêu Nguyên-hầu tiền 30 quan, lụa 4 tấm, vải 5 tấm, gạo 6 phương, lính đi theo 7 người, mỗi người tiền 5 quan, vải 2 tấm, gạo 3 phương.

Dụ trấn thần rằng: « Thuyền nước ngoài bị nạn, việc giúp đỡ đã có lệ định. Duy Tiêu Nguyên-hầu là người công sai của nước Thanh, cho nên đặc biệt thưởng cấp thêm để tỏ ưu đãi. Các người nên đem ý ấy báo cho biết. « Rồi sai gọi về Kinh, lại cho thêm tiền 100 quan và cho đưa di đường bộ về nước.

Chuẩn định rằng từ nay những cai đội, đội trưởng các quận trong ngoài được điệu bổ hay thuyên bổ, đều do dinh thần lục chỉ cấp bằng.

Quảng-nam Quảng-ngãi không mưa. Vua lo, mỗi lần coi châu, là hỏi việc làm ruộng lợi hại thế nào. Hơn một tháng, quan hai dinh đem việc được mưa tâu lên, vua mới vui lòng.



Dựng kho tiền ở Thanh-hoa.

Miễn việc kén lính cho dân Minh-hương ở Quảng-ngãi (dân số 100 người, năm giáp dần kén lính 6 người), mỗi năm mỗi người nộp 2 tấm vải thuế và tiền thuế thân.

Phục lại binh hạng ngạch cũ ở Gia-định. Trước là khi thiên hạ đã bình định, vua cho quân Gia-định trở về với dân. Sở tại khi làm sổ đinh liệt làm dân hạng. Vua nghe thấy nói: « Binh cũ ở Gia-định đi trận nhọc mệt đã lâu, nay tuy về dân, nếu có việc thì lại làm binh ngay, sao lại liệt cùng dân hạng? ». Sai đổi lại sổ, liệt làm binh hạng ngạch cũ, thuế thân được miễn cũng như binh tại ngũ.

Giáng phó tướng quân Chấn võ là Lê Tiến Tham làm chương cơ. Tham ở Gia-định, thường cùng người Xiêm gởi thư qua lại. Thành thần khép về tội giao thông với người nước ngoài, nên giáng chức.

Dựng lý sở dinh Quảng-bình, lấy dân làm việc. Vua dụ đình thần rằng: « Công việc làm nhọc sức dân là bất đắc dĩ. Lúa chiêm sắp gặt, thả ngay cho về, khi làm ruộng xong sẽ đến làm việc, hàng ngày cấp cho lương ăn, đừng để thiếu thốn ».

Tháng 3, ngày mồng 1 ất mão, có nhật thực.

Đắp đường sá ở Bình-thuận.

Sai Gia-định chọn mua hàng hóa của người Thanh, giá tiền mua khấu trừ vào thuế buôn.

Định số viên thêm sự ở sáu bộ, mỗi bộ 4 người. Lại bộ thừa 2 viên, bộ thần xin xét nơi nào khuyết thì chuyển bổ. Bèn lấy thêm sự Võ Quý Đinh làm thêm sự Lễ bộ, Trần Ngọc Quán làm thêm sự Công bộ.

Sai thượng thư Hộ bộ là Lê Quang Định kiêm việc Khâm thiên giám.

Sai phó đô thống chế Thủy quân là Đào Văn Lương kiêm lãnh việc vận chở từ Nghệ-an ra Bắc.

Thượng thư Công bộ thống quản Thủy quân là Trần Văn Thái chết; tặng Tham chính. Lấy binh đưa đám tang về làng, cấp cho 3 người mộ phu.

Phát chẩn thêm cho dân đói ở Bắc-thành. Các trấn Kinh-bắc, Hải-dương, Yên-quảng và Sơn-nam hạ thuộc thành hạt lúa chiêm chưa chín, dân gian còn nhiều người đói. Thành thần xin phát chẩn thêm. Vua nói: « Nhà nước chưa góp vốn là kẻ nuôi dân ». Ra lệnh phát thêm gạo kho 5.000 phương, sai bọn Phạm Như Đăng, Nguyễn Đình Đức, Hoàng Ngọc Uẩn chia đi các nơi để chẩn cấp. Thành thần lại tâu nói: « Cửa sông Thiên-đức ở Kinh-bắc bị ứ lấp, mưa lụt làm hại, và đường sá ở Lạng-sơn thì rừng rú rậm rạp, xin hợp dân đói cho khơi sông và phát đường, hàng ngày cho ăn. Vua y lời tâu. Sai phát 3.000 phương gạo để cấp.

Sai chưởng cơ quân Thần võ là Trần Văn Thìn kiêm lãnh Đê chính Bắc-thành.

Thuyền buôn nước Xiêm-la gặp gió giạt vào cửa Đại-chiêm, sai dinh thần Quảng-nam theo số hơn 4 trăm người trong thuyền cấp cho 10 ngày lương ăn, rồi cho về.

Lấy cai cơ Nguyễn Văn Thuật làm trưởng chi chi Thanh-nghĩa. Trước kia Đặng Trần Thường ở Bắc-thành, mộ dân ngoại tịch lập làm chi binh được hơn 5 trăm người, đến nay Thường xin lấy Thuật quản suất, theo thành sai phái. Vua y cho.

Đặt thêm phu trạm ở các trạm từ Quảng-binh vào Nam tới Bình-thuận. Theo ngạch cũ có 80 người hoặc 50 người, binh đao và thuế thân đều miễn. Tới nay sai mộ dân ngoại tịch để bổ thêm, mỗi trạm 100 người,

những người bổ thêm đều được miễn binh đao và thuế thân, theo lệ quân hạng.

Lấy hơn 140 chiếc binh thuyền của Thủy quân để chở sản vật ở Thanh Nghệ và Bắc-thành.

Sai các thành dinh trấn chở tiền kho về Kinh, Bắc-thành 20 vạn quan, Gia-dịnh 10 vạn quan, Quảng-nam, Bình-dịnh, Nghệ-an đều 5 vạn quan, Quảng-ngãi, Thanh-bình đều 2 vạn quan, Phú-yên, Thanh-hoa đều 1 vạn quan.

Đóng mỏ đồng Tu-long ở Tuyên-quang. Trước kia tuyên úy đại sứ là Ma Sĩ Trạch khai mỏ đồng, lệ định chi tiền công 28 quan thì thu 100 cân đồng đỏ. Đến nay sai quan Bắc-thành chiêu số tiền đã chi thu đủ số đồng thì thôi.

Đổi bỏ gián binh của dân Cù-mông ở Quảng-ngãi làm tráng binh thuộc trấn. Trước kia dân Cù-mông phải chịu hơn 50 người gián binh, bỏ vào cơ Hữu kiên. Đến khi đổi trấn lý đến đó, lấy dân ấy làm dân phụ lữ. Đến nay sai rút cơ binh về, bỏ làm tráng binh thuộc trấn để tiện cho dân.

Sai dựng sơn phần của Tống quốc công phu nhân Lê thị ở Long-hồ, cho binh lính 200 quan tiền. Ngày an táng, vua thân đi đưa.

Nguyễn Văn Thành tự Bắc-thành về, vào yết kiến. Vua yên ủi hỏi han hồi lâu, cho 500 quan tiền, 200 cân sáp ong. Văn Thành nhận xin đưa tang mẹ về táng ở Bình-hòa. Vua ngăn đi, nói rằng: « Cáo chết quay đầu về núi là việc lẽ đấy. Làng Bác-vọng phủ Triệu-phong là tổ quán của khanh, sao không táng ở đấy? ». Văn Thành lạy xin vâng mệnh.

Ha lệnh cho Bắc-thành đồn hơn 380 người binh hiện ở các vệ Nghiêm dũng, Toàn dũng, Kiên dũng, Hiến dũng làm vệ Nghiêm dũng, lấy phó vệ úy là Tôn thất Nhật quản suất.

Sai hai phố Thanh-hà và Hội-an xét hỏi những người buôn nước Thanh. Phạm người Thanh đến buôn bán cứ 3, 4 tháng thì trở về nước, ai xin ở lại và đi nơi khác buôn bán thì địa phương phải cam kết, quan sở tại cấp bằng. Nếu tự tiện đi hay ở thì bắt tội.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, tế hạ hưởng.

Ngày đình dậu, xa giá đi tuần Quảng-trị. Ngày tàn sửa đi Quảng-bình, xem làm lý sở của dinh. Dự ký lục Hoàng Văn Diễn và cai bạ Nguyễn Du rằng: « Dùng sức dân, nên dè sẻn. Đắp đất đai sai dân làm thì được, còn xây dựng sinh thự, nên lấy binh lính mà làm ». Bèn hạ lệnh cho Hộ bộ thưởng cho những người ứng dịch. Ngày đình mùi trở về.

Nguyễn Hữu Thận từ nước Thanh trở về, đem dâng sách *Đại Thanh lịch tượng khảo thành*, nói: « Lịch vạn toàn của nước ta cùng với sách Đại Thanh thời hiện, từ trước đều dùng phép lịch Đại thống của nhà Minh, hơn ba trăm năm, chưa có sửa đổi, càng lâu càng sai. Khoảng năm Khang-hy nhà Thanh mới tham hợp phép lịch của Tây dương mà chép thành sách này. Sách suy tính tinh tường, so với lịch Đại thống kỹ hơn, mà phép tam tuyến bát giác lại rất là diệu. Xin giao cho Khâm thiên giám, sai thiên văn sinh học lấy phương pháp ấy, thì thiên độ mới đều, mà thời tiết được đúng ». Vua khen phải.

Sai Bắc-thành kê danh sách những phiên thần phụ đạo ở sáu trấn ngoại. Chiếu rằng: « Trước đây đại gia

Bắc tuần, các phiên mục đến hành tại bài yết, đã cấp sắc chỉ và bằng của triều đình, để cho cai quản binh thổ dân thổ. Nhưng nghĩ lúc nước mới yên, còn có thiếu sót, sau chỉ do thành thần cấp bằng, chưa có sắc mệnh của triều đình. Vậy sai hợp làm danh sách dâng lên đợi chỉ ».

Hình tào Bắc-thành là Phạm Như Đăng hạch tâu các trấn Kinh-bắc, Sơn-tây, Cao-bằng xử án có nhiều ruộng đất sung công mà ân lậu không thu thuế. Vua giao xuống đình thần bàn, đều tùy theo nặng nhẹ xử phạt. Ruộng đất nào nên truy thu thuế thì bắt phải nộp bồi đủ số.

Sửa cung Khôn-đức và hũu trường lang. Thường cho biên binh 1.600 quan tiền.

Chở thóc tô năm nay ở Quảng-trị về Kinh. Kho tàng ở Quảng-trị đều đầy cả, đình thần tâu lên, bèn sai chở nộp vào kho Kinh.

Chế khám vương đề thờ ở Văn miếu, sai Phiên-an và Biên-hòa lấy gỗ hoàng đàn để làm.

Người ở Lâm-thao trấn Sơn-tây là Bùi Viết Hàn vì vợ mắng chửi mẹ, tức giận đánh chết vợ, tri phủ Nguyễn Kim Bảng bắt Hàn và bố là Cơ giam vào ngục. Cơ buồn rầu ốm chết, Hàn cũng bị tội. Án ấy dâng lên. Vua xem rồi nói: « Con dâu chửi mẹ chồng theo đạo nghĩa thì đáng chết. Hàn phản kích vì nghĩa, mà bị cực hình, Cơ chết không tội mà bỏ đày không hỏi đến, pháp luật như thế ư? ». Hạ lệnh tha tội cho Hàn, đánh Bảng 90 roi, thu tiền mai táng 36 quan cấp cho vợ con Cơ. Thành và trấn đều bị xử phạt.

Cấp lương tháng cho binh hai cơ Tả hùng, Hữu hùng ở Bắc-thành (2 cơ đều là lính mộ, gồm hơn 600 người).

Tháng 5, hoãn việc thi Hương năm nay. Chiếu rằng : « Các trấn ở Bắc-thành liền năm đói kém, triều đình đương lấy việc cứu đói làm cần kíp. Điền lễ lớn về khoa cử chưa làm được, hãy hoãn lại ». Từ đây cứ 6 năm mới một lần thi.

Tha tô thuế năm nay cho huyện Tống-sơn.

Gọi hơn 1 nghìn người Ngũ quân và Tượng quân ở Bắc-thành về Kinh.

Chở hơn 7 vạn phương thóc ở Thanh-hoa đến Quảng-binh.

Chọn bốn Hàn lâm viện Nguyễn Đăng Tài, Nguyễn Đăng Thiệp, Hoàng Kim Hoán và Cống sĩ viện Hoàng Công Tuy, Đoàn Văn Chất là 9 người, sung chức tư giảng để giảng cho hoàng tử và hoàng tôn.

Sai vệ úy Phạm Văn Tương kiểm lãnh các tượng cục, thuộc nội cai đội Lê Tiến Kế quản các đội Uy chấn, An công, Thiên hùng ở Bắc-thành.

Sửa cầu cống đường sá ở các dinh Quảng-dức, Quảng-trị, Quảng-binh. Vua thấy đường cũ cong queo bùn lầy, sai giám thành sứ là Trần Văn Học đo xem thế đất, lấy dân sửa đắp, cấp cho lương ăn hàng ngày. Lại thấy trời mùa hè nắng nực, răn khiến không nên đốc thúc làm quá, để ngơi sức dân.

Lấy tham hiệp Hải-dương là Nguyễn Văn Công làm hiệp trấn Thái-nguyên, tri phủ Tam-dới là Trần Thiên Tài làm tham hiệp Hải-dương.

Khơi sông ở thôn Đông-an ở Bình-thuận. Thôn Đông-an trước có đường sông tưới ruộng, đến sau khi đắp thành trấn thì bị bồi lấp, nông dân lấy làm khổ, bèn sai trấn thần tùy thế khơi đào, lấy ba trăm dân làm việc.

Lấy thêm sự Binh bộ là Võ Thế Nho làm hiệp trấn Hưng-hóa, tri phủ Đức-quang là Nguyễn Bá Tuần làm tham hiệp Sơn-nam hạ.

Cai cơ Thuận nghĩa là Nguyễn Văn Nghĩa đem binh hai cơ Hòa thủy, Thuận thủy chở gỗ ở Gia-dịnh về Kinh. Thưởng cho biên binh một tháng tiền lương.

Định thuế mua gỗ lim cho người buôn Thanh. Lệ trước, người Thanh đến buôn, cấm không được mua bán gỗ lim. Có người chủ thuyền ở Quảng-dông là Lại Chiêm-hòa đậu thuyền ở cửa Hội Nghệ-an, thiết tha xin cho mua gỗ lim. Trấn thần tâu lên. Vua bèn sai bỏ lệ cấm mà đánh thuế gấp hai. (Lệ định người Thanh mua hàng hóa nước ta, như loại sừng tê, ngà voi, thì đánh thuế 1 phần 20, đến nay định thuế gỗ lim đánh 1 phần 10).

Cho khám sai cai cơ Phạm Văn Tường và Nguyễn Văn Hạnh, làm khám sai chưởng cơ. Sai Nguyễn Văn Hạnh suất 500 thủy quân, 20 chiến thuyền đi đóng thú ở đồn thủy Nông-giang thuộc Bắc-thành, kiêm chưởng bốn dực cơ. Thành thần thấy chiến thuyền ở thành, lâu năm mục nát, tâu xin cấp thêm cho thuyền kinh, sai một người chưởng Thủy quân quân lãnh, để phòng khi trưng phát, cho nên có mệnh này. Gặp giặc biên Tề-ngôi là bọn Ô Thạch-nhị, Đông Hải-bát, Lý Á-thất bị tổng đốc Lương Quảng nước Thanh đuổi riết, phải trốn ra mặt biển thuộc bốn phủ Cao, Liêm, Quỳnh, Lôi, Khám-châu gửi giấy cho Bắc-thành hẹn đem quân ra ngăn chặn. Thành thần đem việc tâu lên. Vua bảo Tổng Phực Lương rằng: « Bọn giặc biên lần lút ở bãi Bạch-long, chỉ là sống tạm bợ thôi. Nay người Thanh đuổi bắt, ta nên cùng hợp sức đề dẹp cho yên.

mặt biển. Nhân sai Văn Hạnh đem binh thuyền thẳng tới Vạn-ninh. Thành thần lấy thêm binh thuyền lệ theo sai khiến. Lại thấy Vạn-ninh tiếp liền Khâm-châu, nên có người văn học đề làm thư từ đi lại, sai Ngô Khản làm lục sự để giúp công việc từ chương trong quán. Hơn một tháng, bọn Ô Thạch-nhị đều bị quân Thanh bắt hết. Lý Á-thất và bè lũ hơn hai chục người cũng đến quán ta đầu hàng. Bèn sai thành thần đưa bọn giặc bắt được ấy sang Khâm-châu. Văn Hạnh rút quân về đóng ở đồn Thủy Nông-giang. Triệu Ngô Khản về Kinh sư sang Hàn lâm viện.

Bọn Tống Phước Ngoạn và Phạm Cảnh Giảng từ nước Xiêm trở về, đem địa đồ nước Xiêm dâng.

Hoãn thu tô thuế ở Quảng-đức. Vì dân địa phương đương đắp đường quan, cho nên hoãn.

Tháng 6, miễn thuế diêm thuế thân năm nay cho dân đội Hùng-diêm ở Bình-định. Dân đội ấy có 6 trăm người đi Bắc-thành ứng dịch, phó suất đội là Trần Công Lạng vì dân ấy mà tâu xin. Vua y cho. Rồi sai hộ theo vệ Hùng dũng Hậu quân đóng thú ở Bắc-thành, vẫn miễn thuế cho.

Chương Trung quân binh Tây đại tướng quân quận công là Nguyễn Văn Trương chết. Văn Trương là người có công to với nước. Vua nghe tin ồm, đã từng triệu con là Ngoạn vào hỏi thăm, dặn phải chữa cẩn thận. Đến lúc chết, vua thương tiếc không người, tặng Thái bảo, thụy là Trung dũng, cho quan tài bằng gỗ giáng hương và 1.000 quan tiền. Sai phó tướng Hoàng Văn Diêm và tham tri Ngô Nhân Tính coi việc tang. Ngày an táng, vua ngự thuyền rồng đến bến sông Hương để đưa, giờ lâu mới trở về. Sai quan đến dự tế. Cấp cho

10 người mộ phu. (Năm Minh-mệnh thứ 5 được tòng tự ở Thế miếu, năm thứ 12, phong Đoan hùng quân công).

Quan Hộ bộ tâu nói: «Thường năm ở thành Gia-dinh cứ nộp 1 phương thóc lớn thì nộp kèm 2 tấm lá dứa. Gần đây đem nộp phần nhiều là ngắn và nhỏ không dùng được. Xin định cách thức. Vua y cho. (Mỗi tấm dài 1 thước 5 tấc, ngang 1 thước 5 tấc).

Bọn người Yên-dũng trấn Kinh-bắc là Nguyễn Danh Tiến và người Từ-liêm trấn Sơn-tây là Nguyễn Duy Hiên báo dẫn quan quân bắt được đảng giặc hơn bốn chục người. Thưởng 300 quan tiền, và cho các chức đội trưởng, xã trưởng theo thứ bậc khác nhau.

Bỏ thuế vật ở Hà-tiên. Hà-tiên trước không có ngạch thuế. Từ Mạc Tử-thiền mới thu các thuế mỡ lợn, thuốc phiện và thuế sông bạc. Bọn án thủ là Ngô Y Nghiễm, Lê Tiến Phúc, lại chia thuyền buôn ra làm ba hạng để đánh thuế. Đến nay làm sỗ quân dân và đem ngạch những thuế đã đánh để do thành thần Gia-dinh tâu xin định lệ. Gặp lúc bọn Tống Phước Ngoạn tự nước Xiêm về, nói rõ mối tệ. Vua bèn xuống chiếu bỏ đi. Chiếu rằng: «Hà-tiên là nơi biên giới ở xa. Triều trước dựng trấn tiết cốt để làm bảo chương, chứ không phải cốt để thu thuế. Từ khi quân nổi, dân vật điêu hao, Tử-thiền có chức phận giữ đất, để chần dân, thế mà không biết thế theo đức ý, lại còn đòi kiếm ngoài ngạch, bóc lột dân để nuôi béo mình. Bọn án thủ Y Nghiễm lại cứ theo lối cũ mà làm, có phải ý của triều đình vì dân đặt quan như thế không? Vậy các tạp thuế như thuế mỡ lợn, thuế thuốc phiện, thuế sông bạc đều bỏ hết. Thuế thân, thuế thuyền chưa có định ngạch cũng đều miễn cả. Duy

có dân tịch thì đăng ở Hộ bộ để biết rõ số dân thời ». Tờ chiếu ban xuống, dân rất vui mừng.

Phó đô thống chế quân Thần sách là Nguyễn Văn Tri bắt lính làm việc riêng, việc phát giác, Bãi quyền coi quân, vẫn lưu làm phó đô thống chế.

Truy tặng cai cơ Vọng-các bành lưu thủ Bình-hòa là Nguyễn Thoan làm chương cơ.

Hạ lệnh cho thành thần Gia-định xét những biên binh thuộc thành nên chi gạo bổng gạo lương thì đều theo giá chợ mà cấp bằng tiền.

Sai cai cơ chi Thanh nghĩa ở Bắc-thành là Nguyễn Văn Thuật đem một trăm người binh của chi đóng giữ bảo Hoàng-chuyết (thuộc huyện Bạch-bạc) trấn Sơn-tây.

Đổi dựng cầu Lý-hòa ở Quảng-bình. (Cầu cũ 138 nhịp, đến nay do sông rộng 74 trượng, đổi dựng 56 nhịp, bớt cũ đi 82 nhịp), sai quản cơ Cao Công Giang trông coi công việc.

Dời trấn thành Bình-định đến Tân-an (tên xã thuộc huyện Tuy-viên). Trấn thần thấy dân đương làm ruộng, xin sai 17.500 người, chia làm hai ban, 10 ngày thay một lần. Lại xin hoãn bắt lính một tháng. Vua đều theo lời. Ruộng đất nào bị mở vào, sai cấp cho 4 phần 10 giá tiền.

Sai tham lý Đê chính là Nguyễn Khắc Thiệu kiêm quản Thủy quân ở Bắc-thành.

Lưu thủ Phiên-an là Lê Văn Lân chết. Cho 2 tấm gấm Tống và 100 quan tiền.

Cho Lê Duy Hoán 100 quan tiền, Lê Duy An 30 quan tiền.

Bắc-thành bị hạn. Sai thành thần xét hỏi tù đương giam, tha hơn ba chục người án còn ngờ.

Đổi định lệ tiền ân tuất cho các quan viên văn võ: (Nhất phẩm tiền tuất 400 quan, tòng nhất phẩm 300 quan, nhị phẩm 200 quan, tòng nhị phẩm 100 quan, tam phẩm 70 quan, tòng tam phẩm 40 quan, tứ phẩm 30 quan, tòng tứ phẩm 28 quan, ngũ phẩm 25 quan, tòng ngũ phẩm 23 quan, lục phẩm 20 quan, tòng lục phẩm 18 quan, thất phẩm 15 quan, tòng thất phẩm 13 quan, bát phẩm 10 quan, tòng bát phẩm 8 quan, cửu phẩm 5 quan, tòng cửu phẩm 4 quan. Ở Kinh do bộ Hộ, ở ngoài do quan địa phương theo lệ chiếu phát. Tam phẩm trở lên thì tâu ngay lên vua biết. Còn từ tứ phẩm trở xuống đều đến cuối năm làm thành sách tâu lên. Bề tôi huân cứu được đặc biệt gia ân thì không theo lệ định. Ty thuộc vị nhập lưu cùng binh lính và thợ cục đương sai phải việc công, thì đều cấp tiền 3 quan).

Nguyễn Đức Xuyên tâu nói rằng hai xã Dương-nỗ và Quy-lai, có đầm nông cạn có thể cấy cấy được, xin sai dân đắp đập để chống nước mặn để cấy cấy. Sau khi thành ruộng, theo lệ công điền mà thu thuế. Vua y cho.

Phó vệ úy vệ Túc võ là Hồ Văn Trương đốc suất quân dân hộ giải đồ vật của nhà nước, gặp khi trời hè nóng dữ, dân phu có người đau bụng không đi được, binh lính ngờ là dối đánh roi, người ấy chết. Văn Trương vì không hay răn cấm phải phạt 70 roi. Lại thu tiền mai táng 36 quan cấp cho nhà người chết.

Phó vệ úy vệ Phấn võ là Tôn thất Nghị tuổi già xin nghỉ việc. Vua thấy Nghị trước có chiến công, cho hàm cai cơ.

Cấp cho Thanh-hoa 10 chiếc thuyền.

Bắc-thành giã gạo đất. Thành thần tâu nói: « Nhân dân bị đói kém, vì nổi khan tiền. Nay đồng đô ít, xin đem gang sắt pha lẫn với thiếc, theo kiểu tiền đời Hồng-đức mà đúc, để tiêu dùng trong nước. Vua sai định kiểu mẫu khuôn đất, gửi cho đề đúc, cứ 1 quan tiền nặng 2 cân lâm mức, không được quá nhẹ.

Tha thuế thân năm nay cho thợ thuyền các địa phương làm việc ở Kinh.

Hạ lệnh cho đô thống chế Hậu dinh quân Thần sách là Trần Văn Năng đem hơn 1 nghìn biên binh theo thú ở Gia-dịnh hộ đưa thuyền vận tải về Kinh. Tới nơi, vua nghĩ đi thú ở xa đã lâu ngày thả cho về, binh thì thưởng cho hơn 3.000 quan tiền, quan thì đều thưởng cho 1 tháng lương.

Sai phó tướng Hữu quân là Mạc Văn Tô đem binh cũ về Kinh. Trước đây Văn Tô chiêu tập hơn 1 nghìn người binh cũ theo việc sai phái ở thành Gia-dịnh, rồi sau trốn đi chỉ còn một nửa. Thành thần đem việc tâu lên. Vua sai Văn Tô quản suất đem về Kinh, kẻ nào đi đường mà dám trốn thì bắt chém để làm gương. Khi tới Kinh, có 3 người trốn, qua cửa Hải-vân quan thủ ngự bắt được, sai chém ngay.

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHẤT KỶ

QUYÊN XLI

THỰC LỤC VỀ THẾ TỒ CAO HOÀNG ĐẾ

Cảnh ngộ, Gia-long năm thứ 9 [1810], mùa thu, tháng 7, ngày mồng 1, tế thu hưởng.

Lại tha thuế các nguồn năm nay cho Quảng-ngãi. Các nguồn từ khi bọn ác man nổi loạn, lính thú phải đóng giữ, đường buôn bán chưa thông, cai quan là Dương Công Vịnh đem việc tâu lên, cho nên lại tha.

Dựng kho các trấn Phú-yên, Bình-hòa, Bình-thuận.

Thổ phi ở Thanh-hoa tụ họp ở Thiệu-thiên, thổ dân là Nguyễn Xuân Dần và Nguyễn Miện dụ chúng đến xã Viên-quang, rồi báo quan quân vây bắt, bắt được tướng giặc là tên Kim tên Lâm và đồ đảng 8 người. Thổ tù là Phạm Phúc Ba cũng bắt được đảng giặc là tên Vĩ và súng đạn khí giới đem nộp. Trấn thần tâu nói công trạng. Sai cho bọn Dần làm đội trưởng và thưởng 50 quan tiền, thưởng mũ áo và 100 quan tiền cho Ba.

Chia binh Thị trung làm ba ban, một ban nghỉ, hai ban ở trực.

Định lệ chia ban chi lương cho các viên dịch ở các nha sáu bộ. (Ty Lệnh sử đồ gia ở sáu bộ, ty chiêm hậu

ở Khám thiên giám đều chia làm ba ban, một ban làm việc, hai ban nghỉ. Người ở ban mỗi tháng được cấp gạo lương mỗi người 1 phượng; Thái y viện cùng y sinh ngoại khoa chia làm năm ban: một ban làm việc, bốn ban nghỉ, ở ban mỗi tháng được cấp gạo lương mỗi ban 30 phượng).

Sai đô thống chế Lê Văn Phong đem hơn 1 nghìn quân và hơn bốn chục chiếc thuyền đi thú ở Gia-định.

Trong kinh kỳ bị bão, nước lụt tràn lên. Thuyền buôn ở cửa Eo và cửa Tư-dung bị chìm đắm, nhân dân có người chết đuối. Vua sai một người thị thư và một người tiều sai hội với dinh thần Quảng-đức đến tận nơi, thu nhặt xác chết, cho tiền chôn cất.

Nước Xiêm-la sai Long-tham Sâm-bạt-ca, và Long-chãi Khôn-sạ-môn-tri đến dâng sản vật địa phương. Trước kia người Xiêm là Ngô Ngãnh bị bão thuyền giạt vào phần biển Quảng-nam, vua sai theo lệ cấp cho gạo lương, lại cho vay hơn 1.000 quan tiền, hơn 1.000 phượng gạo. Đến nay người Xiêm đến tạ ơn và dâng thư nói nước Xiêm-la đã đánh phá được Phạ-ma (tên khác của nước Diển-điện), lấy lại đất Sa-lăng. Vua sai trả lại những vật dâng và làm thư trả lời.

Nguyễn Văn Thành dâng phong thư kín nói các việc: một là xin định lại phép thưởng phạt các phủ huyện, ai có công thi thăng cấp, tăng lương, ai có lỗi thi giáng cấp, phạt lương, để khuyến răn. Hai là xin định 6 năm chia làm hai kỳ khảo khóa; phủ huyện trong 3 năm không có lỗi thi được điều bổ đi hạt khác, đến 6 năm thi xét giỏi hay không để định thăng truất. Ba là nói những bãi nổi ven sông ở Bắc-thành dân hay tranh nhau trưng, gây thành kiện tụng, xin định điều lệ để ban hành.

Vua sai đình thần bàn lại tâu lên.

Định lệ cấp người dẫn đường cho các địa phương. Từ Gia-định đến Bắc-thành, phạm cấp người dẫn đường, đều lấy tới Kinh làm hạn, không được vượt qua.

Tôn thất Thăng tâu xin mộ dân ngoại tịch có văn học lấy 20 người sung bổ làm văn bản thuộc phủ. Vua y cho.

Kèn thêm binh Tống-sơn sung vào vệ Tin uy Thị nội. Chiếu rằng: «Tống-sơn là nơi căn bản, triều trước lấy dân làm thân binh. Từ nhà nước hưng phục tới nay, tô thuế dao dịch đều miễn cả, duy các đội của vệ Tin uy là binh thân cận thì lấy dân huyện, vì muốn cho cùng nhà nước nương nhau. Nay số quân chỉ có 160 người, mà trong huyện cũng có người chưa được dự. Vậy hạ lệnh cho kèn đủ 600, chia làm 10 đội thuộc vệ Tin uy, mỗi đội 60 người, để phục sự Nguyên miếu, hoặc gọi về Kinh ứng trực. Vả lại binh giáp của triều đình, thêm một huyện không là nhiều, bớt một huyện không là ít, song việc suy án phải bắt đầu từ gốc, Tống-sơn là ấp thang mộc, ở nước là thân dân thì ở quân là thân binh, những vệ hiệu khác không thể ví được. Vậy đều phải thể theo ý ấy của trẫm ».

²²² Tham hiệp Nghệ-an là Nguyễn Văn Huân tự tiện chi dùng của công, bị tội miễn chức; lấy tri phủ Anh-đô là Lưu Văn Vượng thay.

Tướng giặc ở Kinh-bắc tên là Liên tụ đảng ở Bắc-hà hoành hành cướp bóc. Trấn thủ Lưu Phước Tường đem quân vây bắt được đồ đảng 50 người.

Đô thống chế Thủy dinh là Lê Văn Quế chết. Văn Quế có công Vọng-các, vua thương vì không có con

nối dòng nên miễn thuế thân cho người cháu gọi bằng chú bác là Lê Văn Do, khiến giữ việc thờ cúng. Lại sai mộ dân ngoại tịch 7 người làm mộ phụ.

Tháng 8, ban thước kinh do ruộng cho trong ngoài. Thước kinh do triều Lê cũ chế ra ban hành đã lâu, dân gian vẫn thường dùng. Năm Gia-long thứ 5 mới dùng thước trung bình, chế hơi dài hơn, bởi thế đo ruộng số mẫu sai nhau nhiều. Vua sai hỏi tìm thước kinh cũ. Lấy được ở nhà dân xã Cổ-linh huyện Gia-lâm, bèn theo cách thức ấy lấy đồng (nặng 1 cân 12 lạng) mà làm ban cho các thành dinh trấn. Những ruộng đất công từ từ trước trót đã dùng thước trung bình mà khám đạc, thì làm sổ để đó mà theo. Từ nay nếu có việc tranh địa giới hay tố cáo ần lậu và báo xin khai khẩn thì dùng thước kinh để đo.

Tha đao dịch ba năm cho dân Triều-tôn (tên xã, nay là Giang-triều thuộc huyện Phú-vang) dinh Quảng-dức. Chánh quản cơ Kiên-chu là Lê Văn Chân tâu nói rằng tiên tổ là người Triều-tôn (tên xã, nay là Triều-dương, thuộc huyện Quảng-xương) ở Thanh-hoa, khi Thái tổ vào trấn phương Nam, đem nghĩa dân đi theo, nhờ ơn cho dân ấy làm binh thuyền Triều-tôn, lấy hơn 10 mẫu ruộng đất ở Tiên-nộn, Nam-phố và Phồ-tri (tên ba xã, thuộc huyện Phú-vang) cho ở. Khi Tây-sơn nổi loạn, quân dân tan tác bốn phương, ruộng đất bị xã Nam-phố chiếm mất. Năm Gia-long thứ 7, lấy cấp trả lại, sai chiêu tập dân về. Nay dân dần dần trở về, xin lập sổ định sổ điền xã Triều-tôn. Ruộng thì xin nộp thuế theo lệ công điền hạng ba. Vua y cho. Lại thấy dân ấy mới về, miễn đao dịch ba năm.

Thành thần Gia-định tâu nói: «Số binh ở các trấn còn ít, xin căn cứ vào sổ định từ 20 người trở lên,

30 người trở xuống, thì lấy 1 người dân ngoại tịch lập làm hương binh. Chọn dân nội tịch lấy người nhanh nhẹn siêng năng cho làm thủ ngự đề suất lãnh, lệ thuộc trấn sai khiến ».

Vua thấy lấy binh ở dân ngoại tịch, hoặc sinh rối thêm, xuống chiếu báo không nên.

Tướng giặc ở Sơn-lây là bọn tên Bách, tên Bằng mưu nổi loạn. Người Tam-dới là bọn Nguyễn Như Phụng, Nguyễn Đạo Cần báo dẫn quan quân bắt giết. Việc tâu lên. Cho Phụng làm cai đội, Cần làm đội trưởng và thưởng tiền 500 quan.

Sai các địa phương tìm hỏi sự tích công thần. Vua bảo bầy tôi rằng: « Từ năm qui tỵ về sau, vận nước suy vi, trong khoảng ấy trung thần nghĩa sĩ đem mình báo nước thực chẳng phải ít. Lúc mới trung hưng đã từng sai tìm chép, nhưng lâu năm dấu tích mất đi, sợ chưa nêu rõ hết. Nay mới dựng miếu công thần, nên đi hỏi rộng mà liệt vào diển thờ, để yên ủi hồn thơm của người đã mất. Vậy hạ lệnh cho các thành dinh trấn hỏi khắp các quan lại dân chúng thuộc hạt, ai có ông cha vì nước chịu nạn, trung tiết rõ ràng, cho con cháu thân thuộc đem thực trạng làm thành sách tâu lên ».

Thả quân Thần sách ở Thanh Nghệ về. Thưởng cho cai đội đội trưởng mỗi người một tháng tiền lương-binh lính mỗi người 3 quan tiền.

Hạ lệnh cho bộ Hộ định rõ thuế sản vật từ Quảng-binh về Nam, khiến dân đem nộp như lệ.

Tham hiệp Tuyên-quang là Nguyễn Dũng có tội, bị xử tử. Trước kia phân quân tổng Vân-quang châu Bảo,

lạc là Nông Khoan Triều bị giặc Tây-sơn giết, con là Nông Phúc Đồ lánh nạn đi trốn. Người Quảng-đông nước Thanh là Trí Võ biết rõ, bèn mạo xưng là Phúc Đồ để nối giữ chức quản mục Vân-quang. Kịp khi Phúc Đồ về, Trí Võ đem đồ dâng dương đem chạy trốn, lên qua ải Cốc-bàng. Người giữ ải là Nông Phan Trung (cựu thuộc của Khoan Triều) chặn đường bắn chết đồ dâng 5 người. Trí Võ chạy tố cáo với trấn. Dũng biết rõ Trí Võ là giả dối, nhưng tham lợi nên để đấy, chỉ hỏi Phan Trung về tội giết người, thu bạc bồi thường 200 lạng và bỏ tù hai người dân đến chết ở ngục. Trung kiện lên thành. Thành thần tra hỏi, biết hết tình trạng. Án dâng lên. Vua cho Trung là người hăng hái việc nghĩa, làm nổi chức vụ, rất khen, thưởng tiền 100 quan. Dũng và Trí Võ đều xử tội chết. Trấn thủ là Đặng Phúc Trung, hiệp trấn là Nguyễn Thế Trung vì chỉ việc a dua, đều phải bãi chức. Lại cho Phúc Đồ quản tổng Vân-quang.

Lấy vệ úy vệ Trinh võ là Lê Văn Thái làm trấn thủ Tuyên-quang, thêm sự Binh bộ là Bùi Công Kim làm hiệp trấn, tri phủ Thiên-quan là Nguyễn Kim Giám làm tham hiệp.

Sửa cung Trường-thọ, thưởng cho binh lính 500 quan tiền.

Tha thuế thân và dao dịch cho Văn hàn ty thuộc công phủ hoàng tử.

Lấy 48 người dân xã Nguyệt-biểu sung vào bốn đội Phủ thuận lính coi kho Kinh.

Hạ lệnh cho Gia-định lập sở dưỡng tế ở chùa Kim-chương cho những dân cùng túng không nơi nương tựa ở đấy, lương cấp cho ăn.

Lấy khám sai chương cơ vệ úy vệ Ban trực hữu quân Thần sách là Mai Gia Cương làm quản đạo Thanh-bình.

Định lại 4 điều về việc vận tải:

1. *Kỳ hạn vận tải.* (Phàm việc vận tải mỗi năm một lần, cứ thượng tuần tháng 4 thì ra biển. Quan sở tại, trước ngày ra khơi tư ngay cho các tấn thủ các địa phương, ngày đêm đi tuần ở biển; thuyền chở đi qua, có cần giúp đỡ gì, tức thì chiếu cố và khám làm chứng, đem việc tâu lên. Hạn thuyền đi thì trung tuần tháng 5 đến Kinh. Gặp nạn gió mà có giấy khám làm chứng minh bạch thì khỏi phải đền; vô cớ chậm trễ và buông thuyền chạy trái thì phải tội, chiếu số mất mà đền đủ số.

2. *Sở vận tải.* (Các trấn ở thành Gia-định, đem số tiền thóc sản vật phải chở làm hai bản sổ, một bản nộp cho thành, một bản giao cho sở tại lãnh giải. Thành thần hội làm hai bản sổ tâu, một bản đệ bộ Hộ, một bản giao quan đốc vận. Ở Bắc-thành cũng thế. Duy từ Quảng-bình, trở về Nam đến Bình-thuận, trở về Bắc đến Thanh-hoa, mỗi kỳ chở phải làm hai sổ tâu, một sổ đệ bộ Hộ, một sổ giao quan đốc vận hay viên lãnh giải).

3. *Chức đốc lãnh.* (Sự vận tải ở Gia-định và Bắc-thành chia làm bốn bang, Gia-định thì lấy lưu thủ, cai ba, hoặc ký lục các trấn lần lượt lãnh giải; quan tran nào không thể đi được thì ủy cho thư ký, cai án, tri bạ, câu kê thuộc trấn theo giải. Bắc-thành thì lấy thư ký, tri bạ hoặc cai trung, đề lãnh của thành và trấn đều một người theo bang về Kinh. Các dinh trấn từ Quảng-bình trở vào Nam tới Bình-thuận, hàng năm chở sản

vật, về tiền thóc thì chờ bộ tư báo rồi sau mới chở, lấy Lưu thủ hay cai bạ lãnh giải. Tiền thóc và sản vật của hai trấn Thanh Nghệ thì không câu nệ hàng năm, phạm bộ có tư ra thì phải theo đúng số mà chở, như kỳ, tri bạ, cai trưng, đề lãnh mỗi chức một người theo giải).

4. *Việc phụ giải.* (Khi các thành dinh trấn đem tiền thóc sản vật phát chở thì lấy bạ lệ và thuế buôn thường năm chở kèm; thành Gia-định lại lấy thuế sản vật ở hai đạo Long-xuyên và Kiên-giang để chở kèm).

Định lệ chi phát tiền lương cho quan viên ở Kinh và ở ngoài. (Phạm ban cấp lương tiền cho quan viên thì là nguyệt bổng, ngoài ra còn gọi là nguyệt xướng. Bổng và xướng cấp hàng tháng và hết thầy số tiền lương phải chi, thì cuối tháng đều làm thành sổ. Bộ Hộ thi ngày 10 tháng sau, Quảng-trị thi ngày 12, Quảng-bình, Quảng-nam ngày 13, Quảng-ngãi, Bình-định, Phú-yên, Nghệ-an, Thanh-hoa ngày 15, Bình-hòa, Bình-thuận, Bắc-thành ngày 20, Gia-định ngày 25, đều đúng hạn ấy đem sổ tàu lên. Quan viên được thăng trật thêm bổng, được sắc chỉ ngày mồng 10 về trước thì lấy tháng ấy làm đầu, từ ngày 11 trở về sau thì lấy tháng sau làm đầu, đều chiếu theo số lương được thêm mà chi cấp; giáng chức giảm lương, hay bãi chức bỏ lương, mà án xử trước ngày mồng 10 thì số nguyên bổng trừ đã lãnh rồi, số lương bị giảm để tháng sau sẽ khấu trừ; số lương bị bỏ phải truy thu ngay tháng ấy; nếu từ ngày 11 trở về sau, thì tháng sau mới giảm hay bỏ lương).

Định lệ tiền ăn tuất cho người tón thất. (Hạng nhất, thân thuộc tang một năm, khi chết xin sớ chỉ; hạng nhì, thân thuộc tang 9 tháng, từ 18 tuổi trở lên cấp

tiền tuất 100 quan, từ 17 đến 15 tuổi tiền tuất 70 quan, từ 14 đến 12 tuổi tiền tuất 50 quan, từ 11 đến 9 tuổi tiền tuất 30 quan; hạng ba, thân thuộc tang 5 tháng, từ 18 tuổi trở lên tiền tuất 50 quan, từ 17 đến 15 tuổi tiền tuất 30 quan, từ 14 đến 12 tuổi tiền tuất 20 quan, từ 11 đến 9 tuổi tiền tuất 10 quan; hạng tư, thân thuộc tang 3 tháng, từ 18 tuổi trở lên tiền tuất 20 quan, từ 17 đến 15 tuổi tiền tuất 14 quan, từ 14 tuổi đến 12 tuổi tiền tuất 10 quan, từ 11 đến 9 tuổi tiền tuất 6 quan; hạng năm, thân thuộc tang để lộ cánh tay và bỏ mũ, từ 18 tuổi trở lên tiền tuất 10 quan. Con gái tòn thất từ tang 3 tháng trở lên, còn ở nhà thì cấp tuất theo lệ thân thuộc bậc ấy, đã đi lấy chồng thì hạng nhất khi chết xin sắc chỉ, hạng nhì thì giáng theo hạng ba, hạng ba giáng theo hạng tư, hạng tư giáng theo hạng năm; nếu đã đi lấy chồng mà chồng chết không con thì vẫn theo hạng thân thuộc trước mà cấp đủ. Đều do quan quản lãnh Tôn nhân phủ xét rõ dòng họ, tư sang bộ chiếu số phát cho. Như người đã có quan chức, mà theo lệ thân thuộc được tiền tuất nhiều, theo phẩm trật được tiền tuất ít, thì chiếu theo lệ thân thuộc mà cấp. Nếu theo lệ thân thuộc được tiền tuất ít mà theo lệ phẩm trật được nhiều, thì cấp theo phẩm trật. Đến như người dự có công lao được gia ơn đặc biệt thì không thuộc lệ này).

Ban sắc thần cho trời g ngoài. Trước vua thấy trong nước đã yên, theo lẽ phải nên thăng trật cho bách thần, sai bộ Lễ nghị tâu. Đến khi tâu lên thì có những đế vương hậu phi các triều trước ở đền thờ cũng bàn tâng, vua nói: «Đế vương các đời trước có công đức với dân, tuy triều đại đã đổi thay mà danh vị đã định,

nay nếu lại tăng thì chẳng là nhảm sao? Vậy gởi sắc chỉ khiến xã dân cứ phụng thờ như cũ. Duy những các thân thượng trung hạ đẳng thi đều theo lời nghị gia tăng, ban cấp cho ».

Cấp cho tổng nhung cai cơ Nguyễn Tiến Khương 3 người mộ phu. (Tiến Khương có công Vọng-các, chết trận năm canh tuất).

Bớt lính thú ở Thanh-bình. Trước kia Thanh-bình có việc, sai Thanh-hoa đem 200 quan quân ra thú ở đấy, mỗi tháng một lần thay đổi. Tới nay việc bắt giải đã ít đi, bèn bớt đi một nửa.

Tháng 9, ngày quý sửu, dựng Quang-minh đường và Trinh-minh đường.

Sửa đồ thờ ở Nguyên miếu.

Truy tặng thống binh cai cơ Tôn thất Mân làm chưởng cơ (Trước Mân theo xa giá vào Nam, đến khi vâng mệnh đi gọi binh sáu đạo ở Quảng-ngãi, đánh nhau với giặc bị chết).

Lấy Tống Phước Thuận làm phó vệ úy vệ Định võ quân Thần sách.

Dựng kho ở các dinh Quảng-bình và Quảng-trị.

Hạ lệnh cho sách man hai nguồn Đồng-hương và Đồng-nãi thuộc Bình-hòa lai nộp thuế sáp ong như lệ (mỗi năm nộp sáp ong 2.708 cân 10 lạng).

Chiêu viên là Lê thị (con gái út vua Lê Hiến tông) mất, tặng Đức phi, an táng ở Trúc-lâm, lập từ đường ở Kim-long. Thưởng cho binh dân 600 quan tiền.

Lấy lưu thủ Quảng-trị là Nguyễn Văn Thiện làm trấn thủ Hà-tiên, ký lục Nguyễn Đức Hội làm hiệp trấn, tham luận Dương Văn Châu làm tham hiệp; lại lấy hai đạo Long-xuyên và Kiên-giang lệ vào Hà-tiên. (Từ sau

khi Mạc Thiên-tứ thất thủ, Công-binh và Tử-thiem tuy nổi chức trấn, mà hai đạo lại đặt quan khác để cai quản, tô thuế nộp theo Vĩnh-thanh, đến nay lại lệ vào Hà-tiên). Đặt tá hữu thừa ty 20 người, chiêm hậu ty 3 người. Sai thành thần Gia-dịnh điều 200 lính cơ thuộc bốn trấn Phiên-an, Biên-hòa, Vĩnh-thanh, Định-tường và 6 chiến thuyền đến thủ, 6 tháng đổi một lần. Lại lấy ở thành phát cho 1.000 đồng bạc phiếu, 300 phượng gạo và 500 quan tiền đem chữa đày.

Vua lại thấy địa giới Hà-tiên ở biên cương xa xôi mà quân lại mới đặt, mọi việc chưa định, sắc từ nay có việc gì nên tâu thì làm ba bản sớ, một bản chính và hai bản phó, một bản phó lưu chiếu ở thành.

Định lệ bổng các quan trấn Hà-tiên. (Nguyệt bổng cũng như trấn thủ và hiệp trấn ở các trấn Bắc-thành, tiền 10 quan, gạo 10 phượng, tham hiệp thì tiền 8 quan gạo 8 phượng).

Quốc vương Chân-lạp là Nặc Chấn sai Ố:-nha là Ma-a-mân-si đưa thư đến Gia-dịnh nói: năm trước sai em là Nặc Nguyên, Nặc Yêm, Nặc Đôn cùng Ốc-nha là bọn Cao-la-hâm Mang-trà-tri-biện sang Xiêm, đến nay Xiêm sai Uát-vô-thi đưa bọn Nguyên về, khiến chia đất Chân-lạp cho Nguyên làm vua thứ hai, Đôn làm vua thứ ba, lại đòi 1 vạn binh để đánh Diển-diện, Chấn ngờ Cao-la-hâm Mang-trà-tri-biện thông mưu với nước Xiêm, có ý làm phản, bèn giết đi. Thành thần dâng thư ấy lên. Vua sai với sứ giả đến Kinh. Khi đến, cho vào yết kiến, vua hỏi rằng: « Nước người là nước nhỏ, vậy mà cùng với nước Xiêm gây hiềm khích, nếu Xiêm đem quân đánh thì nước người lấy gì mà chống? ». Sứ giả thưa rằng: « Nước tôi xin đem hết số quân nhỏ để chống

quân Xiêm, nếu không đủ, thì xin nhờ uy linh của triều đình». Vua thông thả yên ủi võ về, ban cho bạc tiền y phục rồi cho về. Nhân đấy cũng bày tôi bàn chước xử trí. Mọi người cho rằng: Nặc Chấn đưa thư đến nói Xiêm trung bình mà không nói binh đi đường nặc, nói Xiêm bảo chia cho các em làm vua mà không nói có theo lệnh hay không, thực hay dối chưa có thể biết được! Nhưng bọn Cao-la-hâm Mang-trà-tri-biện đều là do người Xiêm phong cho làm phụ thần nước Chân-lạp mà Chấn giết đi, chưa chắc đã giữ được không xảy ra việc. Gia-định cùng Nam-vang tiếp giáp nhau, không thể không dự bị đề phòng.

Vua cho là phải, tức thì xuống lệnh cho các trấn đạo ở Gia-định đều lập hương binh. Chiếu dụ rằng: « Từ khi quân nổi về sau, hàng năm trưng phát, địa phương các người theo việc quân khổ nhọc lâu rồi. Đến khi thiên hạ yên định, triều đình thương vì nhọc mệt nhiều, nên cho về với dân để cùng vui vẻ nghỉ ngơi. Duy trong khi nước nhà không có việc, cũng nên lo nghĩ mà đề phòng. Huống nay Chân-lạp với Xiêm-la hiềm khích nhau, thì việc võ bị ở nơi biên cương không thể thiếu được. Nếu lại điều động binh ở nơi khác đến thì không quen phong thổ, quyết không bằng dân thổ trước các người biết rõ tình thế biên cương hoãn cấp thế nào mới có thể sai được. Vậy hạ lệnh số dân các phủ huyện tổng xã thôn phường cùng số dân đồn điền, biệt-nạp, đều lấy một nửa lập làm hương binh, biên thành đội ngũ, có việc thì làm lính, không việc thì làm ruộng. Đó là thượng sách để cùng nhau giữ gìn yên ổn». Lại sai thành thần chế áo trận, sửa khí giới, luyện thuốc đạn, chứa gạo lương, đề phòng bị dụng binh.

Thuyền dân bị nạn của người Thanh là Trịnh Thiên-thịnh giạt vào phần biển Yên-quảng. Thành thần tâu lên. Sai đưa về Khâm-châu.

Hạ lệnh cho các kho ở Bắc-thành cùng các trấn Sơn-nam thượng hạ cùng bảo Nông giang, thu thóc tô năm nay thì xay ra gạo 70 vạn phương nộp về Kinh. Những số thuế còn thiếu năm trước cho dân nộp thay bằng tiền (một học thóc 1 quan tiền).

Định lệ cống thuế cho các sách các động châu Qui-hợp ở Nghệ-an. Ba động Mông-sơn, Yên-sơn và Thâm-nguyên, 3 năm một lần cống (Lấy năm sừu, thìn, mùi, tuất làm kỳ cống. Vật cống: voi đực 1 thớt, ngựa voi 2 chiếc, sừng tê 2 tòa, sáp ong 5 khối, vải thổ 4 tấm, nộp ở Nghệ-an); động Động-dịch và sáu sách Vu-quang, Trú-cầm, Chúc-a, Phù-lưu, Thanh-lãng, Minh-nông, thường năm nộp thuế (Tiền và sáp ong mật ong), cũng như lệ các động ở châu Trà-lân. Lại lấy 50 người thổ binh lưu giữ châu Qui-hợp.

Lấy phó vệ úy vệ Hồ uy là Nguyễn Văn Tạo làm vệ úy vệ Tuyên phong hữu, phó vệ úy vệ Thuận võ là Võ Văn Toán làm vệ úy vệ Túc võ.

Lấy chương cơ Tổng Văn Khương hành chức thủ ngự đạo Cam-lộ, cai cơ Trần Văn Huyền làm thủ ngự cửa Eo, Trần Văn Quý làm thủ ngự cửa Nhật-lệ.

Tướng giặc ở Thái-nguyên là Dương Đình Cúc ra vào ở nơi rừng rậm, hoành hành cướp bóc. Trấn thủ Nguyễn Đình Tuyên đuổi bắt rất gấp. Cúc lập mưu hoãn binh, bèn sai anh là Tự đến cửa quân đầu hàng. Đình Tuyên tin lời, đóng binh ở Na-miệt, muốn chiêu dụ Cúc. Ngay đêm hôm ấy, Tự trốn đi, bị quân đi tuần đâm chết. Đình Tuyên bèn lừa quân đi tìm cùng núi

thi Cúc đã trốn xa, bắt được đồ đảng hơn mười người đem về.

Lấy vệ úy vệ Chấn bảo là Đào Quang Lý làm trấn thủ Phiên-an.

Nguyễn Văn Thành dâng biểu xin nghỉ đến hết tang. Vua không cho, dụ rằng: « Khanh là đại thần của nước, việc hiếu đã xong, nên lấy việc nước làm gấp, làm việc công quên việc riêng, đấy cũng là đạo lấy hiếu làm trung ». Thành lạy xin vâng mệnh, bèn lại đi coi việc.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, tế đông hướng.

Triệu trấn thủ Kinh-bắc là Lưu Phước Tường, hiệp trấn là Phan Tiến Thiện, trấn thủ Lạng-sơn là Nguyễn Văn Thụy về Kinh. Lấy trấn thủ Thái-nguyên là Nguyễn Đình Tuyển làm trấn thủ Kinh-bắc, phó thống Tả đồn Trung quân là Nguyễn Văn Trị làm trấn thủ Lạng-sơn, chánh quân thập cơ quân Thần võ là Trần Văn Thìn làm trấn thủ Thái-nguyên, hiệp trấn Sơn-nam hạ là Nguyễn Duy Hòa làm hiệp trấn Kinh-bắc, thêm sự Hộ bộ là Nguyễn Công Tiệp làm hiệp trấn Sơn-nam hạ.

Tướng giặc ở Kinh-bắc là tên Liên lại họp đảng hơn 2 trăm người, cướp bóc dân xã Ngọc-nham. Tri huyện Yên-thế là Hoàng Phúc Đạt đem dân phu đuổi bắt, chém được tên Liên và 7 người đồ đảng. Việc tâu lên. Cho Thúc Đạt làm tri phủ, ban cho mũ áo lục phẩm. Thuộc hạ là Đặng Đình Xuân, Đặng Đình Kim, đều cho làm đội trưởng, thưởng chung cho 500 quan tiền. Xã dân người nào bị giặc giết thì cấp mỗi người 5 quan tiền.

Cấp mộ phu cho giám quân Nguyễn Hữu Thụy. Hữu Thụy chết vì việc nước, vua thương không con nối dòng, nên tha thuế thân cho cháu gọi chú bác là Đức

Ý (là con lưu thủ Nguyễn Đức Hựu) để giữ việc thờ cúng, sai mộ 5 người dân ngoại tịch làm mộ phu.

Lại lấy Nguyễn Cửu An làm lưu thủ Quảng-trị.

Sai bọn đô thống chế Lê Văn Phong, phó đô thống chế Nguyễn Văn Trí, chưởng cơ Nguyễn Văn Giám đem quân đi tuần ở biên giới.

Chiếu báo cho thành thần Gia-định là Nguyễn Văn Nhân rằng: « Nước Chân-lạp đời đời làm thần thuộc nước ta, liệt ở chức phương (1), không bỏ lễ phiên thần. Nay thế nước suy yếu, lại cùng nước Xiêm có hiềm khích, sợ khó tự giữ yên, cho nên sai bọn Phong đi tuần biên giới để giúp tiếng. Người nên chỉnh bị thuyền đi biển 15 chiếc, thuyền chiến 30 chiếc, binh hơn 2.000 người, chia làm ba đạo, sai Trí lãnh tiền đạo, Phong lãnh trung đạo, Giám lãnh hậu đạo, đến thẳng Tân-châu đóng giữ. Lại sai ký lục Định-tường là Bùi Đức Mân và quân trấn binh là Nguyễn Văn Tồn quản lãnh binh hai phủ Trà-vinh và Mân-thít đi theo. Nếu Chân-lạp có nguy cấp thì tiến quân ngay đến La-bích để giúp. Người Xiêm biết quân ta đến trước hẳn không dám làm gì, Chân-lạp có thể giữ được vô sự ».

Dời bảo thủy quân Bắc-thành đến Vị-hoàng (trước ở Nông-giang), vẫn sai Nguyễn Văn Hạnh quản lãnh.

Quảng-đức có giặc. Dinh thần bắt được đồ đảng hơn 10 người. Sai tra xét ngay ngày ấy. Hữu ty nói ngày ấy là ngày canh mệnh (2) (ngày ngọ). Vua nói: « Cùng một

1. Chức phương: Tên quan nhà Chu, giữ địa đồ trong nước và việc phủ cống của bốn phương.

2. Canh mệnh: Mệnh lớn.

ngày giáp tý mà có người hưng, có người vong (1), người xưa đã phân biệt rồi. Ta trước đánh với giặc Tây-sơn, lấy ngày ngọ ra quân, đã thắng lớn. Việc binh là việc hình rất lớn, việc binh còn không kiêng, huống chi việc hình! Từ nay có án nặng cần tra xét, nếu gặp ngày cảnh mệnh hàng năm đều không cấm».

Vua cùng bày tôi bàn về đạo trị nước, bảo Nguyễn Văn Thành, Trần Văn Trạc rằng: « Triều đình đặt quan, cốt là được người, đừng làm quan trong sạch thì triều chính được nghiêm. Bọn khanh nên xem xét quan lại, nêu rõ điển truất bỏ cất lên, người có công thì thưởng, người có tội thì phạt, nhưng có công mà còn ngờ thì nên xem là trọng, có tội mà còn ngờ thì nên xem là nhẹ, đừng tỏ ý trăm tra người lành nhiều mà ghét kẻ dữ ít».

Nguyễn Văn Thành dâng phong thư kín nói bốn điều: Điều thứ nhất nói rằng theo lệ thuộc lại các địa phương thì mộ dân ngoại tịch mà sung bổ, nhiều người không căn cứ có nên hay bỏ trốn, xin từ nay có khuyết thi không câu nệ nội tịch hay ngoại tịch, chọn ai có gia sản thi sung bổ. Điều thứ hai nói rằng Bắc-thành có mỏ Tu-long là hơn hết, từ khi mỏ ấy đóng thì dân gian mới có bệnh khan tiền, xin lại hạ lệnh cho khai, để cho nguồn lợi không úng tắc, quốc dụng được dồi dào, đó cũng là một cách sinh tài. Điều thứ ba nói rằng lệ thuế cửa ải và bến đò, đã có định ngạch, gần đây nghe sở tại nhiều nơi đánh thuế quá bừa, xin định rõ điều cấm, đừng làm khổ người buôn. Điều thứ tư nói rằng năm nội trấn Bắc-thành đã thay đổi sổ thường hành rồi mà

1. Một ngày giáp tý mà nhà Chu nổi lên, vua Trụ nhà Thương thì mất đi.

sáu ngoại trấn và Thanh Nghệ vẫn còn chưa đổi, xin cũng nhất luật sửa lại. Sớ tâu vào, vua sai chấm chước bản làm. Rồi sai Tuyên úy đại sứ Ma Sĩ Trạch lại khai mỏ đồng Tu-long, theo lệ thu thuế. Lại sai bản định vật giá trên thị trường, chép làm điều lệ, ban gởi cho các sở cửa ải và bến đò, khiến tuần ty chiếu hàng hóa mà lượng đánh thuế, không được lấy quá.

Lấy Trần Hựu làm Đông các học sĩ, Phạm Minh Tuấn sung Hàn lâm viện, đều do Nguyễn Văn Thành tiến cử.

Lấy vệ úy Thịnh võ là Nguyễn Văn Quang làm quản cơ cơ Tiền-kiên ở Quảng-ngãi.

Biên binh thuộc Tiền quân thủ ở Bắc-thành có hơn 2.900 người. Nguyễn Văn Thành xin lập phép đổi thú, để cho ra vào một nhọc đều nhau. Vua y cho. Bên sai chính thống Hậu đồn là Lê Văn Lý quản hơn 1.590 người ở lại đóng thú, chính thống Trung đồn là Phạm Văn Quỳnh đem 1.350 người về Kinh.

Định lệ cày và nộp thuế về ruộng đất ần lậu. Phàm ruộng đất có cày cấy mà không nộp thuế, đều ghi sổ bắt đầu thu thuế từ năm phát giác. Lại theo ần lậu từ 1, 2, 3 năm mà truy thu tô thuế, nhiều đến 4, 5 năm trở lên, cũng chỉ lấy 3 năm làm hạn. Còn ruộng đất ần lậu thì cho ai trưng trước là được. Nếu không có người trưng thì ruộng đất tư cấp cho chủ, ruộng đất công trở về dân, đều cho cày và nộp thuế như lệ.

Lấy Tôn thất Tứ làm cai đội hành quân phủ Hà-trung, kiêm giữ Nguyên miếu.

Độc học Tnanh-hoa là Phan Bảo Đình ốm phải nghỉ việc.

Tháng 11, hạ lệnh cho từ Quảng-binh trở về Nam đến Bình-hòa làm địa bạ. Chiếu rằng: « Chính sự tốt

trước hết là từ cương giới. Triều trước kinh lý việc dân, ruộng đất có sổ, cương giới rõ ràng. Từ khi biến cách về sau, sổ sách tản mất, đầu thời trung hưng chưa kịp sửa chữa. Gián hoặc có người xin trưng và tranh kiện, thì phần nhiều mờ昧, không do đâu mà quyết định được. Vậy hạ lệnh cho các dinh trấn báo khắp cho xã dân, đều cứ theo sổ ruộng đất công tư, thực trưng và bỏ hoang, ghi rõ mẫu sào, đẳng hạng, xứ sở, bôn bên, hạn trong 3 tháng làm xong sổ dâng lên. Quan sở tại phải nghiêm cấm nha lại, không được ta sự quấy nhiễu ».

Định lệ lễ ở Nguyên miếu. (Lễ Nguyên đán chi tiền 43 quan, các lễ Đoan dương, tế Chạp, Trừ tịch đều chi tiền 34 quan, lễ Xuân hưởng và Thu hưởng đều chi 107 quan).

Sai bang trưởng Quảng-đông là Hà Đạt-bòa thuê 3 người thợ làm ngói ở Quảng-đông, khiến nung ngói lưu ly các sắc xanh vàng lục ở Khố-thượng (nay là gò Long-thọ), để cho công tợng học chế đúng theo như kiểu, xong rồi hậu thưởng cho về.

Bọn ác man ở Quảng-ngãi lên xuống Đồng-quán cướp bảo Giang-ngạn. Thủ ngự là Lê Văn Hội đem hết quân ra chống cự, bị chết. Quân Man lại lan xuống Bồ-đề (tên thôn, thuộc huyện Chương-nghĩa), giết cướp dân Hán [Việt], Phan Tiến Hoàng chia quân đuổi bắt, không được, đem việc tâu lên. Vua sai đình thần truyền dụ khiển trách rằng: « Trước kia Lê Văn Duyệt ở đây người Man không dám phạm tới, là vì có phòng bị. Nay trong khoảng tuần nhật mà quân Man hai lần phạm vào bờ cõi, thế chẳng phải vì phòng ngự sơ sai sao? »

Từ nay nên gia ý nghiêm phòng, đừng để cho chúng nhân sơ hở làm hại dân ta ».

Lấy cai cơ Trịnh Công Lân làm thủ ngự cửa Hải-vân. Đóng thuyền lê. Thưởng cho lính và thợ 2.800 quan tiền.

Sai Nguyễn Văn Nhân đi kinh lược Nam-vang; lấy Trương Tiến Bửu tạm coi việc ấn tống trấn Gia-định. Trước kia vua nước Chân-lạp là Nặc Chấn đã giết Cao-la-hâm Mang-trá-tri-biện, bề đảng nó là Đê-dô-minh giữ đất Bông-xuy và A-phi-phù-biệt-biện đóng đồn ở Bắc-tâm-bôn để làm phản. Nước Xiêm sai tướng là bọn Phi-nhã Long-mang và Phi-nhã Na-trật đem trọng binh đến giúp. Chấn cả sợ, sai người đi cầu viện. Vua cùng bầy tôi bàn rằng: « Đê-dô-minh vốn là tôi con của Nặc Chấn, nay trong lòng ngờ sợ, chiếm ấp tự giữ, nên bảo rõ điều họa phúc để gọi lại. Bắc-tâm-bôn là đất của Chân-lạp, không nên để người Xiêm chiếm lấy. Nhưng việc quân khó ở xa mà tính được, không gì bằng sai một đại tướng đem quân tới đó, tùy cơ mà làm, đấy là kế sách vạn toàn ». Bèn sai Văn Nhân đi. Dụ rằng: « Việc nước Chân-lạp ủy thác cả cho khanh. Các tướng từ Lê Văn Phóng trở xuống, đều do khanh điều khiển, khanh nên cấm ngăn tướng sĩ, võ về dân ngoài biên, khiến cho họ biết uy đức của Triều đình ».

Nhân ban sáu điều cấm lệnh: (1. Phạm tình hình ngoài biên, việc lớn thì cho đại tướng thân đi chỉ bảo, việc thường thì chỉ sai truyền báo. Còn các tướng nhỏ không được tiếp kiến vua Phiên, cũng không được cùng quan Phiên đi lại riêng. 2. Những lợi cá ở các sông đầm Chân-lạp quan quân không được mưu cầu đổi chác để đòi giá rẻ. 3. Thuyền đi việc công không được

chở hàng hóa riêng, cũng không được kèm thêm thuyền buôn để mưu lợi. 4. Quan quân đóng thì có dinh trại, không được tự tiện vào nhà dân mà hống hách quấy rối. 5. Khi quan quân đi, không được dẫn theo dân Hán [Việt] trà trộn vào chợ phố ở Chân-lạp để rồi nói bậy về việc quân. 6. Quân nhu lương xướng đã có ở thành vận tải cung cấp, nếu nước Chân-lạp có lạng biểu cung ứng thì không được nhận bừa).

Đổi đồn Xiêm binh làm đồn Uy-viên.

Quan Bắc-thành tâu nói : « Bốn trấn Sơn-nam thượng, hạ, Hải-dương, Kinh-bắc, vì giặc giã năm mậu thìn bị tàn phá đến 358 xã thôn, thuế nhà nước còn thiếu nhiều. Xin lượng giảm cho dân đỡ khổ ». Vua hạ lệnh tha thuế thiếu năm nay, còn thuế từ năm đinh mão trở về trước thì hoãn dừng thu.

Cấp lương điền cho binh đội Bả lệnh Thị nội, cũng như lệ các đội Thị nội.

Tháng 12, triệu Phạm Như Đăng về Kinh, đổi bỏ thượng thư Lễ bộ. Dụ rằng : « Đức thanh liêm và cẩn thận của người, trăm đã biết rõ, nên nghĩ sao cho kịp tới các quan, noi giữ phép thường, để xứng với việc ủy thác ».

Đổi chức lưu thủ các trấn từ Quảng-ngãi về Nam làm trấn thủ.

Trưởng châu châu Quỳnh-nhai trấn Hưng-hóa là Đèo Chính Kiều và phó châu là Đèo Chính Tuyên vì thiếu thuế nhà nước, đem bán dân cho châu Chiêu-tấn, thồ mục là Đèo Quốc Qui lấy số tiền bạc ấy đem nộp ; lại cử con Quốc Qui là Quốc Hùng làm trưởng châu và xin với trấn thần, trấn thần y cho. Đến nay việc phát giác. Hạ lệnh đem dân ấy trả về châu Quỳnh-nhai,

cho người trong châu là Đèo Chinh Ban làm trưởng châu, Đèo Chinh Bằng làm phó châu, thế tập việc châu. Kiều và Tuyên đều bị 70 roi, đuổi về dân. Trấn thủ là Nguyễn Văn Kiên, tham hiệp là Vũ Xuân Cẩn đều bị bãi chức.

Triệu hiệp trấn Nghệ-an là Ngô Đình Siêu về Kinh. Đình Siêu đã đi rồi, chương cơ quân vệ Kiên uy là Nguyễn Văn Mỹ hiệp hiềm xui quân dân kiện về những tệ riêng. Trần Văn Lại và Lưu Văn Vượng đem việc tâu lên. Vua giao xuống bộ Hình xét hỏi. Đình Siêu vì dôi tiền kho Hà-trung bị bãi chức. Văn Mỹ vì xui giục theo dặt dề kiện vu bị giáng làm cai cơ. Công Lại và Văn Vượng khinh suất tâu lên đều xử phạt.

Bọn Nguyễn Văn Chấn quản tàu Phụng-phi, Lê Văn Lãng quản tàu Bằng-phi, tâu xin đem thuộc binh đã mộ lập làm hai đội Chiến sai Hùng sai, lệ theo sai phái. Vua y cho.

Người Thanh đưa bọn giặc trốn là Lê Du, An Ôn-bích đến Bắc-thành. Trước kia bọn Du tụ họp còn đồ cùng bọn giặc biển là Trương Bảo Tử, Trịnh Nhất Tảo họp đảng đi cướp ở ngoài biển, bị quan quân đánh bắt, thế cùng bèn sang nước Thanh. Tổng đốc Lương Quảng nước Thanh sai đưa trả về. Nhưng bọn Du thác cớ xin ở lại; bèn cho ở kho Đại-hữu trong thành Quảng-đông. Người buôn Thanh là Trương Tiến-thắng biết rõ tình trạng, báo cho Bắc-thành. Thành thần đem việc tâu lên, vua bảo bầy tôi rằng: « Bọn Du tự biết tội ác không thể dung được nên không dám về ». Sai thành thần đưa thư cho tổng đốc Lương Quảng khiến đuổi về, không thi quân thúc nghiêm nhặt, chớ để sinh việc. Đến nay người Thanh đông gông đưa bọn Du hơn 30 người về Bắc-thành, bèn đem giết hết.

Quân của Nguyễn Văn Nhân đến La-bích. Nặc Chấn đến đón, xin quan quân tiến đánh lấy Bắc-tâm-bôn. Văn Nhân bảo Chấn đem quân trong nước đi trước. Chấn từ chối, nói không có quân, Văn Nhân đem tinh trang tàu lên. Chiếu bảo rằng: «Mới rồi sai khanh đem quân đi giúp tiếng cho Nặc Chấn, vốn muốn giúp ngầm thôi. Nay Nặc Chấn lại không thể tự cường, việc gì cũng dùn dầy, nhưng quân của Trung-quốc có phải là đồ dùng để báo oán cho người Di Địch đâu! Nên đóng quân chờ hành động, thông thả xem tình thế, cẩn thận chờ nên sơ suất phát binh».

Lại chiếu dụ bọn vua Phiên và quan Phiên rằng: «Vừa đây vì vua Phiên mới lập, trong nước bất hòa, cho nên Triều đình sai tướng đến bảo hộ. Nay nghe nước Phiên binh bị yếu ớt, chỉ chuyên nhờ quan quân, khi quan quân rút về thì lấy gì mà chống gặc ngoài? Chi bằng nên hiệu triệu binh Phiên, thu dụng các quan thuộc Phiên, để lúc không việc thì phòng giữ tự vệ, lúc có việc thì chống giặc đánh thù, thế mới thực là mưu hay giữ nước. Quan Phiên các người là lời con của vua Phiên, đương lúc có việc, cũng nên cùng lòng hợp sức để giữ lấy nước; nếu không thế, nước Phiên không yên thì bọn người ở ở yên được không? Các việc lãnh dữ họa phúc lý thế rõ ràng. Vậy nên cùng nhau hết lòng với phận sự, để trên dưới cùng yên, không phụ ý của trăm yêu kẻ nhỏ mọn, thương người cô đơn».

Sai Trần Văn Năng đi Gia-định, theo Nguyễn Văn Nhân làm việc quân. Các quân Thị trung, Thị nội, Thần sách trước về quê nghỉ, ai muốn xin theo lập công, thì cho quản lãnh để đến quân. Rồi sai đặt làm ba vệ Bảo thành.

Triệu lưu thủ Vĩnh-thanh là Nguyễn Huy, lưu thủ Định-tường là Nguyễn Văn Hưng về Kinh. Lấy Lưu Phước Tường làm trấn thủ Vĩnh-thanh, Nguyễn Văn Thụy làm trấn thủ Định-tường, sai cùng Mạc Văn Tô quản lãnh 1.200 người hương binh, tiến đến quân thứ La-bích, lệ theo Nguyễn Văn Nhân điều khiển.

Vua thấy Hà-tiên ở về biên giới phía đông, có quan hệ tin tức với việc động tĩnh ở biên khốn, nên sắc rằng phàm có thuyền buôn nước ngoài đến buôn, thì nên hỏi thăm sự thể người Xiêm thế nào để tâu lên.

Trấn thủ Nghệ-an là Trần Công Lại xin nghỉ về quê. Vua y cho. Cho lưu thủ Quang-dức là Hoàng Viết Toàn làm đô thống chế lãnh trấn thủ Nghệ-an, cai cơ Tôn thất Huyền làm lưu thủ Quảng-dức.

Lấy Đoàn Văn Trường làm vệ úy vệ Toàn võ, Lê Trọng Giảng làm vệ úy vệ Tuyên phong tả, Đỗ Quý làm phó vệ úy vệ Trung nhị Thị trung, Lê Phúc Bảo làm phó vệ úy vệ Hậu nhị, Trương An Sĩ làm phó vệ úy vệ Tiền nhị, Trần Văn Bình làm phó vệ úy vệ Trung võ, Nguyễn Văn Dũ làm phó vệ úy vệ Phấn võ, Nguyễn Hữu Khâm làm phó vệ úy vệ Kiên uy, Lại Thế Nguyên làm phó vệ úy vệ Phấn dực, Nguyễn Đức Triệu làm quản cơ cơ Tả thủy, Lê Văn Từ làm phó quản cơ cơ Hậu thủy.

Nghệ-an bị hạn. Hạ lệnh hoãn các việc kiện vật để dân chuyên việc làm ruộng. Trời liền mưa.

Phục chức cho Trần Văn Phương làm phó đô thống chế Hậu dinh quân Thần sách (Văn Phương trước nhân có lỗi giáng làm cai cơ, đến nay được khởi phục).

Khai mỏ kẽm ở xã Yên-lãng trấn Hải-dương. Vua thấy kẽm có quan hệ đến việc quốc dụng, sắc cho quan

Bắc-thành có ai xin khai mỏ ấy thì đem tên tâu lên. Hiệp trấn Hải-dương là Nguyễn Tri Hòa tự xin mộ hóa phu (1) để khai mỏ, hàng năm nộp thuế kềm (mỗi lò 720 cân). Thành thần tâu lên. Vua y cho.

Ngày qui tỵ, vua yết lăng.

Ngày giáp ngọ, tế Chạp.

Nguyễn Văn Nhân đóng quân ở La-bích. Tướng Xiêm là Phi-nhã Long-mang ở Bắc-lâm-bôn sợ không dám động quân, sai người đưa thư đến Nặc Chấn nói: « Trước đây vì Diến-điện xâm lấn cho nên đòi binh viện trợ. Nay Diến-điện đã lui nên bãi việc đòi binh ». Văn Nhân đem việc tâu lên Vua sai đưa thư cho nước Xiêm trách rằng: « Cao-lí-hâm Mang-trà-tri-biện tuy được nước Xiêm phong, nhưng bọn ấy có lòng bội nghịch, Nặc Chấn giết đi cũng không phải là quá. Vua Xiêm lấy cớ ấy mà động binh là danh nghĩa gì? Ta sở dĩ sai tướng đến bảo hộ, không phải lợi vì đất đai, chỉ là vì nghĩa cứu tai thương nạn, vương nên nghĩ kỹ xem ». Vua Xiêm được thư, ngầm rút quân về.

Chiếu cho Nguyễn Văn Nhân rút quân về. Nặc Chấn lấy cớ nước mới yên định, tinh dân chưa yên, xin lưu quân lại bảo vệ. Bèn sai Nguyễn Văn Tồn đem 1 nghìn binh đồn Uy-viên đóng thủ ở đấy.

Định lại điều lệ thuyền vận tải: 1. Các dinh trấn, mỗi năm đến tháng 10 phải làm sổ thuyền để tâu, gồm ba bản, bản giáp lưu ở bộ Hộ, bản ất gửi cho quan cai Trường đả, bản bình gửi cho địa phương lưu chiếu. 2. Các hạng thuyền ghe lệ nộp tiền thuế thay chõ, mỗi

1. Hóa phu: Người phu bỏ vốn ra mà làm khoán.

năm đến tháng 2 thì xong. Thuyền nào mục nát, hoặc chìm đắm thì biên vào sau sớ, cho miễn thuế. Thuyền nào mới đóng thì chiếu phát bài thuyền, rồi thu tiền thuế thay chỗ năm nay. Như chủ thuyền ở hạt khác thì do sở tại chiếu thu, và cấp giấy cho về hạt mình mà lãnh bài thuyền. 3. Nhân viên các nha có đóng các hạng thuyền thì bài thuyền ở Kinh do dinh Quảng-dức cấp phát, ở ngoài do các dinh trấn cấp phát.

Lấy tri phủ Kiến-xương là Lê Văn Nguyên làm tham hiệp Hưng-hóa.

Sai Gia-dịnh mua 700 cân trần hoàng ở Chân-lạp. Vua Phiên không chịu nhận tiền giá. Thành tàu lên. Vua nói: «Trần hoàng không phải là thứ chính cung của Chân-lạp». Sai phát cho 350 đồng bạc Phiên để trả.

Sai phó tướng Nguyễn Văn Hiếu kiêm lãnh Đê chính Bắc-thành.

Lấy Tôn thất Thuận làm phó đội coi binh đội Thủ lăng.

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ

QUYỀN XLII

THỰC LỤC VỀ THẾ TỒ CAO HOÀNG ĐẾ

Tân mùi, Gia-long năm thứ 10 [1811] (Thanh Gia-khánh năm thứ 16), mùa xuân, tháng giêng, ngày nhâm ngọ, lễ xuân hưởng.

Tiết Vạn-thọ. Trước một ngày cho bày tiệc ăn yến ở điện Cần-chánh. Đến ngày, vua ngự ở điện Thái-hòa; bày tiệc dâng biểu mừng. Lễ xong, sai đội Du-xuân tấu ca nhạc ở nhà Thanh-phong, mặt trời xế bóng mới thôi. Trước đây các văn võ đại thần tâu nói: « Năm nay Hoàng thượng ta tuổi thọ ngũ tuần, xin làm lễ đại khánh. Vua không cho, chỉ sai làm lễ như năm thường thôi.

Lấy Hữu tham tri Binh bộ là Ngô Nhân Tĩnh lãnh hiệp trấn Nghệ-an. Nhân Tĩnh đến trấn, tâu nói dân hạt đói kém, còn thiếu tô thuế tiền thóc kể tới 10 vạn. Vua dụ rằng: « Nhà nước dễ của ở dân, thi ở dân cũng như ở nhà nước, có cần gì. Đợi sang năm được mùa sẽ thu ».

Vệ úy vệ Trung võ là Nguyễn Văn Như giữ bảo Tiên-ly. Ban đêm bảo bốc cháy, cháy lan tới kho thóc mất hơn 9.000 học. Trấn thần Nghệ-an tịch biên nhà Văn Như,

dem việc tâu lên, xin giao xuống cho Lại bộ xét. Vua không nỡ bắt tội, chỉ cách chức quan. Gia sản đã tịch thu đều trả lại hết. Những quân và lại coi giữ cũng đánh trượng rồi tha.

Sai đình thần soạn định luật lệ, lấy Nguyễn Văn Thành sung chức tổng tài. Dụ rằng: « Các bậc đế vương trị nước, hình pháp đặt ra đã lâu. Hình pháp không đúng thì dân không chỗ mà nằm. Nay luật lệ chưa định, pháp ty không theo vào đâu được, thực không phải ý « Khâm tuất minh đoãn » (1) của trẫm. Bọn khanh nên hết lòng khảo xét những pháp lệnh điển lệ của các triều, tham hợp với điều luật đời Hồng-đức và nước Đại Thanh, lấy bỏ cân nhắc mà làm thành sách. Trẫm sẽ tự sửa chữa cho đúng để ban hành ».

Chuẩn định từ nay trở đi phạm dân sở tại và người Thanh ngu ở các địa phương, có ai đóng thuyền từ 7 thước trở lên, 17 thước 9 tấc trở xuống, thì một năm phải chở, một năm đi buôn. Đương đi chở mà xin đi buôn thì thu tiền thuế cảng. Sau vì dân nhiều người xin đi buôn, thuyền vận tải ngày ít đi nên bãi lệ ấy.

Lấy chánh quản cơ Trung kích Tạng quân là Đoàn Đức Luận làm trấn thủ Hưng-hóa.

Nguyễn Văn Nhân đem quân về Gia-dịnh, vì ốm xin nghỉ việc tháng hai tháng. Vua y cho. Bãi hương binh Gia-dịnh, lại cho trở về làm ruộng.

Hạ lệnh cho Quảng-ngãi mộ dân ngoại tịch lập làm ba đội thuộc binh thuyền Nghĩa binh

1. Khâm tuất minh đoãn: Kính cần, thương xót, sáng suốt, tin dùng.

Miễn cho các tù sung dịch thuộc sáu trấn Cao-bằng, Lạng-sơn, Tuyên-quang, Thái-nguyên, Hưng-hóa, Yên-quảng, khỏi phải phát vãng, đều được ở lại trấn sở làm việc, để cho vợ con cấp nuôi.

Triệu 3 nghìn binh quân Thần sách ở Thanh Nghệ và 4 nghìn rưỡi binh thuộc Ngũ quân và Tượng quân ở Bắc-thành về Kinh.

Sơn-nam đói. Dân các huyện Bình-lục, Duy-tiên, Kim-bằng, Ý-yên, Thanh-liêm, họp nhau trộm cướp. Thành thần sai cai cơ Nguyễn Văn Tại, phó quân cơ Nguyễn Văn Nhân đem quân đi bắt.

Chở 5 vạn lạng bạc ở kho Kinh và súng đạn, diêm tiêu, binh khí đem chứa ở thành Gia-định.

Lấy cai cơ Nguyễn Văn Lý làm vệ úy vệ Hữu bảo.

Đặt thêm thiêm sự hai tào Hộ Hình ở Bắc-thành. Lấy tri phủ Nguyễn Văn Bảo và Bui Phụ Đạo làm thiêm sự Hộ bộ, Nguyễn Hữu Tung và Lê Văn Quyền làm thiêm sự Hình bộ sung làm công việc tào. Sau thành thần thấy công việc Binh tào và Đê chính bận nhiều, xin phải thêm thiêm sự hai bộ Binh Công sung làm. Vua y cho.

Tháng 2, ngày bình thân, tế Trời Đất ở đàn Nam giao.

Hạ lệnh từ nay những tờ chương trong ngoài do đường quan sáu bộ dương ban tâu lên, cùng cả với người dự xin lãnh chỉ đều ghi tên vào cuối giấy để phòng tra xét.

Bắc-thành nhiều thuế thiếu, thành thần cho rằng các huyện thu đòi bắt lức, xin trối để trị tội. Vua nói: « Huyện lệnh là quan thầy của dân, làm nhục là không phải đạo, dân còn coi ra gì » không y lời xin.

Hạ lệnh cho các quan địa phương ở Thanh Nghệ và Bắc-thành, xét những tri phủ tri huyện thuộc quyền, giỏi kém thế nào tâu lên.

Lấy cai bạ Quảng-binh là Lê Đắc Tần quyền lãnh ký lục Quảng-đức.

Đắp đê mới ở huyện Yên-lãng trấn Sơn-tây. (Đê ở các xã Văn-quán, Hạ-lôi, Đông-cao, Trang-việt, Mịch-lũng, dài hơn 1.350 trượng).

Người Quảng-đông nước Thanh là bọn Chu Phú-quan thuê thuyền Hải-nam đi buôn ở Gia-định, xin giảm thuế cảng. Thành thần hạch là giả dối, cứ đánh thuế đúng như ngạch thuyền Quảng-đông. Việc tâu lên. Vua hạ lệnh từ nay trở đi, kẻ phụ trách thuyền buôn nước ngoài cứ lấy bài thuyền để nghiệm, kẻ nào gian dối thì có tội.

Lấy chánh thuộc hiệu hiệu Hùng nhất Tuyên-quang là Ma Doãn Điền lãnh châu Đại-man. Trước kia các dân man di cư phần nhiều phụ ở châu Đại-man. Trấn thần sai thổ tù thu thuế, người Man không theo, xin được Doãn Điền quản lãnh (Doãn Điền trước làm châu trưởng). Trấn thần nhân đấy sai đi. Doãn Điền bèn ghi tên những người Man mới và cũ cộng được hơn 500 người, chia làm 280 bếp, hàng năm nộp thuế bạc là 560 lượng. Thành thần tâu việc ấy lên, mới có mệnh này.

Lấy thổ tù ở Hưng-hóa là Cầm Nhân Khuê làm trưởng châu châu Phù-hoa (nay là Phù-yên), Cầm Nhân La làm phó.

Tướng giặc ở Bắc-thành là bọn Đặng Trần Siêu và Võ Đình Lục lại họp đảng ở Kinh-lão (tên xã, thuộc huyện Mỹ-lương) hơn nghìn người, nhân sơ hở di cướp bóc, Lê Chất đem binh đi bắt. Chất đóng đồn ở Ứng-

thiên, sai phó thống chương cơ Tiền đồn Hậu quán là Đặng Đức Bình, phó vệ úy vệ Hậu bảo tam là Ngô Văn Dân, cai đội phó trưởng chi chi Chương nghĩa là Nguyễn Văn Chính và cai cơ Ngô Văn Tiến làm tiền du. Khi quân đến Yến-vĩ (tên xã, thuộc huyện Hoài-an), phục binh của giặc bốn mặt nổi dậy. Tiến chạy trước; Bình cùng Dân và Chính đánh nhau bị chết tại trận. Chết chém Tiến để răn quân. Lại ủy cho trấn thủ Sơn-nam thượng là Nguyễn Xuân, phó vệ úy vệ Tuyền phong tiền là Mai Văn Châu tiến quân tới Thức-cốc (tên xã, thuộc huyện Chương-đức). Quân giặc chống đánh. Xuân và Châu lừa đánh tan. Chém được 4 đầu giặc, bắt được hơn hai chục người. Việc tâu lên. Thưởng cho quan và binh hơn 1.000 quan tiền, tặng Dân làm vệ úy, Chính làm cai cơ.

Ở Gia-dịnh, gạo rẻ, mỗi phương giá 2 tiền 30 đồng. Sai bốn trấn Phiên-an, Biên-hòa, Vĩnh-thanh, Định-tường, cho dân nộp tô đều nộp thóc gấp đôi, quan theo giá khẩu trừ tiền thuế thân.

Bỏ lệnh cấm buôn thóc cho Hà-tiên. Trước kia Mạc Tử-thiên trấn thủ Hà-tiên, triều đình lấy riêng hai đạo Long-xuyên, Kiên-giang lệ vào Vĩnh-thanh, Hà-tiên mỗi năm chỉ được đong một vạn hộc thóc. Kẻ nào buôn gian trị tội. Đến nay hai đạo lại thuộc về Hà-tiên quản lãnh, bèn bỏ lệ cấm ấy, việc mua bán lưu thông, dân đều được tiện.

Triệu Mạc Công-du, và Mạc Công-tài về Kinh, tha dao dịch cho 50 người nhà.

Tháng 2 nhuận, nước Vạn-tượng sai sứ sang cống. Bày sách Man ở Cam-lộ vào cống.

Biên binh Nội hầu và Trung hầu có kẻ đón xa giá kêu kiện Vua nói: « Triều đình đã đặt quan coi pháp luật, ai có oan khuất gì, nên theo thứ tự mà kêu kiện, sao dám nhảm nhí như thế ». Sai đánh roi.

Hiệp trấn Thanh-hoa là Nguyễn Hoài Quỳnh vay riêng tiền kho. Tham hiệp là Đinh Văn Nhã hạch tâu. Sai Nguyễn Tăng Địch và Nguyễn Thừa Thân đến xét hỏi. Hoài Quỳnh dâng sớ xin nhận tội. Vua tha cho, truy thu nộp vào kho.

Lấy thư tham tri Hình bộ lãnh Hình tào Bắc-thành là Trịnh Hiến đổi làm thư tham tri Binh bộ lãnh Binh tào.

Ngày kỷ mùi, sửa lại Thái miếu. Thường tiền cho lính và thợ theo thứ bậc khác nhau.

Chở gỗ ở Nghệ-an nộp về Kinh.

Lấy Hàn lâm viện Ngô Khản làm thêm sự Hộ bộ.

Nước Xiêm-la sai bọn Phi-nhã, Phi-phật đến dâng sản vật địa phương. Trong thư nói đến tội trạng của Nặc Chấn tự tiện giết bọn Cao-la-hâm Mang-trà-tri-biện. Vua sai Nguyễn Văn Thành bề rằng: « Cao-la-hâm Mang-trà-tri-biện âm mưu phản nghịch, Nặc Chấn là vua giết đi, cũng như bề tôi ở biên cương giết một một kẻ lại phạm pháp, thì có tội gì? Huống nước Xiêm phong mà không có bằng sắc để hiềm khích, há nên chỉ trách một mình Nặc Chấn sao? ». Sứ giả lại xin bảo vua nước Chân-lạp thân sang nước Xiêm để hội táng phật vương trước. Vua lại sai dụ rằng: « Chân-lạp từ khi có nước tới nay, chưa từng có lễ vua thân đi mừng viếng bao giờ. Nếu có lầm lỗi, đưa thư răn bảo là được, hay sai sứ đến trách cũng được, sao lại bắt bỏ nước mà đi? Lấy nước lớn vỗ về nước nhỏ, đó

là thuận theo lẽ trời. Nếu nước người làm trái lẽ trời thì hành động của Nặc Chấn biết làm sao được? ». Sứ giả không nói được nữa. Hành nhân của nước Xiêm có Sênh Hâm trước kia đã từng hầu vua ở thành Vọng-các. Vua sai hậu đãi võ về và thường hỏi về việc nước Xiêm, Hâm đều nói hết, không giấu điều gì.

Trước đây Nặc Chấn cùng nước Xiêm gây ác, chỉ trông nhờ vào ta. Đến khi nghe sứ Xiêm lại chầu, cho rằng ta vui vẻ với Xiêm, Nặc Chấn rất sợ. Vua sai đình thần làm thư báo cho biết những lời hỏi đáp với sứ Xiêm khiến cho yên lòng. Lại dụ rằng: « Nước người hãy còn suy yếu, thể chưa thể tranh với người Xiêm được. Nay nước Xiêm có tang phật vương trước, vương tuy không thể thân hành đi được, nhưng cũng nhân lúc này sai sứ sang hội tâng, để tỏ tình giao hiếu ». Nặc Chấn được thư cả mừng, dâng biểu tạ ơn.

Trấn thủ Sơn-tây là Trương Phúc Phượng, hiệp trấn là Hoàng Tử Cao báo thiên tai không đúng bị miễn chức. Lấy Dương Công Tông làm hiệp trấn, phục chức cho Võ Xuân Cần làm tham hiệp.

Cho khâm sai cai cơ Tống Phước Ngoạn làm khâm sai chương cơ.

Tháng 3, ngày nhâm ngọ, duyệt các quân ở trước điện Càn-nguyên, dẫn sứ Xiêm đến xem. Thưởng cho các quân 2.500 quan tiền. Ngày hôm sau thao diễn chiến thuyền ở sông Hương.

Vua ung dung cùng bọn Tống Phước Lương bàn về cơ lược dùng binh. Dụ rằng: « Côn-lôn, Phú-quốc, Thi-nại, Cù-mông, trăm cùng tướng sĩ các người đã trăm trận đánh vất vả mới có ngày nay. Lúc yên đừng quên lúc nguy, đó thực là đạo giữ nước yên dân ». Bọn Lương cúi đầu tạ.

Lấy hữu tham tri Lại bộ là Nguyễn Hữu Thận làm hữu tham tri Hộ bộ. Hữu Thận tính cần hậu có mưu kế. Thượng thư Hộ bộ Lê Quang Định tâu xin điều bổ, nên có mệnh này.

Đặt thuyền Toàn binh ở Bình-định, sai trấn thần mộ dân ngoại tịch sung vào.

Lấy thuộc nội chương cơ Nguyễn Văn Tuyên kiêm quản vệ Chấn bảo nhất.

Sai bọn chương cơ Tống Phước Ngoạn, phó vệ úy Trần Văn Trinh, thêm sự Phạm Văn Toán sung chánh phó sứ sang Xiêm. (Tặng phật vương 120 tấm lụa trắng, 100 tấm vải trắng, 2.000 cân đường cát, đường phôi, đường phèn đều 500 cân; cho vua thứ hai 80 tấm lụa trắng, 80 tấm vải trắng, 1.000 cân đường cát, đường phôi, đường phèn đều 300 cân).

Vua sai Lại bộ viết thư trả lời về việc thu xếp việc nước Chân-lạp rằng: «Nước Chân-lạp là một nước phiên nhỏ, người thừa đất hẹp, trước đây các vua thánh ta phong cho ông cha Nặc Chấn một nước một vua, chính quyền về một mối, cho nên có thể nắm được mối diềng để giữ gìn vô sự; nay vì nước loạn ly đã lâu, sức người mòn mỏi, Nặc Chấn đã làm quốc vương mà em là Nặc Nguyên lại làm vua thứ hai, Nặc Yêm làm vua thứ ba, một nước ba vua, nhân dân do đó mang hai lòng. Mới đây nghe dân Man không yên, cho nên hạ lệnh cho khồn thần ở Gia-định đem quân trấn giữ, đây là nghĩa yêu nước nhỏ không thể không được, chứ không phải vì lợi, cũng không phải là thích dụng binh. Huống chi Nặc Chấn đem thần dân trong nước để thờ hai nước lớn, cũng chỉ là mong nhờ

uy đức để giữ bờ cõi toàn vẹn mà thôi. Trong khi Nặc Chấn có việc mà nước Xiêm trong thì có quốc tang, ngoài thì có việc quân, thế ấy không thể trông coi cả được, nước ta đưa quân đi tuần ngoài biên để nhân giữ cho yên, chẳng những là giúp cho Nặc Chấn mà cũng giúp cả cho nước Xiêm nữa. Đường sá xa cách e vương không suốt được ý ấy, nên nói rõ ra ». Sứ giả nước Xiêm cũng xin về nước. Thưởng cho rất hậu, khiến cùng với sứ ta đều đi.

Bắc-thành bị hạn. Trấn thần Nghệ-an tâu nói : « Trà-lân, Qui-hợp ở miền thượng du, đường quan báo tất phải đi qua. Xin đặt mỗi nơi một hiệp thủ, để sai coi việc thu thuế và để báo tin ngoài biên cho nhanh ». Vua y cho.

Tha tô thuế dao dịch cho huyện Tống-sơn, cấp thêm lương tiền cho binh lính. Vua thấy Tống-sơn là đất thang mộc, cội gốc ở đó, muốn ra ơn đặc biệt, hạ chiếu cho từ nay tô thuế dao dịch đều miễn. Những binh ở vệ Tin uy Thị nội mỗi năm cấp cho mỗi người 12 phượng gạo, như có sai phái việc quân thì cấp cho lương tháng khác (1 quan tiền 1 phượng gạo), hàng năm cứ tháng 12 thì dời về tập hợp ở Kinh. Tại trấn thì cấp quần áo, 3 quan tiền và một tháng tiền lương (1 quan 5 tiền), đến Kinh thì chiếu theo lệ lương của binh Tả hầu Hữu hầu và Trung nhất mà cấp. Rồi hạ lệnh cho các thành dinh trấn, phạm binh các đội thuyền Binh quê ở Tống-sơn thì quan thống quản không được sai bừa làm việc vặt, để tỏ phân biệt.

Định lệ lương cho các đội Nội hầu, Trung hầu, Tả hầu. Người thường xuyên ứng trực thì chiếu tháng chi lương, tháng nhuận thì thôi; người chia ban thì tháng thiếu khấu đi 1 ngày, tháng nhuận vẫn được chi cấp.

Chưởng cơ án thủ bảo Hà-trung là Lê Phúc Điền cho rằng phẩm trật ở trên chức tham hiệp, nên các giấy tờ quan hệ do trấn Nghệ-an gửi mà có viết chức hàm tham hiệp ký đều không nhận cả. Tham hiệp Lưu Văn Vượng đem việc ấy hỏi, trấn thủ Hoàng Việt Toàn, hiệp trấn Ngô Nhân Tĩnh đều không quyết định được, đem sự trạng tâu lên. Vua bèn hạ lệnh từ nay về sau ở trấn có truyền báo việc quá 1, thì trấn thủ và hiệp trấn là chủ, duy các việc kiện tụng và lương tiền thì tham hiệp mới được dự.

Lấy cai đội Nguyễn Văn Quý làm thủ ngự cửa biển Văn-úc (thuộc tỉnh Hải-dương).

Chưởng dinh lãnh phó tướng Tiền quân là Nguyễn Đình Đắc chết, tặng thiếu bảo, cho tiền 400 quan, sai quan đến du tế.

Khai mỏ sắt La-bôn ở Biên-hòa. Bọn lái buôn người Thanh là Lâm Úc-tam và Lý Kinh lãnh trưng, mộ người thổ dân và người Thanh lập làm đội Thiết trường, mỗi năm nộp thuế sắt mỗi người 50 cân.

Nguyễn Văn Tồn đóng thủ ở La-bích, quân nhiều người bị bệnh nước độc, Nguyễn Văn Nhân tâu xin rút về mà mộ người Hán [Việt] ngu ở Chân-lạp lập làm ba đội Tráng ngự, Cường ngự và Uy ngự đều cho tùy nơi đóng giữ. Vua theo lời. Chiếu dụ vua nước Chân-lạp rằng: « Nay nước Phiên yên tĩnh, không cần để quân lại nữa, nếu có sự cần kíp sẽ phát quân cũng chưa muộn ».

Vua cùng bọn Phạm Như Đăng, Phạm Đăng Hưng bàn về những người tiết nghĩa xưa nay. Như Đăng thưa rằng: « Người giữ tiết chết vì nghĩa đời nào chẳng có? Do người trên bồi dưỡng cho đấy thôi. Bản triều

như Võ Tánh, Ngô Tông Chu, tiết nghĩa đáng kính, người xưa cũng không hơn được !» Vua cho là phải.

Lấy tri huyện Trần Trọng Huyền làm trợ giáo Hoài-dức.

Lạc-hoàn vào cống.

Bỏ lệ thuế các mỏ vàng, diêm tiêu, lưu hoàng ở Hưng-hóa và Tuyên-quang. (Mỏ vàng động Hương-sơn trấn Hưng-hóa lệ nộp thuế vàng 1 lạng 5 đồng cân; mỏ diêm tiêu Bản-vĩnh lệ nộp thuế diêm tiêu 100 cân; mỏ lưu hoàng An-phú lệ nộp thuế lưu hoàng 100 cân. Năm nay các mỏ không có người khai lấy, quan Bắc-thành tâu cho miễn thuế).

Quản đạo Kiên-giang là Trương Phúc Giáo và quản đôn Uy-viên là Nguyễn Văn Tồn vào châu, vua cho mỗi người 10 lạng vàng, 30 lạng bạc và 200 quan tiền, áo thường 3 cặp, mũ áo một bộ.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, lễ hạ hưởng.

Hoàng Việt Toản vi tang vợ, xin nghỉ việc trấn. Vua cho. Lấy phó đô thống chế Tả dinh quân Thần sách Trịnh Ngọc Tri quyền lãnh trấn thủ Nghệ-an.

Thượng thư Hình bộ là Nguyễn Tử Châu chết; tặng Tam chính, cấp 3 người mộ phu.

Tham hiệp Hà-tiên là Dương Văn Châu cùng hiệp trấn Nguyễn Đức Hội vốn có hiềm khích với nhau. Từ khi trấn thủ Nguyễn Văn Thiện chết rồi, hai người chuyên coi việc trấn. Hội hay mưu lợi, sai riêng người đi Chân-lạp. Châu biết được việc, bèn họp các viên biên thuộc trấn bắt giữ những người chứng để tra hỏi. Hội bảo kêu ở Gia-dịnh, Châu đôn chặn đường, lại họp quân dân vây dinh thự của Hội. Hội cũng hịch cho quân

tự vệ. Cả trấn rối động. Trấn thần bắt trói cả hai người, đem việc hạch tâu lên. Hạ lệnh cho Nguyễn Văn Thụy quyền lãnh việc trấn. Khi án tâu lên, Châu bị tội trăm quyết, Hội bị tội trăm giam hậu, các viên biên thuộc trấn a tòng đều bị xử trượng và đồ.

Vua thấy thóc tô ở Quảng-ngãi và Bình-hòa thu vào không có mấy, hạ lệnh cho Quảng-nam chuyển thóc sang Quảng-ngãi 75.000 hộc, Bình-dịnh chuyển thóc sang Bình-hòa 50.000 hộc để chứa.

Sai cho cai bạ Quảng-đức là Lý Gia Du giám đốc cục Đúc tiền ở Bắc-thành và các mỏ đồng kẽm. Dụ rằng: «Quyền lợi của triều đình quan hệ vào đây rất lớn. Người quen tính toán, hãy vì trăm trù tính. Nếu có bày tỏ việc gì thì do thành thần chuyển tâu». Gia Du đến nơi dâng sớ nói: «Nhà Lê trước đặt cục đúc tiền ba sở, đúc luôn không nghỉ, thế nên đồng tiền thừa thãi. Từ khi nguy Tây đúc không dùng phép, tiền ngày càng ít, thóc gạo rẻ mà dân nhiều người đói, vải lụa rẻ mà dân nhiều người rét. Nay nhà vua sáng suốt, mở cục đúc tiền, cho kẻ nào có đồng kẽm đều được tự mình đúc lấy. Nhưng những người đúc tiền, kẻ có của thì ít mà kẻ tay không thì nhiều; việc mua đồng kẽm thì kẻ có của phần nhiều mua được giá rẻ, người tay không vẫn chịu giá đắt. Lại việc đem tiền mới đổi tiền cũ, trong khi phát ra thu vào, bọn nha lại nhân đó yêu sách. Người ta không dám đúc, vì những cơ ấy. Vậy xin phạm mua đồng thiếc thì nhà nước định giá cho để giá hàng không đến nỗi chênh lệch. Khi đã đúc thành tiền thì đều được thông dụng. Như thế thì người ta tranh nhau mà đúc, tiền ngày càng nhiều».

Vua theo lời. Sai đặt thêm cục đúc tiền, sắc cho dân, ai có đồng kẽm đem nộp cho nhà nước thì cấp cho giá tiền. Mua bán riêng với nhau thì đều cấm. (Khối đồng đỏ 100 cân giá tiền 35 quan; khối kẽm 100 cân giá tiền 30 quan; khối chì 100 cân giá tiền 11 quan 5 tiền; khối thiếc 100 cân giá tiền 24 quan. Thái-nguyên, Tuyên-quang, Hưng-hóa là những nơi sản xuất đồng, chì, thiếc, cho nhân dân do đường thủy đường bộ thông hành đổi chác. Phạm chở bán cho nhà nước thì qua cửa quan bến dò được miễn thuế. Nếu ai dám mua bán riêng với nhau, thì tang vật sung vào nhà nước và lại phải tội. Người tố cáo đúng thực thì lấy một nửa làm của công, một nửa để thưởng. Những đồ đạc bằng đồng, thau, chì, thiếc, và đồng nát không ở lệ cấm).

Ngày kỷ mùi, dựng điện Trung-hòa.

Cấp tiền lương tháng cho lính mộ ở các đội Hữu-thuận, Kiên uy, Võ lược, Thiện võ, Định uy ở Bắc-thành.

Dời phủ lý Hạ-hồng (trước ở Tứ-kỳ) trấn Hải-dương đến Vĩnh-lại.

Tháng 5, ngày mậu dần, sửa lại điện Cần-chánh.

Thành thần Gia-dịnh tâu nói tiền thóc và sản vật ở trong thành và ở 4 trấn 2 đạo từ năm mậu ngọ đến năm giáp lý trước đã kiểm tra rồi, nay xin sai quan xét thực số từ năm ất sừ tới nay mà kê tra. Vua nghe lời tâu.

Hạ lệnh cho hai trấn Thanh Nghệ hàng năm đến tháng giêng đem 2.500 người thuộc năm dinh quân Thần sách đi thú Bắc-thành, mỗi năm thay đổi một lần.

Lại tha thuế nguồn năm nay cho Quảng-ngãi. Vua cho rằng bọn ác Man làm trở ngại, dân nguồn chưa giao thông buôn bán được, nên lại tha thuế cho.

Đặng Trần Thường và Nguyễn Gia Cát có tội, đều bị bỏ ngục. Trước đây Thanh Nghệ và Bắc-thành tâu sự tích bách thần. Vua sai Gia Cát bàn tâu. Gia Cát ủy cho thêm sự Vũ Qui Dĩnh chủ trương việc ấy và sai con là Nguyễn Dục, em vợ là cống sĩ Tô Văn Đậu ngầm giúp đỡ. Qui Dĩnh làm sắc giả, phong cho ông cha và bố mẹ vợ mình làm phúc thần. Bọn Dục cũng dựa nhau làm gian, khiến diên thờ đảo lộn nhằm lẫn rất nhiều. Đến nay thành thần hạch tâu hơn 560 đạo sắc. Vua sai đình thần tra xét. Bọn Qui Dĩnh đều xin phục tội. Lại có tướng Trịnh là Hoàng Ngũ Phúc năm giáp ngọ vào lấn phương Nam, khi về bị chết đường, người Trịnh phong làm phúc thần. Trần Thường trước ở thành tào giấu việc ấy đi, liệp lẫn vào diên thờ, Gia Cát theo mà gia tặng là « Thanh danh văn võ thành thần đại vương ». Đến khi việc phát, Trần Thường sợ hãi, xin chịu tội. Vua nói: đấng trật cho bách thần là diên lễ lớn ở buổi đầu của nhà nước. Bọn người làm gian trá, dối người khinh thần, không tội nào lớn bằng. Và cuộc biến loạn năm giáp ngọ Hoàng Ngũ Phúc chính là thủ ác, nay lại cất lên mà cho là thần, thế chẳng phải là bán tước sao? Việc ấy còn nữ làm thì việc gì lại chẳng nữ! ». Giao xuống Hình bộ nghị tội. Phạm Như Đăng cho là tội Trần Thường nên cách chức, tội Gia Cát nên xử tử. Lê Bá Phẩm cho rằng Trần Thường và Gia Cát tội cũng như nhau, cùng tội mà phạt khác, thì không đúng hình, đều xử tội chết. Nghị ấy tâu lên, vua sai đình thần xét lại. Nguyễn Văn Thành nói đầu rằng Trần Thường Gia Cát vẫn là có tội, nhưng lấy công chuần lỗi thì còn có bất nghị; bọn Lê Quang Định, Nguyễn Đức Huyền, Nguyễn Hữu Thận đều chủ trương theo.

lời nghị ấy; bọn Trịnh Hoài Đức, Trần Văn Trạc lại theo lời nghị của Như Đăng. Bản mãi không quyết định được. Khi tâu lên, vua nói: « Bá Phàm nói phải ». Vua theo lời Phàm mà phạt Văn Thành. Quý Dĩnh bị tội trăm; Trần Thường và Gia Cát đều giam hậu; bọn Dục bị tội đồ, những người khác đều giáng và phạt khác nhau. Tham quân Lê Chấn cũng vì nhận riêng một đạo thần sắc phần hoàng bị giáng làm điền quân. Nhân đó hạ chiếu thu lại thần sắc, rồi sai quan Lễ bộ bàn lại việc phong tặg.

Định lệ lương bổng cho thủy quân: Chưởng cơ coi như vệ úy quân Thị trung, quản cơ coi như phó vệ úy quân Thần sách. Còn từ cai cơ, cai đội trở xuống, cũng cùng lệ với quân Thần sách.

Tha giảm tô thuế cho những ruộng bị hại ở các trấn Bắc-thành. Số thóc thiếu từ năm canh ngộ, cũng cho dân lấy tiền nộp thay (một học giá là 9 tiền). Thành thần lại xin lấy bọn tù tội đồ đắp đường cái để đỡ nhọc cho dân. Vua y cho.

Tháng 6, đắp thành đất Quảng-bình, sai phó tướng Trần Quang Thái đốc suất các quân ứng dịch.

Lấy Lê Đức Tần làm cai bạ Quảng-đức, thêm sự Công bộ Nguyễn Văn Tịnh làm ký lục.

Lấy cai cơ ở đồn Uy-viên là Tót làm án phủ hai phủ Trà-vinh, Mân-thít.

Vua cùng Phạm Như Đăng bàn về việc các đế vương đời xưa truy tôn thụy hiệu cho ông cha. Như Đăng thưa rằng: « Những đế vương thời xưa khi về vang có thiên hạ, ai là chẳng truy tôn ông cha, như nhà Hán truy tôn đế hiệu bốn thân, nhà Tống truy tôn thụy hiệu

bốn đời. Chính vì công đức cao dày không thể quên được ».

Trần thủ Phúc-yên là Lê Văn Vạn, cai bạ là Lê Công Bật, ký lục là Nguyễn Văn Thục mắc tội tham tang, bị miễn chức. Cho chương cơ Nguyễn Văn Huyền, Thượng bảo khanh Trần Đình Trưng và thêm sự Lễ bộ Vũ Doãn Thiếp thay.

Bản soạn sách *Quốc triều thực lục*. Triệu Thị trung học sĩ là Phạm Thích, đốc học Sơn-nam thượng là Nguyễn Đường, đốc học Hoài-đức là Trần Toàn về Kinh, sung chức biên tu ở Sử cục. Lại thấy Lê Duy Thanh là người Duyên-hà có văn học, cũng triệu về Kinh, rồi cho chức Đông các học sĩ.

Xuống chiếu tìm điển tịch. Chiếu rằng: « Đạo dựng nước, phải có phép thường; mà cách sửa trị, nên tìm điển cũ. Nước Việt ta, các đời Đinh Lý Trần Lê nối nhau, chính trị có điều theo điều đổi, trong khoảng ấy điển chương pháp độ, há không có điều gì đáng thuật sao? Các vua thánh ta mở mang xây dựng, hơn hai trăm năm làm sáng tỏ mưu xưa và vâng theo nghiệp trước, đều có phép sẵn. Mới đây từ khi giặc Tây-sơn lấn cướp, sách vở tan tác mất cả. Tuy sau binh biến, kho sách không còn bầy chững, nhưng những nhà học giả uần súc, chắc còn ghi chép. Nay đất nước đã thống nhất, cần phải tìm xét rộng rãi. Phàm dân chúng các người như có điển xưa việc cũ, hoặc do ở kho nhà nước còn để lại, hoặc được ở nhà riêng ghi chép, hết thấy điển chương điều lệ, cho phép do quan địa phương sở tại dâng lên. Nếu có điều gì quan hệ đến chính thể, trăm sẽ tự xét chọn, đều có nêu thưởng ».

Lại chiếu cho các dinh trấn từ Quảng-bình về Nam rằng : « Nay soạn *Quốc triều thực lục*, phạm sự tích cũ cần phải tìm xét rộng rãi đề sẵn mà thêm khảo. Từ khi giặc Tây-sơn nổi loạn, người Trịnh xâm lấn, trăm chính mình mưu toan khôi phục, búa cờ vất vả hơn ba chục năm, siêng năng lo lắng không phải một ngày, xếp đặt làm ra không phải một việc. Trong khoảng đó, việc binh tình giặc, một người không thể ghi hết. Tướng ở chốn đồng quê, các nhà quan cũ và các cụ già, những điều ghi chép được, những điều thấy nghe được, hẳn có điều đáng dùng. Vậy đặc chiếu cho các sĩ dân, từ năm quý tỵ trở về sau, năm nhâm tuất trở về trước, phạm những việc quan hệ đến việc nước, ai hay biên chép thành quyển cho đưa đến nộp quan sở tại ; các cụ già ai hay ghi nhớ việc cũ, thì quan sở tại mời đến hỏi, ghi chép chuyển tâu. Lời nói nào có thể ghi vào sử được sẽ có thưởng. Thằng hoặc có can phạm kỵ húy cũng không bắt tội.

Bản soạn sử nhà Lê.

Chiếu cho các trấn ở Bắc-thành có ai thu chép được sự tích nhà Lê cũ và sự tích giặc Tây-sơn thì đem sách dâng. Từ đấy những sách cất ở nhà dân dần dần đem ra.

Bắt đầu định chương trình xét công các phủ huyện. Vua thấy tri phủ tri huyện là chức gần dân, nên phân biệt người hay hay người dở để định việc cất nhắc truất bỏ khiến biết khuyến răn, bèn định ba năm một lần khảo, hai lần khảo làm một khóa, bắt đầu từ năm mậu thìn Gia-long thứ 7. Quan trên các địa phương kê suốt trong ba năm các phủ huyện án kiện đã xét mà xét hết được tình lý là bực thượng khảo, được 8,

9 phần 10 cũng là thượng khảo, được 6, 7 phần là trung khảo, được một nửa sai một nửa là hạ khảo, được ít sai nhiều và được tuy nhiều mà khép tội sai một án mạng nào, thì đều là hạng cuối, phân biệt tâu rõ cả dễ dợt chi. Từ năm tân mùi này trở về sau, cứ đến cuối năm phải liệt kê án đã xử đoạn để sẵn đến ba năm xét công. Duy có người chính sự giỏi đặc biệt thì đem tên tâu lên ngay, không câu nệ niên khóa.

Truy tặng phó tướng Tả quân Phạm Văn Sĩ làm Tả quân thự phủ sự, tham tán Trần Văn Thúc làm chánh thêm sự. (Sĩ có công Vọng-các, Thúc chết vì việc nước).

Sai Quảng-nam dựng kho Hội-an, thu 5 vạn hộ thóc tô năm ấy chứa ở đây.

Bộ Hộ tâu nói : « Trước kia trong hai phủ Thăng-hoa Điện-bán thuộc Quảng-nam, một mẫu ruộng công chỉ đánh thuế 8 phần, còn 2 phần trừ làm nương mạ. Nay tính mẫu mà đánh thuế cả, dân lại viện lệ cũ xin miễn ».

Vua nói : « Vương giả rất công bằng, không riêng tây, gần xa như một. Nay cư dân ở đâu thổ trạch đều có thuế cả, sao chỉ ruộng mạ hai phủ ấy không nộp thuế? ». Không cho.

Từ Bình-thuận đến Bắc-thành lâu không mưa. Sai hoãn thu thóc tô năm nay 2 phần 10.

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHẤT KỶ

QUYỀN XLIII

THỰC LỤC VỀ THỂ TỒ CAO HOÀNG ĐẾ

Tân mùi, Gia-long năm thứ 10 [1811], mùa thu, tháng 7, ngày mồng 1, tế thu hưởng.

Lấy vệ úy vệ Trương võ là Đỗ Thiên Thâm làm vệ úy vệ Hùng dũng, cai cơ Nguyễn Văn Cường làm phó vệ úy vệ Hậu bảo tam.

Triệu Lê Phúc Điển về Kinh; lấy chương cơ Phạm Công Nghĩa hành vệ úy vệ Uy võ, án thủ đồn Hà-trung.

Hạ lệnh cho Bắc-thành đem thóc thuế vụ đông xay thành gạo hơn 60 vạn phượng, đọi sang năm chở về Kinh.

Người Diên-khánh là Mạc Văn Diên dâng sách *Hồng đức luật lệ đời Lê*; tri huyện Thủy-đường là Nhữ Công Qui dâng sách *Hoàng Việt thống chí*; người Sơn-nam thượng là Hoàng Quý Chi, người Sơn-lây là Cao Văn Tinh, người Kinh-bắc là Lê Doãn Khản dâng các sách quan chế và điều luật triều Lê trước. Đều thưởng tiền khác nhau.

Dân Gia-định đi buôn ở Nam-vang, nhiều người mua rẻ sản vật của người Phiên, người Phiên khổ vì họ quấy nhiễu. Vua nghe tin, sai thành thần nghiêm cấm.

Làm xong hai điện Trung-hòa và Cần-chánh, thưởng cho lính và thợ 7.500 quan tiền. Quan thi thưởng tiền bổng hai tháng.

Lấy Hàn lâm viện thừa chỉ Nguyễn Văn Giảng làm tuyên phủ sứ Hoài-đức.

Vua cùng bày tôi bàn về chế độ chia giới hạn tỉnh điền. Dụ rằng: « Đời xưa mỗi người được ruộng 100 mẫu, dùng thước ngày nay mà đo thì 100 mẫu rất rộng, sức một người khai khẩn thế nào hết được! Đó là do thước đời xưa so với thước ngày nay rất ngắn ».

Hiệp trấn Nghệ-an là Ngô Nhân Tĩnh vào chầu. Nhân Tĩnh nhiều lần dâng sớ xin về Kinh để trình bày nỗi đau khổ của dân gian, vua y cho. Nhân Tĩnh đến, nói hết tình trạng điều hao của dân Nghệ-an. Bèn xin hoãn thu số tiền thóc còn thiếu từ năm nhâm thân trở về trước. Lại các thuế biệt nạp sản vật như vải trắng, dầu nước, có ai thiếu thì xin cho nộp thay bằng tiền. (Thuế vải mỗi người 2 tấm, thuế dầu, mỗi người 2 cân 3 lạng, đều nộp thay bằng 6 quan tiền). Vua đều theo lời. Hơn một tháng khiến về trấn.

Triệu Trịnh Ngọc Trí về Kinh. Lại lấy Hoàng Viết Toàn làm trấn thủ Nghệ-an.

Sửa lại cửa Tả đòan.

Hoãn đòi lính thiếu cho dân bị thủy tai ở Sơn-nam hạ, Hải-dương và Yên-quảng. Các trấn từ năm kỷ ty gặp thủy tai, hộ khẩu hao hụt nên kén lính thiếu ngạch thường không cấp đủ. Thành thần đem việc tâu lên. Vua sai xét số người bị thủy tai nhiều ít, theo bực mà hoãn cho. (Nguyên lệ kén lính ở Sơn-nam hạ và Hải-dương cứ 7 người đình thi lấy 1 người; số người chết đuối mất 1, 2 đình thi hoãn đòi 1 tên lính trong 1 năm;

mất 3, 4 dinh thì hoãn 2 năm, mất 5, 6, 7 dinh thì hoãn 3 năm. Nguyên lệ kén lính ở Yên-quảng cứ 10 dinh lấy 1; số chết đuối mất 1, 2, 3 dinh thì hoãn đòi 1 tên lính trong 1 năm; mất 4, 5, 6 dinh thì hoãn 2 năm, mất 7, 8, 9, 10 dinh thì hoãn 3 năm).

Đổi định trình hạn đổi phiên cho các quân ở Bắc-thành. Trước kia các quân chia hạn mỗi tháng thay đổi một lần, kỳ hạn ngắn vội quá, người đều khó chịu. Thành thần xin đổi 2 tháng làm một hạn để nhọc rồi được đều. Vua y lời tâu.

Tháng 8, Kinh sư bị bão (Giờ mùi nổi, giờ sửu thôi, cộng 7 khắc). Nước lụt lên hơn lúc thường hơn 8 thước; nhiều nhà ở của quan dân sụp đổ. Sai đội Tiều sai hội đồng với dinh thần Quảng-dức chia đi các huyện xét hỏi sự đau khổ của dân gian để tâu lên. Thuyền vận tải và thuyền buôn bị lật đắm thì cho tiền tuất. Các hạt Quảng-trị, Quảng-binh, Quảng-nam, Quảng-ngãi cũng có nạn bão. Xuống chiếu rằng tiền thóc còn thiếu và binh lính trốn chết đều hoãn đòi một năm; tạp dịch, kiện vật và việc thổ mộc không gấp đều bãi cả.

Cửa biển Tư-dung vỡ (mở thành cửa lạch rộng 27 trượng 5 thước, sâu 7 thước).

Lê Chất tâu cử Lê Đại Cương theo làm việc ở thành. Cương trước làm tri huyện Tuy-viên, vì tham tang phải mất chức, Chất thấy Cương là người có tài làm việc, mới tâu xin. Vua y cho.

Sao chổi hiện ở phương tây.

Vua ra châu, từng cùng bày tời bàn về sự tích vua tời đời Hán Đường và lễ nhạc chế độ các triều trước. Khi thôi châu liền sai thị thư đem tiến sách *Minh sử* để xem, đến nửa đêm mới thôi.

Hạ lệnh tuyền bổ các phủ huyện ở Bắc-thành. Tr¹ phủ khuyết thi lấy tri huyện lâu năm không có lỗi thăng bổ, tri huyện khuyết thi lấy những hương cống nhà Lê đã từng sung làm việc trường thi bổ vào.

Thuyền Hải-nam của Phan Nguyên-ký đến buôn. Thủ ngự Sĩ-ký là Lâm Ân riêng nhận của lót bảo giấu hàng hóa để mong giảm thuế. Việc phát giác. Vua sai giết. Nhân đó dụ các thủ ngự cửa biển rằng phạm thuyền buôn có giấu bớt đều tịch thu hàng hóa.

Hạ lệnh cho các trấn quan học quan từ Nghệ-an trở ra Bắc đều đề cử người minh biết. Chiếu rằng: « Dùng người không phải chỉ một lối, chọn học trò không phải chỉ một đường. Năm trước mở khoa thi Hương, phạm người dự trúng từ trường đều đã bổ chức tri huyện. Nhưng nghĩ trong số học trò dự trúng tam trường cũng có người học thuật có thể dùng được. Vậy hạ lệnh cho trấn quan và học quan xét hỏi người nào văn học hơi khá thì ghi tên tâu lên ».

Lấy quân đạo Kiên-giang là Trương Phúc Giáo làm trấn thủ Hà-tiên, ký lục Định-tướng là Bùi Đức Miên làm hiệp trấn. Vua thấy Hà-tiên là nơi trọng yếu ngoài biên, hai người đã biết rõ tình hình biên cương cho nên sai đi. Bọn Giáo đến trấn, chỉnh sự chuộng rộng rãi giản dị, không làm phiền nhiễu, sửa sang trại quân, chiêu dân xiêu giạt, đặt trường học, khẩn ruộng hoang, vạch định phố chợ, ngăn khu cho người Hán [Việt], người Thanh, người Chân-lạp, người Chà-và, khiến tụ họp theo loài, làm cho Hà-tiên lại trở thành một nơi đô hội ở Nam thùy vậy.

Lấy Trần Quang Tích làm ký lục Định-tướng.

Vua nghĩ muốn cất nhắc những người bị chìm đong, các tham tri ở Bắc-thành xét hỏi dân gian có người học rộng nết tốt thì tâu lên.

Lấy con trai của thị giảng Lê Cao Kỳ là Lê Cao Cơ suag Hàn lâm viện. Cao Kỳ trước làm thị giảng cho Hưng tổ, Trương Phúc Loan ghét mà giết đi. Năm Gia-long thứ 8 lục dung con là Cao Cơ sai châu trực ở cung Trường-thọ, đến nay đặc cách cho chức này.

Truy lạng tham mưu Trung dinh là Đào Duy Mẫn làm khâm sai tham tâu.

Tháng 9, ngày binh tuất, hoàng thái hậu se mình. Trước đây sao chổi xuất hiện, người hầu đem tâu, hoàng thái hậu buồn rầu không vui, một đêm lên ra xem, rồi vào bảo người hầu rằng: « Sao chổi chính ứng điềm vào thân già này ». Đến nay se mình. Vua sớm chiều đến chầu ở cung Trường-thọ, sai hoàng tử hoàng tôn vào hầu. Các quan văn võ đều họp ở công thự bên hữu.

Ngày kỷ sừ hoàng thái hậu băng, thọ 74 tuổi. Vua thương khóc không thôi. Triệu các quan vào bên để bàn việc tang. Các quan xin từ tam phẩm trở lên đều để tang một năm. Vua dụ rằng: « Nhà vua lấy Tôn Miếu Xã Tắc làm trọng. Nay trăm đã để tang 3 năm, các người lại để tang 1 năm, nếu trong một năm có việc ở Tôn Miếu Xã Tắc thì làm lễ thế nào? Vậy cho để tang 3 tháng ». Các quan lại ngờ về tang phục của công chúa để tang. Vua nói: « Thánh nhân đặt lễ phân biệt từng lý từng tỳ. Lòng kính không thể thích hợp cả đôi đường, tang phục không thể trọng cả hai bên. Cho nên một người con gái, khi ở nhà thì lấy nhà cha làm tôn, khi đi lấy chồng thì lấy nhà chồng làm trọng. Nghĩa đã có phân biệt, tang sao lại như nhau được. Vậy nghị cho

hoàng nữ đã đi lấy chồng thì kèm hoàng nữ còn ở nhà một bực ». Bộ Lễ lại xin định hạn cấm việc giá thê. Vua nói: «Thần dân nên theo thứ tự mà tình giảm để lấy vợ lấy chồng được kịp thời ». Thế là sự bàn đã định.

Ngày định dậu, làm lễ thành phục (Vua đề tang 3 năm; hoàng hậu tang 3 năm; phi tần, hoàng tử và công chúa chưa đi lấy chồng đều tang 1 năm; trưởng công chúa và công chúa đã đi lấy chồng tang 9 tháng. Người tôn thân ở năm bực tang đều đề tang theo như lễ; người thân ở bực trần cánh tay và bỏ mũ thì dùng khăn vải trắng; quan văn võ từ chánh tam phẩm trở lên, tang mặc áo vén gấu 3 tháng, từ tòng tam phẩm trở xuống, ai dự vào việc tang thì dùng áo vải trắng; quan ngoài thì miễn áo tang, duy ai về Kinh thì mang áo tang cũng như quan Kinh; quan thuộc cung Trường-thọ từ chánh tam phẩm trở lên mặc áo vén gấu 5 tháng; mệnh phụ đều đề tang như chồng; quan viên từ tam phẩm trở lên cấm cưới vợ gả chồng 3 tháng, từ phẩm trở xuống thì 1 tháng, quân dân 15 ngày; cấm dùng màu hồng màu tía 1 năm; cấm hát xướng 3 tháng. Quan viên vào châu hầu, trong 3 năm đều không được mặc áo màu đỏ màu tía; phẩm gặp việc thờ cúng hay việc quân đều cho mặc áo thường mà làm việc; các thành dinh trấn trong 3 tháng, ngày mồng một và ngày rằm đều được miễn bái chầu).

Chiếu dụ trong ngoài rằng: «Giờ tuất ngày 14 tháng này, hoàng thái hậu thăng hà, trăm thương xót đau lòng, kinh cần ở trong cung đề tang ba năm, nhất thiết theo lễ chế. Phục chế và hạn cấm đối với quan viên trong ngoài và quân dân đều theo nghị định mà làm ».

Trước kia vua thờ hoàng thái hậu rất kính cần, khi muôn việc đã rồi thì xem bữa ăn, thăm sức khỏe, lễ

hương không thiếu. Đến khi thái hậu băng, vua cư tang, lòng rất đau thương. Từ đây buổi chiều buổi hội đều miễn, ngày thường chỉ ngự ở tiệp điện để nghe chính sự.

Bãi kho Nông-giang ở Hải-dương. Trước đây Hải-dương lập riêng kho chứa ở đồn thủy Nông-giang để thu tiền thóc của dân các huyện. Đến nay dòng sông nông cạn, vận tải không tiện, thành thần xin cho các huyện lại nộp ở trấn. Vua y cho.

Thổ tù Mộc-châu trấn Hưng-hóa là Xa Văn Tiên và thổ tù châu Trinh-cụ trấn Thanh-hoa là Phạm Phi Nam tranh-nhau đất hai động Cầm-nang và Mộc-thượng. Vua sai quan Bắc-thành phái người hội đồng với trấn thần Thanh-hoa để xét hỏi. Phi Nam thác bệnh không đến. Việc bèn thôi.

Cai đội Thanh-hoa là Trần Văn Thịnh đến Kinh làm sổ binh, làm sắc thị giả, cho bỏ cai đội, đội trưởng hơn 70 người. Trấn thần biết được sự trạng tâu lên. Vua sai bắt Thịnh giết đi.

Quản Tầu vụ là Nguyễn Đức Xuyên dâng sổ thuế thuyền buôn hai năm canh ngộ và tân mùi. (Tiền thuế hơn 97.500 quan).

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, tại cung Trường-thọ làm lễ điện lớn. Vua thân đến làm lễ. Từ nay mồng một và rằm là lễ điện lớn, lấy làm lệ thường. Trước là vua sai bộ Lễ bàn về nghi tiết tế đông hưởng. Bộ thần tâu nói: « Thiên Vương chế ở Kinh Lễ nói rằng: Vua có tang ba năm thì không đi tế. Duy có tế Trời Đất Xã Tắc thì tạm bỏ tang mà tế, không vì ngôi thấp mà bỏ ngôi cao được. Sách Tế nghĩa của Hạ Tuần nói: Theo lễ người có đại tang không dự tế, vì tế là việc cát. Là vì nghĩa chẳng những ở người sống, mà tinh

Ông cha đã chết cũng đều thương xót. Năm Kiến-long nhà Tống, khi mới có tang Chiêu hiền Đỗ thái hậu, Thái thượng lễ viện xin đình lễ hưởng ở Thái miếu, đợi an táng rồi sau sẽ theo lệ cũ. Suy theo ý lễ, xét việc đời trước, thì ngày mồng một tháng mạnh đông năm nay nên tế điện ở bàn thờ Hoàng thái hậu, mà lễ đông hưởng ở Thái miếu thì nên tạm đình, đợi sau khi an táng sẽ làm ». Vua y lời tâu. Rồi hạ lệnh từ năm nay trở đi, cứ tế Chạp rồi mới làm lễ hưởng, sai hoàng tử hoàng thân tế thay.

Thành thần Gia-dịnh là Nguyễn Văn Nhân và Trịnh Hoài Đức cùng các trấn thần dâng sớ xin vào viếng tang.

Vua xuống chiếu dụ rằng: « Việc hiếu của nước là lễ lớn, lòng người tôi con trong ngoài như một. Nhưng giữ chức vụ ở nơi bờ cõi, không thể ai ai cũng đến viếng được. Vậy Hoài Đức cứ đến còn Văn Nhân thì nên ở lại trông coi việc thành; các trấn thần thì mỗi trấn một người, sang năm cùng đi với chuyến vận tải.

Đặt đàn chay lớn ở chùa Thiên-mụ. Do trạm đưa thầy tăng ở Gia-dịnh về Kinh.

Nước Chân-lạp sai sứ đến cống, và xin đổi quốc hiệu làm An-di-bắc-phủ-lai. Vua cho vào yết kiến ở tiện điện, hỏi về việc nước của vua Phiên. Sứ giả thưa rằng: « Nước chúng tôi giữ được đất đai, dân vật yên ổn, đều nhờ ơn đức thiên triều che chở ».

Vua nói: « Nước người là thần thuộc của triều đình từ lâu. Lấy nước lớn yêu nước nhỏ là trách nhiệm của trăm, mà săn sóc vun trồng là đạo của trời, chứ có ơn đức gì đâu ». Nhân hỏi vương đệ là Nặc Nguyên và Nặc Yem ở đâu. Sứ giả thưa: « Nghe nói đều vào ở chùa cả ». Vua nghĩ thương. Sứ giả lại đem việc quốc hiệu

xin. Vua nói: « Quốc hiệu cũ đã đẹp rồi, cần gì phải đổi. Hơn một tháng sứ giả về nước. Sai trả lại những đồ cống. Lại viết thư cho vua Phiên rằng: « Xem biểu cũ, vương, khen lòng thành thực. Vừa đây hỏi sứ thần mới biết rõ việc hai em của vương. Và tổ tiên của vương đều nhờ Tiên triều che chở; tiên phụ của vương là bề tôi trước của trẫm, mà anh em của vương đều là người con mồ côi của tiên phụ vương, nay vương là anh cả được chịu tước phong, hai em cũng là ruột thịt rất thân, tình ý há nên chia rẽ. Vương nên thể theo lòng trẫm, nghĩ đến đạo trời, bảo cho hai em nghĩ đến tình cùng gốc, chớ lấy thế vị mà khuynh loát nhau, chớ lấy hình tích mà ngờ ghét nhau, làm sao cho luôn thường được hậu, nhà nước yên hòa, để không làm đổ cơ nghiệp của tổ tiên của vương, để xứng ý dựng nước phen dậu của trẫm. Còn quốc hiệu của vương, tự tổ phụ vương dựng nước đã định danh rồi, không cần thay đổi làm gì. Vương nên tuân theo ». Nặc Chấn được thư, rất cảm tạ.

Vua nhiều lần cùng bày tôi bàn về lễ tang của các triều đại. Tham tri Lê Chánh Lộ đem sách *Ngũ lễ thông khảo* tiến lên. Vua mỗi khi ngự ở tiển điện là sai thị thần đọc, nước đồng hồ xuống 12 khắc mới nghỉ.

Làm quách đá. Lê Cần ở Nội đồ gia đem cách thức dâng lên. Vua thân tự xét định, sai trấn thần Thanh-hoa đốc thợ đá làm đúng theo thức.

Nguyễn Khắc Thiệu tự Bắc-thành vào viếng tang. Vua hỏi công việc ở thành, Khắc Thiệu thưa bày rất kỹ. Nhân có cha mẹ già xin về thăm. Vua y cho.

Người Hương-trà được hai bản sách vàng cũ, hủy trước đi một bản rồi sau mới dâng. Dinh thần Quảng-

đức bắt và tâu lên. Vua nói: « Dân dốt không biết chớ đong trách làm gì lắm ». Sai tha cho.

Lấy chưởng Tiền quân Nguyễn Văn Thành làm khám, sai chưởng Trung quân, chưởng Hữu quân Nguyễn Hoàng Đức làm khám sai chưởng Tiền quân, chưởng Thần võ quân Phạm Văn Nhân làm khám sai chưởng Hữu quân. Đổi mười cơ Tiền quân làm mười cơ Trung quân, hai vệ Tiền bảo nhất, nhị, làm hai vệ Trung bảo nhất, nhị, năm đội Tiền sai làm năm đội Trung sai, mười cơ Trung quân làm mười cơ Tiền quân, hai vệ Trung bảo nhất, nhị làm hai vệ Tiền bảo nhất, nhị, năm đội Hữu sai làm năm đội Tiền sai, mười cơ quân Thần võ làm mười cơ Hữu quân, hai vệ Võ bảo nhất, nhị làm hai vệ Hữu bảo nhất, nhị, năm đội Võ sai làm năm đội Hữu sai.

Bình-định và Phú-yên bị lụt, nhà cửa của quân dân trôi mất nhiều, có người chết đuối. Vua sai vệ úy Tôn thất Bình và tham tri Nguyễn Hữu Thận đi phát chẩn. Dụ rằng: « Nhà nước tích trữ đều là ở dân ra, chẩn cấp cho dân bị tai nạn không thể tiếc phí được ». Bọn Bình đến nơi phát gạo ở Phú-yên hơn 19.000 phượng, gạo ở Bình-định hơn 4.800 phượng, chia hạng để chẩn cấp. (Hạng bị tai hại lắm mỗi người 3 phượng gạo; hạng thứ mỗi người 2 phượng; hạng thứ nữa 1 phượng 15 bát; trẻ con một nửa). Nạn dân sống được rất nhiều. Khi bọn Bình chưa đến, trấn thần Bình-định là bọn Vương Văn Học trước đã tùy tiện phát gạo muối chẩn cấp cho dân, dẫu sợ xin chịu tội. Vua nói: « Giữ chức chẩn nuôi dân phải nên như thế chứ có tội gì ».

Hạ lệnh cho các địa phương chẩn cấp cho dân đói không phải đợi trả lời. Chiếu rằng: « Tai trời lưu hành,

xưa nay đời nào cũng có. Thương người bị tai, xót người mắc nạn, chính sách nhân từ lấy đó làm đầu.

Nếu các địa phương chợt có tai nạn nên chần cấp mà đợi tàu báo thì chậm quá, đã không phải là ý thương dân của triều đình, lại không phải chức chăm dân của thú mục. Từ nay phạm chợt có lụt hạn cấp thiết trước mắt thì quan dinh trấn phải thân đi khám xét ngay, chần cấp trước rồi sau tàu. Nếu năm nào mất mùa, ruộng lúa tổn hại, thì phải tàu trước kỳ ».

Đổi phó tướng Trung quân là Hoàng Văn Diêm làm phó tướng Tiền quân, đi thú Bắc-thành.

Triệu chương cơ lãnh trấn thủ Bình-dịnh là Vương Văn Học về Kinh; lấy vệ úy Thị trung là Hoàng Công Lý lãnh trấn thủ Bình-dịnh.

Miễn thuế thân và đao dịch cho những người họ Lê tản cư. Chi hệ họ Lê tản cư ở hai xã Tam-lư và Bát-cãng (thuộc huyện Lôi-dương trấn Thanh-hoa), dân sở tại bắt chịu thuế thân và đao dịch. Lê Duy Hoán xin ghi vào sổ là dòng dõi họ Lê, được tha miễn như lệ. Vua y cho.

Giảm thuế hương cho dân Nghệ-an. Hai đội Phan-long và Cát-sơn huyện Thạch-hà mỗi năm mỗi người nộp 1 cân tốc hương, nộp thay trăm hương bằng tiền 10 quan, gần đây bỏ thiếu, không thể nộp được. Trấn thần tàu lên. Bèn bỏ ngạch thuế tốc hương, mà giảm tiền thuế trăm hương, mỗi năm mỗi người nộp 6 quan. Thuế trước còn thiếu đều miễn. Lại tiền thuế trăm hương của xã Chi-quan huyện Kỳ-anh cũng giảm như thế.

Tháng 11, lấy Tổng Phước Lương và Lê Quang Định sung sơn lăng sứ, sai cùng Trịnh Hiến và Lê Duy Thanh xem chọn kiểu đất đẹp cho sơn lăng. Duy

Thanh vẽ đồ đề dâng (thuộc xã Định-môn), sai bói thì tốt. Vua bèn đến xem.

Bọn Tổng Phước Ngoạn, Trần Văn Trinh và Phạm Văn Toán từ nước Xiêm về. Vua hỏi việc Xiêm-la và Chân-lạp. Bọn Ngoạn thưa rằng: « Nặc Chấn ơn ta mà thù Xiêm, nước Xiêm chưa hết giận, việc Chân-lạp hẳn là chưa xong được ». Vua cho là phải.

Vua cùng bầy tôi bàn đến tình hình nhân dân, thối tệ quan lại.

Dụ rằng: « Gần đây lụt hạn xảy luôn, đời sống của dân ít thỏa. Trăm nghĩ chăm nuôi dân tai nạn hơn con trẻ, ấp ủ bù mớm còn sợ không kịp, huống quan tham lại những lại theo má bóc lột à! Phàm yêu trâu trước phải trừ con mòng, yêu dân trước phải trị kẻ lại, đó là lời thông luận về chính sự ». Nhân sắc cho các địa phương từ nay hễ đến kỳ thu thuế thì quan đình trấn đều một người ngồi thu, nghiêm cấm nha lại và lính kho không được làm khó khăn đề sách nhiễu, kẻ nào dám làm khổ dân thì giết không tha.

Lục xét tù tội, thả thân thuộc của người phạm trốn. Chiếu rằng: « Cấm kẻ gian răn kẻ ác là lệ công của phép nước; thương tù ngục, hoãn hình phạt là việc lớn của vương chính. Gần đây các nha môn xét hình, đặt phép bắt trộm cướp, trộm cướp có trốn thì bắt giam vợ con, trái năm không cho ra. Nhưng can phạm điều cấm là tội một người, vợ con có tội gì, nếu nhất khái bắt giam, cho ở lẫn trong nhà tù, ngày dòn tháng chứa, nổi u uất không bày tỏ được, thực rất không phải là ý thương xót. Vậy hạ lệnh cho các quan địa phương đều lục xét tù tội, phạm vợ con phạm trốn, không đáng giam giữ thì thả cho về để yên nghiệp làm ăn ».

Từ Quảng-binh trở về Nam gạo đắt. Hạ lệnh cho các nhà ai bến đò sở tại, phàm thuyền buôn chở gạo vào cửa biển, không được hà khắc quấy nhiễu, để cho hạt gạo được lưu thông.

Bọn giặc ở Bắc-thành là bọn Nguyễn Đăng Bích, Nguyễn Danh An 16 người vì đầu thú được miễn tội, theo thành bắt giặc. Thành tâu muốn bọn Bích hết sức, tâu xin cho chức quan. Hạ lệnh cho Bích làm trưởng hiệu, bọn An đều làm cai đội.

Vua ham xem sử các đời trước, thương với bọn văn thần là Vũ Trinh, Trần Hựu vào đọc sách *Lịch đại thông giám* và cùng bàn về trị loạn đặc thất, mãi đến mặt trời xế mới thôi.

Quan Bắc-thành tâu xin lấy câu kẻ, thủ hợp cùng văn hàn ở Tiền quân và Hữu quân sung bổ làm thư ký, cai án, tri bạ các trấn. Vua theo lời xin. Sai đình thần truyền dụ rằng: « Những người giúp việc tạp lưu, muốn dùng thì không xét không được, nếu là người ngay thẳng siêng năng, nên cử thi cử. Không thể thi hoặc có kẻ lừa dối, hoặc có kẻ tham nhũng, tôi cử nhằm người tất phải giao quan nghị xử. Nên cẩn thận đấy ».

Sông Nhĩ-hà lở, nhà cửa dân huyện Hoài-dức hư hỏng nhiều, thành thần xin khiến dân cư các phố ở thành tự đem gạch đá và cây gỗ làm kè đá khác để ngăn giữ.

Vua nói: « Nước sông gây hoạn nạn, dân chung thờ than. Nhà nước không thiếu gì của, không nên so tính với dân. Vả đắp kè đá, đắp rồi lại lở, không phải là kế lâu dài. Sai xuất tiền kho 47.000 quan thuê dân đắp đê mới (từ phường Đông-hà đến cửa ô Ông-lượng 108 trượng) để bảo vệ.

Lại sửa cống ở Khê-ôi (tên xã thuộc huyện Kim-bảng) trấn Sơn-nam. Khê-ôi trước có cống, năm Gia-long thứ 2 xã dân xin bỏ đương đê, nhân đấy bỏ cống. Đến nay xã dân lại xin. Thành thần cho là nên theo ý nguyện của dân, cho nên sửa lại. Sai phó tướng lãnh Đê chính là Nguyễn Văn Hiếu trông coi công việc, tính dùng nhân công vật liệu hết hơn 6.000 quan tiền. Vua lại thấy thể nước sông Nhĩ-hà chảy xói mà xã Xuân-canh và xã Lục-canh (thuộc huyện Đông-ngàn trấn Bắc-ninh) dòng sông quanh co, muốn khai một dòng sông khác cho nước chảy thẳng. Bèn sai Lê Chất thân đến nơi xem vẽ hình thế, nêu rõ lợi hại, đề tâu lên. Chất dâng sớ nói: « Dòng sông chỉ aên thuận theo tự nhiên, nếu nay khai một dòng khác thì nước sông cũ chưa hẳn là tiêu đi mà nước lạch sông mới vỡ chảy ra bên, mỗi hại lại không nói xiết ». Vua khen phải. Việc ấy bèn thôi.

Cho hai vệ Trung hầu và Nội trực lệ thuộc vào quân Thi nội.

Triệu cai bạ Bình-định là Nguyễn Văn Diên, ký lục là Ngô Đình Giới về Kinh; lấy Tăng Địch và Trần Văn Tinh thay.

Thống lĩnh thượng đạo Thanh-hoa là Hà Công Thái cử người thuộc hạ là tri bạ Lê Tuấn Tri làm tri huyện Cẩm-thủy. Trấn thần tâu cho. Vua nói: « Huyện lệnh là chức gần dân, triều đình tự có phép tuyển chung, sao lại khinh suất bỏ cho người riêng. Huống chi hai huyện Thạch-thành và Cẩm-thủy trước không đặt quan. Công Thái không nên xin riêng, trấn thần không nên đem việc ấy tâu lên ». Bèn không cho.

Công Thái lại vì con là Công Dâu hạp đảng trộm cướp, sợ hãi xin chịu tội.

Vua xuống chiếu báo rằng: « Xem lời người tâu thấy người một dạ trung thành, còn con người làm giặc thì

triều đình đã có phép thưởng. Người không may gặp hải đũa con hư hỏng ấy, nó đã tự hại thân nó, trăm không nở bắt tội người ».

Sai Thái-nguyên mộ binh giữ bảo Đồng-mỏ. Quan quân đóng thú ở Đồng-mỏ không quen thủy thổ, sinh nhiều bệnh tật, thành thần tâu lên. Bèn sai trấn thần mộ dân ngoại tịch sung làm nghĩa binh, cấp cho lương xường để tự giữ lấy.

Người Xiêm-la là Hà Vũ cỡi thuyền buôn đậu ở Long-xuyên. Có người dân bà Xiêm nói là Hà Vũ vô nợ người Xiêm mà trốn. Thư ký Long-xuyên là Nguyễn Văn Minh, cai đội là Hoàng Văn Giao, thủ hợp là Trần Quang Hiến tham hối lộ, thu lấy thuyền của Hà Vũ cho người dân bà Xiêm kia quân nhận ra biển mà đi. Hà Vũ kiện ở thành Gia-định. Việc lâu lên. Vua nói: « Bọn Minh bỏ pháp luật, làm lợi riêng, khác gì kẻ cướp! ». Hạ lệnh chém và tịch thu gia tài, cấp trả thuyền và hàng hóa cho Hà Vũ.

Quan Bắc-thành tâu nói: « Những cửa ải và bến đò ở Cao-bằng và Thái-nguyên, đời Lê trước đã có chỗ nhất định, từ khi giặc Tây-sơn đặt thêm ra để đánh thuế bừa, dân buôn khổ lắm ». Vua giao xuống đình thần bàn. Phàm những chỗ giặc Tây-sơn đặt ra khiến bỏ đi hết, người buôn mới được khỏi khổ. (Đời Lê trước, ở Cao-bằng cửa ải chính có 11 sở, cửa ải nhánh có 3 sở; Nguy Tây đặt thêm 5 cửa ải chính và 5 cửa ải nhánh. Ở Thái-nguyên cửa ải chính 12 sở, cửa ải nhánh 2 sở; Nguy Tây đặt thêm 5 cửa nhánh).

Tháng 12, lấy phó tướng Trung quân là Nguyễn Văn Vân làm đô thống chế Tiền đình quân Thần sách.

Lại lấy Văn Nguyên làm vệ úy vệ Hậu nhất Thị trung, thuộc nội cai đội Nguyễn Văn Nguyên làm phó vệ úy vệ Hữu nhất.

Vua xem cổ sử nhân bảo Phạm Như Đăng rằng: «Đời thịnh nhà Hán nhà Đường đều làm nhân chính, nhẹ dao dịch, ít thuế má, thiên hạ do đó mà giàu vui. Người sau thừa hưởng, lòng tham không chán, nhàm việc võ, dựa việc binh, cuối cùng nên loạn lớn. Mới biết việc trị việc loạn chỉ ở người làm vua làm ra thôi». Như Đăng cúi đầu nói: «Bệ hạ nói tới điều ấy, thực là phúc cho bốn biển».

Võ Trinh dâng bản phạm lệ soạn sử. Sai Nguyễn Văn Thành sung chức tổng tài, Phạm Như Đăng làm phó.

Nguyễn Văn Thành dâng sách *Võ bị chí* và sách *Tứ di loại chí*. Sai Thị thư viện thu cất.

Tha thuế cho người Man hoang ở Bình-hòa và giảm tiền thuế lá trầu cho các sách Man. (Man hoang nguồn Nha-trang mỗi năm nộp tiền thuế 1.000 quan; sáu sách Man Thượng-sai, Phú-án, Thủy-tuần, Khế-giang, Bồng-bông, Cam-ranh mỗi năm nộp tiền thuế lá trầu hơn 5.170 quan. Năm nay dân Man tản trốn đi, giá trầu ngày rẻ, bèn ra lệnh tha thuế cho người Man hoang, còn thuế lá trầu thì sai trấn thần giảm giá mà thu).

Tha thuế thân cho dân biệt nạp gỗ lim ở Nghệ-an.

Thổ phi ở Lạng-sơn cướp bảo Bình-gia. Cai đội Trần Văn Long đánh giặc bị chết, tặng cai cơ.

Thổ phi ở Tuyên-quang là Hoàng Văn Thái họp đảng đánh bảo Tụ-long. Trấn thần sai tuyên úy là Ma Sĩ Trạch đem quân đi đánh, bắt được đồ đảng và khí giới rất nhiều. Thưởng cho Sĩ Trạch mũ áo và 100 lạng bạc, 200 quan tiền.

Lấy thuộc nội cai cơ Nguyễn Văn Giám làm quản cơ cơ Trung kích.

Nước Vạn-tượng sai sứ đến cống, lại đưa trả về hơn ba chục người lính trốn. Vua bảo Nguyễn Văn Thành và Phạm Như Đăng rằng: « Vạn-tượng đã nộp lễ cống hàng năm lại trả lính trốn về, đủ thấy lòng thành thực. Nên nhân đây ban chiếu khen ngợi để cho yên lòng. Nếu bọn Lê Đoàn và Trịnh Văn đến theo thì họ tất sẽ bắt trời đem dâng. Thế là Vạn-tượng là nước phen dậu miền thượng đạo của ta đây ». Sứ giả vâng mang chiếu về.

Sai cai đội Nguyễn Quang Hiến đem việc quốc tang báo cho nước Xiêm. Hạ lệnh cho thành thần Gia-định chọn một người có văn học cùng đi.

Em quốc vương Chân-lạp Nặc Chấn là Nặc Nguyên trốn đến Phủ-lật (1) (tên phủ), nhiều tội nhân trốn của nước ấy đi theo, sửa sang binh khí để tự giữ, xin cất cho đất ba phủ (Phủ Ca-khu, phủ Lòng, phủ Trung) để ở, lại sai người cầu viện với Xiêm. Xiêm sai tướng là Phi-nhã Nhâm-ba-lạc đóng quân ở Bắc-tâm-bôn, thế rất dữ tợn. Nặc Chấn sợ, báo gấp cho Gia-định. Tổng trấn Nguyễn Văn Nhân đem việc tâu lên.

Vua triệu bầy tôi bàn. Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt tâu nói: « Xiêm-la cùng ta kết nghĩa hòa hiếu, nếu gây binh đao thì lợi hại thực không nhỏ. Vả anh em Nặc Chấn không hòa với nhau, trước đã không có cơ gì mà xin quân, làm nhục triều đình phải một phen thu xếp, nay tờ biểu ấy chưa thể tin được. Xin hạ lệnh cho thành thần bịch cho một tướng ngoài biên đem quân đi tuần ở biên giới để xem hư thực, rồi sau sẽ cất quân ». Vua cho là phải.

1. Từ Pursat.

Chiếu báo cho Nguyễn Văn Nhân rằng: « Trước ki. quân Xiêm đã lui, nay lại trở lại, chưa biết ý ra sao. Nặc Chấn là phen dậu của ta, nếu có sự hoãn cấp thì không lẽ ngồi nhìn, nhưng việc binh cũng không thể khinh động. Nên sai trấn thủ Định-tường là Nguyễn Văn Thụy đem quân đến La-bích, nói phao là đi lấy gỗ, để viện trợ ngầm ».

Quân Văn Thụy chưa đến thì Nặc Chấn lại dâng biểu xin quân. Bèn hạ chiếu cho Văn Nhân lấy quân đồn Uy-viên để chờ phát và răn rằng: « Phạm việc ngoài biên phải bình tĩnh mà trấn giữ, thông thả mà xem biến chuyển, cẩn thận chớ nên gây hấn trước ».

Sai tham tri Bình tào Bắc-thành là Vũ Đức Thông quyền lãnh Đê chính.

Triệu Cống sĩ viện thị học là Lê Đăng Doanh về Kinh, thành Gia-dịnh tâu xin lưu lại, bèn cho chức tri bạ, để làm công việc thành.

Lấy Thượng bảo thiếu khanh Phạm Như Phong làm cai bạ Chính dinh tri tâu vụ.

Quan Bắc-thành xin đặt thêm cai huyện và ký huyện để coi thu tô thuế. Vua nói: « Triều đình đặt quan là vì dân, quan nhiều thì rối dân ». Không cho.

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ

QUYỀN XLIV

THỰC LỤC VỀ THỂ TỒ CAO HOÀNG ĐẾ

Nhâm thân, Gia-long năm thứ 11 [1812] (Thanh Gia-khánh năm thứ 17), mùa xuân, tháng giêng, định lại lệnh cấm bán riêng và chở trộm đồng kẽm. Vua bảo bày tâu rằng: « Đúc tiền cốt để cho đủ dân giàu nước, mà đồng kẽm là vật sinh ra tiền, nếu không đặt rõ phép cấm thì bọn buôn tích trữ, nguồn của dễ tắc. Vậy lại ra lệnh cấm để ban hành. (Người dân ai đem đồng kẽm mua bán riêng với nhau và vận chở theo đường thủy đường bộ đều trị 70 roi, tính tang vật theo giá nhà nước thành tiền mà truy [cả tang và tiền] thu vào nhà nước. Như hai người mua bán cùng phạm thì người bán mất tang vật, người mua mất tiền giá hàng. Người phạm một mình thì tang vật và tiền giá đều phải chịu cả. Người nào tố cáo được thực thì tang vật thu vào nhà nước, tiền giá sung thưởng. Trong bọn kẻ nào tự thú thì được miễn tội mà không có thưởng, số tang vật phần mình thì nhà nước mua cho và trả đúng giá. Quan quân dân thứ có chứa riêng đồng kẽm thì hạn trong một tháng phải nộp vào nhà nước, ở Kinh do Nhà đồ, ở ngoài do quan địa phương chiếu giá thu mua. Ai cất giấu mà phát giác ra thì theo luật mua bán riêng

mà luận tội. Bang thuyền chở vật hạng, có người dám chở trộm và cùng nhau mua bán riêng thì trị tội như lệ. Những người quản vận cố ý dung túng đều xử 70 roi; kẻ nào nhận hối lộ thì xử tội nặng. Thất sát (thì xử 50 roi).

Sai tham tri Hộ bộ là Nguyễn Hữu Thận kiêm phó quản lý Khám thiên giám sự vụ. Hữu Thận giỏi về sao và lịch, sang sứ nước Thanh học được lịch pháp, thuật càng thêm tinh. Vua từng cùng bàn về thiên tượng, rất khen ngợi.

Vua nước Chân-lạp là Nặc Chấn nghe tin quốc tang, dâng biểu xin đến Kinh tiến lễ. Vua cho thư dụ rằng: «Lòng kính thuận của vương, ta rất khen ngợi. Tuy nhiên, đường sá xa xôi, một mình ta thương xót đau buồn, không muốn làm nhọc vương muốn dặm thang non bè biển. Xin vương đừng đến».

Nặc Chấn sau sai sứ giả đem lễ đến dâng.

Ngày tân mão, xây lăng ở Định-môn. (Ở phía tả bảo thành dựng tam điện, nhà chính và nhà trước đều một; ở tả hữu phối điện đều một; một nghi môn dằng trước; chu vi xây tường gạch; các núi trồng thông khắp). Sai sơn lăng sứ là Tống Phước Lương và Lê Quang Định trông coi công việc, Trần Quang Thái làm giám tu, thưởng cho các quân 3 000 quan tiền. Vua nhiều lần đến xem. Gặp một hôm gió tây hơi mạnh, trên lăng có chiếc nhà tranh đổ, vua lánh xuống chỗ lõm, bị thương ở chân. Quan quân không ai là không sợ hãi tái mặt. Hoàng tử và các đại thần tranh nhau dặt dờ. Vua yên ủi nói: «Không can gì. Quan quân được vô sự chứ? Hoàng bảy Tấn, hoàng tám Phổ, hoàng chín Chấn đều bị thương nặng. Quân nhân có người chết. Bầy tôi đều nói Quang Thái vâng làm sơ suất, xin trị tội đại bất kính. Vua nói: «Đó là tình cờ thôi. Quang Thái làm

thế nào với gió được? Miễn tội cho ». Một lát vua cho vời những cụ già ở Định-môn hỏi thăm đời sống của dân, các cụ nói dân ít ruộng. Ra lệnh cho dân 500 quan tiền, 500 phượng gạo, lại sắc cho các quan không được đi riêng xuống làng. Có ai đau ốm thì quan cho thuốc chữa.

Cho 20 cụ già ở Tống-sơn về Kinh, mỗi tháng cấp cho mỗi người 3 quan tiền và 1 phượng gạo.

Sai hoàng tư thay làm lễ điện buổi sáng buổi chiều ở cung Trường-thọ Hoàng thái hậu băng, vua thương xót dân đói không xiết, sớm chiều đều thân làm lễ điện. Tới đây vua chân đau chưa khỏi, mới sai hoàng tư tế thay. Hoàng tư vâng mệnh rất cẩn thận, không dám chút trễ. Vua rất khen ngợi.

Tháng 2, triệu đốc trấn Thanh-hoa là Tôn thất Chương về Kinh; lấy chương cơ Vương Văn Học làm phó đô thống chế Hữu dinh quân Thần sách, lãnh phó đốc trấn Thanh-hoa. Học đến Nghệ-an, bị bệnh chết ở đường. Lại sai Chương ở lại làm việc trấn.

Ngày canh thân tế Trời Đất ở đàn Nam giao.

Hạ lệnh cho các địa phương từ nay các thuế đinh điền và cửa ải bến đò đều nộp nửa bạc nửa tiền. Có ai xin nộp toàn bạc cũng cho.

Vua đi thăm sơn lăng. Hoàng tư cùng các đại thần đều theo hầu. Đến khi đào huyết, thấy có đất ngũ sắc, lòng vua mừng lấy làm điềm tốt. Bầy tôi đều khen mừng, duy Nguyễn Văn Thành không hưởng ứng. Vua hỏi vì sao? Thành vội thưa rằng: « Đất ấy chưa đủ làm tốt. Mộ mẹ thần cũng có đất ngũ sắc, mà sắc coi còn tươi nhuận, có thể tốt hơn đất này ». Vua lặng yên. Bầy tôi đều bất bình. Rồi Văn Thành lại nói: « Gần đây xứ Châu-ê có một kiểu đất rất tốt ». Bọn đại thần

Phạm Văn Nhân đều nói: «Đã biết đấy có đất tốt, sao không lâu cho vua nghe?». Văn Thành nói: «Đất ấy tuy tốt nhưng không thể táng được, táng đấy hẳn bị sét đánh». Vua nghe không đẹp lòng. Hoàng tử quay bảo rằng: «Tây-sơn là bọn tiếm nguy, tất gặp vạ sét đánh, còn nay là đời thánh minh, được trời giúp đỡ. Đứng trước mặt vua, Khanh sao vội nói những câu như thế?». Văn Thành tự biết mình nói sai rồi, xấu hổ sợ hãi, lui đi nơi khác.

Lấy trợ giáo Sơn-nam thượng là Dương Vĩnh làm đốc học, hương cống đời Lê là Nguyễn Huy Chung làm trợ giáo.

Quảng-bình mưa đá.

Lưu thủ Quảng-đức là Tôn thất Huyền về dinh tru. Lấy cựu lưu thủ Nguyễn Huy làm lưu thủ Quảng-đức, cựu hiệp trấn là Ngô Đình Siêu làm cai bạ Quảng-đức.

Đốc học Sơn-nam-hạ là Nguyễn Huy Đăng vì cha mẹ già xin về nuôi. Vua y cho. Lấy trợ giáo Kinh-bắc là Lý Trần Tấn làm đốc học Sơn-nam hạ, hương cống đời Lê là Ngô Đình Hương làm trợ giáo Kinh-bắc.

Đặt thêm kho Kinh.

Quảng-ngãi hạn.

Hiệp trấn Nghệ-an là Ngô Nhân Tĩnh ốm, dâng biểu xin kỳ nam. Vua cho.

Thỏ phi Thanh-hoa là Nguyễn Tuấn tự xưng là Hồ uy đô thống, tụ đảng ở Nghệ-an, lần lượt ở khoảng Nam-dương Đông-thành. Quân phủ Diên-châu là Lê Văn Quân đem quân đi tuần bắt, bị Tuấn giết chết. Việc tâu lên. Vua thấy lính trấn chưa giỏi đánh trận, muốn lấy lính Kinh ra đánh riết, bèn sai đô thống chế Trung dinh quân Thần sách là Trần Công Lại quản lãnh quân vệ Long võ ra kinh lược Nghệ-an. Triệt án thủ Hà-trung là Phan

Công Nghĩa về trấn, lấy 500 binh tinh mạnh lệ theo. Lại sai phó đô thống chế Tả dinh là Trịnh Ngọc Tri đem hơn 1.000 người binh Kinh đóng ở đồn Thổ-sơn, chia đường ngăn chẹn. Sau thấy địa phương hơi yên, triệu Trần Công Lại và Trịnh Ngọc Tri về Kinh.

Lại lấy chương cơ Lê Phúc Điển hành chức vệ úy vệ Uy võ, đóng giữ bảo Hà-trung.

Hạ lệnh cho các quân dinh cùng bộ viện và các thành dinh trấn đều cứ đầu năm làm sớ lương.

Lấy đốc học Sơn-tây là Lê Huy Du làm đốc học Hoài-dức, trợ giáo Nguyễn Lý làm đốc học Sơn-tây, hương cống đời Lê là Nguyễn Tập làm trợ giáo.

Sai bộ Lễ đem ngày ninh lăng cáo khắp trong ngoài.

Các thành dinh trấn dâng sớ xin đến đưa đám. Cho tổng trấn Bắc-thành là Nguyễn Hoàng Đức và các quan ở dinh trấn đều cử một người về Kinh.

Ngày át mùi, đúc sách vàng tôn thụy.

Tháng 3, ngày mậu dần, vua đem bầy tới bưng sách vàng dâng tôn thụy Đại hành hoàng thái hậu là Ý Tĩnh Huệ Cung An Trinh Từ Hiến Hiếu Khang hoàng hậu. Bài sách nói : « Thần nghe Kinh Dịch khen Đất gây nên vật, Kinh Thi khen Trời sinh ra dân. Nghĩ đức dày thể theo đức chí nguyên ; nên tiếng tốt lưu truyền đời mãi mãi. Kinh nhớ Đại hành hoàng thái hậu : nhân từ giữ được tính trời, rộng lớn sánh cùng nét đất. Gian nan bền chí, giúp đỡ cha hiền. Từ khi vận nước gặp tai, giúp thần bao phen khó nhọc. Đem mình làm khuôn mẫu, chăm lo việc cơ mưu. Cho thần dựng lại nước nhà, thống nhất bờ cõi ; vì không nhờ ơn dạy dỗ, sao được thể này ? Phong hóa tốt đẹp, thơm khắp mọi phương. Tuổi thọ lâu dài, vượt ngoài bảy chục. Vội

bỏ lộc thiên hạ phụng dưỡng, mà đi chơi dạo chốn đế hương. Ông như trời cao, muốn trả không sao được; đức như đất chở, phải tiếp đến vô cùng. Kinh cần đem bầy tôi, xin mệnh ở Tôn Miếu, phụng sách vàng dâng tôn thụy là Ý Tĩnh Huệ Cung An Trinh Từ Hiến Hiếu Khang hoàng hậu. Cúi xin hồn thiêng sáng suốt, nhận lấy danh hay. Sách hợp tổ tiên, muôn đời phối hưởng».

Ngày kỷ mao, bố cáo khắp trong ngoài. Chiếu rằng: «Trẫm nhớ: tôn sùng việc hiếu là điều trị nước đầu tiên; kính dâng hiếu hay là điển lễ rất lớn. Cho nên việc nêu danh tiếng không dám để chậm lại sau. Nay kính rước Đại hành hoàng thái hậu lên tiên châu trời, vàng xét phép thường, tiến dâng thụy hiệu. Ngày mồng 5 tháng này kính cáo Tôn Miếu, ngày mồng 6 thân đem bầy tôi phụng sách kính dâng tôn thụy là Ý Tĩnh Huệ Cung An Trinh Từ Hiến Hiếu Khang hoàng hậu. Sáng tỏ huy chương, rệt nêu đức tốt. Ôi! Nghĩa đất kính trời là hiếu, lễ tôn xưng đầu trọng đời danh; đạo dân phép vật theo thường, gương thùy hậu lâu dài ban phúc».

Dựng hành cung Bình-định.

Hiệp trấn Thái-nguyên là Nguyễn Văn Công ốm, nghỉ việc; lấy tham hiệp Sơn-tây là Lê Viết An thay.

Em Nặc Chấn vua nước Chân-lạp là Nặc Nguyên đem quân Xiêm về cướp La-bích. Quân Xiêm chia làm năm đạo đánh xuống. Nặc Yêm Nặc Đôn đều chạy sang với người Xiêm. Nặc Chấn bỏ thành chạy về Nam-vang. Vừa quân của Nguyễn Văn Thụy đến, đưa đi Gia-định, nhân đóng quân ở Lô-yêm để giúp dân Chân-lạp dời chạy vào nội địa. Việc tâu lên. Vua sai thành

thần Gia-định dựng phiên đề (1) cho ở phía đông thành. Cho Nặc Chấn 3.000 quan tiền, 3.000 phương gạo, 2.000 lạng bạc, sa, trừu đều 20 tấm. Bộ lạc 1.500 người đều cấp đủ tiền gạo. Nặc Chấn dâng biểu xin viện.

Vua xuống chỉ ủy dụ rằng: « Anh em nhà người không hòa với nhau, tự gây mỗi lo ấy. Nay đã nương nhờ ở ta, ta sẽ có phương xử trí để yên nhà nước của người, người cũng nên nghĩ tự cường, sai người viết thư về cáo với thần dân nước người, khiến họ có chỗ lệ thuộc. Lòng người đã yên thì việc về nước của người có thể ngồi mà tính được ». Dụ đến, Nặc Chấn cảm khóc dâng biểu tạ ơn. Lại bắt kẻ bạn thần là Đồng-phù (xưa bị tội với nước, trốn sang Xiêm, đến nay lại về) đưa đến Kinh xin mệnh lệnh triều đình. Vua dụ rằng: « Đồng-phù đã biết ăn năn tội lỗi, người nên đem lòng thực mà vỗ về cho nó vui lòng lập công. Cái lỗi đã qua hà tất bắt tội! ».

Mùa hạ, tháng 4, lấy Ngô Nhân Tĩnh làm thượng thư Công bộ hành hiệp tổng trấn Gia-định. Sai đô thống chế Hậu dinh quân Thần sách là Trần Văn Năng kiêm phó tướng quân Chấn võ, quản lãnh binh thuyền tiến đóng ở Tân-châu, trấn thủ Vĩnh-thanh là Lưu Phước Tường giữ Châu-đốc, cùng với đạo quân Nguyễn Văn Thụy đều lệ theo. Lại sai trấn thủ Phiên-an là Đào Quang Lý đóng giữ Quang-hóa, trấn thủ Bình-hòa là Nguyễn Đắc đem binh các cơ Hòa-thắng và Thuận-ngĩa theo thành thần Gia-định phân phái việc quân.

Sai linh ba vệ Bảo thành Gia-định cùng với Ốc-nha Chân-lạp là Phủ-lịch giữ phủ Ba-xắc. Trước kia

1. Phiên đề: Chỗ ở của phiên thần tại Kinh đô.

Nặc Ân lên ngôi, vua lấy phủ Ba-xắc cho. Đất ấy người Hán [Việt], người Đường [Hoa Kiều], người Chân-lạp nhóm ở rất nhiều. Đến nay Chân-lạp không yên, lòng người ngờ sợ. Vua sai thành thần đem quân để trấn. Lại sai Nặc Chấn hiệu triệu các quan phiên đều đem man thuộc chia theo quan quân các đạo điều khiển.

Sai Hà-tiên, Long-xuyên, Kiên-giang thăm dò tình hình động tĩnh của người Xiêm mà báo lên. Phạm công việc ngoài biên do thành thần Gia-định cứ 5 ngày báo một lần.

Trung hương binh ở Gia-định chia làm 35 cơ, mỗi cơ 9 đội, mỗi đội 50 người, chọn những quan viên nghi việc người nào quả quyết siêng năng sai làm quản cơ, cai đội để suất lãnh.

Chiếu rằng: « Gia-định là đất trung hưng, dân thứ các người phục dịch nhọc mệt đã lâu ngày, vốn muốn cho được nghỉ ngơi, nhưng ở biên cương có việc, phải phòng bị trước. Vậy nghị trung hương binh, cứ 2 đình thì lấy 1, biên thành cơ đội lệ theo trấn để đợi lệnh phát động. Sau khi công việc yên rồi, sẽ thả về nhà. Vả việc điều động ngày nay dầu có phiền nặng, nhưng có việc thì làm lính, không việc thì làm ruộng, so với quân tòng chinh lâu dài thì cũng yên nhàn hơn. Lại quan viên hưu và nghi thuộc thành đều là những người nanh vuốt cũ của ta, nay nên đem hết sức thừa của các người, vì nước chịu nhọc mệt, ngày khác biên cương không còn gió bụi, muốn làm quan hay không muốn làm quan trăm cũng không cưỡng các người ».

Hạ lệnh cho thành thần Gia-định cứ các hương binh tại hành mà cấp lương như lệ. Lại cấm dân các trấn không được thông thương với Nam-vang.

Vua thấy các địa phương bị hạn lâu, xuống chiếu tha tô ruộng năm nay, bốn dinh trực lệ tha 3 phần 10, Bình-định, Phú-yên 4 phần 10, các thành trấn khác 2 phần 10. Tô ruộng năm tân mùi đều tha 2 phần 10.

Hạ lệnh cho các địa phương thanh lý việc hình ngục. Vua dụ bộ Hình rằng: « Hình ngục là việc lớn, quan hệ đến sinh mệnh của thiên hạ. Gần đây các nha môn hỏi việc hình, có nơi đề ứ đọng án tiết làm lụy cho binh dân, ta rất thương. Vậy hạ lệnh cho sở tại phải xét văn án, soát tội tù, kẻ nào nhẹ thì tha cho, kẻ nào nặng thì tâu xin xử trị, để cho hình được thanh chính được bình, xứng với lòng ta ».

Định lệ thăng bổ đội trưởng ở các quân. (Phàm đội trưởng suất thập, kể từ năm ứng diêm, định làm ba khóa, lấy 6 năm làm một khóa, mãn một khóa là thực thụ, hai khóa thi đổi làm chánh đội trưởng, ba khóa thi thăng cai đội hậu bổ. Ai đã được 3 khóa, lệ được hậu bổ, mà xin về hưu cũng được, vẫn cho miễn dung dịch. Nếu thập đội trưởng nào có khuyết mà không có người ứng bổ, thì cho quân quan chọn lấy binh lính trong thập, người nào lâu năm sõi việc thi trình chương lãnh cấp bằng làm đội trưởng. Mỗi khi đến kỳ tuyển, quan chương lãnh đều chiếu họ tên tuổi quê quán và năm tháng đầu quân làm sổ giao bộ Binh xét, tư sang bộ Lại, chiếu chức nên thăng mà tâu xin bổ thụ. Người nào có quân công được dự thưởng thì không nệ theo hạn này).

Lấy ký lục Bình-thuận là Nguyễn Tường Vân làm hiệp trấn Nghệ-an, thêm sự Hộ bộ Phạm Văn Nhân làm ký lục Bình-thuận, thêm sự Công bộ Mai Đức Giai làm cai bạ Phú-yên, tham hiệp Hưng-hóa là

Lê Văn Nguyên làm tham hiệp Yên-quảng, tri phủ Quảng-oai là Nguyễn Đức Tu làm tham hiệp Hưng-hóa.

Lấy cựu ký lục Định-tường là Võ Văn Doãn làm ký lục Quảng-ngãi.

Bàn định lễ ninh lăng. Sai Nguyễn Văn Thành, Phạm Văn Nhân, Nguyễn Hoàng Đức sung chức tổng hộ sự, Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Khiêm sung chức phủ liên sự, Nguyễn Đức Xuyên đề đốc quân và voi theo hầu hai bên tả hữu, Trần Công Lại và Trương Phúc Đặng coi giữ Kinh thành.

Ngày qui sừ, an táng lăng Thụy thánh. Trước mười ngày là ngày giáp thìn, đem việc kính cáo các miếu. Ngày kỷ dậu, tế khải diện. Ngày canh tuất, thuyền ra đi. Qua các tôn lăng đều sai quan đem việc kính cáo trước. Ngày ấy an táng. Ngày giáp dần dâng tên lăng là Thụy thánh. Rước thần chủ về đền ở cung Trường-thọ. Ngày ất mão, đem việc lễ ninh lăng đã xong cáo ở các miếu như lúc đầu. (Ngày giáp dần tế sơ ngu, ngày tân dậu tái ngu, ngày giáp tý tam ngu, ngày đinh mao tứ ngu, ngày nhâm thân mồng 1 tháng 5 tế ngũ ngu, ngày ất hợi tế lục ngu, ngày mậu dần tế thất ngu, ngày tân ty tế bát ngu, ngày giáp thân tế cửu ngu. Ngày canh dần tế tối khốc. Từ tế sơ ngu đến tế đằm (1), tả hữu cung tần, hoàng tử, trưởng công chúa, hoàng tôn, tôn nhân phủ, các quan văn võ ở Kinh, các thành dinh trấn ở ngoài, quý hương, công tnh, họ Phùng ở An-du và Bùi-xá, cùng dòng dõi họ Lê họ Trịnh đều phụ dâng lễ phẩm).

1. Tế hết tang.

Tương cho binh lính làm việc 8.700 quan tiền, quan thì thưởng một tháng lương.

Bình-định mưa đá.

Thổ phi ở Thanh-hoa là Lê Duy Phán trá xưng dòng dõi nhà Lê, lên vào Nghệ-an mưu nổi loạn. Trấn thủ Hoàng Việt Toàn đem quân bắt được đồ đảng 9 người. Tương cho quan và binh 200 quan tiền.

Định lệ Bắc-thành, Bình-định và Quảng-nam dâng tiến quả phẩm. (Bắc-thành hàng năm tiến cam ngọt 4.500 quả, vải 4.200 quả, để cúng các lễ ngày đầu xuân và tế hưởng xuân hạ đông; Quảng-nam hàng năm tiến 2.200 quả lòng boong; Bình-định hàng năm tiến 1.000 quả xoài lớn [xoài tượng] để cúng tiết Đoan dương và các ngày kỵ).

Nguyễn Quang Hiến từ nước Xiêm trở về. Xiêm gửi kèm thư nói duyên cớ nước Xiêm dụng binh ở Chân-lạp.

Vua triệu bầy tôi làm thư trả lời.

Vua chăm nghe triều chính, sắc cho các quan theo ngày tới chầu, từ tháng 2 đến tháng 8 thì sáng tinh mơ, từ tháng 9 đến tháng giêng thì sáng rõ, đồng hồ rõ xuống 9 chuyển thì lui chầu.

Tháng 5, ngày đình sừ, sửa lại miếu Hoàng khảo.

Ngày nhâm thìn, vua yết lăng Thụy-thánh. Sai kén 30 người công tinh bỏ vào hai thuyền An Lão để phụng trực ở Nguyên miếu, dân quý hương những người trước được bỏ hai thuyền An Lão cùng với dân trong số 84 người sung làm lính lệ để phục sự, dân 11 trang tổng Thượng-bạn trước sung ngạch lính lệ thì triệt hết về, đổi chịu binh đao.

Người Hương-trà là Nguyễn Hoành Nho dâng nói tám điều. Sai ba bộ Lại, Lễ, Công duyệt tâu. Đều không

dùng được. Vua nói: « Đễ dấy ». Dụ bảo về dân, mà cno miễn dao dịch

Chiếu lấy sang năm là năm qui dậu mở khoa thi Hương: Quảng-đức, Bình-định, Gia-định, Nghệ-an, Thanh-hoa, Thăng-long, Sơn-nam thượng, đều đặt trường thi. (Trường Quảng-đức thi học trò Quảng-đức, Quảng-trị, Quảng-bình, Quảng-nam hợp thi; trường Bình-định thi học trò Quảng-ngãi, Bình-định, Phú-yên, Bình-hòa hợp thi; trường Gia-định thi học trò Bình-thuận, Phiên-an, Biên-hòa, Vĩnh-thanh, Định-tường, Hà-tiên hợp thi; trường Thăng-long thi học trò Kinh-bắc, Sơn-tây, Hoài-đức, Thái-nguyên, Lạng-sơn, Hưng-hóa, Tuyên-quang, Cao-bằng hợp thi; trường Sơn-nam thượng thi học trò Sơn-nam hạ, Hải-dương, Yên-quảng hợp thi).

Sắc cho bộ Lễ bàn gởi cho qui thức thi. Rồi ra lệnh cho trường Bình-định hợp thi với trường Quảng-đức. Những học trò Quảng-trị, Quảng-bình, Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-định, Phú-yên, Bình-hòa đến thi đều cấp cho lương đi đường. Hai trường Thanh-hoa, Nghệ-an thi thi tháng 3; hai trường Quảng-đức, Gia-định thi thi tháng 7; hai trường Thăng-long, Sơn-nam thượng thi thi tháng 10.

Định lại điều lệ thi Hương. (Phàm binh lính lại dịch có học mà tình nguyện xin thi, thi binh lính ở Kinh do bộ Binh, ở ngoài do quan địa phương, lại dịch thi do quan sở quản sát hạch, người nào thông văn lý thi được miễn công vụ 3 tháng cho về học tập để đến kỳ vào thi; sinh đồ khoa trước thi trượt vẫn là sinh đồ như cũ; học trò trúng nhị trường thi miễn dao dịch 3 năm, nhất trường thi miễn 2 năm).

Đổi bổ phó tướng Hữu quân là Mạc Văn Tô làm phó tướng Tiền quân.

Quân Trần Văn Năng đóng ở Tân-châu, chạy thư báo với Gia-định rằng « quân thủy quân bộ Xiêm-la rất thịnh, nếu chúng nhân được gió nước thuận chiều thẳng xuống các đạo Hà-liên, Long-xuyên, Kiên-giang, thì quân tuần biên của ta đầu đuôi bị đánh. Chi bằng đem quân đánh trước Nam-vang để đoạt khí của chúng ». Thành thần đem việc tâu lên.

Chiếu báo rằng: « Quân Xiêm tuy nhiều không thể làm lo cho ta được, không nên gây bậy hiềm khích ngoài biên. Nếu chúng phát trước thì ta đối phó cũng chưa muộn ». Bèn hạ lệnh cho Mạc Văn Tô đem quân tiến đóng Quang-hóa, mà sai Đào Quang Lý dời giữ Xí-kê (tên đất, thuộc đạo Quang-hóa) và thống quản đồn Uy-viên là Nguyễn Văn Tôn giữ Thông-bình, cho theo [Văn Tô] điều khiển. Văn Tô đến, xem hình thế, đắp đồn lũy, cùng Văn Năng thanh ứng với nhau. Quân Xiêm mỗi khi gặp quân ta thì sợ không dám phạm. Trước kia dân ta nhiều người buôn ở Nam-vang; quân ta cũng có người đi lấy củi ở đất ấy; đến khi quân Xiêm đến, thuyền ghe của quân và dân đều bị quân Xiêm ngăn giữ. Đến nay bọn Văn Năng gọi thư trách. Tướng Xiêm là Long-mang bèn đem hết số đưa tới quân thứ của ta (quân dân 163 người, thuyền 35 chiếc) và đem thổ vật biểu Văn Năng, xin cho thuyền dân ở Sa-déc và Ba-xắc được thông thương với Nam-vang. Văn Năng từ chối. Quân Xiêm từ đó dần dần rút lui.

Nguyễn Văn Thành trước ở Bắc-thành vay riêng tiền kho 4.500 quan. Đến nay hữu ty đòi. Văn Thành đem việc tâu lên. Vua tha tội và sắc cho không đòi nữa.

Cho cai đội Nội trực được cấp tiền tuất cũng như cai đội Thị trung.

Tháng 6, tăng cấp lương hàng năm cho hoàng tử hoàng tôn (tiền 600 quan, gạo 600 phượng).

Chân-lạp dâng 39 thớt voi đực. Sai thành thần Gia-dịnh xuất tiền kho trả đúng giá.

Tha thuế bạc thiếu cho dân Man Lạng-sơn. Trấn thần lấy việc vi thổ phỉ lấn cướp mà dân Man trốn đi tâu xin miễn cho.

Thám tử ở Gia-dịnh đều nói Xiêm-la bị Diến-điện đánh, đã rút quân về. Nguyễn Văn Nhân đem tình trạng tâu lên và xin lượng đề ở Vĩnh-thanh và Định-tường mỗi trấn 2 cơ, chia phiên đóng giữ, còn dư thì thả hết về làm ruộng. Vua theo lời. Thế rồi tướng Xiêm rút về Long-úc, đóng quân tự thủ.

Vua nghe tin báo bày tâu rằng: «Yên định được nước: người ta không phải là dễ. Người Xiêm hay dối trá, thực giả chưa thể biết được. Một lần cử động thì phải được vạn toàn». Bèn sai Hà-tiên ủy người đi dò tình hình nước Xiêm. Hạ lệnh cho Nguyễn Văn Thụy và Lưu Phước Tường đều lấy một cơ hương binh theo quân thứ Trần Văn Năng để phân phái phòng ngự, mà rút quân các đạo về.

Lấy cai cơ thủy quân là Nguyễn Văn Phú làm phó quản cơ cơ Tiền thủy, cai đội Lê Xuân Quang làm phó quản cơ cơ Hậu thủy.

Xiêm-la sai bọn Sa-trật Sĩ-na đến tiến hương và dâng thư nói rằng vì anh em Nặc Chấn không hòa cho nên sai trọng thần đến là muốn dập tắt mối tranh nhau chứ không có ý gì khác.

Vua bảo bày tôi rằng: « Người Xiêm chối, biết là nói dối rồi. Nhưng Trung-quốc với Di Địch nên dãi bằng lòng chí thành ». Vài ngày sau triệu sứ Xiêm đến yết kiến. Vua trách rằng: « Nước người vô cớ dấy quân để cho Nặc Chấn phải chạy, nay lại thác cớ giải hòa là thế nào! Chân-lạp đời đời làm tôi của ta, ta tất phải vì họ mà kinh lý. Người về nói với vua người rằng Nặc Chấn tất phải trở về. Vương đừng dối ta và đừng làm lo cho Chấn thì tình nghĩa tốt với láng giềng, giúp đỡ nước nhỏ mới trọn được ». Sứ Xiêm từ trở ra.

Trước kia vua sai Nguyễn Quang Hiến đem việc quốc tang cáo với nước Xiêm. Quang Hiến chưa đến, vua Xiêm đã sai Sĩ-na đi trước, vì đường biển bị trở ngại, đến nay mới đến Kinh. Bèn nhân ngày tế điện lớn, sai bộ Lễ dẫn sứ Xiêm theo ban vào viếng, rồi lại đến lạy Thụy-thánh vọng bái. Lúc trở về, tặng cho rất hậu. (Tặng phật vương 40 lạng vàng, 500 lạng bạc; cho vua thứ hai 20 lạng vàng, 300 lạng bạc). Lại sai đình thần làm thư trả lời và lấy ý khu xử nước Chân-lạp mà dụ.

Lấy thượng thư Hộ bộ là Trịnh Hoài Đức làm thượng thư Hình bộ. Hoài Đức cố từ, bèn lấy Phạm Như Đăng cho làm.

Định lệ tiếp ống trạm cho nhà trạm (Ty Lệnh sử sáu bộ, ty Lệnh sử Nội Ngoại đồ gia, ty Lệnh sử tàu, ty Chiêm hậu lại, chia phiên ứng trực, cứ hai ty là một phiên, mỗi ty 2 người, mỗi phiên một ngày một đêm, tiếp nhận ống trạm của nha nào thì giao cho nha ấy nhận)

Cấp cờ hiệu cho các nhà trạm (viết tên trạm).

Lấy chánh phó vệ úy ngoại ngạch thuộc Hữu quân là Trần Văn Quế và Võ Công Nhất làm chánh phó vệ úy Hữu bảo nhất.

Lấy phó vệ úy vệ Nghĩa võ quân Thần sách là Trần Văn Trinh làm phó vệ úy vệ Hùng cự nhị của Tượng quân.

Chuẩn định thuế cửa quan ở Bắc-thành nộp vàng thì 1 lạng vàng ngang giá 16 lạng bạc.

Bỏ lệ thuế cho ba sở mỏ bạc mỏ gang ở Thái-nguyên và Sơn-tây. (Mỏ bạc Đồng-lạc trấn Thái-nguyên, lệ nộp thuế bạc 100 lạng; hai sở mỏ gang Thanh-vân và Cẩm-trạch trấn Sơn-tây, lệ nộp thuế gang 600 cân. Quan Bắc-thành thấy không có người khai mỏ tâu xin miễn thuế).

Lê Văn Duyệt tâu nói: « Sáu cơ Kiên ở Quảng-ngãi phòng ngự bọn ác man chia giữ nhiều ngả, xin lấy các xã thôn ven núi ở ba huyện, tùy đất liền nhau mà đặt làm 27 xóm. (Trung-tín, Trung-phấn, Trung-võ, Trung-uy, Tiền-sơn, Tiền-vân, Tiền-thuận, Tiền-an, Tiền-thái, Tả-dũng, Tả-hùng, Tả-thanh, Tả-sơn, Hữu-nội, Hữu-trị, Hữu-dũng, Hữu-hòa, Hữu-an, Nội-bảo, Nội-thọ, Nội-tài, Nội-phú, Nội-lộc, Hậu-tương, Hậu-nghĩa, Hậu-quỳnh, Hậu-thành, mỗi xóm đặt cai xóm phó xóm để trông nom, cho cùng với linh cơ phụ giữ đồn lũy, đều được miễn dao dịch).

Vua theo lời. Rồi thấy đường núi hiểm vắng, rừng xanh rậm kín, bọn ác man thường thường nhân đồ mà rình nấp, bèn sai Phan Tiến Hoàng đem 300 dân xóm đi nhổ cây mở đường để tiện cho quan quân tiến đi.

Trấn thủ Lạng-sơn là Nguyễn Văn Trị ốm phải nghỉ việc. Lấy khám sai chưởng cơ Trung quân là Nguyễn Văn Kiên lãnh trấn thủ Lạng-sơn.

Hạ lệnh cho các dinh trấn đều chọn những người văn học uần sức ở trong tổng, tuổi từ 50 trở lên, đặt

làm tổng giáo để dạy các lớp sơ học. Rồi đó Bắc-thành lại xin cho người từ 40 tuổi trở lên được sung cử. Vua y cho.

Đổi hai vệ Trung bảo nhất, Trung bảo nhị của Trung quân làm hai vệ Túc bảo nhất, Túc bảo nhị, năm đội Trung sai làm 5 đội Túc sai, lấy vệ úy Nguyễn Văn Ngoạn quản lãnh.

Gọi 3.200 người biên binh ở Thanh Nghệ, Bắc-thành và Thanh-bình về Kinh. (Thanh-hóa 300 người, Nghệ-an 700 người, Bắc-thành 1.110 người, Thanh-bình 80 người).

Tàu của người Hồng-mao là Ốc-luân đậu ở vụng Trà-sơn, dâng biểu nói năm trước nhà vua mua súng đạn của trưởng tàu là Áp-bột-miệt-lăng giá bạc hãy còn thiếu, xin trả cho. Quản tàu vụ là Nguyễn Đức Xuyên đem việc tàu lên. Vua nói: « Người Di Địch chỉ biết có lợi, khó nói nhân nghĩa được. Giá hàng mua năm trước còn ở sổ kia. Gần đây Kê-lê-mân đến xin thêm giá, ta cũng không thêm so độ, đã cho đủ số rồi. Nay lại tham lam không chán, sở dục biết làm sao cho no được? ». Bèn sai Đức Xuyên làm thư nghiêm trách, và sao cả sổ mua hàng cho xem. Ốc-luân được thư xấu hổ và sợ, đi mất.

Nguyễn Văn Thành dâng thư phong kín nói bốn điều: 1) Xin sớm dựng thái tử và phong tước hiệu cho các hoàng tử để yên lòng người. 2) Xin tiến lãm luật thư, cho khắc bản in mà ban hành để rõ pháp luật. 3) Xin kén thêm nho thần đệ sung Sử cục. 4) Xin chế phục nước Phiên để chốn biên cương được yên. Vua khen và nhận.

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ

QUYỀN XLV

THỰC LỤC VỀ THẾ TỒ CAO HOÀNG ĐỀ

Nhâm thân, Gia-long năm thứ 11 [1812], mùa thu, tháng 7, lấy Trịnh Hoài Đức làm thượng thư Lễ bộ, kiêm quản lý công việc Khâm thiên giám.

Sách luật xong. Vua sai Nguyễn Văn Thành và Võ Trinh sửa định các điều luật lệ, phàm 398 điều. (Về hình danh và phạm lệ 45 điều, luật lại 27 điều, luật hộ 66 điều, luật lễ 26 điều, luật binh 58 điều, luật hình 166 điều, luật công 10 điều). Sách gồm 22 quyền. Vua thân tự xét định và làm bài tựa rằng: « Trẫm nghĩ thánh nhân trị nước, hình phạt và đức hóa chưa từng lệch bỏ bên nào. Vì lòng dân có dục vọng, việc đời không bền bờ, nếu không có hình pháp để ngăn ngừa, không thể khiến người theo giáo hóa mà biết đạo đức được, cho nên nói hình pháp là khí cụ giúp cho chính trị, có phải là nói suông đâu! Luật lệnh là lệ để đoán định hình phạt. Người xưa bàn việc mà chế trị, không dùng chém giết, có phải là việc chém giết không thể dùng được đâu! Chỉ là dân thuần việc ít, còn có thể qua loa được. Nhưng phong hội đã xuống, việc nguy ngày thêm, hình phạt không đủ để thắng kẻ gian, khoa điều không đủ để dùng vào việc, cho nên luật lệ điều

lệnh, dần có tăng lên. Có phải là bởi xưa nay khác nhau mà luật không thể thiếu được đâu ! Các triều nước ta tới nay đều có lệnh điển. Từ thuở Tây-sơn nổi loạn, giềng mối dẫm chìm, pháp luật tan nát, xảo trá thêm nhiều, tóm lại thì có việc bỏ sót, suy ra thì có chỗ lý chưa rõ ràng. Kẻ ngu thì không biết mà rảo lánh; kẻ ngoan thì dễ dàng mà khinh nhờn. Mà dưới sự tra hỏi, thì ra vào phụ họa, không có căn cứ ở đâu; oan uổng không có chỗ kêu, lòng người nhân há chẳng bất nhân lắm sao? Trẫm nhờ uy thiêng của liệt thánh, dẹp yên giặc loạn, thống nhất cõi bờ, ngang dọc sửa sang, hằng lấy giáo hóa làm việc trước, mà việc hình ngục lại càng chú ý hơn. Mở xét sách hình luật các đời, nước ta từ Lý Trần Lê dấy lên, mỗi đời có một chế độ, mà đầy đủ nhất là ở đời Hồng-đức. Trung-quốc thì các nhà Hán Đường Tống Minh dấy lên, sách luật lệnh mỗi đời đều có sửa đổi mà đầy đủ nhất là ở nhà Đại Thanh. Vậy sai đình thần chuẩn theo điển lệnh của các triều, tham chước điều luật của đời Hồng-đức và của nhà Thanh, lấy bỏ cân nhắc, cốt sao cho đúng, mà vụng tập thành biên. Trẫm thân tự sửa chữa, ban hành cho thiên hạ khiến người ta biết được phép lớn cấm ngừa, rõ như mặt trời mặt trăng không thể ẩn giấu. Điều cấm răn dạy nghiêm như sấm sét không thể xâm phạm. Kẻ lại giữ việc quan được vâng làm phép sáng, người dân ngu dốt dễ tránh sự sai lầm, do đó đời đến điều lành, lánh xa trừng phạt, thoát hình ngục mà theo giáo hóa, không phạm đến quan, chẳng hại lẽ chính. Ngõ hầu thì hành hình pháp được long trọng, chẳng phải là nhờ ở đấy sao? ».

Hạ lệnh các quan viên văn võ ở Kinh và ở ngoài, từ chánh tứ phẩm trở xuống đến hạng vị nhập lưu, số lễ

bằng bạc trong 3 năm nhâm thân qui dậu giáp tuất được giảm 4 phần 10, cai đội phó đội chưa coi quân và đội trưởng thì cho miễn hết.

Lấy dân Quảng-đức sửa đắp đường quan từ Kinh thành đến cửa Eo.

Thị trung học sĩ Phạm Thích vì ốm xin giải chức. Vua y cho.

Sai hiệp tổng trấn thành Gia-định là Ngô Nhân Tĩnh và tả tham tri Hộ bộ là Lê Viết Nghĩa kiểm tra lệ thuế tiền thóc sản vật ở các trấn đạo thuộc thành.

Triệu Nguyễn Văn Nhân về, lấy Lê Văn Duyệt làm tổng trấn thành Gia-định, Trương Tiến Bửu làm phó tổng trấn, khiến hơn 3.000 người thuộc quân Thần sách ở Thanh Nghệ cùng Ngũ quân và Tượng quân ở Bắc-thành theo đi thủ ở Gia-định.

Duyệt bệ từ. Vua dụ về việc kinh lý việc thành.

Trước kia dân Gia-định nhiều người du dăng, hoặc có kẻ khác thân ở cửa quyền, ghi tên vào sổ quân, mà thường thường lên về hương thôn, họp nhau trộm cướp. Duyệt đến, đặt rõ điều cấm, khiến dân sở tại bí mật đem lên bọn trộm cướp báo quan, lập tức bắt trị. Lại khiến bọn cướp đều được tự thú mà ra lập công. Do đó, trộm cướp ngày một ít đi, dân cư yên ổn. Duyệt lại cùng Trương Tiến Bửu và Ngô Nhân Tĩnh dâng sớ nói: « Trước kia biên phòng có việc, lấy thêm hương binh, đó là việc tạm thời chứ không phải là chế độ vĩnh viễn. Nhưng mà lòng dân ngờ sợ, cùng nhau dối trá giấu giếm, chưa thành thói quen, tệ ấy không thể không sửa. Phàm dưới gầm trời trên mặt đất, ở đâu không phải là dân vua? Thiên « Chu quan » (1) chép

1. Trong sách *Chu lễ*.

hàng năm phải ghi số dân, thiên « Nội chính » (1) chép phải khu biệt nơi dân ở, không sách nào là không lấy dân chính làm trọng. Xin ra lệnh cho sở tại, phạm dân đình đến tuổi phải chép vào sổ ngay; có ai xin sung vào sổ quân các vệ cơ đội thuyền, thì người phụ trách cứ xét mà đăng chép để phòng việc di lậu, ngăn sự giả mạo ». Vua cho lời tâu là phải.

Trương Tiến Bửu tâu nói mộ được dân ngoại tịch hơn 170 người, xin biên làm các đội Trung nghĩa của Trung quân, lệ theo đề sai khiến. Vua y cho.

Lấy quản cơ cơ Tiền kiên là Lê Trọng Giảng làm vệ úy vệ Tả bảo nhất.

Tha thuế ruộng đất cho ba phường Hữu-cai, Chinh-an, Thuận-trạch thuộc Quảng-bình. Ba phường này đều là người Thanh-hoa, xưa kia theo Thái tổ vào trấn phương Nam, đóng thú ở Quảng-bình, được cấp ruộng thế nghiệp hơn 50 mẫu miễn tô. Giặc Tây-sơn mới bắt gôm thu cả. Đến nay người ở ba phường là bọn cai đội Trần Văn Tảo, đội trưởng Nguyễn Văn Tiến đem việc ấy nói ra. Lại cho tha thuế như cũ.

Bình-hòa giá gạo đắt vọt lên. Cuối tháng trấn thần mới đem việc tâu lên. Vua tiếc là tâu chậm, sai bộ Lễ thông sức cho các địa phương từ nay hệ giá gạo vọt đắt thì phải chạy sớ tâu ngay.

Trấn thủ Kinh-bắc là Nguyễn Đình Tuyển vì cha mẹ già xin giải chức. Vua y cho. Sai phó tướng Tiền quân là Hoàng Văn Diễm quyền lãnh việc trấn Kinh-bắc.

Giặc trốn ở Bắc-thành là bọn Lê Đoàn, Lê Dếnh, Trịnh Văn, Vũ Đình Lục, Đặng Trần Siêu tụ đảng ở

1. Sách của Quân Trọng.

ven núi Sơn-âm, cướp bóc các huyện Tống-sơn Phụng-hóa. Quản phủ Thiên-quan là Đào Văn Thành đón đánh, bắt được đồ đảng 14 người. Giặc lại xuống Gia-viên, đánh quấy Gián-khâu. Quản đạo Thanh-bình là Mai Gia Cương đem quân đạo đánh nhau với giặc. Quân đến hang tối, giặc dựa ở trên cao bắn xuống, chết hơn 10 người. Cương không thể tiến được, bèn đóng chõ hiểm để giữ. Đốc trấn Thanh-hoa là Tôn thất Chương nghe tin báo, tức thì phát binh cứu viện mà đem việc tâu lên. Vua bèn sai hiệp tổng trấn Bắc-thành là Lê Chất đi tuần xét đất ấy. Chất đến, quân giặc tan vỡ. Chất đóng quân ở Mai-viên (tên đất) chiêu tập bọn thổ tù tuyên bảo uy đức của triều đình. Lại sai các quân đặt đồn lũy giữ nơi yếu hại, 5 ngày rồi về. Mai Gia Cương vì làm hỏng quân cơ bị bãi chức. Lấy quản phủ đạo Thiên-quan là Đào Văn Thành làm quản đạo Thanh-bình.

Tháng 8, định lệ thưởng cho thuyền chở biển, lấy lần chở nhiều ít làm mức. (Chở 7 lần thưởng thêm 3 tháng lương, từ 6 lần đến 3 lần đều thưởng 2 tháng lương, 2 lần thưởng 1 tháng 15 ngày lương, 1 lần thưởng 1 tháng).

Thả các biên binh Thanh Nghệ, Bắc-thành và Thanh-bình đã ứng triệu trở về hàng ngũ, thưởng thêm tiền gạo theo thứ bậc khác nhau.

Hơn 80 người đảng giặc ở Kinh-bắc ra thú. Quan Bắc-thành tâu lên. Sai tha tội cho.

Cho cai huyện, ký huyện, cai tổng, phó tổng ở bốn dinh trực lệ và các trấn Quảng-ngãi, Bình-định, Phú-yên đều được tha phủ dịch.

Đặt nhà trạm, mỗi trạm cấp cho 300 quan tiền, đặt một đội trưởng và một phó đội trưởng, trật ngang với đội trưởng và thứ đội trưởng công xa công khổ; phu trạm mỗi năm cấp gạo 600 phượng.

Vệ úy vệ Ban trực tiền là Võ Công Thìn lấy riêng tiền của quân hơn 600 quan. Việc phát giác, bị giết; phó vệ úy là Nguyễn Đình Lân vì không hay giác ra bị giáng cai đội.

Tháng 9, sai bọn Trần Chấn và Nguyễn Hiệu sang Quảng-dông mua hàng hóa.

Tha lệ cống năm nay cho nước Chân-lạp. Chiếu rằng : « Kính trời thờ nước lớn là phận sự của nước nhỏ. Yêu nước nhỏ thương kẻ bề cõi là thể thống của triều đình. Nay nước người anh em lia nhau, phải nương đậu ở ngoài, nên tha cho lệ cống năm nay, đợi sau về nước sẽ tuân lệ mà làm.

Cho tiền gạo các bề tôi tông vong của triều Lê cũ. Trước kia các tôi nhà Lê từ nước Thanh về, đã trao quan chức cho 76 người. Đến nay lại sai thành thần làm sớ tâu lên, cấp thêm cho 69 người, tiền 1.825 quan, gạo 1.825 phượng.

Đắp thành đất Phú-yên.

Xiêm-la sai bầy tôi là Khôn-a-nỗ Lạc-phu-thông mang thư lại nói: Trước đây anh em Nặc Chấn không hòa với nhau, sửa binh khí để đánh nhau, có hại đến ơn cốt nhục mà phụ nghĩa võ nuôi của hai nước lớn. Vua Xiêm nhân sai trọng thần thân tín đến khuyên hòa nhau. Không ngờ Nặc Chấn sinh lòng ngờ sợ, đem gia quyến đi. Quân Xiêm niêm phong kho tàng, sửa sang thành lũy để đợi về, không dám có ý gì khác. Nay Nặc Chấn chạy sang Gia-định để nhờ uy thiêng, xử trí mọi

việc thực chỉ nhờ triều đình xếp đặt, vua Xiêm không dám không theo mệnh.

Vua sai viết thư trả lời, hẹn sai sứ cùng đưa Nặc Chấn về nước và đưa thư của Xiêm để bảo cho Nặc Chấn. Du rằng: «Đem vương về nước, không phải là ý của vua Xiêm. Sở dĩ yêu cầu nước Xiêm phải hội là trăm lấy khổ tám mà điều độ vì vương, muốn cho vương cùng nước Xiêm không mất hòa khí, khỏi để lo sau. Nếu người Xiêm thất tín, gây nên hấn khích, thì trái ở họ rồi, trăm có cách tính toán. Vương chớ nên nghĩ lầm».

Ngày qui mùi, làm lễ tiễn tướng ở cung Trường-thọ. Vua mặc áo tang làm lễ.

Định lệ biên binh ứng trực ở Hoàng thành và Kinh thành. (Bốn mặt ngoài Hoàng thành lấy biên binh Thị trung và Thị nội ứng trực, mỗi mặt 50 người, một người quản vệ kiêm lãnh. Bốn mặt ngoài Kinh thành lấy biên binh các dinh quân ứng trực, nam 100 người, đông 98 người, tây 90 người, bắc 84 người, 4 người quản vệ chia nhau lãnh. Đều sẵn sàng cờ trống khi giới và đồ cứu lửa. Mỗi ngày một lần thay đổi. Như có hỏa hoạn hoặc điều bất trắc xảy ra ở mặt nào, thì quan binh ở mặt ấy tức thì đến cứu, còn ba mặt kia thì giới nghiêm để đợi. Đến như biên binh ở trại các phía tả hữu và hậu, ban ngày thấy treo cờ ở trên cột cờ, ban đêm thấy treo đèn lồng, thì cũng đều chỉnh bị cờ trống súng ống khi giới ở trước trại để chờ sẵn).

Cấp 5 mẫu ruộng thờ cho họ Phùng ở Yên-du, sai cai đội Phùng Thế Xứng coi giữ việc thờ cúng.

Đô thống chế quân Thần sách lãnh trấn thủ Quảng-ngãi là Phan Tiến Hoàng tâu nói rằng ba vệ quân tiêu

thuộc là Túc uy, Minh uy, Kiện uy trốn mất giá nửa, xin mô dân ngoại tịch sung bỏ vào. Vua y cho.

Trấn thủ Cao-băng là Nguyễn Văn Đạo chết. Lấy cựu trấn thủ Tuyên-quang là Đặng Phúc Trung làm trấn thủ Cao-băng.

Sai phó đô thống chế Hữu dinh quân Thần sách là Nguyễn Văn Trí và chương dinh Võ Doãn Văn quản suất binh thuyền thay Trần Văn Năng đóng giữ các đạo Tân-châu Châu-dốc.

Lấy cai châu châu Chiêu-tấn trấn Hưng-hóa là Đèo Quốc Ngọc làm phòng ngự sứ.

15 sách thuộc Man trấn Bình-thuận phần nhiều thiếu thuế, thuộc lại ở trấn đòi gấp, dân Man giết bọn lại chết 5 người. Việc tâu lên. Vua nói: « Ngày thường thiếu sự vô yên, đó là lỗi ở hữu ty. Dân Man hoàng hốt trách thế nào được! ».

Giặc trốn ở Bắc-thành là Đặng Trần Siêu trốn ở Mỹ-lương. Thổ tù là Sầm Ngọc Long sai người nhập bọn, nhân tụ họp thổ tù là Đinh Công Lương, Bạch Công Báo, Đinh Công Thành, Đinh Thế Học, Bạch Công Lũy, đều đem dân thổ úp bắt. Bắt được Siêu và đồ đảng rất nhiều. Thành thần tâu lên. Sai giết đi. Cho Ngọc Long làm tuyên úy sứ, ban cho mũ áo, thưởng tiền 500 quan, cho Lương làm phòng ngự sứ, thưởng tiền 200 quan, Báo, Thành, Học làm tuyên úy đồng tri, Lũy làm phòng ngự đồng tri, thưởng tiền đều 100 quan, cho thổ dân là bọn Võ Văn Thái, Bạch Công Tiến 7 người làm đội trưởng, còn dư thưởng chung 900 quan.

Mùa đông, tháng 10, đặt bảo Chi-nê ở Thanh-bình. Lê Chất tự Bắc-thành vào châu, tâu nói: « Miền thượng du Thanh-bình, rừng rậm liền nhau, thường có thổ phi

lần lụt ở đó. Thần trái xem địa thế, duy có Chi-nê (tên xã, thuộc huyện Yên-hóa) hiểm yếu, có thể đặt đồn được ». Vua y lời tâu. Sai đạo thần tới đó lập堡. Sai phòng ngự sứ là Quách Công Chuyên và Quách Công Huynh quản hơn 370 người đình tráng huyện Lạc-thổ đóng giữ ở đó.

Trời lâu không mưa. Vua lấy làm lo, sai hoãn thu thuế thiếu ở các địa phương một năm và ra lệnh cho các nha hỏi hình soát tù bị giam, xét rõ nỗi oan uổng cho họ.

Xuống chiếu cầu lời nói thẳng. Chiếu rằng: « Trẫm nghĩ đức của vua không gì to bằng kính trời. Đạo làm tôi trước hết phải nộp lời nói thẳng. Đế vương đời xưa, nhân sự biến mà cầu người nói, mới hay trị được nước hòa được dân, là vì theo đạo ấy. Nay âm dương trái thời, nóng lạnh lổi tiết, từ mùa thu qua mùa đông, vẫn theo khí hậu mùa hạ, cầu cho được trung hòa để muôn vật sinh sản thì trẫm còn thiếu lắm. Phải rất kính cần khi tức giận, khi thay đổi, ngô hầu mới đền đáp được. Phạm việc quan hệ đến chính sự mà tiện cho dân, trẫm không tiếc sức làm. Nhưng ý trời chưa hồi, thần năng chưa lui, hoặc vì chính giáo còn có nhiều tỷ vết, ơn trạch còn chưa được khơi, lợi chưa đầy hết, hại chưa trừ hết. Đến nỗi như thế, hỏi có ở đâu? Trẫm một mình, thông minh có hạn, trở xét lại mình, không biết vì đâu? Văn võ thần liêu các người, hoặc tòng chính ở trong, hoặc tuyên hóa ở ngoài, ai cũng là chân tay tai mắt của trẫm, trí lự tới đâu há chẳng có điều nghe thấy! Những phương pháp phòng ngừa tai biến, lấy gì mà bảo trẫm? Nên đều bày tỏ sự thực, tâu cho trẫm nghe. Trẫm sẽ tự chọn lựa, có điều gì giúp được

chính trị thì trăm thi hành, mà điều gì không lấy được thì cũng để đó. Gắng đem hết mưu trí của các người để đáp lòng trăm ».

Ngày đình mùi chiếu xuống, ngày canh tuất được mưa to. Rồi thì các quan trong ngoài, nhiều người dâng thư kín nói việc. Vua sai đình thần xét bàn, chọn điều gì lấy được thì dùng.

Định lệ khóa thanh tra cho các thành dinh trấn.

Vua thấy số tiền thóc xuất nhập có quan hệ đến thuế khóa. Năm tháng chưa lâu, cứ xét rất khó. Bèn hạ lệnh cho bộ Hộ chức định điều lệ, cứ lấy ba năm làm một khóa, sai quan tra xét. (Bốn dinh trực lệ, Quảng-ngãi, Thanh-hoa, Nghệ-an, Thanh-bình thì lấy các năm thìn tuất sửu mùi làm khóa, năm giáp tuất làm khóa đầu; bốn trấn Gia-định, Bình-thuận, Bình-hòa, Phú-yên, Bình-định, lấy các năm dần thân ty hợi làm khóa, lấy năm nay làm khóa đầu; Bắc-thành và các trấn lấy các năm tý ngọ mao dậu làm khóa, năm quý dậu làm khóa đầu).

Định điều lệ về cửa quan và bến đò cho Bắc-thành và Thanh Nghệ. (Sơn-tây: cửa quan 2 chính, 2 xép, bến đò 1 chính, 1 xép; Sơn-nam thượng: cửa quan 2 chính, 2 xép, bến đò 1 chính, 3 xép; Sơn-nam hạ: cửa quan 1 chính, 2 xép; Kinh-bắc: cửa quan 1 chính, 5 xép; Hải-dương: cửa quan 1 chính, 4 xép, đò dọc 5; Tuyên-quang: cửa quan 2 chính, 1 xép, cửa ải 4; Hưng-hóa: cửa quan 2 chính, 2 xép; Thái-nguyên: cửa quan 5 chính, 1 xép, chợ 5, đồn 1; Lạng-sơn: cửa quan 1 chính, 12 xép; Cao-bằng: cửa quan 11 chính, 3 xép; Yên-quảng: cửa quan 2 chính, 3 xép, sở 9; Thanh-hoa: cửa quan 9; Nghệ-an: cửa quan 7).

Du rằng: «Việc đánh thuế cửa quan và bến đò lấy hàng hóa làm chuẩn định. Nay thuế thì có ngạch nhất định, mà hàng hóa thì không có mức thường, người lấy thuế được lợi ở số dôi thừa, thường hay đánh thêm thu lạm, làm khổ cho khách buôn. Huống chi Bắc-thành trong ngoài có 11 trấn cùng 2 trấn Thanh Nghệ, sản vật không giống nhau, há lại đánh thuế một mức được sao? Vậy sai bộ Hộ liệt kê vật giá ở các cửa quan bến đò, so sánh cho đúng, chép làm qui tắc nhất định, định thần ban định điều lệ ban hành:

1. Định giá hàng hóa (Lấy 5 năm làm một hạn, ngoài hạn giá có lên xuống thì do bộ cải định).

2. Đánh thuế buôn có sai bực. (Các sở cửa quan và bến đò các trấn Bắc-thành, có sở chính có sở xếp, đánh thuế chỉ lấy một sở, sở chính đã đánh thuế thì sở xếp cho miễn. Giá hàng ở sáu trấn ngoài không giống so với năm trấn nội, chỉ những hàng người buôn đem theo mà không có trong bảng giá của bộ gởi cho thì mới theo giá hàng ở năm trấn nội mà đánh thuế. Ở Thanh-hoa bảy cửa quan Hà-trường, Đa-lộc, Ngã-ngung, Nga-sơn, Thanh-dơn, Mỹ-cảnh, Vĩ-phái, phạm người buôn đem hàng một cửa đã đánh thuế thì sau cửa khác đều miễn. Duy ở hai cửa Biện-sơn và Tam-lư thì đánh thuế không câu nệ giá hàng hóa, chỉ căn cứ vào thước tắc trường hoành của thuyền buôn bè buôn mà đánh thuế, không theo lệ thu thuế 1 phần 40. Ở Nghệ-an thì ba cửa quan Khả-lưu, Lương-trường, Bùi-xá, phạm người buôn đầu đem hàng hóa ở cửa quan sở tại trước đã đánh thuế theo 1 phần 40, thì các cửa khác phải chiết thu 1 phần 80, không được thu cả; bốn cửa Võ-liệt, Tam-thoa, Hà-hoàng, Khu-dộc thì lại có lệ riêng;

bè buôn thì lấy hạng lớn, hạng trung, hạng nhỏ, thuyền buôn thì lấy chở nặng, chở nhẹ làm khác nhau).

3. Cấm thu lạm. (Ty lại thu thuế thu bội lên và giữ lại làm khó dễ thi quan sở tại bắt hỏi).

4. Cấm giấu thuế. (Khách buôn báo số hàng không đúng thì lấy luật giấu thuế mà trị tội).

Lấy sang năm là năm qui dậu bắt đầu thi hành.

Ngày canh thân, yết lăng Thụy-thánh.

Nặc Nguyên từ La-bích lại chạy sang Xiêm, người Xiêm nộp về Gia-định. Thành thần đem việc tâu lên. Vua bèn triệu cai đội Hà-tiên là Mạc Công-du về Kinh, hỏi về việc ngoài biên, rồi bảo về, hạ lệnh ủy người đi Xiêm thăm dò hư thực, cho một cặp áo và 30 quan tiền.

Hạ lệnh cho trấn thủ Bình-hòa là Nguyễn Đắc đem quân về trấn.

Bắc-thành bắt được giặc trốn là Trịnh Văn ở Lục-ngạn. Sại giải về Kinh để giết. Người học trò là Nguyễn Bái vi có công báo quan bắt được giặc được bổ tri huyện, lại ban mũ áo, thưởng tiền 300 quan.

Bắt đầu đúc bạc dĩnh 1 lạng. Vua bảo bộ Hộ rằng: «Chế định tiền bạc là để giàu nguồn của và cho dân đủ dùng. Trước kia nhà nước đúc bạc trung bình, dĩnh 10 lạng ngang tiền 28 quan, gần đây đều đã thông dụng; nhưng đem bạc đổi tiền, hay đem tiền đổi bạc, thì đều dùng dĩnh 10 lạng làm hạn, nên khi số xuất nhập lẻ loi thì dùng không tiện. Vậy sai đúc thêm bạc dĩnh để ban hành». (Dùng bạc đủ tuổi nặng 1 lạng, sáu mặt đều có in dấu và chữ, mặt trên vân tròn, mặt dưới vân vuông, một mặt in bốn chữ «Già-long niên

tạo » (1), một mặt in bốn chữ « Tinh ngân nhất lượng » (1), một mặt in ba chữ « Trung bình hiệu » (1), một mặt in sáu chữ « Trị tiền nhị quán bát mạch » (1). Người nào đúc riêng thì lấy luật đúc riêng tiền để trị tội. Nhà nước chi phát, nhân dân đem nộp, người buôn bán đổi chác, thì cứ giá đinh bạc trung bình 10 lượng đương tiền 28 quan, đinh bạc 1 lượng mới chế đương tiền 2 quan 8 tiền. Tiêu dùng lẻ loi không đầy đinh thì lấy tiền bù cho đủ. Bấy giờ không có bạc mà xin nộp tiền cũng là lệ phải nộp bạc mà xin lấy tiền nộp thay cả hay nửa phần cũng được. Phàm người đem bạc đủ tuổi đúc làm 10 đinh mỗi đinh 1 lượng đổi cho nhà nước lấy thứ bạc đinh có dấu và chữ rồi, thì nộp tiền công thợ và tiền xem dấu chữ là 2 tiền cho nhà nước. Quan lại giám thu và thợ xem nhận, nếu dám dè dặt và làm khó dễ thì trị tội như luật).

Định giá vàng cho Bắc-thành. (1 lượng vàng ngang 16 lượng bạc; vàng của dân đổi lấy vàng nhà nước thì nộp tiền ấn tích 1 quan).

Lấy Lê Đình Tước làm đốc học Bình-dịnh. Đình Tước có học thức và hạnh kiểm, không chịu làm quan với giặc, Lê Chính Lộ tiến lên.

Hiệp trấn Hải-dương là Nguyễn Tri Hòa ốm phải nghỉ việc. Lấy hiệp trấn Cao-băng là Nguyễn Văn Lễ làm hiệp trấn Hải-dương.

Lấy tham hiệp Cao-băng là Bùi Văn Bình làm hiệp trấn, tri phủ Kinh-môn là Đào Xuân Thự làm tham hiệp.

1. Tạo năm Gia-long — Bạc ròng 1 lượng — Hiệu trung bình — Giá tiền 2 quan 8 tiền.

Định lệ đệ trạm. (Việc đại khẩn thi di gấp đường, việc khẩn vừa thi di cả ngày đêm, việc thường thi ngày đi đêm nghỉ).

Tháng 11, lấy đốc học Nghệ-an là Bùi Dương Lịch làm phó đốc học Quốc tử giám, Hàn lâm viện chế cáo là Nguyễn Đăng Cơ làm đốc học Quảng-nam, trợ giáo Sơn-nam hạ là Nguyễn Khắc Tráng làm đốc học Nghệ-an, trợ giáo Hải-dương là Trần Danh Phác làm đốc học Thanh-hoa.

Thanh-hoa và Thanh-bình động đất.

Sửa chùa Kim-chương, cho 1 vạn quan tiền để làm. (Chùa ở phía nam tỉnh lý Phiên-an. Đời Thế tông Hiếu võ hoàng đế, năm thứ 18, ất hợi, nhà sư ở Qui-nhơn là Đạt-bản hòa thượng tu trì ở đấy. Ban cho biển ngạch Kim-chương tự)

Định lệ chi cấp lương bổng ở Kinh và ở ngoài. Trước nay lương bổng của quan và quân đều cấp cho từng tháng. Đến nay định lệ rằng quan viên dự có lương bổng, từ nhất phẩm đến tam phẩm, mỗi năm cấp hai kỳ, tứ phẩm đến thất phẩm, mỗi năm cấp bốn kỳ, bát cửu phẩm cho đến quân lính có lương, mỗi tháng một kỳ. Đều theo số mà chi lãnh. Sai bộ Hộ nghị định điều lệ, bắt đầu từ sang năm là năm quý dậu thi hành. (Nhất nhị tam phẩm, mỗi năm vào tháng giêng và tháng 7, mỗi kỳ lãnh lương 6 tháng; tứ ngũ lục thất phẩm, mỗi năm vào bốn tháng đầu mùa, mỗi kỳ lãnh lương 3 tháng; đều từ ngày mồng 1 đầu tháng đến ngày 20 làm hạn; bát cửu phẩm và quân lính ăn lương tháng, hàng tháng chi lãnh, từ mồng 1 đến mồng 10 làm hạn. Lệ bổng không kể tháng thiếu tháng nhuận, lệ lương tháng thiếu trừ đi một ngày, tháng nhuận cũng cấp. Tiền bổng của quan viên thì châm chước cấp bạc dĩnh, nhất

phẩm thi 2 phần tiền 8 phần bạc, nhị phẩm thi 3 phần tiền 7 phần bạc, tam phẩm thi 4 phần tiền 6 phần bạc, tứ phẩm trở xuống tiền bạc đều một nửa. Ví như nhất phẩm bổng tháng 200 quan, 6 tháng một lần lãnh gồm 1.200 quan, thực phát cho 2 phần tiền là 239 quan 6 tiền, chiết cấp 8 phần bạc là 343 lượng, trong đó dĩnh 10 lượng là 17 dĩnh, dĩnh một lượng là 173 dĩnh. Ngoài ra theo đó mà suy. Người được thăng thụ được gia thêm bổng mà ở vào ngày 20 về trước của tháng chỉ lương thi chỉ theo bổng mới từ ngày mồng 1 tháng ấy, còn từ ngày 21 trở đi thi phải đợi kỳ sau mới được lãnh. Bị phạt bổng trong kỳ chỉ bổng thi khấu trừ ngay. Nếu kỳ ấy lãnh rồi thi đợi kỳ sau. Bị giáng cách hay bệnh chết thi miễn đời lại. Quan văn không làm việc, quan võ không coi quân mà chờ đợi ở Kinh và theo việc sai phái ở các thành dinh trấn thi cấp cho nửa bổng chính. Người có công trạng được áa cấp toàn bổng thi không ở lệ này. Quan tam phẩm trở lên hưu trí, hoặc cấp cả bổng, hoặc cấp nửa, tới kỳ thi xin chỉ; quan tứ phẩm trở xuống thi đều dĩnh, như có ban cấp là tự đặc ân. Binh và thợ sai phái và khi trưng triệu đi về, phải cấp cho lương ăn đi đường hàng ngày, ở Kinh thi do bộ Hộ, ở ngoài thi do quan địa phương khám rõ mà cấp thay).

Lấy khâm sai cai cơ Hữu quân là Nguyễn Hữu Viễn làm chánh quản cơ cơ Hậu dũng kiêm hành phó quản thập cơ Hùng Dũng. Biên 65 người lính Tiều sai và Thị trà quân Thị nội quê ở Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-dịnh, lập làm đội Tả thăng cho lệ theo Quảng-nam sai khiến. Lại sai dĩnh thần mộ 50 người dân ngoại tịch lập làm đội Hữu thăng.

Chuẩn dĩnh từ nay quan chức có ai bị tội tham lang thi người quan tiền cứ bị tội giảm bực.

Hạ lệnh từ nay phạm binh ở các dinh quân trong ngoài và thợ các cục mà ứng triệu về Kinh hoặc luân phiên thay nhau cùng là được sai khiến việc công, thì hai bộ Binh Công phát cho yêu bài (1). Lại hạ lệnh từ Quảng-đức vào Nam đến Gia-định, ra Bắc đến Bắc-thành, đều đặt sở dưỡng tế, như binh và thợ di đường bị ốm, xét có yêu bài, thì thu dưỡng ngay ở đó để chữa trị. Ai chết thì cấp tiền và vải để chôn (tiền 2 quan, vải 1 tấm).

Phủ-yên gạo dất; sai trấn thần phát thóc kho cho vay.

Lấy hương cống đời Lê là Phạm Duy Tự làm trợ giáo Hải-dương, Dương Đức Tuy làm trợ giáo Sơn-nam thượng, Võ Huy Cáp làm trợ giáo Sơn-nam hạ, Phạm Thụ làm trợ giáo Kinh-bắc.

Cho bốn thổ ty ở Hưng-hóa là Bạc Cầm Kế, Lương Kim Tam 11 người làm cai châu, phó châu, và bốn thổ ty ở Lạng-sơn là Nguyễn Đình Cầm, Hà Quốc Vưu 14 người làm chánh phó thuộc hiệu.

Tháng 12, ngày mồng 1, đổi lịch vạn toản làm lịch hiệp kỷ.

Ngày nhâm dần, vua ngự điện Cần-chánh nghe triều chính. Trước vua ở nhà tang, hằng ra tiện điện với hỏi các quan. Đến nay mới ngự chính điện.

Ngày nhâm tý, yết lăng Cơ-thánh và lăng Thụy-thánh.

Lấy cai cơ Trung quân là Trần Văn Điều làm phó vệ úy vệ Trung bảo nhị, Phạm Công Thụ làm phó quản cơ cơ Trung định, cai đội Nguyễn Văn Quyên làm phó quản cơ cơ Tá chấn.

Dân hai phường (sau đổi làm ấp) Kế-dăng và Đường-thiên dinh Quảng-đức kiện nhau tranh địa giới. Dinh

1. Yêu bài : Bài đeo ở thắt lưng.

thần không quyết định được. Giao án cho bộ xét lại. Sai thêm sự Hộ bộ là Phạm Văn Toán đi xem. Toán có ý thiên vị Đường-thiên, Kế-dăng không phục, bèn đánh nhau với Đường-thiên. Toán về, tâu vu cho Kế-dăng không tuân pháp luật. Vua cả giận nói: « Ruộng đất đã thành án rồi, sao dám làm thế? Bọn này khỏe kiện lắm, không giết thì để làm gì? ». Muốn bắt hết dân đề trị. Bọn Nguyễn Văn Thành, Phạm như Đăng và Lê Quang Định tới trước tâu rằng: « Tiểu dân không biết gì, ở trong hân có bọn xui giục, xin giao xuống pháp ty xét kỹ lại, bắt tội kẻ xui giục ». Vua người lòng, tức thị sai bộ Hình xét lại. Kế-dăng quả đúng lý. Toán vì tội tâu vu bị xử tử giam hậu. Định lại là bọn Nguyễn Văn Hộ, Nguyễn Văn Thị cũng vì thông đồng thiên vị bị xử tội đồ.

Cho vua nước Chân-lạp là Nặc Chấn 1.000 quan tiền, 300 lạng bạc.

Người Gia-định là Võ Đình Minh điều trần về việc chính trị. Vua thấy người có văn học, bổ vào Cống sĩ viện.

Cấp cho Quảng-nam, Bình-định, Bình-hòa mỗi nơi 10 chiếc thuyền công, Quảng-ngãi, Phú-yên đều 5 chiếc, Bình-thuận 8 chiếc.

Thưởng cho các thợ ươm dịch ở Kinh hơn 94.000 quan tiền.

Định cách thưởng người bắt trộm cướp. Phạm quân dân, ai bắt được đầu đảng bọn cướp thì thưởng tiền 100 quan, bắt được tòng đảng thì thưởng tiền 50 quan, kẻ trộm thì thưởng tiền 30 quan; ai báo bắt được cướp thì thưởng 50 quan, báo bắt được trộm thì thưởng 20 quan.

Hạ lệnh cho các thành dinh trấn thu thuế buôn, mỗi năm đến tháng 10 thì dâng số.

Định điều lệ đòi thuế.

Vua cho rằng đòi thu có phép thì dân dễ nộp, mà thuế nhà nước thường đủ. Bèn sai đình thần định làm điều khoản để ban hành. (Phạm trưng thu tiền thóc, không được dùng số chính cung năm nay để bù trả số còn thiếu trước. Những tiền thóc hoãn thu thì chia làm 3 năm mà nộp kèm; lương tiền và sản vật thiếu từ năm nhâm thân về trước thì chia làm 5 năm mà nộp kèm. Hàng năm đến vụ thuế thì cai huyện, ký huyện, cai thuộc, ký thuộc, cai tổng, phó tổng phải kinh trưng [nhận thu], tri phủ, tri huyện, cai trưng, cai trường thì thời trưng [đòi thu], quan dinh trấn thì đốc thời [đốc đòi]. Lý dịch cùng những người phân trưng ai xâm phạm xen bớt thì quan dinh trấn theo luật trị tội. Đòi thuế thì lấy 3 năm làm một khóa. Kinh trưng, thời trưng và đốc thời đều lấy 10 phân làm một suất, ai thiếu không đến 1 phân thì kinh trưng đánh 60 trượng, thời trưng đánh 50 roi, có lương thì phạt lương 3 tháng; thiếu đến 2 phân thì kinh trưng đánh 80 trượng, thời trưng đánh 70 trượng, có lương phạt lương 1 năm, đốc thời phạt lương 6 tháng, đều bắt thu cho đủ; thiếu đến 3 phân trở lên thì kinh trưng phải bãi dịch, thời trưng, đốc thời đều phải đình bông và giáng lưu, trong 2 năm thu đủ thì được khai phục, không đủ thì bị giáng thực).

Lấy phó quản cơ cơ Tiền hùng Tạng quân là Đào Văn Cúc, phó quản cơ cơ Hữu hùng là Nguyễn Văn Tào làm quản cơ, cai đội Nguyễn Văn Bản làm quản cơ cơ Tả hùng.

Miễn thuế bạc cho năm sở quan thị ở Cao-bằng. (Cửa Nậm-nàng thuế bạc 140 lạng, cửa Nhị-thủy [Nước hai]

360 lạng, cửa Thông-nông 130 lạng, cửa Kha-xuyên 100 lạng, chợ Huề-giang 230 lạng. Quan Bắc-thành thấy không có người lãnh trưng tâu xin miễn).

Gọi 9.500 biên binh ở Thanh Nghệ, Bắc-thành và Thanh-binh về Kinh. (Thanh-hoa 120 người, Nghệ-an 2.800 người, Bắc-thành 5.300 người, Thanh-binh 200 người).

Nguyễn Văn Thành dâng thư kín nói về 5 điều :

1. Việc làm gộp sổ địa bạ hay gây tranh kiện, dân gian chịu phiền tệ không xiết, xin sửa định điều lệ cho tắt mối tranh nhau.

2. Sáu bộ và các dinh trấn làm việc hoặc có kẻ siêng kẻ lười, xin cho cuối năm kiểm xét để phân biệt hay dở.

3. Việc hình ngục cốt được xong xuôi và bớt ít, xin cứ cuối mỗi năm thì sai người tra khám, khiến không có án đọng lại.

4. Kẻ tù tội phải nên thương xót, xin hạ lệnh cho các nha môn xét hình, từ nay phạm tù phạm bị kết án thì chưa rõ ngày tháng bắt đến xét, như án xử tội đồ thì tính kể ngày tháng ấy lâu chóng thế nào mà khấu trừ đi.

5. Dùng quan cốt ở được người, xin chọn những hàn lâm cống sĩ cùng tri phủ tri huyện làm việc lâu năm mà không có lỗi mà chia bổ làm liêu thuộc ở sáu bộ để sung các chức.

Vua khen và thâu nộp.

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHẤT KỶ

QUYỀN XLVI

THỰC LỤC VỀ THẾ TỔ CAO HOÀNG ĐẾ

Qui dậu, Gia-long năm thứ 12 [1813] (Thanh Gia-khánh năm thứ 18), mùa xuân, tháng giêng, kỷ tỵ ngày mồng 1, có nhật thực.

Bắt đầu đúc tiền kẽm nặng 7 phân hiệu « Gia-long thông bảo ». Ở Bắc-thành có người Thanh là Trần Hiền-chu và Chu Vĩnh-cát xin tự mua kẽm đúc tiền, lấy tiền kẽm 130 quan đổi lấy 100 quan tiền đồng ở kho. Thành thần đem việc tâu lên. Vua y lời xin. Sai đặt cục Bảo tuyền ở cửa Tây-long ngoài thành. (Năm Thiệu-trị thứ 1, đổi làm cục Thông bảo). Lấy cai cơ Trương Văn Minh làm Bảo tuyền cục đại sử, hiệp tổng trấn Lê Chất kiêm lãnh giám đốc. Theo kiểu mẫu bộ Hộ đưa ra để đúc (tiền 1 quan, nặng 2 cân 10 lạng cân bình thiên, người dân có vốn riêng và lãnh vốn công đều đem đến lò đúc để đúc. Khi thành tiền rồi, cứ 125 quan tiền kẽm đổi được 100 quan tiền đồng. Tiền mỗi quan phải đúng cân lạng, nếu thiếu từ 15 đồng trở xuống thì cho nộp phạt, 16 đồng trở lên thì hủy đi không dùng. Pha lẫn chì thì có tội. Nhà nước đúc bằng kẽm Thái-nguyên, mỗi 100 cân hao 12 cân 8 lạng, thành tiền 33 quan 3

tiền 20 đồng, tiền vật liệu 6 tiền 13 đồng, tiền công thợ 2 quan 7 tiền 41 đồng, đại ước thành tiền, mỗi 100 đồng thì tiền công 8 đồng 2 phân 4 ly 2 hào 5 hốt).

Lấy phó vệ úy vệ Trung võ quân Thần sách là Trương Phúc Cần làm vệ úy, cai cơ Nguyễn Văn Hạnh làm phó vệ úy, phó vệ úy vệ Diệu võ là Phan Văn Lợi làm vệ úy, cai cơ Nguyễn Văn Tông làm phó vệ úy, phó vệ úy vệ Cường uy là Trương Văn Trâm làm vệ úy vệ Tráng võ, cai đội Nguyễn Văn Biện làm phó vệ úy, phó vệ úy vệ Ban trực tả là Nguyễn Văn Nghị làm vệ úy vệ Phấn võ, cai cơ Nguyễn Đức Liên làm phó vệ úy, phó vệ úy vệ Tuyền phong hậu là Phạm Văn Thạch, phó vệ úy vệ Kiên uy là Trần Văn Chung đều làm vệ úy, phó vệ úy vệ Ban trực hậu là Nguyễn Văn Loan làm vệ úy vệ Hồ uy, cai cơ Nguyễn Văn Thăng làm phó vệ úy vệ Ban trực tiền, Đoàn Văn Nghĩa làm phó vệ úy vệ Ban trực hậu, Nguyễn Văn Cửu làm phó vệ úy vệ Định võ. Nguyễn Văn Lợi làm phó vệ úy vệ Túc võ.

Định điều lệ đúc bạc dĩnh mới.

1. Đặt thợ bạc. (Các thành dinh trấn cùng các đạo Long-xuyên, Kiên-giang, Thanh-bình, phạm có thu nộp bạc dĩnh, thì ủy cho cai quan ty quan thợ bạc hoặc hai người thủ hợp theo đúng phép xem và cân, để phòng giả dối. Nếu trong đó dinh trấn đạo nào chưa có thợ bạc thì chọn lấy hai người am hiểu sắc bạc, lập làm ty quan thợ bạc một người, thủ hợp thợ bạc một người, tâu cấp cho bằng son. Nhân dân đem nộp bạc dĩnh phải xét xem rõ ràng mới được dâng vào kho. Nếu xem xét không đúng, thu phải bạc giả cùng là lấy bạc không đủ tuổi, lẫn lộn kềm thiếu mà đúc bạc dĩnh giả để ngầm đổi bạc kho, cùng là chịu dân mua chuộc đem

bạc giả ấy tráo lộn vào nhà nước để kiếm lợi to, việc phát ra thì chiếu số bắt bồi và phân biệt trị tội. Còn những bạc thuế, lệ phải đèo thêm tiền xem bạc, mỗi đĩnh bạc 10 lạng thì tiền xem 10 đồng, đĩnh 1 lạng thì tiền xem 1 đồng. Duy có tiền nộp thay các hạng thuế, hoặc nộp thay bằng bạc thì không phải nộp đèo tiền xem bạc, cũng cho lấy tiền công mà cấp như số để làm bổng của thợ bạc).

2. Cấm tiêu hủy bạc. (Quan quân dân thứ làm đồ đạc, không được đem bạc đĩnh mới chế mà tiêu hủy, làm trái thì cứ 1 đĩnh đánh 20 roi, thêm mỗi đĩnh thì thêm dần một bức, tội đến 100 trượng là cùng. Thợ bạc mà trái điều cấm và bớt xén lấy lợi để cho đĩnh bạc nhỏ mỏng thì bị tội).

3. Cấm bán lạt giá. (Dân gian cho vay và mắc nợ, cũng mua bán ở ngoài chợ, phạm đem bạc đổi tiền, đều theo giá quan, đĩnh 10 lạng đổi tiền 28 quan, đĩnh 1 lạng đổi 2 quan 8 tiền, không được giảm bớt giá bạc mà đòi cả tiền. Làm trái thì người địa bảo (1) bắt trị, việc đến quan thì lấy luật vi chế luận tội).

Quảng-ngãi gạo đất; sai trúa thần phát thóc kho cho vay.

Tha thuế thiếu cho các địa phương. Phạm tiền thóc và sản vật thiếu từ năm Gia-long thứ 7 trở về trước thì tha hết; duy có lấy trộm của công và người giám thủ tự lấy trộm thì không cho viện lệ miễn.

Số hộ khẩu ở Gia-định hàng năm tăng thêm. Thành thần dâng số đĩnh lên, số mới thêm được 26.500 người.

1. Địa bảo: Chức dịch sở tại.

Vua bảo bày tời rằng: « Dân là gốc của nước, gốc vững thì nước mới yên. Thế cho nên các vương giả đều lấy chăn nuôi dân chúng làm việc đầu tiên. Nay nước nhà yên lặng, chẳng thiếu gì của, dân mới tụ họp, việc võ yên chính là cần kíp. Vậy bàn cách chu cấp». Bèn xuống chiếu phạm dân mới tục [biên vào sổ], từ tháng 10 năm nhâm thân đến tháng 12 năm nay, thuế thân và thuế sản vật đều miễn.

Hạ lệnh cho các trấn thủ dọc biển các địa phương do những nơi cửa biển sừ tại, sâu nông rộng hẹp thế nào, hàng năm cứ đến mùa xuân mùa đông thì dâng đồ bản lên. Bộ Công sẽ đưa đồ bản cho các đội thuyền vận tải của Thủy quân để cho biết đường thủy khó dễ thế nào.

Đặt ty Thư tả ở Bắc-thành. (Cầu kê, cai hợp đều 1 người, thủ hợp 2 người, ty lại 47 người). Bắc-thành trước có ty Bí thư, đã bỏ đi. Thành thần thấy ty lại ở sáu phòng ít người viết tốt, xin đặt lại, lấy những tay viết giỏi để sung bổ. Vua y cho. Đặt tên là Thư tả ty.

Thồ phi ở Tuyên-quang là Lý Trương Hoàng giả xưng là con cháu nhà Lý, làm tờ bịch giả, chiêu dụ người thồ là bọn Hà Mỹ, Hà Cá, mưu đánh úp trấn thành. Bọn Mỹ, Cá mật báo cho thuộc hiệu bảo Tự-long là Ma Doãn Điền và thủ bảo bảo Phúc-nghi là Ma Doãn Trinh đem quân ập bắt giết đi. Việc tâu lên. Cho Doãn Điền làm tuyên úy thêm sự, Doãn Trinh và Mỹ, Cá làm chánh phó thuộc hiệu.

Lấy phó đô thống chế Tả dinh quân Thần sách là Trịnh Ngọc Tri làm phó đô thống chế Hậu dinh.

Định ngạch nộp thay thuế diêm tiêu cho các trấn Bắc-thành. (Ở năm trấn nội mỗi người nộp thay 6 quan, ở sáu trấn ngoại mỗi người nộp thay 3 quan).

Tháng 2, bắt đầu đặt tri huyện các huyện ở Gia-dịnh mỗi huyện 2 người. Kèn các tri huyện tham niên ở bốn dinh trực lệ và hai trấn Quảng-ngãi, Bình-dịnh đề sung bổ. (Huyện lý Tân-long ở chợ Lật-giang, huyện lý Phúc-long ở Cần-đọt [Cần-giuộc], huyện lý Thuận-an ở Tái-phu [Giòng Tái], huyện lý Bình-dương ở đạo Quang-uy, huyện lý Phúc-chính ở Sa-thị [Chợ Cát], huyện lý Bình-an ở Bắng-vọt, huyện lý Long-thành ở Đồng-môn, huyện lý Phúc-an ở đạo Hưng-phúc, huyện lý Vĩnh-bình ở Mân-thít, huyện lý Tân-an ở Ba-việt, huyện lý Vĩnh-an ở đạo Đông-khâu, huyện lý Kiến-đăng ở chợ Thi-giang, huyện lý Kiến-hưng ở giòng Kiến-dịnh, huyện lý Kiến-hòa ở chợ Lương-quán).

Sau thấy huyện Vĩnh-an đất rộng, lại chia đặt huyện Vĩnh-dịnh. (Hai huyện Vĩnh-an Vĩnh-dịnh, trước là đất một tổng Bình-an, năm Gia-long thứ 7 tháng tổng lên làm huyện. Vì thế đất rộng rãi, bèn chia miền Hậu-giang từ sông con Sâm-lung về phía tây cho thuộc tổng Vĩnh-trình huyện Vĩnh-an, từ Sâm-lung về phía đông đến Cần-thơ cho thuộc tổng An-trung, từ Cần-thơ về phía đông đến cửa biển Ba-xắc cho thuộc tổng Bình-chính huyện Vĩnh-bình. Đến nay lại đổi lấy miền Hậu-giang phía đông từ cửa biển Ba-xắc, phía tây đến nửa sông Châu-đốc về phía nam cùng các thôn xóm ở bãi giữa sông, biệt làm một huyện, gọi là huyện Vĩnh-dịnh, cũng đặt hai tri huyện, huyện lý ở đạo Trấn-giang. Nhưng địa giới tuy rộng mà nhân dân còn thưa, cho nên chưa chia tổng, gồm có 37 thôn ấp).

Định số người lại dịch ở các huyện từ Quảng-bình vào Nam. Mỗi huyện 1 đề lại, 2 thông lại, 6 chính sai, 50 lệ dịch. Lại thì được miễn phú dịch, lệ dịch (từ Quảng-bình đến Bình-thuận thì mộ dân ngoại tịch,

Gia-dịnh thi lấy dân sở tại) thi được miễn 5 phần 10 thuế thân.

Đắp thành đất trấn Vĩnh-thanh.

Dời dựng trấn lý Thái-nguyên đến Đồng-mỗ (tên xã, thuộc huyện Đông-hỷ). Trấn lý trước ở Bình-kỳ (tên xã thuộc huyện Thiên-phúc) trấn Kinh-bắc, địa thế xa cách, bèn sai dời đến Đồng-mỗ, để tiện việc cai trị. Lại lấy Bình-kỳ, làm phủ lý Bắc-hà, kiêm lý huyện Thiên-phúc (trước kiêm lý huyện Hiệp-hòa).

Trong Kinh kỳ mưa đá.

Lấy chức Cống sĩ viện bổ tri huyện các huyện. Võ Xuân Thụ, người Quảng-trị, mới nghị được bổ huyện Kiến-dăng, vì có mẹ già xin bổ nơi gần, vua thương tình, bèn dời cho về Đãng-xương.

Hạ lệnh cho xã dân ở Thanh Nghệ và Bắc-thành, hàng năm cứ tháng 12 cấp tiền may quần áo cho lính giã. Theo lệ cũ xã dân phải may quần áo để cấp. Đến nay hạ lệnh cấp tiền 3 quan, do binh lính tự may lấy, người quản suất không được đòi bắt làm luy cho dân.

Đắp đài Điện-hải và bảo An-hải ở Quảng-nam (đài ở bên tả cửa biển Đà-nẵng, bảo ở bên hữu). Sai Nguyễn Văn Thành đi coi công việc. Công việc xong, để lại 500 quân đóng giữ.

Ngày quý sừ, tế Trời Đất ở dân Nam-giao.

Định lại phép trưng thu tạp phú. Vua bảo bầy tôi rằng: «Việc phủ thuế của nhà nước tất phải có phép thương. Nay thuế điền thì có thêm tiền thập vật, thuế dung thuế điệu thì có thêm tiền đầu quan để chi phí ngoài, còn các tạp phú khác thì chưa có định ngạch, những thuộc lại phần nhiều sách nhiễu ngoài lệ, dung ý thêm bớt, không kể xiết tộ». Bèn sai bộ Hộ bàn định

đề ban hành (cứ 1 quan tiền thì nộp 6 đồng tiền xem, 1 lạng bạc thì 1 đồng tiền xem). Nếu dám đòi hỏi ngoài ngạch thì theo luật trị tội.

Thượng thư Hộ bộ Lê Quang Định chết; tặng Tham chính. Sai Nhà đồ cấp gỗ quan tài; cho 3 cây gấm Tống, 500 quan tiền, cấp cho 3 người mộ phu.

Giáng thượng thư Hình bộ Phạm Như Đăng làm tham tri Hình bộ. Như Đăng trước ở Bắc-thành xử án quá nặng, thành thần Nguyễn Hoàng Đức hạch án ấy nên bị giáng.

Dựng hành cung và dinh thự kho tàng ở Bình-định. Sai trấn thần lấy 2.000 dân ứng dịch, cấp cho tiền gạo hàng tháng.

Chở 60.0000 quan tiền ở kho Bắc-thành về Kinh.

Lấy cai bạ Quảng-bình là Nguyễn Du làm Cần chánh điện học sĩ, sung chánh sử sang cống nước Thanh (hai lễ cống tân mùi qui đậu), thêm sự Lại bộ là Trần Văn Đại và Nguyễn Văn Phong sung giáp ất phó sử.

Lấy tri huyện Lê Văn Đồ và Hoàng Kim Xán làm thêm sự Lễ bộ.

Tha thuế thiếu cho dân xiêu giạt ở hai châu Lang-chánh và Trinh-cụ trấn Thanh-hoa.

Trần Chấn và Nguyễn Hiệu từ Quảng-đông về dâng sách Mã-cao và lịch Tây-dương. Vua sai Nguyễn Văn Thắng dịch ra đề tiến.

Thượng thư Lại bộ là Trần Văn Trạc chết; tặng Tham chính; cấp cho 3 người mộ phu.

Tháng 3, sai tham tri Binh bộ là Võ Đức Thông sung đề điệu trường thi Thanh-hoa, Thị trung học sĩ là Lý Gia Du sung giám thí, tham tri Lễ bộ là Lê Chính Lộ

sung đề điệu trường thi Nghệ-an, Thị trung học sĩ là Phạm Thích suag giám thi. Lấy đồ hương cống 21 người. (Trường Thanh-hoa: Lê Huy Côn, Lâm Văn Bình, Cao Nguyên Luận, Hoàng Đức Nhân, Nguyễn Giáp, Lê Duy Cao, Lê Hữu Đức, Nguyễn Nhân, Võ Đích, cộng 9 người. Trường Nghệ-an: Lưu Công Đạo, Võ Khắc Kiêm, Võ Duy Tân; Phạm Đình Trọng, Hồ Phúc Tương, Hoàng Văn Vận, Nguyễn Thế Cát, Nguy Khắc Thận, Lê Nguyên Chung, Bùi Danh Cung, Vũ Huy Quỳnh, Nguyễn Duy Phiên, cộng 12 người).

Nước Xiêm-la sai bọn Phi-nhã Ma-kha A-mặc dâng phẩm vật địa phương, và xin cùng đưa Nặc Chấn về nước.

Vua thấy thư người Xiêm gửi đến, lời êm lẽ thuận, bèn cho triệu sứ đến Kinh. Xuống chiếu cho thành thần Gia-định chính bị binh thuyền đề chờ, đem việc báo trước cho quan Phiên và dân Phiên biết. Hơn một tháng sứ Xiêm trở về Gia-định, tặng cho rất hậu (tặng phật vương 40 lạng vàng, 500 lạng bạc, cho vua thứ hai 20 lạng vàng, 300 lạng bạc).

Đổi cửa Eo làm cửa Thuận-an. Xây đài Trấn-hải, sai Nguyễn Đức Xuyên trông coi công việc. Vua thấy là nơi trọng yếu của hải cương (1), bèn xây đài ở bên cạnh. Lại thấy bờ biển ở trước đài nước biển ngày vô xói vào, gần tới chân đài, bèn sai đóng cọc xây kè để chống sóng biển. Thưởng cho binh lính làm việc hơn 10 000 quan tiền. Dân phu phu giữ được miễn thuế thân, hàng năm cấp cho gạo lương 200 phượng. (Chỗ

1 Hải cương: Bờ cõi phía biển.

này nguyên tên là Noãn hải khẩu (1), tục gọi là Eo, ý nói là nơi nóng hẹp khó đi. Ở Kinh sư chỉ có cửa này và cửa Tư-dung là hai. Từ khi cửa Tư-dung ngày cạn thì sự hải vận đều ra vào cửa này, rất là xung yếu, mà đường lạch quanh co, bên cạnh có bãi cát ngầm rất trở ngại cho đường biển. Đến khi vâng đặt tên này thì từ đấy buồm gió thuận lợi, muôn thuở nhờ ơn).

Tham hiệp Kinh-bắc là Hoàng Xuân Tú ốm phải nghỉ việc, lấy tri phủ Tiều-hưng là Lê Bình Khuê làm tham hiệp Kinh-bắc.

Lấy tri phủ Hà-hoa là Trần Lợi Trinh làm thêm sự Lại bộ, tri phủ Đoan-hùng là Nguyễn Văn Khiêm làm thêm sự Binh bộ, tri huyện Nam-xang là Cao Huy Diệu sung Hàn lâm viện.

Tha giảm thuế ruộng năm nay. Chiếu rằng:

«Đức của vua chẳng gì lớn bằng yêu dân; chính trị tốt trước nên ở nhẹ thuế. Từ xưa các đế vương lên ngôi trị nước, chưa ai từng không lấy việc vô yên dân chúng làm cần. Nay mưa nắng bất thường, thóc lúa chưa được mười phần được mùa, trăm nghĩ đến đời sống của dân, ơn trạch muốn cho xuống khắp. Vậy tha giảm cho thuế tô năm nay, bổu dinh trực lệ giảm 5 phần 10, Quảng-ngãi, Bình-định, Phú-yên, Bình-hòa giảm 4 phần 10, Bình-thuận, Gia-định, Nghệ-an giảm 3 phần 10, Thanh-hoa, Thanh-bình, Bắc-thành giảm 2 phần 10.

Làm duyệt tuyển từ Quảng-bình trở vào Nam đến Gia-định. Sai bọn Trần Đăng Long, Nguyễn Đức

1. 要海口 : Vốn là 暖海口 (Yêu hải khẩu, Yêu tức là Eo) mà lộn thành.

Huyền, Nguyễn Văn Soạn, Lê Bá Phẩm, Nguyễn Cửu An, Trần Văn Tuấn, Phan Văn Thúy, Nguyễn Văn Hựu, cộng 24 người chia nhau đi các nơi. (Quảng-đức, Quảng-trị, Quảng-bình, Quảng-nam và Quảng-ngãi làm tháng 5, Bình-hòa tháng 6, Bình-định, Phú-yên tháng 7, Bình-thuận, Phiên-an, Biên-hòa, Định-tường, Vĩnh-thanh tháng 10. Kỳ hạn, số người từ 25.000 trở lên hạn trong một tháng, 20.000 người trở lên hạn 20 ngày, 10.000 người trở lên hạn 15 ngày, không đầy 10.000 người hạn 10 ngày, đều lấy ngày mở trường bắt đầu).

Định lại thuế buôn đường bộ ở Bắc-thành. Phàm những lái buôn người Thanh, đi qua đường Lạng-sơn về, cùng các thuyền công tư chở người lái buôn, thì sở tại đánh thuế hàng hóa. (Cứ giá hàng hóa 100 quan thì nộp 2 quan 5 tiền thuế, ở thành thì do phủ Hoài-đức cho giấy thông quan, đến Lạng-sơn thì trấn đời cấp giấy khác).

Dân Man bầy sách Cam-lộ vào cống. Lấy bọn thổ tù là Phu-bò, Quan-chiêu, Phu-đồn làm sai trưởng ba man Thượng-kế, Phá-băng, Làng-thìn. (Tục Man là thế tập, nhân đó cho làm).

Nghệ-an động đất.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, tế hạ hưởng. Vua đến Thái miếu làm lễ. (Từ mùa thu năm tân mùi, vua có tang, lễ miếu hưởng đều sai hoàng tử hoàng thân tế thay. Đến nay vua mới thân đến làm lễ).

Vua ra cửa biển Thuận-an xem đài Trấn-hải.

Dựng đèn thần (năm Minh-mệnh thứ 3, đời làm miếu Nam-hải long-vương) và đèn Thai-dương phu nhân ở cửa biển Thuận-an.

Chiếu cho tổng trấn thành Gia-định là Lê Văn Duyệt và hiệp tổng trấn là Ngô Nhân Tĩnh đại phát thủy binh hơn 13.000 người đưa quốc vương Chân-lạp là Nặc Chấn về nước. Sai phó tổng trấn Trương Tiến Bửu tạm làm việc thành. Ngày canh tý, quân ta phát từ Gia-định. Sứ Xiêm là bọn Phi-nhã Ma-kha A-mặc đem sứ bộ Xiêm đi theo. Ngày tân hợi, quân ta đến Long-úc. Tướng Xiêm là bọn Phi-nhã Phi-sai Bô-liên-tra, Phi-nhã Phi-phạt Cô-sĩ đến cửa quân lay tờ chiếu. Ngày ất mão, Nặc Chấn vào thành La-bích. Sai bề tôi là Cao-la-hâm lấy 500 quân hộ vệ. Bọn Văn Duyệt định rõ hiệu lệnh, cấm cướp bóc, tỏ uy tin, thương dân Di, người Xiêm nghe tiếng, rút rờ sợ hãi. Dân Phiên nhờ đó được yên. Trước đây Nặc Chấn sang ở nước ta, người Xiêm lấy làm giận, cùng nhau bàn mưu rằng: « Nước Xiêm là một nước lớn, đã không sai khiến được người mà lại bị người sai khiến, thì còn ra nước gì nữa ». Bèn bàn muốn lấy đất Bắc-tâm-bôn phong cho Nặc Nguyên. Nhưng lại sợ triều đình ta hỏi tội, không dám xin. Khi nghe tin Nặc Chấn sắp về nước, cho rằng quân ta đi xa, chắc không có nhiều, bề ngoài tuy sai sứ đến hội đưa Nặc Chấn về, tỏ ra hòa hảo, mà trong thì sửa soạn đánh nhau, ngầm muốn nhân lúc sơ hở đánh úp để cho hả giận. Đến bấy giờ quân Văn Duyệt kéo đến, thanh thế lừng lẫy, người Xiêm bèn thôi mưu mò, sai sứ đem sản vật cho Nặc Chấn và ủy lạo tướng sĩ ta. Nhưng quân Xiêm đóng ở Long-úc lâu không rút về, hẹn đưa Nặc Nguyên về nước lại không đưa. Bọn Văn Duyệt đem đủ tình trạng tâu lên, và nói: « Xiêm-la muốn được Chân-lạp thì phải dùng Nặc Nguyên làm món hàng quý, mà ta muốn che chở đất Gia-định tất phải

dùng Nặc Chấn làm phiên thần. Ta đưa Nặc Chấn về nước, người Xiêm bắt lợi nhiều lắm, chưa chắc họ đã không mưu tính khác, mà phiên vương chưa chắc đã khỏi lo về sau. Nay quân ta đóng lâu thì già quân mà phí của, về hết thì phiên vương đơn nhược mà không có phòng bị. Vả thành La-bích chật hẹp, không đủ để giữ. Xin đắp thành Nam-vang cho phiên vương ở, đắp thành Lô-yêm để chứa lương thực. Khi thành đắp xong sẽ để một số quân lại bảo hộ nước ấy, còn đại binh thì rút về Gia-định, chờ xem động tĩnh. Như thế thì lẽ thuận nghịch có khác, tình hình lao dật không giống nhau, muốn đánh thì đánh, muốn hòa thì hòa, phần thắng vẫn thuộc về ta ». Vua rất lấy làm phải, bèn chiếu cho Lê Văn Duyệt đem thủy quân đóng giữ sông Xà-năng và đem bộ quân đóng đồn các nơi trọng yếu, mà kịp gửi quốc thư trách nước Xiêm rằng: « Xiêm vương vốn muốn Chấn và Nguyên giải mối thù oán cho trọn tình nghĩa anh em, nay Chấn đã về nước mà Xiêm chưa giải binh là tại có gì? Phạm cứu tai nạn, thương láng giềng, gây đức mà giúp người cùng ý muốn, đó là đạo đời xưa. Nếu làm ơn trước mà để oán sau, thì việc cất quân ấy chẳng là trái lắm sao? Huống chi Nặc Nguyên phản anh giữ nước, tội không kể xiết. Bản quốc cùng với Xiêm vương sở dĩ làm ơn để đó, là nghĩ nó còn trẻ, muốn cho đổi lỗi mà thôi. Nay Nặc Chấn đã biết ơn Xiêm vương khoan tha thì Nặc Nguyên há chẳng nghĩ đến ơn bản quốc dung thứ sao mà còn cứ chấp mé một đường như thế? Thử nghĩ xem, kẻ giặc đã bị thiên hạ đều muốn giết thì còn trốn vào nước nào được? Người Xiêm nhận được thư cả sợ, tức thì sai tướng lui quân đến Bắc-tâm-bôn mà sai

Nặc Nguyên viết thư nói tình anh em để tạ Nặc Chấn. Nhưng cuối cùng Nguyên chưa chịu về nước.

Vua lại thấy nước Phiên mới yên, kho tàng trống rỗng, cho Nặc Chấn 3.500 lạng bạc, 5.000 quan tiền và 10.000 hộc thóc. Nặc Chấn cùng với người trong nước dâng biểu tạ ơn. Quân ta đắp thành Nam-vang và thành Lô-yêm, xây đài An-biên (ở đất Qui-chàng-oa), trên đài dựng nhà Nhu-viên để làm nơi Phiên vương bái vọng.

Sửa đền thờ khai quốc công thần Nguyễn Hữu Kinh. (Đền ở Nam-vang; trước kia Nguyễn Hữu Kinh đi kinh lược Chân-lạp đóng quân ở đấy; sau khi chết dân Chân-lạp làm đền thờ ngay đấy, gọi là đền Lễ công).

Tha thuế thân năm nay cho hương binh ở bốn trấn Gia-định theo việc quân ở La-bích. (Dân đồn điền cũng được tha thóc sưu).

Chế hai thứ cân là cân bình thiên và cân trung bình. Phạm các hóa hạng đồng thiếc kềm sắt thì dùng cân bình thiên, vàng bạc thì dùng cân trung bình.

Tháng 5 ngày ất hợi, yết lăng Thụy-khánh.

Ngày mậu dần xa giá đi tuần Quảng-nam. Sai bọn Phạm Văn Nhân, Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Văn Khiêm, Trịnh Hoài Đức ở lại giữ kinh thành; phạm những chương sớ của các địa phương từ Quảng-trị ra Bắc đến Kinh thì phải chuyển đệ đến hành tại.

Ngày tân tỵ đến Đà-nẵng, xem đài Điện-bái.

Ngày ất dậu, sai quan yết lăng Vĩnh-diễn và lăng Vĩnh-diên.

Phát các quân vét sông Hà-thân, thưởng cho 3.000 quan tiền.

Ngày tân mảo, xa giá trở về.
 Dựng đài hỏa hiệu ở núi Chu-mãi và núi Quy-sơn.
 Khởi phục Nguyễn Văn Như làm án thủ cửa biển Đà-nẵng, sai đốc các quân đóng 35 chiếc thuyền sam bản.
 Cho quân và thợ 1.900 quan tiền.

Lấy thêm sự Công bộ là Trần Ngọc Quán làm cai bạ Quảng-đức, thêm sự Hình bộ là Nguyễn Văn Quang làm cai bạ Quảng-bình, thêm sự Lại bộ là Ngô Lương Uyển làm cai bạ Bình-hóa, thêm sự Hộ bộ là Nguyễn Văn Diên làm ký lục Biên-hóa. Diên đến nơi thì chết.

Lấy thêm sự Công bộ là Lê Đắc Tần làm ký lục Quảng-trị (Tần trước bị biếm, khởi phục làm thêm sự).

Kho Hải-dương cháy, cháy mất hơn 2.000 hộc thóc.
 Quan Bắc-thành tâu xin bắt tội trấn thủ Trần Công Hiến và bắt bồi thường. Vua nói: « Công Hiến không biết giữ lửa tội đáng phạt, phạt ba con trâu và tha bồi thường ». (Từ trước lệ bổng của quan viên chưa định, ai bị tội đáng phạt thì phạt 3 trâu hay 5 trâu, mỗi con trâu nộp thay 5 quan tiền).

Đô thống chế lãnh đốc trấn Thanh-hoa là Tôn thất Chương ốm, xin giải chức về Kinh điều trị. Vua y cho. Lấy đô thống chế Trung dinh quân Thần sách là Trần Công Lại lãnh trấn thủ Thanh-hoa.

Lấy chương cơ Nguyễn Văn Soạn làm phó đô thống chế Trung dinh quân Thần sách di thú Thanh-hoa.

Sai phó vệ úy vệ Hữu nhất Thị trung là Nguyễn Văn Nguyệt làm án thủ Trấn-hải đài.

Tháng 6, lấy cai cơ Thủy quân là Nguyễn Văn Phong làm quản cơ cơ Trung dực, Bùi Văn Tâm và Lê Văn Quang làm chánh phó quản cơ cơ Tiền dực, Trần Hữu

Thìn và Trương Văn Tại làm chánh phó quản cơ cơ Tả dực, Hoàng Văn Ung và Vũ Văn Đoan làm chánh phó quản cơ cơ Hữu dực, Võ Văn Hoán và Nguyễn Văn Thuận làm chánh phó quản cơ cơ Hậu dực, cai cơ Tả quân là Lê Trọng Ngữ làm phó quản cơ cơ Trung kiên, Phan Long Văn làm phó quản cơ cơ Tả kiên.

Vua nghĩ tới những binh ở Thanh Nghệ và Bắc-thành đi thú ở Gia-định, đường sá xa xôi, hạ lệnh cho thành trấn thu lấy số tiền phụ dưỡng và tiền quần áo của các xã dân đem nộp kho, mà sai Gia-định phát tiền kho ra để cấp cho binh.

Thỏ phi ở Nghệ-an cướp bóc các huyện Quỳnh-lưu, Đông-thành, Nam - dương, Thanh - chương, La - sơn, Hương-sơn ; quân phủ Đức-quang là Nguyễn Văn Tuấn đánh bị chết. Trấn thủ Hoàng Việt Toàn đem quân đuổi bắt, giặc trốn sang Vạn-tượng. Việt Toàn gửi thư khiến [Vạn-tượng] giữ nơi hiểm yếu để ngăn chặn, thế giặc càng nguy. Quan quân bắt được và chém chết rất nhiều. Việc tâu lên. Vua xuống chiếu rằng : « Bọn tiểu dân đói rét, đến nỗi lữ chân, cũng như chim đến lúc cùng thì mổ, thú đến lúc cùng thì vồ. Nay không nên đuổi đánh tới cùng, chỉ nên phòng bị nghiêm ngặt, đừng để nó lan rộng ra mà làm khổ cho trăm họ thôi ». Nhân dụ cho Vạn-tượng bãi binh, và hậu thưởng cho. Truy tặng Văn Tuấn làm cai cơ. Lấy vệ úy vệ Tương võ là Phan Bá Phụng làm quân phủ Đức-quang.

Ngày quý sửu, vua yết lăng Thụy-thánh.

Sửa điện Khôn-nguyên ; thưởng cho biên binh 3.000 quan tiền.

Truy cấp cho Chương cơ Vọng-các là Nguyễn Văn Bình 7 người mộ phu.

Cho bốn quân lính theo đi Vọng-các làm đội trưởng, cấp bổng như lệ.

Lấy trợ giáo Hoài-đức là Trần Trọng Huyền làm đốc học Sơn-nam hạ, hương cống đời Lê là Trần Khởi làm trợ giáo Hoài-đức.

Lấy cai đội Thủy quân là Nguyễn Văn Sách làm phó quản cơ cơ Kiên chu,

Người Thanh đưa giải tên giặc trốn ở Tuyên-quang là Hoàng Văn Thái về Bắc-thành. Thái chết giữa đường, đồ đảng đều bị giết. Trước kia Thái họp đảng đánh cướp ở vùng Tu-long và Thủy-vĩ. Bắc-thành đem quân tiêu bắt. Thái cùng đường phải trốn sang Vân-nam. Đồ đảng là người Thanh bọn Trương Thế-nguyên, Trương Lão-mục, Trương Lão-nhị đều bị quan quân bắt được. Vua sai thành thần trả bọn giặc bị bắt ấy cho nước Thanh và đòi bắt tên Thái đưa về để trị tội. Đến nay Thái cùng đồ đảng bị quân nước Thanh bắt hết đưa về Nam quan, giao cho thành thần xét tội giết đi.

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ

QUYỀN XLVII

THỰC LỤC VỀ THẾ TỒ CAO HOÀNG ĐỀ

Quý dậu, Gia-long năm thứ 12 [1813], mùa thu, tháng 7, ngày mồng 1, tế thu hưởng.

Bắt đầu mở khoa thi Hương từ Quảng-binh trở vào Nam. Sai tham tri Hình bộ là Phạm Như Đăng sung đề điệu trường Quảng-đức, Thị trung học sĩ là Võ Trinh sung giám thi, tham tri Lễ bộ là Lê Chính Lộ sung đề điệu trường Gia-định, cai bạ Binh-hòa là Ngô Lương Uyển sung giám thi. Lấy đỗ hương cống 17 người.

Trường Quảng - đức : Hoàng Văn Đản, Nguyễn Bá Thịnh, Hoàng Quốc Điều, Nguyễn Lý Hào, Phạm Đình Thuận, Nguyễn Văn Thuyên, Lê Văn Đức, Đặng Văn Hòa, Trần Văn Tú, cộng 9 người.

Trường Gia - định : Nguyễn Bảo Bang, Nguyễn Chi Thành, Lưu Bảo Tam, Đoàn Trọng Quynh, Trần Văn Hương, Lê Văn Thịnh, Nguyễn Tiến Bách, Phạm Vĩnh Thế, cộng 8 người.

Sửa Mục-thanh các ở Thái miếu và hai nhà tả hữu vu thờ các vị tông tự. Sai đô thống chế Tống Phước Lương và tham tri Nguyễn Đức Huyền trông coi công việc.

Chế thêm đồ thờ ở Thái miếu.

Dồn ba đội Trung cần, năm đội Nội cần, hai đội Nội sai ở quân Thị nội làm vệ Trung cần Thị nội, chín đội Thị trà làm vệ Thị trà Thị nội, mười đội Tiều sai làm vệ Trung tin Thị nội.

Lấy phó vệ úy vệ Trung nhị Thị trung là Đỗ Quý làm vệ úy vệ Trung cần thuộc nội cai đội là Bùi Văn Phụng làm phó vệ úy, phó vệ úy vệ Hậu nhất Thị trung là Phạm Văn Dật làm vệ úy vệ Thị trà, thuộc nội cai đội là Nguyễn Văn Trọng làm phó vệ úy, chánh đội trưởng Trần Kiêm Nhân làm thuộc nội cai đội thự phó vệ úy vệ Trung tin.

Lấy phó vệ úy vệ Nội trực Thị nội là Mai Văn Thành làm vệ úy, thuộc nội cai đội là Nguyễn Văn Lượng làm phó vệ úy.

Dời phủ lý Anh-dò trấn Nghệ-an đến Nam-đường (trước ở huyện Hưng-nguyên).

Hiệp trấn Thái-nguyên là Lê Viết An, hiệp trấn Tuyên-quang là Bùi Công Kim vì ốm xin nghỉ. Lấy cựu cai bạ Phú-yên là Trần Đình Trung làm hiệp trấn Thái-nguyên, thêm sự Lại bộ là Ngô Vị làm hiệp trấn Tuyên-quang.

Lấy cựu tham hiệp Sơn-nam hạ là Trần Văn Lộc làm hiệp trấn Hưng-hóa, tham luận đạo Đông-khâu là Lê Tiến Phúc làm tham hiệp Thái-nguyên, Đông các học sĩ là Trần Hựu làm tham hiệp Lạng-sơn.

Hai thành Nam-vang và Lô-yêm đắp xong. Chiếu cho Lê Văn Duyệt rút quân về, lưu Nguyễn Văn Thụy lấy hơn 1.000 quân đóng giữ thành Nam-vang, bảo hộ nước Chân-lạp. Trước đây quân Xiêm đã rút lui, nhưng sợ ta tiến đánh, vẫn đóng quân lại ở Bắc-tâm-bôn. Vua

muốn giải mối ngờ, bèn sai rút quân ta về. Quân Xiêm nghe tin cũng rút về.

Triệu-bồn-nha Xa-kê nước Chân-lạp từ Xiêm trốn về Nguyễn Văn Thụy đem việc tâu lên. Vua nói : « Xa-kê trước kia theo Nặc Nguyên làm phản, nay hoặc nhớ đất nước mà trốn về, hay vì kẻ khác mà về do thám cũng chưa biết chừng ». Bèn bảo Phiên vương khéo léo phủ úy, rồi viết thư chiêu dụ Nặc Nguyên cho Xa-kê đem đi, để xem ý tứ ra sao.

Tháng 8, lấy Lê Đồng Lý và Phan Huy Thực sung Hàn lâm viện, hai người có văn học, do Phạm Đăng Hưng tiến cử.

Thả cho những biên binh ở Thanh Nghệ, Bắc-thành và Thanh-bình ứng triệu [vào Kinh] trở về. Thưởng cho lương tiền theo thứ bậc. (Quan thi thưởng tiền gạo lương 3 tháng, lính thi thưởng 5 quan tiền 5 phương gạo).

Nước Chân-lạp dâng 88 thớt voi.

Vua cho rằng nước ấy bắt đầu xây dựng lại, kho tàng thiếu hụt, sai thành thần Gia-định lấy bạc kho trả đúng giá. (Voi cao 6 thước trở lên là hạng nhất, trả 50 lạng bạc, cao 5 thước 3 tấc là hạng nhì, trả 40 lạng bạc, cao 4 thước 4 tấc trở lên là hạng ba, trả 30 lạng).

Khâm sai đô thống chế Hữu dinh quân Thần sách là Tôn thất Chương chết, tặng Chương dinh, thụy là Võ tiết, cho tiền 500 quan, gạo 300 phương, sai quan dụ tế.

Sai bộ Hộ hội làm sổ tổng kê số tiền bạc ở kho tàng các trấn đạo từ Bình-hòa đến Bắc-thành. (Số tiền là 1.203.532 quan, số bạc là 180.222 lạng, số thóc là 6.847.687 phương).

Tháng 9, ngày đình sừ, làm lễ đại tường ở cung Trường-thọ. Vua mặc đàm phục làm lễ (đội luyện phục (1), mặc đàm phục (2), đội mũ võ tú tài bằng sa thâm, áo trắng vạt bằng sa thâm, trong lót lụa trắng, xiêm trắng không viền, tất màu lam, giày đen). Làm lễ xong, bộ Lễ dâng sớ nói: «Hiếu Khang hoàng hậu đức sánh với đức, sinh ra thánh cung, cứu giúp nhân dân, làm lợi Xã Tắc, nên điều trung hiếu không gì lớn hơn của bề hạ, đề công đức không bao giờ hết về đời sau, chẳng những có công với Hiếu Khang hoàng đế, mà còn có công với tổ tiên, có công với trăm họ. Kinh Thi nói: «Duy có đức mẹ, sánh cùng đức cha, như trời rộng không cùng». Xin sau lễ Đàm, kính rước thần chủ phối thờ ở Nễ cung (3)». Sớ tâu lên, vua bảo được.

Vua lại hỏi bộ Lễ rằng: «Sau khi tiến thờ ở miếu rồi, như gặp ngày kỵ thi tế như thế nào?». Bộ thần tâu rằng: «Lễ ở Thái miếu, gặp ngày kỵ các vua và các hoàng hậu, đều theo chiếu mục rước thần chủ ra đặt ở tế sở tả hữu để làm lễ. Duy ngày kỵ Thái tổ và hoàng hậu thì vẫn làm lễ ở miếu, để tỏ rõ Thái tổ là độc tôn. Nay Hiếu Khang hoàng đế đã có miếu thờ riêng, miếu đã có miếu riêng, thì tôn cũng phải tôn riêng. Trộm nghĩ Hiếu Khang hoàng hậu sau khi đã rước lên thờ ở miếu, thì lễ cũng được tôn như vậy. Vậy khi tế ngày kỵ, xin cứ tế ở miếu». Vua cho là phải.

Trần thủ Thanh-hoa là Trần Công Lại tâu xin mộ dân ngoại tịch lập làm hai đội Võ dực nhất và nhị. Vua y

1. Luyện phục: Mũ áo tiểu tường bằng lụa phiến trắng.
 2. Đàm phục: Mũ áo đại tường.
 3. Nễ cung: Miếu của cha vua, tức Hiếu Khang hoàng đế.

cho. Hạ lệnh phàm là người quê ở châu Bồ-chính nội thuộc Quảng-bình trở vào Nam thi cấp cho lương tháng.

Lấy thuộc nội cai đội là Nguyễn Văn Cận làm phó vệ úy vệ Long võ quân Thần sách.

Tha tội chết cho Đặng Trần Thương và Nguyễn Gia Cát. Vua xét danh sách thu thăm (1), nghĩ thương bọn Đặng Trần Thương có công, tha cho. Xóa tên trong quan tịch, cho ở Kinh.

Lấy ký lục quân Nội đồ gia là Trần Công Đán làm tả tham tri Binh bộ, hiệp cùng Nguyễn Văn Thụy bảo hộ Chân-lạp. Đán bệ từ. Vua dụ rằng: « Chân-lạp là nước phên giậu của ta, nay nước ấy mới yên, nhân dân chưa tu tập, cho nên sai bọn người sang bảo hộ. Bọn người nên thể tất đức ý của triều đình, đừng tham tiền của, đừng dùng kẻ gian, đừng bóc lột dân Man, đừng quấy rối biên cương. Người đi đi, chớ trái mệnh ta ».

Lấy cựu khâm sai chưởng cơ phó dinh dinh Hậu thủy là Nguyễn Thụy lãnh trấn thủ Định-tương.

Lấy cai cơ Nguyễn Văn Khoa quản thủ đạo Đông-khâu, Nguyễn Văn Châu quản thủ đạo Hưng-phúc, Phạm Văn Ưông quản thủ đạo Trấn-giang, Trương Phúc Quyền quản thủ ba đạo Tân-châu, Chiến-sai, Hùng-ngự.

Tha 1.000 quan tiền thiếu thuế cho Phú-xuân.

Quảng-ngãi và Bình-dịnh lụt, lúa mạ ngập mất. Sai trấn thần lấy thóc kho ra phát chẩn. Lại cấp cho thóc giống để dân gieo mạ.

Lấy ký lục Quảng-bình là Hoàng Văn Diễn quản Nội đồ gia, thêm sự Hình bộ là Hồ Công Thuận làm ký lục Quảng-bình.

1. Thu thăm : Kỳ xét những trọng án vào mùa thu.

Lấy thêm sự Hộ bộ là Nguyễn Khoa Minh làm ký lục Quảng-đức.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, tế đông hương.

Sai tham tri Hình bộ lãnh hiệp trấn Thanh-hoa là Nguyễn Hoài Quỳnh sung đề điệu trường thi Thăng-long, hiệp trấn Lạng-sơn là Lê Duy Đản sung giám thi, tham tri Hộ bộ là Nguyễn Đình Đức sung đề điệu trường thi Sơn-nam thượng, thị trung học sĩ là Phạm Thích sung giám thi. Lấy đồ hương cống 44 người. Trường Thăng-long: Nguyễn Đình Cấp, Ngô Trọng Tân, Đỗ Tuấn Đại, Nguyễn Siêu, Nguyễn Văn Ân, Nguyễn Mậu Chiêu, Nghiêm Thế Nghĩa, Nguyễn Văn Lệ, Lê Đạo Quảng, Nguyễn Danh Bích, Ngô Hữu Bát, Lê Trần Thanh, Nguyễn Chí, Võ Đình Duệ, Nguyễn Chí Quảng, Lê Quốc Tá, cộng 16 người. Trường Sơn-nam thượng: Nguyễn Đình Võ, Nguyễn Đăng Sĩ, Hoàng Khắc Sĩ, Nguyễn Duy, Nguyễn Huy Diễm, Đặng Cử, Đỗ Tuấn Tú, Nguyễn Viết Điều, Phạm Thế Mỹ, Võ Tự, Nguyễn Huy Chuẩn, Trương Cam Triêm, Dương thế Thịnh, Đoàn Xuân Sáng, Võ Đình Bách, Võ Huy Nhất, Trần Thế Nho, Nguyễn Trân, Nguyễn Quốc Dao, Ngô Hiền Doãn, Lê Vi Quang, Nguyễn Sĩ Bằng, Bùi Tuấn Tuyền, Nguyễn Đình Chu, Nguyễn Võ Ngọc, Nguyễn Trọng Chu, Nguyễn Xuân Tháp, Đặng Dung Bảo, cộng 28 người.

Nước Chân-lạp sai bọn Tham-dịch Triệu-bồn-nha và Ốc-nha Thu-my dâng biểu đến tạ. Nhân xin ban cho triều phục. Vua giao cho triều đình bàn. Đều nói triều phục của Phiên vương nên coi như ở trên nhất phẩm. Bèn sai Nội đồ gia chế áo măng bào hồng và mũ đai để cho. Lại cho Phan Hữu Trí làm cai đội, theo Phiên vương để phiên dịch tiếng Phiên.

Hạ lệnh cho Gia-dịnh xem đo đất Chân-lạp, đặt ba đường trạm: một từ sông Cam-bà đến Xi-khê đạo Quang-hóa, hai từ Trang-tân đến Thạch-yền, ba từ thành Lô-yêm đến Chế-lăng. Lấy dân Phiên sửa đắp, cứ 4.000 trượng đặt một nhà trạm, mỗi trạm 50 người phu trạm để thông báo việc ngoài biên. (Trang-tân, Thạch-yền, Chế-lăng đều là tên đất).

Đặt khóa lệ cho chủ thủ Nội Ngoại đồ gia. Các kho 18 người thì chủ thủ, câu kê, cai hợp đều 2 người, lấy người ở ty Lệnh sử các nha sung bổ, ba năm đổi một lần, người nào không xâm phạm của kho thì được ghi tên lục dụng.

Lại thu thuế nguồn ở Quảng-ngãi. Trấn thần cho rằng bọn ác man đã êm, xin bỏ lệ cấm thông thương mà thu lấy thuế. Vua y cho.

Lấy Dương Công Chính làm cai đội đội Thông ngôn, Trần Văn Hóa, Bùi Văn Viết làm đội trưởng.

Định số nhân viên cho ty Lệnh sử sáu bộ: Câu kê, cai hợp đều 3 người, thủ hợp đều 4 người, do bộ thần chọn cử sung bổ.

Hiệp tổng trấn Gia-dịnh là Ngô Nhân Tĩnh chết. Nhân Tĩnh trước sang Chân-lạp, có người nói Tĩnh nhận riêng của nước Phiên. Văn Duyệt đem việc tâu. Vua nói: «Việc không có chứng cứ, hãy để đó». Nhân Tĩnh nghĩ không yên lòng, thường tự than rằng: «Vẽ rắn thêm chân, ai khiến ta mang cái oan không bày tỏ được!» Đến nay ốm chết. Trịnh Hoài Đức tâu xin truy tặng. Vua không cho.

Lấy Trấn thủ Sơn-nam thượng là Nguyễn Xuân làm chánh quản thập cơ Chấn Định ở Trung quân, chương

cơ Chánh thống Hậu đồn Trung quân là Lê Công Lý lãnh trấn thủ Sơn-nam thượng.

Lấy đốc học Hoài-đức là Trần Toàn làm Đông các học sĩ, Hàn lâm viện là Ngô Huy Viên, Nguyễn Hữu Nghị, Nguyễn Thận Ngón, tri phủ Quốc-oai là Nguyễn Huy Trinh làm thêm sự Hình bộ, cai hợp quân Chấn võ là Nguyễn Văn Hưng làm thêm sự Lại bộ.

Lấy Võ Hành, Nguyễn Chuẩn, Nguyễn Thăng sung Hàn lâm viện.

Lấy khám sai cai cơ Nguyễn Văn Thông làm quản cơ cơ Tả chấn Trung quân.

Đúc súng quá sơn, kén 30 người thợ rèn bỏ vào đội Thạch cơ.

Người Bình-dịnh bắt được ấn đồng cồ, mặt khắc chữ «Phù-ly huyện ấn» (1), lưng khắc chữ «Hồng-đức thập tam niên tạo» (2). Trấn thần đem dâng. Vua sai cất vào kho.

Dân xiêu giạt ở Thanh-hoa phần nhiều đã trở về. Trấn thần xin đòi linh trồn. Vua nói: «Dân mới yên hợp, đời sống chưa được như cũ, sao đã vội điềm làm linh?». Không cho.

Tháng 11, ngày ất sừu, tế Đám (3) ở cung Trường-thọ. Vua thân đến làm lễ.

Ngày ất hợi, rước thần chủ lên phủ vào miếu Hoàng khảo.

Giảm bớt cơ Cường tượng ở Tượng quận, đem linh cơ ấy sung vào cơ Dũng tượng để đóng thú ở Nghệ-an.

1. Phù-ly huyện ấn : Ấn huyện Phù-ly.

2. Hồng-đức thập tam niên tạo : Đúc năm Hồng-đức thứ 13.

3. Tế Đám : Tế hết tang.

Lấy quân cơ cơ Cường tượng là Nguyễn Văn Toán làm vệ úy vệ Thị tượng tam, phó quân cơ Hoàng Văn Uy làm quân cơ cơ Dũng tượng, cai đội Trần Hữu Điền làm quân cơ cơ Tả hùng tượng.

Định lệ cấp lính cơ lệ theo các quân quân ở Bắc-thành: chánh quân thập cơ 10 người, phó quân thập cơ 6 người, quân cơ 4 người, phó quân cơ 2 người, cai đội 1 người. Ai bắt lính làm việc riêng và thả riêng cho lính về nghỉ thì trị theo quân pháp.

Người học trò ở Bắc-thành (thiếu họ tên) dâng thư nói rằng hai xứ Ninh-biên và Trấn-ninh đất đai rất rộng, cùng với Chân-lạp và Xiêm-la tiếp giáp, xin sai quan đại thần đóng giữ võ yên, dần dần xem tình thế nếu kẻ kia gây hấn thì nên ước cùng Diển-điện giáp đánh, đó là dùng Man Di để đánh Man Di vậy.

Vua dụ rằng: « Nước ta với nước Xiêm-la có nghĩa láng giềng đã lâu, Chân-lạp thì là nước phiên thần của ta, chưa làm việc gì thất lễ, há nên gây hấn ngoài biên? Còn Diển-điện thì tục hung tợn, không thể thông hiếu được. Người là thư sinh có học thuật, nên do đường khoa mục để tiến thân, đừng nói can vào việc biên giới mà mắc vào tội lệ ». Rồi yên ủi cho về.

Cho khám sai cai cơ là Tôn thất Huyền làm lưu thủ sung chánh sứ, cai đội Nguyễn Văn Đường và Mạc Công Du sung giáp ất phó sứ, đem việc hết quốc tang báo cho nước Xiêm. (Tặng phật vương 2 cân quế, 50 tấm lụa vàng, 40 tấm sa, 200 tấm lụa trắng, đường phôi, đường phèn đều 500 cân, 2.000 cân đường cát, 16 tảng đá xanh, cho vua thứ hai 1 cân quế, 25 tấm lụa vàng, 25 tấm sa, 100 tấm lụa trắng, đường phôi, đường phèn đều 300

cân, 1.000 cân đường cát). Sai Gia-định cấp cho Công Du 100 quan tiền.

Miễn dao dịch cho hộ Thái hương ở Bình-định. (Hộ Thái hương thuộc huyện Tuy-viên, mỗi năm nộp kỳ nam mỗi người 3 lạng, dao dịch đều miễn. Năm Gia-long thứ 5, bắt đầu kén dân các hộ ấy bổ làm lính vệ Hùng cự, dân còn lại phải chịu dao dịch, đến nay lại miễn tạp dao cho dân ấy mà bắt mỗi năm mỗi người nộp 1 lạng rưỡi kỳ nam, không có kỳ nam thì nộp thay bằng trăm hương mỗi người 8 lạng).

Hiệp trấn Kinh-bắc là Nguyễn Duy Hòa vì có mẹ già xin về thăm. Vua y cho. Sai thêm sự Hình bộ là Trương Công Vỹ quyền lãnh hiệp trấn Kinh-bắc.

Định điều lệ án thủ Trấn-hải đài, 1) Quan quân đóng giữ mỗi tháng đổi một lần, khám phái một viên quan vệ Thị trung Thị nội hoặc Thần sách vắng lãnh hợp phù lệnh tiên làm quan án thủ đài, quản suất biên binh đương thứ đến đóng giữ. Viên án thủ trước xét nghiệm rõ ràng mới giao thay việc, rồi đem sổ biên binh phái trước cùng phù tiên cấp trước về Kinh phục mệnh. 2) Đổi phái biên binh hàng năm cứ từ ngày 1 tháng 4 đến cuối tháng 7, mỗi tháng 250 người quân Thị trung, Thị nội, Thần sách, 50 người các đội Trung hầu, Chấn uy, 10 người các đội Nội hầu, Tiều sai, cộng 310 người; từ mồng 1 tháng 8 đến cuối tháng 3 năm sau, mỗi tháng 80 người quân Thị trung, Thị nội, Thần sách, 20 người các đội Trung hầu, Chấn uy, 5 người các đội Nội hầu, Tiều sai, cộng là 105 người. 3) Quân Thị nội có đem long bài đến truyền báo thì cần phải xét nhận kỹ lưỡng. 4) Ở mặt quách ngoài của đài, quân dân

không được đi lại, làm trái, ở ngoài cửa đài thì đánh 30 roi, đến cửa đài thì đánh 50 roi. Nếu khi ngoài khơi có báo động, không có lệnh truyền báo mà đi chạy ở ngoài quách thì đánh 100 trượng; thiện tiện đến cửa đài thì trị theo quân pháp. 5) Súng đạn ở trong đài thường phải kiểm soát luôn. 6) Cột cờ thì hàng năm cứ đến ngày rằm tháng 7 rút thấp xuống một tầng, đến sau ngày đông chí tháng 11 lại dựng lên như trước. Dây treo cờ có mục nát thì bắt dân làm dây khác. 7) Ở trong ngoài đài hoặc có nứt lở, nhẹ thì sai quân sửa chữa, nặng thì tâu lên. 8) Tán thủ Thuận-an có tin báo về việc ngoài biển [về người Tây dương], hoặc thấy hiệu lửa ở đài hỏa hiệu Qui-sơn cửa biển Tư-dung, tức thì một mặt sắp quân phòng bị, một mặt phái người chạy tâu. 9) Đầu bến đò Thai-dương phải sức bắt thuyền dân sớ tại ừng trực cho tiện quan quân đi lại. 10) Long bài và hợp phù đều làm bằng ngà, long bài thân dài 1 tấc 1 phân, đuôi 9 phân 9 ly, mặt 8 phân 5 ly, dày 1 phân, một mặt chạm rồng, một mặt khắc ba chữ « Trấn hải đài »; hợp phù thì dài 1 tấc 6 phân, mặt 4 phân, dày 2 phân 2 ly, một mặt chạm rồng, một mặt khắc hai chữ « Hợp phù »; chữ đều tô sơn đỏ.

Phó quản thập cơ Hùng Dũng của Hữu quân ở Bắc-thành là Nguyễn Văn Khánh lấy lạm tiền của quân 300 quan. Việc phát. Hạ lệnh chém. Chương cơ chánh quản thập cơ là Nguyễn Văn Hưng vì tư vị bị giáng làm cai cơ. Xuống chiếu dụ thành thần rằng: « Quân là nanh vuốt của nước, tướng là đầu mục của quân, ngày thường vì biết yêu nhau thì lúc có việc có thể giúp nhau, chẳng phải là chỉ yêu người, thực là yêu mình vậy. Nguyễn Văn Khánh tham lam làm bậy, vương phải lưới phép,

nòi ác không thể dễ sống, pháp luật không thể dung gian. Vậy bảo cho bọn quan quân các người coi đấy mà răn mình. Từ đấy ở thành phạm gặp việc gì cần dùng vật liệu thì cho lấy tiền kho để chi. Quản suất dám nhân việc công để thu bỏ thì lấy quân luật trị tội, cấp trên cũng bị liên can».

Quản Trung hầu Tiều sai quân Thị nội là Võ Viết Bào, mộ được 66 người ngoại tịch ở Quảng-nam, xin lập làm đội Trung thẳng, theo dinh thần thao luyện nghề bắn súng. Vua y cho.

Tháng 12, ngày mậu thân, yết lăng.

Ngày kỷ dậu, tế Chạp.

Đồ thống chế Thị trung là Nguyễn Văn Khiêm ốm. Sai Trương Phúc Đặng quyền lãnh mười vệ Thị trung. Dụ rằng: «Quy chế cấm binh, ở thi triều nghi, đi thi pháp giá, việc có chuyên trách thì mới chỉnh tề. Người nên kính vâng sức răn binh sĩ, coi giữ kinh thành, sao cho chu tất để xứng với việc ủy nhiệm. Đợi khi Văn Khiêm khỏi, sẽ cung chức như cũ».

Định lệ thuộc binh ở các phủ đệ. Vua nghe con em nhà giàu ở các dinh trấn có nhiều người xin vào làm thuộc binh ở phủ để tránh đao dịch, kén lính thiếu người, xã dân phải đem những cùng dinh sung cấp, nhân bảo các quan hầu rằng: «Nhà nước kén binh đã có quy chế nhất định. Nếu để người giàu được miễn, người nghèo chịu riêng, đâu phải là thể thống làm chính trị». Bèn sắc định rằng hoàng tử hoàng tôn đã ra ở phủ riêng thì cho thuộc binh 200 người, chưa ra ở phủ riêng thì thuộc binh 150 người, công chúa thì thuộc binh 50 người, thừa ra bắt trả về sổ dân.

Cai bạ Bình-hòa là Ngô Lương Uyên chết; lấy điền quân Trung quân là Trương Công Trinh làm cai bạ Bình-hòa.

Tả tham tri Binh bộ là Nguyễn Quang Diệu vì già yếu xin nghỉ việc. Vua y cho.

Lấy thượng thư Lễ bộ là Trịnh Hoài Đức làm thượng thư Lại bộ, tham tri Lại bộ là Phạm Đăng Hưng làm thượng thư Lễ bộ, tham tri Hình bộ là Nguyễn Đăng Hựu làm thượng thư Binh bộ, tham tri Hình bộ là Phạm Như Đăng lại làm thượng thư Hình bộ, ký lục Phiên-an là Phạm Quang Triệt làm tả tham tri Lại bộ, tham tri Lễ bộ là Lê Chính Lộ và cai bạ Quảng-nam là Trần Văn Tuấn đều làm hữu tham tri, ký lục quân Đồ gia là Hoàng Văn Diễn làm tả tham tri Hộ bộ, hiệp trấn Sơn-nam hạ là Nguyễn Công Tiếp làm hữu tham tri, ký lục Định-tường là Trần Quang Tĩnh làm tả tham tri Lễ bộ, hiệp trấn Hà-tiên là Bùi Đức Mân làm hữu tham tri, cai bạ Binh-định là Nguyễn Tăng Địch làm hữu tham tri Binh bộ, ký lục Quảng-ngãi là Võ Văn Doãn làm tả tham tri Hình bộ, Thị trung học sĩ là Võ Trinh và cai bạ Vĩnh-thanh là Nguyễn Xuân Thục đều làm hữu tham tri, cai bạ Đồ gia là Phan Tiến Cần và cai bạ Quảng-trị là Đoàn Viết Nguyên đều làm hữu tham tri Công bộ; Tiến Cần vẫn quản Đồ gia.

Lấy Hàn lâm viện Nguyễn Cư Tuấn làm cai bạ Quảng-trị, Võ Văn Trí làm cai bạ Quảng-nam, tham hiệp Sơn-tây là Võ Xuân Cần làm cai bạ Binh-định, tham hiệp Sơn-nam thượng là Nguyễn Văn Khánh làm cai bạ Vĩnh-thanh, điền quân Trung quân là Lê Chấn làm ký lục Phiên-an, cựu hiệp trấn Sơn-tây là Nguyễn

Thừa Thân làm ký lục Định-tường, giáp phó đốc học Gia-định là Võ Xuân Biền làm ký lục Quảng-nam, tham hiệp Yên-quảng là Lê Văn Nguyễn làm hiệp trấn Hà-tiên, tham hiệp Thanh-hoa là Đinh Văn Nhã làm hiệp trấn Sơn-nam hạ, tham luận quân Thần sách là Trần Đình Anh làm tham hiệp Thanh-hoa, Hàn làm thị thư là Trần Văn Phân làm tham hiệp Sơn-tây, tri phủ Lạng-giang là Trần Chí Thành làm tham hiệp Sơn-nam thượng, tri phủ Tam-đới là Trần Phúc Hiền làm tham hiệp Yên-quảng.

Lấy tham quân quân Thần sách là Hoàng Như Lâm làm cai bạ Phiên-an, ất phó đốc học Gia-định là Hoàng Công Xuân làm cai bạ Biên-hòa, Hàn làm chế cáo là Trần Quang Mân làm giáp phó đốc học Gia-định, Hàn làm viện là Nguyễn Đức Đàm làm ất phó đốc học.

Cai bạ Bình-thuận là Nguyễn Đình Do chết, lấy điền quân Trung quân là Phạm Hưng Nhượng làm cai bạ Bình-thuận.

Vua cùng bầy tôi bàn định lệ bổng cho các quan văn võ, bảo bọn Trịnh Hoài Đức và Nguyễn Hữu Thân rằng: « Trẫm là người giữ của cho thiên hạ, không dám xa phí, nên trên từ mình trẫm, trong đến cung vi, dưới đến hoàng tử hoàng thân, chi dùng đều có tiết độ, không việc gì là không có phép nhất định. Duy lệ cấp bổng cho trăm quan chưa định, nhiều ít không đều, thực chưa đúng nghĩa ban tước chế lộc của người xưa. Vậy các khanh nên thể theo ý ta, chăm chước theo *Đại Thanh tẩn thân lục* mà làm ».

Vua lại dụ bầy tôi rằng: « Khi nhà nước mới khôi phục, quân phí rất rộng, quốc dụng chưa thừa, cho nên

lượng bổng hàng năm của trăm quan đều phải dè dặt. Trăm nghĩ chút lương thưng dẫu, giúp nuôi gia đình là nhờ ở đó, không nở lại bớt đi, nên các bề tôi có phạm lỗi thì chỉ đánh roi thôi. Đó chỉ là thề theo lòng bề tôi mà không phải lễ đãi bề tôi. Xưa kia Tống Thái tổ chẳng đánh đập ở nơi điện bệ, chẳng mắng mỏ đến bực công khanh, Lễ bộ Nguyễn Thái Nguyên thường đem điều ấy nói với trăm, trăm rất đề ý. Nay nếu phân biệt cấp bực cho người ăn nhiều người ăn ít, phạm có tội công thì theo luật mà phạt, ngõ hầu tình lấy lễ mà trọng, pháp lấy ân mà dựng, chẳng cũng tốt lắm sao ». Bầy tôi cúi đầu tạ.

Lấy bọn Cống sĩ viện Hoàng Văn Quyền mười người sung chức trực giảng cho hoàng tử.

Tiết Thiên thu, cho các quan ăn yến ở tả hữu vu điện Cần-chánh.

Thỏ phi ở Hải-dương 300 người hợp ngầm ở Bình-dã (tên xã) huyện Đường-an. Phủ lại là Nguyễn Đức Triệu báo quan vây bắt, chém được 20 đầu giặc. Cho Đức Triệu làm cai hợp, thưởng cho 100 quan tiền.

Thỏ phi ở Hưng-hóa nguy xưng niên hiệu Cần chánh, nổi trộm ở châu Thủy-vĩ. Cai châu Chiêu-tấn là Đèo Quốc Kiêm đem dân thỏ đánh bắt được giết đi. Cho Quốc Kiêm làm chiêu thảo thêm sự, thưởng cho 300 quan tiền.

Bắt đầu đặt bốn tào Hộ Binh Hình Công ở thành Gia-dịnh. Lấy tả tham tri Công bộ là Nguyễn Khắc Thiệu lãnh Công tào kiêm lý Hộ tào, hữu tham tri Hình bộ là Lê Bá Phẩm lãnh Hình tào kiêm lý Binh tào, Hàn lâm thị thư là Nguyễn Công Định làm thêm sự Hộ bộ, Hàn

làm viện Lê Hy làm thêm sự Binh bộ, sung làm công việc hai tào Hộ Binh.

Hạ lệnh cho thành Gia-dịnh mỗi tháng hai lần phái người về Kinh tâu việc. Chép làm lệ thường.

Lấy tham tri Hộ bộ là Nguyễn Đình Đức làm thượng thư Hộ bộ, vẫn lãnh việc Hộ tào Bắc-thành.

Trấn thủ Yên-quảng là Võ Văn Kê về dinh tru; lấy quản cơ cơ Trung thẳng Hậu quân là Lê Văn Tiến làm trấn thủ Yên-quảng.

Hiệp trấn Lạng-sơn là Lê Duy Đản chết; lấy hiệp trấn Tuyên-quang là Ngô Vị làm hiệp trấn Lạng-sơn.

Cho Nguyễn Tường Vân làm hữu tham tri Hộ bộ, vẫn lãnh hiệp trấn Nghệ-an.

Lấy cai đội Ngô Văn Ngụy làm thủ ngự cửa biển Cù-huân.

Gọi 9.500 biên binh ở Thanh Nghệ, Bắc-thành và Thanh-bình về Kinh. (Thanh-hoa 1.200 người, Nghệ-an 2.800 người, Bắc-thành 5.300 người, Thanh-bình 200 người).

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ

QUYỀN XLVIII

THỰC LỤC VỀ THỂ TỒ CAO HOÀNG ĐẾ

Giáp tuất, Gia-long năm thứ 13 [1814] (Thanh Gia-khánh năm thứ 19), mùa xuân, tháng giêng, ngày canh ngọ, tế xuân hưởng.

Chế thêm lễ bộ đại giá. (Kiệu ngự một cái, xe ngọc lộ 5 cái, lồng đèn đỏ 6 cái, phát trần 8 cái, lò hương, hộp hương mỗi thứ 8 cái, tán cán cong 1 cái, tán vàng 34 cái, tán vương 8 cái, lọng vàng 20 cái, quạt vả thêu rồng vàng 24 cái, quạt vương thêu phượng 6 cái, cờ vũ bảo phượng 20 cái, cờ tin phan 4 cái, cờ giáng dẫn phan 4 cái, cờ báo vĩ phan 4 cái, cờ cáo chỉ phan 4 cái, cờ truyền giáo phan 4 cái, gậy đầu rồng có ngù lông 8 cái, búa con có ngù lông 8 cái, qua có ngù lông 8 cái, cờ hoàng my 8 cái, cờ thêu rồng vàng phượng vàng mỗi thứ 2 cái, cờ mặt trời mặt trăng mỗi thứ 1 cái, cờ Bắc đầu 1 cái, cờ nhị thập bát tú mỗi thứ 1 cái, cờ gió, mây, mưa, sấm mỗi thứ 1 cái, cờ Thanh long, Bạch hổ, Chu tước, Huyền vũ mỗi thứ 1 cái, cờ ngũ hành mỗi thứ 1 cái, cờ xuất cảnh, nhập tất mỗi thứ 1 cái, cờ túc tĩnh 2 cái, cờ cửa 8 cái, cờ đi theo chiêng trống mỗi thứ 1 cái, cờ ngũ sắc thêu rồng 24

cái, cờ ngọc tiết 10 cái, cờ mao tiết 30 cái, việt [búa] vàng 16 cái, phủ [riêu] vàng 16 cái, trảo 16 cái, cốt đóa 16 cái, kim ngô trượng 16 cái, ngự trượng 16 cái, giáo đuôi báo 28 cái, voi đóng bánh 11 con, ngựa thặng cương 8 con).

Định cách thưởng thi bắn cho các quân. (Phàm người bắn 3 phát trúng cả, thưởng một cái áo kép vải, một quần trừu nam và 20 quan tiền; 2 phát trúng đích và 1 phát vào khuyên tròn thưởng một cái áo kép vải, một quần sại nam và 15 quan tiền; 1 phát trúng đích, 2 phát trúng vòng tròn, thưởng một cái áo kép vải, một quần sại và 10 quan tiền; 3 phát trúng vòng tròn, thưởng một áo kép vải, một quần sại và 5 quan tiền; 2 phát trúng vòng tròn, thưởng một áo kép vải, một quần sại; 1 phát trúng vòng tròn, thưởng một áo kép vải, một quần vải).

Thồ phi ở Tuyên-quang nguy xưng niên hiệu Thuận-chính, chiêu tập những quân trốn tránh để cướp bóc dân địa phương. Trấn thần phát binh đi bắt được hết đồ đảng. Việc tâu lên, Vua cho rằng dân ngoài biên không biết, bị giặc lừa dụ, hạ lệnh giết kẻ đầu sỏ còn bao nhiêu thì tha hết.

Bộ Lễ tâu rằng: «Tiết Vạn thọ có lệ các thành dinh trấn phải tiến đèn rồng bằng sáp ong, xin cho nộp thay bằng bạc để do Nội đồ gia chế tạo mà tiến». Vua cho là phải.

Huyện Bồng-sơn ở Bình-định lụt to, dân đói. Sai phát thóc kho cho vay.

Sai Thị thư viện soạn bộ *Ngự phê thông giám* của Càn-long nhà Thanh tiến xem.

Hạ lệnh cho Gia-định đồn 5 đội Gia-nghi đề sung bỏ vào năm thuyền Bình, cho năm trấn Phiên-an, Biên-hóa, Vĩnh-thanh, Định-tương, Hà-tiên mộ dân ngoại tịch lập mỗi trấn một thuyền Bình, mỗi thuyền 50 người, Phiên-an là thuyền An binh, Biên-hóa là thuyền Hòa binh, Vĩnh-thanh là thuyền Thanh binh, Định-tương là thuyền Tương binh, Hà-tiên là thuyền Hùng binh.

Lấy cai cơ Vọng-các là Võ Công Tính làm quản thủ đạo Cần-giờ. Công Tính là người Biên-hóa, vì mẹ già xin bỏ ở ngoài cho gần để tiện thăm nuôi. Bèn bỏ cho chức ấy.

Thanh-hoa giặc nổi, cướp bóc các hạt Vĩnh-lộc Yên-định. Trấn thủ Trần Công Lại đem quân đi bắt. Giặc chạy lên miền thượng đạo. Lại mật sai thống lĩnh Hà Công Thái chặn đánh, bắt được bọn giặc hơn 30 người. Việc tâu lên. Vua khen công. Sai thêm sự Hình bộ là Nguyễn Hữu Nghi đem vàng lụa thưởng cho. Rồi triệu Công Thái vào chầu, cho 300 quan tiền.

Lấy hữu tham tri Hình bộ là Võ Danh Trung làm hữu tham tri Lại bộ.

Thỏ phi Cao-bằng là Nông Văn Nho họp đảng sang ăn cướp châu Quy-thuận nước Thanh, quản châu là Bành Dung-ký bắt được, tư giấy cho Bắc-thành hẹn đến cửa ải họp tra. Thành thần đem việc tâu lên. Vua thấy hiệp trấn Hải-dương là Nguyễn Văn Lễ trước làm hiệp trấn Cao-bằng đã hiểu rõ tình hình ngoài biên nên sai đi. Nho và đồ đảng đều bị giết.

Lấy thư ký Đặng Đình Cầm làm thêm sự Hộ bộ sung Hộ tào Bắc-thành.

Đắp thêm thành đất Thanh-bình. Thành Thanh-bình qui mô chật hẹp, quan thự, trại quán và kho tàng ở gần nhau quá, trấn thần Thanh-hoa xin đắp thành rộng thêm bên tả bên hữu đều 15 trượng. Vua y theo. Lại sai đặt thêm 26 người lại dịch ở sáu phòng (ngạch cũ có 34 người).

Hạ lệnh cho các phủ lý ở Bắc-thành đều chiếu theo số binh mà trừ hai tháng lương để chi dùng khi có việc.

Vua lưu ý về nho học, từng bảo thị thần rằng: « Học hiệu là nơi chứa nhân tài, tất phải giáo dục có căn bản thì mới có thể thành tài. Trẫm muốn bắt chước người xưa, đặt nhà học để nuôi học trò, ngõ hầu văn phong dấy lên, hiền tài đều nổi, để cho nhà nước dùng ».

Sai trích tô thuế bốn huyện phủ Đoan-hùng trấn Sơn-tây nộp về Tuyên-quang, tô thuế huyện Thiên-phúc trấn Kinh-bắc nộp về Thái-nguyên. Vì tiền thóc hai trấn ấy hàng năm thu vào không bao nhiêu, thường do Sơn-tây và Kinh-bắc chở cấp cho, đường sá nhọc mệt, nên sai những huyện ở gần nộp về cho tiện.

Lấy phó vệ úy vệ Hữu nhị Thị trung là Thái Ngọc Bạch làm phó vệ úy vệ Tiền nhất, thuộc nội cai đội là Lê Văn Qui làm phó vệ úy vệ Trung nhất, Hoàng Văn Tại làm phó vệ úy vệ Hậu nhất, Lê Văn Hiến làm phó vệ úy vệ Hữu nhị.

Thành thần Gia-định tâu nói: « Thuế săn chim ở đạo Kiên-giang trấn Hà-liên đã bãi bỏ rồi, nay tiểu dân có nhiều người lấy trộm để bán cho thuyền buôn mà kiếm lợi. Vậy xin sai trấn thần ủy dân sở tại giữ lấy, hàng năm phải nộp lông và quạt như số (lông

chim đen 50 bó, quạt lông nhỏ 100 chiếc). Nếu dám mua bán riêng thì có tội ». Vua y cho.

Cho chánh phó vệ úy Thị nội phẩm trật cũng như chánh phó vệ úy Thị trung.

Tháng 2, ngày ất mùi, hoàng hậu Tống thị băng, thọ 54 tuổi. Đặt quan tài ở điện Khôn-nguyên. Vua thương tiếc không người, đội khăn đen mặc áo trắng, ngự ở nhà mật nghị, vời bày tôi dụ rằng: « Vua đề tang hoàng hậu một năm là lễ rất chính. Trẫm ở trong cung đề tang một năm. Còn từ hoàng tử trở xuống thì ban định phép đề tang theo thứ bậc. (Hoàng tử mặc áo vén gấu chống gậy, đề tang 1 năm, ngoài 1 năm dùng tam tang, mặc áo trắng, 15 tháng thì làm lễ Đám; hoàng tôn mặc áo vén gấu, chống gậy đề tang 1 năm, cha còn thì đề tang 1 năm không có gậy; công chúa, trưởng công chúa, cung tần tả hữu, vợ lẽ của hoàng tử hoàng tôn, và những người thân trong năm bậc tang từ tang 9 tháng trở xuống, đều mặc áo vén gấu, đề tang 1 năm, bậc dẫn vẫn thì dùng khăn vải trắng và áo trắng vạt vải trắng mà lạy theo; các quan văn võ từ tam phẩm trở lên thì mặc áo vén gấu đề tang 1 năm, quan tứ lục phẩm trở lên thì mặc áo tang 9 tháng, cửu phẩm trở lên thì mặc áo tang 5 tháng; con trưởng quan nhất phẩm tang 9 tháng, con trưởng quan nhị phẩm tang 5 tháng, con trưởng quan tam phẩm tang 3 tháng; vợ quan tam phẩm trở lên đều đề tang như chồng. Đồ đạc đồ tía cùng âm nhạc hát xướng, quan tam phẩm trở lên cấm 1 năm, quan lục phẩm trở lên cấm 9 tháng, cửu phẩm trở lên cấm 5 tháng, quân dân cấm 3 tháng. Đến như việc giá thú thì từ quan tam phẩm trở lên cấm 3 tháng, lục phẩm trở lên

cấm 2 tháng, cừu phạm trở lên cấm 1 tháng, quân dân cấm 13 ngày. Ở Kinh ngày mồng một và ngày rằm thôi chầu 1 năm. Ở ngoài các thành dinh trấn thi văn y lệ chầu lay).

Ngày canh tuất, lễ thành phục. Vua mặc áo vền gấu đến lay hai lay. Sai hoàng tử dâng cơm tế điện. Trước kia hoàng tử thứ tư mới lên 3 tuổi, vua cho hoàng hậu nuôi làm con mình. Hoàng hậu đòi làm giấy khoán (theo thể tục, phạm nuôi con người làm con mình thì phải có khế khoán quá phòng). Vua sai Lê Văn Duyệt viết giấy đưa cho. Hậu giao cho cung tỳ là Nguyễn Thị Lê cất giữ. Từ đấy hoàng tử thứ tư thường vào chầu ở đại nội, làm con của hoàng hậu, thường gọi là mẹ. Đến khi hoàng cả là Cảnh, hoàng hai là Hy, hoàng ba là Tuấn nối nhau mất, hoàng tử lấy thứ bậc là lớn nhất, duy đòi trước phải trưởng phần nhiều khó nuôi cho nên không muốn gọi là trưởng. Đến nay làm lễ tang hoàng hậu, bầy tôi có người bàn lấy hoàng tôn Đán (con hoàng tử Cảnh, tức là Mỹ Đường) làm chủ tự. Vua dụ rằng: « Hoàng tử từng làm con của hoàng hậu, đã có giấy tờ, nên sai làm chủ tự, việc lớn của nhà nước không nên câu nệ theo lễ dịch tôn thừa trọng như nhà thường ». Nguyễn Văn Thành cho thế thi văn tế khó gọi. Vua bảo rằng: « Con theo mệnh cha đề tế mẹ là việc danh chính ngôn thuận, có gì mà không nên ». Bấy giờ việc bàn mới định. Nguyễn Văn Thành tỏ ý không bằng lòng.

Phó tướng quân Chấn võ là Trần Văn Tín chết.

Lấy cai cơ Thủy quân là Nguyễn Văn Sử làm phó quản cơ Hữu thủy.

Ngày đình mùi, tế Trời Đất ở đàn Nam giao.

Đúc tiền đồng 6 phân hiệu « Gia-long thông-bảo ». Sai cục Bảo tuyền Bắc-thành phỏng theo phép đúc tiền của nước Thanh mà làm. (Chi đồng đỏ 500 cân, kẽm 415 cân, chì 65 cân, thiếc 20 cân).

Thành thần Gia-định tâu nói: « Nay ở thành đã chia tào định cục, việc có chuyên trách, chẳng ví như ngày trước chỉ một người làm. Xin định lấy mỗi tháng sáu ngày (mồng 3, mồng 8, 13, 18, 23, 28), quan lại các tào trong thành đều họp bàn ở công đường. Phạm mọi việc từ tụng văn án ở thành hạt đều đến ngày đó họp bàn xử định. Dân trong hạt có việc kêu kiện thì cũng dầu đơn ở ngày ấy. Làm lệ thường lâu dài ». Vua y cho.

Sai chưởng cơ Phan Văn Quỳnh đem 500 biên binh thuộc Ngũ quân sửa đắp dài Trấn-hải, đô thống chế Tống Phước Lương lấy 500 người dân Quảng-nam sửa đắp dài Điện-hải.

Đời định số viên chức ở hai ty Chiêm hậu và Lương y thuộc các thành dinh trấn. Ty Chiêm hậu ở Gia-định và Bắc-thành đều 44 người, Ty Lương y đạo Thanh-binh và sáu ngoại trấn Bắc-thành đều 5 người.

Tháng 2 nhuận, lấy hữu tham tri Hình bộ là Nguyễn Xuân Thục làm hữu tham tri Binh bộ.

Quảng-đức có dịch. Sai dinh thần lập sở dưỡng tế ở Thế-lại (tên xã) cho người ốm ở, nhà nước cấp cho tiền gạo thuốc thang. Người chết thì cho tiền và vải để chôn (tiền 1 quan, vải 10 thước).

Người Man ở ba động Lạc-hoàn sai sứ đến cống.

Tham hiệp Cao-bằng là Đào Xuân Thử ốm phải nghỉ việc; lấy tri bạ quản Thần sách là Trần Văn Thái làm tham hiệp Cao-bằng.

Các quan thành dinh trấn nghe tin về tang Đại hành hoàng hậu, dâng sớ xin vào viếng. Cho thượng thư Hộ bộ ở Bắc-thành là Nguyễn Đình Đức và cai bạ, ký lục, hiệp trấn, tham hiệp mỗi dinh trấn một người về Kinh dâng hương. Tổng trấn Gia-định là Lê Văn Duyệt lại dâng sớ xin. Vua dụ rằng: « Người đối với nhà nước, nghĩa là vua tôi, ơn như cha con. Nghĩ biên khốn là nơi trọng yếu, lại vì mùa màng thua kém, người nên lưu lại thành mà xếp đặt, để cho trong yên dân thứ, ngoài chặn biên man, đó tức là lấy hiếu làm trung vậy ».

Quốc vương Chân-lạp là Nặc Chấn cũng xin chịu tang, thành thần đem việc tâu lên. Vua khiến đề tâu tang 13 ngày thôi. Nặc Chấn bèn sai sứ đến dâng hương.

Định lệ thuế bách công. Mỗi năm mỗi người nộp 1 quan 5 tiền, vải trắng 2 tấm. Người nào ứng dịch ở Kinh thì miễn.

Miễn dao dịch cho 11 người dân xã An-thành trấn Bình-hòa, sai hàng năm đi lấy kỳ nam về nộp, nếu không có thì nộp thay trăm hương mỗi người 8 lạng.

Sai Gia-định biến các đội thuộc binh ở đồn Uy-viên (270 người) làm năm đội của chi Viên sai.

Tháng 3, lấy Hàn lâm viện Lê Đồng Lý làm thêm sự Lễ bộ.

Từ Thanh Nghệ trở ra Bắc có dịch lớn. Sai quan các trấn lập đàn tế nương.

Lấy tri phủ Quốc-oai là Phạm Tiến Lương làm thêm sự Binh bộ, tri phủ Bắc-hà là Nguyễn Kim Phương làm thêm sự Hình bộ, sung hai tào Binh Hình ở Bắc-thành.

Sai vệ úy Thị trung là Tôn thất Huy, chương cơ Thủy quân là Nguyễn Văn Hạnh quản 40 thuyền để chở sản vật ở Bắc-thành về. Vua dụ Huy rằng: « Công

việc vượt biển, Hạnh vốn thông thạo, người nên tùy việc cùng bàn với nhau, chớ nên trái nhau kẻ buồm người sáo mà làm lỡ chẳng nhỏ ». Đến khi về, vua khen nhanh, thưởng cho biển binh 2.500 quan tiền.

Tha giảm tô thuế năm nay cho các địa phương. Chiếu rằng: « Vương đạo chỉ ở làm ơn huệ, thiên chính trước phải giữ gìn dân. Nay mưa nắng trái thời, dưới sự soi xét, rất thương đời sống của dân. Vậy xem tai hại nhiều ít mà lượng giảm thuế ruộng thuế thân. Gia-định, Quảng-ngãi thì giảm 5 phần 10, Quảng-trị, Quảng-binh, Bình-định thì giảm 3 phần 10, huyện Bồng-sơn giảm 5 phần 10, Quảng-nam, Bình-hòa, Bình-thuận, Thuận-thành, Nghệ-an, Thanh-hoa, Thanh-binh, Bắc-thành thì giảm 2 phần 10 ». Lại thấy Gia-định gạo đắt (gạo một phương giá 7 tiền 15 đồng), sai thành thần lưu số thóc chớ năm nay lại thành để đủ cấp phát.

Cho các trấn Bắc-thành nộp thay thuế thiếu năm ngoài bằng tiền (1 học thóc nộp 6 tiền). Phủ Lạng-giang trấn Kinh-bắc và năm huyện Hạ-hòa, Thanh-ba, Hoa-kê, Lập-thạch, Tam-dương trấn Sơn-tây, thóc tô năm nay đều cho nộp thay bằng tiền (1 học thóc nộp 7 tiền).

Ngày kỷ Hợi, dựng điện Hoàng-nhân. (Ở phía bắc bên ngoài tường Thái miếu. Năm Minh-mệnh thứ 10, đổi tên làm điện Phụng-tiên; năm thứ 18 dời dựng ở phía bắc ngoài tường Thế miếu). Sai vệ úy Trương Phúc Đặng trông coi công việc. Làm hai tháng điện xong. Thưởng cho đốc biện, giám tu và binh thợ hơn 4.000 quan tiền.

Ngày quý Sửu, dựng Thọ lăng ở Thọ-sơn xã Định-môn. Trước đây, Đại hành hoàng hậu băng, vua cùng

đại thần bàn muốn phỏng theo lễ hợp lăng (1) của người xưa, sai Tống Phước Lương và Phạm Như Đăng lãnh chức Sơn lăng sư, khiến cùng Lê Duy Thanh đi xem các núi. Bảy lần bói, chỉ có núi Thu-sơn là tốt. Vua đến xem. Đất ấy vượng khi chung đúc, các núi quanh châu, bảy tới đều cho là đất tốt vạn niên. Vua sai hoàng tử thứ tư bói. Bói được quẻ Dự. Nguyễn Hữu Thận xem quẻ rồi nói: «Tốt lắm». Bên lấy quân dân để làm lăng, mặt trước rộng 150 trượng, ba mặt tả hữu hậu đều rộng 100 trượng. Bốn mặt thành chính đều dài hơn 10 trượng. Chỗ chính huyệt đặt hai cái quách đá. Cửa trước xây bậc đá. Mấy tháng làm xong, gọi lên là lăng Thiên-thụ, phong cho núi là núi Thiên-thụ. (Bên tả là Thanh-sơn, bên hữu là Bạch-sơn, trước mặt là Thủy-sơn, núi thứ nhất là Tiểu Thiên-thụ, núi thứ nhì, thứ ba, thứ tư là Trung Thiên-thụ, núi thứ năm là Đại Thiên-thụ, thứ sáu là Diên-sơn, thứ bảy là Bình-sơn, thứ tám là An-sơn, thứ chín là Hưng-sơn, thứ mười là Hòa-sơn, thứ mười một là Xuân-sơn, thứ mười hai là Hoa-sơn, thứ mười ba là Cẩm-sơn, thứ mười bốn là Bình-sơn, thứ mười lăm là Bảo-sơn, thứ mười sáu là Hùng-sơn, thứ mười bảy là Chính-trung-sơn, thứ mười tám là Tráng-sơn, thứ mười chín là Hương-sơn, thứ hai mươi là Nhân-sơn, thứ hai mươi một là Cận-nhân-sơn, thứ hai mươi hai là Tiểu Trượng-sơn, thứ hai mươi ba là Cận Trượng-sơn, thứ hai mươi bốn là Quý-sơn, thứ hai mươi lăm là Mậu-sơn, thứ hai mươi sáu là Thuận-sơn, thứ hai mươi bảy là Mỹ-sơn, thứ hai mươi tám là Đoài-sơn, thứ hai mươi chín là Trần-sơn,

1. Hợp lăng: Táng hai ông bà vào một lăng, cũng gọi là song táng.

thứ ba mươi là Kim-sơn, thứ ba mươi một là Trinh-sơn, thứ ba mươi hai là Bích-sơn, thứ ba mươi ba là Cận Bích-sơn, thứ ba mươi tư là Tam-bút-sơn; lại có Đại Tượng-sơn, Ất-sơn, Thạch-bàn-sơn, Ngọc-đường-sơn, Thịnh-sơn, Kim-sơn, Lâm-sơn, Thành-sơn).

Bên hữu lăng dựng tầm điện gọi là điện Minh-thành. (Điện này không sơn đỏ, gỗ mộc làm gián dị giống như có thể ngày mai làm xong cho nên đặt tên như thế, cũng theo ý như miếu Cổ-thành của nhà Hán). Những người ứng dịch được hậu cấp tiền gạo, số thường thêm kẻ hàng nghìn. Có mở vào ruộng đất phần mộ của dân thì đều trả tiền hậu. (Ruộng nhất đẳng 1 mẫu cấp 200 quan, nhị đẳng 150 quan, tam đẳng 100 quan, mồ mả mỗi năm cấp 3 quan).

Chuẩn định từ nay những lái buôn ở Hải-nam Triều-châu có bài thuyền ở cửa quan Việt-hải (thuộc tỉnh Quảng-đông nước Thanh) cùng ấn và chữ ký của viên quan cửa quan Giang-môn thì theo lệ thuế thuyền Quảng-đông mà đánh.

Triệu các đội Chấn uy ở Gia-dịnh về Kinh, sai 88 người lính ở các đội Tân súng và Nhung súng ở Bình-thuận và Bình-hòa dời đi thú Gia-dịnh.

Lấy cai đội Trung quân là Võ Văn Chỉ làm phó vệ úy vệ Trung bảo nhất.

Dời phủ lý phủ Khoái-châu ở Sơn-nam thượng đến huyện Đông-yên (trước ở huyện Kim-dộng).

Đổi vệ Tín uy Tả dinh quân Thần sách làm vệ Nghiêm uy.

Giặc trốn ở Bắc-thành là Lê Đoàn họp đảng hai trăm người cướp Lạc-sơn (tên xã, thuộc huyện Kim-bảng), đốt phá hơn trăm nhà. Trưởng hiệu đồn Bút-sơn là

Nguyễn Đăng Bích đem quân và dân đánh nhau với giặc, bắt được đồ đảng hơn 40 tên. Việc tâu lên. Thường cho Đăng Bích 100 quan tiền, biên binh 200 quan tiền, dân làng Lạt-sơn 1.000 quan; người chết và người bị thương thì cấp tiền tuất cho gia đình.

Hạ lệnh cho Quảng-nam chia hơn 300 biên binh các đội Thăng chấn làm bốn ban (một ban ứng trực, ba ban nghỉ) đóng giữ đài Điện-hải.

Đổi kho Tâu-thành ở Bình-định làm kho Định-thành.

Mùa hạ, tháng 4, mồng 1, tế hạ hưởng (giảm hai tiết tấu nhã nhạc và cho phúc tộ. Trong hạn tang một năm, thì đều thế. Ngày mồng 1 mà gặp lễ miếu hưởng và lễ ban sóc thì ngày tế điện lớn ở điện Khôn-nguyên lùi lại ngày sau).

Ngày quý dậu, sửa hai lăng Vĩnh-diễn và Vĩnh-diên. Sai tham tri Lễ bộ là Trần Quang Tĩnh và lưu thủ Quảng-nam là Nguyễn Cửu Khoáng trông coi công việc.

Vét sông An-cự. (Tức là sông Lợi-nông ngày nay, ở bờ phía nam sông Hương dọc đến xã Thần-phù, giáp phá Hà-trung).

Vua đến Thanh-tuyền (tên xã, tức làng Thanh-thủy ngày nay), trải xem hình thế, với các phu lão đến du báo về công việc vét sông. Phu lão thưa rằng: « Đời xưa có ngòi lạch để phòng nắng lụt mà chứa lại hay tháo đi. Nay khai sông này, thực lợi cho nông dân lắm ». Bèn sai dinh thần Quảng-dức xem đo đường sông mà khai vét. Lại ở xã Thần-phù xây một cái cống có cánh cửa để ngăn nước mặn, bắt 1 vạn 3 nghìn người quân và dân làm, chi tiền là 130.400 quan, gạo cũng ngang thế. Do đấy nước sông lưu thông, dân đều tiện lợi.

Dựng kho trấn Phú-yên. Trấn thủ Nguyễn Văn Huyền, ký lục Võ Doãn Thiệp, cai bạ Mai Đức Giai, vi tội làm hao phi của công, bị miễn chức; lấy quân cơ cơ Hòa thăng trấn Bình-hòa là Nguyễn Văn Quế, thêm sự Công bộ là Nguyễn Bá Ưông, thêm sự Lại bộ là Trần Văn Đại thay.

Ký lục Biên-hòa là Hoàng Công Xuân về dinh ưu; lấy thêm sự Binh bộ là Nguyễn Đình Trắc làm ký lục Biên-hòa.

Kén lính ở Gia-dịnh. Thành thần cho là trọng địa ở cõi Nam, tâu xin kén lính để mạnh mẽ biên phòng. Vua giao xuống triều đình bàn. Chuẩn cho theo số tuyền năm quý dậu lấy dân đinh các hạng tráng, quân, dân các trấn Phiên-an, Biên-hòa, Vĩnh-thanh, Định-tường 49.700 người. (Phiên-an 12.534 người, Biên-hòa 5.201 người, Vĩnh-thanh 21.054 người, Định-tường 10.911 người), hai đạo Long-xuyên và Kiên-giang 2.277 người (Long-xuyên 1.425 người, Kiên-giang 852 người), cứ 8 dinh lấy 1 (Phạm lễ 6,7 dinh trở xuống là thừa; những xã chỉ có 6,7 dinh trở xuống là không đủ, đều miễn kén; anh em 3 người trở lên đã có 1, 2 người có quan chức, hay sung quân ngũ, còn người nào ở hạng dân cũng miễn, duy người sung làm thuộc binh ở các nha thì không theo lệ này). Phiên-an đặt làm 3 cơ Phiên binh trung tiền hậu và 5 đội Phiên võ nhất nhị tam tứ ngũ. Biên-hòa đặt làm cơ Biên hùng và 4 đội Biên dũng nhất nhị tam tứ; Vĩnh-thanh đặt làm 5 cơ Vĩnh bảo trung tiền tả hữu hậu và cơ Vĩnh thành; Định-tường đặt làm 3 cơ Định uy trung tiền hậu, 1 đội Định tin; Long-xuyên đặt làm 3 đội Long quang nhất nhị tam; Kiên-giang đặt làm 2

đội Kiên nghị nhất nhị. Binh các trấn lệ theo thành và trấn, thành có 7 cơ, Phiên-an Biên-hòa mỗi trấn 1 cơ, Định-tường, Vĩnh-thanh mỗi trấn 2 cơ, chia làm năm ban, một ban ở ngũ, bốn ban nghị. Lại trích 200 người đi thú Hà-tiên, 6 tháng đổi một lần. Binh ở hai đạo Long-xuyên và Kiên-giang chia làm ba ban, lệ theo bản đạo. Còn hạng dân biệt nạp và đồn điền là 9.876 người thì 3 đình lấy 1, đặt làm 5 cơ Gia thuận trung tiền tả hữu hậu và cơ Gia dũng, hàng năm cứ tháng 3 tháng 11 thì đến thành thao diễn một tháng, rồi cho về.

Chiếu dụ rằng: « Gia-định là đất trung hưng. Trước kia đất một thành quân một lữ mà lấy lại được cơ nghiệp cũ. Sau khi đại định, vui cho dân ta nghỉ vai. Nhưng lại nghĩ nước nhà dẫu yên, không nên quên việc đánh dẹp. Huống chi ở gần biên giới, phải biết phòng bị trước mới khỏi lo sau. Nay chuẩn theo đình nghị, kén lấy binh lính biên thành cơ đội, là vì bọn người sinh trưởng ở đây, quen thuộc đất nước, khi không việc thì chia phen mà rèn tập, lúc có việc thì ra sức mà chống đánh, dùng binh ở đất ấy để giữ đất ấy, không ví như những binh kén ở nơi khác thường phải gọi đi thú ở xa. Dân chúng các người nên thể lòng trăm, dân yên làm ăn, binh vui phục dịch, không nên ngờ sợ ».

Tháng 5, tiết Đoan dương, miễn châu mừng cho các quan.

Định phẩm trật cho quan hộ lãng. Việc hộ lãng, trước đặt chức cai đội, trật tông ngũ phẩm, đội trưởng, trật tông lục phẩm. Đến nay mới đặt chức giám sơn lãng chánh phó sứ, chánh sứ trật tông tam phẩm, phó

sứ trật chánh tứ phẩm; đổi cai đội trật tông tứ phẩm, đội trưởng trật chánh ngũ phẩm, theo chánh phó sứ coi giữ các tôn lãng. Sai Tôn thất Thăng chọn bổ. Bèn lấy Tôn thất Đạo làm chánh sứ, Tôn thất Thuận làm phó sứ, Tôn thất Ngũ, Tôn thất Quảng làm cai đội, Tôn thất Thịnh, Tôn thất Cbinh, Tôn thất Chử, Tôn thất Thái, Tôn thất Lộc, Tôn thất Tự, Tôn thất Trang, Tôn thất Tại, Tôn thất Tiến làm đội trưởng mà chia giữ. Linh giữ lãng 103 người chia làm hai ban, dân 384 người chia làm ba ban.

Lấy Trịnh Thanh làm giám thủ việc thờ cúng họ Trịnh.

Hạ lệnh cho các thành dinh trấn lập nhà khám và nhà ngục ở phía bắc trong thành. (Nhà khám ba gian hai chái, nhà ngục năm gian hai chái).

Bộ Hình tâu nói: «Việc giam xét các tù nặng, tuy chưa xử án, mà không có người nuôi nấng, xin cũng cấp lương cho ăn, còn tù đồ có niên hạn thì không kể tháng nhuận tháng thiếu, đều cứ mãn hạn thả ra». Vua y lời tâu, sai ghi làm lệ.

Bọn quan bảo hộ Chân-lạp là Nguyễn Văn Thụy và Trần Công Đán làm việc phần nhiều chuyên quyền độc đoán, Phiền vương bị chèn ép, lòng người ngờ sợ. Việc đến tai vua. Vua với bầy tôi bàn. Nguyễn Văn Thành tâu rằng: «Nước Chân-lạp là thuộc quốc của ta, đời đời cống hiến. Nay vì nước ấy suy nhược, Triều đình sai quan bảo hộ, thực là việc nghĩa cử. Song đặt chức bảo hộ là cốt giữ cho nước ấy được còn, chứ không phải để giám trị nước ấy. Vậy nên hạ lệnh cho bọn Thụy chớ nên can dự vào chính sự nước ấy, để cho Phiền vương được tự làm việc, thì lòng dân sẽ yên».

Vua cho là phải. Chiếu cho bọn Thụy rằng phạm việc nước Chân-lạp thì để cho vua quan nước ấy phân xử, không được can thiệp. Duy có việc sơ chương và công văn thì mới được xem kỹ mà châm chước rồi sau để đi, để cho hợp với sự thể.

Lấy cựu hiệp trấn Thái-nguyên là Nguyễn Văn Công làm hiệp trấn Tuyên-quang.

Ngày kỷ sừu, sửa miếu Triệu tổ; sai vệ úy Thị trung là Nguyễn Thành trông coi công việc nước. Thường cho biên binh 400 quan tiền.

Lấy vệ úy vệ Hữu nhất Thị trung là Tôn thất Bình làm phó đô thống chế Hữu dinh quân Thần sách.

Bỏ thuế biệt nạp gỗ lim cho hai xã Lãng-diễn và Tri-lê trấn Nghệ-an, kén dân làm lính, bỏ vào vệ Võ thành.

Lấy cai bạ Quảng-nam là Võ Văn Trí làm cai bạ Quảng-đức, thêm sự Lại bộ là Nguyễn Văn Phong làm cai bạ Quảng-nam.

Hạ lệnh cho Bắc-thành hàng năm cấp tiền gạo cho họ Lê. Trước kia đã ân cấp tự dân hơn 1.000 người, tự điền 1.000 mẫu, khiến tự thu lấy 3.000 quan tiền và 6.000 phương gạo. Đến nay bọn Lê Duy Khải cho rằng thu ở dân không tiện, xin hạ lệnh cho dân y số nộp vào quan, rồi quan cấp cho. Vua y theo lời xin.

Tháng 6, ngày canh thân mồng 1, có nhật thực.

Cấm nhân dân không được trồng trọt ở cấm địa các lăng. Thế rồi dân Định-môn có kẻ phạm cấm. Vua muốn chém xã trưởng là Bùi Văn Tín để làm gương. Hoàng tử thứ tư xin. Vua bèn tha.

Đô thống chế Thị trung là Nguyễn Văn Khiêm chết; tặng Thiệu bảo quận công, thụy là Trung cần, cho 4 cây gấm Tống, 1.000 quan tiền. Sai quan dụ tế.

Chương cơ là Đào Văn Cửu làm sơ đề cử hai người ở ty Lệnh sử làm Hàn lâm thị thư. Vua nói : « Cửu là quan võ mà cử làm quan văn thi biết học văn của người ta thế nào ? » Sai hai bộ Lại Lễ hạch xem.

Hạ lệnh cho Bắc-thành phát 1 vạn lạng bạc, ủy cho bốn người Thanh là Tạ Bằng-chu và Chu Tử-ký sang Quảng-dòng tìm mua hàng hóa.

Lấy cai cơ là Hồ Văn Thất làm phó quản đôn Uy viên. Thị thư viện dâng bản *Hoàng triều tôn đồ* lên vua xem.

Vua bảo Lê bộ thần rằng : « Tồ tiên ta công đức chưa chồng, có hơn nghìn năm, nhưng thế đại xa cách, sự tích thiếu sót. Từ khi Triệu tổ ta mở nền truyền đến các thánh, những đức nghiệp to lớn chép trong các sách, rõ ràng có thể khảo được. Nay soạn tôn đồ, nên lấy đức Triệu tổ Tĩnh hoàng đế làm đầu ».

Chương dinh hưu trí Hồ Văn Lân chết. Thánh thần Gia-dịnh tâu lên. Vua nghĩ Lân là bậc huân lão trọng thần, gia tặng Thiếu bảo quân công, thụy là Trung thuận, cho 1.000 quan tiền, sai quan du tế.

Bỏ thuế hoa chi (1) ở Long-xuyên, Kiến-giang và Trà-vinh. Vua cho rằng tiểu dân sinh ra trộm cắp đều là do đánh bạc, bèn hạ lệnh bỏ ngạch thuế ấy. Ai còn dám mở sòng chứa bạc thì bắt tội.

Lấy vệ úy ngoại ngạch Hữu quan là Phạm Đình Bảo làm quản cơ cơ Trung hưng, cai cơ Tả quân là Nguyễn Văn Tinh làm vệ úy vệ Tả bảo nhất, Vũ Viết Đề làm phó vệ úy.

1. Hoa chi : Thuế sòng bạc.

Định thức hoành đồ (1) ghi phong vũ hàng ngày. Sai các thành dinh trấn theo ngày nắng ngày mưa mà đăng ký từng khoản, mỗi tháng một lần tâu lên.

Xiêm-la sai Sá-sám Phủ-di-lạc đem phẩm vật đến hiến. Thư nói rằng Triều đình hậu đãi Chân-lạp, Xiêm vương cũng cảm ơn. Nhưng Nặc Chấn vốn là phen giậu của nước Xiêm, nếu Chấn không châu nước Xiêm thì nước Xiêm không trả Nặc Nguyên về.

Nguyễn Văn Thành cho rằng ý trong thư rất bất hòa. Hỏi gạn sứ giả, thì sứ giả trả lời lúng túng. Lê Văn Duyệt ở Gia-dịnh cũng lấy việc biên giới làm lo, ý muốn đánh trước, bèn gửi thư kin cho Nguyễn Đức Xuyên. Đức Xuyên đem việc tâu lên.

Vua dụ Nguyễn Văn Thành và Nguyễn Đức Xuyên rằng: «Giọng nói của Xiêm man không nên đề ý. Ta cùng phật vương trước có tình giao hảo, kết nghĩa với cha mẹ mà đánh con thì các nước láng giềng sẽ bảo ta ra sao? Vả lại việc can qua mới yên, dân đương vui được nghỉ ngơi, trăm không muốn lại làm mệt tướng sĩ ở dưới giáo mác. Được một nước Chân-lạp mà đề lo cho đời sau thì trăm không làm. Hãy đem ý trăm dụ cho Duyệt biết». Hơn một tháng, hậu đãi sứ giả mà cho về. (Tặng phật vương 40 lạng vàng, 500 lạng bạc, cho vua thứ hai 20 lạng vàng, 100 lạng bạc).

Tham hiệp Thái-nguyên là Lê Tiến Phúc chết; lấy tham luận Tượng quân là Dương Công Trang làm tham hiệp Thái-nguyên.

1. Hoành đồ thức: Thẻ thức ghi đồ theo hàng ngang tức là diagramme.

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ

QUYỀN XLIX

THỰC LỤC VỀ THỂ TỒ CAO HOÀNG ĐẾ

Giáp tuất, Gia-long năm thứ 13 [1814], mùa hạ, tháng 7, ngày mồng 1, tế thu hưởng.

Ngày mậu tuất, dâng sách đặt thụy cho Đại hành hoàng hậu Tổng thị là Giản Cung Tề Hiếu Đức Chính Thuận Nguyên hoàng hậu.

Sách rằng: «Việc trong nhờ nội tướng, kinh *Thi* chép thiên *Chinh thủy* ở đầu; Đại hành nhận đại danh phép *Lễ* trọng trang hoàng lúc chót.

Nhớ người đức tốt, nên đặt tên hay. Đại hành Hoàng hậu Tổng thị, là con nhà dòng, học lời dạy nghĩa. Duyên trời kết hợp, cùng trăm tu tề. Trong khi mây sấm tối tăm, gặp gió bụi hết lòng chống đỡ; giữa buổi biển trời khó nhọc, đã vì ta ra sức lo toan. Đất khách lạnh lùng, lòng vui hầu mẹ; ngày đêm không ngại, cố sức giúp ta. Thù miếu xã nặng nề, nghĩ quyết cùng ta báo phục; tình lệ dân đau khổ, nghĩ phải cùng ta cứu mang. Nên khi trăm khôi phục đất đai, quét thanh bờ cõi; hậu hay đem điều hiếu, phụng sự tổ tiên. Một vẻ khiêm cung, tiếp đãi người dưới. Đối phi tần giữ niềm

nhân hậu, đối con cái đều lòng mến yêu. Ra ơn đến cả võ văn; đề ý đến nơi làng xóm. Tang chế Thái hậu, thương xót đến điều. Sau trước một niềm, trong ngoài đều cảm. Tuổi thọ chưa đầy sáu chục; xe tiến phút đã giục đi. Nhờ người giúp việc tối lành, nên tặng di chương rực rỡ. Vậy nay thỉnh mệnh Tôn Miếu, đặc biệt sai quan Khâm sai chương Hữu quán kiêm giám Thần sách quan Khiêm quán công Phạm Văn Nhân làm chánh sứ, thượng thư Lễ bộ Hưng nhượng hầu Phạm Đăng Hưng làm phó, dâng sách đặt tên thụy là Giản Cung Tề Hiếu Dực Chính Thuận Nguyên hoàng hậu. Mong cho vui nhận tên hay, đề thơm muôn thủa. Than ôi! Khen việc làm cốt đề nêu công, lễ cần nên thế; sống vẻ vang chết danh thương xót, xin hầu chùng cho».

Ngày kỷ hội bố cáo trong ngoài.

Chiếu rằng: « Gây mối chinh đầu, phép lớn trời đất; theo dõi lo tròn, lễ lớn nước nhà. Đại hành hoàng hậu Tống thị, vốn quen lời dạy nghĩa, sớm kết duyên với ta. Chung nỗi gian nan, giúp bề nội trị; tới nay đã đến 37 năm rồi. Chợt về cõi tiên, Lòng ta thương nhớ. Vậy chuẩn cho đình thần bàn lễ, có sách đặt thụy hiệu, ngày mồng 9 tháng 7 thỉnh mệnh ở Tôn Miếu, ngày mồng 10 đặc biệt sai thân huân đại thần bưng sách vàng dâng thụy là Giản Cung Tề Hiếu Dực Chính Thuận Nguyên hoàng hậu. Than ôi! Nết tốt rõ ràng như ngọc uyển ngọc diêm, nghĩa phải nên làm; huy hiệu vang lừng khắp cõi xa cõi gần, đời càng rõ rệt. Tuyên báo xa gần, khiến đều nghe biết ».

Xa giá tới điện Hoàng-nhân. Có người Hương-trà là Nguyễn Công Diên dâng thư nói việc. Vua sai dừng xe

nhận lấy. Đình thần đều cho đó là bọn người quê mùa không hiểu việc đời, lời nói phần phiến là viên vông. Vua nói: «Câu nói kẻ điên cuồng thánh nhân cũng cần lựa chọn. Nếu xét có điều gì hay thì dùng, điều nào không dùng được thì đề đó, cho rộng đường ngôn luận».

Trấn thủ Kinh-bắc là Nguyễn Đình Tuyền bị phát giác về tội những lạm bị bãi chức. Lấy khám sai chưởng cơ chánh quản thập cơ Uy Thăng của Hậu quân là Ngô Văn Ngữ lãnh trấn thủ Kinh-bắc.

Vua thấy gần đây quan phủ huyện về cư tang, quan địa phương thường thường tâu lên đợi chỉ, bảo bộ Lại rằng: «Đem lòng hiếu để thờ vua, cho nên muốn cầu tôi trung phải tìm ở nhà con hiếu. Nay quan phủ huyện về cư tang phải đợi chuẩn chỉ rồi mới về sửa việc tang, chờ lâu hàng tháng, làm phiền lòng cho người con hiếu. Vậy hạ lệnh từ nay tri phủ tri huyện gặp tang cha mẹ thì thượng ty sở tại chọn người khác quyền thay mà cho về ngay, rồi sau sẽ tâu».

Triệu hiệp trấn Thanh-hoa là Nguyễn Hoài Quỳnh về Kinh. Lấy tham tri Hình bộ là Nguyễn Xuân Thực lãnh hiệp trấn Thanh-hoa.

Lấy cai cơ quản Chấn võ là Đặng Văn Toán làm quản đạo Long-xuyên, cựu ký lục Quảng-bình là Nguyễn Văn Nhiên làm tri bạ.

Thanh-hoa gió bão.

Lưu thủ Quảng-nam là Nguyễn Cửu Khoáng về dinh ưu; lấy vệ úy vệ Tiền nhất Thị trung là Trần Đăng Long lãnh lưu thủ Quảng-nam.

Dựng thêm kho ở các trấn Bắc-thành; sai bộ Công trú nghĩ kiểu mẫu đưa về các trấn, mua gỗ tốt để làm.

Hạ lệnh cho dinh vệ cơ đội các quân phạm bệnh binh xin nghỉ đến ba lần, thì hạ lệnh ngay cho xã dân đổi lấy người khác sung ngũ.

Vua nghe Thanh Nghệ và Bắc-thành kén lính, dân sở tại cấp thêm nhiều lương điền cùng tiền tương muối và hện riêng niên hạn tại ngũ, dụ rằng: « Phu dưỡng quân lính ngoài lệ đều cấm, vốn là muốn bớt tổn phí cho dân. Nay tình dân thỏa thuận với nhau, không phải là yêu sách, vậy tạm theo sở nguyện. Duy ước riêng thay đổi lẫn nhau và sách nhiều nhiều khoản thì cấm như lệ ».

Triệu những hương cống đỗ nhị trường ở Quảng-dức và Gia-dịnh bỏ vào Cống sĩ viện. Dụ rằng: « Bọn người sơ học mới tiến, nếu vội sai làm việc quan ngay thì không rỏi mà học được. Nay trao cho chức nhàn để cho ngày càng học thêm ».

Tặng thêm cho đô chỉ huy sứ Tôn thất Bảo làm Ý công, thái phó quốc công Tôn thất Hạo làm Trang công, thái sư quốc công Tôn thất Đồng làm Uy công, thiếu phó quận công Tôn thất Mân làm thái phó Nghị công, thái bảo quốc công Tôn thất Điển làm Tương công, thái phó quận công Tôn thất Huy làm Quốc công, hoàng tử thiếu úy quận công Hy làm Hoài công.

Dựng đền triều thần ở Văn-dương. (Đền một tòa 9 gian. Vị thứ lấy mẹ tây làm trên. Ngồi thứ nhất thờ Tống-sơn quận quân Ngọc-dao, thứ hai Thành công Tôn thất Thương, thứ ba Ý công Tôn thất Bảo, thứ tư Trang công Tôn thất Hạo, thứ năm Uy công Tôn thất Đồng, thứ sáu Nghị công Tôn thất Mân, thứ bảy Tương công Tôn thất Điển, thứ tám Quốc công Tôn thất Huy,

thứ chín Hoàng tử Hoài Công Hy). Sai cai đội Tôn thất Phụng coi giữ; lấy 28 người dân Long-hồ sung từ phu, cấp cho tự điền ruộng 500 mẫu, hàng năm lấy số thu được để chi tiêu việc thờ cúng.

Dân xã Qui-lai dinh Quảng-đức xin mở đập Mậu-tài (tên xã) để lấy nước vào ruộng vụ mùa. Dinh thần đem việc tâu lên. Vua nói: « Nước sông tưới ruộng há có phải lợi riêng cho một ấp đâu? » Bèn y cho.

Vua đến Văn miếu, thấy lễ sinh nhiều người vắng mặt, sai đánh roi. Sắc từ nay các lễ sinh phải chia làm năm ban ứng trực (1 ban ứng trực 4 ban nghỉ), ban nào bỏ khoán thì đánh trượng và cách chức.

Triệu cai bạ Phiên-an là Hoàng Như Lân về Kinh; lấy cựu hiệp trấn Kinh-bắc là Phan Tiến Thiện làm cai bạ Phiên-an.

Nước Xiêm-la sai 300 binh và 50 cái thuyền đến đóng ở Bắc-tâm-bôn. Thành thần Gia-định nghe tin mật báo Nguyễn Văn Thụy đem quân và voi đi tuần biên giới.

Cai bạ Vĩnh-thanh là Nguyễn Văn Khánh chết; lấy ký lục Bình-hòa là Kiều Công Tuấn làm cai bạ Vĩnh-thanh, tham hiệp Thanh-bình là Nguyễn Bảo làm ký lục Bình-hòa, tri phủ Nam-sách là Trần Văn Phú làm tham hiệp Thanh-bình. Bảo vì tra xét án ruộng lậu bị dân kiện nên lại hạ lệnh triệt giữ ở Thanh-hoa để xét xử.

Hạ lệnh cho các thành dinh trấn cuối năm biên số tiền bạc về các án xử sung công để tâu lên.

Tháng 8, thả cho những biên binh ở Thanh Nghệ, Bắc-thành và Thanh-bình ứng triệu vào Kinh trở về hàng ngũ.

Dựng thêm kho trấn Thanh-hoa.

Lấy quản cơ Nguyễn Văn Phong làm vệ úy vệ Hùng cự nhị Tượng quân, Võ Công Hanh làm quản cơ cơ Trung kích, phó quản cơ Thái Đình Tư làm quản cơ cơ Tiền kích, cai đội Nguyễn Văn Phú làm quản cơ Bình tượng.

Lấy Đông các học sĩ Lê Duy Thanh làm Thị trung trực học sĩ, kiêm Thái thường tự khanh, tham bồi việc Lễ bộ.

Lưu thủ Quảng-bình là Lê Văn Luân chết; cho 2 cây gấm Tống; lấy khâm sai chương cơ vệ úy vệ Tiền nhị thị trung là Phan Văn Thúy lãnh lưu thủ Quảng-bình.

Cho khâm sai cai cơ giám thành phó sứ là Nguyễn Đức Sĩ làm chương cơ lãnh giám thành sứ.

Trấn thủ Thanh-hoa là Trần Công Lại trước ở Nghệ-an mượn 900 quan tiền kho, đến đây việc bị phát giác, hữu ty xin chiếu luật « giám thủ tự đạo » (1) để luận tội. Vua nói: « Pháp luật chung cho thiên hạ, không phải của riêng ai. Nhưng Công Lại phạm tội trước khi điều luật chưa định mà trước đã nộp dền rồi, cái lỗi đã qua, hỏi làm gì nữa. Duy từ nay có ai phạm tội thì xử theo luật mới ».

Chế đạn súng, hạ lệnh cho đội Thạch-cơ lấy đá đen ở nguồn Sơn-bồ để làm.

Lấy Nguyễn Thích sung Hàn làm viện.

Sai thành thần Gia-định vẽ địa đồ các đường từ thành Nam-vang đến các xứ Phú-lật, Cần-vột và Xui-mài để dâng.

1. Giám thủ tự đạo: Người coi kho tự mình lấy trộm.

Định thêm điều lệ về ăn trộm. Vua cho rằng luật chép về điều ăn trộm tính tang kết tội chưa đủ răn bảo kẻ gian. Bèn sai định thêm. Phạm ăn trộm đã ba lần trở lên mà được của thi không kẻ có thích chữ hay chưa, không kể số tang nhiều hay ít, đều lấy tội « tích phi » (1) mà xử (ăn trộm ba lần đánh 60 trượng, đồ 1 năm; 4 lần đánh 70 trượng, đồ 1 năm rưỡi; 5 lần đánh 80 trượng, đồ 2 năm; 6 lần đánh 90 trượng, đồ 2 năm rưỡi; 7 lần đánh 100 trượng đồ 3 năm; 8 lần đánh 100 trượng, lưu 2.000 dặm. Thêm một lần thêm 1 bức, tội chỉ đến đánh trượng 100, lưu 3.000 dặm, đều thích chữ. Đến hai lần thích chữ rồi mà lại còn phạm nữa thì theo luật xử giáo giam hậu ».

Thồ phi ở Thái-nguyên đánh cướp Võ-nhai, Trấn thủ Trần Văn Thìn đem quân đánh bắt, nhân đó dung túng cho bộ khúc cướp bóc tài sản của dân gian. Quan Bắc-thành đem việc tâu lên. Văn Thìn bị tội bãi chức, bắt về dân.

Tháng 9, bộ Lại dâng sơ cử sinh đồ là Nguyễn Văn Nguyên và Hoàng Văn Ngữ làm Hàn-lâm. Vua nói, « Sinh đồ mà bổ Hàn-lâm thì hương cống làm quan gì? » Không cho.

Định lệ Tàu ty nộp lễ bạc (ở Kinh và ở thành Gia-định đặt cai phủ tàu, ký lục tàu, tài phó tàu, mỗi chức một người, để thu thuế buôn. Cai phủ tàu lệ nộp bạc 2.200 lạng, ký lục tàu 2.000 lạng, tài phó tàu 700 lạng).

Truy tặng thuộc nội cai cơ quân đội Tiền sai là Đỗ Văn Hựu và phó tướng Tiền quân là Nguyễn Văn Thư làm chương dinh, thuộc nội cai cơ Nguyễn Văn Chính

1. Tích phi: Ăn trộm nhiều lần.

và Nguyễn Văn Ngữ làm thuộc nội vệ úy. (Hữu, Thư, Chính đều chết trận, Ngữ chết bệnh ở trong quân).

Hạ lệnh từ nay các thuộc ty ở bộ viện và các ty Tả thừa Hữu thừa và Chiêm hậu các thành dinh trấn có sắc thi thi ngày mồng 1 và ngày rằm đều mặc phẩm phục mà châu lay, làm trái lệnh thi đánh 100 trượng, cách chức đuổi về.

Kỷ lục Bình-thuận là Phạm Văn Nhân vay riêng tiền kho và ăn lễ biếu của dân, việc phát. Vua sai thành thần Gia-dịnh bắt trị tội. Nhân chết ở ngục.

Chuẩn định rằng các trạm mục chánh thư đội trưởng có khuyết thi quan địa phương chọn người cần cán, cấp bằng thi sai cho làm việc, 3 năm không lỗi gì thi tâu xin cho bỏ thu.

Lấy tuyên úy thêm sự Tuyên-quang là Ma Doãn Điền quản hiệu Hùng nhất, thõ mục Ma Sĩ Nhuận làm chánh thủ hiệu quản hiệu Hùng nhị, cùng lãnh xưởng đồng Tu-long về việc thuế cửa quan và mỏ.

Lấy Hàn làm viện trực giảng là Hoàng Kim Hoán làm thêm sự Binh bộ, tri huyện Bồng-sơn là Nguyễn Kim Truy làm thêm sự Công bộ.

Quản Ngoại đồ gia là Cáp Văn Hiếu tuổi già về hưu trí; lấy lưu thủ Tôn thất Huyền thay.

Thăm án mùa thu. Tha tội tử cho Nguyễn Đức Hội, bắt về dân.

Tháng 10, mùa thu, ngày mồng 1, tế đông hương. Vua du bộ Lễ rằm; « Việc tang một năm ở trong cung nay hãy còn quán. Ta nghĩ việc tế đàn Nam giao và tế hương ở Thái miếu là lễ trọng kính trời tôn tổ, cùng các lễ cuối năm yết lăng tế Chạp, Nguyên đán châu

miếu, Vạn thọ cáo miếu, là lễ lớn đề báo gốc đền ơn thi trăm phải thân hành làm, lễ nên như thế. Còn các ngày triều hạ thi chưa nên nhất nhất theo cát được ». Bèn hạ lệnh ban định việc ban lịch năm nay, và việc ban cờ Mao tiết đề xuất quân sang năm, chỉ thiết triều ở điện Thái-hòa, sai quan ban hành, còn hai tiết Chính đán và Vạn thọ thi đều miễn châu mừng.

Vua cùng bầy tôi bàn về điển thờ bách thần. Sai Nguyễn Văn Nhân, Phạm Như Đăng, Lê Duy Thanh, Bùi Đức Mân, xem xét sắc thần, vị nào có công đức với dân thi phong.

Chuẩn định rằng từ nay lệ bổng của quan viên trong ngoài và việc nhà nước mua vật hàng cần chi bạc thì đều dùng bạc dĩnh 10 lạng, không đủ 10 lạng thì mới dùng bạc dĩnh 1 lạng mà cấp. Chép làm lệ.

Dựng kho chử tích ở Gia-dịnh. (Ở xứ Nghi-giang thôn Hòa-mỹ).

Lấy cựu hiệp trấn Thái-nguyên là Lê Viết An làm ký lục Bình-hòa, tham hiệp Nghệ-an là Lư Văn Vượng làm ký lục Bình-thuận.

Sai Quảng-nam mộ dân ngoài tịch sung bổ vào các đội Tráng nhất, Tráng nhị, Tráng tam thuộc cơ Cường súng.

Tướng giặc Bắc-thành là nguy tham quân Khuê, đốc chiến Vượng, tham binh Hựu, hậu chi Vưu, 9 người ra thú, thành thần cho rằng bọn Khuê ra thú ngoài hạn, phép không thể tha được, xin giết. Vua xuống chiếu trả lời rằng: « Kẻ tiền dân lỗ bước, trù trừ trông ngóng, tự lấy cái vạ là kẻ đi sau, phép tuy khó khoan, tình thì nên thứ. Huống chi bọn giặc trốn ở thành lần lút còn

nhiều, nên rộng ra ơn để mở con đường đời mới. Vậy nên tha tội cho bọn Khuê mà định lại hạn ra thú, từ tháng 10 năm nay đến mồng 1 tháng 3 năm sau. Những người tội phạm, không kể người đầu sỏ hay đi theo, biết ăn năn tội lỗi mà ra thú thì đều cho miễn tội ».

Trước đây Bắc-thành nhiều giặc cướp, thành thần sai vệ úy vệ Nghiêm uy quân Thần sách là Lê Viết Qui đem quân đi tuần bắt, mấy lần bắt được bọn đầu sỏ và đồ đảng đem nộp, việc tâu lên, vua xuống chiếu khen thưởng, cho 150 lạng bạc.

Ban áo mát và lương tháng cho các tri huyện từ Quảng-bình về Nam. (Lương tháng tiền 4 quan gạo 3 phương, áo mát mỗi năm 10 quan tiền).

Vua dụ bộ Hộ rằng: « Huyện lệnh có trách nhiệm về dân xã, bỗng lộc không đủ thì làm sao mà bắt thanh liêm được. Nay tri huyện ở các huyện từ Quảng-bình vào nam chưa có lệ lương, bắt đầu từ sang năm phải ban cấp cho họ.

Cai đội Nguyễn Văn Bảo tự xin làm thủ ngự Thanh-hà. Vua nói: « Nhà nước dùng người, duy người có tài thì dùng, sao có thể cần mà được! Sắc từ nay chức thủ ngự có thiếu thì lấy những viên thừa ở các vệ tuổi từ 60 trở lên mà sung bổ.

Sai chương cơ Tống Phước Ngoan và tham tri Trần Văn Tuấn quản việc Trường dà.

Đặt thêm phu trạm ở trạm sông ở Gia-dịnh, các dinh Phiên-an, Biên-hóa, Vĩnh-thanh, Định-tường mỗi dinh một trạm, phu trạm đều 300 người, đạo Kiên-giang thì một trạm, phu trạm 150 người, lấy dân mới đến tuổi ở sở tại và mộ dân ngoại tịch sung vào.

Tháng 11, nước Xiêm sai bọn Sà-sĩ-na Phạt-da đến dâng hương. Ngày tế điện lớn, bộ Lễ dẫn sứ đến cung Khôn-nguyên lạy viếng. Vua dụ bộ thần rằng: «Việc tang một năm, theo lễ thì không báo tin buồn cho nước ngoài. Nay người Xiêm tự đến, tình lễ nồng nàn, ta nên hậu đãi sứ giả rồi cho về». (Tặng phật vương 40 lạng vàng, 500 lạng bạc, cho vua thứ hai 20 lạng vàng, 300 lạng bạc).

Sai quân Thần sách ở Thanh Nghệ đi thú Bắc-thành. Theo lệ trước, cứ mỗi năm đến tháng giêng thì binh dõ thú và binh ứng triệu về Kinh thì điều khiển cùng một lúc, đến nay đổi định lại binh đi thú Bắc-thành thì đi từ tháng 11.

Định lệ tiền ấn tả cáo bằng cho những người về ngạch tản giai. (Quan tản giai và người vị nhập lưu mà được cấp cáo bằng, đều phải nộp tiền theo thứ bậc khác nhau gọi là tiền ấn tả, các ty ở Kinh, các chức thư ký, cai án, tri bạ, cai hợp, thủ hợp, cục ty ở dinh vệ các quân, nộp tiền mỗi người 3 quan; các ty các thành dinh trấn, các chức Trường dà, nho học, huấn đạo, lễ sinh, đề lại, lương y, tướng thần, xã trưởng, đội trưởng và thứ đội trưởng các trạm đều mỗi người nộp tiền 5 quan, cai hợp, thủ hợp, nhiều thân, cai trại, tử thừa, cai đội công khổ công xa, đề lãnh, đội trưởng phiên thần thế tập, đều mỗi người nộp tiền 10 quan; cai phủ tàu, ký lục tàu, phó tàu, đều chiếu lệ bạc cứ mỗi một trăm quan tiền thì phải nộp 1 quan. Số tiền ấy cứ mỗi quan chia làm 30 phần. Đường quan và Lệnh sử ty bộ Lại đều 6 phần, Thượng bảo và Thị thư đều 4 phần, biên binh Thị trung coi giữ ấn vàng thì 3 phần rưỡi

Trung hầu Tả hầu 1 phần rưỡi, Tiều sai, Loan nghi, Nội thủy, Tả vệ, Hữu vệ, Hoàng kiếm đều 1 phần).

Chuẩn định từ nay tiền thuế buôn ở cửa quan bến đò các địa phương phải nộp thay bạc, nếu không đủ lạng mới được thu tiền.

Bộ hộ tâu nói: «Lệ thuế đầm nguồn ở Quảng-dức trước nay thuộc bộ Hộ trông coi, nay xin giao cho dinh thần biện lý, cũng như các dinh trấn khác». Vua y lời tâu.

Ấm thụ cho con cháu Khai quốc công thần nội tả chương dinh Tổng Hữu Thanh là Tổng Hữu Chấn làm thư đội trưởng, coi giữ việc thờ cúng.

Tháng 12, ngày canh thìn, sửa lăng Cơ thánh (1).

Sai cai cơ Trần Hữu Lộc quản Nhà đồ Bắc-thành.

Lấy cai cơ Vọng-các là Nguyễn Tiến Lượng làm quản đạo đạo Kiên-giang.

Nước Vạn-tượng sai sứ sang cống.

Định lệ kềm hao cùng tiền công thợ và vật liệu cho cục Bảo tuyến ở Bắc-thành. (Mới đúc thử kềm ở Hải-dương, mỗi 100 cân hao 13 cân 6 lạng, thành tiền 33 quan 21 đồng, tiền công thợ và vật liệu là 3 quan 5 tiền 54 đồng 2 phân, kềm Thái-nguyên mỗi 100 cân hao 12 cân 8 lạng, thành tiền 33 quan 3 tiền 20 đồng, công thợ và vật liệu 3 quan 3 tiền 41 đồng 5 phân. Bèn lấy kềm Thái-nguyên làm chuẩn. Rồi sau đúc tiền càng nhiều, kỹ thuật càng tinh, mỗi 100 cân hao 8 cân 2 lạng, thành tiền 35 quan, định tiền công thợ và vật liệu 3 quan 1 tiền 30 đồng. Lại thấy gần đây hao đến 9 cân

1. Cơ thánh lăng: Lăng Hưng tổ Hiếu Khang hoàng đế, sinh ra Gia-long.

phát thêm cho 1 cân kềm và cấp thêm tiền than 1 đồng 3 phân 5 li. Cục đặt 5 lò, mộ thợ làm chủ lò, phó lò, phụ lò, thợ công lớn, công nhỏ, thợ chế khuôn, mỗi ngày đúc kềm 3.500 cân, mỗi tháng 105.000 cân).

Vua dụ thành thần rằng: « Phép đúc tiền có quan hệ đến hóa tệ của nhà nước, đề đủ dùng và tiện cho dân, không gì lớn bằng việc ấy. Từ khi mở việc đúc tiền tới nay, lệ trừ hao thêm bớt không nhất định, đã từng dồn tinh định mức trung bình, lại thêm tiền nhân công vật liệu để cho thợ vui lòng làm việc. Gần đây nghe có bọn thuộc lại không tốt, hoặc làm khó dễ bớt xén, mỗi tệ sinh nhiều, bọn khanh nên nghiêm cấm đi ».

Ngày nhâm thân yết lăng.

Ngày ất hợi, tế Chạp.

Hạ lệnh từ Quảng-đức về Bắc đến Thanh-hoa, về Nam đến Gia-định, phạm các nơi đồn thủ xung yếu thì vẫn đề thủ ngự, còn bao nhiêu giảm hết.

Tha giảm tiền thuế năm nay cho các nguồn ở Gia-định theo bậc khác nhau. (Huyện Phúc-long 2 nguồn, tiền thuế 22 quan, tha hết; Tiền-giang Hậu-giang 4 sở đầm ao tiền thuế 6.500 quan, giảm cho 500 quan; huyện Kiến-an 2 nguồn tiền thuế 980 quan, giảm hơn 320 quan).

Trung 950 người biên binh ở Thanh Nghệ, Bắc-thành và Thanh-bình về Kinh. (Thanh-hoa 1.200 người, Nghệ-an 2.800 người, Bắc-thành 5.300 người, Thanh-bình 200 người).

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ

QUYỂN L

THỰC LỤC VỀ THỂ TỒ CAO HOÀNG ĐẾ

Ất hợi, Gia-long năm thứ 14 [1815] (Thanh Gia-khánh năm thứ 20), mùa xuân, tháng giêng, ngày giáp ngọ, tế xuân hương.

Lấy tham luận Phan Tiến Tuấn làm tham hiệp Nghệ-an.

Ngày tân sửu, sửa lại lăng Thụy-thánh (1). Sai Nguyễn Đức Xuyên trông coi công việc.

Lấy cai cơ Mai Văn Châu làm phó vệ úy vệ Ban trực tiền quân Thần sách, Phan Tiến Điện làm phó vệ úy vệ Ban trực hữu, Võ Văn Tri làm phó vệ úy vệ Ban trực hậu, Nguyễn Văn Mạo làm phó vệ úy vệ Tiền bảo nhị Tiền quân.

Thổ phi ở Kinh-bắc là Thân Văn Đồng nguy xưng là thống lĩnh thượng đạo, đem đồ đảng hơn 40 người ra thú. Quan Bắc-thành tâu lên. Vua cho rằng Đồng là giặc trốn lâu năm, giết hại nhiều người, sai giết đi, còn dư đảng đều tha hết.

1. Thụy-thánh lăng: lăng Hiếu Khang hoàng hậu, mẹ Gia-long.

Bọn sai dịch tỉnh Phúc-kiến nước Thanh là Hứa Ninh-an và Lý Chấn-thị gặp bão, thuyền giạt vào đậu ở Vũng-lâm trấn Phú-yên. Sai trấn thần cấp cho bạc lụa đưa về nước.

Vua chăm chính sự, từng cùng bày tời bàn bạc, sáng thì đến trưa, đêm thì đến trống canh hai mới thôi.

Quan Bắc-thành tâu nói: « Ngạch thuế cửa quan bến dò thu toàn bằng bạc, người lãnh trưng phần nhiều không muốn, xin rút giá, tình ra thì giảm mất hơn 8 vạn quan ».

Vua dụ rằng: « Nhà nước không thiếu gì của, không nên với dân so kè. Y theo lời xin ».

Vua cùng bộ Lễ bàn về lễ trừ phục ở cung Khôn-nguyên, Bộ thần tâu nói: « Theo Lễ ký thì việc tang một năm, 11 tháng làm lễ luyện, 13 tháng làm lễ tương, 15 tháng làm lễ đàm, đó là lối chính của lễ. Duy quan tài hãy còn quản, chưa nên lấy áo thường đổi áo tang. Lại xét thiên « Tang phục tiểu ký » chép rằng: « 3 năm rồi sau mới táng, tất phải tế lần nữa ». Trong khoảng hai lần tế đó không thể trừ tang cùng một kỳ được ». Thế là bảo rằng vì có việc chưa kịp táng thì trong khoảng ấy lễ luyện và lễ tương tất phải đợi táng xong thì lại cử hành lại lễ tế ấy. Nhưng tế phải làm hai lần, không thể tế cùng một kỳ được. Thiên « Tiểu ký » lại nói: « Quản lâu mà chưa chôn, duy người chủ tang không trừ phục, còn thì tang ba tháng, hết số tháng là trừ phục ». Người chủ tang không trừ phục là con đối với cha mẹ, cháu đối với ông bà, nếu chưa táng xong thì không được bỏ áo mũ trở vậy. Còn người tang ba tháng thì để hết số tháng thôi. Nếu là người

thần thuộc đề tang ba tháng hay một năm thì tình dù tháng là bỏ trở, nhưng đồ trở phải thu cất lại đề đợi khi đưa táng. Thế là trước khi chưa táng, lễ luyện và lễ tương chưa làm được, áo trở chưa bỏ được, sách đã nói rõ, nghĩa đã thấy rõ. Lại xét tiên nho là Dũ Uất-chi nói rằng thiên «Phục vấn» nói: «Vua đề tang phu nhân, đó là người cao đối với người thấp, không được như người thấp đối với người cao, không vin cơ người thấp chưa táng mà đề cho người cao phải mặc mãi đồ trở. Từ Càn-học cũng cho lời nói của họ Dũ là phải. Thế mới biết người cao đối với người thấp, dẫu đã lâu mà chưa táng, mà áo trở cũng có thể bỏ vậy». Vua cho là phải, hạ lệnh bàn nghị tiết đề dâng. (Buổi hôm trước ngày hết tang một năm, vua bỏ áo tang, nội giám đem cất đi. Đến ngày đó, bàn thờ bày đặt như nghi thức tế điện lớn. Vua mặc đồ trắng, đội mũ xuân thu bằng sa trắng, áo tràng vạt bằng sa trắng, xiêm lụa trắng, giày và bít tất trắng, đến trước bàn thờ làm lễ. Khâm mạng hoàng tử công và các hoàng tử hoàng nữ hoàng tôn vẫn mặc áo tang làm lễ điện. Hoàng nữ đã lấy chồng, hoàng tôn cha còn sống, trưởng công chúa và cung tần tả hữu, vợ lẽ hoàng tử hoàng tôn, tôn nhân chịu năm bực tang, cùng các quan văn võ tam phẩm trở lên, buổi chiều hôm trước đều bỏ áo tang mà thu cất đi, đến ngày thì đội khăn vải trắng, mũ văn võ tù tài, áo thường và áo tràng vạt vải trắng, xiêm vải trắng, giày và bít tất trắng, kính chờ làm lễ. Tế điện lớn, tế cửu ngu, tế tốt khốc đồ mặc cũng theo như thế. Duy khi cáo dời quan tài đề rước đi táng thì vua mặc đồ trở, mọi người đều mặc trái chiều. Lễ an

táng xong, vua cởi bỏ đồ trở, mọi người đều theo bỏ đồ trở. Còn tế luyện, tế tương và tế đàm thi sau ngày tốt khốc mới cử hành. Tế luyện vua mặc lễ phục, đội mũ xuân thu bằng sa thảm, áo trắng vạt bằng sa thảm, xiêm bằng lụa màu, biếc lót lụa trắng, giày và bi tất đen. Tế tương và tế đàm, vua mặc đồ màu, mũ xuân thu bằng nhiều thảm, áo trắng vạt bằng sa đoan bảo lam, xiêm sa biếc lót trắng, bi tất lam, giày đen. Khâm mạng hoàng tử công, các hoàng tử, hoàng nữ, hoàng tôn, tế luyện thi mặc đồ lụa mộc, tế tương thi mặc đồ trắng, tế đàm thi mặc đồ màu. Hoàng nữ đã lấy chồng, hoàng tôn cha còn sống, trưởng công chúa tả hữu cung tần và vợ lẽ của hoàng tử hoàng tôn, đều mặc đồ màu. Tôn nhân và các quan văn võ đều mặc lễ phục).

Rồi triệu bầy tôi bàn định về việc ninh lăng và các lễ tiết. (Tháng 3, ngày kỷ Sửu, cáo khải kỳ [kỳ đưa]. Ngày tân Mão tế khải điện [tế điện đề đưa], ngày bình thân tế tổ điện, ngày canh Tý tế khiển điện, ngày qui Mão an táng, ngày giáp Thìn lễ sơ ngu, ngày tân Hợi tái ngu, ngày giáp dần tam ngu, ngày kỷ Mùi tháng tư tứ ngu, ngày nhâm Tuất ngũ ngu, ngày ất Sửu lục ngu, ngày mậu Thìn thất ngu, ngày tân Mùi bát ngu, ngày mậu dần cửu ngu, ngày canh Thìn tốt khốc, ngày đinh Hợi tháng 5 tế luyện, ngày giáp Tý tháng 6 tế tương, ngày bình dần tháng 7 tế đàm. Ở phía Nam bàn thờ, đặt ngai vua ngự trông hướng tây. Vua ngự lên ngai. Khâm mạng hoàng tử công làm lễ, tế khiển điện, tế an táng, tế đàm, đều rước vua đến lễ. Từ tuần sơ ngu đến tế đàm, hoàng tử, hoàng nữ, hoàng tôn, tả hữu cung tần, phủ tôn nhân, các quan văn võ tại Kinh, các

quan thành dinh trấn, qui huyện, qui hương, công tính, làng Bùi-xá, làng Yên-du, làng An-quán, con cháu nhà Lê, con cháu họ Trịnh, đều phụ tiến lễ phẩm. Các hương thân kỳ lão ở các huyện dinh Quảng-đức thì trong ngày ninh lãng đặt hương án ở bờ sông làm lễ chiêm bái).

Tháng 2, triệu tổng trấn Gia-định Lê Văn Duyệt, đô thống chế Trần Văn Năng, phó tướng Tô Văn Mạc, hiệp tổng trấn trấn Bắc-thành Lê Chất, thượng thư Hộ bộ Nguyễn Đình Đức, và các quan dinh trấn đều một người về Kinh. Rồi có điệp báo ở Gia-định rằng quân Xiêm tiến vào Khồ-đạt-mang (tên đất) nơi phao rằng đi đánh Man Lào, nên lại hạ lệnh cho Văn Duyệt và Văn Năng lưu lại thành để phòng bị.

Nước Chân-lạp sai sứ đến Gia-định dâng biểu nói là có của quốc vương thành khẩn xin về Kinh để chiêm yết bàn thờ. Thành thần tâu lên. Vua cho rằng đường sá xa xôi, sắc miễn cho.

Vua nghĩ đến bầy tôi tùy vong của nhà Lê cũ giữ trọn lòng trung, sai quan Bắc-thành thăm hỏi và cấp cho tiền gạo.

Bói lại ngày tế Nam giao. Trước bói được ngày giáp tý, vì trời mưa nên đổi lại.

Hạ lệnh cho các phủ huyện trữ tiền án tuất mỗi nơi đều 50 quan để cấp cho người đi đường ốm chết. Dụ rằng: « Nuôi dân như nuôi con là việc đầu của vương giả phát chính thi nhân. Trẫm thường lấy lòng thương người mà làm chính sách thương người, mong xa gần đều thông đức hóa, phong tục trở nên thuần hậu. Gần đây nghe có người đau ốm giữa đường, dân sở tại đã

không nhận nuôi lại còn đường đuôi, chẳng chút lòng thương xót giúp nhau, phong tục ấy rất là bạc bẽo. Từ nay quân dân đi đường có người đau ốm thì chủ quán ở làng xóm đều phải tùy tiện bảo dưỡng, không được đường đuôi, mỗi ngày nuôi nấng bao nhiêu, nhà nước trả tiền, chết thì cấp tiền chôn cất, để cho kẻ còn người mất đều được nhờ ơn, không một ai phải bơ vơ thất sở. (Cấp tiền nuôi dân và quân mỗi ngày 30 đồng; cấp tiền chôn quân 3 quan, dân 1 quan).

Ngày giáp tuất tế Trời Đất ở đàn Nam giao.

Gia-định gạo rẻ (một phương gạo giá 5 tiền). Sai thành thần đồng chừa vào kho. Sai đội Hoàng-sa là bọn Phạm Quang Ảnh ra đảo Hoàng-sa thăm dò đường biển.

Phó thống thập cơ Uy Thắng Hậu quân là Hồ Văn Đứơc xin mộ thêm dân ngoại tịch từ sông Linh-giang trở vào hồ vào bầy đội của vệ Hậu bảo tam. Vua y cho.

Đội phủ Thiệu-thiên làm phủ Thiệu-hóa, phủ Ứng-thiên làm phủ Ứng-hóa.

Cho Sơn-nam thượng hạ, thóc thuế vụ chiêm năm nay được nộp thay bằng tiền 5 phần 10, Sơn-tây, Kinh-bắc, Hải-dương, Yên-quảng, Thái-nguyên nộp thay bằng tiền 6 phần 10 (một học thóc là 1 quan tiền). Vì mùa màng ở các trấn kém thu, thành thần xin cho nộp thay bằng tiền. Vua y cho.

Hạ lệnh cho bộ Lại từ nay quan viên văn võ được cất bổ do người tiến cử thì chiếu văn phải chép rõ tên người tiến cử để phòng tra xét.

Triệu hiệp trấn Sơn-nam hạ là Đinh Văn Nhã về Kinh. Lấy hiệp trấn Sơn-nam thượng là Nguyễn Quang Huyền làm hiệp trấn Sơn-nam hạ, cựu cai bạ Quảng-đức là Trần Ngọc Quán làm hiệp trấn Sơn-nam thượng.

Lấy cựu tham [hiệp Cao-bằng là Đào Xuân Thự làm tham hiệp Sơn-nam thượng.

Tháng 3, sai bộ Lễ đem ngày ninh lăng bố cáo trong ngoài. Lấy Nguyễn Văn Thành làm tổng bộ sử, Nguyễn Văn Nhân làm phó, Nguyễn Đức Xuyên làm phù liên sử, Lê Văn Phong, Nguyễn Việt Bảo làm phó, Hoàng Công Lý, Trần Đăng Long quản đạo Tiền thủy, Phan Văn Thủy quản đạo Hậu thủy, Phan Tiến Hoàng, Nguyễn Văn Hiếu quản Tả bộ binh, Nguyễn Đức Thành, Hoàng Văn Diêm quản Hữu bộ binh. Định hiệu lệnh đi nghỉ, luyện tập các quân, thưởng cho theo thứ bậc (hạng nhất mỗi người tiền 1 quan, hạng nhì 7 tiền, hạng ba 5 tiền, hạng tư 3 tiền). Sai Nguyễn Văn Trí và Trương Đăng thủ hộ Kinh thành.

Ngày tân mao, dời quan tài Hoàng hậu đến điện Hoàng-nhân. Ngày canh tý, linh giá bắt đầu phát. Vua thân đi đưa. Ngày nhâm dần an táng ở phía hữu huyền cung [huyệt] lăng Thiên-thụ. Ngày ất tý, đặt thần chủ ở điện Hoàng-nhân.

Đắp thành đất Quảng-ngãi.

Đổi đội Nội cần Thị nội làm đội Phụng cần.

Triệu trấn thủ Bình-hòa là Nguyễn Đắc về Kinh; lấy chương cơ Mai Tiến Vạn lãnh trấn thủ Bình-hòa.

Lấy quản phủ Đoan-hùng là Nguyễn Công Đạt làm trấn thủ Thái-nguyên.

Trấn thủ Hà-tiên là Trương Phúc Giáo ốm phải nghỉ việc; lấy trấn thủ Biên-hòa là Nguyễn Văn Triêm làm

trấn thủ Hà-tiên, chương cơ Tống Văn Khương lãnh trấn thủ Biên-hòa.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, tế hạ hương.

Người Man ở bảy sách Cam-lộ vào cống, xin đến diện Hoàng-nhân dâng hương. Vua y cho. Cống bộ về Kinh có hơn 90 người. Vua sai bộ Lễ bàn định từ nay trở đi cống bộ chỉ lấy 55 người làm bạn (Sai trưởng 7 người, bộ thuộc 16 người, theo hầu 32 người, như sai trưởng có việc không thể đi được, thì cho lấy người thân quyến đi thay. Phàm các vật hạng ban thưởng, người sai trưởng không đi, cũng cùng được hưởng như người đi, còn người đi thay thì theo như bộ thuộc mà thưởng cấp).

Vua thấy việc làm ruộng các địa phương không được thuận, nên ra lệnh giảm thuế vụ hạ năm nay cho Quảng-đức, Quảng-trị, Quảng-bình, Nghệ-an, Thanh-hoa, Thanh-bình, Quảng-ngãi, Phú-yên, Bình-hòa, Bình-thuận 3 phần 10 và Quảng-nam, Bình-định 2 phần 10.

Thổ phi ở Thái-nguyên cướp châu Bạch-thông. Thổ mục là Hoàng Thu Nguyên và Trâu Đường Văn đem dân thổ đánh bắt, bắt sống và chém tướng và đồ đảng hơn 10 người. Việc tâu lên. Cho Thu Nguyên và Đường Văn làm chánh thuộc hiệu, thưởng 500 quan tiền.

Đời dinh Ai-lao làm đạo Ai-lao; lấy cai đội Nguyễn Văn Xiêm làm quản đạo.

Sửa chùa Thiên-mu, đúc tượng phật. Vua đến xem, nhân bảo Trịnh Hoài Đức rằng: «Chùa này đất có linh khí, từ khi hoàng tổ ta là Hiền tông Hiếu minh hoàng đế, năm thứ 23 giáp ngọ [1714] tu tạo đại quy mô đến nay đã được 101 năm rồi, nay nhân chùa cũ mà sửa lại

đề truyền thắng tích ». Thường cho binh và thợ hơn 1.800 quan tiền.

Lưu thủ Quảng-trị là Nguyễn Cửu An ốm phải nghỉ việc ; lấy trấn thủ Bình-thuận là Phan Tiến Quý làm lưu thủ Quảng-trị, quản cơ cơ Thuận-nghĩa nhất là Trương Văn Chính làm trấn thủ Bình-thuận.

Lấy thuộc nội cai đội là Nguyễn Thành làm quản thủ đạo Cam-lộ, khám sai cai cơ Nguyễn Đức Triệu làm quản thủ đạo Trần-giang, Hàn làm viện, Trần Chi Thái làm tham luận đạo Kiên-giang, Nguyễn Hy làm tham luận đạo Phố-hải.

Cai bạ Vĩnh-thanh là Kiều Công Tuấn chết. Lấy ký lục Quảng-trị là Lê Đặc Tàn làm cai bạ Vĩnh-thanh, cựu hiệp trấn Kinh-bắc là Nguyễn Duy Hòa làm ký lục Quảng-trị, cựu hiệp trấn Tuyên-quang là Bùi Công Kim làm hiệp trấn Kinh-bắc. Liền đó Kim chết.

Chuẩn định quan viên văn võ trong ngoài phạm ai được sai khiến việc quân thì số gạo lương đem đến quân thứ, mỗi tháng 1 phương, dư thì để cho vợ con ở nhà nhận lãnh.

Miễn lễ bạc trong ba năm cho biên binh đóng thú ở Nam-vang.

Lấy người Minh-hương là Phan Gia Thành làm cai phố ở Bắc-thành, coi việc thuế nhà của người Thanh, mỗi năm nộp bạc 1.500 lạng.

Lấy thổ tù châu Chiêu-tấn là Đèo Quốc Thề làm Chiêu thảo đồng tri, đóng giữ đồn Ninh-biên (thuộc tỉnh Hưng-hóa, tiếp giới với huyện Kiến-thủy nước Thanh).

Lấy trấn thủ Sơn-nam hạ là Nguyễn Văn Xuân làm phó tướng Tả quân, đóng thú ở Gia-định, phó tướng

Tiền quân là Nguyễn Văn Hiếu lãnh trấn thủ Sơn-nam hạ.

Tháng 5, định chức vụ cho thuộc ty ở dinh trấn các thành: thư ký thi coi hai thừa ty tả hữu, cai án coi Tả thừa ty, tri bạ coi Hữu thừa ty.

Sai hiệp tổng trấn Bắc-thành Lê Chất trở về thành, triệu tổng trấn Nguyễn Hoàng Đức đến Kinh châu thăm. Hoàng Đức đến, nhân xin nghỉ về Gia-định. Vua y cho.

Đắp thành đất Bình-định hạ lệnh hoãn đòi lính 3 tháng.

Lấy cai cơ Tượng quân là Phan Đình Tần làm phó vệ úy vệ Hùng cự nhất, cai đội Tống Văn Sở làm phó vệ úy vệ Hùng cự nhị.

Thuyền của sứ thần Xiêm-la sang nước Thanh nộp thuế cống gặp bão vào đậu ở phần biển Bình-định, khẩn xin đến Kinh châu thăm. Trấn thần tâu lên. Vua sai thưởng cho mỗi người 3 tháng lương, hộ tổng đến Kinh. Lại cấp thêm cho mỗi người 5 tháng lương rồi cho về. Rồi Xiêm-la sai sứ đến tạ. Khi sứ giả về, tâu xin đi qua Nam-vang để thăm vua Phiên, rồi theo đường Châu-đốc Hậu-giang mà về nước. Vua cho rằng đi như thế là có ý nhòm ngó, không cho.

Sai Trịnh Hoài Đức xét hạch người công tình ai có học thì làm sổ tâu lên. Bèn cho bọn Nguyễn Hữu Nhân 10 người sung Cống sĩ viện.

Cai bạ Định-tướng là Lê Xuân Nghi ốm phải nghỉ việc; lấy thêm sự Công lộ là Phan Văn Thịnh làm cai bạ Định-tướng.

Cho Cao-bằng, Lạng-sơn, Tuyên-quang, Hưng-hóa, và năm huyện ở Sơn-tây nộp thuế về Tuyên-quang. Ở

Hưng-hóa thóc tó vụ chiêm từ nay được nộp thay bằng tiền và bạc mỗi thứ một nửa. Nếu ở trấn thóc gạo chi lượng bổng không đủ thì cũng lấy tiền bạc cấp bù.

Nước Chân-lạp sai sứ sang cống.

Quan Bắc-thành tâu nói: « Bảo Bảo-thắng ở Hưng-hóa (thuộc châu Thủy-vỹ) đất gần nước Thanh, rất là quan yếu, xin sai chiêu thảo sứ là Đinh Công Kiên đem thổ binh và thủ hạ 100 người đóng giữ, cấp cho lương tháng. Vua y lời.

Thuộc hạ ở phủ hoàng bầy Tấn là Đinh Kỳ Kế tự đến sân điện Cần-chánh dâng lời. Vua thấy cai cơ Thị nội Võ Việt Bảo thất sát, khiển trách nặng. Sắc từ nay bên võ thi cấm binh từ cai đội phó đội trở lên, các quân dinh thi từ phó vệ úy trở lên, ai có coi quân thi cho vào do cửa Tả túc, bên văn thi từ thêm sự sáu bộ và Nội Ngoại đồ gia trở lên, cùng là câu kê Công bộ, câu kê và thủ hợp Đồ gia Hàn lâm thị thư, thị hàn cùng Khâm thiên giám, thi cho vào do cửa Hữu túc. Hai bộ Lại Binh phải báo trước quan tịch cho người coi cửa biết, không được vào bừa.

Lấy hương cống đời Lê là Đinh Phiên làm đốc học Quảng-nam.

Tháng 6 đúc phiến bạc trung bình. (Mỗi thoi nặng 5 đồng cân, hai mặt đều in chữ, một mặt in bốn chữ « Gia-long niên tạo », một mặt in sáu chữ « Trung bình ngàn phiến ngũ tiền ». Trị giá là 1 quan 4 tiền).

Vua thấy bạc nhà nước đúc chỉ có đĩnh 10 lạng và đĩnh 1 lạng, sở tại thu nộp, khi có số lẻ loi thì không lấy gì mà trả lại được. Bèn sai Bắc-thành đúc thêm bạc phiến, ban điều lệ để thi hành. Người nào đúc riêng

hay tiêu hủy bớt xén thì đều có tội. 1. Nhà đồ Bắc-thành, phạm dân gian có bạc lẻ đem đến trường xin đúc bạc phiến, hoặc lấy bạc đủ tuổi đúc bạc làm phiến « trung bình » để đổi lấy phiến bạc nhà nước, thì mỗi 20 phiến thu tiền in dấu 2 tiền, để chia cấp tiền công thợ, tiền vật liệu và tiền bổng lệ cho thợ, còn dư thì nộp vào kho.

2. Các ngoại trấn Bắc-thành, dân gian có ai nộp bạc đinh 10 lạng chưa có chữ « trung-bình », người phụ trách xét sắc bạc là đủ tuổi, thì cũng lấy bạc ấy chiếu lệ thu tiền ấn tích đem nộp ở thành.

3. Cửa quan bến đò ở Bắc-thành đánh thuế hàng hóa, đều theo số tiền khiến đem bạc đinh bạc phiến nộp thay, số lẻ không đủ 1 quan 4 tiền trở xuống thì mới nộp bằng tiền.

Lấy Cần chánh điện học sĩ Nguyễn Du làm hữu tham tri Lễ bộ.

Miễn cho ty Giáo phường ở Thanh Nghệ khỏi về Kinh. Lệ trước đến hai tết Chính đán và Đoan dương họ phải về Kinh tấu nhạc. Vua thương vì đường xa khó nhọc và phí tổn, nên miễn cho.

Sai đại sứ cục Báo tuyên là Trương Văn Minh kiêm lãnh việc Nhà đồ Bắc-thành.

Cho các quan viên hưu trí hưu dưỡng được cấp tiền tuất chiếu theo phẩm trật, người bị giáng thì theo phẩm trật bị giáng mà cấp; duy người bị cách thì không được dự.

Hạ lệnh cho các cửa quan bến đò ở Bắc-thành mỗi năm lấy tháng 11 làm kỳ đấu giá.

Hiệp trấn Cao-bằng là Bùi Văn Bình, tham hiệp Sơn-nam hạ là Nguyễn Bá Tuần đều về đình ưu; lấy thêm sự

Công bộ là Nguyễn Văn Thục làm hiệp trấn Cao-bằng, tri phủ Nam-sách là Nguyễn Hữu Phụng làm tham hiệp Sơn-nam hạ.

Định cách thưởng cho người bắt được tang vật. Phạm bắt được người ăn trộm của kho tàng, người thưởng (không phải là chủ thủ kho tàng) thì được thưởng gấp mười lần tang vật bắt được, người chủ thủ và quản nhân thì thưởng gấp năm lần, người có quan chức thì đình thưởng; số tiền thưởng thì thu ở người phạm tội. Nhân dân bắt được của rơi, không phải của nhà riêng đáng có, thì cho nộp vào Nhà đồ, cấp cho tiền theo giá. Nếu có người đem bán thứ vật ấy, thì cho giữ lại báo quan, nhân đó xét ra được kẻ trộm thì cũng được chiếu lệ cấp thưởng.

Triệu tổng trấn Gia-định là Lê Văn Duyệt về Kinh; sai phó tổng trấn là Trương Tiến Bửu quyền giữ ấn vu tổng trấn.

Lấy tri phủ Quốc-oai là Cao Huy Diệu làm chánh đốc học Gia-định.

Định lệ đình ưu cho quan viên văn võ. Chiếu rằng: «Việc tang ba năm là lễ suốt từ xưa nay. Sau khi đại tường lại đi làm việc cũng là nhiệm vụ thường của kẻ bầy tôi. Chỉ vì lấy hiếu làm trung cho nên không được vì tình bỏ nghĩa. Vậy những quan viên trong ngoài gặp tang cha mẹ, thì định cho hạn tháng trị tang theo thứ bậc khác nhau. (Nhất phẩm 12 tháng, nhị phẩm 9 tháng, tam phẩm 6 tháng, tứ phẩm 3 tháng, ngũ phẩm 2 tháng. Quan chức các dinh vệ quân Thị trung, Thị nội, Thần sách mà giữ cấm binh không thể vắng mặt thì nhất phẩm 6 tháng, nhị tam phẩm 4 tháng, tứ ngũ phẩm 2 tháng;

đốc học, tri phủ, tri huyện, tri châu, trợ giáo là những người có quan hệ tới phong hóa thi đặc cách thêm cho, đều 12 tháng. Từ nhất phẩm đến tứ phẩm có tang, đều làm sớ xin về quê trị tang, ngũ phẩm thì do quan trên sớ quản cấp bằng, đem việc báo cho bộ Binh, bộ Binh đến cuối tháng làm sách tâu lên. Đốc học, tri phủ, tri huyện, tri châu, trợ giáo thì do quan địa phương cấp bằng rồi làm sớ tâu lên. Các quan viên là con thứ, có người anh trưởng chủ tang, thì nhất phẩm 6 tháng, nhị phẩm 4 tháng, tam phẩm 2 tháng, tứ ngũ phẩm 1 tháng. Hết hạn mà chưa xong việc chôn thi cho được xin nghỉ thêm. Phạm trước khi chưa về đình ưu mà có sai đi việc khẩn yếu, hay có dự danh sách đi sứ dã đệ nộp rồi, hay đem quân đi dẹp bắt trộm cướp mà địa phương có việc gấp, thì đều phải đợi việc xong rồi mới cho về quê trị tang. Phạm trong hạn trị tang, nếu gặp việc binh cách, đặc biệt có lệnh triệu đi, thì không theo lệ này. Trong vòng 27 tháng, gặp các lễ tế Giao Miếu, lễ triều hội, khánh hạ đều được miễn châu lay.

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ

QUYỀN LI

THỰC LỤC VỀ THỂ TỒ CAO HOÀNG ĐỀ

Ất Hợi, Gia-long năm thứ 14 [1815], mùa thu, tháng 7, ngày mồng 1, tế thu hưởng.

Sai hơn 3.000 người quân Thần sách ở Thanh Nghệ cùng ngũ quân và tượng quân ở Bắc-thành dời đi thú Gia-định. Triệu linh thú cũ trở về.

Đốc học Nghệ-an là Nguyễn Khắc Tráng ốm phải nghỉ việc; lấy cựu đốc học Thanh-hoa là Phan Bảo Định làm đốc học Nghệ-an.

Nã Lý-hóa ở Quảng-bình bị cháy, lửa lan cháy mất 500 nhà. Cấp cho mỗi nhà 1 quan tiền và 1 phượng gạo.

Lấy hiệp trấn Hải-dương là Nguyễn Văn Lê làm hiệp trấn Kinh-bắc, thêm sự Hộ bộ là Ngô Khôn làm hiệp trấn Hải-dương.

Sai Quảng-nam chở 50.000 hộc thóc đem trữ ở Bình-hòa.

Vua từng cùng Phạm Như Đăng bàn về đại tiết xuất xử (1) của người hiền giả đời xưa, nói rằng: « Người

1. Xuất là ra làm quan; xử là ở nhà.

hiền có ích cho nước, lui về ăn dật dề dạy học trò thì ơn trách có hạn, sao bằng ra làm quan mà thi hành đạo lý để lợi trách khắp tới muôn dân ».

Định lại lệ cấm cửa Hoàng thành. (Mỗi ngày chập tối canh đầu, cuối 9 khắc thì đánh trống đồng, cuối 10 khắc nổ hai tiếng súng, các cửa đều đóng. Đến canh năm, cuối 7 khắc đánh trống đồng, cuối 8 khắc cũng nổ hai tiếng súng, các cửa đều mở. Ngày đại triều thì khắc đầu canh năm đánh ba hồi trống; đến 8 khắc, nổ súng mở cửa như lệ. Ban đêm, lúc các cửa đã đóng, nếu có việc truyền lệnh cho người ra vào, người canh cửa xét xem có bài mới được mở cửa. Nhân dân có việc đến Võ công thự thì vào cửa Hiền-nhân, đi theo góc bên trái ngoài tường điện Hoàng-nhân. Tả cứu, Thị mã, Thị tượng ra vào cũng đi như thế).

Thổ mục châu Vy-xuyên trấn Tuyên-quang là Nguyễn Thế Niêm mưu nổi loạn, bị bắt giết. Hạ lệnh cho trấn thần chia số dân (ba tổng Tiên-yên, Mục-hà, Lâm-đường, hai xã Tu-long Phấn-vô, làm bảy thuộc, chọn lấy bảy người giỏi việc cho làm cai thuộc, do tuyên úy thêm sự là Ma Doãn Điền cai quản. Rồi khiến phạm thổ tù ở các trấn ngoại được cai quản một tổng hay 2, 3 xã thì chỉ cho chức cai thuộc, chép làm lệnh.

Trừ thuế biệt nạp gỗ lim cho thôn Vạn-hộ và xã Nam-trạch và thuế biệt nạp vải cho xã Đông-ấp, đều thuộc trấn Nghệ-an; kén dân làm lính.

Lấy phó vệ úy vệ Dương võ quân Thần sách là Nguyễn Cửu Lợi làm phó vệ úy vệ Uy võ.

Tháng 8, đốc học Sơn-tây là Nguyễn Lý về dinh ưu; lấy trợ giáo Sơn-nam thượng là Nguyễn Huy Chung làm đốc học Sơn-tây.

Lấy phó vệ úy vệ Hậu nhị Thị trung là Nguyễn Mậu Xuân quản Nhà đồ Bắc-thành, cai cơ Nguyễn Công Hòa làm phó.

Ban Quốc triều luật lệ cho trong ngoài.

Chiếu rằng : «Việc hình là để ngăn cấm giữ dân, có sáng rõ thì kẻ ngu ngoan mới biết đường đi lối tránh. Pháp luật là của chung của thiên hạ, có nhất định thì quan lại mới biết có chỗ nắm theo. Quốc triều ta từ trước xử đoán việc hình đã sẵn phép thường. Từ buổi Tây-sơn nổi loạn, pháp kỷ mất hết, hình phạt không có điều chương, kẻ gian dối ngày càng lắm. Trăm vâng mệnh trời, vỗ về dân chúng, dạy đức sửa lễ, theo lời thánh nhân, nhưng sau buổi loạn ly, mỗi tề chưa trừ được hết. Khi cụ giúp việc trị nước, không dám bỏ lơ. Trong khi xử đoán, mệnh người rất là quan hệ, trăm rất để ý. Trừ cái xấu, bày cái mới, cần phải có pháp nhất định. Vậy nên đặc biệt sai đình thần tham khảo điển cũ của bản triều, luật lệ đời Hồng-đức, điều luật nước Đại Thanh, cùng những điều mới định gần đây, châm chước những điều thích hợp mà biên tập thành sách, trăm thân hành xét định, phàm 22 quyển. Lại sai các đại thần tổng tài và khảo hiệu đề khắc in, ban hành cho thiên hạ để làm lệnh điển đời đời. Từ nay xét xử ngục tụng, hết thảy y theo luật điều mới ban, không được trái vượt. Quan lại trong ngoài đều nên lưu tâm nghiên cứu. Dân dung mà xử đoán, cần phải rõ ràng, khiến cho hình được công bằng, không ai bị oan lạm, để báo đáp tấm lòng cần thận sự phạt thương xét việc hình của trăm ». Lại thấy điều lệ mới thi hành, nha môn trong ngoài chưa có thể xem kỹ hết mọi điều, chuẩn cho từ năm nay đến cuối tháng 12 năm đinh sửu, quan xét hình có sơ suất nhằm lần thi không phải là cố ý khép mở tội người thi về tội

roi và trượng đều miễn nghị, về tội đồ trở lên thì chiếu lệ thất xuất thất nhập (1) giảm thêm một bức; từ năm mậu dần trở đi thì xử trị như luật ».

Lấy phó thủ hiệu Lang-sơn là Nguyễn Đình Trác, làm phó quản cơ cơ Hùng tiếp, thuộc hiệu Thái-nguyên là Ngô Dao làm trưởng hiệu chi Hùng kiên.

Hiệp trấn Thanh-hoa là Nguyễn Xuân Thục trước làm cai bạ Vĩnh-thanh, cùng với ký lục Trần Bá Bảo xử án làm khép nặng tội cho người, đến nay việc phát, sai đánh mỗi người 80 roi, vẫn được lưu chức làm việc.

Bình-định mưa lụt. Sai trấn thần hoãn việc xây thành, cho dân về nghỉ.

Thường cho thợ các cục làm việc ở Kinh 3.000 quan tiền. Lại cấm những người quản quân ở trong ngoài, phạm lương tiền ấn tử cho binh lính không được tạ sự thu bổ bớt xén, làm trái thì lấy quân pháp trị tội.

Sơn-tây và Sơn-nam thượng nước lụt. Tha thuế ruộng cho 214 xã thôn bị tai nạn.

Hạ lệnh cho các địa phương, phạm án cướp từ năm Gia-long thứ 12 về trước, những kẻ tòng phạm một lần đều giảm làm tội đồ 5 năm; nếu là kẻ đầu đảng cố phạm thì không kể nhiều lần hay ít lần, năm tháng xa hay gần, đều xử chém.

Tháng 9, dựng đền Sơn thần ở núi Thiên-thụ. (Mỗi năm, cứ mùa xuân mùa thu, sau tế miếu Đô thành hoàng một ngày, thì chánh phó giám sơn lãng sử một người đến tế). Sai hàng năm tế Nam giao thì đem sơn thần [Thiên-thụ] bày ở Phương đàn, ở sau tòng vị hữu nhị các thần sơn hải xuyên trạch.

1. Thất xuất thất nhập : Nhầm lẫn mà xử nhẹ tội bớt hay nặng tội thêm cho người ta.

Tha những biên binh ở Thanh Nghệ Bắc-thành và Thanh-bình ứng triệu đến Kinh trở về hàng ngũ.

Dựng kho Xích-đăng trấn Hải-dương. Sáu huyện Đường-an, Đường-bào, Gia-lộc, Từ-kỳ, Vĩnh-lại, Thanh-miền trấn Hải-dương gần với Xích-đăng trấn Sơn-nam thượng, thành thần xin dựng kho tạm ở đây khiến sáu huyện ấy đem nộp thuế má ở đây cho tiện chuyên chở. Vua y lời tâu.

Lấy quân phủ Thường-tiêu là Võ Văn Thân làm phó thống thập cơ Kiên Nhuệ của Tả quân.

Ký lục Bình-hòa là Lê Viết An ốm phải nghỉ việc; lấy tham quân Hữu quân là Bùi Đức Minh làm ký lục Bình-hòa.

Ký lục Bình-thuận là Lưu Văn Vượng chết; lấy tham hiệp Hải-dương là Trần Thiên Tài làm ký lục Bình-thuận, tri phủ Hạ-hồng là Hà Nguyễn Thứ làm tham hiệp Hải-dương.

Đổi vệ Thị trà Thị nội làm vệ Kiện võ.

Lấy thuộc nội vệ úy vệ Trung nhất Thị trung lãnh trấn thủ Bình-định là Hoàng Công Lý làm tả thống chế Thị trung (quản năm vệ Trung nhất, Tiền nhất, Tả nhất, Hữu nhất, Hậu nhất), thuộc nội vệ úy vệ Trung nhị là Trương Phúc Đặng làm hữu thống chế (quản năm vệ Trung nhị, Tiền nhị, Tả nhị, Hữu nhị, Hậu nhị), thuộc nội cai cơ thị nội chánh quản các vệ đội Trung hầu, Chấn uy, Tiểu sai là Võ Viết Bảo làm thống chế Thị nội (quản năm vệ Nội trực, Thắng uy, Trung tin, Trung cần, Kiện võ), cấp cho một đội Hùng sai làm lính theo hầu, sai chia ban đề túc trực, mỗi ban một người. Khi nào xa giá đi tuần thì lấy một người ở giữ kinh thành. Lại thấy đó là chức thị vệ nên miễn cho việc dự định nghị.

Lấy chương cơ Phạm Văn Quỳnh lãnh trấn thủ Bình-định.

Lấy phó vệ úy vệ Hữu nhất Thị trung là Nguyễn Văn Nguyên làm vệ úy vệ Hữu nhất, phó vệ úy vệ Hậu nhất là Hoàng Văn Tại làm vệ úy vệ Hữu nhị.

Dựng đền thần Hà bá. (Đền ở xã Hà-trung, mỗi năm sau tế thu ở miếu Hội đồng một ngày thi dinh thần Quảng-đức cử một người đến tế).

Sai Quảng-binh mộ thêm dân ngoại tịch biên bổ làm hai đội lính kho, chia ban coi giữ.

Chương Hữu quân kiêm giám quân Thần sách quận công Phạm Văn Nhân chết. Vua rất thương tiếc. Sai Nguyễn Văn Thành trông coi việc tang. Vời Lễ bộ hỏi rằng: « Đối với những đại thần huân cựu cùng nước cùng vui, khi nghe tin buồn thì nghỉ chầu, lễ đời xưa thế nào? ». Bộ thần tâu rằng: « Việc cũ thuộc về đời Đường đời Tống thì nghỉ chầu hoặc 7 ngày, 5 ngày, 3 ngày, 1 ngày không giống nhau. Duy năm Hồng-vũ thứ 23 thì bàn định nghỉ chầu trước sau gồm 4 ngày, xin dùng chế độ ấy ». Vua khen phải, nghỉ chầu 3 ngày, cho 1.000 quan tiền, tặng Thái bảo, thụ là Trung hiến, sai quan dụ tế. Ngày táng nghỉ chầu 1 ngày, sai hoàng tử hoàng tôn đến đưa đám. Công thần chết, nghỉ chầu bắt đầu từ đó. (Văn Nhân là người Tống-sơn, năm Minh-mệnh thứ 5 được tòng tự ở Thế miếu, năm 12 phong Tiên-hung quận công).

Đổi định phép đo thuyền vận tải. Gần đây các hạng thuyền đóng thuế công tư phần nhiều gian trá để cầu cho khỏi chở mà thuyền thì sâu rộng cũng bằng các thuyền chở. Các đội Trường đã đem tộ ấy tâu bày. Bèn sai định thần bàn đổi phép đo thuyền để thi hành. (Phàm thuyền công hay tư, bề ngang không đầy 5

thước trở lên mà được miễn thuế miễn chở thi cho các dinh trấn phái người đi đo lại. Phép đo không kể ván chẵn nước, cứ từ đầu ghép đằng trước đến đầu ghép đằng sau, đo được bao nhiêu thước là bề dài; vẫn chia đôi lấy giữa làm trung tâm, lấy chỗ trung tâm trừ hai bên bản che tự miệng bằng trở xuống một thước, đo được bao nhiêu thước tắc là sạp ngang trung tâm, từ sạp ngang trở xuống đo được bao nhiêu thước tắc là bề sâu. Cứ theo phép đo ấy làm lệ thường. Đo không đúng phép thì có tội. Hạn trong hai tháng thi xong. Thuyền nào trúng vào lệ thuế hay lệ chở thi tùy theo từng hạng tâu lên, cấp cho thuyền bài, còn thuyền nào không đầy 5 thước trở xuống thì làm sổ riêng).

Định lệ chở cho thuyền nghề cá. Theo lệ cũ, thuyền nghề cá bề ngang từ 5 thước đến 9 thước 9 tắc thì nộp thuế mà miễn chở. Đến nay quản Trường đã là Tống Phước Ngoạn và Trần Văn Tuấn phái người đi đo lại các thuyền, thấy sạp ngang thuyền có hơi lớn, hỏi ra thì chủ thuyền cũng có người đi buôn mà không đi đánh cá. Vua nghe, nói rằng: «Thuyền nghề cá miễn cho vận tải, vì là chuyên nghề đánh cá, nay đã đi buôn mà miễn vận tải thì so với thuyền hộ khác chẳng là bên nặng bên nhẹ sao?» Bèn sai các dinh trấn lấy phép mới định mà đo lại, phạm thuyền ngang 7 thước trở xuống mà chủ thuyền làm nghề cá, có người man trưởng (1) nhận thực, thì vẫn cho nộp thuế mà miễn chở, còn thuyền ngang 7 thước trở xuống mà chủ thuyền làm nghề buôn, hoặc thuyền hơi lớn ngang từ 7 thước 1 tắc đến 9 thước 9 tắc, thì đều tùy hạng mà chịu vận tải như lệ.

1. Man trưởng: Tức trưởng vạn.

Cấp tự điền cho nhà thờ An-quán. (Đền thờ tổ ba đời của Tống quốc công phu nhân Lê thị). Sai lưu thủ Quảng-nam là Trần Đăng Long chi tiền kho 3 vạn quan, bạc 3.000 lạng mà mua nhiều ruộng dân, thu lợi hàng năm chi việc thờ cúng.

Mở ruộng dân An-cựu làm vườn công, sai dinh thần Quảng-đức chi tiền trả lại cho dân.

Tham hiệp Nghệ-an là Phan Tiến Tuấn chết; lấy tri phủ Đức-quang là Nguyễn Khoa Hào làm tham hiệp Nghệ-an.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, tế đông hương.

Định lệ đứng tên trong chương sớ. Vua dụ bầy tôi rằng: « Chính danh là việc đầu của chính trị. Gần đây những chương tấu ở trong ngoài, có cái chỉ ghi quan tước không, so với cái nghĩa trước mặt vua bề tôi phải xưng tên thì chưa đúng. Lại có tên người đặt bằng tiếng nôm, rất là què mùa. Từ nay chương sớ sớ sách, chỗ chép quan chức phải biên rõ quan hàm và họ tên; người dân thì nam xưng là danh, nữ xưng là thị (như danh Giáp là Trần Văn Giáp, thị Ất là Lý Thị Ất), lời tục đều cấm.

Cho thuế biệt nạp thăm cù du ở Phú-yên chia làm ba hạng mà nộp thay bằng tiền. (Hạng nhất một đời 3 quan tiền, hạng nhì 2 quan 5 tiền, hạng ba 2 quan).

Tả tham tri Lại bộ là Phạm Quang Triệt điều trần ba việc: 1) Xin sai hữu ty đều cử người mình biết. 2) Xin lấy hiệu liêm đức hạnh mà dùng người. 3) Xin tăng thêm thuế khóa và làm lợi cho dân sinh. Sớ dâng lên. Sai dinh thần chám chước bầu bạc đề thi hành.

Thả cho lính mới kén ở đồn điền Gia-định về làm ruộng. Chánh phó quản cơ và cai đội đều rút về thành.

Gia-định bắt được đảng cướp có đứa 14 tuổi. Khi án dâng lên, vua thương là trẻ con bị ép buộc theo, đặc biệt sai đánh cho 100 roi rồi tha.

Lấy tả tham tri Lễ bộ là Trần Quang Tĩnh làm hữu tham tri Binh bộ.

Chuẩn định ngày đình nghị, cứ mờ sáng thì họp, ai trái thì xử tội vi chế.

Dụ bầy tôi rằng: « Việc hình ngục là mạng lớn của thiên hạ, sống chết là ở đó, cho nên sách thi chép có năm phép nghe (1) để xét tình lý của nhân dân, lệnh thi chép mỗi việc phải xét ba lần để đến rõ rệt và tin chắc. Trẫm đối với hồ sơ của bộ Hình tâu lên, hai ba lần xem xét mà còn sợ chưa đúng, hằng muốn mở rộng lời bàn để mong việc hình được công bằng. Từ nay án nặng thi trước do bộ Hình xét xử, đình thần hội đồng duyệt lại, hàng văn từ tham tri đến thượng thư, hàng võ từ phó thống chế đến chưởng quân, lấy thứ tự mà nói trước, bàn luận giống nhau hay khác nhau đều phải tâu lên đợi trẫm quyết định; có việc đưa xuống cho bàn và có đơn tâu của nhân dân cũng như thế ». Lại dụ bộ Hình rằng: « Trong khi đoán ngục, trẫm hoặc nhân giận mà làm quá nặng, bọn khanh nên giữ phép mà cứ việc nói, nếu không nói sẽ có lỗi ».

Sai Nghệ-an triệt bỏ kho Đại-nại; tiền thóc ở Thạch-hà hàng năm nộp vào kho trấn. Dân phụ giữ kho thì kén làm lính như lệ.

Dân biệt nạp thuế gỗ lim xã Tĩnh-diệm trấn Nghệ-an đem bạc khẩn với thuộc lại để cầu tha đòi riết. Thuộc lại bắt đem tố cáo, trấn thần tâu xin trị tội. Vua

1. Năm phép nghe: Tức ngũ thính, bình quan lấy năm cách xét là xét lời nói, nét mặt, hơi thở, tai và mắt, để biết tình dân (Chu lễ).

du rằng: « Dân tình bách thiết, động việc là cầu xin, người trông coi chắc là không quấy rối sao? ». Sai đem bạc trả lại dân mà tha tội. Dân có người tình nguyện đi lính để trừ thuế gỗ thì tâu lên ngay.

Sắc rằng từ nay hoàng tử hoàng tôn vào châu phải có nội giám truyền lệnh mới được vào. Người theo hầu chỉ hạn 5 người.

Thượng thư Hình bộ là Phạm Như Đăng thấy những thuyền vận tải làm hao mất lương của nhà nước, tâu xin đình cấp số thóc gạo thuê.

Vua nói: « Tội thì đã có an nhất định, còn công thuê thì sao lại tiếc được ». Sai cấp cho.

Tháng 11, cho Thái bảo quân công Nguyễn Văn Trương được liệt thờ ở miếu công thần trung hưng.

Định quân chính ở Gia-định. (Phàm lính mới kén, không được yêu sách xã dân phu dưỡng. Người quản suất không được sai việc riêng và quấy nhiễu, cùng nhân việc công mà thu góp. Như xã dân có bị quản suất quấy nhiễu thì cho tố cáo với quan sở tại để xét xử. Binh lính bỏ hàng ngũ mà trốn đi, một lần thì đánh 50 roi, lần sau đánh 70 roi, lần nữa thì xử tử. Đi trận mà trốn thì tuy lần đầu cũng xử tử. Còn như đến kỳ đòi thú, người đương ban mà không đến thì chàm một ngày đánh 30 roi, mỗi ngày thêm một bực, tội chỉ đến 100 roi là cùng).

Hạ lệnh cho quân cơ cai đội ở các trấn đạo thuộc Gia-định mộ dân ngoại tịch làm lính theo hầu, quân cơ 7 người, phó quân cơ 5 người, cai đội 3 người.

Nghệ-an có dịch.

Định lệ phân xử những biên binh người Tống-sơn phạm tội.

Vua dụ bộ Hình rằng: « Biên binh người Tống-sơn là dòng dõi những nhà có công với triều trước được

kén làm túc vệ, đối với pháp luật nên vi tình mà giảm nhẹ. Kẻ nào có phạm tội lưu đồ trượng thì đều cho khỏi thích chữ, duy có phạm các tội ăn cướp, lừa đảo, đó là hạng người vô liêm sỉ, thì vẫn theo luật mà thích chữ. Chép làm lệ ».

Tả thống chế Thị trung là Hoàng Công Lý xin mộ dân ngoại tịch ở Bình-định lập làm đội Thái hương, hàng năm nộp trăm hương mỗi người 1 cân. Vua y cho.

Vua bảo tham tri Nguyễn Hữu Thận rằng: « Xét công các huyện lệnh rất khó. Thuế má dễ thiếu thì xử tội thế nào? » Thưa rằng: « Ngạch thuế trong hạt xin chia làm 10 thành, thiếu 1 thành trở lên thì y phép luận tội, nếu không đến 1 thành thì miễn tội ». Vua cho là phải.

Quan Bắc-thành tâu nói: « Phủ Tam-đới trấn Sơn-tây số dinh điền nhiều, một viên tri phủ sợ làm không hết việc, xin đặt thêm một viên tri phủ nữa để cùng làm việc phủ ». Vua y cho.

Sai lấy đất Tam-độc [Ba-ngòi] trấn Bình-hòa làm nơi dày tù án lưu. Hạ lệnh cho trấn thần chọn nơi thủy thổ hơi lành và có địa lợi có thể nhờ mà làm ăn thì cho dựng nhà tranh cho ở.

Quảng-nam có người thuộc lại tuổi 70 phạm tội xuy. Án dâng lên. Vua bảo bộ Hình rằng: « Theo luật thì người 70 tuổi là được nghỉ việc ». Bèn ra lệnh bãi dịch mà miễn đánh roi.

Vua thấy dân Gia-định nhiều người sang ngụ ở Chân-lạp, sợ làm khổ cho dân Phiên, bèn hạ chiếu dụ vua Phiên là Nặc Chấn rằng: « Nước người đời làm phiên thần, triều đình hằng lo vô về, vốn muốn cho dân người an cư lạc nghiệp, chung hưởng thái bình. Nay nghe dân Hán [Việt] có nhiều người trốn ở nước người. Bọn ấy đều là những người lêu lổng không chăm lo nghề nghiệp, dân nước người cùng họ ở lẫn chắc là

khồ lắm. Nên ra lệnh cho các Ốc-nha xét trong bọn người Hán người nào không phải là thuộc hai đội Cường bộ, An bộ và là linh bảo hộ thì đuổi về hết. Lại quân và dân đến buôn ở Nam-vang phải có bằng do thành cấp, bảo hộ và quan các trấn không được tự tiện cấp giấy thông hành ».

Sai các địa phương hàng năm tiến thú rừng. Vua bảo bộ Lễ rằng: « Những ngày kỵ các thánh phải dâng tiến các vật thế là lễ đấy. Cho nên có vườn nuôi thú vật để cung việc tế tự. Vậy hạ lệnh cho các thành dinh trấn đều dâng thú rừng, hàng năm cùng kỳ vận tải chở về, có thứ gì thì dâng thứ ấy, đừng bắt ép dân ».

Cho các hoàng tử mỗi người một thớt voi.

Người Thanh đưa cai đội Nguyễn Văn Mân và những binh lính bị bão 50 người trở về. Bọn Văn Mân đi chở gỗ ở Gia-định, gặp bão phải giạt đậu vào Nhai-châu nước Thanh, Tổng đốc nước Thanh sai người thông ngôn là Lưu Gia-khu đưa về. Khi tới Kinh vua triệu đến hỏi thăm về dân vật ở Nhai-châu, cho Gia-khu 20 lạng bạc và bảo về.

Vua từng cùng bầy tôi bàn về thiên văn, bảo Trịnh Hoài Đức và Nguyễn Hữu Thận rằng: « Ngày mồng một và ngày rằm mà gặp có thiên biến thì nên bãi việc châu mừng yến hưởng, để tỏ ý sợ hãi tu tỉnh ». Hữu Thận nhân đó tâu rằng: « Thần suy tính thiên tượng, đến ngày mồng 1 tháng 4 và tháng 10 năm đinh Sửu đều có nhật thực ». Vua nói rằng: « Nếu quả có thật thì đại lễ tế hưởng ở Thái miếu có thể dời ngày khác ». Lại bàn đến đạo thiên chúa của Tây-dương, Nguyễn Văn Thắng tâu nói: « Thiên chúa ra đời tới nay đã 1815 năm ». Vua sai Nguyễn Hữu Thận tính thử, thì nhằm năm Nguyên-thủy thứ 1 đời Hán Bình đế là năm tân dậu.

Tháng 12, ngày tân hợi mồng 1, trời mưa to, sai dời lấy ngày ất mao vua ngự điện ban lịch.

Sai Bắc-thành biên bọn tội phạm ra thú hơn 60 người làm nghĩa binh.

Lấy phó vệ úy vệ Trung nhất Thị trung là Trần Văn Cường làm vệ úy vệ Tiền nhị, phó vệ úy vệ Tiền nhất là Thái Ngọc Bạch làm vệ úy vệ Tiền nhất, phó vệ úy vệ Tả nhất là Lê Phúc Hậu làm vệ úy vệ Kiện võ Thị nội.

Trấn thủ Sơn-nam hạ là Nguyễn Văn Hiến, trấn thủ Sơn-nam thượng là Lê Công Lý, phó quản thập cơ Uy Thăng Hậu quân là Hồ Văn Đức, phó thống Trung đồn là Nguyễn Văn Tam, xin mộ dân ngoại tịch lập làm các đội Tiền thuận, Hậu võ, Tuyên uy, Hậu bảo. Vua y cho.

Đốc học Quốc tử giám là Nguyễn Viêt Ứng tuổi già về hưu trí. Cho lương mỗi tháng 2 quan tiền 2 phương gạo.

Lập cục Hội thành. Sai giám thành đội trưởng là Đồ Phúc Thịnh mộ được hơn 10 người khéo vẽ sung vào.

Định lệ cấp tuất cho quan và binh bị nạn bão. Phạm người bị bão không kể còn mất, cai đội được cấp tiền 30 quan, phó đội 20 quan, đội trưởng 15 quan, binh lính 10 quan, đều cấp cho gia đình.

Ban mũ áo cho cai đội Thị trung và Thị nội.

Ngày quý hợi, sai hoàng tử yết lăng.

Ngày giáp tý tế Chạp.

Sửa cống nước huyện Nam-xang. Huyện Nam-xang có bảy tổng bốn mặt cách sông, trong có sông nhỏ gọi là Long-xuyên thông với sông cái, trước có đê, đê hỏng bèn xây cống ở giữa xã Mạnh-khe và xã Cao-đá. Đến nay cống ấy cũng hỏng. Thành thần tâu lên. Hạ lệnh đến xem chỗ ấy. Thành thần tâu rằng ruộng bảy tổng

ấy nửa chiêm nửa mùa, dè chắn nước ngoài thì tiện cho vụ chiêm mà không tiện cho vụ mùa, có cống thì tùy tiện chứa nước tháo nước, chiêm mùa đều lợi cả hai, xin theo ý nguyện của dân mà sửa cống. Chi tiền kho hơn 6.000 quan.

Vua tuổi đã cao mà chưa định người nối ngôi. Hoàng tử thứ tư hiền và lớn hơn cả, vua đã để ý. Bầy tôi đều có lòng theo. Riêng một Nguyễn Văn Thành là người ngạo mạn kiêu căng, muốn được vua nhỏ tuổi, không thích vua lớn tuổi. Một hôm mời các quan trong triều uống rượu ở nhà, nói lên rằng: « Hoàng tôn Đán nên nối ngôi, tôi sắp tâu xin lập đấy ». Trong đám ngồi không ai dám nói gì. Trịnh Hoài Đức sợ vạ lây mình, bèn nói rằng: « Việc lớn của nhà nước, quyết định do ở lòng vua, nếu người bầy tôi định kể riêng, tham lấy công to, thì tội lại lớn ». Văn Thành bèn thôi. Sau có người nói đến tai vua. Vua giận nói rằng: « Hẳn muốn dựng vua nhỏ để dễ khống chế, ngày sau có thể chệt họng võ lưng chẳng. Ta há tối tăm lăm lăm, không biết dân đo nên chẳng, vội nghe lời hấn mà không vì Xã Tắc chọn người sao ! ». Từ đó hễ Văn Thành vào yết kiến là chỉ xin dựng thái tử. Vua nín lặng. Văn Thành tự biết không được thỏa ý, càng thêm ngờ sợ. Con là Văn Thuyên nhóm biết ý cha, thăm mang lòng phản trắc, bèn giao thông khách khứa, kết riêng bè đảng. Văn Thành cũng không ngăn cấm. Khi ấy có người Thanh-hoa là Nguyễn Trương Hiệu tự đến xin làm môn khách của Văn Thuyên. Ở không bao lâu, Văn Thuyên sai về. Trương Hiệu nói với đồng quận là thiêm sự Hình bộ Nguyễn Hựu Nghi rằng Văn Thuyên ngầm muốn nổi loạn, dùng thơ sai Trương Hiệu gọi bọn người trong quận là Nguyễn Văn Khuê, Nguyễn Đức Nhuận, lời rất bội nghịch.

Thơ rằng: [Phiên âm]

Văn đạo Ái-châu đa tuần kiệt,
 Hư hoài trắc tịch dục cầu ti.
 Vô tâm cứu bảo Kinh-sơn phác;
 Thiện tướng phương tri Kỳ-bắc kỳ.
 Ủ cốc hữu hương thiên lý viên;
 Cao cương minh phượng cứu cao tri.
 Thử hồi nhược đắc sơn trung tề,
 Tá ngã kinh luân chuyển hóa kỳ.

[Dịch] Nghe nói Ái-châu nhiều tuần kiệt,
 Dành đề chiếu bèn ta muốn chờ.
 Vô tâm ôm mãi ngọc Kinh-sơn
 Tay sành mới biết ngựa Kỳ-bắc.
 Thơm nghìn dặm lan trong hang tối;
 Vàng chín chằm phượng hót gò cao.
 Phen này nếu gặp tề [tướng] trong núi,
 Giúp ta kinh luân chuyển hóa cơ.

Nghi sai Trương Hiệu đem thơ ấy cáo với Lê Văn Duyệt. Duyệt với Văn Thành vốn không ưa nhau, bèn đem thơ phản nghịch của Văn Thuyên dâng lên. Vua cho rằng sự trạng chưa được rõ rệt, hãy để đấy mà trả bài thơ ấy về.

Trương Hiệu nhân thế giữ bài thơ làm bằng cớ, thường đến Văn Thuyên đòi hối lộ. Văn Thuyên cho mãi không vừa. Hiệu bèn lên đọi Văn Thành lui châu, đứng ở bên đường nắm lấy vạt áo mà hỏi mãi. Văn Thành bắt đắc dĩ, bắt Trương Hiệu và Văn Thuyên đưa cho Quảng-đức tra hỏi, rồi tự rảo vào châu, đem việc tâu lên. Vua sai đình thần xét án. Trương Hiệu nói đủ về tình trạng mưu phản của Văn Thuyên và dẫn môn khách của Văn Thuyên là Đỗ Văn Chương làm chứng. Hỏi thì Văn Chương đã về Gia-dịnh. Vua bèn

tha Văn Thuyên ở ngục ra mà hạ lệnh bắt Văn Chương về Kinh để đổi chất.

Tướng nước Xiêm đóng đồn ở Bắc-tâm-bôn. Tham-dịch-tây nước Chân-lạp cho quân đi qua đất ấy, tướng Xiêm thả quân ra đánh đuổi đến Phủ-lật, giết và làm bị thương rất nhiều. Tham-dịch-tây kháng cự. Quân Xiêm bèn lui. Việc đến tai vua. Sai Nguyễn Văn Thụy đóng quân ở Nam-vang và sai thành thần Gia-dịnh cho người hỏi rõ tình trạng. Sau biết Tham-dịch-tây là người gây hấn, bèn báo vua Phiên trị tội.

Sai tham tri Lễ bộ là Bùi Mân, thêm sự Công bộ là Nguyễn Kim Truy đem việc hết quốc tang báo với nước Xiêm. (Tặng phật vương 40 lạng vàng, 500 lạng bạc, 5 cân quế, đường phôi đường phèn đều 500 cân, 2.000 cân đường cát, 55 phiến đá Thanh-hoa, cho vua thứ hai 20 lạng vàng, 300 lạng bạc, 3 cân quế, đường phôi đường phèn đều 300 cân, 1.000 cân đường cát).

Gọi 475 người biên binh ở Thanh Nghệ, Bắc-thành và Thanh-bình về Kinh. (Thanh-hoa 600 người, Nghệ-an 1.400 người, Bắc-thành 2.650 người, Thanh-bình 100 người).

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ

QUYỀN LII

THỰC LỤC VỀ THỂ TỒ CAO HOÀNG ĐẾ

Bính tý, Gia-long năm thứ 15 [1816] (Thanh Gia-khánh năm thứ 21), mùa xuân, tháng giêng, lấy tổng trấn Bắc-thành là Nguyễn Hoàng Đức làm tổng trấn Gia-định.

Gia-định do trạm tiến dâng phương vật, có phụ một hòm chè để biếu các quan bạn. Vua nghe thấy, bảo Lễ bộ rằng: « Trẫm ở trong cung tự cung dưỡng rất sơ sài, không muốn vì sự ăn uống mà động phiền sức dân. Nay đem quà riêng biếu nhau mà làm nhọc cho nhà trạm như thế thì có nên không? » Nhân đó sắc rằng từ nay các trạm địa phương ai dám nhân việc công gởi vật tư thì bị tội.

Thuyền trưởng người Phúc-kiến là Tăng Sĩ-lương sang buôn ở Gia-định, giấu 6 hòn trân châu lớn để trốn thuế. Bộ Hình tâu rằng theo phép phải bắt sung công. Vua cho rằng người buôn ở xa nhằm mà phạm lỗi, phạt trưng mà tha và trả cả ngọc.

Ngày mậu tý, tế xuân hương.

Hơn 10 người biên binh ở Hậu đồn Hậu quân chở gỗ ván Gia-định, bị bão giạt vào hải đảo. Thuyền đánh cá của người Hải-nam là Hoàng Hưng-bảo chở đưa về Bình-hóa. Trấn thần đem việc tâu lên. Sai thưởng cho

Hưng-bảo 100 quan tiền, 50 phương gạo, linh bị nạn thi cấp áo cơm khiến trở về nhà.

Triệu thượng thư Hộ bộ lãnh Bắc-thành Hộ tào là Nguyễn Đình Đức về Kinh. Lấy tả tham tri Hộ bộ là Nguyễn Hữu Thận thay lãnh Hộ tào. Trước vua thấy Bắc-thành nhiều việc, muốn triệu Đình Đức mà khó có người thay. Vua bảo Hữu Thận rằng: « Ta đã lựa chọn, không có khanh thì không được, nên có mệnh ấy ».

Lấy câu kê Trần Văn Hoàng làm cai bạ Nhà đồ Bắc-thành.

Cai bạ Quảng-binh là Nguyễn Văn Quang, trước ở bộ Hình cứ người có lỗi sung vào bộ ty, đến nay việc phát giác, bộ Hình xin chiếu luật xử tội trượng và cách chức. Vua cho rằng Quang phạm tội trước khi chưa ban hành luật mới, khiến cho giảm đẳng, phạt 70 trượng, vẫn lưu làm việc.

Hiệp trấn Hà-tiên là Lê Văn Nguyên chết; lấy cai đội Mạc Công-du làm hiệp trấn Hà-tiên.

Sai đô thống chế Hậu dinh quân Thần sách là Trần Văn Năng kiêm quản năm dinh Thần sách.

Lấy chánh thống chương cơ Tả đồn Hậu quân là Ngô Văn Vĩnh thống quản thập cơ Uy Thắng.

Miễn lễ bạc trong năm năm cho quan viên văn võ từ ngũ phẩm trở xuống chưa có bổng lộc.

Các trấn Bắc-thành lâu không mưa. Vua rất lo. Sai tha hoãn thuế thiếu; linh thiếu và kiện vật cũng hoãn hết.

Tha hoãn thuế thiếu. Chiếu rằng: « Muốn cho nước đủ dùng, không gì lớn bằng nuôi dân; chính sách trị dân tốt, trước hết là ra ơn. Nhà nước ta bắt đầu đại định, việc nuôi dân trị của đã có phép sẵn. Gần đây thuế đinh điền, thuế sản vật, còn để thiếu nhiều, hoặc

bởi khi trời chưa thuận, hoặc bởi ơn huệ chưa khắp. Và từ mùa đông tới nay, mưa rất ít, có hại đến nghề nông; nếu lúa mất mùa thì nhân dân rất là vất vả. Ra ơn đùm bọc, lòng trăm thiết tha. Vậy những thuế thiếu từ bốn năm kỷ tị, canh ngộ, tân mùi, nhâm thân đều cho tha hết, còn thuế thiếu về hai năm giáp tuất ất hợi thì đều cho hoãn một năm ».

Hoãn đòi linh thiếu. Chiếu rằng: « Binh là việc lớn của nước, không binh thì lấy gì giữ nước? Cho nên các đời đặt binh đều có phép thưởng. Nhà nước ta chăm sóc chế độ các đời, năm trấn trong thì 7 đình lấy 1, sáu trấn ngoài thì 10 đình lấy 1, ngoài ra chưa từng bắt thêm, là vì muốn cho trăm họ cùng với nhà nước đều giữ mối tin lớn ấy. Gần đây ít mưa, trăm lo trước thiên hạ, phàm điều gì có thể yên nuôi được dân ta, trăm đều lần lượt cử hành. Đặc biệt chuẩn cho số linh thiếu vì trốn hay chết ở các trấn từ tháng 4 năm ất hợi trở về trước đều hoãn điền thế để cho dân hết sức vào việc nông ».

Hoãn xét kiện vật. Chiếu rằng: « Trăm vàng mệnh trời trị nước, tính ngày lo việc, nuôi giữ dân chúng, không lúc nào quên. Gần đây vì trời ít mưa, sợ hại nghề nông, cho nên chính sách rộng thương dân binh, từng đã ban ra ơn trạch. Lại còn sợ việc kiện tụng, phải trái chỉ ở hai bên, mà người chứng tá đây đưa với nhau phần nhiều bỏ nghiệp. Vậy từ nay những kiện vật về hộ hôn điền thổ đều cho hoãn xét, để cho nhân dân chăm việc gốc mà làm ăn được hết sức mình, để đáp lại tấm lòng kính trời chăm dân của trăm ».

Ốc-nha nước Chân-lạp là Siêu khéo bắt voi. Vua nghe, sai gọi về Kinh, đặc biệt trao cho chức cai đội, thưởng tiền bạc quần áo rồi cho về, khiến mỗi năm bắt 30 thớt voi để dâng.

Chuẩn định quan viên văn võ từ tứ phẩm trở lên có việc tang một năm thì được miễn châu mừng ba tháng.

Lấy phó đô thống chế Thủy quân là Đào Văn Lương làm đô thống chế.

Tôn thất Thăng bị bệnh, cho tiền 500 quan. Thăng cố gương vào tạ. Vua vờ lên điện, yên ủi khuyên dụ.

Đắp bảo Châu-đốc. Trước đây vua thấy đạo Châu-đốc là nơi quan trọng ở biên thù, muốn đặt bảo hiểm để giữ. Trước sai giám thành sứ là Nguyễn Đức Sĩ đến xem đo hình thể, vẽ bản đồ dâng lên. Đến nay lấy linh thú ở Gia-định và linh cơ ở bốn trấn 3.000 người cấp tiền gạo cho ứng dịch. Sai phó tướng Tả quân là Nguyễn Văn Xuân, trấn thủ Vĩnh-thanh là Lưu Phước Tường cùng Đức Sĩ trông coi công việc. Lại gọi 2.000 người quân dân Chân-lạp đến hội. Dụ vua Phiên là Nặc Chấn rằng: « Nước người đời đời giữ bờ cõi ngoài phiên, một lòng kính thuận. Triều đình hằng nghĩ võ về để giữ yên cho. Việc đắp bảo này không phải là muốn phiên dân, mà cốt là bảo vệ Hà-tiên để sách ứng cho Nam-vang. Vương nên chọn ủy quan phiên người nào linh lợi siêng năng cho đem quân dân đến làm, khiến mọi người đều vui lòng như con đến làm cho cha vậy ». Rồi thấy binh dân nhiều người ốm và trốn, lại lấy thêm dân bốn trấn và linh đồn Uy-viên mỗi phía 1.000 người để sung vào. Sai thành thần ủy người ghi rõ công việc, cứ 10 ngày thì tâu một lần. Dụ rằng: « Công việc thổ mộc, là sự bất đắc dĩ. Một phen đã làm, việc động binh dân thì nên hết lòng kinh lý, đừng để sai hẹn mà hại đến việc nông ».

Hạ lệnh cho Bắc-thành mỗi tháng ba lần sai người về Kinh tâu việc để hỏi han.

Ra lệnh cho bộ Hình định thêm điều luật. Phàm quan viên văn võ không được cùng hoàng tử hoàng tôn giao thông đi lại.

Tôn thất Thăng dăng sổ kê khai nam nữ tôn thất chưa được bổng hàng năm, cộng 66 người. Sai cấp tiền gạo và tiền may áo mùa xuân theo thứ bậc khác nhau. (Nam mỗi năm cấp tiền 36 quan, gạo 36 phương, tiền áo xuân 9 quan; nữ mỗi năm cấp tiền 20 quan, gạo 24 phương, tiền áo xuân 8 quan).

Lấy Hàn lâm viện Phạm Nhữ Đăng làm tham hiệp Hà-tiên.

Lấy Hàn lâm chế cáo Nguyễn Đăng Ngạn làm chánh đốc học Quốc tử giám, tiến sĩ đời Lê là Nguyễn Du làm phó đốc học. Du vì già ốm xin từ. Vua y cho.

Tháng 2, cai châu châu Thủy-vĩ trấn Hưng-hóa là Hoàng Kim Châu cùng phó châu là Lý Văn Chính có hiềm khích, nhờ người Thanh là Tiết Phụng-chương mưu với tãn thủ Hà-khẩu là Triệu Bình-trung. Bình-trung nhận hối lộ, họp quân đến giết Văn Chính mà cướp lấy của. Việc phát. Trấn thần gửi thư cho Lương Quảng tổng đốc nước Thanh trách bắt Bình-trung. Bình-trung là người riêng của tổng đốc, cho nên che giấu mà không bắt giao, chỉ đưa thư giục ủy người sang nhận tang vật. Thành thần đem việc tâu lên. Vua bảo bày tâu rằng: « Nếu cứ giăng co thì sinh hiềm khích ở biên cương, không bằng sai trấn thần bảo họ xử phạt tội Bình-trung, rồi sau hãy nhận tang, như thế thì dứt được hiềm nghi ». Rồi sai chém tên Châu ở chợ.

Dân Gia-định đi buôn ở các sách man Cồ-khăng, Bô-lô (thuộc Chân-lạp), nhiều đến hơn 500 người, họ cầm binh khí đề tự vệ, người Xiêm lấy làm ngờ, nghiêm nhật phòng giữ. Vua nghe tin, sắc cho thành thần rằng

từ nay giấy thông hành của dân buôn chỉ cho 10 người làm hạn, không được quá nhiều, để cho nước láng giềng phải sợ.

Bảo hộ Chân-lạp là Nguyễn Văn Thụy trước từng lên miền thượng đạo, được người Man tin phục, đến nay người Man hay hằng gửi thư thăm hỏi. Thụy sợ hiểm nghi nên phải tâu. Vua ra lệnh từ nay hệ có thư của người Man, việc thương thi viết thư trả lời, việc quan trọng thì mới do thành chuyên đạt.

Quân Bắc-thành tâu nói: « Từ trước đến nay tiền điệu ở các trấn mỗi năm cứ đến tháng giêng thì trưng thu, nay xin chia làm hai kỳ cùng thu với thuế đình thuế điền để bớt phí tổn cho dân ». Vua y cho.

Kỷ lục Quảng-trị là Nguyễn Duy Hòa vào châu, dâng sớ hạch Nguyễn Văn Thành rằng: « Con Văn Thành là Văn Thuyên âm mưu làm phản, sự cơ tiết lộ, Thành không biết đến cửa khuyết chịu tội mà còn áo triều mũ triều, nghênh ngang đứng ở trên các đình thần, như thế thì còn thế thống triều đình chi nữa. Vả triều đình là triều đình của liệt thánh, Hoàng thượng ta vâng trời chịu mệnh, giữ đất lên ngôi, chính triều đình để chính bách quan, chính muôn dân để chính bốn phương, khiến thần dân trong nước xem làm khuôn mẫu. Nay Văn Thuyên đã hạ đình nghị mà lại được yên ổn ở nhà, pháp luật không được thi hành thì lấy gì mà tỏ bảo cho thiên hạ? Huống chi Văn Thành soạn điều luật, tự tiện bỏ mất điều kết giao cận thị⁽¹⁾, cử Trần Hựu là người bậy, mà giấu tội cưỡng dâm với vợ người, âm kết bè đảng, dối người trên làm việc riêng, xây dựng mồ mã cho mẹ thì vượt phép phạm phạm, xét

(1) Kết giao cận thị: « Cấm các quan không được chơi với kẻ hầu gần ».

đạo của người bày tội, tội rất lớn vậy. Nay bệ hạ nếu thương là người có công, cũng nên giao cho công luận, lấy phép mà trị, rồi sau lấy ơn mà chu toàn cho, thế thì phép nước được tỏ bày mà kẻ gian mới biết sợ hãi ». Sớ giao xuống đình nghị. Nguyễn Văn Thành chỉ nhận một việc cử nhằm Trần Hựu, dâng sớ chịu tội, còn các khoản khác đều cãi cả. Vua nhân nói đến bài thơ nghịch của Văn Thuyên và dụ bày tội rằng: « Ý thơ của Văn Thuyên sao mà tiếm bội thế! Phạm có Lương Vũ để làm vua rồi sau mới có tể tướng trong núi chứ. Văn Thuyên là người thế nào mà muốn được tể tướng trong núi? » Tham tri Hình bộ là Võ Trinh giải theo nghĩa cưỡng ép. Vua nín lặng.

Nguyễn Duy Hòa ngồi cang qua cửa đoàn-môn không xuống. Thống chế Trương Phúc Đăng bắt được, giao xuống bộ Hình xét. Phạm Như Đăng xin xét theo luật qua chỗ có bài hạ mã mà không xuống, phạt 50 roi, theo tội công giảm xuống một bức. Vua nói: « Đó chỉ là tội riêng thôi, sao gọi là công được ». Đồi theo luật « Ngộ môn bất hạ » (1), xử 80 trượng.

Thổ phi ở Hải-dương, nhóm họp ở Nam-sách. Quan quân bắt được giết. Thưởng cho người tố cáo 100 quan tiền.

Lấy ký lục Quảng-dức là Nguyễn Khoa Minh làm tham tri Công bộ, kiêm quản Nhà đồ, câu kê Trần Đăng Nghi làm cai bạ Nhà đồ.

Sửa hai kho Vĩnh-phong và Vĩnh-thịnh.

Định lại điều lệ triều hội. Chiếu rằng: « Điền lễ chẳng gì nghiêm bằng triều hội. Triều hội thì trước phải có áo mũ. Từ nay tế Giao tế Thái miếu và lễ châu

1. Ngộ môn bất hạ: Qua cửa ngộ môn mà không xuống.

mừng, văn từ thất phẩm, võ từ lục phẩm trở lên, đều phải có đủ phẩm phục theo ban mà lạy, cho nghiêm triều nghi. Có việc công phải ra ngoài và bận việc thì cho báo cáo trước 3 ngày. Nếu không có cơ gì mà không dự châu thi bất tội như luật.

Ngày ất sửu, tế Trời Đất ở đàn Nam giao. Trước là bộ Lễ tâu rằng: «Tế Nam giao là đại lễ, Nguyễn Văn Thành là người có tội không nên dự». Vua nói: «Văn Thành là người trọng thần của nước, con là Văn Thuyên dù có can bậy, nhưng việc còn mờ tối, há nên mới nghe thuyết một bên mà vội xa bề tôi huân cứu sao?». Bên sai Văn Thành vẫn dự lễ phân hiến. Sau vài ngày, vua đương coi châu, Văn Thành từ cửa Tả túc vào, lên thẳng điện, lớn tiếng hô hào, người tả hữu can lui xuống. Từ đấy mới cấm không được vào châu nữa.

Bắt trời tham tri Hình bộ Võ Trinh và chương cơ Tổng Phước Ngoạn mà hạ ngục. Đình thần đương họp tra Văn Thuyên. Văn Thuyên cùng Nguyễn Trương Hiệu tranh biện chưa xong. Có viên xá sai hình ty là Trần Ngọc Ngữ làm ngục lại nói với Võ Trinh rằng: «Trương Hiệu trước làm tịch sĩ cho Nguyễn Hữu Nghi, nay nhận là môn khách của Văn Thuyên là không đúng». Trinh đem lời đó nói với Tổng Phước Ngoạn. Ngoạn lòng muốn biện cho Văn Thuyên bị vu, bèn ngầm giục Ngữ đem việc phát giác. Vua sai đình thần nghiêm tra. Ngữ tịt không trả lời được, đổ cho Trinh và Ngoạn mớm lời. Hai người bên bị tội.

Lấy thêm sự Lại bộ là Nguyễn Văn Hưng làm ký lục Quảng-dức.

Từ Quảng-trị trở vào Nam đến Bình-hòa gạo đất. Sai các địa phương cho dân vay thóc, cứ coi số thóc của điền hộ thu vào bao nhiêu thì cho vay bằng một nửa.

Đình thần Quảng-trị tâu nói: « Triều đình thương dân đói mà cứu sống là điều rất may. Nhưng cho vay mà căn cứ vào ruộng làm hạn thi kẻ không có ruộng không được nhờ ơn. Vua nói: « Dân không đều nhau đã lâu rồi, sao có thể nhất nhất đều nhau được! Duy cho vay nhiều thi gạo rẻ, kẻ không ruộng cũng do đó mà được nhờ ơn ».

Tháng 3 ngày canh dần, đặt triều nghị ở điện Cần-chánh, triệu bầy tôi đến, đều cho ngồi. Dụ rằng: « Trẫm nay làm việc đã mỏi, rất lo đến kế lớn của Xã Tắc. Thái tử là ngôi chủ nhị (1) của nước, cần phải sách lập đề trọng chính thống mà giữ bền gốc nước ». Bèn triệu thượng thư Lại bộ là Trịnh Hoài Đức đến trước giương ngự, sai viết « Lập hoàng tử Hiệu làm hoàng thái tử » để đưa cho bầy tôi xem. Vua nói: « Ai đồng ý thì ký tên vào ». Quần thần đều nói: « Ý thánh định trước, thực là phúc không cùng của Xã Tắc. Bọn thần xin noi theo mệnh lệnh ».

Vua thung dung dụ rằng: « Cha con truyền ngôi cho nhau là đạo thường xưa nay. Từ đời Hán đời Đường trở xuống, ít người không theo. Hoặc có kẻ nói « dịch tòn thừa trọng », ta thực không hiểu thuyết ấy. Duy có vua Thái tổ nhà Minh mê hoặc theo lời nói của Lưu Tam-ngô mà bỏ con là Yên vương để lập dịch tòn là Doãn-văn, rốt cùng sinh tai vạ. Phàm biết con không ai bằng cha. Nếu vua Thái tổ nhà Minh cho Yên vương là người hiền mà bấy giờ họp ngay đình thần, nói rõ là lập làm thái tử, thì một lời nói ra, ai dám không theo! Như thế thì làm sao mà sinh loạn được? » Quần thần đều vui phục.

1. Chủ nhị: Dự bị đề nối ngôi, coi như vị vua thứ hai.

Ngày định dậu, đúc ấn vàng sách vàng cho hoàng thái tử. (Sách dùng 5 tờ vàng, dài 5 tấc 6 phân 6 ly, ngang 2 tấc 2 phân 4 ly, mỗi tờ dày 2 ly; ấn đúc bằng vàng, nuốm bằng con rồng ngồi, vuông 2 tấc 4 phân 3 ly, dày 3 phân 2 ly, khắc bốn chữ triện « Hoàng thái tử bảo »).

Sai đô thống chế Trần Văn Năng, thượng thư Trịnh Hoài Đức, tham tri Hoàng Văn Diên và Nguyễn Khoa Minh coi việc làm sách ấn. Ngày nhâm dần, dựng cung điện Hoàng thái tử ở phía đông hoàng thành gọi tên là điện Thanh-hòa. Trước điện dựng nhà Đoan bản và cửa Chấn hanh. Sai đô thống chế Nguyễn Văn Soạn và tham tri Đoàn Viết Nguyên trông coi công việc.

Chế mũ áo và đồ lễ bộ cho hoàng thái tử. (Đại triều : Mũ dùng lối nhà Đường có bảy con rồng, trang sức bằng vàng và hạt châu; áo dùng áo long bào cổ viền, màu đại hồng; xiêm thêu rồng năm móng, đai bằng vàng chạm rồng; hia và bi tất đủ bộ. Thương triều : Mũ dùng kiểu Xuân thu, trang sức bằng vàng và hạt châu; áo dùng áo trắng vạt cổ trắng, áo màu xanh, màu lục, màu lam, màu đen tùy dung; bồ tử thêu rồng năm móng nền vàng; xiêm thêu rồng năm móng; hia và bi tất đủ bộ. Đồ lễ bộ : kiệu đầu rồng sơn son một cỗ, tám người khiêng, phát trần 2 chiếc, đèn lồng bằng sa đỏ 2 cái, lò hương, hộp hương đều 1 cái, quạt vuông thêu hoa màu xanh và màu đỏ đều 4 cái, tàn tròn cán cong thêu đỏ 1 cái, tàn vuông và tàn tròn cán thẳng màu đỏ thêu bảy rồng, đều 4 cái, lọng tròn màu xanh 2 cái, lọng che mưa bằng lụa sơn dầu đỏ 1 cái, cờ thanh đạo, phan truyền giáo, phan giảng dân, phan cáo chỉ, phan tin, cờ lệnh, cờ vàng sắc xanh, đỏ, vàng, trắng, đen, đều 2 cái, phan lông chim, búa ngù lông, kích ngù lông, đều 6 cái, gậy kim ngò, búa vàng, trảo

đứng, trảo nắm, cốt đóa, đều 4 cái, trống lớn, chiêng đồng, đều hai cái, cồng 1 cái, thướng đai ngựa 2 cái, voi lē 2 con, lọng đỏ 4 chiếc, lọng xanh 6 chiếc, giá chuông và trống ở trước và sau có lông đỏ đều 2 cái. Khi có lễ lớn như tế Giao tế Xã hay Văn miếu và các ngày tiết lớn như Nguyên đán, Đoan dương, Thiên Xuân thì dàn bày theo nghi thức).

Bàn phong tước công cho hoàng thân, hoàng tử, hoàng tôn, chế sách ấn và mũ áo. (Sách bạc mạ vàng 5 tờ, dài 5 tấc 4 phân, ngang 3 tấc 2 phân 4 ly, mỗi tờ dày 2 ly; ấn bạc mạ vàng, vuông 2 tấc 3 phân 4 ly, dày 2 phân 7 ly; ấn quan phòng bằng bạc vuông 6 phân 5 ly, dày 3 phân, đều làm nuốm con cù. Đại triều: Mũ bình đỉnh trang sức bằng vàng và hạt châu; áo măng bào, sắc đỏ hồng cổ viền; xiêm thêu rồng bốn móng; đai trang sức bằng vàng; giày bí tất đủ bộ. Thường triều: Mũ theo kiểu Xuân thu trang sức vàng và hạt châu; áo trắng vạt cổ trắng, áo màu xanh, lục, lam, đen tùy dụng; bồ tử thêu rồng bốn móng, nền vàng; xiêm thêu rồng bốn móng. Giày bí tất đủ bộ).

Sai các dinh trấn, xem đo đường biển cách nhau xa gần bao nhiêu, vẽ bản đồ dâng lên.

Sửa hành cung Bắc-thành. Thành thần tàu nói rằng điện Kinh thiên lâu năm gỗ đã nát. Bèn sai triệt đi làm lại.

Người xã Phạm-khỏa trấn Nam-định, đón xa giá dâng tờ tâu nói rằng: trước đây bị người vu cáo, ruộng đất bị tịch thu, sau án xét ra được vô tội, xin trả lại ruộng đất, nhưng quan sở tại cho là trót đã tịch thu rồi không cho.

Vua xem lời tâu, sắc cho thành thần xét rõ các án, phạm có người bị ruộng đất tịch thu mà xét ra không có tội trạng thì trả lại hết.

Khai mỏ đồng Trinh-lạn (tên động, thuộc châu Thủy-vỹ) trấn Hưng-hóa. Đất Trinh-lạn có mỏ đồng đỏ, có người Thanh xin khai mỏ để nộp thuế. Thành thần tâu lên. Vua y cho.

Tha giảm tô thuế cho tự Quảng-bình vào Nam. Chiếu rằng: « Vài năm gần đây, nhân dân phục dịch khó nhọc, lại bị mất mùa đói kém, trăm rất thương. Vậy bản rộng giúp cho. Tiền thóc và sản vật từ Quảng-bình đến Gia-định, thì số thuế thu kèm còn thiếu từ năm Gia-long nhằm thân về trước, số thuế chính cung còn thiếu từ năm quý dậu năm giáp tuất, đều cho tha cả. Còn tô ruộng và thuế thân năm nay, Quảng-đức, Quảng-trị, Quảng-bình, Quảng-nam, Bình-hóa thì giảm 5 phần 10, Quảng-ngãi, Bình-định, Phú-yên, Bình-thuận thì giảm 4 phần 10, Gia-định tô ruộng thì giảm 2 phần 10, thuế thân thì giảm 4 phần 10 ».

Sai Thủy quân và đội Hoàng-sa cỡi thuyền ra Hoàng-sa để thăm dò đường thủy.

Bọn Bùi Đức Mân và Nguyễn Kim Truy từ ở nước Xiêm về. Trước đây người Xiêm lấy việc đánh nhau ở Phủ-lật mà oán Nặc Chấn, vua thứ hai nước Xiêm mưu với phật vương rằng: « Nặc Chấn dám khinh rẻ ta vì cậy có Nam triều che chở. Nay ta đánh Chấn, Nam triều tất phải cứu, nhân đó ta đánh luôn để cỡi hai mối giận ». Phật vương không nghe, nói: « Gây ra mối hận không phải là phúc. Nếu quyết thực hành mưu ấy, thì xin nhường nước cho vua thứ hai ». Việc bèn thôi. Sau vài tháng, người Xiêm dọa nhau là quân ta sắp đến. Phật vương cả sợ, bèn tạo thuyền chiến, sửa đồn binh, làm kế tự thủ. Phàm dân ta đến buôn ở đất ấy, đều ngờ là do thám, bắt bỏ tù cả. Kịp khi bọn Đức Mân đến, phật vương hỏi rằng: « Việc đánh nhau ở Phủ-lật Nguyễn Văn Thụy có được biết không? »

Đức Mân nói: « Không ». Phật vương im lặng. Lại hỏi: « Nguyễn Văn Thành và Lê Văn Duyệt ở đâu? ». (Thành, Duyệt đều là tay tướng cũ. Duyệt lại trấn Gia-định, vẫn có tiếng, người Xiêm sợ, mỗi khi sứ giả ta đến họ vẫn hỏi thăm). Đức Mân đem tình trạng báo cho họ biết. Phật vương hậu đãi mà tha những dân ta bị tù. Đến nay bọn Đức Mân về nước, đem việc tâu lên. Vua không muốn gây hấn khích ngoài biên, bèn hạ chiếu cho Nặc Chấn thông sứ với nước Xiêm. Dụ rằng: « Nước người đối với Xiêm, lấy nước nhỏ thờ nước lớn đã lâu năm rồi. Nay vương tuy không thân hành sang thăm, cũng nên sai sứ đi như xưa, không nên trước hậu mà sau bạc ». Do đó nước Chân-lạp lại cùng nước Xiêm giao hiếu.

Sai cựu điền quân Phan Tiến Khánh đến thành Nam vang, theo bảo hộ Nguyễn Văn Thụy làm việc.

Đời trấn lý Biên-hòa sang Tân-lân (tên thôn, trước ở thôn Phước-lư, đều thuộc huyện Phước-chính).

Bổ thuế biệt nạp gỗ lim cho hai xã Cao-diên và Đức-nhuận (thuộc huyện Thanh-chương) trấn Nghệ-an, kén dân làm lính.

Đặt bảo Tiên-lệ (tên xã thuộc huyện Bảo-lộc) trấn Kinh-bắc. Quan Bắc-thành thấy đất ở đây kề đường quan lộ, một giải ven núi thường có bọn cướp lên lút quấy nhiễu người đi đường, xin đặt bảo ở đây để phòng giữ. Vua y cho.

Quản đạo Thanh-bình là Đào Văn Thành về dinh ưu; lấy vệ úy vệ Minh võ quân Thần sách là Đỗ Văn Trà làm quản đạo Thanh-bình.

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ

QUYỂN LIII

THỰC LỤC VỀ THỂ TỔ CAO HOÀNG ĐẾ

Bính tý, Gia-long năm thứ 15 [1816], mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, tế hạ hương.

Sai hoàng tử thứ tư nhiếp tế Thái miếu. Sắc từ nay tế hương ở Thái miếu, các hoàng tử vàng mệnh tế thay đều có tuần phục tộ. Chép làm lệ mãi mãi.

Lấy tuần thành cai đội Gia-định là Lê Văn Kiên làm quản thủ đạo Quang-hóa, kiêm lãnh hai đạo Thuận-thành và Quang-phong.

Thu ấn Chương Trung quân của Nguyễn Văn Thành và giam Văn Thuyên vào ngục. Trước là Nguyễn Trương Hiệu tố cáo Văn Thuyên mưu phản, Văn Thuyên cho rằng thơ ấy không phải tự tay viết, cố cãi là vu. Kíp Đỗ Văn Chương làm chứng cho lời nói của Hiệu là đúng. Phạm Đăng Hưng tâu lên. Vua hỏi: « Văn Thuyên đã phục chưa? » Thưa rằng chưa. Vua nói: « Nó có lòng làm phản, sao được già miệng thế? ». Đăng Hưng tâu rằng: « Văn Thuyên tự cho mình là con công thần, bệ hạ không nỡ giết, và bọn thần ngựa theo lòng thánh, không dám hết phép tra trị, nên mới già miệng, là do cây mình vậy ». Vua nín thinh. Sáng

hôm sau bèn sai Lê Văn Duyệt tra hỏi. Văn Thuyên quả phục, do đó Văn Thành sợ hãi xin chịu tội. Vua bèn đưa tờ biểu ra cho bày tỏ xem. Đấng Hưng tâu nói: « Văn Thành dâng biểu này, lời nói úp mở, muốn lấy khôn vặt đánh lừa triều đình, việc xin chịu tội là không phải thực lòng vậy ». Vua nói: « Lấy tình thực mà nói, Văn Thành không phải là người phản bạn, chỉ có lỗi vì không biết con mình là ác, mà lại che lỗi cho, ấy là muốn khêu lòng giận cho mọi người, cũng ngu lắm vậy, có gì là khôn đâu? » Bày tỏ xin hạ ngục Văn Thành.

Vua nói: « Văn Thành vốn là kẻ có tội; nhưng thế thống đối với đại thần, cũng nên có cách xử trí ». Bèn sai thu ấn và khiến về ở nhà riêng ». Văn Thành đã mất chức. Vua bảo bày tỏ rằng: « Văn Thành thân làm đại thần mà dung túng cho con kết nạp môn khách, là hiếu danh tr? hay ý muốn làm gì? Có người tội như thế, xử trí thực khó. Nếu không bảo loạn được công thần thì cũng không phải là việc hay của trăm, thế mới khó chứ! »

Lấy chưởng Chấn võ quân là Nguyễn Văn Nhân làm chưởng Hữu quân, kiêm giữ ấn vụ chưởng Trung quân. Đồi hai vệ Chấn bảo nhất và nhị làm hai vệ Hữu bảo nhất và nhị, năm đội Chấn sai làm năm đội Hữu sai.

Giáng thống chế Thị nội Võ Viết Bảo làm cai cơ, vẫn quản các vệ đội Trung tín, Trung hầu, Nội hầu, Loan nghi, Chấn uy. Trước đây Viết Bảo cho riêng thuộc hiệu về thăm nhà, việc phát giác. Vua vời đến hỏi. Viết Bảo không chịu nói thật. Vua sai giam xuống ngục. Bộ Hình xin xử tội đồ. Vua nói: « Viết Bảo thấy ta gạn hỏi, sợ hãi thác nhời, không phải là cố ý dối trá. Vả trải chịu luy tiết đã đủ răn rồi. Vậy tạm khoan cho, giáng chức là được vậy ».

Lấy vệ úy vệ Tả nhất Thị trung là Tôn thất Dịch làm thống chế Thị nội, quản lãnh năm vệ Nội trực, Thăng uy, Trung cần, Kiện võ, Tín uy và ba đội Kiên dũng.

Sai biên các đội Nội hoàng kiếm, Tả vệ, Hữu vệ sung làm vệ Tín uy.

Lấy thêm sự Lại bộ là Trần Lợi Trinh làm ký lục Định-tướng, thêm sự Hình bộ là Nguyễn Huy Trinh làm tham hiệp Lạng-Sơn.

Triệu biên binh quân Thần sách Thanh Nghệ đi thú Gia-dịnh, theo thuyền vận tải về Kinh. Tới nơi, cấp cho tiền gạo rồi cho về. (Mỗi người đều tiền 5 quan, gạo 5 phương).

Từ Nghệ-an ra Bắc bị hạn. Giảm thuế ruộng vụ chiêm năm nay, Nghệ-an Thanh-hoa giảm 5 phần 10, Thanh-bình 4 phần 10, Bắc-thành 3 phần 10. Rồi thấy Thanh Nghệ gạo đắt, hạ lệnh phát gạo kho mỗi nơi 5 vạn hộc, giảm giá bán cho dân. Thóc thuế vụ chiêm ấy cho nộp thay bằng tiền. (Thóc 1 hộc giá 8 tiền). Lại sai sở tại tu sửa cầu cống đường sá, hàng tháng cấp tiền gạo cho đê dân được đủ ăn.

Đắp đê giữ ruộng ở huyện Tống-sơn. Năm ngoài vệ úy vệ Tín uy là Tôn thất Huy tâu xin lưu vệ binh ở trấn đê cùng với dân huyện đắp đê để bảo vệ nghề nông. Vua y lời xin. Đến nay khởi công đắp đê, sai phát tiền 1.000 quan, gạo 5.000 phương cấp cho.

Vua nghĩ đến các địa phương ở dọc đường mệt nhọc vì đê trạm, sắc từ nay những việc không khẩn cấp lắm thì cho lưu lại 5, 3 ngày, đợi có vài việc cùng phát đi một thẻ, để đỡ sức cho dân. Lại thấy từ Quảng-đức đến Thanh-bình gạo đắt, sai cấp cho phu trạm 3 tháng lương.

Thuộc hiệu ở Thái-nguyên là Hoàng Thu Nguyên bắt được giặc trốn là tên Chấn đem nộp. Thưởng tiền 100 quan.

Tướng giặc ở châu Bồ-chính ngoại dinh Quảng-binh là tên Điện nguy xưng niên hiệu Cán-thái, họp đảng ở xã Thanh-bào mưu khởi nguy. Lưu thủ là Phan Văn Thúy đem quân vây bắt. Điện trốn sang Nghệ-an, quan quân bắt giết.

Dinh thần Quảng-đức đem đầm Thanh-lam cho thủ hợp văn hàn là Nguyễn Văn Vinh lãnh trưng, bị dân xã An-truyền kiện. Giao xuống bộ Hình xét. Nguyễn Quỳnh tâu nói: « Nguồn đầm để cho dân hưởng chung lợi, thuộc viên ở các nhà theo lệ không được trưng giành. Nay dinh thần thiên tư mà cho trưng, xin ghép vào luật vi lệnh ». Vua theo lời.

Bản khơi sông Châu-đốc, sai bọn Lưu Phước Tường và Nguyễn Đức Sĩ xem đo đường đất (từ mặt sau bảo Châu-đốc đến các xứ Náo-khâu, Cây-báng) vẽ bản đồ dâng lên.

Hạ lệnh kén 51 người thuộc thuyền Toàn-binh ở Bình-dịnh đặt làm đội Chấn hầu Thị nội.

Tháng 5, đúc ấn bạc hoàng thái tử. (Ấn vuông 6 phân 7 ly, dày 3 phân, nuốm rồng ngồi, khắc chữ triện « Đông triều thị tín » (1)).

Định ban thứ lễ triều hạ. Chỗ lạy của hoàng thái tử và hoàng tử hoàng tôn các tước công đều ở trên điện. Hoàng thái tử ở đầu hàng tả ban, đầu hữu ban là Tôn thất Thăng. Biều văn khánh hạ vẫn đọc ở dưới điện Thái-hòa, rồi dâng lên. Lễ khánh hạ ở điện Thanh-hòa thì trăm quan đều mũ áo đại trào, theo ban mà chúc

1. Đông triều thị tín : Đông triều tức là Đông cung, lạy hoàng thái tử. Thị tín : Đông dấu để làm tin.

mừng; giấy mừng thì đình thần xưng là văn võ đẳng, quan trong cung thì xưng là thần đẳng, đều dùng chữ khai.

Sai biên binh ba vệ Thị tượng đem 30 thớt voi kinh, chia đi Thanh-hoa và Bắc-thành đóng thú.

Định lệ thưởng cho biên binh vận tải. Người từ Kinh sai đi vận tải đến các địa phương, cứ một lượt thưởng thêm một tháng tiền lương, từ các địa phương vận tải về Kinh thì thưởng một nửa.

Bổ lệ thuế cho ba mỏ Nam-hoắc, Sur-không và Mai-sao. (Mỏ sắt Nam-hoắc ở Thái-nguyên thuế mỗi năm 200 cân; mỏ diêm tiêu Sur-không ở Sơn-tây thuế mỗi năm 300 cân; mỏ diêm tiêu Mai-sao ở Lạng-sơn, thuế mỗi năm 100 cân. Thành thần thấy không có người khai thác tàu xin bỏ đi).

Quản Tàu vụ là Nguyễn Đức Xuyên tâu nói rằng gần đây nghe thuyền buôn nước ngoài nhập khẩu, nhiều thuyền giả mạo thuyền bài để mưu giảm thuế, cũng có thuyền giấu hàng hóa, nói dối là bị bão để cầu miễn thuế. Vua bèn sai quan địa phương xét hỏi rất nghiêm, thất sát thì có tội.

Vua cùng bầy tôi bàn việc trị nước, nhân nói đến việc thờ phụng dân từ ở dân gian. Thống chế Thị trung là Hoàng Công Lý tâu rằng: « Dân cư trong kinh thành cũng có người mê tin dị đoan mà đánh thanh la, thổi tù và. Xin định rõ lại điều luật để ngăn cấm ». Vua cho là phải.

Sửa lại Nhà đồ nội.

Vua thấy công việc làm bảo Châu-dốc chưa xong, mà mùa mưa sắp tới, sai thành thần Gia-định thả hết quân dân về nghỉ, đợi sang xuân sẽ làm.

Tháng 6, ngày mồng 1 kỷ dậu, ban mũ áo cho hoàng thái tử. Lấy ba vệ Kiện võ, Túc bảo nhất, Túc bảo nhị và Chấn hầu, Thị nghi, Tư thiện, Thủy quân đều 1 đội đề sung theo hầu.

Bàn định lễ sách lập Thái tử. Sai thượng thư Hộ bộ là, Nguyễn Đình Đức sung chức tuyên sách quan, tham tri Lễ bộ là Bùi Đức Mân sung chức quan bưng sách ấn, tham tri Lại bộ là Phạm Quang Triệt sung chức quan bưng chiếu, tham tri Công bộ là Đoàn Viết Nguyên, tham tri Lại bộ là Trần Văn Tuấn sung chức quan tả hữu nội tán. Triệu các quan thành dinh trấn mỗi nơi một người và các tri huyện ở bốn dinh trực lệ về.

Sắc từ nay, hoàng thái tử và các hoàng tử hoàng tôn tước công vào hầu, từ các cửa Hoàng thành trở vào trong: hành nghi của hoàng thái tử thì cang 1 cái, long 2 cái, gươm 3 cái; hành nghi các tước công thì cang, long, gươm mỗi thứ một cái, đều đến ngoài cửa Hưng-khánh thì dừng; hoàng nữ và vợ thiếp các tước công chỉ được đi các cửa Hiền-nhân, Chương-đức, Cung-thần, hành nghi thì dùng kiệu, long đều một cái, đến ngoài cửa Lý-thuận thì dừng.

Ngày ất mão, điện Thanh-hòa làm xong. Điện lấy gỗ ở cung Trường-thọ mà làm. Hoàng tử thứ tư thấy có thơ khắc cũ ở trên ván, nhiều lời tán tụng, không dám tự nhận, tâu xin bỏ đi. Vua cho là phải.

Ngày bình thin, hoàng tử thứ tư lên ở điện Thanh-hòa.

Ngày đinh tỵ đem đại lễ sách lập kinh cáo ở Thái miếu.

Ngày kỷ mùi, vua ngự điện Thái-hòa, sách lập hoàng tử thứ tư làm hoàng thái tử, ban sách vàng ấn vàng.

Hoàng thái tử lạy chịu mệnh. Lễ xong, hoàng tử, hoàng tôn, các tôn nhân và văn võ trăm quan bưng sách ấn đến điện Thanh-hòa, đặt ở nhà Đoan-bản.

Lời sách rằng: « Trẫm nghĩ: Quê Chấn tượng trung con trai trưởng; móng lân khen ngợi giống hiền minh. Nghĩ đề mưu hay cho tử tôn, tất phải cậy ở lệnh tự (1).

Hỡi hoàng tử người, tính vốn hiền lành, lượng lại rộng rãi. Đức thông minh giữ nét khiêm cung; lòng hiếu hữu ngày thêm cố gắng. Người hiền tuổi lớn; gánh được việc to. Nghĩ ta: lặn đạn cõi Nam, chống chèo trăm trận. Giết kẻ thù chẳng đội trời chung; mở nước Việt cả khu đất rộng. Xiết bao gian khổ, mới có ngày nay. Nghĩ kỹ Xã Tắc kế sâu; nguyên lương xứng bậc. Chi ta đã định, trăm quan đều theo. Thế nên chọn lấy ngày lành, kinh cáo Tôn Miếu. Dựng người lên làm Hoàng thái tử. Người nên ngày thêm đức tốt, chăm lo công việc lâu dài. Đề sáng đạo vua tôi cha con, nên công tu tề trị bình (2) mà làm vẻ vang cho mệnh lớn của ta.»

Bổ cáo khắp trong ngoài. Chiếu rằng: « Nghĩa xuân thu nhất thống, bắt đầu tự chính danh; mưu thánh nhân về sau, trước hết là lập tự. Trẫm cả vâng mệnh sáng, giữ lấy nghiệp to. Nghĩ việc lớn thiên hạ, cần được người đứng đầu. Nay hoàng tử thông minh nhân hiếu, có thể đảm đương việc nặng; chi ta định trước, trăm quan cùng theo. Lấy ngày mồng 9 tháng này, kinh cáo Thái miếu, ngày 11 sách lập hoàng thái tử, để chính căn bản nhà nước, và rõ ràng được kẻ nối ngôi. Ôi! Tuổi đã lớn, đức càng cao, vì thiên hạ được người xứng

1. Lệnh tự: Con nối nghiệp hiền.

2. Tu, tề, trị, bình: Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

đáng; biển lại nhuần, sao càng sáng, mừng giang sơn hưởng phúc lâu dài. »

Ngày canh thân, hoàng thái tử yết liệt miếu và điện Hoàng-nhân.

Ngày quý hợi, các hoàng tử, hoàng tôn, tôn nhân cùng văn võ, dâng biểu chúc mừng. Ngày sau, đến điện Thanh-hòa chúc mừng.

Sai đình thần chọn hàng quan văn từ nhị phẩm đến chánh ngũ phẩm, người nào học hạnh thuần cần, cho sung chức phụ đạo ở điện Thanh-hòa. Rồi lấy tham tri Hình bộ là Nguyễn Hoài Quỳnh, tham tri Lễ bộ là Bùi Đức Mân, thêm sự Binh bộ là Hoàng Kim Hoàn sung vào. Những công việc tầm thường ở bộ đều cho miễn họp làm, duy việc lớn mới phải dự. Lấy Hàn lâm viện trực giảng là Phan Đắc Lân, Nguyễn Đăng Tài, Nguyễn Đăng Tuấn và Hàn lâm viện Nguyễn Khánh đều sung chức thị giảng.

Tham tri Hình bộ là Lê Bá Phẩm tự Gia-định vào châu. Khiến ở Kinh làm việc.

Lấy thuộc nội cai đội Nguyễn Đức Bằng làm thủ ngự cửa biển Tư-dung, cai cơ Vọng-các Võ Văn Điện làm quản đạo Long-xuyên, khám sai cai đội Phạm Văn Chân làm quản thủ sở cựu thủ Châu-đốc.

Lấy vệ úy ngoại ngạch Tả quân là Lê Văn Từ làm vệ úy vệ Tả bảo nhị.

Vua thấy các quân sửa chữa Kinh thành, công việc khó nhọc, nghĩ giữ gìn sức khỏe, mỗi khi nặng quá thì cho nghỉ việc; đến khi làm xong, thưởng tiền cho hơn 40.000 quan.

Man Thạch-bích ở Quảng-ngãi lại quấy rối ngoài biên. Trấn thủ Phan Tiến Hoàng đánh không lợi. Vua nghe tin, chiếu cho Lê Văn Duyệt đem quân tiến tiêu, phó đô

thống chế Nguyễn Văn Tri, vệ úy Phan Văn Tuyên và Nguyễn Văn Trọng đều lệ theo. Lại sai Quảng-nam Bình-định lượng phát biên binh theo Duyệt điều khiển. Duyệt đến nơi, các man đều trốn nấp cả. Bèn lưu bọn Tri Trọng cầm quân phòng ngự mà triệu Duyệt về.

Trời Phan Tiến Hoàng giải về Kinh, giao bộ Hình bàn xét. Nguyễn Hoài Quỳnh tâu nói: « Tiến Hoàng thân làm tướng ngoài biên, trị dân chống giặc không đúng phép đến nỗi quân ác man gây việc, đến khi đem quân đánh dẹp, lại sai quân cơ, xin xử theo tội trăm giam hậu. » Vua theo lời.

Lấy cựu lưu thủ Quảng-nam là Nguyễn Cửu Khoáng làm trấn thủ Quảng-ngãi.

Nguyễn Văn Tri sai Nguyễn Văn Trọng đánh úp man Thạch-bích, phá tan. Trước là viên đội trưởng ở Quảng-ngãi là Nguyễn Đặc bị quân suất lãng nhục, trốn vào xứ man, hằng dẫn quân man đi cướp bóc. Kịp khi đại quân tiến đến, Đặc tự thú xin lập công chuộc tội. Lê Văn Duyệt cho. Đến nay, Đặc dụ các man đến. Tri ngầm sai Trọng nấp quân đánh úp, chém hơn trăm thủ cấp, bắt được khí giới rất nhiều. Tin thắng trận báo lên. Thưởng cho Trọng mũ áo và 1.500 quan tiền, cho các biên binh 6.000 quan tiền, mà tha tội cho Đặc.

Lại giảm thuế ruộng vụ mùa cho từ Nghệ-an ra Bắc. Chiếu rằng: « Trị nước không gì bằng nuôi dân; chính tốt trước phải ban ân huệ. Các địa phương mùa xuân này hiếm mưa, mùa màng kém cỏi, thuế vụ hạ đã được khoan giảm, nhưng gần đây việc nông chưa thỏa, dân bệnh chưa lành, lòng trăm thực là thương xót. Vậy lại tha giảm thuế vụ đông này, Nghệ-an, Thanh-hoa, giảm 5 phần 10, Thanh-bình 4 phần 10, Bắc-thành 3 phần 10. »

Miễn thuế gỗ còn thiếu cho đội Mộc đĩnh ở Gia-định.

Tôn thất Triều tâu xin bỏ theo vệ đội các quân, để được cố sức làm việc. Vua khen. Nhân sai Tôn thất Thăng, cử người tôn thất từ 18 tuổi trở lên, ghi vào sổ tâu lên. Rồi cho bọn Triều 10 người làm cai đội suất mười đội Nội hầu.

Truy tặng vệ úy vệ Ban trực tuyển phong tả quân Thần sách là Lê Thành Lý làm chương cơ, cấp cho 7 người mộ phu (Thành Lý có công Vọng-các).

Phát dân dinh Quảng-đức vét sông từ xã Chiết-bi đến xã Vinh-vệ (tức là sông Lợi-nông ngày nay). Sai chi tiền gạo cấp cho.

Tháng 6 nhuận, ban lộc hàng năm cho hoàng thái tử (tiền 5.000 quan, gạo 3.000 phượng).

Đặt các đội Thị nội, Nội sai thuộc diện Thanh-hòa, sai mộ dân ngoại tịch sung vào.

Sai đình thần bàn lại án phản nghịch của Nguyễn Văn Thuyên. Trước vua từng sai bộ Hình lấy những lời ở trong án trích tâu, đọc đến việc Nguyễn Văn Thành sai Nguyễn Trương Hiệu phúc xem mã mẹ, vua nói: « Văn Thành cầu lấy đất tốt, sợ giàu sang không được thêm nữa à? Trước Văn Thành từng nói phía tây-bắc có cầu vòng, bảy mặt trời chọi nhau. Thành không phải là chức tư thiên, sao phát ngôn dễ dàng thế? Như thế thì con bất đạo là vì binh nhật không biết ngăn ngừa cho nên đến thế ». Đến nay án dâng lên. Đình thần đều nói: « Văn Thuyên mưu làm phản, tội trạng rõ ràng; Văn Thành thì dám che giấu cho con, lấy yêu ngôn tâu bày, sửa mộ quá phép, tiến cử người xằng, nhiều điều bất pháp như thế, xin xử tội chết ». Chỉ mình tham tri Lại bộ là Trần Văn Tuấn cho rằng Văn Thành không dạy được con thì tội nhẹ; Nguyễn Duy Hòa tham hặc đại thần thì tội nặng. Vua giận nói: « Vậy là muốn

khóa miệng người ta à? Há không có bè đảng sao? ».
Bèn hạ lệnh bần lại.

Dinh Quảng-đức có tên tù hành dịch, hết hạn mà không có người kết nhận vào sổ dinh. Dinh thần tâu lên. Vua sai thích chữ cho sung làm linh ở dinh.

Vua xem bản đồ chùa Thiên-mu, bảo bày tời rằng: « Chùa này non nước thanh tú, di tích của tiên triều thì có vườn ngự và đài cầu đậy, thượng thư Lê bộ Đặng Đức Siêu còn nhớ được nền cũ vậy ».

Bộ Hình tâu việc thu thăm. Vua dụ Phạm Như Đăng rằng: « Hình ngục là việc trọng. Việc thu thăm, quan hệ đến sự sống chết của người ta, khanh nên cẩn thận ».

TIMSACH.COM.VN

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ

QUYỀN LIV

THỰC LỤC VỀ THỂ TỒ CAO HOÀNG ĐỀ

Bính tý, Gia-long năm thứ 15 [1816], mùa thu, tháng 7, ngày mồng 1, lễ thu hưởng. Sai thái tử nhiếp tế ở Thái miếu.

Định lại lệ lễ ngày kỵ.

Ngày kỵ lăng Cơ-thánh và lăng Thụy-thánh, vua thân hành làm lễ ;

Ngày kỵ lăng Trường-cơ, lăng Vĩnh-cơ, lăng Trường-hưng, lăng Vĩnh-hưng, lăng Quảng-hưng, hoàng thái tử khâm mạng làm lễ ;

Ngày kỵ lăng Trường-phong, lăng Vĩnh-phong, lăng Trường-thái, lăng Vĩnh-thái, Tôn thất Thăng khâm mạng làm lễ.

Ngày kỵ lăng Trường-nguyên, lăng Trường-diễn, lăng Vĩnh-diễn, lăng Trường-diên, lăng Vĩnh-diên, lăng Trường-mậu, lăng Vĩnh-mậu, lăng Trường-thanh, lăng Vĩnh-thanh, lăng Trường-thiệu, hoàng tử hoàng tôn khâm mạng làm lễ.

Thả những biên binh Thanh-hoa, Nghệ-an, Bắc-thành, Thanh-binh ứng triệu đến Kinh cho về.

Triệu chương cơ lãnh trấn thủ Vĩnh-thanh là Lưu Phước Tường về Kinh ; lấy trấn thủ Hà-tiên là Nguyễn

Văn Triêm làm trấn thủ Vĩnh-thanh, phó vệ úy vệ Hùng cự nhị là Trần Văn Trinh làm trấn thủ Hà-tiên. Trinh bộ tư. Vua dụ rằng: «Việc binh dân kiện tụng triều đình đã có phép sẵn, người nên cẩn thận giữ phép, võ nuôi dân chúng ngoài biên, đừng nên tham cao chuộng lạ».

Sai phó tướng Tiền quân là Hoàng Văn Diêm làm bang biện đề chính Bắc-thành.

Lấy vệ úy vệ Tiền nhị Thị trung là Phan Văn Mậu làm thuộc nội vệ úy vệ Tả nhất, cai cơ Hữu quân Hoàng Văn Bình làm quản thủ đạo Phố-hải.

Sai cai cơ Thủy quân Tổng Văn Hiệp quản bốn đội Phú-thuận giữ kho Kinh.

Ban mũ áo thường triều cho quan Phiên nước Chân-lạp. Trước đây, vua phiên là Nặc Chấn đã nhận mũ áo, quan Phiên trông thấy khen ngợi, đều xin đổi theo phục sắc của nước ta. Thành thần Gia-định tâu xin cho. Vua sai bầy tôi bàn định: Quan phiên từ thập phẩm đến thất phẩm, mũ áo coi như quan triều đình tự tam phẩm trở xuống; từ lục phẩm trở xuống thì không được dự. (Quan liêu ở Chân-lạp từ thập phẩm đến nhất phẩm, lấy thập phẩm làm cao nhất, cửu phẩm là thứ hai, dư cứ theo thế mà suy). Bèn sai Nhà đồ chế mũ áo thập phẩm cửu phẩm 23 bộ cho 23 người quan Phiên, lại chế mũ áo bát phẩm thất phẩm 4 bộ làm mẫu, sai cai bạ Biên-hóa là Trần Minh Nghĩa đem cho. Vua Phiên lay nhận ở nhà Nhu-viễn. Từ đấy y phục đồ dùng của người Chân-lạp phần nhiều mộ theo phong cách người Hán [Việt] mà tục man dần dần đổi bỏ.

Bãi tiền thuê thuyền vận tải. Trước đây thuyền Trường đà và thuyền công thuyền tư, một năm đi chở vật công thì nhà nước trả tiền thuê, một năm đi buôn

thi nộp thuế y lệ. (Tiền thuế và tiền thuê ngang nhau). Vua muốn bớt phí tổn về việc chi thu, bèn sai đổi định điều lệ, lấy năm đình sừ sang năm bắt đầu. Phàm thuyền chở cho nhà nước thì đình tiền thuê, mà đi buôn thì được miễn thuế. Đương chở việc công mà trốn bỏ, phạm lần đầu thì thu tiền thuế, lần thứ hai thì xử tội đồ, thuyền sung vào nhà nước. Địa bảo và tẩn thủ thì xử tội cố ý dung túng, quan địa phương thì xử tội thất sát.

Đổi định lệ tiền thuế cảng cho các thuyền vận tải. Phàm thuyền công hay tư phải chở hàng cho nhà nước mà xin nộp thuế đi buôn thì thu thuế như lệ. (Thuyền từ 7 thước đến 7 thước 5 tấc, tiền thuế 31 quan; từ 7 thước 6 tấc đến 7 thước 9 tấc, tiền 38 quan; 8 thước đến 8 thước 5 tấc, tiền 45 quan; 8 thước 6 tấc đến 8 thước 9 tấc, tiền 52 quan; 9 thước đến 9 thước 5 tấc, tiền 58 quan; 9 thước 6 tấc đến 9 thước 9 tấc, tiền 69 quan; 10 thước đến 10 thước 5 tấc, tiền 104 quan; 10 thước 6 tấc đến 10 thước 9 tấc, tiền 121 quan; 11 thước đến 11 thước 5 tấc, tiền 138 quan; 11 thước 6 tấc đến 11 thước 9 tấc, tiền 156 quan; 12 thước đến 12 thước 5 tấc, tiền 137 quan; 12 thước 6 tấc đến 12 thước 9 tấc, tiền 190 quan; 13 thước đến 13 thước 5 tấc, tiền 249 quan; 13 thước 6 tấc đến 13 thước 9 tấc, tiền 270 quan; 14 thước đến 14 thước 5 tấc, tiền 322 quan; 15 thước đến 15 thước 5 tấc, tiền 353 quan; 15 thước 6 tấc đến 15 thước 9 tấc, tiền 385 quan; 16 thước đến 16 thước 5 tấc, tiền 485 quan; 16 thước 6 tấc đến 16 thước 9 tấc, tiền 522 quan; 17 thước đến 17 thước 5 tấc, tiền 558 quan; 17 thước 6 tấc đến 17 thước 9 tấc tiền 594 quan. Phàm thu tiền thuế cảng thì nộp trữ ở dinh trấn sở tại, không do quan cai Trường đà trưng thu, như thế để

tiện cho dân. Duy thuyền nghề cá ở các trấn Nghệ-an, Thanh-hoa, Sơn-nam hạ, và thuyền của đội biệt nạp nước mắm ở Bình-thuận, thì thuyền từ 7 thước 1 tấc trở lên, có lệ vận tải, nếu miễn chở thì phải nộp thuế. Như bất kỳ phải chở thì miễn thuế năm ấy. Còn thuyền riêng của quan thuộc các nha và quân dân mà được miễn lệ chở thì nộp tiền thuế như cũ. Các đội Trường đà theo lệ chở cho nhà nước, không được nộp thuế).

Định lệ phu bạn cho thuyền các đội Trường đà. (Thuyền chở lương nhà nước, mỗi 150 phương cho mướn 1 người phu bạn, thuế thân thuế sưu đều miễn).

Vua bảo bộ Lại rằng: « Muốn có nhân tài, trước phải giáo hóa. Nay ở kinh sư số học giả còn ít là bởi phép dạy chưa đầy đủ. Trẫm muốn dựng nhà Quốc học và quán Sùng văn để tỏ bày giáo hóa, khiến học giả bốn phương nhóm họp ở kinh sư; ai học tiến lên thì ưu cấp lương lẫm, học lâu không tiến thì trách phạt, như thế học trò biết sự khuyến răn, mà nhân tài ngày thêm thịnh vượng ».

Lấy Hàn lâm trực giảng là Hoàng Văn Quyền làm thêm sự Lại bộ, tri bạ Hoàng Sĩ Đức làm thêm sự Binh bộ.

Hoàng tử thứ sáu là Bình dung túng cho bọn thuộc hạ ở phủ đi dỗ con nhà người ta làm nghề con hát. Việc đến tai vua. Vua giận sai đánh rất đau. Hoàng thái tử khóc xin cho. Vua không cho, quay bảo bọn Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Đức Xuyên rằng: « Từ nay hoàng tử hoàng tôn có làm việc gì trái phép, bọn ngươi phải báo cáo trẫm biết ».

Ấm thụ cho con cháu Khai quốc công thần Tôn thất Khê và Tôn thất Vị làm đội trưởng để coi giữ việc thờ cúng.

Tham tri Hộ bộ là Lê Viết Nghĩa đi thanh tra các trấn Gia-định, sai riêng lính coi kho thiện tiện mua lương của nhà nước, bị trấn Vĩnh-thanh tố phát. Vua sai giết.

Hiệp trấn Thanh-hoa là Nguyễn Xuân Thục, trước làm cai bạ Vĩnh-thanh, cùng ký lục Trần Bá Bảo nắm lấy thuế của nhà nước. Đến nay việc phát. Xuân Thục bị giáng làm thêm sự, Bá Bảo bị giáng làm Hàn lâm.

Cho tri phủ tri huyện từ Kinh đi đến chỗ làm việc được cấp phu trạm và tiền lộ phí. (Tri phủ 15 quan, tri huyện 10 quan). Vua bảo hai bộ Lại Hộ rằng: « Chức thú lệnh rất là gần dân, đạo nuôi người thanh liêm không gì bằng cấp cho hậu lộc. Trước đây nước ta mới định, kho chứa chưa nhiều, cho nên tùy nghi cấp bổng, chưa được quân bình. Nay nên duyệt kỹ, các huyện từ Gia-định đến Bắc-thành, phạm đất rộng dân nhiều là nơi phiền (1), đất hẹp dân thưa là nơi giản (2) chức định lệ lương để nuôi đức thanh liêm, nếu còn có người tham lam thì bắt tội không ăn năn nữa ».

Phạm Đăng Hưng xin đặt kho ở xã [xã thương] để phòng chần cấp năm mất mùa. Vua nói: « Trẫm trừ tính đã kỹ rồi, phương pháp đặt xã thương làm được thực khó, kẻ giữ kho không được người tốt thì sẽ hại cho dân. Không bằng cẩn thận rộng chứa thuế chính cung, gặp khi đói kém thì phát chần và cho vay, đó cũng là chức hay vậy ». Lại từng bảo Đặng Hưng rằng: « Đời xưa chia ruộng và định sản nghiệp, việc ấy xem ra như hay. Nhưng nghĩ bọn du thủ du thực, dẫu trao ruộng cho ắt cũng không chịu siêng năng làm

(1) Phiền: Nơi phủ huyện nhiều việc.

(2) Giản: Nơi phủ huyện ít việc.

việc, rồi cũng chuyển bán cho người khác. Nay muốn ngăn cấm việc kiêm tinh mà lấy ra đề chia đều, chỉ thêm nhiều dân mà thôi. Trăm nghĩ kỹ, rốt cuộc cũng không làm được ».

Vua từng bảo bày tôi rằng: « Tam đại về sau, duy nhà Hán lấy được thiên hạ là chính đáng, đời sau không thể sánh kịp được. Bản triều từ khi khai sáng đến trung hưng, danh nghĩa đều chính cả, cũng không hồ thẹn với nhà Hán vậy ».

Tháng tám, vua hỏi Trương Phúc Đạng lệ thường triều số lính đứng châu bao nhiêu người. Thừa rằng: « Đứng châu hai bên tả hữu, mỗi bên 5 hàng, mỗi hàng 8 người ». Vua hạ lệnh tả hữu hai bên, mỗi bên bớt đi một hàng cho đúng số 8 lần 8.

Xiêm-la sai bọn Sá-thông-sự đến hiến phương vật và hỏi việc năm ngoái Tham-dịch-tây đánh quân Xiêm. Vua cho vào yết kiến ở điện Cần-chánh và dụ rằng: « Tôi của Tham-dịch-tây đã sai vua Phiên trị rồi. Nhưng đầu mối gây ra việc đánh nhau là ở tướng Xiêm, vẽ cáo cho vua người biết nhé ». Được vài ngày, sứ Xiêm-la đến điện Thanh-hòa yết kiến hoàng thái tử. Khi trở ra nói với người thông ngôn rằng: « Vị hoàng chừ tuổi đương trai trẻ, oai dung đức độ thực không phải người thường ». Khi về vua cho hậu rồi khiển đi. (Tặng phật vương 40 lạng vàng, 500 lạng bạc, cho vua thứ hai 20 lạng vàng, 300 lạng bạc).

Vua lấy tả tham tri Hình bộ là Võ Văn Doãn lãnh hiệp trấn Thanh-hoa.

Tháng 9, trấn thần Sơn-nam hạ tâu xin mộ 100 người dân ngoại tịch lập làm hai đội Kiên định, Kiên uy. Dinh thần Quảng-binh cũng xin mộ 250 người lập làm năm thuyền Binh. Vua đều y cho.

Từ Quảng-đức trở ra Bắc đến Thanh-hoa gao đất. Sai cấp thêm gạo lương cho phu trạm.

Lấy cai bạ Biên-hòa là Trần Minh Nghĩa làm ký lục Vinh-thanh.

Cai bạ Bình-thuận là Phạm Hưng Nhượng chết ; lấy thêm sự Binh bộ là Nguyễn Văn Khiêm làm cai bạ Bình-thuận.

Triệu phó tổng trấn Gia-định khám sai chương dinh lãnh phó tướng Trung quân là Trương Tiến Bửu về Kinh, sai quyền giữ ấn vụ Trung quân.

Nước Chân-lạp sai sứ sang mừng lễ lớn sách lập. Vua thấy nước ấy mới yên, sai thu phẩm vật một vài thứ, còn dư cho trả lại rồi hậu đãi chào về.

Cấm thuyền buôn chở riêng thóc gạo hóa vật thông thương với nước ngoài. Kẻ nào phạm thì lấy luật ra riêng ngoài cõi và luật phạm cấm ra biển để xử, thuyền và hàng hóa sung công. Quan sở tại biết mà cố ý dung túng thì cùng tội.

Lấy cai cơ ngoại ngạch Tả quân là Võ Viết Đề làm phó vệ úy vệ Tả bảo nhất.

Định tội tù sung quân và tù lưu trốn. Trốn mà bắt được, sơ phạm thì đưa về chỗ đầy đánh trượng gông lại và đầy lại, tái phạm thì chém.

Bảo hộ Chân-lạp là Nguyễn Văn Thụy ốm xin giải chức ; sai chương cơ Lưu Phước Tường thay.

Vua cho rằng bảo hộ là chức vụ quan trọng ở ngoài biên, cho Phước Tường làm thống chế, cho trật ngang thống chế Thủy dinh, cấp cho ấn đồng bảo hộ cho trọng thêm quyền. Phước Tường bệ từ. Vua cho lên điện và dụ rằng : « Gia-định giáp giới Chân-lạp, đường giao thông bốn bề năm ngã, người nên bày tỏ với thành thần sửa sang đường sá, cho mạnh sự phòng thủ ngoài

biên ». Cho 50 quan tiền, lại cho mộ lập một đôi thuộc sai đề đi theo.

Hủy tiền nguy hiệu của Tây-sơn. Chiếu rằng: « Quy chế đúc tiền, từ xưa ghi niên hiệu cốt để phân biệt. Từ thuở Tây-sơn lấn cướp, đúc ra các thứ tiền nguy Thái-đức, Quang-trung, Cảnh-thịnh, Bảo-hưng, dân gian noi nhau thông dụng, lẫn lộn rất nhiều. Nhưng noi theo đã lâu, chợt lại nghiêm cấm thì người tích trữ phải đọng lại mà không thông, người dùng quen thì ngại tiền mới, thực là không tiện cho dân. Vậy chuẩn định những tiền nguy từ năm đình sừ đến năm tân tỵ là năm năm thì hãy cho thông dụng, từ năm nhâm ngọ về sau thì đều cấm. Ở trong hạn ấy thì kho tàng trung thu và nhân dân mua bán không được kén loại, làm trái thì có tội ».

Ban tiền « Gia-long thông bảo » mới đúc. Hạ lệnh cho các dinh trấn từ Quảng-bình vào Nam, phẩm lương bổng và chi tiêu đều dùng tiền cả. Duy dân gian nộp thuế vẫn cho nộp nửa tiền nửa bạc.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, tế đông hường. Sai hoàng thái tử nhiếp tế ở Thái miếu.

Chân-lạp dâng biểu xin hàng năm sai sứ sang châu một lần. Vua bảo bầy tôi rằng: « Trẫm lấy thiên hạ làm một nhà, coi mọi người như nhau, không chia trong ngoài. Nay nước Chân-lạp kính mến xuất tự lòng thành, nên theo lời xin. Nhưng hành lý đi lại, đường bộ thì mệt nhọc về đưa đón, trẫm lại không muốn làm nặng cho dân. Gia-định hàng năm có lệ thường, vận tải đường biển nhân tiện đó mà hộ tống sứ giả thì trong không mệt dân mà ngoài không mất lòng trông đợi của người xa. Vậy ra lệnh cho sứ giả hàng năm cùng đi với thuyền chở của Gia-định ». Nước Chân-lạp châu hàng năm bắt đầu từ đấy đó. (Phẩm vật: sừng tê

2 tòa, ngà voi một cặp, sơn đen 10 ghè, đậu khấu, sa nhân, sáp ong, cánh kiến, trần hoàng đều 50 cân).

Vua nghe tin quân và dân ở Gia-định nhiều người bỏ chiếm ruộng đất của người Chân-lạp, các nha môn cũng có người Chân-lạp đến ở, chiếu cho thành thần Gia-định rằng: «Chân-lạp đời đời làm phiên phụ của ta, một tấc đất, một người dân, đều nhờ ơn triều đình nuôi giữ. Phàm ruộng có bị người Hán [Việt] lấn chiếm, dân có bị các nha dung chứa thì đều trả lại cả».

Tả tham tri Công bộ lãnh Công tào thành Gia-định kiêm lý Hộ tào là Nguyễn Khắc Thiệu chết.

Có tên Hữu lấy trộm ấn Tả quân, Lê Văn Duyệt bắt được, tâu lên. Vua sai đình thần tra hỏi. Hữu thú là do Nguyễn Văn Thành sai, hẹn thưởng cho 30 lạng bạc, lại nói Văn Thành sai làm môn hạ Văn Duyệt để bỏ ngấm thuốc độc, mưu không thành, bèn tự lấy trộm ấn trốn đi. Vua cho là Hữu nói trước sau không đúng, lại không có căn cứ, không muốn xét kỹ, sợ liên lụy cho người, bèn sai giết Hữu mà bỏ việc ấy đi.

Quảng-đức và Quảng-nam gạo đắt. Vua sai lấy thóc kho mỗi nơi 4 vạn斛, giảm giá bán ra. Lại thấy giá bạc trong dân gian rẻ hơn giá nhà nước, dân có người đem bạc đóng thóc thì cho tính theo giá nhà nước mà nộp. Vua nhân bảo lưu thủ Quảng-đức là Nguyễn Huy rằng: «Dân gian đói ăn, trăm rất thương. Vậy nên bớt của người trên mà bù cho kẻ dưới. Người nên thể lòng ta để cho bọn tiểu dân đều được nhờ ơn, cẩn thận, đừng để cho bọn cường hào nhờ đó mà mưu chuyên lợi».

Lấy cai cơ Nguyễn Văn Phúc làm vệ úy vệ Túc bảo nhị, cai đội Võ Văn Tinh làm phó vệ úy.

Vua thấy từ trước tới nay các thành dinh trấn hề gặp mưa lụt nhỏ là dâng biểu tâu, như thế cũng phiền, hạ lệnh từ nay cứ chua vào sổ phong vũ nhật ký, cuối

tháng đệ lên một thẻ, duy gió to mưa dữ bất kỳ thì tàu lên.

Phù-yên nước to. Sai lấy thóc kho phát chẩn cho dân đói.

Cựu tham hiệp Sơn-nam hạ là Nguyễn Bá Tuần, mùa hè năm ngoái đốc thu thuế nhà nước, dung túng cho người nhà quấy dân, việc phát, giao xuống Hình bộ bàn xét. Đến nay án xong, giáng làm hàn lâm.

Vua bảo bầy tôi rằng: « Khi nước mới dựng, mọi việc bắt đầu, pháp luật chưa được tương tất, lệ định phạm kẻ giết người thì thu gia sản và tiền mai táng hơn 30 quan cấp cho thân nhân người chết. Đó là do quyền nghi đề cho quan xét án đề làm việc thôi. Nay luật lệ đã định, kẻ giết người phải chịu tội, không có lệ cấp tiền mai táng và tịch thu gia sản. Duy làm lơ giết người mới thu bạc chuộc tội, nhẹ nặng thấp cao, đều có điều mục, nhưng gần đây hữu ty cứ theo lệ cũ, rất trái với luật văn. Vậy từ nay trở đi các nha môn xét hình nhất thiết phải y theo luật mới mà làm ».

Định thêm điều lệ về kẻ gian phu chống cự người bắt. Phạm kẻ gian chống cự người bắt mà giết chết người thì xử trảm, làm bị thương người thì xử giảo. Gian phu giết chết cha mẹ gian phụ mà gian phụ không biết tình thì xử giảo, nếu có biết tình thì xử trảm.

Đặt bảo Giá-sơn (tên xã, thuộc huyện Gia-viễn) ở Thanh-bình, sai quan ở đạo đóng giữ.

Sửa đồ thờ ở Nguyên miếu.

Thồ phi nổi dậy ở Tuyên-quang. Đội trưởng thuộc trấn là Nguyễn Thế Nga đem dân sở tại bắt được thủ phạm, giết đi. Cho Thế Nga làm tuyên án đồng tri, thưởng tiền cho dân theo thứ bậc khác nhau.

Kỷ lục Quảng-ngãi là Võ Xuân Biều dung túng cho người nhà yêu sách của dân, việc phát giác, giáng ba cấp, đày đi nơi khác. Sau bỏ đốc học Bình-định.

Đặng Trần Thường có tội bị giết. Trước Đặng Trần Thường đã được tha, lưu lại ở Kinh. Nhân vì trước ở Bắc-thành, ăn lậu thuế dầm ao dinh điền, Lê Chất phát ra, lại bị hạ ngục. Trần Thường uống rượu nói xâng, phần nhiều oán trách. Đình thần thẩm án đều cho là nên giết. Bèn xử giáo và tịch thu gia sản.

Tháng 11, Diên-tự công Lê Duy Hoán mưu phản. Việc phát giác. Bắt hạ ngục. Trước Duy Hoán ở Thanh-hoa, có người Khoái-châu tên là Đỗ Danh Hoành đến làm khách môn hạ, xui làm phản. Duy Hoán mời nghe thi sự. Hoành lại nói có câu sấm « Phá điền thiên tử xuất ». Phá điền tức là chữ *thần*. Duy Hoán do đó mà mê hoặc. Hoành bèn giới thiệu người đảng là Đặng Đình Thạch làm mưu chủ, suy tôn Duy Hoán làm Trịnh nguyên hội chủ, xưng là vua Lê, uống máu ăn thề. Duy Hoán sai Thạch về Bắc-thành, chiêu tập những bọn giặc cướp, tụ đảng ở Kinh-bắc. Đội trưởng Nguyễn Đức và Hà Viên tổ cáo với thành. Thành thần đem quân vây bắt, được rõ sự trạng, mật báo cho Thanh-hoa, xét đến Duy Hoán, bắt hết được cả văn thư đồ đảng và ấn tín tâu lên. Vua bảo bày tâu rằng: « Trẫm dãi họ Lê không bạc, Duy Hoán vì sao mà làm phản »? Tức sai hiệp trấn Thanh-hoa là Võ Văn Doãn hội đồng với ba tào Bắc-thành mà xét án ấy. Án xong, đóng gông Duy Hoán giải về Kinh. Họ Lê sợ hãi, đều xin đến cửa khuyết chờ tội.

Vua xuống chiếu dụ rằng: « Duy Hoán tự làm việc trái phép, chẳng những phải tội với triều đình mà cũng

hồ thẹn với họ Lê nhiều vậy. Phép nước không thể tha được. Tội ở Duy Hoán, trâm lấy lòng chi công, không nỡ lấy việc ấy mà bắt tội họ Lê, đừng sợ ».

Định điều cấm về sơn lǎng. (Dựng cột đá làm giới hạn, trong giới không được chặt cây, đào lấy đất đá và lấy củi, chăn trâu bò, đặt lò đốt than, phóng lửa đốt rừng. Bốn bề xung quanh lǎng, nhân dân không được tự tiện vào trồng trọt cây vậ. Địa phận các xã hộ lǎng, người xã khác không được đến đẽ mộ. Ngoài lǎng 5 trượng, quan viên đi qua phải ngả lọng xuống ngựa).

Tổng trấn Gia-định là Nguyễn Hoàng Đức dâng biểu nói: « Nay phó tổng trấn Trương Tiến Bửu và tham tri Lê Bá Phẩm đều đã về Kinh, thần là kẻ thường tài, ở một mình ở nơi xung yếu bận rộn, nhiều việc chông chừa, xin chọn người làm phó ». Biểu tâu lên, vua bảo Nguyễn Văn Nhân rằng: « Gia-định là thành lớn ở phương Nam, lại có việc ngoại giao quan trọng, không được người giỏi thi không xong ». Bèn lấy thượng thư Lại bộ là Trịnh Hoài Đức làm hiệp tổng trấn Gia-định. Sai bảo hộ Chân-lạp là Trần Công Đán lấy chức tham tri Hình bộ lãnh Binh tào và kiêm lý Hộ tào, ký lục Vĩnh-thanh là Trần Minh Nghĩa làm tham tri Hình bộ lãnh Hình tào và kiêm lý Công tào. Vua nhân hỏi Trịnh Hoài Đức rằng: « Công Đán đã về Gia-định thì trách nhiệm từ chương ở Nam-vang ai có thể sai được? ». Hoài Đức thưa có tri bạ Lê Đăng Doanh. Bèn sai Đăng Doanh đi thành Nam-vang, theo bảo hộ Lưu Phước Tường chuyên làm việc từ chương.

Lấy tri huyện Đoàn Khắc Cung làm phó đốc học Gia-định.

Lấy thêm sự Hộ bộ sung Hộ tào Bắc-thành là Bùi Phu Đạo làm cai bạ Biên-hòa, tri phủ Kinh-môn là Lương Tiến Tường làm thêm sự Hộ bộ sung Hộ tào Bắc-thành.

Định lại điều lệ thanh tra. Trước đây quan khám phải thanh tra phần nhiều hay lẽ mề, sách nhiễu cung đốn. Vua hiểu rõ lẽ ấy. Từ khi Lê Viết Nghĩa bị tội, bèn sai bộ Hộ chiếu theo dặm đường xa gần, công việc nhiều ít mà định trình hạn, cấp thêm lương tháng theo thứ bậc khác nhau. (Khóa thanh tra bốn năm ty ngọ mao dậu, ở Bắc-thành thuộc ty 30 người, trình hạn 3 tháng; khóa thanh tra bốn năm thin tuất sừu mùi, từ Quảng-đức vào Nam đến Quảng-ngãi, ra Bắc đến Thanh-binh, thuộc ty 25 người, Quảng-đức, Quảng-ngãi trình hạn đều 1 tháng, Quảng-trị 1 tháng 15 ngày, Quảng-nam, Quảng-binh đều 2 tháng, Nghệ-an, Thanh-hoa, Thanh-binh đều 3 tháng. Khóa thanh tra bốn năm dần thân ty hợi, từ Bình-dịnh đến Gia-dịnh, thuộc ty 24 người, Gia-dịnh trình hạn 5 tháng, Bình-thuận, Bình-hòa, Bình-dịnh đều 3 tháng, Phú-yên 2 tháng 15 ngày. Gia-dịnh và Bắc-thành mỗi nơi đều 1 đốc biện, 1 thêm sự. Phạm quan lại đi thanh tra, đều được thêm lương tiền. Như thêm sự lệ bổng mỗi tháng tiền 4 quan, gạo 4 phượng, từ câu kê trở xuống mỗi tháng tiền 3 quan, gạo 2 phượng, cho thêm mỗi tháng tiền 2 quan, gạo 2 phượng, đều xem bổng mà cấp thêm; ai chưa có lệ bổng thì cũng cấp như số).

Sai Phạm Đăng Hưng kiêm lãnh Lại bộ, quản lý công việc Khám thiên giám.

Nghệ-an đói. Hoãn thu tô thuế năm nay và lấy 30.000 hộ thóc kho giảm giá bán ra.

Man Thuộc-vinh ở Quảng-ngãi xin nội phụ. Trấn thần tâu lên. Vua dụ rằng: «Man này không có tù

trường thống suất, vì như chim muông tự đi tự lại, sao đủ tin được. Họ có lại thì nên thưởng cấp cho yên lòng, mà việc phòng bị ngoài biên chớ nên sơ hở».

Hai đạo Cam-lộ và Ai-lao đói. Hoãn thu thuế người Man năm nay.

Đổi định lại lệ thóc phu hao về việc trưng thu cho Gia-định. Ở Gia-định có ba hạng học, thuế ruộng dùng học lớn (mỗi học 75 thăng), ruộng núi và ruộng cỏ dùng học trung (47 thăng), ruộng đồn điền dùng học nhỏ (37 thăng 4 hợp), thóc phu hao mỗi học đều 1 thăng. Đến nay đổi định theo như lệ từ Bình-thuận trở ra Bắc, học lớn phu 2 thăng, học trung phu 1 thăng 2 lè, học nhỏ phu 1 thăng, để cho công bình.

Chế thẻ [phù] rồng vàng cho hoàng thái tử một cái, thẻ rồng mạ vàng cho các tước công mỗi người một cái, thẻ rồng bạc cho phẩm quan mỗi phẩm 10 cái, bài rồng bình cơ khu-mật 3 cái.

Tháng 12, biên lính mới mộ ở Bắc - thành quê từ Quảng-bình về Nam làm bốn đội Lạc võ thuộc Trung quân và bảy đội Kiên-nghĩa thuộc Hữu quân. Vua dụ thành thần rằng: «Đạo dụng binh chỉ quý ở tinh. Gần đây ở thành triệu mộ không phải không nhiều, nhưng sợ lính ứng mộ ấy sáng vào chiều ra, ngạch tuy có mà số không đủ, chợt khi có việc, khó mà thu dụng. Từ nay triệu mộ nên xét rõ ràng kẻ giả dối, đừng để hại lương mà khổ dân».

Ngày mậu tý, sai hoàng thái tử yết lăng.

Ngày kỷ sừ, tế Chạp.

Chuẩn định từ nay trở đi quan viên bị giáng bãi thi thu lại bằng sắc và phẩm phục.

Sai phó đô thống chế Hữu dinh quân Thần sách là Tôn thất Bình kiêm quản các đội Nội hầu, Tiều sai, Thị trà.

Chương cơ lãnh trấn thủ Hải-dương là Trần Công Hiến chết. Công Hiến ở trấn thường cùng với đốc học Nguyễn Thê Trung và nho sinh trong hạt sưu tập các sách sử và di văn của các nhà xưa, khắc bản in gọi tên là Hải-học đường.

Sai hữu tham tri Công bộ là Nguyễn Đức Huyền và khâm sai chương cơ vệ úy vệ Phấn dực là Phạm Văn Tường đều quản việc Trường đả.

Hạ lệnh cho các thành dinh trấn phạm bắt được kẻ cướp mà tình tội đã rõ rệt rồi thì được chém trước tàu sau. Nếu có tý gì khả nghi thì nên làm án mà đợi chỉ.

Bọn giặc Thanh-hoa vài chục người họp ở Phố-cát, gặp lính tuần, chúng sợ chạy, bắt được một hòm văn thư nguy trong ấy ghi nhiều họ tên của giặc. Trấn thần đem việc tâu lên. Vua nói: «Đó chỉ là giấy tờ báo thời». Sai đốt đi, để cho lòng người được yên.

Định phép giã luyện thuốc súng. (Diêm tiêu 11 cân 4 lạng, lưu hoàng 1 cân 8 lạng, than 2 cân 4 lạng, thành thuốc súng 13 cân 7 đồng 9 phân 4 ly).

Vua xem bản đồ Châu-đốc, bảo các thị thần rằng: «Đất này nay mở đường sông để đi thẳng tới Hà-tiên, làm ruộng đi buôn đều được lợi cả. Sau này dân ở đông đúc, đất mở rộng rãi, có thể thành một trấn to lớn».

Gọi 6.850 người biên binh ở Thanh Nghệ, Bắc-thành và Thanh-bình về Kinh (Thanh-hoa 900 người, Nghệ-an 2.100 người, Bắc-thành 3.710 người, Thanh-bình 140 người).

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ

QUYỀN LV

THỰC LỤC VỀ THỂ TỔ CAO HOÀNG ĐỀ

Đình sừ, Gia-long năm thứ 16 [1817] (Thanh Gia-khánh năm thứ 22), mùa xuân, tháng giêng, ngày nhâm tý, tế xuân hương.

Lại sai Gia-định lượng bắt lấy 1.000 người quân dân ở thành đắp bảo Châu-đốc, ủy cho phó tướng Nguyễn Văn Xuân trông coi công việc.

Vua bản muốn lấy quân dân Chân-lạp đào vét đường sông Châu-đốc, Nguyễn Văn Nhân can rằng: «Việc đào sông là công trình to lớn. Nay dân nước Phiên mới phụ, nếu việc thổ mộc phiên nhọc, thần sợ họ kinh động mà công việc khó thành. Xin hãy tạm thôi». Vua theo lời.

Vua nước Chân-lạp là Nặc Chấn xin đi tuần trong nước, xét hỏi tình dân. Quan bảo hộ Lưu Phước Tường đem việc tâu lên. Vua dụ rằng: «Thăm địa phương xem phong tục cũng là việc đầu của người có nước, có thể theo lời xin được. Duy khi đi nên có nhiều binh phòng vệ để phòng việc chẳng hay».

Lấy trấn thủ Yên-quảng là Lê Văn Tiến làm trấn thủ Hải-dương, Vũ Văn Kế lại làm trấn thủ Yên-quảng.

Trấn thủ Sơn-nam thượng là Lê Công Lý về đình tru; lấy án phủ sứ Hoài-đức là Nguyễn Bá Xuyên thay.

Khởi phục cho Ngô Đình Giới làm ký lục sung chức ty giảng cho hoàng tử. Trước vua từng cùng Trịnh Hoài Đức bàn chọn nho thần. Hoài Đức tâu nói: « Đình Giới học hạnh thuần chính, có thể tuyền vào đấy được. Nhưng trước làm ký lục Bình-định mắc tội đã bị cách chức ».

Vua nghĩ hồi lâu nói: « Tội của Đình Giới là vi sơ suất, trăm sẽ dùng lại ». Bèn có lệnh ấy. Sau vì Đình Giới suy yếu, sai bộ Lễ chọn ở viện Hàn lâm và viện Cống sĩ mỗi viện một người sung làm trực học.

Lấy câu kê Ngô Văn Duyệt làm thêm sự Lễ bộ, Hàn lâm viện Ngô Bá Nhân và Lê Quang Thực làm thêm sự Hộ bộ, cai án Trần Văn Thông và trí bạ Trần Bá Giáo làm thêm sự Công bộ.

Lấy thêm sự Công bộ là Nguyễn Kim Truy làm thêm sự Hộ bộ.

Lễ bộ tâu nói: « Năm nay mồng 1 tháng 4 có nhật thực, mồng 1 tháng 10 lại có nhật thực, hai lễ tế hưởng mùa hạ mùa đông đều xin dời lại sau 3 ngày mà làm lễ ». Vua y lời tâu. Sắc từ sau có lễ miếu hưởng, nếu gặp nhật thực thì đều lui lại 3 ngày.

Dựng hành cung ở các trấn Phú-yên, Bình-hòa, Bình-thuận, sai trấn thần lấy binh dân làm việc, chi cấp cho tiền gạo.

Cấm dân Hán [Việt] không được lãnh trưng các sở thủy lợi ở nước Chân-lạp.

Vua thấy đất đai dạo Châu-đốc màu mỡ mà nhân dân thưa ít, nghe an phủ Chân-lạp là Diệp Hội (người

Thanh làm quan Châu-lạp) là người nhanh nhẹn giỏi giang, xử sự cũng được lòng người, bèn dùng làm cai phủ Châu-đốc, sai chiêu tập dân Hán dân Thổ và người Thanh đến ở, cho họ tụ họp đông đúc. Phạm kẻ làm nghề trồng cây, chăn nuôi, buôn bán, thợ gốm, thợ rèn, đều cứ theo nghiệp mình, kẻ cùng thiếu thì nhà nước cho vay. Lại xuống chiếu dụ thành thần Gia-định rằng: « Nay mới phủ dụ chiêu tập, nên nhân việc có lợi mà chỉ dẫn để cho họ yên nghiệp; đợi sau mọi việc xong xuôi thì làm biểu tâu lên ».

Bộ Lễ tâu nói: « Từ xưa các đế vương đời nào cũng có quốc húy (1) để dạy bảo cho thiên hạ, như thế là để nêu rõ nghĩa tôn người đáng tôn, xem trọng thể thống triều đình, bảo cho dân biết kính. Nay lập ngôi thái tử, danh phận đã định, nghĩa lớn ở đấy, xin kính đưa tôn tự để thần dân biết mà kính tránh. Lại kính xét sử nhà Minh thì từ khai mà thần dân trong ngoài dâng lên hoàng thái tử đều phải xưng thần, thế là để tỏ danh phận chính đáng. Xin từ nay từ khai của thần dân đều theo như điển nhà Minh. Còn sinh nhật hoàng thái tử gọi là tiết Thiên xuân, xin cứ trước một ngày và chính ngày hôm ấy thì nêu rõ điều răn cấm cho trọng điển lễ ». Vua y lời tâu.

Cho các trấn Bắc-thành thuế thiếu từ năm ất hợi [1815] trở về trước, chia ra ba năm mà nộp kèm.

Tham hiệp Hưng-hóa là Nguyễn Đức Tư chết. Lấy

1. Quốc húy: Tên húy cả nước phải kiêng, viết đến thì bớt nét đi hoặc đổi dùng chữ khác, đọc đến thì phải đọc trại đi.

tri phủ Thuận-an là Nguyễn Kim Bảng làm tham hiệp Hưng-hóa.

Tháng 2, chuẩn định rằng các quân dinh và các thành dinh trấn đạo, từ thư ký đến thủ hợp có khuyết thi cho thống quân và thượng ty được đề cử, tam cấp văn bằng, trong ba năm không có lỗi làm thi tâu xin bổ thụ. Các quân dinh thi từ chánh phó vệ úy trở xuống mà được chọn bổ vào những phẩm trật ấy thì do thống quân cấp bằng, không được xin phiếm đổi cấp sắc thi.

Định lệ xử phân tội chủ thủ đánh mất tù. Quan Bắc-thành tâu nói: « Năm trước ở thành đã có án xử rằng phạm người canh giữ tù tội đồ mà để trốn thoát thì chiếu theo hạn tội của tù mà bắt sung dịch. Nay theo luật mới tù tội đồ tội lưu mà trốn mà chủ thủ và người áp giải để mất không biết, mất một tên thì xử 60 trượng, mỗi một tên nữa thì tội thêm một bức, tội chỉ đến 100 trượng là cùng. Thiết nghĩ rằng canh giữ để mất tù mà xử trượng thì người ta coi nhẹ việc phạm pháp, nhiều khi cố ý thả tù. Xin y theo án xử năm trước để người ta biết sợ mà tránh ».

Vua bầy tâu rằng: « Áp giải tội phạm, ngày đi đêm giữ, thì tình có thể thương được, cho nên tội chỉ mãn trượng [100 trượng] thôi. Nếu là ngục, hoặc nơi đây, chủ thủ không vất vả lắm, mà canh giữ không cần thận, đến nỗi mất tù, so với người áp giải có khác, tội chỉ mãn trượng thì nhẹ quá, nhưng bắt đồng tội với tù thì lại nặng quá. Vậy đặc chuẩn từ nay áp giải để mất tù thì y luật xét xử, chủ thủ để mất tù thì chiếu theo tội của tù trốn giảm đi hai bức mà xử ».

Quảng-nam có sáu keo. Quảng-trị, Quảng-bình, Nghệ-an, gạo đất. Vua cùng bầy tâu bàn việc phát chẩn cho

vay. Dụ rằng: « Phép phát chẩn và cho vay, các đời vẫn có, nhưng đều chưa có kế hay. Nay nên sai quan sở tại tùy nghi đặt kế mà làm, lượng mà phát chẩn, cốt sao cho những dân góa vợ góa chồng, cô độc khốn cùng, đều thấm nhuần ơn huệ, như thế mới được ». Bèn sai lấy thóc kho, Quảng-trị 5.000 học, Quảng-bình 10.000 học, Nghệ-an 5.000 học, các quan dinh trấn đều thân đi phát chẩn cho dân nghèo. Vua lại cùng bầy tôi nói đến nạn đói kém, và bảo rằng: « Đói rét của dân cũng như ở thân trăm, lòng thương xót không thể thôi được ».

Vua nước Chân-lạp là Nặc Chấn đem việc người bề tôi là Cao-la-hâm-biện những tặc phi pháp tâu xin xét định. Vua nói: « Đây là việc của nước Phiên, đã có chính lệnh của nước Phiên, sao phải xin chi? ». Chiếu cho vua Phiên y theo phép nước mà xử định.

Ngày tân mao, tế Trời Đất ở đàn Nam giao.

Hạ lệnh từ nay các bộ viện ty cục và các thống quản và thượng ty các quân dinh và các địa phương, hàng năm cứ đến tháng 10 thì làm sách lý lịch các quan viên sở thuộc (từ hạng vị nhập lưu trở lên), hai bộ Lại Binh xét rồi tâu lên.

Lấy cai bạ Chính dinh tri Tầu vụ là Phạm Nhữ Phong làm cai bạ Quảng-dức, tham mưu là Nguyễn Vinh Xiêm làm ký lục Quảng-ngãi.

Lấy ký lục Quảng-bình là Hồ Công Thuận làm Cần chánh điện học sĩ sung chánh sứ sang nước Thanh, tham hiệp Lạng-sơn là Nguyễn Huy Trinh và Hàn làm viện Phan Huy Thực sung giáp ất phó sứ. Dụ rằng: « Chuyển đi này nên cùng mưu hiệp sức với nhau, để trọng quốc thể, giữ vững bang giao. » Bọn Công Thuận

xin mỗi người cử một người thân và chọn người hành nhân cũ để đi theo. Vua nói: « Đi sứ là việc công, triều đình không thiếu chi người, sao lại phải người thân và người cũ ? » Không cho. Sắc từ nay sứ bộ không được lấy người thân và hành nhân cũ mà cử vào.

Lấy thêm sự Hình bộ là Nguyễn Hựu Nghi làm ký lục Quảng-bình.

Bắc-thành bắt được sáu con của ngư ty khấu Định, đem tâu. Vua nói: « Tội ở cha chúng, có can gì đến chúng ? » Sai tha.

Hạ lệnh cho trấn thủ Thuận-an xét các thuyền ra vào mà nên báo thì do bộ Công chuyên tâu, không phải báo với Tầu vụ và quan công đường.

Giặc người Thanh là Cao La-y chiếm giữ đất Lâm-an. Người Thanh đưa thư sang Bắc-thành yêu cầu giữ địa hạt mà ngăn chặn. Việc tâu lên. Hạ lệnh cho thành thần chọn ủy quan binh đóng giữ Hưng-hóa, mà hạ lệnh cho trấn thần đi các nơi yếu hại các châu Chiêu-tấn, Thủy-vĩ, Lai-châu mà phòng giữ nghiêm ngặt. Rồi La-y bị người Thanh bắt được, ta bèn rút quân.

Tháng 3, hiệp trấn Thanh-hoa là Võ Văn Doãn chết. Cho 30 lạng bạc, sai trấn thần trông nom việc tang.

Lấy hữu tham tri Binh bộ lãnh Binh tào Bắc-thành là Võ Đức Thông lãnh chức hiệp trấn Thanh-hoa, hữu tham tri Binh bộ là Trần Quang Tĩnh thay lãnh Binh tào.

Lấy thuộc nội cai đội Lê Văn Ngôi làm thủ ngự cửa biển Thuận-an, thị thư Trần Chấn làm hiệp thủ.

Quan bảo hộ Chân-lập là Lưu Phước Tường trước làm trấn thủ Vĩnh-thanh, cùng với cai bạ Lê Đắc Tần, ký lục Trần Bá Bảo, nhân việc công bắt đóng góp, tham tang tiền đến vài vạn. Đến nay việc phát giác. Vua bảo bày tâu rằng: « Trẫm yêu dân như con, mà không cai

trị một mình được, cho nên đặt chức thú mục để vỗ nuôi dân. Nay quan lại Vĩnh-thanh như thế, rất không xứng chức». Sai thành thần xét trị.

Sai tham tri Hình bộ lãnh Hình tào thành Gia-định là Trần Minh Nghĩa làm ký lục Vĩnh-thanh.

Dựng xưởng súng tá hữu.

Người Man ba động Lạc-hoàn sai sứ đến cống. Sứ đến Nghệ-an, dâng biểu xin đến Kinh. Vua không cho.

Phát tù tội lưu các địa phương đến Tam-độc [Bangò] trấn Bình-hòa. Vua bảo bộ Hình rằng: « Đất ấy vốn màu mỡ, trước có dân ở làm ruộng để sống. Từ sau binh lửa, dân vật điêu hao, nên thành hoang rậm. Nay đưa người đến ở đấy, cũng có cách để sống ». Rồi hạ lệnh cho trấn thần, phạm tù tội lưu đưa đến nơi nào thì tha xiềng khóa (tù tội lưu đều quàng một vòng sắt ở cổ có buộc bài sắt, bài có khắc hai chữ « lưu tù »), cấp cho trâu và đồ làm ruộng để khai khẩn ruộng đất, làm lấy mà ăn. Nếu có tù trốn thoát, người giám thủ khỏi tội.

Vét đường sông ở ngoài kinh thành, từ phía tây-nam thành thông đến Long-hồ, Trúc-lâm (tên hai xã).

Hạ lệnh cho tấn thủ ven biển các địa phương, phạm có thuyền vận tải đi qua phần biển và thuyền giặc lảng vảng thì làm tập tâu đệ lên ngay, đừng chờ báo dinh trấn chuyển tâu để đến nỗi chậm trễ.

Đặt bảo Nhân-lộ (tên xã thuộc huyện Vĩnh-lộc) ở Thanh-hoa. Bảo có lấn vào ruộng của dân thì trừ thuế.

Quản Tầu vụ là Nguyễn Đức Xuyên tâu nói: « Thuế thuyền Hải-nam hơi nhẹ, thường chở người và hàng ở tỉnh khác để mưu lợi nhiều. Xin từ nay thuyền nước Thanh đến buôn bán, nếu có chở người và chở hàng hóa của tỉnh Quảng-đông, Phúc-kiến thì chiếu theo lệ thuế thuyền hai tỉnh ấy mà đánh. Nếu chở người và

hàng hóa xen lộn thì cứ người và hàng hóa tinh nào nhiều thì đánh theo lệ thuế tinh ấy ». Vua cho là phải.

Người xã Thời-ngôi (thuộc huyện Đại-an) trấn Sơn-nam hạ tố cáo việc thu thuế ruộng lậu, ruộng vẫn có cây cấy mà xã trưởng thu thuế riêng, không đem nộp. Vua bảo bộ Hộ rằng: « Ruộng ấy không nên theo lệ ai trưng trước thì được ». Sắc đem ruộng ấy cấp cho chủ ruộng và truy thu ba năm thuế, trị xã trưởng 100 trượng. Lại bắt thu ở xã trưởng và chủ ruộng mỗi mẫu 3 quan để làm tiền thưởng cho người tố cáo. Rồi gởi khắp cho các thành dinh trấn biết, từ nay có án lậu ruộng thì chiếu theo lệ ấy mà làm.

Mùa hạ, tháng 4, ngày giáp tuất mồng 1, có nhật thực.

Vua cùng bày tôi bàn về lịch pháp rằng: « Phép tính lịch rất là tinh vi, duy có Nguyễn Hữu Thận đủ học thuật để biết được ».

Tham hiệp Thanh-hoa là Trần Đình Anh ốm phải nghỉ việc; lấy thêm sự Hộ bộ là Nguyễn Kim Truy làm tham hiệp Thanh-hoa.

Vua thấy biên binh các cơ Ngũ quân và Tượng quân ở Bắc-thành đóng thú ở Gia-định đã lâu năm, sai triệu hết về Kinh, cho về nghỉ ngơi, cấp thêm lương tiền theo thứ bậc khác nhau.

Ngày định sữ, tế hạ hưởng. Sai hoàng thái tử nhiếp tế ở Thái miếu.

Bảo Châu-dốc làm xong. Sai thành thần Gia-định điều động 100 linh cơ ở bốn trấn, 200 linh đồn Uy-viên, chọn người giỏi cai quản để đóng giữ đất ấy. Linh thì ba tháng một lần đổi, quản thú thì một năm một lần đổi. Lại sai chở 40 cỗ súng gang và thuốc đạn chia đặt ở bảo sở để nghiêm việc phòng giữ.

Vua từng bảo bầy tôi rằng: « Ở Phú-xuân nhân sĩ đông đúc, phong tục thuần lương, các thành đóng đô ở đây, thực là nơi đại đô hội bậc nhất của nước Nam. Gia-định đất đai màu mỡ, các thành mở mang chưa đến trăm năm mà binh mạnh của giặc, trăm dùng đây để đánh giặc Tây-sơn, đã từng lấy trăm người địch được vạn người. Sau vài trăm năm nữa, ngày thêm giàu mạnh, không thể lường được ». Lại nói rằng: « Châu-đốc Hà-tiên bờ cõi không kém Bắc-thành ».

Quan Bắc-thành tâu nói: « Hai phủ Thượng-hồng, Hạ-hồng trấn Hải-dương, ruộng mùa nhiều mà ruộng chiêm ít, xin chiếu thóc thuế trong một năm chia làm 10 thành, mùa hạ thu 7 thành bằng tiền, 3 thành bằng thóc, mùa đông thu 3 thành bằng tiền, 7 thành bằng thóc, để tiện cho dân ». Vua y lời tâu.

Cho quan viên văn võ lãnh trước gạo lương. Bộ Hộ thấy kho lương ở Kinh chứa đã đầy ứ, xin theo lệ trước, cho các quan lãnh trước lương tháng. Vua y cho. Cho từ ngũ phẩm trở lên lãnh 9 tháng, từ thất phẩm trở lên lãnh 5 tháng.

Lấy tri huyện Hưng-nhân là Đặng Huy Dư làm trợ giáo Sơn-nam hạ, hương cống đời Lê là Trần Danh Diệu làm trợ giáo Hải-dương.

Tiết Thiên xuân (ngày 23), các quan mặc triều phục, đến điện Thanh-hoa chúc mừng. Từ đây lấy làm thường lệ.

Hiệp trấn Cao-bằng là Nguyễn Văn Thục ốm phải nghỉ việc; lấy tham hiệp Trần Văn Thái làm hiệp trấn.

Quảng-trị có sâu keo, lúa ruộng bị tổn hại. Ký lục Nguyễn Duy Hòa tự đem án tâu lên, lưu thủ Phan Tiến Quý không dự. Vua nói: « Việc dân là quan trọng, Duy Hòa sao dám một mình đề tâu? Làm việc như thế

chẳng cũng sơ suất khinh mạn sao ? Duy Hòa sợ hãi xin chịu tội. Vua tha.

Hạ lệnh cho hữu tham tri Binh bộ lãnh Binh tào Bắc-thành là Trần Quang Tĩnh kiêm lý đề chính.

Hữu tham tri Hình bộ lãnh Hình tào Bắc-thành là Hoàng Ngọc Uẩn chết; lấy hữu tham tri Hình bộ là Nguyễn Hoài Quỳnh lãnh Hình tào Bắc-thành.

Xây thành gạch trần Bình-định. Trần thần tâu xin hoãn bắt lính trốn trong 3 tháng, để dân yên tâm phục dịch. Vua y cho. Lại dụ bảo không nên đốc thúc quá, để sức dân được thư.

Tổng trấn Gia-định là Nguyễn Hoàng Đức có bệnh, vua cho một cân nhục quế.

Vua bảo Phạm Đăng Hưng rằng: « Trẫm nhớ đến công thần Vọng-các, muốn tập ấm cho con cháu họ, để cùng nước cùng vui. Người có tài thì xét dùng, người không có tài cũng cho đời đời được giữ ấm tước, để giữ đạo trung hậu ». Lại nói rằng: « Nguyễn Văn Trương và Hà Hỷ-văn đều có công to với nước. Tuy không có công cầm cương ngựa đi theo, cũng cho liệt vào sổ công thần Vọng-các để cho vẻ vang ». Bèn sai xét dùng con cháu công thần Vọng-các. Chiếu rằng: « Trẫm nhớ bề tôi ững nghĩa, từ trung hưng đến nay, đã nhiều lần gia ân huệ, người sống có danh sang trọng, người chết có hiệu vẻ vang. Nhưng đương lúc mới định, chỉ nghĩ chính sự mà chưa kịp làm việc khác. Nay kỷ cương tạm định, càng nghĩ đến người công lao cố cựu để mong cùng vui. Vậy hạ lệnh cho quân dinh trong ngoài và các thành dinh trấn, phàm ai có công Vọng-các thì khai rõ lý lịch người ấy và con cháu trưởng, làm thành danh sách tâu lên, trẫm thân quyết định, lượng xét cho tập ấm để rõ ân điển ».

Tha giảm tô thuế vụ chiêm năm nay cho các địa phương. Chiếu rằng: « Chăm việc gốc thương nhân dân là việc trước tiên trong chính sự của vương giả. Gần đây các địa phương ít mưa, thóc lúa kém thu, trăm rất thương lo. Vậy tha giảm cho bốn dinh trực lệ 5 phần 10 tô ruộng, 4 phần 10 thuế thân; Quảng-ngãi, Bình-định, Phú-yên 4 phần 10 tô ruộng, 3 phần 10 thuế thân; Bình-hòa, Bình-thuận, Gia-định, tô và thuế đều 5 phần 10; Nghệ-an 5 phần 10 tô ruộng, 3 phần 10 thuế thân; Thanh-hoa 3 phần 10 tô ruộng; Bắc-thành 2 phần 10 tô ruộng ».

Bảy sách Man Cam-lộ vào cống, mừng đại lễ sách lập hoàng thái tử. Vua bảo thị thần rằng: « Man ấy ngu xuẩn chất phác, từ tiên triều đến giờ, hơn hai trăm năm, chưa từng ngang ngạnh, hàng năm vẫn nộp cống thuế. Trẫm từng đã xuống chiếu xá cho, mà họ cố xin giữ như cũ, thực đáng yêu đáng thương ». Sai cho bạc lụa, đai yếm rất hậu. Khi về, hoàng thái tử cũng hậu thưởng cho.

Cho thổ tù đạo Mường-vang là Quan Lung làm chánh sa trưởng.

Cho các trấn ở Bắc-thành nộp tô ruộng thiếu năm trước bằng tiền; tô vụ chiêm năm nay phải nộp cũng cho nộp thay bằng tiền, Sơn-tây, Kinh-bắc thì 6 phần 10, Sơn-nam thượng, hạ, Hải-dương, Yên-quảng thì 4 phần 10.

Tháng 5, tiết Đoan dương, các quan mặc triều phục đến điện Thanh-hòa chúc mừng. Từ đấy lấy làm lệ thường.

Nguyễn Văn Thành phải tội tự sát. Trước là Bắc-thành xử án Lê Duy Hoán, án làm xong đưa về Kinh, lại sai bộ Hình hỏi lại. Duy Hoán bèn nói Văn Thuyên có âm mưu với hắn gởi thư bảo làm phản. Bộ Hình

dem việc tâu. Vua nói: « Văn Thành ở trong ngục làm sao bảo người khác vì mình mà làm phản được? Lời ấy lại giống trẻ con nói đùa. Vậy sai các đình thần hội bàn xét đến cùng cho rõ tội trạng ». Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Đình Đức đều nói: « Bọn kia ngầm mưu làm càn, ngay từ ngày Văn Thành làm tổng trấn Bắc-thành, chứ không phải đợi khi đã phải tội rồi sau mới gởi thư ». Vua nhân bảo Phạm Đăng Hưng rằng: « Trẫm từ lúc đất một thành, binh một lữ, gian nan trăm trận, đến có ngày nay, không phải là dễ dàng. Nguyễn Văn Thành ngồi cao nhất trong hàng bầy tôi, con đồ hương cống, lại đi giao thiệp bầy mà kết bè đảng, toan muốn làm gì? Xưa Hoài-nam vương (1) nhà Hán chiêu nạp nhiều tân khách, sau đến bị tội phải giết. Từ xưa bề tôi gian xảo nhòm ngó ngôi vua, đại khái như thế cả. Đăng Hưng tâu rằng: « Kẻ sĩ áo vải còn không nên giao du bầy hưởng chi là con cháu công thần? Tội vạ ngày nay của Văn Thành là tự làm ra ». Vài ngày sau, đình thần lại tâu rằng: « Xét lại lời cung của Duy Hoán thì tình trạng làm phản của cha con Văn Thành đã rõ, xin bắt trị tội ».

Vua nói: « Trẫm dãi Văn Thành không bạc, nay hẳn tự mình làm nên tội, thì phép công của triều đình trẫm cũng không thể làm của riêng được ». Bèn sai bắt Văn Thành và cả các con giam ở nhà quân Thị trung. Bày tội họp ở Võ công thự để xét hỏi Văn Thành. Hỏi: « Có làm phản không? » Thành nói: « Không ». Hỏi: « Có dự biết không? ». Thành nói: « Không ». Văn Thành trả lời rồi đi ra, sắc mặt bừng bừng, trở về nhà quan, nói với thống chế Thị trung là Hoàng Công Lý

1. Hoài-nam vương: Hán Cao tổ phong cho con tên là Trường làm Hoài-nam vương, sau làm phản.

rằng : « Ân đã xong rồi, vua bắt bẽ tôi chết, bầy tôi không chết không phải là trung ». Rồi Thành đi nằm hồi lâu, uống thuốc độc chết. Việc tâu lên, vua triệu Hoàng Công Lý hỏi rằng : « Văn Thành khi chết có nói gì không? » Công Lý đem hết lời Thành nói thưa lên. Vua giận nói rằng : « Văn Thành không biện bạch mà chết, sự như bần càng rõ rệt ». Bỗng có quân lại nhặt được tờ di biểu trần tình của Văn Thành ở nhà quân đem dâng. Vua cầm tờ biểu khóc to lên, đưa cho bầy tôi xem và dụ rằng : « Văn Thành từ lúc trẻ theo trăm vất vả, có công lao to. Nay nhất đán đến nỗi chết, trăm không bảo hộ được, ấy là trăm kém đức ». Nhân quay hỏi Phạm Đăng Hưng rằng : « Văn Thành chết, nên lấy lễ nào mai táng ». Đăng Hưng thưa : « Táng như thường dân ».

Vua yên lặng. Sai một cai đội Trung quân và 30 binh lính làm việc tang, cho 500 quan tiền, cấp trả mũ áo, cho thêm 3 cây gấm Tống, 10 tấm vải và 10 tấm lụa. Các con Thành bị giam tha ra hết.

Lê Duy Hoán và Nguyễn Văn Thuyên bị giết. Nguyễn Văn Thành chết rồi, đình thần đem án phản nghịch dâng lên. Duy Hoán và Văn Thuyên đều bị xử lăng trì ; Võ Trinh bị tội a tòng, xử trăm giam hậu ; Tống Phước Ngoạn bị tội kiện điều, xử trượng và cách chức ; Trần Ngọc Ngử bị tội vu cáo, xử tội lưu tội bực. Nguyễn Trương Hiệu cáo giác, được thưởng 500 quan tiền. Nguyễn Văn Nhân xin đình thưởng, vua không nghe.

Đem tội trạng Lê Duy Hoán bố cáo khắp trong ngoài. Chiếu rằng : « Vương giả lúc mới được nước, phải tôn trọng triều đại trước, là giữ đạo trung hậu. Trẫm đã xem khắp xưa nay, chính muôn sánh với hiền triết đời trước. Nghĩ từ nhà Lê suy tàn, nguy Tây nổi loạn, một thước đất, một người dân ở Bắc-hà đều không phải

của nhà Lê nữa, kể hơn mười năm. Trẫm kính đem uy trời, quét sạch yêu nghiệt, vậy là lấy được thiên hạ ở giặc Tây-sơn chứ không phải lấy ở họ Lê, mà con cháu họ Lê cũng nhờ đấy rửa hận cho ông cha được. Sau khi đại định, đã sai dựng miếu nhà Lê, cấp cho tự dân tự điền, lại chọn con cháu để giữ việc thờ cúng. Duy Hoán lúc còn trẻ dại, lưu lạc nơi nương náu, trẫm hỏi biết là dòng dõi họ Lê, đặc sai triệu về, phong tước cho là thượng công, hậu cho lương lộc để phụng thờ họ Lê, cùng nước cùng vui. Phàm con cháu họ Lê đều cấp gạo lương nuôi đủ. Việc đãi ngộ con cháu nhà Lê, người có tai mắt đều nghe thấy cả. Thế mà Duy Hoán lại chứa lòng gây họa cùng với đứa con phản nghịch của Nguyễn Văn Thành là Văn Thuyên giao thông mưu phản. So về tình thì là đem oán báo đức, xét về luật thì là bầy tội phản vua, tội vô đạo này không thể tha được. Vì cơ là con cháu triều đại trước, nên trẫm để chậm lại hàng tháng không nỡ xử tội. Nhưng đình thần xin thi hành pháp luật để đúng phép nước, nên đã đem Duy Hoán hành hình. Còn các chi họ Lê thì đều được khoan hồng tha cho. Trẫm nghĩ Duy Hoán âm mưu phản nghịch, tự mình nên tội, nhưng miếu đình họ Lê há nên bỏ trống, nên lại sai chọn người có thể phụng thờ họ Lê cho giữ việc phụng thờ, để rõ cái hậu ý của trẫm nối giữ dòng dõi đã tuyệt. Vậy bố cáo cho thần dân đều nghe biết ».

Đặt thêm đội Hùng bộ thành Nam-vang, mộ dân Hán [Việt] sung vào.

Sai thủy quân dựng xưởng thuyền, thưởng hơn 300 quan tiền.

Thổ phi ở Thanh-bình là Quách Công Thận cướp bóc dân ở ven núi. Trấn thần Thanh-hoa nghe báo, tâu xin đem quân đánh.

Chiếu trả lời rằng : « Lũ giặc Sơn-âm lúc ẩn lúc hiện không thường ; đất ấy núi khe hiểm trở, lại thông với các địa đầu Sơn-nam thượng, Sơn-tây, Hưng-hóa. Nếu dò xét chưa đích xác đã vội phát quân, thì chưa thuộc đường, không quen nước, lại thành mệt nhọc. Nay nên dò cho biết rõ bọn ấy đi đâu tới đâu rồi dùng người thổ sở tại cho vào bọn, để xem tình hình động tĩnh. Nếu có cơ thừa được thì mật báo trước cho Bắc-thành đề hội đánh. Lại nên đòi họp binh hạ ban và thổ binh để phòng điều khiển, cốt sao trọn vẹn muôn phần, đánh là hẳn được. Không thì cứ yên lặng đề chờ, chớ nên khinh cử ».

Sông Bến-nghé ở Gia-định nước trong suốt 12 ngày. Trước kia, khi vua lấy lại thành Gia-định nước sông đã trong ; đến nay hoàng thái tử mới lập, nước sông lại trong, người đều cho là ứng điềm thánh nối thánh.

Tháng 6, trấn thủ Vĩnh-thanh là Nguyễn Văn Triêm ốm phải nghỉ việc ; lấy chương cơ Nguyễn Văn Thụy lãnh trấn thủ Vĩnh-thanh.

Vua dụ rằng : « Trấn Vĩnh-thanh đất giáp nước Chân-lạp, điều cốt yếu trong việc phủ trị là sao cho trong cõi được yên, nước ngoài phải phục, phải cố gắng đấy ».

Sai phó quản đồn Uy-viễn là Hồ Văn Thất đóng giữ bảo Châu-đốc, khâm sai cai cơ chánh quản cơ Gia đình tả là Võ Văn Sáng quản thủ ba đạo Tân-châu, Chiến-sai và Hùng-ngự.

Thuyền Mã-cao đậu Đà-nẵng, đem địa đồ đảo Hoàng-sa dâng lên. Thưởng cho 20 lạng bạc.

Chuẩn định thuế sản vật biệt nạp của các địa phương, nhất thiết theo như lệ đòi thu tiền thóc mà làm.

Vua nước Chân-lạp là Nặc Chấn gửi thư đến Gia-định, xin thân hành đến thành hỏi về chính sự. Thành thần viết thư trả lời nói: « Chính sự nước Phiên đã có quan bảo hộ có thể giúp đỡ bàn bạc. Huống chi sự biến loạn ở trong nước mới yên, lòng dân mới phục, không nên đi xa. » Lại đem việc ấy tâu lên.

Xuống chiếu trả lời rằng: « Vua Phiên muốn đến hỏi về chính sự, thành đem việc thần dân hệ thuộc đề từ, lý thì phải đẩy. Nhưng vua Phiên gần đây lại chỉ cầu thả, lười về chính sự, nên nhân lúc đến mà thúc đẩy diu dắt đề tiến đến chỗ siêng năng. Nay nên phục thư y lời đã xin. Nếu vua Phiên đến thành thì nên lấy điều lợi về đào sông Châu-đốc mà bảo, khiến quy hoạch trước, đợi ngày chiếu văn đến thì phát ngay quân dân ra góp sức đề đào, đề chóng xong việc ».

Định thuế người Man ở ba đạo Đồng-môn, Hưng-phúc, Bãng-vật trấn Biên-hòa đều cho nộp thay bằng tiền. (Chiêng đồng 30 chiếc, mật ong 30 cân, chiếu 22 đôi, đều chiếu giá nộp tiền).

Sai bọn hữu tham tri Công bộ Nguyễn Đức Huyền và tả tham tri Đoàn Viết Nguyên làm sách *Duyên hải lục*, phía nam đến Hà-tiên, phía bắc đến Yên-quảng, phàm các cửa biển, mực nước khi triều lên triều xuống sâu nông thế nào, dặm đường xa gần bao nhiêu, đều chép cả. (Làm hai quyển, hợp 4 dinh 15 trấn, cửa biển 143 chỗ, lấy 540 trượng là một dặm, thành số hơn 5.902 dặm).

Thuyền sứ nước Xiêm sang nước Thanh, gặp gió đậu vào Đà-nẵng. Rồi thuyền ấy lại bị cháy mất hết cả. Việc tâu lên. Vua nói rằng: « Thuyền sứ giả bị cháy, cũng như thuyền buôn bị nạn ». Sai dinh thần Quảng-nam cấp cho gạo lương hơn 200 phượng.

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ

QUYỀN LVI

THỰC LỤC VỀ THẾ TỒ CAO HOÀNG ĐỀ

Đinh-sửu, Gia-long năm thứ 16 [1817], mùa thu, tháng 7, ngày mồng 1, tế thu hưởng. Sai hoàng thái tử nhiếp tế ở Thái miếu.

Lấy phó quản cơ Trung thủy Thủy quân là Phan Văn Thọ làm quản cơ cơ Trung tiếp, đem linh cơ đi thú ở Nghệ-an.

Nước Chân-lạp sai sứ đến châu.

Vua bảo bộ Lễ rằng : « Nước Phiên hàng năm đến châu là chức phận tôi con, không vi như sứ giả đến cống. Chỉ sai cấp cho tiền gạo. Khi sứ giả về, vua dụ rằng : « Trâm sắp đào sông Châu-dốc để thông đến Hà-tiên, lợi của nước người cũng là lợi cho nông thương. Về bảo với chúa người nên hiểu ý ấy ».

Hạ lệnh cho các địa phương đóng thuyền hiệu, một chiếc thuyền cấp 200 quan tiền. (Bình-định, Quảng-nam, Nghệ-an mỗi trấn 10 chiếc, Quảng-binh, Quảng-ngãi, Phú-yên, Bình-hòa, Bình-thuận đều 5 chiếc, Bắc-thành 29 chiếc).

Đinh Quảng-đức có người tù phải thích chữ đày đi Hà-tiên, chưa đưa đi, lại đổi đi Bình-hòa. Hình bộ

tham tri Lê Bá Phẩm lại sai thích chữ lại. Việc đến tai vua. Vua khiển trách rằng: « Người là hình quan mà không biết xét cẩn thận. Người không phải là gỗ đá, sao không nghĩ đến sự đau đớn của người ta? » Sắc cho các thành dinh trấn từ nay án xử tội sung quân và tội lưu, cuối năm làm danh sách tâu lên đợi định chỗ đày, rồi sau mới thích chữ. Phép thích chữ thì bên tả thích tội danh, bên hữu thích chỗ đày, chỉ lấy bốn chữ làm hạn.

Vua cùng các bầy tôi bàn về chính thể các đời trước, bảo Phạm Đăng Hưng rằng: « Pháp độ triều Hán nghiêm mật, so với các đời thực là nghiêm hơn.

Nghệ-an động đất.

Cai bạ Phú-yên là Trần Văn Đại về dinh ưu; lấy thêm sự Binh bộ là Hoàng Công Thanh làm cai bạ Phú-yên.

Nguyễn Văn Nhân có bệnh, vua cho long diên hương.

Lưu thủ Quảng-binh là Phan Văn Thúy và cai bạ là Nguyễn Văn Quang hặc tâu ký lục Nguyễn Hựu Nghi vét riêng lương tiền, nghiêm thúc thuế khóa, và cùng tri huyện uống rượu đánh bạc. Vua nói rằng: « Của nước là quan trọng, lúc mới đến chỗ làm quan không thể không kiểm điểm được. Thuế khóa đã có trình hạn, cũng không thể để cho chậm trễ. Dinh thần với huyện thần chức phận dầu khác, nhưng cũng đều là bề tôi của vua, cùng nhau uống rượu vui chơi, thì không có lỗi gì. Đánh bạc mà có mở sòng đánh được thua to thì thực có tội, còn như nhân lúc rỗi đánh chơi làm vui thì pháp luật cũng không cấm. Sao có thể lấy thể mà bắt tội người ta ư? »

Bọn giặc ở Thanh-bình nổi trộm ở Gia-viễn. Sai quan Bắc-thành lượng phát biên binh cùng với binh ở đạo hợp đánh dẹp yên.

Định phẩm cấp tập ấm cho con cháu các công thần Vọng-các là bảy bậc: 1. Khinh xa đô úy, trật tòng nhị phẩm; 2. Kiêu kỵ đô úy, trật tòng tam phẩm; 3. Kỵ đô úy, trật tòng tứ phẩm; 4. Phi kỵ úy, trật tòng ngũ phẩm; 5. Ân kỵ úy, trật tòng lục phẩm; 6. Phụng ân úy, trật tòng thất phẩm; 7. Thừa ân úy, trật tòng bát phẩm. (Công thần bậc nhất, con cho khinh xa đô úy, cháu cho kiêu kỵ đô úy, tăng tôn cho kỵ đô úy, huyền tôn cho phi kỵ úy, vãn tôn cho ân kỵ úy, thế tập ân kỵ úy; công thần bậc nhì, con cho kiêu kỵ đô úy, cháu cho kỵ đô úy, tăng tôn cho phi kỵ úy, huyền tôn cho ân kỵ úy, thế tập ân kỵ úy; công thần bậc ba, con cho kỵ đô úy, cháu cho phi kỵ úy, tăng tôn cho ân kỵ úy, thế tập ân kỵ úy; công thần bậc bốn, con cho phi kỵ úy, cháu cho ân kỵ úy, thế tập ân kỵ úy; công thần bậc năm, con cho ân kỵ úy, thế tập ân kỵ úy; công thần bậc sáu, con cho phụng ân úy và công thần bậc bảy, con cho thừa ân úy, đều một đời mà thôi. Tập ấm đều lấy con trưởng cháu trưởng, nếu không có con trưởng cháu trưởng thì lấy ngành thứ cho thừa tập). Cấp chức lương tháng và mũ áo. Ai có quan chức phẩm cao thì theo phẩm, vẫn đeo hàm ấm để rõ ân điển. Lại ra lệnh các ấm tử tuổi từ 18 trở lên, biết luyện tập bắn cung cỡi ngựa thì cho lệ vào năm dinh để sai khiến, đợi chỉ chọn dùng.

Vua bảo hai bộ Lại Lễ rằng: « Công các bề tôi dẫu giống nhau, mà việc làm thì khác. Như Nguyễn Văn Nhân lưu trấn thành Gia-dịnh, điều quân cấp lương

khiến quân vua dấy mạnh, Nguyễn Hoàng Đức không chịu hàng giặc, gặp ghềnh gian hiểm, theo trẫm lúc gian nan, công cao hơn người tầm thường nhiều lắm. Đến như Tống Việt Phước, tuy có công lớn, mà hai lần mất quân, không phải là không có lỗi. Vậy tước ấm của con Việt Phước, không nên cho cùng hàng với các bề tôi khác.

Định ngạch binh dài hạn ở Gia-định. Chiếu rằng: « Từ xưa đến nay binh có ngạch chia ban, có ngạch dài hạn, hai ngạch cùng giúp đỡ nhau để mạnh phen giặc. Nay ở thành và các trấn Phiên-an, Biên-hòa, Vĩnh-thanh, Định-tường quân theo dài hạn chưa có định ngạch. Vậy ra lệnh ở thành thì chọn quân bảo thành cũ và mộ dân ngoại tịch lập làm ba vệ Bảo thành nhất, nhị, tam, mỗi vệ 10 đội; các trấn Phiên-an, Biên-hòa, Vĩnh-thanh, Định-tường, đều mộ lập một cơ, cơ có 10 đội, đội đều ấy 50, 60 người làm hạn; sai theo thành và trấn để giữ gìn thành trì, dẹp bắt trộm cướp. Tạp dịch đều miễn ».

Lại thấy binh năm thuyền Binh ở các trấn, quân phần nhiều thiếu số, sai mộ dân ngoại tịch và trích các đội bắt miễn (1) ở trấn đồn bổ mỗi thuyền 50 người, chia ban mà chi lương.

Miễn thuế thân và dao dịch một năm cho dân xiêu giạt 14 thôn ấp ở Vĩnh-thanh, hạ lệnh cho trấn thần gọi trở về.

Bộ Hộ tâu nói: « Năm Gia-long thứ 9 [1810] có lệ định phàm ruộng đất lậu, phát giác năm tháng đầu nhiều mà ngạch thuế truy thu cũng chỉ lấy 3 năm làm hạn, so với điều luật chép ân lậu thuế ruộng thì chiếu theo phần thuế từng năm mà nộp, hai bên không phù hợp

1. Bắt miễn: Không đủ số người.

nhau ». Vua nói rằng : « Luật như thế nặng quá, cứ theo lệ mà làm ».

Hiệp trấn Tuyên-quang là Nguyễn Văn Công ốm phải nghỉ việc ; lấy thêm sự Binh bộ là Phạm Tiến Lượng làm hiệp trấn Tuyên-quang.

Tháng 8, phong quốc thúc quạn công Tôn thất Thăng làm Phúc-long công, hoàng tử thứ năm là Đài làm Kiến-an công, hoàng tử thứ sáu là Bình làm Định-viễn công, hoàng tử thứ bảy là Tấn làm Diên-khánh công, hoàng tử thứ tám là Phổ làm Điện bàn-công, hoàng tử thứ chín là Chần làm Thiệu-hóa công, hoàng tử thứ mười là Quân làm Quảng-oai công, hoàng tử thứ mười một là Cự làm Thường-tin công, hoàng tôn Kinh làm Thái-bình công, hoàng tôn Đán làm Ứng-hòa công ; cho sách bạc, ấn bạc và ấn quan phòng mỗi người một cái. Ra lệnh phạm tờ biểu tờ khái đều xưng tước và tên. (Biểu tâu thì Phúc-long công xưng là Phúc-long công thần Mô ; các hoàng tử hoàng tôn tước công thì xưng Mô công thần Mô. Khái thì xưng Mô công đệ Mô, diệt Mô). Giấy tờ ở các nha đưa lên thì xưng là bẩm. Nhà ở thì gọi là phủ.

Vua dụ bộ Lại rằng : « Trẫm nghĩ các con cháu tuổi còn ít, mà ở tả hữu chưa hẳn đều là người hiền, sợ hoặc nhận được ấn ấy có thể bị dơ danh làm bậy, nên phải chọn người để giữ ấn mới khỏi lầm lỗi ». Bèn sắc cho các tước công phạm có tờ truyền sai thì phải xem người mà đưa, chớ có bạ ai cũng sai.

Ấm thụ cho con Chưởng Hậu quân Võ Tánh là Võ Khánh làm khinh xa đô úy, con Chưởng Tiền quân Tôn thất Hội là Tôn thất Trinh, con tổng trấn Gia-định

Nguyễn Hoàng Đức là Nguyễn Hoàng Toán, con Chương Hữu quân Nguyễn Văn Nhân là Nguyễn Văn Đức, con Chương Tả quân Lê Văn Duyệt là Lê Văn Yển, con Chương Tượng quân Nguyễn Đức Xuyên là Nguyễn Đức Thiện, con Đô thống chế Hậu dinh Thần sách Mai Đức Nghị là Mai Đức Nho, con Đô thống chế Thị trung Nguyễn Văn Khiêm là Nguyễn Thường Tuấn, đều làm kiêu kỵ đô ký, con Đô thống chế Trung dinh Thần sách Tống Viết Phước là Tống Viết Trì làm kỵ đô úy.

Cho con lưu thủ Nguyễn Đức Thịnh là Nguyễn Đức Long làm vệ úy, phẩm trật cũng như vệ úy các quân.

Nước Chân-lạp đói, xin đong thóc ở Gia-định. Ra lệnh cho đến các xứ Long-hồ, Sa-đéc đong 10.000 hộc thóc.

Sai phó tướng Tả quân là Nguyễn Văn Xuân quyền lãnh việc bảo hộ Chân-lạp. Bảo hộ là Lưu Phước Tường dung túng cho thuộc hạ sách nhiễu, làm khổ dân Phiên, việc phát giác, vua nói: « Phước Tường trước ở Vĩnh-thanh đã làm nhiều việc trái phép, nay lại như thế, tội không thể nói xiết được. » Tức thì hạ lệnh giải ấn bảo hộ, đưa về Gia-định xét trị, lấy Xuân đề thay.

Dân Chân-lạp buôn ở Gia-định có người mua trộm hơn 500 lạng bạc. Thành thần xin trị tội và tịch thu tang vật. Vua cho là dân nhỏ nước Phiên, không nỡ bắt tội, sai tha mà trả lại tang vật.

Định thêm điều lệ ần lậu đình mà khai gian là trốn hay chết. (Phàm ần lậu 1 đình có gia sản, thưởng cho người tố cáo 10 quan tiền, đình không có gia sản thì thưởng một nửa; tố cáo 10 người mà đúng có 1 người thì không thưởng, và cũng không bắt tội; 2 đình trở lên thì chiếu theo số mà thưởng; duy tố cáo không thực thì bị phản tọa. Lại như tố cáo có 1, 2 đình, mà xét ra 3, 4 đình trở lên, cũng chiếu theo số mà thưởng

thêm. Tiền thưởng thi thu ở lý trưởng và ở người đình lậu mỗi người một nửa. Người đình lậu biết tình thi đánh 80 trượng; không biết thi không bắt tội, tiền thưởng chỉ thu ở xã trưởng. Nếu xã trưởng thu riêng tiền thuế thân làm của mình, thi tính tiền tang khép vào tội uổng pháp luật mà xử nặng, truy thu tiền tang sung vào nhà nước. Đến như xét nghĩ tội ần lậu thi nhất thiết y theo luật mới. Còn có người ở trong sò mà xã trưởng khai gian là trốn, 1 đình thi đánh 70 trượng, cứ mỗi 1 đình nữa thi thêm 1 bực; 4 đình thi xử mãn trượng; 5 đình thi xử 60 trượng đồ 1 năm, cứ 3 đình thi thêm 1 bực; 17 đình thi mãn đồ; 20 đình thi xử lưu, cứ năm đình thi thêm 1 bực, chỉ đến mãn lưu là cùng. Tổ cáo đúng thực thi mỗi 1 đình thưởng tiền 10 quan; 10 phần đúng 1 phần, thi không thưởng, cũng không bắt tội; 10 phần đúng 2 phần, thi xét theo số mà thưởng; tổ cáo không thực thi bị phản tọa. Người còn sống, có ở sò, mà xã trưởng khai gian là chết, 1 đình thi xử mãn đồ; 2 đình thi xử lưu, bắt đồ ở trong tổng 4 năm, 3 đình lưu 2.000 dặm, 4 đình lưu 2.500 dặm, 5 đình thi mãn lưu, cứ 2 đình thi thêm lên 1 bực tội; đến 7 đình thi xử giam hậu, 9 đình thi xử trăm giam hậu, cứ 3 đình thi thêm 1 bực tội; đến 12 đình thi giáo quyết, 15 đình thi trăm quyết. Tổ cáo đúng thực, cứ mỗi đình thưởng tiền 15 quan; tổ cáo không thực thi bị phản tọa. Đến như người đình mà xã trưởng khai gian là trốn, biết tình thi đánh 90 trượng; người đình mà xã trưởng khai gian là chết, đồng tình thi đánh 100 trượng đồ 3 năm, không biết tình mà đồng tình thi không phải tội. Ngoài ra theo như lệ trước). Xã trưởng ần lậu, khai gian, và dân xã biết tình, đồng tình, hạn trong 1 tháng thú tội thi miễn tội. Làm trái thi trị tội như luật.

Lại cho Đào Văn Thành làm quản đạo Thanh-bình. Thành về dinh ưu, hết hạn đến Kinh nên lại dùng. Quản đạo Đỗ Văn Trà vẫn giữ chức vệ úy vệ Minh võ, đem vệ binh đi thú ở Bắc-thành.

Cai đội Nội hầu là Tôn thất Triều thiện tiện lấy người đội Tư phụng bỏ vào đội Nội hầu. Vua nói rằng: «Đội Tư phụng đều là người Tôn thất giữ đồ thờ các miếu, Triều sao được thiện tiện bỏ sang đội khác?» Bèn cất chức của Triều.

Tháng 9, hữu tham tri Hình bộ là Nguyễn Hoài Quỳnh chết; cho 2 cây gấm Tống.

Vua dụ ba bộ Lại Hộ Binh rằng: « Binh chế của triều đình, nhân viên các quân dinh đã có số nhất định. Lúc mới đồn bổ, có những viên thừa đều là người cũ để dành dùng sau, từ nay có khuyết thì nên chọn mà bổ trước, chớ nên cho người mới xen vào. Bọn các người, chức thủ quan hệ với nhau, phải xét kỹ đấy ».

Sai thêm sự Lễ bộ là Ngô Văn Duyệt và Hàn lâm viện Trương Quang Hải sung chánh phó sứ sang nước Xiêm. Nước Xiêm có tang vua thứ hai, sai bày tội là bọn Long-a-nô Lạc-phu-thích đến báo. Vua bèn sai bọn Duyệt sang tặng phúng. (Tặng phật vương lụa trắng, the trắng, vải nhỏ trắng mỗi thứ 300 tấm; phúng vua thứ hai 300 cân sáp ong, 100 tấm vải trắng, đường phôi, đường phèn đều 300 cân, 2.000 cân đường cát.) Khi trở về, nước Xiêm đưa thư tạ ơn, gởi phẩm vật để tiến.

Thống quản đồn Uy-viễn là Nguyễn Văn Tồn cho rằng các đội tinh binh sở thuộc hiện có hơn 300 người, sai phải không đủ, xin cho con là Nguyễn Văn Vị mộ người lập ba đội Uy-viễn nhất, nhị, tam, rồi mộ được

hơn 100 người, sai bổ vào các đội tinh binh, lại xin mộ thêm đủ 1 cơ tinh binh, cơ có 10 đội, đội có 50 người.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1 tân mùi, có nhật thực.

Ngày giáp tuất, tế đông hưởng. Sai hoàng thái tử nhiếp tế ở Thái miếu.

Thả biên binh Thanh Nghệ, Bắc-thành, Thanh-binh đã ứng triệu vào Kinh cho trở về ngũ.

Bỏ thuế dầu biệc nạp cho xã Ngải-lăng (thuộc huyện La-sơn) trấn Nghệ-an, kén dân làm lính.

Sắc từ nay hồ sơ các án đình thần xét bàn các tội từ đồ lưu trở xuống đều khái lên cho hoàng thái tử xét đoán. Về án nặng mới đợi tâu xin quyết định.

Triệu tả tham tri Hộ bộ lãnh Hộ tào Bắc-thành là Nguyễn Hữu Thận về Kinh. Sai hữu tham tri Hộ bộ lãnh hiệp trấn Nghệ-an là Nguyễn Tường Vân thay lãnh Hộ tào; lấy hiệp trấn Kinh-bắc là Nguyễn Văn Lễ làm hiệp trấn Nghệ-an, thêm sự Hình bộ là Phùng Huy Giảng làm hiệp trấn Kinh-bắc.

Lấy hữu tham tri Binh bộ lãnh hiệp trấn Thanh-hoa là Vũ Đức Thông làm hữu tham tri Hình bộ lãnh Hình tào Bắc-thành, thêm sự Nguyễn Xuân Thục làm hữu tham tri Binh bộ lãnh hiệp trấn Thanh-hoa.

Lấy tri phủ Lý-nhân là Nguyễn Văn Y làm thêm sự Binh bộ, sung biệc Binh tào Bắc-thành.

Lấy thêm sự Binh bộ là Lê Hy làm cai bạ Vĩnh-thành. Trước đình thần cử ký lục Quảng-đức là Nguyễn Văn Hưng đề bổ. Vua nói rằng: « Hưng tuổi còn ít, huyết khí dương hăng, nên đề ở kinh kỳ để chạy hầu tả hữu, nhân đấy mà dạy bảo đề thay đổi khí chất, không nên sai đi nơi biên cương xa xôi ». Bèn bổ Hy đi.

Tham hiệp Sơn-nam thượng là Đào Xuân Thự những lam, phải tội đồ; lấy tri phủ Kiến-xương là Đặng Hữu Thận làm hiệp trấn Sơn-nam thượng.

Sai Hoàng Công Lý và Tôn Thất Bình mộ dân ngoại tịch sung bổ vào vệ Nội hầu và các đội Túc trực.

Vua thấy hai huyện Đông-thành, Quỳnh-lưu trấn Nghệ-an rừng rậm liền nhau, bọn giặc thường lên lút ở đấy, sai trấn thần tùy đất đặt đồn, đóng quân phòng giữ nghiêm ngặt.

Lại thấy bảo Lãnh-thủy [Nước lạnh] núi khe lam chướng, linh thú không thể ở lâu được, sai đặt thêm quân ở bảo Hoàng-mai (trước 30 người, thêm lên 60 người) mà chia làm ba phần, lấy một phần giữ Lãnh-thủy, 3 ngày một lần đổi.

Giặc biển Chà-và thường nương tựa các cù lao thuộc Hà-tiên để đón cướp thuyền buôn. Trấn thần phát binh tuần xét, bắt được rất nhiều. Sai đóng gông tương giặc đưa về Kinh để giết.

Tháng 11, sai hữu tham tri Lại bộ là Trần Văn Tuấn lãnh Hình tào thành Gia-định; lấy ký lục Quảng-trị là Nguyễn Duy Hòa làm hữu tham tri Hình bộ, thêm sự Binh bộ là Hoàng Kim Hoán làm ký lục Quảng-trị, thêm sự Lễ bộ là Lê Văn Đồ làm cai bạ Phiên-an. Bọn Tuấn bệ từ. Vua dụ rằng: «Trần Văn Tuấn tài xứng với chức, trăm đặc biệt chọn sai đi, chứ không phải là xa ra đâu. Trước tuy bàn việc không đúng, trăm cũng dung cho, chớ để ý thắc mắc về việc ấy. Nguyễn Duy Hòa thì đàn hặc Nguyễn Văn Thành, có khi phách cứng rắn, ngờ đâu qua cửa khuyết lại không xuống cang để người chê trách, sao trước sau lại như hai thứ người thế? Từ nay về sau lời nói việc làm nên cẩn thận. Lê Văn Đồ đi đứng nghiêm trọng, nói năng chất phác, trăm yêu tinh

cần thận nên cất dùm, nên nghĩ theo phép công làm việc thẳng, cho vừa lòng trăm. Hoàng Kim Hoán là do triều đình công cử, phải kính cần chớ để phụ lòng người đã cử. »

Lại sai Trần Văn Tuân đến Gia-định mộ thêm dân ngoại tịch làm bốn vệ Bảo-thành.

Vét sông Tam-khê, sông cách trấn lý Vĩnh-thanh 214 dặm. (Phía tây 4 dặm rưỡi, đến ngã ba hợp với sông Cần-đăng, phía tây-nam 59 dặm đến cửa sông Lạc-dục, từ đấy về nam 57 dặm rưỡi đến Song-khê). Vua thấy đất ấy gần Chân-lạp, mệnh mông lầy rậm, đường sông đi qua Kiên-giang bị bùn cỏ ủng tắc, thuyền bè không đi được, bèn sai trấn thủ Nguyễn Văn Thụy sửa sang đường sông, điều động dân Hán [Việt] dân Di [Mên] 1.500 người để vét, nhà nước cấp cho tiền gạo, khiến nhân lối cũ mà đào sâu rộng thêm. Hơn một tháng sông vét xong (ngang hơn 10 trượng, sâu 18 thước), dân Hán dân Di đều lợi cả. Vua khen công của Thụy, đặt tên sông là Thụy-hà. Ở phía đông sông có núi Lạp-sơn, cũng đặt tên Thụy-sơn, cấm dân không được chặt cây cối.

Từ Nghệ-an ra Bắc, lúa vụ mùa thu hoạch kém. Giảm thuế mùa đông năm nay, Nghệ-an giảm 1 phần 10, Thanh-hoa, Thanh-bình 3 phần 10, Bắc-thành 5 phần 10.

Lại thu thuế săn chim ở Kiên-giang trấn Hà-tiên. Săn chim ở hai thôn Đông-an và Vĩnh-hòa thuộc Kiên-giang, trước đã bãi thuế mà thu lông và quạt. Đến nay những làng bên cạnh viện lẽ là không có thuế, tranh chia lấy lợi. Dân hai thôn ấy xin mỗi năm nộp tiền thuế 500 quan, còn lông quạt nộp như lệ. Thành thần Gia-định tâu lên. Vua y cho.

Chuẩn định rằng mồ mã của dân gian, hạn tá hữu cách nhau đều 7 thước 5 tấc, trước sau cách nhau đều 9 thước.

Lưu thủ Quảng-đức là Nguyễn Huy tuổi già về hưu tri. Lấy phó thống chế Trung dinh quân Thần sách là Nguyễn Văn Soạn lãnh lưu thủ Quảng-đức.

Định lệ xin nghỉ cho quan viên văn võ có tang ông bà. (Phàm cháu đích tôn thừa trọng thì nhất phẩm 9 tháng, nhị phẩm 6 tháng, tam phẩm 4 tháng, tứ phẩm 2 tháng, ngũ phẩm 1 tháng. Duy quan thống quản các quân Thị trung, Thị nội, Thần sách, chức vụ là hộ vệ, không thể nghỉ lâu, thì nhất phẩm 4 tháng, nhị phẩm, tam phẩm 2 tháng, tứ phẩm, ngũ phẩm 1 tháng).

Sai thành thần Gia-định biên binh các đội Trung nghĩa, Trung thẳng, Trung thuận của Trung-quân, quê ở Gia-định (557 người) làm 11 đội vệ Gia-võ, theo thành sai khiến. Còn quê từ Bình-thuận trở ra (60 người) thì cho về dân.

Ký lục Quảng-đức là Nguyễn Văn Hưng về dinh ưu; lấy thêm sự Lễ bộ là Lê Đồng Lý làm ký lục Quảng-đức.

Triệu hiệp trấn Lạng-sơn là Ngô Vị về Kinh; lấy thêm sự Hình bộ là Trương Công Vỹ làm hiệp trấn Lạng-sơn.

Lưu thủ Quảng-trị là Phan Tiến Quý, trước trấn thủ Bình-thuận, riêng cho người nhà làm thủ ngự, lấy của dân, tham tang đến hơn 500 quan. Đến nay việc phát, bị tội giao giam hậu.

Lấy chương cơ chánh thống Hữu đồn Trung quân là Bùi Văn Thái lãnh lưu thủ Quảng-trị.

Tàu của Phú-lăng-sa [Pháp] đậu ở Đà-nẵng, đưa thư cho Nguyễn Văn Thắng nói vua nước ấy lấy lại được

nước, sai treo cờ ở thuyền đi đến các cửa biển đề các nước láng giềng biết, xin dâng sản vật địa phương, đến Kinh chiêm yết.

Vua lấy cờ không có quốc thư mà khước từ. Sai đình thần Quảng-nam khoản đãi hậu, rồi bảo đi. Lại sắc cho tấn thủ Đà-nẵng rằng nếu thuyền người Phú-lãng-sa có treo cờ bắn súng mừng 21 tiếng thì ở trên đài Điện-hải cũng bắn trả lời đúng số ấy. Từ sau có thuyền buôn nước ngoài vào cửa biển, bắn súng đầu nhiều, trên đài chỉ bắn 3 tiếng làm hiệu.

Thuộc lại ở Bắc-thành có kẻ giả quan sai bắt người đòi chuộc. Thành thần nghĩ chiếu theo lệ « nấp trong cỏ rậm bắt người » của luật nhà Thanh mà xử trăm giam hậu. Đình thần xét lại, chiếu theo luật « mưu lấy của hại mạng người » mà xử chém ngay và đem án khải lên. Hoàng thái tử nói: « Lệ của thành thần dân, tuy đã gần phải, nhưng thuộc lại là người biết phép mà lại phạm phép, không vi như giặc cỏ, nên khép tội nặng để răn người khác ». Vua khen là phải.

Đổi chức chánh tàu các hiệu thuyền lớn làm chánh đội trưởng, phó tàu làm đội trưởng, cai tàu làm thứ đội trưởng, phẩm trật cũng như các quân khác.

Tháng 12, cho thái bảo quận công Phạm Văn Nhân được liệt thờ ở miếu Trung hưng công thần.

Thanh-hoa và Nghệ-an đói kém, thổ phỉ hung nhúc nổi lên. Vua nghe tin, sai phó đô thống chế Hữu dinh quân Thần sách là Tôn thất Bính đem linh kinh hơn 2.900 người đi kinh lược miền ấy. Lại sai trấn thần gọi thêm biên binh thuộc trấn sai phái đi bắt giặc.

Sai quan Bắc-thành chọn dùng con cháu nhà Lê. Chiếu rằng: « Phép là của chung thiên hạ, mà ngoài phép gia ơn là thịnh đức của đế vương. Trẫm khi mới dẹp yên, rất nghĩ đến nghĩa nối đời đã dứt, tức thì

phong Lê Duy Hoán làm Diên tự công, cho tự điền tự dân, khiến giữ việc phụng tự nhà Lê; lại ân cấp gạo lương cho các chi con cháu nhà Lê, đều chu đáo khắp. Trẫm đối với họ Lê đề tâm hậu đãi, vẫn mong cho đều nhờ phúc lớn, cùng nước cùng vui. Không ngờ Duy Hoán nổi lên, dụ dỗ đảng giặc, thâm mưu phản nghịch, đã giao đình nghị, đều xin xử cực hình và giảm bớt ân lệ để rõ phép nước. So với phép thường, vẫn phải nên thế. Trẫm đề tâm lo việc thiên hạ, rất mang lòng thương xót, há lại vì tội nghiệt của một đứa tự làm mà bỏ cái lòng nhân nuôi nấng bao dung của nhà nước sao? Vậy đặc sai thành thần chọn người thừa tự họ Lê, ân điền cấp phát vẫn như cũ, khiến cho họ Lê hương khói có chỗ nương tựa, con cháu không đến thất sở, kẻ còn người mất đều được thăm ơn, để cùng hưởng phúc thái bình».

Biêm tham tri Hộ bộ quản Nội đồ gia là Hoàng Văn Diên làm ký lục. Diên ở Đồ gia, thấy đồ vật của công hư hỏng nhiều, nhân thế lấy quần áo rách cấp cho quân. Bộ Hộ hạch tâu. Vua giận, giáng Diên làm ký lục. Sắc từ nay các giám lâm chủ thủ phải đề tâm xem xét, chớ để hư hỏng, làm trái thi trị tội.

Trấn thủ Quảng-ngãi là Nguyễn Cửu Khoáng chết, lấy chưởng cơ chánh thống Tiền đồn Tiền quân là Nguyễn Văn Hưng lãnh trấn thủ Quảng-ngãi, kiêm quản sáu cơ Kiên.

Lấy tả tham tri Hộ bộ là Nguyễn Hữu Thận làm thượng thư Lại bộ. Vua từng bảo Nguyễn Văn Nhân rằng: «Trong sáu bộ duy bộ Lại việc rất quan trọng. Trẫm xem Nguyễn Hữu Thận là người cần mẫn cần thận và thuần hậu, có thể đương được.» Vì vậy có lệnh này. Hữu Thận dâng biểu xin từ. Vua dụ rằng: «Trẫm chọn người có thể làm được, sao lại từ?»

Lấy hiệp trấn Lạng-sơn là Ngô Vị làm hữu tham tri Lại bộ, Hàn lâm viện thị giảng Nguyễn Đăng Tuấn làm thêm sự Lễ bộ.

Sai quan Bắc-thành chọn 5 người ở ty Thư tả đưa về Kinh, mỗi năm một lần thay đổi.

Đúc ấn « Ngự tiền chi bảo » (dùng vàng 10 tuổi để làm).

Hạ lệnh cho các địa phương từ Quảng-bình vào Nam thông dụng tiền kẽm. Chiếu rằng : « Trị nước không gì lớn bằng nuôi dân, nuôi dân phải trước hết là làm lợi việc dùng. Nay mở lò đúc tiền, tiền của đã đầy đủ rồi. Vậy chuẩn cho từ tháng giêng sang năm về sau, phạm các khoản chi dùng thì lấy tiền ấy cấp phát để cho dân thông dụng. Còn tiền đồng cổ hiệu và tiền ngự hiệu chứa ở kho sở tại thì đợi kỳ vận tải đem nộp về Kinh.

Dựng văn miếu ở Sơn-nam hạ.

Định lệ khóa đóng lại thóc kho ở các thành (6 năm một khóa, Quảng-trị, Quảng-bình, Quảng-nam, Quảng-ngãi, Nghệ-an, Thanh-hoa, Thanh-bình, thì lấy các năm Sửu mùi; các trấn từ Bình-dịnh vào Nam thì lấy các năm dần thân; các trấn ở Bắc-thành thì lấy các năm mao dậu. Về trình hạn thì Quảng-ngãi 2 tháng; Quảng-trị, Quảng-bình 2 tháng 15 ngày; Quảng-nam, Bình-hòa, Phú-yên, Thanh-bình 3 tháng; Bình-dịnh, Bình-thuận, Hà-tiên, Nghệ-an 3 tháng 15 ngày; Thanh-hoa 4 tháng; Bắc-thành 4 tháng 15 ngày; Gia-dịnh 5 tháng 15 ngày).

Lấy vệ úy vệ Cường uy là Võ Văn Châu, phó vệ úy vệ Túc võ là Hồ Văn Trương làm chánh phó vệ úy vệ Túc bảo nhất.

Ngày nhâm ngọ, sai hoàng thái tử yết lăng.

Ngày quý mùi, tế Chạp.

Nước Vạn-tượng sai sứ đến cống.

Lấy Khâm sai chương cơ vệ úy vệ Thiện võ Hữu quân là Nguyễn Văn Tứ lãnh quân thủ nguồn Cầu-bông (thuộc tỉnh Bình-định). Tứ là người ấp Tây-sơn (sau đổi là An-tây) trấn Bình-định. Năm Gia-long thứ 8 [1809] nhân già nghỉ việc. Vua nghĩ là người có công, muốn cho ăn lộc trọn đời, nhân ở gần chỗ nên cho lãnh chức ấy.

Bồ dùng cháu Lại bộ Nguyễn Bảo Trí là Nguyễn Bảo Lộc làm huấn đạo, tha phú dịch cho.

TIMSACH.COM.VN

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỆ NHẤT KỶ

QUYỀN LVII

THỰC LỤC VỀ THẾ TỔ CAO HOÀNG ĐẾ

Mậu dần, Gia-long năm thứ 17 [1818] (Thanh Gia-khánh thứ 23), mùa xuân, tháng giêng, ngày bính ngọ, tế xuân hưởng. Sai hoàng thái tử nhiếp tế ở Thái miếu.

Định lộc hàng năm cho các tước công (tiền 2.500 quan, gạo 1.500 phượng).

Định bổng hàng năm và áo mùa xuân cho các quan văn võ và lệ dưỡng liêm cho tri phủ, tri huyện. Chiếu rằng: « Cho bổng lộc hậu là để khuyên kẻ sĩ. Lúc mới yên định, lệ lương bổng và lệ áo mùa xuân của quan viên thì tùy tiện chuẩn cấp, chưa kịp châm chước bàn định. Nay thiên hạ đã yên, phải nên chế định bổng lộc cho có định tắc. Đến như phủ huyện ở gần nhân dân, chức nhỏ nhưng việc nhiều, ngoài bổng chính ra, cấp thêm tiền gạo dưỡng liêm, để tỏ đặc cách. (Chánh nhất phẩm, hàng năm tiền 600 quan, gạo 600 phượng, đồ mặc mùa xuân 70 quan; tòng nhất phẩm, tiền gạo đều 360, đồ mặc mùa xuân 60 quan; chánh nhị phẩm, tiền gạo đều 300, đồ mặc mùa xuân 50 quan; tòng nhị phẩm, tiền gạo đều 150, đồ mặc mùa xuân 30 quan; chánh tam phẩm, tiền gạo đều 120, đồ mặc mùa xuân 20 quan; tòng tam phẩm, tiền gạo đều 90, đồ mặc mùa xuân 16

quan; chánh tứ phẩm, tiền gạo đều 60, đồ mặc mùa xuân 10 quan; chánh ngũ phẩm, tiền gạo đều 35, đồ mặc mùa xuân 9 quan; tòng ngũ phẩm, tiền gạo đều 30, đồ mặc mùa xuân 8 quan; chánh lục phẩm, tiền gạo đều 25, đồ mặc mùa xuân 7 quan; tòng lục phẩm, tiền gạo đều 22, đồ mặc mùa xuân 6 quan; chánh tòng thất phẩm, tiền gạo đều 20, đồ mặc mùa xuân 5 quan; chánh tòng bát phẩm, tiền gạo đều 18, đồ mặc mùa xuân 4 quan; chánh tòng cửu phẩm, tiền gạo đều 16, đồ mặc mùa xuân 4 quan. Quan được bổ từ năm Gia-long thứ 16 [1817] về trước, ai dự lệ có bổng và đồ mặc mùa xuân, theo lệ cũ được nhiều mà theo lệ mới được ít, thì chi theo lệ cũ; theo lệ mới được nhiều mà theo lệ cũ được ít, thì chi theo lệ mới; từ tháng giêng năm nay trở về sau đều theo lệ mới. Ai có lỗi bị phạt thì chỉ phạt vào lương chính, tiền đồ mặc mùa xuân thì tha. Lệ dưỡng liêm của các phủ huyện thì chiếu theo bổng chính).

Hoãn thu thuế thiếu của dân mới về ở năm trấn thuộc Bắc-thành. Thành thần tâu nói: « Dân xiêu giạt ở các trấn mới về trong 42 xã thôn, thuế thiếu dồn nhiều năm, chưa thể nộp đủ được, xin hoãn thu để dân đỡ khổ ». Vua y cho.

Định lệ tuyển bổ thuộc ty. Đình thần tâu nói: « Trước mệnh là đá mài (1) của nhà nước, chỉ ai có tài thì cho, để tỏ ý khuyến khích. Từ trước đến giờ, thư ký, cai án, câu kê, cai hợp, thủ hợp ở các nha đều do quan cai quản lần lượt cử lên, 3 năm không có lỗi mới dâng sớ xin thực thụ. Đó là phép thường thăng bổ, vẫn phải nên thế. Nhưng bọn ấy còn ở hàng thấp kém

1. Đá mài: Đá mài so với đá thường, tức là vật quý so với vật thường.

thì người có giỏi hay không, triều đình bởi đâu mà biết hết được! Nếu cứ lấy lần lượt mà cử lên, thì người được thăng lại là kẻ yếu đuối không tài, chỉ ngồi ăn không mà người làm được việc lại bị hạn về đường tư cách, không tự tỏ ra được, sợ không phải ý nghĩa tùy tài giao việc. Vậy xin ra lệnh cho thượng ty cai quản các nha trong ngoài, từ nay cử người lên, đều phải chọn tài năng của người sở thuộc, không câu nệ về tư cách, để phân biệt người hay người dở, bớt sự lẫn lộn phức tạp». Vua y lời tâu.

Đổi vệ Túc bảo nhất làm vệ Trang võ, vệ Túc bảo nhị làm vệ Nghiêm võ.

Các đội mới mộ thuộc điện Thanh-hòa đồn bổ làm vệ Tuyên võ.

Chương cơ lãnh trấn thủ Định-tường là Nguyễn Thụy chết. Thụy có công Vọng-các, cấp cho 4 người mộ phu.

Lấy vệ úy vệ Hùng cự nhị là Nguyễn Văn Phong làm trấn thủ Định-tường.

Hiệp trấn Yên-quảng là Nguyễn Viết Ky về dinh ưu. Lấy thêm sự Binh bộ Lê Văn Quyền làm hiệp trấn Yên-quảng.

Xét tù bị giam ở các địa phương. Hoàng thái tử tâu nói: «Từ trước đến nay, luật lệ chưa thi hành, các nha xét hình, có nhiều án tích lại. Người tù tội đến nỗi có kẻ lưu giam đến chết, tình rất đáng thương. Xin ra lệnh thăm xét để thanh lý các án ứ đọng». Vua cho là phải. Sai các thành dinh trấn lục hết tội trạng của tù bị giam, đợi chỉ định đoạt.

Định lại lệnh cấm thuốc phiện ở Gia-định.

Cho Lê Chất làm tổng trấn Bắc-thành. Chất dâng sớ xin từ, và xin về Kinh để vào chầu. Vua dụ rằng: «Thăng-long là đất lớn ở Bắc-thành, giao cho người ở đấy là tự trăm kén chọn, người chớ từ. Nhưng nghĩ

đến công lao đi thú biên phương đã lâu, còn đương chọn người có công lao tài năng cho làm chức phó. Vậy đợi có phó tổng trấn đến thành, người muốn về Kinh vào châu thì sẽ theo lời người xin ».

Thổ phi ở Nghệ-an quấy nhiễu. Phó đô thống chế Tôn thất Bính cùng trấn thủ là Hoàng Viết Toàn thân mang binh và voi chia nhau đi tuần bắt. Giặc đều trốn nấp. Nhân tâu xin đóng quân không đánh, để cho giặc tự ra thú.

Vua dụ rằng: « Đàng giặc tụ họp, nhiều đến hàng nghìn, phỏng có một hai tên ra thú, thì có hết được cả bọn không? Vả giặc lấy núi rừng làm sào huyệt, khi nghe tiếng quân thì tạm lần đi. Nếu phỏng bị hơi lợi, thì thói cũ lại nầy. Tất phải đánh một phen kịch liệt để dứt hết gốc, còn thú hay không thú, không cần tính đến. Nay nên hết lòng bàn mưu vạch chước, chọn thuộc hạ ở trấn người nào quen biết đường lối thì ủy cho dẫn lính kinh đi tuần dò các xứ ở thượng du, góp sức tiêu trừ để sạch mặt đất ».

Thượng thư Hộ bộ là Nguyễn Đình Đức chết. Tặng tham chính.

Tháng 2, lấy cựu đốc học Sơn-tây là Nguyễn Lý làm đốc học Hải-dương.

Định lệ cấp lương ăn cho tù. (Tù bị đồ, mỗi người mỗi tháng cấp 11 thăng gạo; tù bị lưu, mỗi người 10 thăng; tù giam cầm và tù giam xét ở ngục chưa xử đoán xong mà không người cấp dưỡng, không kẻ nam hay nữ, 18 tuổi trở lên thì mỗi người 9 thăng, 11 tuổi trở lên thì mỗi người 7 thăng, 10 tuổi trở xuống thì mỗi người 5 thăng. Tù tội lưu, vợ con có xin theo đi thì cấp y theo lệ tù giam cầm).

Sửa nhà công cho sáu bộ.

Cho con cháu nhà Lê là Lê Duy Khải (là con Lê Hiền tông) làm cai cơ, trật chánh tam phẩm, coi giữ việc thờ tự nhà Lê, cho mũ áo đại triều.

Lấy Tôn thất Phong làm cai đội, trật tông tứ phẩm, coi giữ đền Dục-đức; miễn cho binh và thợ làng Kim-long 20 người để sung từ phu; để 200 mẫu tự điền, hàng năm lấy hoa lợi để cung việc tế tự. (Quan đồn điền ruộng bực nhất 64 mẫu 7 sào, ruộng bực nhì 13 mẫu 4 sào, ruộng bực ba 121 mẫu 9 sào. Phẩm vật để tế trong 1 năm chi hơn 400 quan tiền).

Hạ lệnh cho ruộng núi, ruộng cỏ và dân đồn điền ở Gia-định phải nộp phụ vò đay, thu miễn thuế thân theo thứ bực khác nhau. (Ruộng núi, ruộng cỏ, mỗi mẫu thóc một học, nộp vò đay một cân, tha bớt tiền thuế 30 đồng. Dân đồn điền, mỗi người nộp vò đay 3 cân, tha bớt tiền thuế 1 tiền 30 đồng).

Lại lấy Lê Công Lý làm trấn thủ Sơn-nam thượng, Nguyễn Bá Xuyên làm án phủ sứ Hoài-đức.

Xây gạch Kinh thành. Vua sai bọn Hoàng Công Lý, Trương Phúc Đặng, Nguyễn Đức Sĩ, trông coi công việc. Làm 24 đài ở trên thành, phía trước là các đài Nam-minh, Nam-hưng, Nam-thắng, Nam-chính, Nam-xương, Nam-hạnh, ở bên tả là các đài Đông-thái, Đông-trương, Đông-hoa (nay là Đông-gia), Đông-phụ, Đông-vĩnh, Đông-bình, phía sau là các đài Bắc-củng (nay là Bắc-định), Bắc-hòa, Bắc-thanh, Bắc-trung, Bắc-thuận, Bắc-điện, bên hữu là các đài Tây-thành, Tây-tuy, Tây-tĩnh, Tây-dục, Tây-an, Tây-trinh.

Lấy Tôn thất Khôi làm cai đội, coi giữ viên tẩm của Tuyên vương và Mục vương.

Thượng thư Hình bộ là Phạm Như Đăng chết. Tặng Tham chính.

Sai thêm sự Hộ bộ là Nguyễn công Vị quản Nội đồ gia. Vua cho rằng Nội đồ gia là nơi họp chứa của cải, tham tri Hộ bộ Nguyễn Công Tiếp kiêm quản sợ có khi không khắp được, dụ rằng: « Công việc bộ Hộ có nhiều, Công Tiếp làm một mình ngày còn không rảnh, sao có thể kiêm coi cả việc Nhà đồ nữa ? » Bèn sai Công Vị chuyên quản.

Dựng nhà học ở Quảng-nam.

Hạ lệnh cho Gia-định dâng thóc tiến, mỗi năm chở 100 hộc (Lệ trước hàng năm chở 500 hộc).

Định lệ bắn ống lệnh trong các lễ tự hưởng và triều hạ. (Về lễ lớn ở đàn Nam giao, khi vua ra đi và khi về đều bắn 9 tiếng ống lệnh; về các lễ tế hưởng ở miếu, tế đàn Xã Tắc, tế Văn miếu, khi vua ra đi và khi về đều bắn 5 tiếng; về ba tiết lớn Chính đán, Đoan dương, Vạn thọ, khi vua ngự điện và lên ngai đều bắn 9 tiếng; ngoài ra các lễ tạ triều, khi vua ngự điện và lên ngai đều bắn 5 tiếng).

Người Kinh-bắc bắt được ấn đồng cổ (mặt ấn khắc chữ « Lục-ngạn huyện ấn », sau lưng khắc chữ « Cảnh-trị nguyên niên tạo ». Thành thần đem nộp. Sai thu cất đi.

Chở 30.000 phương gạo lương ở Bắc-thành chứa ở kho Quảng-binh.

Ngày đình hội, tế Trời Đất ở đàn Nam giao. Sai hoàng thái tử nhiếp tế. Làm lễ xong, dâng thịt tế. Vua ngự điện Cần chánh nhận lễ mừng theo như nghi tiết ở Trai cung.

Hạ lệnh cho Gia-định và Bắc-thành mỗi năm chở 500 hộc gạo nếp.

Tháng 3, cho con lưu thủ Nguyễn Đức Thịnh là vệ úy Nguyễn Đức Long lấy công chúa Ngọc-trân, con tông trấn Gia-định Nguyễn Hoàng Đức là kiêu kỵ đô

úy Nguyễn Hoàng Toán lấy công chúa Ngọc-xuyến, con đô thống chế Mai Đức Nghị là kiêu kỵ đô úy Mai Đức Nho lấy công chúa Ngọc-ngoạn, con chưởng Tượng quân Nguyễn Đức Xuyên là kiêu kỵ đô úy Nguyễn Đức Thiện lấy công chúa Ngọc-nga.

Thổ phi ở Nghệ-an trộm nổi ở địa hạt Đông-thành, Quỳnh-lưu. Biền binh do trấn phái đánh có kẻ bị thua. Tôn thất Bình nghe tin đem quân đến thì giặc đã tan đi. Bèn đóng quân ở bảo Tiên-ly, đem việc tâu lên.

Vua dụ rằng : « Bọn giặc dựa vào núi mà tụ họp, ra vào không thường, mà quân quân ở trấn thì động có giặc là chia đường để đánh, số quân đã ít, đường núi lại không quen, cho nên phải thua. Phạm phép dụng binh hợp thì mạnh, chia thì yếu. Nay nên họp quân đóng đồn, sai dò thám cho được thực tình, rồi sau mới tiến đánh, chớ nên hễ nghe tin báo thì sai khiến ngay đi nhiều ngả, khiến cho quân ít sức chia, giặc được hoành hành, trở lại thành thất sách đấy ». Rồi thấy lính kinh không quen thủy thổ, ra lệnh phạm lính phái đi đóng giữ ở miền thượng du thì rút về trấn, ai ốm thì chữa.

Triệu đô thống chế lãnh trấn thủ Nghệ-an là Hoàng Viết Toán về Kinh. Lấy đô thống chế Hậu dinh quân Thần sách là Nguyễn Văn Năng lãnh trấn thủ Nghệ-an.

Quan Bắc-thành tâu nói : « Kho tàng các trấn ở thành thóc nhiều tiền ít. Thuế ruộng thiếu năm đình sừ, xin hạ lệnh cho dân nộp tiền thay thóc ; thuế ruộng mùa hạ năm nay, Sơn-nam thượng, hạ, Hải-dương, Yên-quảng, Thái-nguyên cho nộp thay bằng tiền 5 phần 10, Kinh-bắc, Sơn-tây 4 phần 10 ». Vua y cho (1 hộc thóc nộp 1 quan tiền).

Lấy tham luận Hữu quân là Nguyễn Kim Lộc làm thêm sự Binh bộ, tri phủ Thương-tín là Phạm Đình

Tích làm thêm sự Hình bộ, đều sung công việc Binh tào và Hình tào ở Bắc-thành.

Chở 120.000 quan tiền đồng ở kho Kinh đến Bắc-thành, lấy tiền kẽm mới đúc ở Bắc-thành đưa về Kinh.

Truy tặng lưu thủ Phan Văn Huyền làm Chương cơ. Huyền trước làm tổng nhung cai cơ hành lưu thủ dinh Vĩnh-trấn, đã theo chiến trận nhiều lần, bị giặc Tây-sơn bắt được đem nước cho chết.

Cho chánh đội trưởng suất đội quân Thị nội và quân Thần sách trật tòng ngũ phẩm, chánh đội trưởng suất đội các quân trật chánh lục phẩm.

Lấy cai cơ Võ Văn Chính làm vệ úy vệ Gia võ, Trương Tiến Cường làm phó vệ úy, trật cũng như chánh phó quản cơ các quân.

Bọn giặc ở Nghệ-an ra thú và bắt được cộng hơn 170 người. Tham tri Hình bộ Lê Bá Phẩm tâu xin tha. Vua quở trách rằng: « Kẻ ác may khỏi tội, không phải là may cho dân lành. Huống chi trong bọn ấy có kẻ vì người đồng lõa tố cáo mà ra thú, có kẻ bị quan quân bắt được, tình trạng không giống nhau, pháp luật nên phân biệt, sao lại nhất nhất tha cả được». Bèn ra lệnh cho trấn thần phạm các giặc cướp ra thú mà chịu phục tội bày hết thực tình thì tha. Còn có tình lý khác thì theo luật xét trị, tâu xin định đoạt.

Lấy thuộc nội chương cơ Lê Văn Tài hành chức vệ úy vệ Hữu bảo nhị thuộc Hữu quân.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, tế hạ hương. Sai hoàng thái tử nhiếp tế ở Thái miếu.

Ngày tân ty, vua yết kiến lăng Cơ-thánh.

Tham hiệp Tuyên-quang là Nguyễn Kim Giám ốm phải nghỉ việc. Lấy tri phủ Đoan-hùng là Trần Văn Toán làm tham hiệp Tuyên-quang.

Định lại lệ bắt tội chủ thủ đề mất tù. (Nhu mất 2 người tù thì tội theo tội người tù nặng; tội của tù bằng nhau thì xử theo tội 1 người; hai người cùng đề mất 1 người tù thì đều xử kém tội người tù 2 bực).

Vua cho rằng trước kia luật lệ chưa thi hành, án xử tội đồ có 10 năm, 15 năm và suốt đời, bèn sai đổi định lại, lấy 5 năm làm hạn. Ai đã đầy 5 năm thì tha.

Lê Văn Duyệt tâu xin trích linh sáu cơ Kiên ở Quảng-ngãi đặt làm vệ Minh nghĩa thuộc Tả quân, quyền sai Lê Kim Nhượng và Trần Văn Hãnh làm chánh phó vệ úy để cai quản.

Vua y lời tâu.

Kiều kỵ đô úy Nguyễn Hoàng Toán chết. Công chúa Ngọc-xuyến vì mới gả chồng không biết đề trở thế nào. Vua sai bộ Lễ bàn. Quan bộ Lễ tâu nói: «Lời sơ sách Nghi lễ có nói: «Con gái thiên tử gả cho chư hầu để tang chồng thì mặc áo sớ gấu». Đây là đã thành vợ chồng, lễ chính như thế. Thiên «Tặng tử vấn» ở kinh Lễ có nói: «Đã định ngày cưới rồi mà rồ chết, thì người con gái mặc áo sớ gấu đến viếng, chôn xong thì trừ phục». Đó là chưa thành vợ chồng, lễ biến như thế. Lại xét thiên «Tặng tử vấn» có nói: «Con gái chưa kiến miếu, chưa thành vợ». Nay công chúa vì nghĩa mà để tang Nguyễn Hoàng Toán, nếu mặc áo sớ gấu đến viếng rồi chôn xong thì trừ phục thì nhẹ quá; nếu mặc áo sớ gấu cho hết tang thì nặng quá. Có lẽ nên mặc áo sớ gấu mà đến chịu tang, đợi chôn xong thì trừ phục, ngõ hầu hợp tình hợp lễ». Vua theo lời tâu.

Tháng 5, bọn Hồ Công Thuận từ nước Thanh về.

Triệu phó đô thống chế Tôn thất Bình về Kinh.

Vua thấy địa phương Nghệ-an đã hơi tĩnh, mà biên binh ở Kinh phái đi nhiều người ốm, nên triệu về.

Hiệp trấn Sơn-nam thượng là Trần Ngọc Quán chết; lấy thêm sự Hình bộ là Ngô Huy Viên làm hiệp trấn Sơn-nam thượng.

Tham hiệp Yên-quảng là Trần Phúc Hiền, nhận riêng tiền của dân, tang đến 700 quan, việc phát giác, vua nói: « Không giết kẻ tham bần thì lấy gì khuyên người thanh liêm? » Sai thành thần trị tội. Hiền phải tội chết.

Lấy Hàn lâm trực giảng là Đoàn Văn Chất làm thêm sự Binh bộ.

Nghệ-an bị lụt. Trấn thần thấy lúa vụ chiêm đương gặt 10 phần tổn hại 2, 3 phần, không ở trong lệ giảm thuế, xin thu hết cả. Chiếu trả lời rằng: « Trấn người hai năm binh tý và đình sưu mùa màng bị hao tổn luôn, nhân dân lại gặp bệnh dịch, nay lại bị tai riêng, đây tuy là việc thường của nhà làm ruộng, nhưng dân bị đau khổ chông chất mãi, trăm nghĩ rất thương. Vậy thuế ruộng vụ hạ năm nay cho giảm 3 phần 10 ».

Thượng thư Binh bộ là Nguyễn Đăng Hựu tuổi già nghỉ việc, hàng năm cấp cho nửa lương.

Cai bạ Bình-hòa là Trương Công Trinh ốm phải nghỉ việc. Lấy thêm sự Lễ bộ là Hoàng Kim Xán làm cai bạ Bình-hòa.

Sai bọn Trần Chấn và Nguyễn Hựu Nhân đưa thuyền bị nạn của tỉnh Quảng-đông với súng ống khí giới sang nước Thanh. (Trước binh thuyền Quảng-đông của bọn Lý Chấn-thị gặp bão giạt vào phần biển Phú-yên, đến khi đi bộ về thì để lại súng ống khí giới ở trấn. Đến nay đưa trả).

Dựng đèn Quan-công và đèn Thiên-phi (1).

1. Thiên-phi: Tức là Thiên hậu, các thuyền đi biển hay cúng để cầu được yên ổn.

Sửa đền Khải thánh (1).

Lấy phó vệ úy Nguyễn Văn Bằng làm vệ úy vệ Bảo thành nhất, cai cơ Trương Phúc Tường làm phó vệ úy, phẩm trật như chánh phó quản cơ các quân.

Quản thủ Cần-giờ là Trần Công Hiếu xin mộ dân ngoại tịch lập làm ba đội Thanh-châu nhất, nhị, tam. Vua y cho.

Tháng 6, sông Kiến-dăng ở Định-tường lở; ruộng của dân bị sụt mất, dân thỉnh thoảng trốn đi nơi khác. Quan trấn và huyện sai thuộc lại đi xem xét, rồi đem tình trạng tâu lên. Vua nói: «Đi khám nơi bị tai thương không phải là việc của thuộc lại. Vâng lệnh trên để tuyên đức hóa mà làm như thế à?» Truyền dụ quở trách nặng. Nhân sắc cho các địa phương phạm có nạn lụt hạn thì thượng ty và phủ huyện phải lần lượt thân đi khám xét, không được cầu thả ủy cho thuộc lại. Ghi làm lệ mãi mãi».

Hạ chiếu lấy năm sau là năm kỷ mao mở khoa thi Hương. Dời trường thi Quảng-đức đến Quảng-nam, trường thi Sơn-nam thượng đến Sơn-nam hạ.

Dân Quảng-nam kiện thuộc lại ở trấn trung thu thuế khóa viện lệ bạc tiền đều một nửa, không cho dân chiết nộp toàn bằng tiền. Vua giận, sai đóng gông dinh thần và thuộc lại đưa về, giao xuống đình thần bàn trị tội. Đình thần tâu nói: «Lệ định trung thu bạc tiền đều một nửa, nếu không có bạc cho nộp toàn bằng tiền. Nay dinh thần không biết bảo thuộc lại, viện lệ sai lầm, xin chiếu theo luật trái chế thư giám xuống ba bậc để xử». Vua y theo.

1. Khải thánh: Cha mẹ Khổng tử.

Làm duyệt tuyển ở các dinh trấn Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-định Phú-yên, Bình-hòa. Sai bọn lưu thủ Phạm Văn Quỳnh, cai bạ Võ Xuân Cẩn, lưu thủ Nguyễn Văn Quế, ký lục Bùi Đức Minh 10 người chia nhau đi làm.

Lấy hữu tham tri Công bộ là Đoàn Việt Nguyên làm tả tham tri Hộ bộ.

Thỏ phi ở Nghệ-an lên xuống Thanh-chương. Thỏ hào là bọn Nguyễn Quỳnh và Nguyễn Hữu Siều đem dân đón đánh, bắt được khí giới rất nhiều. Việc tàu lên. Cho bọn Quỳnh làm đội trưởng, thưởng tiền 400 quan.

Chuẩn định thuộc hạ ở phủ các tước công. Mỗi phủ đặt 3 cai đội, 6 đội trưởng, 6 cai hợp hoặc thủ hợp. Cai đội suất đội sở thuộc của các chưởng quân quận công có khuyết thì cho lấy cai đội thực thụ ngoại ngạch bổ vào, hoặc là đội trưởng thực thụ thì cấp bằng thì sai, không được theo trước mà cấp phẩm.

Cấm thuyền buôn Xiêm-la và Hà-tiên mua trộm phiến đồng.

Giảm thóc tô năm nay cho Thuận-thành.

Bãi chức thủ ngự cửa biển Lý-hòa ở Quảng-bình. Dinh thần thấy cửa biển nông hẹp, thuyền buôn ít khi đến đậu, tàu xin bãi đi.

Thả quân sáu đội Nội cần (từ đội 2 đến đội 7) trở về dân tịch. (Số dân sở tại ghi làm hạng ngoại tiêu sai, mỗi năm mỗi người nộp 10 quan tiền).

Giặc biển Chà-và tụ họp đi cướp bóc, thường làm lo cho dân Phú-quốc thuộc Hà-tiên. Sai thành thần Gia-định đem quân đi bắt.

Chuẩn định từ nay người Mã-cao và Tây-dương đến buôn ở Gia-định, nộp thuế cảng và thuế hàng hóa, hoặc bằng bạc ngoại quốc, bạc trung bình, hoặc toàn bằng

bạc, toàn bằng tiền, hoặc nửa bạc nửa tiền, đều theo ý muốn, không có hạn chế.

Cho các trấn Tuyên-quang, Hưng-hóa, Cao-bằng, Lạng-sơn và các huyện ở Sơn-tây mà nộp thuế về Tuyên-quang và Hưng-hóa thì thóc thuế vụ hạ năm nay lấy bạc nộp thay.

Hoãn thuế thiếu cho dân xiêu giạt các trại Man Nùng thuộc hai trấn Kinh-bắc, Lạng-sơn.

Dư đảng của giặc nước Thanh là Cao La-y lại chiếm giữ Lâm-an (Trước đây Cao La-y làm loạn, binh nước Thanh đã dẹp yên, đến nay dư đảng lại nổi), đánh cướp các huyện Kiến-thủy, Mông-tự.

Vua thấy đất Lâm-an tiếp với Hưng-hóa, sai thành thần phát binh châu Văn-bàn giữ châu Thủy-vĩ, binh châu La-thuận giữ châu Chiêu-tấn, binh Luân-châu giữ Lai-châu, để phòng bị. Hơn một tháng, giặc Thanh dẹp yên, quân ta cũng bãi. Có người buôn nước Thanh là Trương Chiếm-ngao có hiềm khích với đồ đảng của mình là Trương A, giả làm công văn huyện đường Văn-sơn nước Thanh tự đưa cho trấn Tuyên-quang, nói Trương A là giặc trốn, nên bắt trị tội ngay. Các quan thành và trấn hạch là không hợp lệ (Lệ trước công văn nội địa nước Thanh do tấn Mã-bạch đưa cho bảo Tự-long châu Vị-xuyên chuyển đệ), lấy thư tâu lên. Vua nói: « Thư ấy là giả, đưa nó cho nước Thanh giết đi ».

Cai bạ Phú-yên là Hoàng Công Thanh chết; lấy Trần Vân Đại làm cai bạ Phú-yên.

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ

QUYỀN LVIII

THỰC LỤC VỀ THẾ TỒ CAO HOÀNG ĐẾ

Mậu dần, Gia-long năm thứ 17 [1818], mùa thu, tháng 7, ngày mồng 1, tế thu hưởng. Sai hoàng thái tử nhiếp tế ở Thái miếu.

Hai mặt trước và bên hữu Kinh thành đã làm xong. Vua dụ rằng: «Vương giả dựng nước đặt kinh đô, tất lấy thành trì làm chắc. Vừa đây sai quân các người xây đắp Kinh thành, từ mùa xuân đến mùa thu, cũng đã mệt rồi. Nay mặt trước mặt bên hữu thành đã xây xong, trẫm nghĩ bọn các người công việc làm tuy có khác nhau mà lòng thành như con đến làm việc cho cha thì như nhau. Vậy thưởng các quân 140.000 quan tiền, cho về nghỉ ngơi; từ đồng lý đến các thợ, thưởng thêm áo quần và tiền theo thứ bậc khác nhau (14.000 người lính, mỗi người thưởng 10 quan tiền).

Trưởng công chúa Ngọc-thục mất. Cho 300 quan tiền, 150 phương gạo, cấp cho 4 người mộ phu. (Chúa là con gái Duệ tông Hiếu định hoàng đế, gả cho vệ úy vệ Uy võ Tổng Văn Thịnh là con thống suất điều khiển ngũ dinh Tổng Văn Khôi).

Miễn cho quan viên hưu trí không phải dâng lễ tiến bạc. Vua bảo bầy tôi rằng: «Dâng lễ tiến bạc dầu là

lòng thành tôn thân của tôi con, nhưng già yếu nghỉ việc, ban ơn nuôi nấng còn sợ không đủ, lại bắt phải đưa của, không phải là ý trâm thể tất bầy tôi. Vậy miễn cho ».

Trần Quang-ngãi lấy đá san hô, báo cáo không thực số. Trần thủ Nguyễn Văn Hưng, cai bạ Trịnh Văn Thành, ký lục Nguyễn Vinh Tiêm đều bị bắt trời đưa về Kinh, giao bộ Công xét hỏi. Lấy tham hiệp Lạng-sơn là Nguyễn Huy Trinh làm cai bạ Quang-ngãi. Rồi Vinh Tiêm vì chính mình đi đốc biện phải tội bãi chức; Hưng và Thành vì không kiểm sát đều bị phạt, lại cho về trấn, chuyển bổ Huy Trinh làm ký lục.

Thồ phi Thanh-hoa cướp ở ngoại thành phủ Tĩnh-gia. Quản phủ là Nguyễn Khoa Thường đóng cửa tự thủ. Trấn thần đem việc tâu lên và nói Thường ốm không thể ra được. Vua nói: « Bọc vết thương ra đánh giặc, ốm nằm kiệu đi đánh giặc, người đời xưa làm tướng há không có bệnh sao? Huống chi phủ lý không phải là chỗ dưỡng bệnh, nếu Thường có bệnh sao không xin bỏ quan trước? Giặc đến không đánh thì nói ốm cũng muộn rồi ». Tức thì sai đóng gông trời đưa về Kinh, giao xuống bộ Hình nghị tội, giáng làm cai cơ.

Chuẩn định từ nay phạm đồ nhung phục các quân nhà nước cấp cho, ai dám dùng riêng và cho mượn riêng thì bị tội mẫn xuy (1), lại thu 30 quan tiền thưởng cho người tố cáo; quản quan cũng bị tội. (Nếu đội trưởng phạm tội thì cai đội giảm một bậc, đánh 40 roi, phó vệ giảm hai bậc, đánh đến 30 roi là cùng. Ngoài ra lấy đó mà suy). Ghi làm lệ mãi mãi.

1. Mẫn xuy: Tội hết bậc roi, tức 100 roi.

Cho đại sứ Bảo tuyên cục là cai cơ Trương Văn Minh làm chương cơ.

Tháng 8, định lệ tội lưu đày làm tội đồ. Tù bị tội lưu đày ở Tam-độc [Ba-ngòi] nhiều người trốn mất. Trấn thần Bình-hòa tâu lên. Vua sai bộ Hình bàn đổi tội lưu làm tội đồ, chiết số dăm làm hạn năm, đưa cho các nha môn xét hình thi hành. Tù đồ ở Bình-hòa đem về đày ở trấn. Những ruộng đất ở Tam-độc đã khai khẩn được thì cấp cho dân sở tại cấy cấy nộp thuế. (Lưu 2.000 dăm đổi làm đồ 5 năm rưỡi, lưu 2.500 dăm làm đồ 6 năm, lưu 3.000 dăm làm đồ 6 năm rưỡi).

Dân nước Chân-lạp đói, lại xin đong thóc ở Gia-định. Sai bán cho 5.000 hộc thóc.

Cho Tống Phước Trị là con nội tả quân công Tống Phước Mân 100 quan tiền.

Lấy đô thống chế Tả dinh quân Thần sách là Lê Văn Phong làm phó tổng trấn Bắc-thành, tả thống chế Thị trung là Hoàng Công Lý làm phó tổng trấn Gia-định.

Nước Chân-lạp sai sứ sang cống và dâng thư nói: « Trước kia các xứ Nam-vang, Ô-môn, Ba-xắc, đi lại buôn bán, mọi người đều lấy làm tiện. Từ khi Nặc Nguyên chiếm nước, Nặc Chấn chạy sang bên này thì triều đình mới có lệ cấm buôn. Nay nước đã yên định, đời đời xưng phiên thần, xin lại cho đi lại buôn bán như cũ ». Vua y cho. Sắc cho vua Phiên từ nay quốc thư công văn thì dùng ấn quốc vương đã ban cấp năm Gia-long thứ 6. Giấy thông hành cửa quan bến đò thì dùng triện ngà. Đồn tấn ở Gia-định hỏi hạn xét nghiệm thì phải xét đích xác, không được làm khó khăn.

Cấp ấn đồng cho thống lĩnh thượng đạo Thanh-hoa lãnh giám quế hộ là Hà Công Thái.

Lấy khâm sai cai cơ quân Thần sách là Hồ Bôi làm vệ úy vệ Cường uy, Mai Văn Châu làm vệ úy vệ Tuyên

phong tiên, Phan Văn Huân làm phó vệ úy, Nguyễn Đức Niên làm vệ úy vệ Trung võ, Nguyễn Văn Lợi làm vệ úy vệ Kiên uy, Nguyễn Văn Quyền làm phó vệ úy vệ Quảng võ, Phan Văn Thề làm phó vệ úy vệ Ban trực tiên, Võ Văn Tín làm phó vệ úy vệ Túc võ, cai đội Thủy quân Võ Văn Thái làm phó quản cơ cơ Tiên dục, Nguyễn Văn An làm phó quản cơ cơ Tả dục.

Tướng giặc ở Sơn-nam thượng là Đoàn Chấn lần lút trong dân gian, quan quân bắt được giết đi. Thổ dân là Nguyễn Bát, Nguyễn Phan vì dò thám bắt được giặc, cho làm đội trưởng, thưởng tiền 200 quan.

Sai Mạc Công-du tìm hỏi sự tích Hà-tiên. Vua dụ rằng: « Đất Hà-tiên là bờ cõi mới do các thánh mở mang và là chỗ đất cũ của tiên tổ người là Mạc Cửu và Mạc Thiên-tứ được phong. Từ triều trước trở đi, công việc đều có sách vở ghi chép. Từ giặc Tây-sơn nổi loạn, sách vở tản mát, không theo dấu mà kê cứu được. Nay bắt đầu yên định, dân trước sót lại hãy còn, người nên hết lòng tìm hỏi thu nhặt việc cũ, biên chép tiến lên, trẫm sẽ đăng vào tin sử, để lại đời sau ».

Tháng 9, lấy chương cơ lãnh trấn thủ Vĩnh-thanh là Nguyễn Văn Thụy làm thống chế, lại sai bảo hộ nước Chân-lạp, lấy phó tướng quyền lãnh bảo hộ Nguyễn Văn Xuân lãnh trấn thủ Vĩnh-thanh. Xuân trước mộ 100 người dân ngoại tịch lập làm hai đội Bảo biên tam tứ. Đến nay danh sách dâng lên, sai cùng với ba đội Tráng ngự, Cường ngự, Uy ngự và các đội Bảo biên (do cựu bảo hộ Lưu Phước Tường lập) lưu thủ thành Nam-vang.

Tổng trấn Gia-định Nguyễn Hoàng Đức có việc đưa hịch gọi ốc-nha Lục và ốc-nha Ma nước Chân-lạp đến thành. Vua Phiên nghe thấy sinh ngờ, bọn ốc-nha Lục sợ tội không dám về nước. Hoàng Đức đem việc ấy tâu

bày. Vua nói: « Thành thần vờ riêng, ốc-nha đi riêng, đều là không phải. Hoàng Đức làm việc ở biên cương đã già đời, còn sơ lược thế, vua Phiên ngờ vực có gì đáng lạ ». Phạt bổng Hoàng Đức. Bèn chiếu dụ vua Phiên để cho yên lòng. Rồi cho bọn ốc-nha Lục về nước.

Bớt chức thủ ngự ở cửa bé Trường châu trấn Bình-hòa, sai trấn thủ Vân-phong (tức Hòn Khói) và Cù-huân kiêm quản.

Lấy khâm sai cai cơ quân Thần sách là Nguyễn Văn Thụy làm phó vệ úy vệ Định võ, cai đội Hậu quân Bùi Văn Đăng làm phó quản cơ cơ Hậu thắng.

Định điều cấm về Kinh thành hơn 20 điều.

(1. Các cửa nhà Thái miếu, miếu Hoàng khảo, điện Hoàng nhân không có duyên cớ không được thiện tiện vào.

2. Cửa Tả-đoan, Hữu-đoan, cửa phía nam điện Thanh-hòa, ai đi qua phải ghé lọng xuống ngựa.

3. Nhân dân có việc thưa kiện đến Võ công thự thì do cửa Hiền-nhân mà vào, đến Văn công thự thì do cửa Chương-đức mà vào, không được đi qua sân điện Thái-hòa và cửa Tả-đoan Hữu-đoan.

4. Voi ngựa ra vào do hai cửa Hiền-nhân Chương-đức, không được đi qua sân điện và cửa Tả-đoan, Hữu-đoan. Khi theo hầu vua và lúc chữa cháy thì không câu nệ điều cấm này.

5. Không được phóng tên ném đá về phía trước đàn miếu cung điện.

6. Không được cỡi ngựa chạy ở trong Hoàng thành; Ở trong Kinh thành có cỡi ngựa thì gò cương đi thông thả.

7. Sân điện Thái-hòa không có duyên cờ thì không được thiện tiện vượt qua. Cửa các cung cấm cũng không được thiện tiện vào.

8. Các cửa Hoàng thành mở hay đóng, lấy bắn súng làm mức; ban đêm có truyền mệnh cho ra vào thì do cửa Tả-đoan Hữu-đoan mà đi; phải xét thực có bài vào cửa. Còn các cửa khác đều cấm.

9. Ban đêm các hải đài có việc cần tàu thì báo cho biên binh giữ cửa Đoan-môn chuyển báo cho quân vệ đương trực gọi tàu; các thành dinh trấn có việc gì cần tàu thì do bộ thần gọi tàu.

10. Súng lớn súng nhỏ ở các đài trên thành, các đội Trung hầu, Chấn uy canh giữ, cần phải cẩn mật.

11. Thành quách cầu đường và rãnh hào ở chung quanh thành, các quân đều chiếu theo phần đất mà canh giữ, biên binh giám thành thay nhau đi tuần xem, nếu có khuyết lỗ thì tùy nghi tu bổ, công việc nặng lớn thì tâu lên.

12. Phủ đệ của hoàng tử hoàng nữ, nhà ở của các quan văn võ nhất nhị tam tứ phẩm, đều chọn một người làm thủ dịch xem xét đường quan về phần đất sở tại và ghi rõ điều cấm để bảo người nhà.

13. Đường quan ở trong thành do quân dân sở tại sửa sang.

14. Các đường nước ở trong ngoài thành thì không được tới gần đào đất trồng cây và trồng rau cỏ, cùng là vất bỏ vật rác bần.

15. Ba bậc trên thành và chân thành chân quách thì trâu ngựa công tư không được thả chẵn ở đấy; quan dân cũng không được đến gần làm nhà ở và trồng khoai rau.

16. Hồ ao công ở trong ngoài thành và sông cái ở mặt trước, từ cầu Bạch-hồ đến cầu An-hội thì cấm không được đặt đò, chằng lưới đánh cá.

17. Trong thành không được đào hồ ao riêng.

18. Các quân ứng triệu về Kinh đều trú ở ngoài quách, do quan chưởng lãnh chuyển tâu, đợi có lệnh truyền mới cho vào thành.

19. Các cửa thành, khi biên binh đầy chuyển xe pháo, khuôn vác vật nặng, thì biên binh coi giữ phải ngăn trước người đi lại để phòng xéo đạp lên.

20. Các cầu trong ngoài thành, quân dân đều chiếu theo phần đất mà rửa quét ván cầu, mài cạo mỗi hà; bộ Công mỗi tháng ba kỳ sai người khám xem. Ở trên mặt cầu không được chất đống tạp vật. Cột cầu không được buộc thuyền ghe vào.

21. Phàm cỡi ngựa đi qua cửa thành và các cầu đều phải xuống đi chân.

22. Bờ sông ngoài quách không được xây đắp làm bến đò và không được cho trâu ngựa uống nước và tắm, cũng không được đậu thuyền bè.

23. Các nhà ở trong thành chưa lợp ngói, mỗi năm đến tháng nắng phải lấy bùn trát bết và bỏ mái tranh đi để giữ cho khỏi cháy.

24. Các nhà ở trong thành, nhà nào có người bị bệnh hủi cùng què liệt, điên cuồng, đều tức thì đưa ra ngoài thành, không được để ở trong thành.

25. Người có tang phải đổi áo tang mới cho vào thành. Nhà nào ở trong thành có đưa đám tang thì cho tùy tiện đi theo bốn cửa Chính-bắc, Chính-tây, Đông-bắc, Tây-bắc, các cửa khác đều cấm.

26. Chân quách ở bốn mặt kinh thành, phần đất từ chân quách trở vào trong thì do viên giám thành sứ

quản lãnh, phần đất từ chân quách trở ra ngoài thì do dinh Quảng-đức quản lãnh. Có ai phạm cấm, tội nhẹ thì xét xử, tội nặng thì tâu lên).

Thu thăm, tha tội chết cho Võ Trinh, an trí ở Quảng-nam. Phan Tiến Quý phạm tội tham tang, xử giảo giam hậu, đình thần xin hoãn xử quyết. Vua nói: « Quý mình làm chức chặn dân mà bóc lột của dân, số tang quá nhiều, tội không thể trốn được ». Sai giao Quý xuống để hành hình thật cổ. Lại đem việc ấy cáo khắp các thành dinh trấn.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, tế đông hưởng. Sai hoàng thái tử nhiếp tế ở Thái miếu.

Ngày đình mao, lại đúc ấn bạc cho hoàng thái tử. (Vuông mỗi bề 6 phân 7 ly, dày 3 phân, nuốm rồng ngồi, khắc năm chữ triện « Hoàng thái tử thủ tín ». Sai bọn Phạm Đăng Hưng, Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Khoa Minh, Nguyễn Công Vị hội đồng coi làm.

Lấy thống chế Thị nội là Tôn thất Địch làm thống chế Thị trung, cai cơ Võ Viết Bảo lại làm thống chế Thị nội.

Làm duyệt tuyển ở ba dinh Quảng-đức, Quảng-trị, Quảng-bình và năm trấn từ Bình-thuận vào Nam. Sai bọn đô thống chế Hoàng Việt Toản, trấn thủ Tống Văn Khương, cai bạ Nguyễn Văn Khiêm, ký lục Nguyễn Văn Xuân, 14 người chia nhau đi làm. (Hai đạo Long-xuyên, Kiên-giang vẫn phụ vào tuyển trường Vĩnh-thanh).

Lấy cai đội Thị trung là Hoàng Văn Luận làm phó vệ úy vệ Trung nhất, Hoàng Văn Trạm làm phó vệ úy vệ Tiền nhất, Dương Văn Tri làm phó vệ úy vệ Tả nhất, Nguyễn Văn Thao làm phó vệ úy vệ Hậu nhất, Nguyễn Văn Mãi làm phó vệ vệ Hữu nhất, Hoàng Phúc Tài làm phó vệ úy vệ Hậu nhị.

Định lại ngạch thuế thuyền buôn Mã-cao và Tây-dương. Trước kia thuyền buôn các nước đều theo như thuế thuyền buôn Quảng-dông, hữu ty không chia thuyền lớn nhỏ, đánh thuế một loạt; đến nay đổi lại theo thuyền mà đánh khác nhau. (Phàm buôn ở Thuận-an, Đà-nẵng, thuyền nào chiều ngang từ 25 thước đến 14 thước, mỗi thước đánh thuế 96 quan, ngang từ 13 thước đến 7 thước, mỗi thước đánh thuế 60 quan; phàm buôn ở Gia-định, thuyền nào chiều ngang từ 25 thước đến 14 thước, mỗi thước đánh thuế 160 quan, ngang từ 13 thước đến 7 thước, mỗi thước đánh thuế 100 quan; lẻ từ 1 tấc trở lên thì tinh chiết ra mà đánh thuế; từ phân ly trở xuống đều miễn).

Tháng 11, lấy ký lục Quảng-bình là Nguyễn Hựu Nghi, ký lục Quảng-ngãi là Nguyễn Huy Trinh tham bồi công việc bộ Hình, ký lục Quảng-trị là Hoàng Kim Hoán làm ký lục Quảng-bình, ký lục Quảng-đức là Lê Đồng Lý làm ký lục Quảng-trị, Nguyễn Văn Hưng lại làm ký lục Quảng-đức, cựu hiệp trấn Yên-quảng là Nguyễn Viết Kỳ làm ký lục Quảng-ngãi.

Cho phó vệ úy và cai đội hai vệ Kỳ võ, Tuyên võ thuộc điện Thanh-hòa, phẩm trật ngang với phó vệ úy và cai đội quân Thị nội, cai đội ở hai vệ Trung hầu, Nội trực quân Thị nội và ba đội Tả vệ, Hữu vệ, Nội hoàng kiếm, phẩm trật ngang với cai đội Thị trung.

Thanh-hoa bị lụt, tha giảm thuế ruộng vụ đông năm nay.

Sửa bảo Châu-đốc. Bảo vì nước lụt ngấm vào nên vỡ, thành thần đem việc tâu lên. Sai tính lấy quân dân sửa lại. Lại điều động thêm linh cơ bốn trấn và linh đồn Uy-viên, mỗi nơi đều 100 người, hợp với biên binh phái trước mà đóng giữ.

Vua lại thấy ở sau bảo nhiều đất không, sai trấn thần

Vĩnh-thanh gọi họp người Đường [Trung-quốc], người Chân-lạp, người Chà-và đến ở, lập phố chợ và khai khẩn chỗ hoang, cấm dân ta không được quấy rối.

Thồ phi ở Nghệ-an lên xuống huyện Hương-sơn; thồ hảo là Hồ Đình Vực đem dân chống đánh, bắt được đồ đảng giết đi. Cho Đình Vực làm đội trưởng, thưởng tiền hơn 100 quan.

Bỏ thuế gỗ biệt nạp cho xã Mạc-diễn (thuộc huyện Nam-đường) trấn Nghệ-an, kén dân làm lính.

Tháng 12, lấy Hàn lâm viện Phan Huy Thục và Đoàn Đức Khánh làm thêm sự Lễ bộ.

Vua từng cùng hoàng thái tử bàn về đạo trị nước xưa nay. Hoàng thái tử nhân đưa sách « Đại Thanh hội điển » tiến vua xem. Vua dụ rằng: « Ngô Đình Giới tinh nết nghiêm trang đứng đắn, hoàng tử hoàng tôn kính trọng lắm, lòng trâm rất khen. Chức trách dạy bảo thật không thể không chọn cẩn thận được. »

Ngày đinh sừu, sai hoàng thái tử yết lãng.

Ngày mậu dần tế Chạp.

Lấy phó đô thống chế Hữu dinh quân Thần sách là Nguyễn Văn Trí làm phó đô thống chế Tả dinh, tả tham tri Hộ bộ là Đoàn Viết Nguyên làm hữu tham tri Công bộ.

Trấn thủ Hà-tiên là Trần Văn Trinh chết, lấy hiệp trấn là Mạc Công-du thay.

Trần Chấn và Nguyễn Hựu Nhân từ Quảng-đông về. Vua hỏi về tình hình nước Thanh động tỉnh thế nào. Thưa rằng: « Các tỉnh yên lặng cả, duy khoảng tháng 4 năm nay ở Yên-kinh có gió to nổi bay cát tung đá, trời đất tối đen, chỉ có việc ấy là lạ thôi. »

Triệu bảo hộ Chân-lạp là Nguyễn Văn Thụy về thành Gia-định, sai tham tri Trần Văn Tuấn lãnh việc bảo hộ. Trước Thụy thay Nguyễn Văn Xuân làm bảo hộ, người Chân-lạp không thích Thụy mà xin giữ Xuân lại, gởi

thư đến Gia-định. Thành thần tâu lên. Vua dụ rằng: «Triều đình làm việc, cần hợp lòng người, người đã không muốn, không nên cưỡng ép. Nếu cưỡng ép thì gây nên hiểm khích ở chốn biên cương, không phải là kế hay. Nhưng Văn Thụy là bảo hộ đã có mệnh lệnh rồi, nay nếu không có cơ gì mà triệu về thì ra việc đổi đặt tướng ở biên cương hình như phải chiều theo tình ý người Man, sự lấn dần cũng không thể để cho lớn lên được. Nay nên lấy cơ khác triệu Thụy về mà cho Tuấn thay, để cho việc quyền nghi thay đổi hình như là bởi thành thần, mà cơ hay duỗi, cho hay lấy thì mệnh lệnh vẫn ở triều đình, như thế thì lòng khinh nhờn của dân Man có thể ngầm bề gây được». Bèn sai Tuấn đi, mật dò việc biên cương để tâu lên. Lại sắc cho thành thần từ nay chương sớ của vua Phiên dâng lên phải mở ra xem trước, cơ nên tâu sẽ tâu.

Lấy chương cơ Lương Văn Vân hành chức quản cơ Trung kiên ở Quảng Ngãi, cai cơ Đinh Công Tuyết làm quản cơ cơ Hậu kiên.

Hạ lệnh cho Gia-định và Bắc-thành từ nay tiền ba lễ (1) của thuyền buôn nước ngoài và tiền cai tàu đều đem chứa ở kho thành, hàng năm đến tháng cuối mùa đông đem sớ dâng lên, rồi xuất tiền ở kho kinh chia cho các quan. (Tiền tế cai tàu, hàng năm thu vào có khi đến hơn 8, 9 nghìn quan; năm Gia-long thứ 4 [1805] chia làm 10 thành, cho riêng văn ban và võ ban mỗi ban 1 thành, quan cai tàu 2 thành, còn 6 thành thì chia cho hoàng tử hoàng nữ, hoàng tôn, tả hữu cung tần, cho đến các quan văn võ lớn nhỏ trong ngoài, trường đà, công tính, người giám tự họ Lê họ Trịnh, gồm 10 bực. Năm thứ năm thì chia làm 10 thành, lấy 1 thành cho

1. Ba lễ: Lễ dâng hoàng thái hậu, lễ dâng vua, lễ dâng hoàng thái tử.

riêng quan cai tàu, còn 9 thành cứ theo bực mà chia cho, về sau ghi làm lệ mãi mãi; hàng năm đến tháng cuối đông hai thành nộp tiền về Kinh. Đến đây mới ra lệnh đề trừ ở thành, mà lấy tiền ở kho kinh chia cấp).

Đốc học Sơn-nam thượng là Dương VỊnh vì ốm phải nghỉ việc. Lấy tri phủ Nghĩa-hung là Nguyễn Mậu Bách làm đốc học Sơn-nam thượng.

Dựng thêm kho Bình-định, sai dân đi lấy gỗ, một gian kho cấp tiền 180 quan.

Trấn thủ Cao-bằng là Đặng Phúc Trung chết; lấy án phủ sứ Hoài-đức là Nguyễn Bá Xuyên thay.

Chánh Tuần-hải đô dinh là Hoàng Trung-đồng bị miễn chức. Binh dinh Tuần hải có người theo người Chà-và làm giặc, quan quân bắt được. Trung-đồng phải tội mất chức. Lấy phó đô dinh là Thái Vân-quý (người Thanh, theo Hà Hỷ-văn quy thuận) lãnh quân ấy.

Bỏ thuế mỏ kẽm ở An-lãng trấn Hải-dương và thuế mỏ diêm tiêu ở Tường-phong trấn Hưng-hóa. (An-lãng mỗi năm nộp thuế kẽm 720 cân; Tường-phong mỗi năm nộp thuế diêm tiêu 500 cân. Năm nay hai mỏ không có người khai cho nên bỏ thuế).

Gọi các đội thuyền Ngũ binh, Tuần thành, Tam tráng ở Quảng-bình và các vệ đội mới kén ở Quảng-trị, đến tháng giêng năm sau đều đến Kinh.

Ấm thụ cho con cháu khai quốc công thần Nguyễn Hữu Tiến là Nguyễn Hữu Tài, và con cháu Nguyễn Hữu Dật là Nguyễn Hữu Đạt, đều làm đội trưởng để coi việc thờ tự.

Nguyễn Văn Nhân và Phạm Đăng Hưng làm sách đăng sự trạng công thần Vọng-các và con trưởng cháu trưởng cộng hơn 300 người. Vua mở xem kỹ càng, chia bực cao thấp, ai được dự ơn tập ấm thì sai chua vào sách, đợi xét lại rồi sau thi hành.

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ

QUYỀN LIX

THỰC LỤC VỀ THẾ TỒ CAO HOÀNG ĐẾ

Kỷ mao, Gia-long năm thứ 18 [1819] (Thanh Gia khánh năm thứ 24), mùa xuân, tháng giêng, ngày tân sửu làm lễ xuân hưởng. Sai hoàng thái tử nhiếp tế ở Thái miếu.

Sửa đắp thành Thăng-long. Sai 5.300 người ở Ngũ quan và Tượng quan ở Bắc-thành sung làm việc, miễn cho năm nay không phải về Kinh, thưởng tiền 35.000 quan, gạo 35.000 phượng.

Hiệp trấn Sơn-nam hạ là Nguyễn Quang Huyền chết; lấy hiệp trấn Sơn-tây là Dương Công Tông làm hiệp trấn Sơn-nam hạ, ký lục là Hoàng Văn Diên làm hiệp trấn Sơn-tây. Trước bấy tôi cử Diên làm hiệp trấn Sơn-nam hạ. Vua nói: « Trấn ấy nhiều việc, quân lính của cải xuất ở đấy, so với trấn khác lại quan trọng hơn. Diên là người trong sạch có thừa mà tài năng không đủ, sợ không làm nổi, đổi cho Tông làm hiệp trấn Sơn-nam hạ mà lấy Diên thay Tông ».

Trấn thần Nghệ-an xin lấy phó đội Nguyễn Văn Phê làm quản châu châu Quy-hợp, thủ hợp Nguyễn Đức Lệ làm tri châu. Vua không cho. Hạ lệnh lấy Phê làm an thủ đồn Quy-hợp, Lệ làm hiệp thủ.

Sai trấn Vĩnh-thanh đắp hai bảo Tân-châu và Chiến-sai; lại ở thủ sở cũ Châu-đốc đắp một bảo gọi là bảo Châu-giang. Bảo đắp xong, điều động lính cơ bốn trấn hạt Gia-định, chia phiên đóng giữ. (Bảo Tân-châu 40 người; bảo Châu-giang, bảo Chiến-sai, mỗi bảo 30 người). Lấy cai cơ Võ Văn Sáng giữ bảo Tân-châu kiêm quản bảo Chiến-sai, theo quyền quản hạt của Vĩnh-thanh. Cai đội Trần Văn Ngoan giữ bảo Châu-giang, theo quyền quản hạt của Châu-đốc.

Đào kênh Thông ở Phiên-an đến sông Mã-trường, [sông Ruột ngựa]. Sai phó tổng trấn Gia-định là Hoàng Công Lý lấy dân Phiên-an hơn 10.000 người, cấp cho tiền gạo mà sai làm việc. Khi công việc xong, cho tên là sông An-thông. (Sông ở phía tây-nam trấn, trước có sông từ kênh Thông, qua Sài-gòn đến Lao-giang, xa xôi, nhỏ hẹp, quanh co, nông cạn. Đến nay đổi đường cũ, đào kênh mới, từ kênh Thông thẳng đến sông Mã-trường, dài hơn 9 dặm, ngang 7 trượng 5 thước, sâu 9 thước). Đường sông đã thông, thuyền bè đi lại ngày đêm nối nhau, bèn thành chỗ bến sông đô hội, người ta đều khen là tiện lợi.

Sai chương Tả quân Lê Văn Duyệt đi kinh lược địa phương các xứ Nghệ-an, Thanh-hoa. Lấy bọn phó đô thống chế Nguyễn Văn Trí và vệ úy Tôn thất Huy lệ theo việc binh, tham tri Lê Bá Phẩm giúp việc quân cơ, tham bồi Nguyễn Hựu Nghi sung làm giấy tờ trong quân.

Vua thấy hai trấn ấy hàng năm bị đói, dân xiêu giạt phần nhiều họp nhau làm giặc cướp, quan sở tại không thể ngăn được, bèn sai Duyệt đi, việc thường đều cho tùy tiện xử đoán, duy việc lớn thì mới tâu lên.

Chiếu dụ quan hai trấn rằng: « Địa phương các người gần đây giặc cướp hay nổi, nhân dân mắc khổ. Cần

phải một phen xếp đặt để dẹp yên cho dân được yên ổn làm ăn. Đặc sai chưởng Tả quân bình tây tướng quân quận công Lê Văn Duyệt đồng lĩnh đại binh đi kinh lược địa phương, phàm mọi cơ nghi đánh bắt chế ngự đều cho tùy nghi điều độ; tình hình của quân lính, đau khổ của nhân dân, điều lợi đáng làm, điều hại đáng bỏ, cùng những việc quan lại tham ô, tiểu dân oan uổng, cũng đều tùy việc tâu lên. Vậy bảo cho nha môn lớn nhỏ ở địa phương các người nên cẩn thận chức vụ mà làm việc như cũ ».

Lại dụ dân chúng hai trấn rằng : « Một ấp mười nhà, tất có người trung tín, hưởng chi là hai trấn lớn ! Thanh-hoa vốn tiếng là hiếu nghĩa, lại là nơi quê hương của nhà vua. Nghệ-an tục chất phác, dân thuần hậu, cũng là quận tay chân của trẫm. Gần đây lụt hạn luôn luôn mà sinh đói kém, tuy triều đình đã nhiều cách cứu chữa, thường ban ơn xá miễn, nhưng mà cùng khốn chữa lâu, dân đau chưa lại, đến nỗi dân hèn nghèo ngặt quá họp nhau làm trộm cướp, quấy rối xóm làng, trẫm nghĩ rất thương. Vậy đặc sai kinh lược đại thần đi kiểm xét quan lại, thăm giúp nhân dân, gọi họp dân xiêu giạt, xét xử nỗi oan uổng, ai qui phục theo mệnh thì không bắt tội chết, ai thuận tòng ra sức thì khuyến để hưởng vui, cốt sao yên ủi vô về, uốn nắn giúp đỡ, để đưa đến chốn an toàn mà thôi ».

Cho con cai bạ Biên-hòa Võ Công Chấn là Võ Công Tân sung Cống sĩ viện.

Tiết Vạn thọ, cho hoàng thái tử và các tước công hoàng tử hoàng thân ăn yến ở điện Cần-chánh, các quan văn võ ăn yến ở nhà tả vu hữu vu.

Vua thung dung cùng hoàng thái tử bàn về chính sự của đế vương các đời, đến khi mặt trời xế bóng mới thôi.

Lấy phó vệ úy vệ Hùng cự nhị Tượng quân là Tống Văn Sở làm vệ úy, cai đội Thị nội là Trương Công Tuyên làm phó vệ úy vệ Trung hầu, quản tám đội Trung hầu (từ đội 2 đến đội 9), kiêm quản ba đội Chấn uy.

Biên bổ đội Tân nhất làm mười đội của vệ Trung cần Thị nội.

Cho vệ úy ba vệ Thị tượng nhất nhị tam quân Thị nội trật tòng nhị phẩm, phó vệ úy trật chánh tam phẩm, cũng như chánh phó vệ úy quân Thị trung.

Cho con cháu nhà Lê là Lê Duy Thản (con Lê Hiền tông) làm cai cơ giám thủ việc thờ tự nhà Lê. Duy Khải ốm chết, nên lấy Thản thay.

Lấy phó vệ úy vệ Hữu bảo nhị Hữu quân là Nguyễn Văn Xuân làm vệ úy, phi kỵ úy Ngô Công Chính làm phó vệ úy, cai đội Tượng quân Nguyễn Văn Chức làm quản cơ cơ Bình tượng, Nguyễn Văn Thị làm quản cơ cơ Thịnh tượng, Trương Văn Hán làm quản cơ cơ Trung tượng, cai cơ Nguyễn Văn Bàn làm quản cơ cơ Tiền kích, trưởng hiệu Nguyễn Sĩ Lịch làm phó quản cơ, Lê Công Trục làm phó quản cơ cơ Trung kích, Nguyễn Hữu Diên làm phó quản cơ cơ Tả kích.

Tổng trấn Bắc-thành Lê Chất lại xin về Kinh để vào châu. Vua dụ rằng: « Công việc ở thành còn nhiều, hãy để cho người vài tháng mưu tính xếp đặt, sẽ cho triệu cũng chưa muộn ».

Đào cho Vững Cù [Cù áo] ở Định-tường thông với sông Mỹ-tho. Sai trấn thủ Nguyễn Văn Phong lấy hơn 9.000 dân làm việc, hàng tháng cấp cho tiền gạo đầy

đủ. Vài tháng công việc xong, cho tên là sông Bảo-định. (Cửa sông gổi vào sông Hưng-hòa, cách phía đông-bắc trấn thành 47 dặm rưỡi. Năm trước, sông nhỏ Vững Cù chảy đến quán Gai, sông nhỏ Mỹ-tho chảy đến chợ Phú-lương, quãng giữa hai sông ruộng đất nam bắc nối liền. Triều Hiền tông, thống suất Nguyễn Cửu Vân đi đánh Chân-lạp, đã từng đóng quân ở đấy, đắp lũy dài từ quán Gai đến chợ Phú-lương, đào chỗ tận cùng của sông Vững Cù và sông Mỹ-tho cho liền nhau, dẫn nước làm hào bên ngoài, sau nhân dòng nước khơi sâu xuống, cho thành đường kênh. Nhưng đông tây dài xa, nhiều chỗ quanh co nhỏ hẹp, bùn cũ ứ đọng, lâu ngày cạn lấp, thuyền không đi được. Đến nay mới nhân lối cũ mà đào sâu rộng thêm, hoặc khai kênh mới cho liền nhau, dài chừng 14 dặm, ngang 7 trượng 5 thước, sâu 9 thước). Từ đấy dòng sông thông cả, người đều được tiện lợi.

Tháng 2, ngày tân mùi, tế Trời Đất ở đàn Nam giao. Sai hoàng thái tử nhiếp tế.

Cho tham hiệp Hà-tiên là Phạm Nhữ Đăng làm hiệp trấn.

Tham hiệp Sơn-tây là Trần Văn Phận ốm phải nghỉ việc. Lấy tri phủ Quảng-oai là Phan Hữu Nhượng làm tham hiệp Sơn-tây.

Triệu ký lục Quảng-nam là Nguyễn Xuân Tinh về Kinh. Lấy Cần-chánh điện học sĩ Hồ Công Thuận làm ký lục Quảng-nam.

Ngày đình sừ, sửa lại Thái miếu. Sai bọn Trương Tiến Bửu, Nguyễn Văn Vân, Nguyễn Khoa Minh trông coi công việc. Thưởng linh và thợ 5.000 quan tiền. Quan thi thưởng tiền bổng 1 tháng.

Sửa đồ thờ ở các miếu.

Lê Văn Duyệt đã đến Nghệ-an, tuyên bảo uy đức của triều đình, hỏi thăm nỗi khổ của nhân dân. Bọn giặc cướp nghe tin tan vỡ, hoặc đến cửa quân xin thú, hoặc bị quan quân bắt giết, trong cõi nghiêm hẳn.

Duyệt dâng sớ nói: « Dân Nghệ-an điêu hao quá lắm. Xét về cơ đến nỗi như thế thì có hai mối là quan thì không có tài năng vô tri, lại thì đua nhau tham lam tàn ngược. Dân di trộm cướp, là do đẩy cả. Xin chọn quan trấn khác để vỗ yên dân. Lại tha cho thuế đã giục, dừng hẳn công dịch, để thỏa lòng mong mỏi của dân ». Vua đều theo lời. Chiếu tha tô thuế năm nay và thuế thiếu năm trước. Phàm ở trấn những công việc không cần kíp, hết thấy đều thôi. Chiếu ban xuống, dân rất vui mừng. Rồi sai trấn thủ Trần Văn Năng theo Duyệt làm việc quân, triệu hiệp trấn Nguyễn Văn Lễ về Kinh, lấy Nguyễn Văn Trí, Lê Bá Phẩm quyền làm việc trấn.

Duyệt lại nói: « Một cõi Nghệ-an, thổ phỉ tuy đã quét sạch, mà dân cũng còn nhiều người xiêu tán, xin ra lệnh miễn cho lính trốn không phải điền, miễn cho thợ thuyền khỏi phục dịch, thì dân sẽ yên ».

Vua giao sớ chương ấy xuống, đình thần bàn cho rằng: Binh và thợ, hai việc ấy nhà nước đã có phép sẵn, không nên nhất khái cho miễn cùng với tô thuế.

Vua cho là phải. Chiếu bảo Duyệt rằng: « Xem việc người đã trình bày, thật biết thể tất ý chăm lo thương xót của trẫm. Nhưng việc dùng binh và thợ không thể thiếu được, nếu dùng mà không hại dân thì cũng không tổn hại gì đến nhân chính ».

Lưu Phước Tường, Lê Đắc Tần, Trần Bá Bảo có tội bị giết.

Chiếu dụ quân dân Vĩnh-thanh rằng: « Trấn các người ở nơi biên giới, làm phen giậu cho nước. Khi quân mới dấy, thật là nơi chịu chiến tranh. Trẫm lấy việc yên dân

làm trọng, cho nên không xem việc dùng người là nhẹ. Phàm các quan giữ việc chần dân đều kén chọn thận trọng cả. Không ngờ lũ Tường lại chăm làm lợi riêng, phá nát phép chung, khinh bỏ đạo làm quan, tội ác quá trong luật định, mưu gian ra ngoài ý nghĩ. Trẫm nghĩ một phương các người gặp bọn quan lại hư hỏng ấy làm hại, lấy làm bùi ngùi lắm. Tiền dân có thể đền được, mà khổ sở lâu ngày khó chữa; sức quân có thể thư được, mà lòng giận chúng khó hết; việc đã như thế, duy có thi hành phép nước đề nghiêm qui chế làm quan, trừ bọn một gian đề thỏa tâm chí dân chúng. Nay bọn Tường đều đã chịu tội ở dưới búa rìu, đã sai thành thần tịch thu gia sản, thu tang trả lại dân. Pháp luật 3 thước (1), trăm cùng trăm họ các người cùng theo chưa từng dung túng kẻ gian, để làm hại các người. Vậy nay bá cáo, để biết ý trẫm».

Tháng 3, xây mặt sau kinh thành, lấy các quân làm việc.

Dụ rằng: «Việc xây thành là quan trọng lớn lao, của công tiêu tốn rất nhiều. Trong lúc xuất ra thu vào, kẻ thuộc lại không tốt dễ nhân đấy làm tệ. Trước đây phát ra cái án lại dịch xâm phạm lấy trộm của công, tội tự nó làm ra, phép không thể dung được. Nay phải răn bảo nghiêm ngặt, các người quản suất và giám lâm chủ thủ đều phải răn bảo người thuộc quyền mình. Phàm tất cả vật liệu, cần phải thực chi thực dùng, ai dám thông đồng phù lạm gian dối, tuy tội hao thiếu của công là nhỏ, mà tội tổn hại việc xây thành là lớn, người phạm không kể số tang nhiều hay ít, đều theo quân luật trị tội nặng».

1. Pháp luật xưa biên ở cái thẻ 3 thước.

Sai tham tri Hình bộ là Võ Đức Thông sung đề điệu trường thi Nghệ-an; ký lục Quảng-bình là Hoàng Kim Hoán sung giám thí, tham tri Lễ bộ là Bùi Đức Mân sung đề điệu trường thi Thanh-hoa, tham bồi Hình bộ là Nguyễn Huy Trinh sung giám thí. Lấy đồ hương cống 30 người. (Trường Nghệ-an, Nguyễn Công Trứ, Đặng Huy Thuật, Hồ Minh Tĩnh, Nguyễn Năng Tĩnh, Hồ Sĩ Lâm, Lê Sĩ Thường, Nguyễn Chương Đạt, Bùi Văn Tán, Nguyễn Huy Triêm, Nguyễn Hữu Tố, Lê Hữu Tuệ, Nguyễn Đức Hiền, Phan Bá Đạt, Nguyễn Bùi Nhã, cộng 14 người. — Trường Thanh-hoa, Trần Lê Hiệu, Trịnh Tần, Nhữ Đình An, Lê Quốc Thạc, Lê Dục Đức, Trần Văn Tự, Bùi Trịnh Dự, Trần Thổ, Thang Huy Thận, Hà Duy Phiên, Nguyễn Ái, Nguyễn Phổ, Văn Như Kỳ, Lê Thanh, Lê Cảnh, Nguyễn Biểu, cộng 16 người).

Dồn bổ ba đội Thường hầu, sáu đội Túc trực làm các đội Nội hầu, đổi cho lệ vào quân Thị nội. (Thuộc nội Nội hầu trước đặt bốn đội, đến nay lấy ba đội Thường hầu bổ làm các đội Nội hầu ngũ, lục, thất, sáu đội Túc trực làm các đội Nội hầu bát, cửu, thập, thập nhất, thập nhị, thập tam).

Hạ lệnh cho Bắc-thành hàng năm cấp tiền thóc cho họ Trịnh. Trước đây ân cấp tự điền 500 mẫu, khiến thu thóc 333 học, tiền 75 quan. Đến nay họ Trịnh xin khiến dân đúng theo số ấy nộp vào nhà nước, rồi nhà nước cấp riêng cho. Vua y lời xin.

Dinh thần Quảng-đức tâu rằng linh dinh có ít, xin mộ ba đội thuộc binh, đề sung sai phái. Vua y cho.

Sửa viên tằm của Anh duệ hoàng thái tử.

Lấy ký lục Quảng-nam là Nguyễn Xuân Tình làm Cần-chánh điện học sĩ sung chánh sứ đi cống nước Thanh (hai lễ cống năm đinh sừu và năm kỷ mao), đốc

học Quảng-nam là Đinh Phiên làm Đông-các học sĩ, tri phủ Nam-sách là Nguyễn Hựu Bình làm Hàn lâm thi độc, sung giáp ất phó sứ.

Tổng trấn Bắc-thành Lê Chất đi kinh lược Kinh-bắc. Cai đội bảo Mỹ-nương là Hồ Tiến Lộc cho quân nghỉ việc. Chất biết được tình trạng, đem chém, rồi đem việc ấy tâu lên. Vua nói rằng: « Phép là như thế », rồi để đấy.

Hiệp trấn Thái-nguyên là Trần Đình Trưng ốm phải nghỉ việc. Lấy thêm sự Hình bộ là Nguyễn Kim Phương thay.

Lấy hương cống đời Lê là Nguyễn Quốc Bảo làm đốc học Quốc tử giám, Nguyễn Huy Tá làm phó đốc học, Nguyễn Tiêm làm đốc học Quảng-nam.

Triệu phó tướng Tả quân lãnh trấn thủ Vĩnh-thanh là Nguyễn Văn Xuân về Kinh; lại lấy thống chế Nguyễn Văn Thụy lãnh trấn thủ Vĩnh-thanh. Trước đây bảo hộ Chân-lạp là Trần Văn Tuấn đã đến thành Nam-vang, thấy vua Phiên là Nặc Chấn bỏ trễ nhiều việc, quan Phiên mang lòng ngờ nhau, dâng biểu tâu lên. Vua thấy Xuân đã từng làm bảo hộ, biết kỹ tình hình người Man, triệu vào chầu. Khi đến hỏi về việc Chân-lạp, Xuân thưa rằng: « Nặc Chấn nhu nhược, chính sự do ở chức chiêu-chùy. Nay chiêu-chùy chưa được người giỏi, bọn ốc-nha không thể sai bảo nhau, cho nên ngờ nhau. Nếu sai chọn một người ốc-nha làm chiêu-chùy để cho việc có đầu mối thì nước sẽ yên ».

Vua cho là phải. Sắc cho thành thần Gia-định viết thư đem ý ấy dụ Nặc Chấn. Rồi Nặc Chấn dâng biểu cho ốc-nha Tôn-la-kha Đồng-phù làm Chiêu-chùy.

Người Sơn-tây là Nguyễn Mão giả xưng là con cháu nhà Lê, mưu nổi loạn. Thổ hào là Võ Đăng Quý dùng kế bắt được. Sai giết đi. Thưởng Đăng Quý 200 quan tiền.

Lê Văn Duyệt đến Thanh-hoa, dâng sớ nói về nỗi khổ của dân gian. Vua bèn sai tha thuế thiếu cho Thanh-hoa và Thanh-binh. Chiếu rằng: «Trấn đạo các người liền năm bị tai dịch, đói kém dồn dập; lại thêm giặc cướp tứ tung, thường làm hại dân. Trẫm nghĩ đến chỗ nương tựa của dân, thường đề tâm giữ gìn yên ổn, còn sợ trong đó chưa làm hết việc lợi, chưa trừ hết việc hại, cho nên sai trọng thần đi kinh lược, đề định yên chỗ ở của các người. Nay xem tâu bày bệnh khổ của dân gian, rất lấy làm thương xót. Vậy thuế ruộng, thuế thân, thuế sản vật còn thiếu từ năm Mậu dần về trước, hết thảy đều tha. Dân sở tại xiêu tán trở về thì miễn thuế ruộng, thuế thân và binh đao trong 3 năm ».

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, tế hạ hưởng. Sai hoàng thái tử nhiếp tế ở Thái miếu.

Quảng-nam, Quảng-ngãi hạn. Giảm thuế ruộng năm nay cho Quảng-nam 8 phần 10, Quảng-ngãi 5 phần 10.

Triệu tổng trấn Bắc-thành Lê Chất về Kinh. Chất đến Vua hỏi về việc ở thành, yên ủi vỗ về giờ lâu. Chất nhân lấy cơ có mẹ già xin về thăm. Vua y cho.

Bắt đầu đắp lũy dài ở đạo Bình-man thuộc Quảng-ngãi. Lính sáu cơ Kiên đóng thú thì cấp cho lương tháng. (Ngoài lũy trồng tre, dưới ngăn bằng hào, phía bắc đến Già-tiền, giáp phủ Thăng-binh dinh Quảng-nam; phía nam đến Đồng-xanh, giáp phủ Hoài-nhân trấn Bình-định. Địa giới dài 37.479 trượng. Lính cơ đóng thú giữ 115 bảo, mỗi bảo 10 người, cộng 1.550 người, mỗi người cấp lương tháng 1 phương gạo).

Lấy Tôn thất Điều và Tôn thất Hoan làm đội trưởng hai đội Tư phụng.

Chuẩn định từ nay phàm thuyền nhà nước từ ngoài biển sắp vào cửa biển Thuận-an, nếu gió nước không

tiện thì người án thủ Trấn-hải đài dương treo cờ đỏ ở trên đài trước và bắn hai tiếng súng để báo cho phóng thẳng đi. Định làm lệ mãi mãi. Lại sai truyền khắp cho các thuyền hiệu của Thủy quân biết.

Tháng 4 nhuận, hạ lệnh cho Nghệ-an, Thanh-hoa, Thanh-bình làm hộ tịch.

Chiếu rằng : « Sửa sang việc nước, giữ gìn nhân dân, tự có sổ sách. Người đến tuổi thì vào sổ, người già yếu thì thải ra, như thế là dễ biết rõ nhiều người hay ít người, chia đều thuế má và dao dịch. Trước đây năm đình mào đã ra lệnh cho các trấn Bắc-thành đổi sổ thường hành cũ mà làm sổ đình, duy trấn đạo các người chưa kịp làm. Nếu nay cứ nhân tuần không đổi thì dân phải chịu nặng riêng, lấy gì sinh sống yên nghỉ ! Vậy ra lệnh cho các phủ huyện xã thôn, đều xét số người, từ chức sắc đến quân dân, đăng hết vào sổ. Đến như bốn huyện Tương-dương, Vĩnh-hòa, Hội-nguyên, Kỳ-sơn thuộc phủ Trà-lân, bốn huyện châu Thọ-xuân, Lang-chánh, Quan-gia, Tàm-châu thuộc phủ Thanh-đô, hai huyện Thạch-thành, Cẩm-thủy thuộc phủ Thiệu-hóa, động Hàm-man thuộc hai châu Trình-cụ và Sơn-thôi, huyện Lạc-thổ thuộc phủ Thiên-quan, cùng bảy tổng miền thượng đạo huyện Quỳnh-lưu, sáu vạn ở mặt nước thuộc huyện Đông-thành, đều cho vẫn để sổ cũ, không phải đổi làm sổ mới ».

Lại chiếu dụ dân chúng rằng : « Đình lấy sổ mà định, là muốn những người dân đình cùng khổ đều được trên soi xét suốt, chứ không phải lấy đấy để thêm bớt thuế khóa đâu. Trăm họ các người phải nên theo sự thực đăng vào sổ, chớ có cứ quen thói cũ, lấy bớt sổ đình làm lợi mà làm gian dối, hại chính trị. Điều cấm rất nghiêm, thêm bớt một suất đình rất nhỏ, nhưng có hình

pháp ba thước ở đây, phải răn bảo nhau, chớ phạm pháp luật. »

Lê Văn Duyệt dâng sớ nói : « Làm sớ đình là việc lớn của nhà nước, hễ dùng được người thì là tốt, dùng không được người thì sinh tệ. Nay theo pháp lệnh, dân mà đối trá ần lậu thì có tội, ai đem tố giác thì có thưởng, khuyến răn rõ lắm. Nhưng tránh nặng cầu nhẹ, là thường tình của người. Điều cấm dẫu nghiêm, nhưng thế tất không ngăn hết được. Nếu có thú lệnh hiền để vâng làm mệnh lệnh thì còn khá; nếu không thế thì sớ thường hành cũ đã lo rằng không đều, mà sớ mới làm này lại có thể không đều hơn nữa. Nay các quan trấn đạo phủ huyện có nhiều người già ốm yếu đuối cầu thôi việc, xin xét nơi nào khuyết thì chọn bổ ngay. » Tờ sớ dâng lên. Vua y lời tâu.

Thồ tù ở Thanh-hoa và Thanh-bình là bọn Nguyễn Đình Giá, Quách Tất Thúc và Đình Thế Đội đến quân thứ Lê Văn Duyệt đầu thú. Duyệt làm sớ tâu lên, lại nói : « Sơn man ở chỗ đất xấu, dẫu người ít đến, bọn trốn tránh lấy chỗ ấy làm nơi đi về. Muốn cử đại binh đến tiêu trừ, thì khi quan quân đến bọn nó đã trốn mất rồi. Muốn đóng thú để giữ đất, thì núi khe lam chướng, không thể ở lâu được, cho nên các triều trước đều cho là mọi rợ mà để cách ra. Nay uy trời lừng lẫy đến mọi nơi, bọn nó tự bó thân về theo mệnh. Xin nhân lúc chúng thay đổi ngoài mặt mà vô yên bằng đức, khiến cho chúng đổi cả lòng. Lại các tên giặc đầu hàng đều xin ra sức làm việc để chuộc tội. Xin chia ra cho lệ vào thuộc quân để sai vát việc binh, ai có công thì dùng, ai quen thói xấu thì giết. Đó cũng là một chước chế ngự quyền nghi ».

Vua xem biểu khen là phải. Hạ lệnh tha tội cho bọn Đình Giá. Chiếu rằng : « Bọn các người trái giáo hóa đã

lâu, vốn đáng trừng phạt. Nhưng nghĩ các người là mọi rợ, không dùng uy ngay, khoan cho các người tự tân khiến cho đều được nuôi nấng. Gần đây sai quan đại thần đi kinh lược, chuyên việc vỗ yên dân chúng, chứ bọn tù trưởng nhỏ mọn như các người vốn không cần hỏi đến. Nay đã hối tội đầu hàng, tình cũng đáng tha, đặc biệt chuẩn cho rửa sạch lỗi trước, cố gắng mưu sự lành sau, để giữ sau này trọn vẹn ». Lại cho Đinh Giá làm phòng ngự sứ, Tất Thúc làm phòng ngự đồng tri, bọn Thế Đội 9 người làm phòng ngự thêm sự; thưởng cấp áo tiền đều theo thứ bậc.

Trấn thủ Thái-nguyên là Nguyễn Công Đát ốm phải nghỉ việc. Lấy quan phủ Ứng-hòa là Phan Văn Hải làm trấn thủ Thái-nguyên.

Triệu đô thống chế lãnh trấn thủ Nghệ-an là Trần Văn Năng và tham tri quyền biện trấn vụ là Lê Bá Phẩm về Kinh. Lấy phó tướng Tả quân là Nguyễn Văn Xuân lãnh trấn thủ Nghệ-an, tham bồi Hình bộ là Nguyễn Huy Trinh làm hiệp trấn.

Lấy vệ úy vệ Nghiêm uy quân Thần sách là Lê Viết Quý làm trấn thủ Kinh-bắc, phó thống Tả đồn Tiền quân là Hoàng Văn Nhị làm án phủ sứ Hoài-đức, thuộc nội cai đội Lê Tiến Kế quản Đồ gia ở Bắc-thành.

Dời thủ sở Phong-kha-minh (ở hạ lưu sông Bát-chiên, cách đạo Tuyên-uy 37 dặm) đến Thông-bình (cách đồn Phong-kha-minh 101 dặm), thủ sở Thông-bình đến Da-giang (ở thượng lưu sông Bát-chiên, làm giới hạn cực tây của Định-tường). Dụ trấn thần Định-tường rằng: « Buổi quốc sơ mở đất, nhân dân còn ít, đặt ra thủ Phong-kha-minh là để làm giới hạn giữa người Hán [Việt] và người Di. Nay nhân dân sinh tụ ngày nhiều, ruộng đất khai khẩn, hơn hẳn đạo Tuyên-uy. Nếu cứ nhân cũ mà

đặt thủ sở xét hỏi người đi lại thì lại làm nhiều cho dân. Vậy đã bàn dời đi, khiến cho cùng ứng với đạo Tân-châu ở Tiền giang đề tiện việc thông báo ».

Người Man bảy sách Cam-lộ vào cống. Hạ lệnh từ nay bảy người sa trưởng chia làm hai ban, đều lấy kỳ tiến cống vào châu.

Huyện Quỳnh-lưu trấn Nghệ-an đất sụt. (Ngày hôm ấy giờ mao, sắc trời tạnh sáng, bỗng nhiên trên không có tiếng như sấm, đất ruộng sụt xuống, nước mặn vọt ra, chu vi 60 thước, sâu 6 thước).

Ngày tân sửu, vua ra cửa biển Thuận-an; ngày quý mao, ra cửa biển Tư-dung; ngày bình ngọ trở về.

Tháng 5, sửa điện Hoàng-nhân.

Khởi phục cho Trần Văn Thìn làm cai cơ. Thìn trước làm trấn thủ Thái-nguyên, có tội mất chức. Vua thấy Thìn là người lão luyện về việc quân, cho nên lại dùng khiến theo Bắc-thành sai phái.

Sở đình ở Nghệ-an, đình số kém đi nhiều. Sở thường hành cũ thì đình số 130.000 người, năm ngoài dân xiêu tán nhiều, hiện số là 110.000, đến nay lại giảm hơn 20.000 người. Lê Văn Duyệt ở Thanh-hoa nghe tin đem việc tâu lên trước.

Chiếu trả lời rằng: « Làm lại sở đình là triều đình muốn biết rõ số dân nhiều lên hay hụt đi mà thôi, không bắt buộc phải nhiều thêm. Nhưng Nghệ-an là một trấn lớn, sao đến nỗi điều hao lắm như thế? Đây là thường tình của dân tránh chỗ nặng đến chỗ nhẹ, mà quan lại phụng hành thì bất lực thôi. Người nên đốc thúc, cho xứng ý trẫm ».

Việc xây mặt sau Kinh thành làm xong. Thưởng các quân hơn 143.000 quan (bình 14.336 người, mỗi người thưởng tiền 10 quan). Quan thì thưởng 5 tháng bổng.

Sửa điện Thái-hòa, điện Cần-chánh, điện Trung-hòa, nhà Quang-minh, nhà Trinh-minh.

Dựng thêm hai kho Quảng-thịnh, Quảng-chừ.

Hiệp trấn Sơn-nam hạ là Dương Công Tông chết ; lấy hiệp trấn Sơn-tây là Hoàng Văn Diên làm hiệp trấn Sơn-nam hạ, hiệp trấn Sơn-nam thượng là Ngô Huy Viên làm hiệp trấn Sơn-tây, hiệp trấn Lạng-sơn là Trương Công Vỹ làm hiệp trấn Sơn-nam thượng, thêm sự Hình bộ là Nguyễn Thận Ngôn làm hiệp trấn Lạng-sơn.

Lấy tri phủ Quốc-oai là Trần Nhật Vĩnh và câu kê Nguyễn Hữu Hiệu làm Hình bộ thêm sự sung biện Hình tào Bắc-thành.

Lấy cai cơ Vọng-các là Phan Văn Hóa làm quản thủ đạo Đông-khẩu.

Lấy phó vệ úy vệ Hậu bảo nhất Hậu quân là Phạm Tiến Thụy làm vệ úy, cai cơ Nguyễn Công Khương làm phó vệ úy, cai đội Nguyễn Văn Truyền làm phó vệ úy vệ Hậu bảo nhị, cai cơ Phạm Văn Lượng làm phó vệ úy vệ Hùng dũng.

Lại cho cai cơ Nguyễn Văn Hưng làm chưởng cơ, văn thống quản mười cơ Hùng Dũng của Tả quân.

Tháng 6, dựng Phu-văn lâu. (Trước đặt bảng đình, các chiếu thư dụ chỉ đem bá cáo thì treo yết ở đó, đến nay mới dựng lâu).

Phúc-long công là Tôn thất Thăng mất. Thăng là người rất thân của vua, kính yêu không ai bằng, vua gọi là quốc thúc công, mỗi khi đến ra mắt riêng, vua đứng dậy, mời ngồi sập ngự. Thăng cố từ, nói rằng: «Trời không có hai mặt trời, thần Thăng sao dám

đương». Vua sai giải chiếu xuống đất cùng ngồi. Khi ra vua đứng dậy đưa chân. Vua đối với Thăng đãi ngộ càng long trọng, Thăng giữ lễ lại càng cẩn thận, trước sau hơn hai chục năm, thường như một ngày. Bầy tôi là bọn Nguyễn Văn Nhân, Lê Văn Duyệt thường cùng nói với nhau rằng: «Ơn thân người thân của Hoàng thượng ta, đức khiêm tốn của Quốc thúc công, xưa nay ít thấy». Đến nay Thăng mất, vua đau thương mãi. Dùng lễ tang thân vương của nhà Tống, nghỉ chầu 5 ngày, cho thụy là Hòa tĩnh, chi của công để trị tang, sai hoàng tử Định-viên công là Bình dụ tế. Lại bảo bộ Lễ rằng: «Quốc thúc công ở trong nhà là người tuổi già có đức, ở ngoài nước là bề tôi công đầu, nay chẳng may tạ thế, con hãy còn nhỏ, đợi khi tuổi lớn, bàn cho tập tước để nối việc thờ tự».

Đổi sách Thanh-lãng ở Nghệ-an cho lệ vào dinh Quảng-binh. (Thanh-lãng lệ chịu thuế nguồn là 3 cân sáp ong, 3 cân mật ong, 8 quan tiền, 6 người linh thổ. Đất ấy phía bắc đến châu Quy-hợp trấn Nghệ-an, đường núi hiểm xa, phía đông đến châu Bố-chính ngoài dinh Quảng-binh, đường thủy đường bộ đều đi thông được).

Lấy ký lục Phiên-an là Ngô Văn Đức làm thêm sự Hộ bộ, sung làm việc Hộ tào thành Gia-định.

Châu Sầm-tứ xin nội thuộc, châu có 10 động (Sầm-man, Phật-trình-di man, Bang-man, Bao-man, Nhân-man, Phụng-ban-man, Quyên-man, Cấn-man, Tu-cổ man, Trình-man), trước thuộc nước Vạn-tượng, nhân Lê Văn Duyệt đi kinh lược Thanh Nghệ, thống lĩnh thượng đạo Hà Công Thái sai người đến dụ. Bấy giờ tù trưởng Man là Phia (quan man) Xi (họ mán) Vu-hâm

(tên người) tự đến quân thứ của Duyệt xin quy phục. Duyệt đem việc tâu lên. Vua y cho. Rồi cho con Công Thái là Công Quỳnh làm cai đội, trật tòng ngũ phẩm.

Đặt ký phủ, tư huyện, tư châu ở Gia-định. Phàm người buôn ngoại quốc đến ở Gia-định thì biên mà cai quản.

Chuẩn dinh từ Quảng-bình về Nam phàm thuyền dân đi buôn ở Hạ-châu [Tân-gia-ba] thì đánh thuế, lấy thuyền lớn nhỏ làm bậc. (Thuyền ngang 9 thước, mỗi thước tiền thuế 20 quan; 10 thước trở lên, mỗi thước tiền thuế 30 quan; 1 tấc trở lên thì tính chiết mà thu, phân ly trở xuống đều miễn).

Sửa đều Hiến trung ở Gia-định.

Lấy Đỗ Phúc Thịnh làm giám thành phó sứ, quản suất vệ Giám thành và cục Hội thành.

Bồi đắp đập Hà-trung (tên xã), miễn 3 tháng dao dịch cho dân xã ấy.

Bãi lính trú phòng ở các bảo ven núi thuộc Quảng-bình, lấy lính thổ để đóng thú.

Đặt chi Thanh-thuận ở Thanh-hoa, cơ An-thuận ở Nghệ-an. Bọn giặc cướp ở Thanh Nghệ ra thú hơn 900 người. Lê Văn Duyệt tâu xin tha tội, biên bổ làm linh, quê ở Thanh-hoa hơn 420 người làm chi Thanh-thuận, quê ở Nghệ-an hơn 480 người làm cơ An-thuận, lệ vào hai trấn.

Lấy Quách Tất Công, Quách Tất Tại làm phòng ngự thêm sự. Công Tại đều là con Quách Tất Thúc, theo quân thứ của Lê Văn Duyệt. Duyệt nhân xin cho quan chức, sai coi dân bốn xã Sơn-âm, Chân-lại, Trường-môn, Bằng-lương, phụ giữ bảo Chi-nê.

Lấy câu kê Thị hàn viện là Trần Chính Đức làm thêm sự Hộ bộ, cựu tri huyện Lê Đại Cương làm

thiêm sự Binh bộ, sung biện Hộ tào và Binh tào Bắc-thành. Lại sai Chinh Đức kiêm quản cục Bảo tuyền, Đại Cương kiêm làm giấy tờ ở thành.

Tù trưởng man Thỏ-lỗ là Chiêu Ngọa cầu nội phụ. Dinh thần Quảng-bình dịch thư đề tâu lên. (Trong thư nói rằng tiên tổ trước ở Mộng-sơn, lúc quốc sơ vẫn giữ chức cống gần đây vì tù trưởng Lào là Phạn-a xâm lấn, mới bỏ đất ấy mà đi, đến nay lại về, xin giữ lễ cống của người Man như cũ).

Vua cho là man núi xa xôi, hạ chiếu khước đi.

TIMSACH.COM.VN

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN

ĐỀ NHẤT KỶ

QUYỀN LX

THỰC LỤC VỀ THỀ TÔ CAO HOÀNG ĐỀ

Kỷ mao, Gia-long năm thứ 18 [1819], mùa thu, tháng 7, ngày mồng 1, tế thu hưởng. Sai hoàng thái tử nhiếp tế ở Thái miếu.

Sai thượng thư Lại bộ là Nguyễn Hữu Thận, làm đề điệu trường thi Quảng-nam, cai bạ Bình-định là Võ Xuân Cẩn làm giám thi, tham tri Lại bộ là Ngô Vị làm đề điệu trường thi Gia-định, cai bạ Phú-yên là Trần Văn Đại làm giám thi. Lấy đồ hương cống 29 người (Trường Quảng-nam: Nguyễn Đăng Ngạn, Đoàn Bá Trinh, Nguyễn Thành, Phan Nhật Thanh, Lê Huệ, Thân Văn Duy, Trần Văn Nhiệm, Phạm Đình Học, Trương Đăng Quế, Đinh Doãn Trung, Nguyễn Khắc Biểu, Doãn Văn Xuân, Võ Đĩnh, Nguyễn Xuân Hải, Nguyễn Văn Điền, Ngô Trọng Vỹ, Nguyễn Nhân Lý, cộng 17 người. Trường Gia-định: Trương Bảo Hợp, Đặng Văn Nguyên, Đặng Văn Mô, Trương Minh Giảng, Ngô Phúc Hội, Mai Thăng Đường, Nguyễn Công Hoán, Hoàng Văn Tú, Hồ Hựu, Bùi Tăng Huy, Chu Kế Thiện, Trần Vĩnh Lại, cộng 12 người).

Học trò trường Gia-định, mới thi kỳ đệ nhất, cho đầu bài khó, làm náo động vì (1) muốn ra. Quan trường

1. Vi là khu học trò ngồi thi.

là Ngô Vị và Trần Văn Đại ra đầu bài khác, mới lại yên. Đến lúc thi xong, học trò kiện ở thành nói hàng trúng tam trường có người giấu tang đi thi, có người mượn người làm bài. Các lại phòng thẻ sát mật sát lại vạch ra việc Vị và Đại chia quyền chăm riêng, và cùng họp nhau với bọn sung biện trường vụ là ký lục Lê Chấn, đốc học Cao Huy Diệu, phúc khảo Vũ Hành đề đánh bạc. Thành thần đem việc tâu lên. Giao xuống đình thần bàn. Bọn Vị vi tội cố ý trái trường qui, đều phân biệt phải đánh trượng; Huy Diệu phải đổi. Người học trò giấu tang đi thi phải tội đồ; người mượn làm bài và người làm thay đều phải tội sung quân.

Chương cơ quân tàu Thủy phượng là Nguyễn Văn Thăng xin nghỉ về Tây. Thương cho bổng hai năm mà cho về.

Tha thuế diêm tiêu và thuế thân cho dân đội Hùng diêm trấn Bình-định. Dân đội Hùng diêm trước bỏ 600 người vào vệ Hùng dũng đi thú Bắc-thành, đều đã miễn thuế, còn những người ở quê chưa được miễn. Đến nay hạ lệnh từ năm nay về sau tha cho cả, để cho người ở nhà và người đi làm việc cùng giúp đỡ nhau, đợi sau khi bãi thú về làng sẽ chịu thuế như lệ.

Lấy quân cơ cơ Thịnh tượng của Tượng quân là Nguyễn Văn Thịnh làm phó vệ úy vệ Thị tượng nhất quân Thị nội.

Biếm lưu thủ Quảng-bình là Phan Văn Thúy làm cai cơ Thị trung, cai bạ Nguyễn Văn Quang làm thêm sự Hình bộ. Thuyền hộ ở Quảng-bình có tên Khánh ngầm giết lái buôn người Thanh là bọn Chu Bang-ký và Lương Hữu-ký ở ngoài biển Nghệ-an để cướp của. Việc phát giác. Trấn Nghệ-an tư cho Quảng-bình xét bắt. Tấn thủ Linh-giang là Võ Bảo cũng thuộc lại ở đình

là Nguyễn Chiêm nhận hối lộ của tên Khánh, thu lấy tang vật, lại buông thả cho tên Khánh cùng đồ đảng bảy người trốn thoát. Án ấy không quyết được. Lương Khải-ký đem việc kiện vào Kinh. Vua sai bộ Hình xét lại. Bảo và Chiêm đều thú nhận, bị trăm quyết. Thúy và Quang vì thất sát bị giáng chức. Tham hiệp Nghệ-an là Nguyễn Khoa Hào cũng vì dôi tờ cung bị bãi chức.

Lấy vệ úy vệ Hậu nhị Thị trung là Nguyễn Văn Phân làm lưu thủ Quảng-bình, thêm sự Hộ bộ là Lương Tiến Tường làm cai bạ Quảng-bình, thêm sự Binh bộ là Nguyễn Văn Y làm tham hiệp Nghệ-an.

Lấy thêm sự Lại bộ là Hoàng Văn Quyền làm cai bạ Quảng-đức.

Cai bạ Quảng-nam là Nguyễn Văn Phong chết; lấy tham hiệp Thanh-hoa là Nguyễn Kim Truy làm cai bạ Quảng-nam, thêm sự Hình bộ là Trần Nhật Vĩnh làm tham hiệp Thanh-hoa.

Đô thống chế lãnh trấn thủ Thanh-hoa là Trần Công Lại dung túng cho bộ thuộc lấy tiền của dân, dân kiện, Lê Văn Duyệt đem việc tâu lên. Sai bắt trời đem về Kinh trị tội.

Lấy vệ úy Nguyễn Văn Ngoạn làm khám sai thống chế, phẩm trật cũng như thống chế Thị trung, lãnh trấn Thanh-hoa.

Sai trấn thủ Hà-tiên là Mạc Công-du xem đo đường sông Châu-đốc. Rồi triệu về Kinh, đem bản đồ dâng.

Chánh quản Đồ gia là lưu thủ Tôn thất Huyền vì ốm xin về hưu. Cho bổng theo nguyên phẩm.

Lấy tri phủ Thường-tín là Hồ Công Hoán làm thêm sự Hộ bộ, tri phủ Ứng-hòa là Trịnh Xuân Trạm làm thêm sự Binh bộ, tri phủ Thiên-trường là Nguyễn Nho

làm thêm sự Hình bộ, đều sung biện các tào Hộ Binh Hình ở Bắc-thành.

Sai vệ úy vệ Thắng uy là Phạm Văn Tin kiêm quản các đội Tả vệ, Nội hầu, Hữu vệ, Nội hoàng kiếm, phó vệ úy Nguyễn Văn Phụng quản vệ binh đi thú Thanh-hoa.

Thuộc nội chương cơ án thủ bảo Hà-trung là Lê Phúc Điền chết; sai vệ úy vệ Dương võ quân Thần sách là Dương Phúc Trung án thủ bảo Hà-trung.

Cho nội giám đội trưởng Chu Đình Thọ và Nguyễn Bá Đăng trật chánh lục phẩm.

Hạ lệnh cho bộ Binh, phạm lính mộ ở các vệ đội Thị nội, nếu có trốn về dân tịch hay thien tiện đầu mộ vào các quân dinh thì không cứ năm tháng lâu hay chóng, đều cho rút về ngạch cũ.

Tháng 8, bàn làm duyệt tuyển lớn ở Bắc-thành; rồi lại vì các trấn bị lụt nên lại hoãn.

Quan phủ Nghĩa-hưng là Thái Đình Tư cho quân nghị để kiếm lợi. Quan Bắc-thành dâng án lên, nghị xử tội đồ. Vua giận mắng Lê Chất rằng: « Xử Tư vào tội đồ là mặt luật nào? Người không nhớ việc cai đội ở Mỹ-nương là Hồ Tiến Lộc à! Sao người nghiêm khắc với người ấy mà lại dung túng cho người này? » Chất sợ hãi xin nhận tội. Giao án xuống cho bộ xét lại. Tư cuối cùng phải tội chém.

Lấy Nguyễn Tiến Hậu làm ngự y chính, Đoàn Quang Hoảng, Đoàn Văn Hòa đều làm y phó.

Đổi tên ấp Tây-sơn ở Bình-định làm ấp An-tây.

Lấy chương cơ phó thống Hữu đồn Hậu quân là Hồ Văn Uân làm phó thống thập cơ Uy Thắng, phó vệ úy Trung quân là Trần Văn Thạc làm quản cơ cơ Tiền định.

Lấy cai cơ Thị trung là Phan Văn Thúy làm vệ úy vệ Trung tiu nhất Thị nội.

Hạ lệnh cho Lê Chất về Bắc-thành. Cho súng mạ vàng, gươm mạ vàng, gươm mạ bạc của Tây-dương, mỗi thứ hai cái, và phát 20 thớt voi ở Kinh cho theo đi thú.

Chuẩn định từ nay các tướng hiệu ở trong ngoài được vua cho binh khí như súng gươm mà dám đem cầm bán hoặc đánh mất, thì phải tội đánh trượng, cách chức; quan sở quản cũng tội lây theo thứ tự. (Nhu cai đội phạm tội thì phó vệ phải 60 trượng, chánh vệ phải 50 roi, ngoài ra lấy đó mà suy). Người nhận cầm cố hay mua, thì quan phải cùng tội, dân phải 40 roi, tiền tang đều sung vào nhà nước. Nếu bị thủy hỏa và mất trộm thì miễn tội. Ghi làm lệnh.

Tha thuế dẹt chiếu rộng cho Thanh-hoa. (Đội bạch tịch hàng năm mỗi người nộp 5 đôi chiếu [trơn, 5 đôi chiếu dài; lại cùng nộp 15 đôi chiếu rộng. Đến nay miễn thuế chiếu rộng, sai nộp thêm chiếu liền, tráng hạng mỗi người 2 đôi, lão hạng mỗi người 1 đôi).

Phủ Hoài-đức ở Bắc-thành mộ lập ba đội Hoài-an làm lính thuộc phủ. Thành thần xin cấp lương cho. Vua y cho.

Định lệ thưởng tiền lấy gỗ hoành cho thợ rừng ở Quảng-trị (Gỗ hoành lấy ngang 4 tấc làm hạn, như gỗ lim dài 11 thước cấp 7 tiền, 10 thước cấp 6 tiền, 9 thước cấp 5 tiền; các gỗ hồng sắc thước tấc cũng như gỗ lim, cấp nửa tiền).

Thành thần Gia-định tâu xin biên viên quân ngạch cũ trong thành hạt mà chưa lệ vào cơ vệ nào, đặt làm sáu đội của hai vệ Gia võ, cùng hai đội Tín sai nhất Tín sai nhị, và đội Tín nghĩa nhất, theo thành sai phái. Vua y cho.

Lê Văn Duyệt dâng sớ xin về triều. Dụ rằng: « Hai trấn Thanh Nghệ sớ đình chưa xong, không có người không ai làm được, tạm ở lại tuần nhật, sẽ triệu về ».

Tháng 9, sửa đồ thờ ở Nguyên miếu.

Cho cháu họ xử sĩ Võ Trường Toản là Võ Tài Đồng được miễn phú dịch. Toản là người văn học súc tích, trong loạn Tây-sơn ẩn ở Gia-định, giảng dạy học trò, bọn Ngô Tông Chu, Trịnh Hoài Đức đều là học trò. Lúc vua ở Gia-định, nghe tiếng mà khen ngợi. Toản mất không có con trai, tha binh đao cho con nuôi là Nguyễn Văn Trúc, khiến trông nom việc thờ cúng. Đến nay người cháu họ là Đông tuổi đã lớn, thành thần tâu dùm. Lại miễn cho.

Quản đạo Thanh-bình là Đào Văn Thành mộ hơn 100 người dân ngoại tịch lập làm đội chiến phong. Hạ lệnh phạm người quê ở sông Gianh trở vào thì cấp cho lương tháng.

Hạ lệnh cho ba châu Vạn-ninh, Tiên-yên, Vân-đồn trấn Yên-quảng từ nay thóc thuế hai vụ đồng và hạ cho dân nộp thay nửa tiền nửa bạc. Thóc gạo lương bổng chi ở trấn cũng lấy tiền bạc mà chiết cấp.

Vét đào đường sông Châu-đốc thông đến Hà-tiên. Cho tên là sông Vĩnh-tế. Vua thấy Vĩnh-thanh và Hà-tiên tiếp giáp với Chân-lạp, việc công tư đi lại, trước không có đường thủy, bèn muốn nhân sông Châu-đốc mà đào cho thông suốt. Gặp Chiêu-chùy nước Chân-lạp là Đồng-phù đến châu, vua triệu cho yết kiến hỏi han. Đồng-phù trả lời rằng: « Khai sông ấy thì dân Chân-lạp được nhờ lợi, vua Phiên cũng muốn như thế, không dám xin mà thôi ».

Vua khen và lấy làm vui lòng, bèn dụ bảo thành thần Gia-định, đo từ phía tây đồn Châu-đốc qua cửa Ca-âm Cây-báng, đến sông cũ hơn 200 dặm, tinh công đào đất

và lượng sức người. Sai Trấn thủ Vĩnh-thanh là Nguyễn Văn Thụy và chưởng cơ Phan Văn Tuyên đốc suất dân phu 5.000 người và binh dân đồn Uy-viên 500 người, Đồng-phù quản suất dân Chân-lạp 5.000 người, đến tháng 12 khởi công đào. Dân người Hán [Việt] cùng với binh đồn Uy-viên thì mỗi tháng cấp cho mỗi người 6 quan tiền, 1 phương gạo; dân Chân-lạp mỗi tháng cũng cấp cho mỗi người 4 quan 5 tiền, 1 phương gạo.

Chiếu dụ dân Vĩnh-thanh rằng: « Đào con sông này công việc rất khó nhọc. Kế sách của nhà nước, mưu hoạch về biên thủy, đều quan hệ không nhỏ. Các người dẫu ngày nay khó nhọc, mà thực có lợi muôn đời. Vậy nên bảo nhau, đừng sợ khó nhọc ».

Lại dụ vua Chân-lạp rằng: « Nước người giáp giới với Vĩnh-thanh. Nay đào sông này, không những lợi cho người Hán, mà còn lợi cho nước người vô cùng. Vương nên họp nhân dân, bảo cho biết ý nhọc một lần mà nhàn mãi mãi, khiến dân vui làm việc, cho chóng thành công. Quan phiên trở xuống, ai không theo lệnh, cho Đồng-phù trị theo quân pháp ».

Triệu Trần Văn Tuấn về Gia-định, vẫn lãnh công việc Hình tào.

Vua dụ bầy tôi rằng: « Nước Chân-lạp có bảo hộ là vì vua Phiên mà đặt. Nay Nặc Chấn không biết lo xa, sinh ra ngờ vực, cưỡng họ thì sợ sinh biến, cứ dễ thể thì họ sinh nhờn, không bằng bãi bảo hộ đi, cho họ giữ lấy nước; sau này nếu họ có cầu thì sẽ cho lại. Như thế thì thể thống của triều đình được tồn, mà ân uy đều rõ cả ». Bèn triệu Tuấn về, lưu lại ba ngự đội đóng thú thành Nam-vang.

Tổng trấn Gia-định chưởng Tiền quân quận công Nguyễn Hoàng Đức chết. Hoàng Đức vì ốm xin nghỉ,

chết ở nhà. Tặng Thái phó, cho thụy là Trung nghị, cho 5 cây gấm Tống, 1.000 quan tiền, sai trấn thần Định-tương dụ tế. (Năm Minh-mệnh thứ 5 [1824] cho tòng tự ở Thế miếu, năm 12 [1831], phong Kiến-xương quận công).

Lại lấy chương Hữu quân Nguyễn Văn Nhân làm tổng trấn Gia-định.

Cho cai đội các đội sinh thiết ở Quảng-nam trật chánh lục phẩm, chánh đội trưởng trật tòng lục phẩm, thứ đội trưởng trật tòng bát phẩm.

Triệu Lê Văn Duyệt về Kinh. Duyệt đến nơi, vua hỏi han yên ủi hồi lâu. Duyệt tâu rằng: « Chuyến này thần đi, nhờ oai nhà vua, tuân theo mưu lược của Triều đình, hai trấn đều được yên lặng; duy ở dân gian trước có ruộng đất sót lậu, gần đây đã vào sổ, lệ phải đóng thuế, thuế hơi nặng, dân lấy làm khổ. Xin đòi sổ đi để theo ý nguyện của dân ».

Vua nói rằng: « Nếu lợi cho dân thì trẫm có tiếc gì? » Vua theo lời xin.

Lấy phó vệ úy Hữu quân là Nguyễn Văn Chiêm làm quản cơ cơ Trung dũng, trưởng hiệu Tô Huệ Vân làm phó quản cơ, phó vệ úy Trương Văn Tự làm quản cơ cơ Tả dũng, trưởng hiệu Nguyễn Văn An làm phó quản cơ, cai cơ Võ Văn Anh làm phó quản cơ cơ Trung hùng, Nguyễn Văn Cúc làm phó quản cơ cơ Tiền hùng, Hà Văn Diễm làm phó quản cơ cơ Tiền dũng, Lưu Xuân Dương làm phó quản cơ cơ Hữu dũng.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, tế đông hưởng. Sai hoàng thái tử tế thay ở Thái miếu.

Sai tham tri Hình bộ là Nguyễn Duy Hòa làm đề điệu trường thi Thăng-long, đốc học Nghệ-an là Phan Bảo Định làm giám thi, tham tri Hộ bộ là Nguyễn Tường

Vân làm đề điệu trường thi Sơn-nam hạ, đốc học Hoài-đức là Lê Huy Du làm giám thi. Lấy đồ hương cống 30 người. (*Trường Thăng-long*: Nguyễn Viết Khuông, Lý Văn Phúc, Trịnh Đường, Chu Văn Nghị, Nguyễn Huy Chiêm, Hoàng Đăng Hiến, Phùng Đắc Ninh, Phạm Hội, Đinh Gia Tạo, Cấn Công Nguyên, Trần Bru, Trần Trọng Hiền, Võ Quyền, Nguyễn Văn Trường, Cao Huy Tổ, Nguyễn Đình Uyển, Lê Huy Côn, Ngô Đình Tuệ, Đỗ Trọng Dur, Nguyễn Hữu Thu, Lý Văn Hảo, Ngô Quang Diệu, Ngô Thế Mỹ, cộng 23 người. *Trường Sơn-nam hạ*: Ngô Đình Thái, Phạm Đình Giản, Phạm Đình Duệ, Phạm Quang Can, Lê Huy Thụy, Nguyễn Văn Nhiên, Võ Đình Lê, Nguyễn Dur, Võ Diên, Phạm Cử, Trần Đăng Đạo, Nguyễn Quốc Trinh, Nguyễn Phạm Vỹ, Phạm Đăng Tinh, Nguyễn Đình Lập, Nguyễn Xuân Phụng, Nguyễn Vũ Thục, Nguyễn Danh Văn, Nguyễn Huy Cầu, Nguyễn Bá Nghi, Trần Quang Chiêu, Nguyễn Bá Linh, Đỗ Khắc Thủ, Trịnh Ngọc Lâm, Bùi Cung Tiên, Phạm Đức Phổ, Nguyễn Thế Tuấn, Nguyễn Văn Nghiêm, Đỗ Huy Cảnh, Đỗ Mậu Thường, cộng 30 người).

Lấy cai bạ Phú-yên là Trần Vân Đại làm cai bạ Quảng-đức, cai bạ Quảng-đức là Hoàng Văn Quyền làm cai bạ Phú-yên.

Sửa đồ thờ ở miếu nhà Lê; theo lời xin của Lê Văn Duyệt.

Tháng 11, cho con trưởng, cháu trưởng các công thần Vọng-các được tập ấm theo thứ bậc khác nhau. (Con Đỗ Văn Hựu là Đỗ Văn Trung, con Trương Phúc Luật là Trương Phúc Bá, con Tô Văn Đoài là Tô Văn Thành, con Nguyễn Văn Đắc là Nguyễn Văn Lân, cháu Phạm Văn Nhân là Phạm Văn Hội, đều làm kỵ đô úy; con Phạm Văn Sĩ là Phạm Văn Sơn, con Lê Thành Lý là Lê Văn Hợp, con Tống Phước Châu là Tống Phước Lý,

con Ngô Công Qui là Ngô Công Chính, con Tôn Thọ Vinh là Tôn Thọ Bằng, con Đoàn Cảnh Cư là Đoàn Cảnh Thạc, con Nguyễn Văn Tánh là Nguyễn Văn Đức, con Hoàng Tiến Cảnh là Hoàng Tiến Phúc, con Trần Phúc Giai là Trần Phúc Huy, con Nguyễn Thái Nguyên là Nguyễn Thái Phúc, con Phan Thiên Phúc là Phan Thiên Lân, con Nguyễn Huệ là Nguyễn Tuyển, con Nguyễn Văn Thống là Nguyễn Văn Lộc, con Hoàng Phúc Bảo là Hoàng Văn Lượng, con Hoàng Văn Tử là Hoàng Văn Khương, cháu Nguyễn Văn Trương là Nguyễn Văn Lược, đều làm phi kỵ úy).

Hạ lệnh cho sở Phú-quốc lệ theo quản hạt của trấn Hà-tiên (trước lệ theo đạo Long-xuyên), vì có đường biển gần Hà-tiên.

Lấy tri phủ Thiên-trường là Lê Văn Hoành, tri phủ Tam-đới là Phan Quang Anh, đều làm thêm sự Lại bộ, tri phủ Tiên-hung là Võ Huy Đạt làm thêm sự Hộ bộ, tri phủ Lâm-thao là Lưu Vượng làm thêm sự Lễ bộ, Hàn lâm trực giảng là Võ Quang Gia làm thêm sự Binh bộ, tri phủ Từ-sơn là Hoàng Quốc Bảo, tri phủ Kinh-môn là Trần Bá Kiên, tri phủ Thái-bình là Nguyễn Đình Thịnh, đều làm thêm sự Hình bộ, Hàn lâm viện là Trương Quang Hải làm thêm sự Công bộ, Hàn lâm thị giảng là Nguyễn Đăng Tài làm đốc học Quốc tử giám, tri huyện Kim-động là Ngô Trọng Tân làm phó đốc học, Hàn lâm trực giảng là Phan Đức Quang làm tuyên phủ sứ Hoài-đức. Đến lúc vào bái mạng, vua triệu lên điện hỏi lý lịch, xem mặt, nghe lời, rồi sai đi cung chức. Nhân hạ lệnh cho hai bộ Binh Lại từ nay có bổ quan lại, văn từ tri huyện, võ từ cai đội trở lên, đều làm lý lịch tâu lên.

Lấy vệ úy vệ Tin uy Thị nội là Tôn thất Huy làm lưu thủ Quảng-đức.

Các trấn từ Thanh-hoa ra Bắc bị lụt. Sai xét số lúa ruộng bị tổn hại, giảm thuế vụ đông theo thứ bậc khác nhau. Ngoài ra những món phải nộp thì Bắc-thành lại hoãn cho 3 phần 10, Thanh-hoa, Thanh-binh, đều cho nộp tiền thay (một học thóc giá 1 quan tiền).

Ngày bính tý, vua không được khỏe. Hoàng thái tử vào hầu. Hạ chiếu rằng mọi việc quân việc nước đều khai lên để hoàng thái tử quyết đoán, rồi sau mới tâu lên.

Hoàng thái tử thiên tính rất hiếu, ngày thường thăm sức khỏe, hầu bữa ăn, quạt nồng ấp lạnh, chưa từng trễ nải. Đến nay hầu cơm canh thuốc thang, lo lắng hiện ra sắc mặt. Thường trai giới cầu khẩn với liệt thánh và trời đất thần kỳ; lại mời khắp các danh y, cùng họ sớm hôm bàn bạc.

Định lệ thừa ấm cho con quan viên. (Các con quan văn võ từ tứ phẩm trở lên, đều cho làm quan viên tử; con quan chánh ngũ phẩm, tòng ngũ phẩm, chánh lục phẩm, cho một người làm quan viên tử. Quan viên tử con quan tam phẩm trở lên đều được miễn binh đao và thuế thân, từ tứ phẩm đến lục phẩm, được miễn binh đao. Quan ngũ, lục, thất phẩm, quê ở Bắc-thành, từ năm mậu dần về trước, trót đã cho con làm quan viên tử, đều cho theo cũ, từ năm kỷ mao về sau phải theo lệ này).

Cho khâm sai chương cơ vệ úy vệ Phấn dực Nội thủy là Phạm Văn Tường làm thống chế Thủy quân phó thống quản Thủy quân, cho trật ngang với thống chế Thị trung, quản cơ cơ Tả thủy Thủy quân là Nguyễn Tài Năng làm vệ úy vệ Phấn dực Nội thủy, cho trật ngang với vệ úy Thị trung, phó quản cơ cơ Hữu thủy là Nguyễn Văn Sử làm quản cơ cơ Hữu thủy, phó quản cơ cơ Tiền dực là Võ Văn Lai làm phó quản cơ cơ Hữu

thủy, quản cơ cơ Trung dực là Nguyễn Văn Phong làm quản cơ cơ Hậu thủy, phó quản cơ cơ Tả dực là Nguyễn Văn An làm phó quản cơ cơ Hậu thủy, quản cơ cơ Trung tiếp là Phan Văn Thọ làm quản cơ cơ Tiền thủy, cai đội Lê Văn Ngồi làm quản cơ cơ Tả thủy, cai cơ Lê Văn Tinh làm phó quản cơ cơ Trung thủy.

Lấy cai cơ Phạm Văn Chấn làm phó quản cơ cơ Trung kiên ở Quảng-ngãi, cai đội Nguyễn Văn Sâm làm phó quản cơ cơ Nội kiên.

Sai quân hai vệ Hữu bảo nhất, Hữu bảo nhị của Hữu quâa đi thú Gia-định, cùng thay đổi nhau mỗi năm một vệ.

Đặt đội thái sâm [lấy sâm] ở Quảng-ngãi. (Các núi ở Sa-kỳ sản nhiều sâm, hạ lệnh cho trấn thần đặt đội lấy sâm, mộ dân ngoại tịch 50 người sung vào).

Tháng 12, ngày kỷ Sửu mồng 1, vua không ra châu, hữu ty đặt đại triều nghi ở điện Thái-hòa, ban lịch sang năm cho trong ngoài.

Ngày tân mao, triệu hoàng thái tử và các hoàng tử tước công và các quan đại thần là bọn Lê Văn Duyệt, Phạm Đăng Hưng vào hầu. Bầy ấn ngọc, cờ, gương, ở trên án vàng trước giường ngự. Dụ hoàng thái tử rằng: « Đây là cơ nghiệp gian nan của trẫm, nay giao cho con, con nên cẩn thận giữ gìn ».

Hoàng thái tử cùng các tước công và các đại thần đều đến trước tâu rằng: « Trời giúp cho mình thánh ngày còn khỏe mạnh, xin cứ tĩnh dưỡng tinh thần, mà đừng phiến nghĩ ».

Vua nói: « Cái này không phải bọn người biết đâu! Phạm truyền ngôi là việc lớn xưa nay, hôm nay còn nói được mà không nói, ngày khác chết thì nói sao cho kịp? » Nhân gọi hoàng thái tử đến trước giường dụ

rằng: « Nay việc lớn của thiên hạ đã định rồi. Ta cũng sắp chết, không nói gì, chỉ có một việc là ngày sau phải cẩn thận, chớ nên gây hấn ngoài biên ». Sai viết ra.

Hoàng thái tử chỉ chữa chữ băng không nở viết. Vua nói: « Tuổi trời có mệnh, để vương đời xưa cũng thế, việc gì phải kiêng ». Bèn cầm bút phê vào.

Hoàng thái tử chảy nước mắt, lay nhận mệnh, các tước công và đại thần đều tấm tức khóc.

Ở Phú-yên có tiếng trống trời (giờ dậu ngày hôm ấy, trời không có mưa gió, chợt nghe trên không có một tiếng như sấm, từ Cù-mông trở vào, từ Đại-lãnh trở ra, đầu nguồn cửa biển, cửa nhà quan dân, không chỗ nào là không chuyển động, phút chốc thì thôi).

Hạ lệnh cho Thanh-hoa và Nghệ-an đều xét các bảo ở các phủ trong hạt, chỗ xung yếu thì lấy binh trấn 80 người, ngoài ra 50 người, hoặc 30 người, lệ theo quan phủ sai phái để bắt giặc cướp.

Bộ Hộ dâng tổng sách định điền của các thành dinh trấn: (*Quảng-đức*: Số đinh hơn 34.000 người, công tư điền thổ hơn 74.000 mẫu; *Quảng-bình*: Số đinh hơn 13.500 người, công tư điền thổ hơn 36.100 mẫu; *Quảng-trị*: Số đinh hơn 17.200 người, công tư điền thổ hơn 56.500 mẫu; *Quảng-nam*: Số đinh hơn 36.900 người, công tư điền thổ hơn 137.100 mẫu; *Quảng-ngãi*: Số đinh hơn 15.400 người, công tư điền thổ hơn 60.000 mẫu; *Bình-định*: Số đinh hơn 33.300 người, công tư điền thổ hơn 85.900 mẫu; *Phú-yên*: Số đinh hơn 5.000 người, công tư điền thổ hơn 46.900 mẫu; *Bình-hòa*: Số đinh hơn 5.000 người, công tư điền thổ hơn 12.800 mẫu; *Bình-thuận*: Số đinh hơn 9.200 người, ruộng hơn 2.600 sớ và 1.090 khoảnh. *Phiên-an*: Số đinh hơn 28.200 người; điền thổ hơn 4.800 sớ; *Biên-hòa*: Số đinh hơn 10.600

người, điền thổ hơn 2.800 sớ; *Định-tường*: Số đinh hơn 19.800 người, điền thổ hơn 7.000 sớ; *Vĩnh-thanh*: Số đinh hơn 37.000 người, điền thổ hơn 9.900 sớ; *Hà-tiên*: Số đinh hơn 1.500 người, ruộng 60 sớ; *Nghệ-an*: Số đinh hơn 115.400 người, công tư điền thổ hơn 413.500 mẫu; *Thanh-hoa*: Số đinh hơn 40.300 người, công tư điền thổ hơn 323.200 mẫu; *Thanh-bình*: Số đinh hơn 9.100 người, công tư điền thổ hơn 120.800 mẫu; *Hoài-đức*: Số đinh hơn 5.100 người, công tư điền thổ hơn 5.300 mẫu; *Hải-dương*: Số đinh hơn 23.900 người, công tư điền thổ hơn 535.500 mẫu; *Kinh-bách*: Số đinh hơn 43.900 người, công tư điền thổ hơn 595.500 mẫu; *Sơn-nam hạ*: Số đinh hơn 38.700 người, công tư điền thổ hơn 515.300 mẫu; *Sơn-lây*: Số đinh hơn 35.100 người, công tư điền thổ hơn 475.800 mẫu; *Hưng-hóa*: Số đinh hơn 6.300 người, tư điền hơn 11.300 mẫu; *Tuyên-quang*: Số đinh hơn 3.800 người, công tư điền thổ hơn 31.400 mẫu; *Yên-quảng*: Số đinh hơn 2.100 người, công tư điền thổ hơn 17.900 mẫu; *Lạng-sơn*: Số đinh hơn 5.300 người, công tư điền thổ hơn 6.700 mẫu; *Cao-bằng*: Số đinh hơn 8.000 người, công tư điền thổ hơn 36.600 mẫu; *Thái-nguyên*: Số đinh hơn 6.700 người, công tư điền thổ hơn 57.900 mẫu).

Sai các địa phương tập trận voi. Mỗi năm cứ tháng giêng, tháng 4, tháng 7 mỗi tháng thao diễn 3 ngày.

Lấy phó vệ úy vệ Nội trực Thị nội là Nguyễn Văn Lương làm thuộc nội vệ úy vệ Trung tin nhị, cai đội Hoàng Văn Vị làm phó vệ úy.

Sai binh các vệ Trung cần, Tin uy, Trung tin nhất nhị Thị nội, chia nhau đi thú Nghệ-an, Thanh-hoa, Thanh-bình và Bắc-thành.

Sai quan đi thanh tra tiền và lương ở các trấn Bắc-thành.

Quảng-nam gạo đắt. Sai tham bồi Hình bộ là Nguyễn Hựu Nghi, thêm sự Hộ bộ là Ngô Bá Nhân, đến hội với các dinh thần lấy thóc kho 30.000 học giảm giá bán ra.

Sai các dinh Quảng-nam, Quảng-trị, Quảng-binh chiêu tập những dân xiêu giạt và hoãn bắt linh trốn.

Ngày kỷ hợi, vua ốm nặng. Triệu hoàng thái tử và các hoàng tử tước công cùng các đại thần là bọn Lê Văn Duyệt, Phạm Đăng Hưng, cùng nhận di chiếu.

Sai Lê Văn Duyệt kiêm giám năm dinh quân Thần sách.

Ngày đinh mùi, vua băng ở điện Trung-hòa. Thọ 58 tuổi.

Ngày nhâm tý, hoàng thái tử đem bày tội rước đặt quan tài ở điện Hoàng-nhân.

Hoàng thái tử xuống lệnh chỉ bá cáo trong ngoài rằng: « Tháng 11 năm nay, Đại hành hoàng đế không được khỏe; ngày 11 tháng 12 ốm nặng, ngày ấy triệu ta cùng văn võ đại thần cùng nhận di chiếu. Ngày 19, Đại hành hoàng đế bỏ cả thiên hạ, ta thương xót như xé ruột gan, kính theo lời dạy thánh hiền, để tang ba năm. Vậy định tang chế cho trong ngoài theo thứ bậc:

1. Hoàng tử, hoàng nữ, hoàng tôn, cung tần tả hữu, thiếp của hoàng tử, hoàng tôn, đều mặc áo sớ gấu, để tang 3 năm; hoàng muội, mặc áo sớ gấu, trở 3 năm. Những người thân trong ngũ phục (1), ai làm quan thì theo đồ chế của phẩm trật mình; ai chưa làm quan thì theo đồ chế của hàng mình. Những người họ ngoài

1. Ngũ phục: Để tang ba năm, một năm, chín tháng, năm tháng, ba tháng v.v...

ngũ phục (đản vấn) (1), đã làm quan thi theo phẩm trật, chưa làm quan thi lúc tế mặc khăn áo vải trắng lay theo. Quan văn võ trong ngoài, từ tam phẩm trở lên, mặc áo sồi gấu 3 năm; lục phẩm trở lên, mặc áo trở 1 năm; cửu phẩm trở lên, mặc áo trở 9 tháng. Con trưởng quan nhất phẩm, trở một năm; con trưởng quan nhị phẩm, trở 9 tháng; con trưởng quan tam phẩm, trở năm tháng. Mạnh phụ quan tam phẩm trở lên, vợ cả quan lục phẩm trở lên, đều trở như chồng.

2. Quan văn võ từ tam phẩm trở lên cấm giá thú 100 ngày; tứ phẩm trở xuống cấm 2 tháng; quân và dân 27 ngày. Y phục màu đỏ màu tía, âm nhạc, xướng ca, quan tam phẩm trở lên cấm 27 tháng; lục phẩm trở lên 1 năm; cửu phẩm trở lên 9 tháng; quân và dân 100 ngày. Ở Kinh, ở ngoài, ngày Sóc Vọng nghỉ chầu trong 27 tháng. Duy việc tế tự và việc quân thi cho mặc đồ thường, không ở lệ cấm. Các nha môn ở ngoài thì lấy ngày lệnh chỉ đến nơi mà thay y phục, hội quan liêu ở công đường, đặt hương án mà hội khóc, chiếu phẩm trật mà chế tang phục, sau 4 ngày làm lễ thành phục ».

Ngày qui sử, lễ thành phục.

Ngày bình thin, hoàng thái tử đến điện Hoàng-nhân, lay nhân di chiếu. Lấy ngày mồng 1 mậu ngọ tháng giêng mùa xuân sang năm là canh chia lên ngôi hoàng đế.

Năm Minh-mệnh thứ 1 [1820], mùa xuân, tháng 3, ngày bình dần, dâng tôn thụy là Khai Thiên Hoảng Đạo Lập Kỷ Thủy Thống Thần Văn Thánh Võ Tuấn Đức Long Công Chí Nhân Đại Hiếu Cao hoàng đế, miếu hiệu là Thế tổ.

Mùa hạ, tháng 4, ngày tân sử, an táng ở lăng Thiên-thu.

1. Đản vấn : Khi đưa ma, trật mũ, để hở cánh tay bên trái.

Năm thứ 3, mùa xuân, tháng giêng, ngày ất mão, rước thần chủ lên miếu.

Vua trước nối ngôi chúa ở Gia-định trong 22 năm; đến lúc lấy lại Kinh đô cũ, đặt niên hiệu là Gia-long. Khi thiên hạ đã định, mới lên ngôi hoàng đế, được 18 năm. Dấy lại nghiệp cũ, dựng lên nghiệp mới, công đức đều to, từ đời Hồng-bàng trở xuống, chưa bao giờ có. Khi mới dựng nước, xây thành quách, sửa lăng tẩm, dựng Giao Miếu Xã Tắc, ban tước, định lộc, mở khoa thi lấy học trò, dựng lễ nhạc, học hiệu, định pháp độ, điều luật, giữ con cháu họ Lê họ Trịnh, ám thu dài đời cho công thần, khước đồ hiến của Tây di, cẩn thận phòng nước Xiêm, yêu nuôi nước Chân-lạp, vỗ về nước Vạn-tượng, uy danh lừng phương xa, nhân đức trùm nước nhỏ, quy mô cũng đã xa rộng lắm.

TIMSACH.COM.VN

(HẾT PHẦN ĐỀ NHẤT KỶ)

BẢNG SÁCH DẪN

ĐẠI NAM THỰC LỤC

TIỀN BIÊN VÀ CHÍNH BIÊN ĐỆ NHẤT KỲ (TẬP I, II, III, IV)

A

- A Ban, I, 148.
A băng cả trạc, II, 293.
A la (sách), I, 153.
A lộc (sách), I, 153.
A manh (sách), I, 153.
A phi phù biệt biện, IV, 98.
A sập (sách) I, 153.
A tô ngu (sách), I, 153.
Ai lao, I, 28, 50, 58, 162, 174, 193, 227; II, 433.
Ai lao dinh, I, 50; II, 439.
Ai lao (đạo), IV, 247.
Ai tử, I, 31, 208.
Ai tử (dinh), I, 41, 70.
Ai tử (kho), I, 49.
Ai tử (sông), I, 35.
An côn (sách), II, 349.
An cựu, I, 82; III, 193.
An cựu (sông), IV, 220.
An dụ, III, 91, 107.
An dụ (cửa biển), II, 174, 194; III, 27.
An đại (nguồn), I, 77; II, 414, 450, 454, 455; III, 243.
An diêm, I, 105.
An định nha, I, 152.
An hải (ấp), II, 187.
An hải (bảo), IV, 182.
An hòa, II, 204.
An hòa (ấp), II, 187.
An hưởng, I, 152.
An khương, III, 389.
An lạc (núi), I, 104.
An liệt, I, 161.
An nam, I, 159; III, 38.
An nam (đô thành), II, 62.
An náu (cửa), I, 107.
An náu (nguồn), II, 414; III, 243.
An ninh, I, 129; II, 451.
An nông, I, 43.
An nghĩa (thuộc), II, 325.
An phong, III, 381.
An phúc, I, 153.
An quán, III, 105.
An sinh (núi), I, 170.
An sơn, I, 41.
An tôn Ngâm bờ, II, 167.
An tượng, II, 193.

- An thái, I, 253.
 An trạch, I, 93, 115, 208 ;
 III, 107.
 An trạch (kho), II, 415.
 An trường, I, 87, 89, 90, 91, 93,
 103, 106 ; III, 189.
 An vị, III, 379.
 An việt, III, 239.
 An vĩnh, I, 222.
 Anh (hoàng tử), I, 60, 64.
 Anh đô, III, 39.
 Anh đô (phủ lý), IV, 194.
 Anh sơn, III, 39.
 Anh tông, III, 296.
 Áp bột miệt lãng, III, 384 ;
 IV, 157.
 Ăng tôn nui, II, 64.
 Âm công, I, 104.
 Ấp ma hạt, III, 107.
 Ất kha-lũng, III, 215.
 Ất Thăng, III, 215.

B

- Ba ác, IV, 47.
 Ba can, II, 112.
 Ba độ, I, 252.
 Ba-đồn, I, 81 ; II, 453.
 Ba giồng, II, 28, 29, 37, 40, 47,
 69, 75.
 Ba la di, II, 247, 345, 355, 423.
 Ba lai, II, 56, 67, 104.
 Ba lai (sông), II, 104.
 Ba lai (bảo), II, 111.
 Ba lai (cửa biển), II, 127.
 Ba lai (đạo), II, 134.
 Ba lang, IV, 47.
 Ba lang hy, II, 247.
 Ba lạt, III, 368.
 Ba ngòi, II, 118, 191, 212.
 Ba phủ, II, 42, 162, 249, 251,
 254, 265, 271, 275.
 Ba-tơ (nguồn), III, 303.
 Ba việt, I, 262.
 Ba xác (thác), I, 226 ; II, 55,
 79, 85, 86, 90, 133, 136, 157 ;
 III, 107 ; IV, 147, 356.
 Ba đình (núi), I, 222.
 Bà nam (núi), I, 214.
 Bà rịa, I, 143, 148, 167 ; II, 129,
 137, 161, 196, 205, 206.
 Bà tám, I, 83.
 Bà tranh, I, 147, 148.
 Bá (tên), II, 42, 43.
 Bá đa lộc, II, 49, 58, 63, 98,
 184, 331.
 Bác vọng, I, 174.
 Bạc Cầm Kế, IV, 173.
 Bạch lãn (bảo), III, 347.
 Bạch cầu, II, 321.
 Bạch châu (đạo), II, 127, 134.
 Bạch Doãn Triều, I, 234, 253 ;
 II, 54.
 Bạch đặng (sông), III, 144.
 Bạch đường, I, 97.
 Bạch long, IV, 74.
 Bạch Công Bảo, IV, 165.
 Bạch công Lũy, IV, 165.
 Bạch mã (núi), I, 235, 240.
 Bạch thạch (gò), I, 87.
 Bạch thông, III, 224 ; IV, 247.
 Bạch sam, III, 269..
 Bái ân, I, 152.

- Bái đáp, I, 248.
 Bài nhiệm, III, 269.
 Bãi Xao, II, 108.
 Bát chiên (sông), IV, 378.
 Bàn hàn (Man), II, 291, 384.
 Bàn lân, I, 125.
 Bàn thạch (khe), I, 86.
 Bàn tân (bến ván), I, 253; II, 409.
 Bào (giặc), II, 56.
 Bào (tên), II, 52.
 Bào hưng, II, 409.
 Bào lạc, III, 40; IV, 85.
 Bào Quang, I, 246.
 Bát chiên, II, 57.
 Bát đông (sông), I, 221.
 Bát tiên, II, 73.
 Bành Dục Kỳ, IV, 211.
 Bắc cận (bảo), III, 180, 384.
 Bắc bình vương, II, 63.
 Bắc Bộ chính, I, 34, 59, 64, 65, 71, 81, 97, 106, 115, 121, 124, 153, 159, 162, 173, 187, 246.
 Bắc hà, I, 82, 89, 90, 97, 121, 128, 186, 258; II, 44, 62; III, 40, 48, 64; IV, 82.
 Bắc hà (quân) II, 345.
 Bắc-hà (hương đảng), III, 162.
 Bắc-hà (sở điền), III, 161.
 Bắc-hà (thồ tù), III, 78.
 Bắc hải, I, 222.
 Bắc kinh, I, 245.
 Bắc linh (phố), IV, 13.
 Bắc nôm (cửa), II, 55, 65.
 Bắc tâm bốn, II, 242, 269; IV, 98, 103, 187, 194, 231, 269.
 Bắc thành, II, 86; III, 38, 43, 44, 62, 69, 120, 173, 289, 374, 380; IV, 17, 31, 50, 151, 167, 177, 256, 317.
 Bắc thành (bảo), IV, 41.
 Bắc thành (đê), III, 129, 176, 268, 307, 357.
 Bắc thành (đê chính), IV, 6.
 Bắc thành (binh linh), III, 70.
 Bắc thành (biệt nạp), IV, 25.
 Bắc thành (cục đúc tiền), III, 147; IV, 47.
 Bắc thành (giặc), III, 379.
 Bắc thành (hạn), IV, 77, 113.
 Bắc thành (lương bổng), III, 151.
 Bắc thành (nội trấn), III, 74.
 Bắc thành (ngoại trấn), III, 74.
 Bắc thành (phát chẩn), IV, 69.
 Bắc thành (thuế), III, 125.
 Bắc thành (thuế quan), IV, 156.
 Bắc thành (ruộng đất), III, 93.
 Bắc thành (tòng trấn), III, 80.
 Bắc thành (trạm), III, 206.
 Băng côn (đạo), II, 127, 134.
 Băng bột, II, 112; IV, 324.
 Băng lỗ (sách), II, 347.
 Băng thủy, I, 180.
 Bạng quán (bảo) II, 419.
 Bàn xá, I, 89.
 Bất căng (xã), IV, 133.
 Bất đoạt, III, 269.
 Bao la, I, 149.
 Bào dựng (sách), II, 349.
 Bào lạc, I, 149.
 Bào lập, II, 178.
 Bào lời, (sách), II, 349.
 Bào tỏa, II, 252.
 Bào trấn (trạm), II, 346.
 Bật lân, I, 97.
 Bật Trung, I, 86.
 Bến đá, II, 176.

- Bến Nghé, I, 251, 257; II, 40, 42, 53, 63.
 Bến Nghé (sông), II, 30; IV, 323.
 Bến Ván, II, 265.
 Bích đới, I, 122, 135, 141, 154, 155.
 Bích kê (núi), I, 244; III, 14.
 Biên hòa, III, 360; IV, 7, 109.
 Biên hòa (Trần lý), IV, 282.
 Biện sơn, II, 445; III, 246.
 Bình (tên), I, 186.
 Bình an, III, 361.
 Bình áo, II, 57.
 Bình dã, IV, 207.
 Bình-dương, III, 361.
 Bình định, III, 8, 14, 104, 385; IV, 151, 162, 174, 183, 249, 291.
 Bình định (hành cung), IV, 146.
 Bình định (lục), IV, 132, 257.
 Bình định (thành), II, 373, 377, 395.
 Bình định (thành đất), IV, 249.
 Bình định (xây thành), IV, 318.
 Bình hòa, II, 42; III, 242, 383; IV, 174.
 Bình-hòa (dinh), III, 116.
 Bình-hòa (phủ), III, 116.
 Bình hồ, I, 93.
 Bình gia (bão), IV, 138.
 Bình giang, III, 40.
 Bình khang, I, 154, 156, 167, 169, 177, 179, 190, 191, 208, 216, 226, 241, 244, 245, 251, 257; II, 169, 172, 244; III, 50.
 Bình khanh (dinh), II, 340; III, 116.
 Bình-khang (phủ), III, 116.
 Bình khuê, I, 185.
 Bình lăng (núi), I, 90, 91.
 Bình lộc, I, 133.
 Bình man (đạo), IV, 375.
 Bình phương, II, 70.
 Bình sơn, I, 33.
 Bình truyền, III, 40.
 Bình thanh, I, 222.
 Bình thành, I, 182.
 Bình thuận, I, 148, 150, 156, 167, 191, 192, 208, 216, 226, 241, 245, 257, 262, 263; II, 30, 36, 37, 179, 196; III, 50, 385; IV, 174.
 Bình thuận (dinh), II, 340.
 Bình thuận (Man), IV, 165.
 Bình thuận (phủ), I, 153.
 Bình trị (sông), II, 132.
 Bình trung, I, 185.
 Bình xuyên, III, 40.
 Bô cà đảo, II, 124.
 Bô ông giao, II, 35.
 Bờ bản, I, 252.
 Bờ đề, I, 149, 260.
 Bờ lô (sách), IV, 274.
 Bờ chính, I, 33, 110, 133, 156, 159, 167, 177, 179, 214, 246; II, 450; III, 189.
 Bỗ chính (đạo), I, 155.
 Bỗ chính nội, II, 428.
 Bỗ chính ngoại, III, 90.
 Bỗ đền, II, 356.
 Bỗ vệ, III, 173.
 Bộ đầu (xã), III, 269.
 Bôn ma, I, 235.
 Bông xuy, IV, 98.
 Bông giang, I, 254.
 Bông bong, II, 217.
 Bông bông (sách), IV, 138.

- Bồng sơn, I, 33.
 Bùi Công Điển, IV, 25.
 Bùi Công Kim, IV, 12, 85, 194, 246.
 Bùi Công Thắng, I, 73.
 Bùi Chí Thành, II, 223.
 Bùi Dương Lịch, III, 247, 370, IV, 171.
 Bùi Đắc Tuyên, II, 214.
 Bùi Đức Mân, II, 249, III, 124; IV, 66, 205, 281, 288, 290, 373.
 Bùi Đức Miên, IV, 126.
 Bùi Đức Minh, IV, 258, 352.
 Bùi Hùng Lương, I, 69.
 Bùi Huy Bích, III, 78.
 Bùi Huy Ngọc, III, 144.
 Bùi Hữu Lễ, I, 256.
 Bùi Mân, IV, 269.
 Bùi Phồ, III, 49.
 Bùi Phụ Đạo, IV, 306.
 Bùi Phụ Huyền, II, 82.
 Bùi Sĩ Lâm, I, 49.
 Bùi Sĩ Lương, I, 92.
 Bùi Tá Hán, I, 32.
 Bùi Thế Đạt, I, 245, 253, 254, 256, 257, 258.
 Bùi Thị Xuân, II, 453; III, 5.
 Bùi Văn Bình, III, 131; IV, 44, 170, 251.
 Bùi Văn Đăng, IV, 358.
 Bùi Văn Hiếu, II, 92, 151.
 Bùi Văn Hoan, II, 234.
 Bùi Văn Khoan, II, 54.
 Bùi Văn Khuê, I, 38, 40, 41.
 Bùi Văn Ngoạn, III, 6.
 Bùi Văn Phụng, IV, 194.
 Bùi Văn Tâm, IV, 190.
 Bùi Văn Thái, III, 378; IV, 336.
 Bùi Văn Trung, IV, 14.
 Bùi Văn Viết, IV, 199.
 Bùi Xá, II, 34, III, 144.
 Bút sơn, I, 194; II, 453.
 Bút tu kê, II, 64, 137.
 Bức cốc (hang dơi), II, 413.

C

- Ca âm (cửa), IV, 389.
 Cà áo, II, 316.
 Cà hồ (sách), II, 290.
 Cà lãng, II, 349.
 Cà mau, I, 167, 226.
 Cà ta (man), II, 454.
 Cà lán (bảo), II, 265, 271.
 Cà tráp, II, 249.
 Cà dốc (bảo), II, 126.
 Cà dốc (thành), II, 92.
 Cã (đèo), II, 216.
 Cam lộ, I, 50, 177, 227, 253; II, 402; III, 207, 230, 247, 330, 365; IV, 186, 247.
 Cam lộ (đạo), II, 410, 439; IV, 92.
 Cam lộ (man), IV, 319, 379.
 Cam lộ (núi), I, 110.
 Cam lộ (sách), IV, 11.
 Cam ranh (cửa biển), IV, 67.
 Cam ranh (sách), IV, 138.
 Càn dương, II, 382.
 Càn dương (núi), II, 172.
 Cạn (sông), II, 213.
 Cảnh (hoàng tử), II, 34, 58, 63, 98, 165, 168, 184, 190, 208.
 Cảnh dương, I, 222.
 Cảnh dương (cửa biển), III, 343.

- Cảnh dương (thuộc), II, 200.
 Cao Bá Hoa, I, 86.
 Cao Bá Phước, I, 86.
 Cao bằng, I, 55, 90, 128; III, 40, 44, 148; IV, 167, 175.
 Cao bằng (thồ phỉ), IV, 211.
 Cao bằng (trấn), III, 39.
 Cao bộ, III, 378.
 Cao Công Giang, IV, 11.
 Cao đôi, II, 406.
 Cao Hoài đức, III, 389.
 Cao Huy Diệu, IV, 185, 252.
 Cao la hãm, I, 179, 180, 181, 211; IV, 187.
 Cao la hãm biện, IV, 313.
 Cao la hãm sâm, II, 352, 358, 378; III, 28.
 Cao la y, IV, 314, 353.
 Cao Lôi Liêm, I, 125.
 Cao Phúc Tri, II, 41.
 Cao Văn Cửu, II, 115; IV, 219.
 Cao Văn Lý, II, 104, 191, 194.
 Cao Viết Miệt, III, 377.
 Cao xá, III, 269.
 Cáp văn Hiếu, II, 240; IV, 234.
 Cát (dinh), I, 41.
 Cát dinh (kho), II, 415.
 Cát ngang, II, 273.
 Cát sơn, IV, 133.
 Cầm Nhân Nguyên, III, 84.
 Cầm Khê, III, 40, 379.
 Cầm la (sông), I, 77.
 Cầm lý (nguồn), II, 414; III, 243.
 Cầm nang (động), IV, 129.
 Cầm sa, I, 253.
 Càn bột, I, 167.
 Càn dinh, III, 159.
 Càn dâng, III, 251.
 Càn giờ, II, 42, 47, 120; III, 136, 240.
 Càn giờ (cửa biển) I, 125; II, 39, 67, 127, 158, 168, 209, 307.
 Càn giờ (đạo), II, 186.
 Càn húc, I, 42.
 Càn thơ, I, 262; II, 28, 52.
 Càn vọt, I, 226, 238, 242, 261.
 Cầu bông (nguồn), IV, 340.
 Cầu lim, III, 159.
 Cầu nam, I, 135, 154, 193, 194, 221, 222, 233.
 Cầu ngói, I, 34.
 Cầu Ngũ, II, 75.
 Cây báng (cửa), IV, 389.
 Cô á (thành), II, 64, 183.
 Cô độc (núi), I, 100.
 Cồ chiền (đạo) II, 134.
 Cồ chiền (cửa biển), II, 127.
 Cồ cò (sông), II, 90.
 Cồ công (đảo), I, 233.
 Cồ cốt (đảo), I, 233; II, 49, 58, 65.
 Cồ dưng (bảo), III, 144.
 Cồ kháng (sách), IV, 274.
 Cồ lạc, II, 38.
 Cồ lâm, I, 127.
 Cồ lâm (nguồn), II, 414; III, 125.
 Cồ long (đảo), II, 48.
 Cồ lũy, III, 239.
 Cồ lũy (cửa biển), II, 321, 387.
 Cồ tiết, III, 379.
 Cồ tỉnh (lũy), I, 209.
 Cồ trai, III, 379.
 Còn lòn, I, 159, 161, 222; II, 48, 66, 126, 232; III, 238.
 Còn man, I, 212, 221, 224, 225.
 Còn Cát (lũy), I, 49.
 Còn tiên, I, 36.

- Cồn Lương, I, 99, 107.
 Cống Giác, I, 89.
 Cơ thành (lãng), II, 440 ;
 III, 373.
 Cu đê, I, 250, 251, 252 ; II,
 262, 397.
 Cu đê (lũy), I, 69.
 Cu thai, II, 263.
 Cù (vũng), IV, 369.
 Cù ao, I, 163, 193.
 Cù ba (nguồn), III, 303.
 Cù huân (cửa biển), II, 179,
 209, 210, 260, 264, 295, 351,
 355, 358 ; III, 240 ; IV, 208.
 Cù huân (vũng), II, 307.
 Cù lao, I, 185.
 Cù mông, II, 357, 358, 384 ;
 III, 343 ; IV, 70.
 Cù mông (núi), II, 340, 354, 355.
 Cù Văn Liêm, II, 198.
 Cung quăng (dèo), II, 175, 413.
 Cư chinh, II, 440 ; III, 267, 337.
 Cư hóa, II, 440.
 Cư hà, I, 119.
 Cửa Đại, II, 127, 134.
 Cửa Triều, II, 127, 134.
 Cương giản, I, 105.
 Cường thành (đạo), II, 31, 127.
 Cường Uy (đạo), II, 127.
 Cự dinh, II, 178.

CH

- Cha-bôn, III, 330.
 Chà-bàn (thành), I, 256.
 Chà và, I, 125, 161, 238 ; II, 52,
 61.
 Chà và (giặc biển), II, 162, 241 ;
 III, 238 ; IV, 334, 352.
 Chà và (nước), II, 209, 258.
 Châm (người), I, 78.
 Châm (lũy), II, 121.
 Chân bôn, II, 49, 141, 225, 233.
 Chân định, III, 230.
 Chân lạp, I, 98, 122, 125, 136,
 141, 149, 153, 159, 162, 163,
 167, 173, 175, 176, 179, 181,
 193, 199, 210, 216, 221, 224,
 225, 233, 235, 238, 240, 259 ;
 II, 32, 35, 37, 41, 49, 52, 287,
 288, 317 ; III, 45, 143, 308,
 343, 347, 385, 396 ; IV, 98,
 130, 146, 151, 154, 174, 195,
 244, 250, 264, 269, 309, 356,
 389.
 Chân lạp (binh), II, 345.
 Chân lộc, III, 161.
 Chân sum, I, 226.
 Chấn (cai cơ), II, 28.
 Chấn (giặc), IV, 286.
 Chát tri, II, 37, 38, 39.
 Châu cầu, III, 42.
 Châu dã, II, 317.
 Châu đốc, I, 226, 240, 242 ; II,
 243 ; IV, 147, 317.
 Châu đốc (bão), IV, 273, 362.
 Châu đốc (đạo), II, 126, 186 ;
 IV, 165.
 Châu đốc (khơi sông), IV,
 286, 389.
 Châu ò, I, 254.
 Chế Phú, II, 209.
 Chế Vinh, I, 148.
 Chi nê (bão), IV, 165

- Chi phụ, II, 352.
 Chi quan (xã), IV, 133.
 Chi Văn Yên, II, 96.
 Chỉ lộ (bảo), II, 446.
 Chiêm Đạo-luật, I, 137, 139.
 Chiêm dinh, II, 263.
 Chiêm dữ (củ lao Chàm), II, 397.
 Chiêm hóa, III, 40.
 Chiêm thành, I, 43, 83, 112, 147, 159, 214.
 Chiêm sơn, III, 95.
 Chiên đàn (nguồn), III, 96.
 Chiến sai (đạo), II, 198.
 Chiêu A-nỗ, III, 260.
 Chiêu Ấn, II, 402.
 Chiêu chùy, IV, 389.
 Chiêu Chùy biện, II, 52, 136, 151, 269.
 Chiêu chùy Éch, I, 224.
 Chiêu chùy Mô, II, 32.
 Chiêu Đức, I, 97.
 Chiêu Đốc Đa, I, 233.
 Chiêu Nam cốc, II, 54.
 Chiêu Nội, III, 150, 169, 238; IV, 11.
 Chiêu Ngọa, IV, 383.
 Chiêu Ôn-mãnh, III, 45; IV, 20.
 Chiêu Sương, II, 55, 57, 59.
 Chiêu Tạng, II, 55, 57, 59.
 Chiêu tẩn, IV, 314.
 Chiêu thái (núi), I, 258.
 Chiêu Thủy, I, 233, 240, 242.
 Chiêu Xỉ xoang, I, 233.
 Chiêu Đồn-không, I, 182.
 Chiết tây, I, 178.
 Chính lộc (chợ), II, 382.
 Chính thủy, I, 108, 116, 120.
 Chông (hòn), II, 52, 192.
 Chông hàm (bảo), II, 315.
 Chợ Chu (bảo), IV, 13.
 Chợ Mơ, II, 118.
 Chợ Ròn (bảo), II, 420.
 Chu (tổng đốc), II, 28.
 Chu An, IV, 8.
 Chu Bang ký, IV, 385.
 Chu di nỗ nhi, II, 137.
 Chu Đình Thọ, IV, 387.
 Chu Hữu Tài, I, 99, 106.
 Chu Kiên Thắng, I, 148, 149.
 Chu mãi (cửa biển), III, 343.
 Chu mãi (núi), IV, 190.
 Chu mãi (vung), II, 397.
 Chu Nhuận Trung, I, 162.
 Chu Phần, III, 331.
 Chu Tứ ký, IV, 225.
 Chu thị (núi), I, 107.
 Chu Văn Quan, II, 78.
 Chu Văn Tiếp, I, 255, 257, 262; II, 31, 36, 37, 42, 43, 45, 47, 53, 54, 55, 56.
 Chu Văn Yên, II, 237.
 Chu Viễn Quyền, II, 66, 166.
 Chu Vĩnh Cát, IV, 177.
 Chủ sơn (bảo), II, 191, 355, 358, 368.
 Chúa Hiền, I, 80.
 Chúc a, IV, 92.
 Chủ chân (sách), II, 125.
 Chủ châu, II, 210, 219.
 Chủ châu (trạm), II, 346.
 Chủ Văn Nhị, IV, 66.

D

- Da Khê (trạm), II, 346.
 Dao luật, I, 140. X. Chiêm Dao-
 luật.
 Dàn Khâm (đảo), I, 233.
 Dầu mít, I, 259, 260.
 Dê phụ, II, 174.
 Diêm hộ (bảo), III, 378.
 Diêm trường, I, 34.
 Diêm áo, II, 158.
 Diên Khánh, I, 43, 208, 226,
 244, 245; II, 168, 193, 195,
 202, 203, 214, 220, 244, 274,
 331, 352.
 Diên Khánh (thành), II, 179;
 III, 50.
 Diên Lược, I, 91.
 Diên ninh, I, 83, 147, 156.
 Diên thành, II, 118.
 Diển điện, I, 233; II, 60, 61,
 280; III, 368; IV, 28, 154.
 Diễn (hoàng tử), I, 40.
 Diễn Phái, I, 177.
 Diễn Thọ, I, 93.
 Diệp Hội, IV, 310.
 Diệp Mã lăng, I, 209.
 Diệp Mậu, III, 175; IV, 44.
 Diệu (đô đốc), I, 103.
 Diệu (thống suất), I, 252.
 Diệu Đức, I, 141, 142.
 Dinh (sông), II, 392.
 Dinh Cát, I, 253. X. Cát dinh.
 Dinh Cầu, I, 81.
 Dinh Mười, I, 78.
 Dinh Trạm, II, 450.
 Do nha I, 102.
 Doãn Đức, I, 249.
 Doãn châu, I, 154.
 Đốc ngư, II, 44, 55, 59.
 Du Kỹ, II, 58.
 Du lai, II, 202, 272.
 Du lai (thủ), II, 199, 240.
 Du lai (trạm), II, 346; III, 254.
 Du lâm, II, 216, 217.
 Du quân (trạm), II, 340, 346.
 Du thôn (ái), III, 63.
 Dũng quyết (núi), I, 104; III,
 189.
 Duy Diêu, I, 198, 202.
 Duy Đàm, I, 36.
 Duy Đường, I, 162.
 Duy Hợp, I, 123.
 Duy Hựu, I, 73.
 Duy Kỳ, I, 49.
 Duy Phướng, I, 192.
 Duy Tân, I, 40.
 Duy Thần, I, 198.
 Duy Tường, I, 195.
 Duy Vũ, I, 108.
 Duy Xuyên, I, 43.
 Duy ninh, I, 191.
 Dự nguyên, II, 357.
 Dương (hoàng tôn), I, 249, 250.
 Dương (sách), IV, 47.
 Dương Bao lai, I, 209.
 Dương Công Bảo, II, 149.
 Dương Công Chính, IV, 199.
 Dương Công Tông, III, 43; IV,
 366, 380.
 Dương Công Trang, IV, 226.
 Dương Công Trường, II, 29, 32,
 34, 37, 41, 42, 44, 47, 59, 60.
 Dương Duy Thanh, II, 20.
 Dương Đình Cúc, III, 307; IV,
 92.

- Dương Đình Trượng, IV, 7.
 Dương Đức Tuy, IV, 173.
 Dương hiệp, I, 97.
 Dương Hồ, I, 90.
 Dương Khả Đại, II, 263.
 Dương Long Phát, II, 263.
 Dương nỗ (xã), IV, 78.
 Dương Ngạn-dịch, I, 125, 135, 138.
 Dương Như Đình, IV, 12.
 Dương Phúc Trung, IV, 387.
 Dương Quýnh, I, 105.
 Dương Sơn, I, 69.
 Dương Tiến Dực, II, 228.
 Dương Thất Nguyên, III, 37, 78.
 Dương Trí, I, 92.
 Dương Vạn, I, 177.
 Dương Văn Châu, IV, 48, 115.
 Dương Văn Chiền, II, 199.
 Dương Văn Quế, IV, 66.
 Dương Văn Trí, IV, 361.
 Dương Vịnh, III, 188; IV, 365.
 Dương xá, III, 42, 189.
 Dương xuân, I, 93, 199, 156.

Đ

- Đà-bồng (nguồn), III, 303.
 Đà diên (sông), II, 211, 292, 390; III, 246.
 Đà-năng (cửa), I, 125, 194; II, 261, 388, 397; IV, 182, 189, 323.
 Đá bia (núi), I, 44.
 Đá vách (mọi), I, 238; III, 103.
 Đại (cửa), II, 54.
 Đại-an, III, 161.
 Đại an (cửa), I, 41.
 Đại an (trạm), II, 346.
 Đại cở lũy (cửa biển), II, 194.
 Đại chiêm, I, 69; II, 176; III, 215, 239.
 Đại đan, I, 246.
 Đại đồng, I, 39, 148; II, 59.
 Đại giang, I, 221.
 Đại Khê (trạm), II, 346.
 Đại la (kho), II, 318.
 Đại lãnh (đèo), II, 274, 299, 340.
 Đại nại, I, 92; III, 42.
 Đại nại (kho), IV, 44.
 Đại man, III, 40; IV, 108.
 Đại phố (bãi), I, 209.
 Đại sản, I, 178.
 Đại tây, II, 49, 63, 98.
 Đàm Kỳ-trân, III, 105.
 Đàm thủy, II, 261, 311; III, 14.
 Đan nhai (cửa), I, 89, 93.
 Đàn lâm, II, 311.
 Đàn linh, II, 252.
 Đàn linh (núi), II, 249.
 Đào Công Giản, II, 352.
 Đào Duy Dụng, II, 363.
 Đào Duy Mân, III, 22.
 Đào Duy Từ, I, 51, 65.
 Đào Duy Thìn, II, 363.
 Đào lô, II, 216.
 Đào lô (sông), II, 314.
 Đào Quang Lý, IV, 147, 153.
 Đào Quang Nhiều, I, 90, 106, 121.
 Đào Văn Cúc, IV, 175.
 Đào Văn Cửu, IV, 225.

- Đào Văn Hồ, II, 172, 174; III, 35.
Đào Văn Kỳ, II, 439.
Đào Văn Lễ, III, 27.
Đào Văn Lương, II, 174, 450; III, 109; IV, 11, 272.
Đào Văn Thái, II, 325.
Đào Văn Thành, III, 375; IV, 162, 282, 332, 389.
Đào Xuân Thứ, IV, 215.
Đào Xuân Thự, IV, 170, 246, 334.
Đạt Thành, I, 193.
Đãng (xá sai), I, 153.
Đãng Doanh, I, 91.
Đãng giang, I, 261; II, 28, 47.
Đãng trại (bảo), II, 254, 271.
Đãng Xương, I, 29, 248, 253, 257.
Đãng đề, I, 91.
Đặng (cai đội), I, 248.
Đặng Đại Cương, II, 193.
Đặng Đình Cầm, IV, 211.
Đặng Đình Hữu, III, 368.
Đặng Đình Văn, II, 43.
Đặng Đirc Bình, IV, 109.
Đặng Đirc Sừ, II, 319, 449; III, 18, 260, 333, 337; IV, 45, 66.
Đặng Huy Dư, IV, 317.
Đặng Hữu Đào, II, 169, 179, 217, 220.
Đặng Hữu Thận, IV, 334.
Đặng Minh Tác, I, 86, 87.
Đặng Phúc Trung, IV, 165, 365.
Đặng Thế Công, I, 95.
Đặng Thị Huệ, II, 44.
Đặng Trần Siêu, IV, 51, 108, 161, 165.
Đặng Trần Thường, II, 198, 206, 241, 265, 267, 292, 343, 433, 453; III, 5, 34, 50, 146, 158, 269; IV, 6, 45, 118, 197, 304.
Đặng Văn Đẳng, III, 5, 35, 42.
Đặng Văn Lương, II, 46, 56.
Đặng Văn Minh, I, 173.
Đặng Văn Phong, I, 260.
Đặng Văn Toán, IV, 229.
Đặng Văn Trấn, II, 59, 63, 64.
Đặng Văn Trinh II, 115.
Đáp-cầu, III, 170.
Đâu mâu (lũy), I, 115.
Đâu mâu (núi), I, 60, 157.
Đâu rồng ong, II, 80.
Đèo Cả [Đại lãnh], II, 210.
Đèo Chinh Kiều, IV, 99.
Đèo Chinh Ngọc, III, 287.
Đèo Chinh Tuyên, IV, 99.
Đèo Quốc Kiên, IV, 207.
Đèo Quốc Ngọc, IV, 165.
Đèo Quốc Quý, IV, 99.
Đèo Quốc Thê, IV, 248.
Đèo Quốc Uy, III, 213, 287.
Đèo-vang (bảo), III, 218.
Đề Đô luyện, II, 32.
Đề đô minh, IV, 98.
Đề định, III, 40.
Địch (tướng), I, 89.
Điền (bến), I, 92.
Điền thủy, I, 28.
Điền xá, III, 365.
Điền Nghệ, I, 263.
Điện (giặc), IV, 286.
Điện bản, I, 33, 43, 63, 78, 156, 167, 191, 254, 255; II, 63.
Điện hải (đài), IV, 182.
Điện thạch, II, 48.

- Điều khiển (chợ), I, 216.
 Đinh Công Khâm, II, 223.
 Đinh Công Lương, IV, 165.
 Đinh Công Oai, III, 307.
 Đinh Công Tuyết, II, 453; III, 5, 62; IV, 361.
 Đinh Công Thành, IV, 165.
 Đinh Công Xuyên, III, 311.
 Đinh Đạt Biểu, II, 346; III, 219.
 Đinh Đức Nhuận, I, 104.
 Đinh Đức Tuấn, I, 134.
 Đinh Ký Kế, IV, 250.
 Đinh Phiên, IV, 250, 373.
 Đinh Quang Châu, IV, 12, 13.
 Đinh Thế Đội, IV, 377.
 Đinh Thế Học, IV, 165.
 Đinh Văn Dự, III, 339.
 Đinh Văn Nhã, III, 256; IV, 110, 206, 246.
 Định (ngụy), IV, 314.
 Định (tư khấu), II, 380.
 Định châu, III, 40.
 Định hóa, III, 40; IV, 29.
 Định môn, I, 152; III, 267; IV, 142.
 Định tường, I, 156; III, 361; IV, 109.
 Định tường (lý sở), IV, 37.
 Định viên, I, 195, 208, 225; II, 32; III, 361.
 Đoàn Bá Giai, III, 208.
 Đoàn Cảnh Cư, II, 105, 151.
 Đoàn Công Duệ, II, 58.
 Đoàn Công Lễ, III, 175.
 Đoàn Công Nghi, IV, 38.
 Đoàn Chấn (giặc), IV, 357.
 Đoàn Đại Thận, III, 27.
 Đoàn Đức Khánh, IV, 363.
 Đoàn Khắc Cung, IV, 305.
 Đoàn Ngọc Quyền, II, 105.
 Đoàn Quang Hoảng, IV, 387.
 Đoàn Thành, I, 91.
 Đoàn Trọng Viên, II, 242.
 Đoàn Văn Cát, II, 292.
 Đoàn Văn Chất, IV, 73, 350.
 Đoàn Văn Hòa, IV, 387.
 Đoàn Văn Hoảng, II, 139.
 Đoàn Văn Khoa, II, 58, 76.
 Đoàn Văn Nghĩa, IV, 178.
 Đoàn Văn Tri, II, 161.
 Đoàn Văn Trương, III, 26.
 Đoàn Viết Nguyên, III, 126; IV, 45, 205, 288, 324, 352, 363.
 Đô Tín, I, 93.
 Đỗ Bằng, I, 257; II, 37.
 Đỗ Hoàn, I, 257.
 Đỗ Huy Diễm, II, 20.
 Đỗ Ky, I, 257.
 Đỗ Nhân Trập, II, 42, 43.
 Đỗ Phúc Thịnh, IV, 266, 382.
 Đỗ Quang, II, 5, 19.
 Đỗ Quý, IV, 194.
 Đỗ Thanh Nhân, I, 250, 257; II, 29, 32, 33, 34.
 Đỗ Thành Lâm, II, 232.
 Đỗ Thiên Thâm, IV, 13.
 Đỗ Trọng Toán, III, 368.
 Đỗ Văn Chương, IV, 268.
 Đỗ Văn Hoảng, I, 243.
 Đỗ Văn Huy, II, 240.
 Đỗ Văn Hựu, II, 52, 58, 82, 86.
 Đỗ Văn Minh, III, 252.
 Đỗ Văn Thịnh, II, 115.
 Đỗ Văn Trà, IV, 282.
 Độc (núi), II, 397.
 Đốc công (cửa), II, 51.

- Đốc me (bảo), II, 324.
 Đôn vương, I, 172.
 Đông an, IV, 73.
 Đông an (thôn), II, 96.
 Đông an (chợ), II, 263.
 Đông cao, I, 115; III, 6; IV, 108.
 Đông cung, II, 193, 195.
 Đông cung Cảnh, II, 262, 263, 386 — X. Đông cung.
 Đông dã, I, 204.
 Đông định vương, II, 65.
 Đông đô, I, 38, 41, 47, 66, 81, 121, 128, 186.
 Đông hải, I, 256; II, 41.
 Đông Hải bát, IV, 74.
 Đông hải vương, II, 394.
 Đông khẩu, I, 226, 241; III, 393; IV, 37.
 Đông khẩu (đạo), II, 126; IV, 30.
 Đông lan, I, 39.
 Đông phước, I, 125, 153; II, 48.
 Đông Phú-liệt, III, 176.
 Đông quan, III, 40.
 Đông sơn, I, 257, 260; II, 28, 37, 57; III, 173.
 Đông thành, IV, 334, 347.
 Đông tri, I, 162; III, 10.
 Đông tri thượng, I, 110.
 Đông xuân, I, 44.
 Đông Giang, I, 116.
 Đông hôn (lũy), I, 96, 98, 103.
 Đông hương, I, 232; III, 103; IV, 89.
 Đông hương (man), II, 181.
 Đông kỹ, III, 379.
 Đông lam, I, 256.
 Đông mỗ, IV, 182.
 Đông môn, II, 112; III, 393.
 Đông môn (đạo), II, 115, 248, 254; III, 13; IV, 324.
 Đông môn (bảo), II, 107, 274.
 Đông nai, I, 153, 225; II, 30, 75, 161.
 Đông nãi (nguồn), IV, 89.
 Đông nhai (sách) II, 349.
 Đông phù, IV, 389.
 Đông quán, IV, 97.
 Đông tuyên, II, 47, 56.
 Đông tranh (đạo), II, 186; III, 136.
 Đông tranh (cửa biển), II, 127.
 Đông xuân, I, 255.
 Đông Cát (lũy), I, 108.
 Đông dịch, IV, 92.
 Đông hải, II, 419, 425, 447, 450, 453; III, 7.
 Đông hải (hành cung), III, 33.
 Đông hải (bảo), II, 401.
 Đông hải (kho), II, 415.
 Đông hồ (lũy), I, 117.
 Đông hồi, I, 108.
 Đông hồi (lũy), I, 107, 115, 246.
 Đốt vương, I, 175.
 Đức (giặc), I, 210.
 Đức Nghiệp, I, 240.
 Đức Nhân, I, 149.
 Đức quang, III, 39.
 Đức Thọ, III, 39.
 Đức Thủy (núi), III, 146.
 Đường ám, III, 269.
 Đường lang (bảo), IV, 66.
 Đường sâm, III, 176.

E

- En-đê (nguồn), II, 410. 239, 392; IV, 81, 160, 184.
Eo (cửa), I, 64, 72, 73, 80, 116; Eo ùng (đồn), IV, 32.
II, 262, 397, 414; III, 131,

G

- Gầm (rạch), II, 57.

GI

- Gia binh, III, 40.
Gia Du, I, 134.
Gia dụ, I, 27.
Gia định, I, 154, 156, 163, 167, 179, 193, 210, 211, 221, 224, 226, 233, 242, 251, 254, 259; II, 27, 28, 35, 42, 49, 52, 55, 57, 61, 63, 64, 65, 76, 344, 349; III, 17, 40, 62, 83, 173, 179, 235, 312, 334, 342, 393; IV, 68, 94, 147, 163, 169, 187, 244, 270, 317.
Gia định (thành), II, 113; III, 360.
Gia định (thành đất), II, 129.
Gia định (giảm thuế), III, 93.
Gia-định (hương binh), IV, 148.
Gia định (phủ), I, 153.
Gia định (ruộng hoang), III, 120.
Gia định (trạm), III, 113, 206.
Gia định (quân chính), IV, 263.
Gia long (thông báo), III, 132.
Gia lộc ngoại, I, 170.
Gia miêu ngoại trung, I, 27, 51; III, 144.
Gia quất, III, 158.
Gia viễn, IV, 162, 327.
Già tri Giáp, II, 91, 107.
Giá Khê, I, 167, 226, 250, 262; II, 41.
Giá sơn (bão), IV, 303.
Giác-la Cát-khánh, III, 80.
Gian nan (đèo), II, 210, 216, 274, 299.
Giản thảo, II, 84.
Giang lăng, II, 42.
Giang lưu ba, II, 129.
Giang ngạn (bão), IV, 97.
Giàng khảm (núi), II, 61.
Gianh (sông), I, 44, 77, 80, 86, 88, 107, 108, 115, 116, 121, 246; II, 414, 443, 451; IV, 389.
Giao dịch (đạo), III, 92.
Giáo Quý, I, 252.
Giáp Phủ, IV, 51.

H

- Hà bạc, I, 191.
Hà bạc (thuộc), II, 325.
Hà Cá, IV, 180.
Hà Công Thái, II, 190, 349, 403; III, 105, 119, 221, 259; IV, 21, 136.

- Hà di, II, 356, 384.
 Hà Duy Phiên, II, 5, 19.
 Hà Đạt Hòa, IV, 97.
 Hà Đình Vịnh, III, 399.
 Hà đông, I, 33.
 Hà hoa, III, 39.
 Hà Huy, I, 210.
 Hà Hỷ-văn, II, 65, 66, 447; IV, 318.
 Hà kỳ (kênh), I, 130, 159.
 Hà khẩu, IV, 274.
 Hàm lam (trạm), IV, 42.
 Hà lão, II, 325; III, 176.
 Hà lâu, I, 253.
 Hà lung, IV, 47.
 Hà Mỹ, IV, 180.
 Hà Nguyễn Thứ, IV, 258.
 Hà nha, II, 193, 355.
 Hà nha (bảo), II, 194.
 Hà nội, I, 38.
 Hà Quốc Vưu, IV, 173.
 Hà ra (cửa biển), III, 27.
 Hà tiên, I, 167, 181, 198, 201, 208, 223, 226, 233, 234, 235, 238, 242, 262; II, 35, 41, 47, 53, 55, 63, 162, 225, 334; III, 83; IV, 33, 76, 109, 126, 148, 154, 271, 317, 389.
 Hà thanh, III, 39.
 Hà thân, I, 252.
 Hà thân (sông), IV, 189.
 Hà Trung, I, 52, 81, 85, 86, 90, 93, 121, 245, 251; II, 417; III, 42.
 Hà trung (đồn), III, 137; IV, 123.
 Hà trung (kho), IV, 44.
 Hà trử, III, 387.
 Hà Văn Đản, IV, 13.
 Hà Văn Diễm, IV, 391.
 Hà Văn Lộc, II, 71.
 Hà Vũ, IV, 137.
 Hạ châu, II, 78, 247, 294, 323; IV, 33.
 Hạ cơ, III, 269.
 Hạ hoa, III, 40.
 Hạ hòa, III, 40.
 Hạ hồng, III, 40; IV, 117.
 Hạ lời, IV, 108.
 Hạ môn, I, 223.
 Hạc hải, I, 57, 76.
 Hải (hoàng tử), I, 41.
 Hải cát (núi), I, 131.
 Hải dương (giặc), III, 261; IV, 207, 276.
 Hải dương (trấn), III, 39.
 Hải dương, I, 39, 40, 90, 128; III, 43; IV, 167.
 Hải đông, I, 223; IV, 40.
 Hải đông (đầm), IV, 41, 52.
 Hải đông (đồn), III, 27.
 Hải hạc (đồn), III, 27.
 Hải lăng, I, 33, 34, 63, 125, 167, 214, 253, 257.
 Hải-ninh, III, 40.
 Hải vân, II, 62.
 Hải vân (cửa), I, 249; II, 262, 410; III, 343, 392.
 Hải vân (núi), I, 42, 44, 256.
 Hàm giang, III, 170, 396.
 Hàm thủy (bảo), II, 382.
 Hàm thủy (đầm), II, 392.
 Hàm lương, II, 70.
 Hán (quận), I, 90.
 Hãn (hồ tướng), I, 252; II, 28.
 Hạp (thống binh), II, 41.
 Hắc (hoàng tôn), I, 41.
 Hăng (quận), I, 90.

- Hằng (tham đốc), I, 104.
 Hậu điện, II, 243.
 Hậu giang, I, 226, 242; II, 41, 243, 288.
 Hậu lộc, III, 40.
 Hiền sĩ, I, 187.
 Hiền sĩ (sông), I, 249.
 Hiền tông, III, 297.
 Hiệp (chương cơ), I, 49.
 Hiệp (hoàng tử), I, 114.
 Hiệp hòa (cửa), I, 250; II, 265, 267.
 Hiếu (sông), I, 50.
 Hiếu chiêu, I, 42, 68.
 Hiếu định, I, 222, 230, 250.
 Hiếu giang (bão), III, 229.
 Hiếu minh, I, 123, 145, 164.
 Hiếu ninh, I, 189.
 Hiếu nghĩa, I, 81, 132.
 Hiếu văn, I, 46, 68.
 Hiếu vũ, I, 29, 178, 201.
 Hiếu triết, I, 73, 80.
 Hoa an, II, 370.
 Hoa an (bão), II, 423.
 Hoa an (núi), II, 359.
 Hoa bông, II, 179.
 Hoa bông, (bão), II, 168.
 Hoa châu, I, 83, 191.
 Hoa khê, III, 40.
 Hoa lộc, II, 370.
 Hoa lộc (núi), II, 359.
 Hoa phong, III, 40.
 Hoa trai, I, 51.
 Hoa viên, I, 105.
 Hòa (tướng), I, 256.
 Hòa an, III, 40.
 Hòa đa, I, 153.
 Hòa Đức, I, 167, 169.
 Hòa khê, III, 269.
 Hòa lạc, III, 159.
 Hòa nghĩa, II, 30.
 Hòa Tin, I, 134, 141, 143.
 Hòa vang, I, 43.
 Hỏa xá, I, 214; III, 122.
 Hoài đức, III, 40, 246; IV, 345.
 Hoài nhân, I, 33, 43, 52, 63, 82.
 Hoan Trung, I, 107.
 Hoàng an, I, 202.
 Hoàng Bảo-hưng, III, 316.
 Hoàng Công Kỹ, II, 198.
 Hoàng Công Khanh, II, 265.
 Hoàng Công Lý, IV, 264, 334, 356.
 Hoàng Công Tuy, IV, 73.
 Hoàng Công Thanh, IV, 326, 353.
 Hoàng Công Thành, III, 136.
 Hoàng Công Xuân, III, 247; IV, 206, 221.
 Hoàng Công Yên, II, 234.
 Hoàng châu, III, 381.
 Hoàng chuyết (bão), IV, 77.
 Hoàng Đăng Diệu, II, 122.
 Hoàng Đăng Lý, III, 170.
 Hoàng Đình Hòa, III, 228.
 Hoàng Đình Thê, I, 245, 246, 249, 253; II, 62.
 Hoàng Đình Thích, III, 192.
 Hoàng Đức, IV, 357.
 Hoàng Đường, III, 44.
 Hoàng giang, I, 38, 62.
 Hoàng hà, III, 392.
 Hoàng Hưng Bảo, IV, 270.
 Hoàng Hữu Đức, II, 295.
 Hoàng Hữu Nhân, III, 363.
 Hoàng Kiêm Điền, III, 228, 338.

- Hoàng Kim Cơ, II, 223.
 Hoàng Kim Châu, IV, 274.
 Hoàng Kim Hoán, IV, 73, 234, 334, 335, 362, 373.
 Hoàng Kim Xán, IV, 183, 350.
 Hoàng Khảo, III, 301.
 Hoàng long, III, 223.
 Hoàng mai (bảo), IV, 334.
 Hoàng Minh Khánh, II, 80, 98, 183.
 Hoàng Minh Triết, III, 136.
 Hoàng Nghĩa Giao, I, 95, 104, 105.
 Hoàng Nghĩa Phác, I, 249.
 Hoàng Ngọc Uẩn, III, 30; IV, 65, 318.
 Hoàng Ngọc Văn, III, 279.
 Hoàng Ngũ Phúc, I, 245, 246, 249, 251, 253, 254, 256.
 Hoàng Như Lâm, IV, 206.
 Hoàng Như Lân, IV, 231.
 Hoàng Phàn, III, 242.
 Hoàng Phong Bát, III, 84, 382.
 Hoàng Phúc Bảo, II, 382.
 Hoàng Phúc Đạt, IV, 93.
 Hoàng Phúc Tài, IV, 361.
 Hoàng Phùng Cơ, I, 245, 248, 253; II, 62.
 Hoàng Quang, II, 152.
 Hoàng Quế Thành, III, 389.
 Hoàng Quốc Bảo, IV, 393.
 Hoàng sa, I, 222.
 Hoàng sa (đảo), IV, 245.
 Hoàng Sĩ Đức, IV, 297.
 Hoàng Sinh, I, 90, 94.
 Hoàng Tiên Thanh, II, 107.
 Hoàng Tiến, I, 125, 135.
 Hoàng Tiến Cảnh, II, 61.
 Hoàng Tố Lý, II, 44.
 Hoàng Tú Chung, II, 124, 130, 142, 143, 220.
 Hoàng Thạch Phong, II, 418.
 Hoàng Thần, I, 158.
 Hoàng Thu Nguyên, IV, 247, 286.
 Hoàng Thúc Đạt, III, 363.
 Hoàng Trọng Hộ, III, 28; IV, 12, 30.
 Hoàng Trọng Mỹ, I, 186.
 Hoàng Trọng Từ, II, 20.
 Hoàng Trung đồng, II, 253; III, 28, 129.
 Hoàng Văn Bật, I, 246.
 Hoàng Văn Bình, IV, 295.
 Hoàng Văn Càn, III, 223.
 Hoàng Văn Diên, III, 126; IV, 197, 205, 279, 338, 366, 380.
 Hoàng Văn Đệ, II, 80.
 Hoàng Văn Diêm, II, 117, 401, 442; III, 46; IV, 161, 295.
 Hoàng Văn Hán, II, 228, 346.
 Hoàng Văn Hưng, III, 100.
 Hoàng Văn Kim, III, 41.
 Hoàng Văn Khánh, II, 122, 142, 345, 393.
 Hoàng Văn Linh, III, 148.
 Hoàng Văn Luận, IV, 361.
 Hoàng Văn Ngữ, IV, 233.
 Hoàng Văn Nhị, IV, 378.
 Hoàng Văn Nhuận, III, 244.
 Hoàng Văn Quí, II, 118.
 Hoàng Văn Quyền, IV, 207, 297, 386, 392.
 Hoàng Văn Tại, IV, 212, 259.
 Hoàng Văn Toàn, III, 35.
 Hoàng Văn Từ, II, 382.
 Hoàng Văn Thái, IV, 138, 192.
 Hoàng Văn Thành, II, 226.

- Hoàng Văn Thắng, II, 240.
 Hoàng Văn Trám, IV, 361.
 Hoàng Văn Trinh, II, 329.
 Hoàng Văn Vị, IV, 397.
 Hoàng Văn Viên, III, 26.
 Hoàng Văn Ung, IV, 191.
 Hoàng Văn Uy, IV, 201.
 Hoàng Việt Toàn, II, 104, 156,
 164, 348, 355, 419; III, 17, 47,
 267; IV, 42, 151, 191, 344, 347.
 Hoàng Vĩnh, III, 27.
 Hoàng Xuân Tú, IV, 185.
 Hoàn Cảnh, I, 104.
 Hoàn Lễ, I, 76.
 Hoàn lũy, I, 104.
 Hoàn sơn, I, 31, 66, 81, 85,
 86, 95, 106; II, 401, 420.
 Hoắc Nhiên, I, 233.
 Hoảng Lễ, I, 128.
 Hoảng Lược, I, 141.
 Hoảng phúc, I, 72, 109.
 Hoảng Phương, I, 117.
 Hoảng Tin I, 93.
 Hoảng trấn, II, 32.
 Hoảng Vinh, I, 92.
 Hóc môn, I, 261.
 Hòn Chông, II, 192. X. Chông.
 Hòn Khoai, III, 382.
 Hòn Khói, I, 245, 254; II, 37,
 169, 210.
 Hòn Khói (vũng), II, 350.
 Hòn Tre, II, 241.
 Hòn Xú, III, 303.
 Hồ Bôi, IV, 356.
 Hồ Công Diệu, II, 403; III, 247.
 Hồ Công Hoán, IV, 386.
 Hồ Công Siêu, II, 40.
 Hồ Công Thuận, IV, 197, 313,
 349, 370.
 Hồ Đình Vực, IV, 363.
 Hồ Đồng, II, 33, 47.
 Hồ Đức Vạn, II, 106, 313.
 Hồ Phúc Uân, II, 80.
 Hồ Quang Đại, I, 112.
 Hồ Sĩ Dương, I, 106.
 Hồ Tiến Chân, III, 50.
 Hồ Tiến Lộc, IV, 374.
 Hồ Thế Học, II, 407, 449.
 Hồ Văn Bội, II, 54; III, 98,
 337.
 Hồ Văn Cửu, II, 234.
 Hồ Văn Diễm, III, 138.
 Hồ Văn Định, II, 80, 242.
 Hồ Văn Đức, IV, 245, 266.
 Hồ Văn Giao, II, 170.
 Hồ Văn Hoạch, III, 138.
 Hồ Văn Lân, II, 29, 32, 38, 42,
 46, 52, 53, 69, 112, 118, 168;
 III, 249; IV, 225.
 Hồ Văn Nghị, II, 63.
 Hồ Văn Sĩ, II, 329.
 Hồ Văn Tú, II, 400.
 Hồ Văn Tự, II, 118, 169, 412.
 Hồ Văn Chất, III, 92; IV, 225,
 323.
 Hồ Văn Thuật, II, 329.
 Hồ Văn Trương, II, 150; IV,
 339.
 Hồ Văn Uân, IV, 387.
 Hồ xá, I, 35, 187, 247; II, 450;
 IV, 107.
 Hồ xá (kênh), I, 111.
 Hồ châu, II, 67, 86.
 Hồ dương (đèo), I, 83.
 Hồ Ky, I, 258.
 Hồ mang (sông), I, 40.
 Hồi trung, III, 269.
 Hồi oa, II, 70, 72.

- Hội (cửa), I, 89, 186, 252; II, 261, 263, 387.
 Hội an, IV, 71.
 Hội an (bảo), II, 311, 352, 390, 393.
 Hội an (chợ), II, 193, 292.
 Hội nguyên, III, 381.
 Hội thống (cửa), I, 104; III, 34, 240.
 Hội-thương-trọng, III, 193.
 Hôn cốc, II, 176, 311, 317.
 Hồn thủy, II, 161.
 Hồng lĩnh, I, 91, 100.
 Hồng mao, II, 251, 269, 282; III, 134, 348, 371; IV, 157.
 Huê giang (chợ), IV, 176.
 Huệ (chương cơ), I, 149.
 Huệ tông, III, 301.
 Hùng Lộc, I, 83.
 Hùng quan, III, 40.
 Hùng thắng (đạo) II, 198.
 Huỳnh Văn Tự, II, 412.
 Hứa Ninh an, IV, 241.
 Hưng bình (nguồn), II, 414.
 Hưng hóa, III, 44, 62, 347; IV, 167, 314.
 Hưng-hóa (mỏ), III, 84.
 Hưng-hóa (trấn), III, 39.
 Hưng hóa (thồ phi), IV, 207.
 Hưng na (sông), IV, 5.
 Hưng nhân, III, 40.
 Hưng phúc, I, 210, 211, 225; II, 149, 179; III, 393.
 Hưng phúc (đạo), II, 104, 115, 248; IV, 324.
 Hưng phúc (kho), IV, 7.
 Hưng phúc (thành), I, 98.
 Hưng thịnh (núi), II, 397.
 Hưng Triệt, I, 158.
 Hương (sông), II, 441.
 Hương bình, I, 153.
 Hương bộc, I, 93.
 Hương cần, I, 216.
 Hương đôi, I, 262.
 Hương sơn, II, 431; IV, 363.
 Hương trà, I, 33, 62, 113, 167, 257.
 Hương úc, I, 167, 226, 238.
 Hữu Đức, I, 86.
 Hữu trạch (nguồn), II, 414.
 Hy (hoàng tử), II, 345, 351, 395.
 Hy giang, I, 33, 43.
 Hy tông, III, 293.

K

- Kê Khê (thủ), II, 199.
 Kê-lê-môn, III, 348; IV, 157.
 Kế bà tử, I, 147, 148, 149, 150, 170, 175, 178, 180; II, 188.
 Kênh Sát, III, 142.
 Kiêm Đức, I, 172.
 Kiêm Long, I, 246.
 Kiên đôn (đạo), II, 99.
 Kiên giang, I, 226, 240, 242; II, 55, 225; III, 215, 361, 393; IV, 89, 148.
 Kiên giang (đạo), II, 96, 137, 164, 185.
 Kiên giang (thuế sản chim), IV, 335.
 Kiên Lê, I, 120.
 Kiến (tướng), I, 38.
 Kiến an, II, 32, 247; III, 361.

- Kiến đàng, III, 361.
 Kiến đàng (sông), IV, 351.
 Kiến hòa, II, 166; III, 361.
 Kiến hưng, III, 361.
 Kiến thủy, IV, 353.
 Kiến xương, I, 38; III, 368.
 Kiều (sách), IV, 47.
 Kiều Công Tuấn, IV, 231, 248.
 Kim anh, III, 40.
 Kim bông, II, 392.
 Kim bông (cửa biển), III, 27.
 Kim dũ, III, 303.
 Kim đôi, I, 117.
 Kim đôi (đập đập), IV, 67.
 Kim hoa, III, 40.
 Kim long, I, 70.
 Kim ngọc, III, 267.
 Kim ngọc (núi), I, 144.
 Kinh bắc, III, 43, 378, 392; IV, 51, 162, 167, 374.
 Kinh bắc (trần), III, 38.
 Kinh dinh (bảo), II, 275.
 Kinh Khê, III, 379.
 Kim môn, III, 74, 232.
 Kinh thành, III, 241, 332.
 Kinh (thống binh), II, 41.
 Kinh Điền, I, 33.
 Kinh lão (xã), IV, 108.
 Kỳ (hoàng tử), I, 68.
 Kỳ anh, III, 40.
 Kỳ hoa, I, 89, 90, 106; III, 40.
 Kỳ la (cửa), I, 64, 88.
 Kỳ nguyên, II, 369.
 Kỳ sơn, II, 171; III, 7, 381.
 Kỳ vĩ, III, 379.
 Kỳ Thiệu, I, 86.

TIMSACH.COM.VN

KH

- Kha hô, III, 348.
 Kha Khâm, I, 222.
 Kha xuyên (cửa), IV, 176.
 Khải Vận (núi), I, 44.
 Khang lộc, I, 33, 63, 121, 167, 214, 257.
 Khâm cát, II, 431.
 Khâm Minh, I, 146.
 Khe gà, II, 272. X. Kê Khê
 Khê ôi (cổng), IV, 136.
 Khê thủy (trạm), II, 346.
 Khế giang (sách), IV, 138.
 Khoa (sông), II, 28.
 Khoa Nộn, III, 326.
 Khoa trường, I, 32.
 Khoái châu, III, 365, 376.
 Khố sơn, II, 210, 218.
 Khố sơn (bảo), II, 172.
 Khồ đạt mang, IV, 244.
 Khôi diêu (lò vôi) II, 449.
 Khôn hiền (mỏ chì), III, 127.
 Khôn sĩ thi na, II, 338.
 Khôn a nỡ Lạc phu thông, IV, 163.
 Khu độc, I, 104.
 Khu độc (sông), I, 90.
 Khu sa Lũ reo, I, 223.
 Khúc tượng (núi), III, 131.
 Khuê (giặc), IV, 235.
 Khuê Thắng, I, 89.
 Khương (phó chiến), II, 51.
 Khương chánh, IV, 52.

L

- La a (núi), II, 271.
 La bích, I, 163, 180, 224, 142; II, 32, 38; III, 96; IV, 101, 102, 103, 114, 146, 169, 187, 188.
 La bích (đỉnh), III, 148.
 La bốn, IV, 114.
 La chữ (núi), I, 176.
 La di, II, 272.
 La di (thủ), II, 199.
 La dao, IV, 47.
 La đời, II, 392.
 La hàn, II, 213.
 La Khê (núi), I, 44, 229, 264.
 La phù (động), III, 223.
 La qua, II, 263, 264.
 La qua (bão), II, 392.
 La sơn, I, 100; II, 431.
 La thái, II, 178, 390, 419.
 La thái (bão), II, 177, 352, 356, 384.
 La thế, IV, 47.
 Lá bốn (đạo) II, 248.
 Lã Hữu Định, IV, 67.
 Lạc (cửu), III, 246.
 Lạc già, I, 58.
 Lạc hoàn, III, 107, 215, 337; IV, 115.
 Lạc hoàn (Man), IV, 215, 315.
 Lạc thổ, III, 383.
 Lạc xuyên, I, 86, 88, 89.
 Lạc xuyên hạ, I, 89.
 Lạc xuyên thượng, I, 89.
 Lai cách, I, 115, 159, 199; III, 107.
 Lai châu, IV, 314.
 Lai Chiêm-hòa, IV, 74.
 Lai Thế Thi, I, 90.
 Lam (sông), I, 91, 92, 103.
 Lam kiều, II, 172.
 Lam Khê, III, 129.
 Lãm sơn (núi), IV, 33.
 Lan (tướng), I, 102.
 Lang Công Cận, I, 97.
 Lang chánh, III, 40; IV, 183.
 Lãng Khê, I, 103, 104.
 Lãng phi Văn khôn, I, 223.
 Lãng uyên, I, 35.
 Làng thin, IV, 186.
 Lạng phụ, II, 67.
 Lạng sơn, I, 39, 186; III, 41, 43, 310; IV, 154, 167.
 Lạng-sơn (thuế diêm tiêu), III, 192.
 Lạng-sơn, (trấn), III, 39.
 Lãn Khê, III, 142.
 Lãn vạn (bão), IV, 312.
 Lãn thủy (bão), IV, 334.
 Lao đôi, I, 155.
 Lào (man), IV, 244.
 Lào lung, III, 45.
 Lão hương (núi) II, 355.
 Lão lãn (núi), II, 215.
 Lão mác (bão), II, 373.
 Lạp Khê, II, 53.
 Lạp quán, II, 217, 370.
 Lạp trường (bão), II, 210.
 Lạt sơn (xã) IV, 219.
 Lãng (tướng), II, 30.
 Lâm (tên), I, 253.
 Lâm an, III, 40, 393; IV, 353.
 Lâm an (đất), IV, 314.
 Lâm Bảo, III, 215.
 Lâm Húc, II, 47.
 Lâm Ngũ quan, II, 136.
 Lâm Quý, III, 215.
 Lâm Tông-huỳnh, III, 280.

- Lâm thang (thành), II, 157.
 Lâm Văn Giảng, II, 95.
 Lâm xuân, I, 128.
 Lãm úc, I, 253. X. Vững Lãm.
 Lân (đô đốc), I, 97.
 Lân (sách), IV, 47.
 Lận sơn, I, 104.
 Lập Bạo, I, 34.
 Lập thạch, I, 76.
 Lật giang, I, 193; II, 30, 41, 42, 47.
 Lầy nục, II, 252.
 Lê Ân Đức, I, 140.
 Lê Bá Ly, I, 28.
 Lê Bá Phẩm, II, 199; III, 17, 159, 231, 246; IV, 7, 186, 207, 290, 367, 378.
 Lê Bình Khuê, IV, 185.
 Lê Cảnh Đức, I, 184.
 Lê Cao Kỳ, I, 227.
 Lê Công Bật, III, 28.
 Lê Công Cúc, II, 122; III, 64.
 Lê Công Hạnh, II, 106.
 Lê Công Lý, III, 364; IV, 200, 266, 310, 345.
 Lê Công Trấn, II, 63.
 Lê Công Trực, IV, 369.
 Lê Công Xuân, II, 223; III, 124.
 Lê Chấn, IV, 205.
 Lê Chất, II, 310, 316, 354, 370, 393, 399, 400, 405, 409, 411, 448; III, 11, 14, 33, 69, 101, 116, 375, 377; IV, 17, 64, 162, 177, 244, 343, 369, 374.
 Lê Chính Lộ, III, 51, 253; IV, 170, 183, 193, 205.
 Lê Chính Việp, I, 234.
 Lê Chử, II, 29.
 Lê Dãnh, IV, 161.
 Lê Duy An, III, 227.
 Lê Duy Đản, II, 81; III, 49; IV, 198, 208.
 Lê Duy Đạt, III, 44, 147.
 Lê Duy Hoán III, 161; IV, 304, 319, 321.
 Lê Duy Kỳ, II, 63, 81, 102; III, 209.
 Lê Duy Khải, IV, 345, 369.
 Lê Duy Mật, I, 215, 228.
 Lê Duy Phán, IV, 151.
 Lê Duy Thản, IV, 369.
 Lê Duy Thanh, III, 178; IV, 232.
 Lê Duy Vỹ, I, 241.
 Lê Đại Cương, IV, 125, 382.
 Lê Đại Nhậm, I, 53.
 Lê Đại Nghĩa, II, 137; III, 126.
 Lê Danh Phong, II, 400, 425.
 Lê Đạt, II, 82.
 Lê Đắc Đồng, I, 113.
 Lê Đắc Lộc, IV, 10.
 Lê Đắc Tần, III, 27, 37; IV, 14, 190, 248, 314, 371.
 Lê Đăng Doanh, IV, 305.
 Lê Đăng Khoa, II, 124, 169, 172, 177.
 Lê Đăng Trung, II, 139.
 Lê Đình Ân, III, 317.
 Lê Đình Chính, II, 451; III, 6, 43.
 Lê Đình Điền, III, 92.
 Lê Đình Kiểm, II, 133, 175, 183, 227.
 Lê Đình Tước, IV, 170.
 Lê Định, I, 162.
 Lê Đô, II, 192.
 Lê Đoàn, IV, 161, 219.
 Lê Đồng Lý, IV, 195, 336, 362.
 Lê Đức Tần, IV, 119.

- Lê Đức Thận, III, 103.
 Lê giang, I, 33, 43.
 Lê Hồng-đức (hình luật), III, 66.
 Lê Hoành Giảng, I, 147, 172, 185.
 Lê Hiếu Hữu, II, 20.
 Lê Hy, IV, 208, 333.
 Lê Huy Du, III, 188; IV, 145, 392.
 Lê Huy Đức, I, 225.
 Lê Huy Sầm, III, 78.
 Lê Huy Tích, IV, 10.
 Lê Huy Trầm, III, 49.
 Lê Hữu Độ, II, 328.
 Lê Hữu Đức, I, 81, 85.
 Lê Hữu Khám, III, 228.
 Lê Khuê, I, 53.
 Lê Kim Nhượng, III, 362.
 Lê Lan, I, 28.
 Lê Lãng, IV, 37.
 Lê Lương Thận, III, 262.
 Lê Minh Huy, III, 44.
 Lê Ninh, I, 28.
 Lê Nghĩa Trạch, I, 41.
 Lê Nguyên, III, 44, 126.
 Lê Oanh, I, 27.
 Lê Phi Mại, IV, 52.
 Lê Phong, III, 136.
 Lê Phúc Bình, II, 44.
 Lê Phúc Diễn, II, 142, 143, 152.
 Lê Phúc Điền, II, 31, 44, 48, 100, 107; IV, 145, 387.
 Lê Phúc Hậu, IV, 266.
 Lê Phúc Mão, II, 80.
 Lê Quang Đại, I, 192, 198, 200, 209.
 Lê Quang Định, II, 80, 98, 183, 318, 332; III, 91, 157, 189, 313; IV, 45, 68, 174, 183.
 Lê Quang Hiến, I, 174, 178, 180.
 Lê Quang Huân, II, 20.
 Lê Quang Thực, IV, 310.
 Lê Quang Trạch, II, 328.
 Lê Quốc Cầu, II, 406.
 Lê Quốc Huy, III, 362.
 Lê Quý Tín, IV, 10.
 Lê Quý Đôn, I, 256, 258; III, 178.
 Lê Sĩ Hậu, I, 89, 91, 92.
 Lê Sĩ Triệt, I, 105, 106.
 Lê Tiến Phúc, IV, 194, 226.
 Lê Tiến Kế, IV, 378.
 Lê Tiến Bửu, III, 396.
 Lê Tiến Sầm, III, 25.
 Lê Tiến Tham, II, 105; III, 269.
 Lê Thái tổ, III, 50.
 Lê Thành Lý, II, 124, 185; IV, 292.
 Lê Thập Thí, I, 246.
 Lê Thời Hiến, I, 95, 97, 104, 105, 118.
 Lê Thời Liêu, I, 162, 173, 186.
 Lê Thượng, II, 54, 58, 59, 60.
 Lê Trọng Giảng, IV, 161.
 Lê Trọng Ngũ, IV, 191.
 Lê Trung, II, 175, 199, 202, 205, 211, 216, 293.
 Lê Văn An, II, 262, 263, 265, 406; IV, 41.
 Lê Văn Chính, III, 44, 160.
 Lê Văn Chử, III, 178, 246.
 Lê Văn Duyệt, II, 52, 56, 57, 58, 171, 182, 194, 210, 252,

265, 266, 311, 337, 348, 357,
369, 389, 405, 409, 411, 426,
448 ; III, 8, 11, 14, 33, 34,
69, 103, 189, 227, 362 ; IV,
150, 156, 160, 187, 188, 244,
252, 268, 290, 330, 367, 371,
389, 391, 398.

Lê Văn Điền, II, 363.

Lê Văn Đờ, IV, 183, 334.

Lê Văn Hậu, III, 209.

Lê Văn Hiến, IV, 212.

Lê Văn Hòa, III, 37.

Lê Văn Hoành, IV, 393.

Lê Văn Hội, IV, 97.

Lê Văn Hưng, III, 35, 42.

Lê Văn Huy, II, 20.

Lê Văn Hy, I, 104.

Lê Văn Kế, II, 46.

Lê Văn Kiên, IV, 283.

Lê Văn Kim, III, 247.

Lê Văn Lăng, II, 385, 415, 452 ;
III, 348 ; IV, 100.

Lê Văn Lân, II, 115, 234 ; III,
16.

Lê Văn Long, II, 106.

Lê Văn Lợi, II, 209, 321, 403.

Lê Văn Luân, IV, 232.

Lê Văn Luật, II, 58.

Lê Văn Minh, III, 64, 272.

Lê Văn Niệm, III, 14, 25, 44.

Lê Văn Ngôi, IV, 314, 395.

Lê Văn Nguyên, III, 136 ; IV,
104, 150, 271.

Lê Văn Nguyễn, IV, 206.

Lê Văn Nhị, II, 265.

Lê Văn Phong, III, 25, 41, 255 ;
IV, 12, 81, 94, 356.

Lê Văn Phú, III, 100.

Lê Văn Phúc, III, 312.

Lê Văn Quang, IV, 190.

Lê Văn Quán, II, 29, 30, 36, 43,
52, 53, 56, 57, 59, 61, 67, 72,
73, 76, 86, 93, 110, 128, 129,
135.

Lê Văn Quế, II, 217 ; III, 10,
271 ; IV, 82.

Lê Văn Qui, IV, 212.

Lê Văn Quyền, II, 344 ; IV, 343.

Lê Văn Sách, III, 375.

Lê Văn Tài, IV, 348.

Lê Văn Tiến, III, 44, 160 ; IV,
208, 309.

Lê Văn Tin, III, 139.

Lê Văn Tinh, IV, 395.

Lê Văn Toại, III, 138.

Lê Văn Từ, II, 406 ; III, 362 ;
IV, 290.

Lê Văn Tự, II, 272.

Lê Văn Trường, III, 27.

Lê Văn Thái, III, 44, 382 ; IV,
9, 85.

Lê Văn Thanh, II, 292, 423.

Lê Văn Ứng, II, 316.

Lê Văn Uy, III, 314.

Lê Văn Vạn, II, 394.

Lê Văn Vịnh, III, 160, 218.

Lê Văn Xuân, II, 312.

Lê Xuân Giác, II, 57.

Lê Xuân Hy, I, 210.

Lê Xuân Minh, II, 80.

Lê Viết An, IV, 146, 194, 235,
258.

Lê Viết Nghĩa, III, 158, 280,
341 ; IV, 7, 160, 298.

Lê Viết Quý, IV, 236, 378.

Lê Viết Thuyền, III, 228.

Lê Xuân Nghi, III, 388 ; IV,
249.

- Lê Xuân Quang, III, 224 ; IV, 154.
 Lễ (tên), I, 40.
 Lễ dương, I, 43 ; II, 174.
 Lễ Tài, I, 140.
 Lễ bảo, III, 379.
 Lễ đê (núi), I, 121.
 Lễ kỳ, I, 159.
 Lễ thạch (núi), II, 370.
 Lễ thủy, I, 33, 63, 121, 167, 214, 257.
 Lễ uyên (bảo), II, 419.
 Liêm (tướng), II, 30.
 Liêm áo, II, 55.
 Liêm Chính, I, 247.
 Liêm hộ, I, 191.
 Liên chữ, I, 250.
 Liễu (cửa), III, 240, 246.
 Linh giang (sông), IV, 245.
 Linh giang (sông Gianh), II, 399.
 Linh Quỳnh, I, 226.
 Linh vương, I, 152.
 Lĩnh vạn (bảo), II, 447.
 Lò hạ, III, 389.
 Lò rèn (bảo), II, 210.
 Lò thượng, III, 389.
 Lò vôi (sông), II, 185.
 Loan Đức Lợi, III, 27.
 Long a nô Lạc phu thích, IV, 332.
 Long băng, II, 81.
 Long chãi Khồn sạ môn tri, IV, 81.
 Long châu, I, 40.
 Long hồ, I, 216, 256, 260, 237 ; II, 29, 32, 56, 250.
 Long hồ (đình), I, 195.
 Long hồ (núi), I, 187.
 Long hưng, I, 262.
 Long hương (trạm), II, 346.
 Long Kỳ, II, 59.
 Long lễ (thành đất), IV, 67.
 Long môn, I, 125 ; III, 223.
 Long sơn (núi), I, 182.
 Long tham Sâm hạt ca, IV, 81.
 Long thành, III, 361.
 Long ức I. 122, 139 ; IV, 154, 187.
 Long xuyên, I, 210, 226, 263 ; II, 28, 29, 31, 51, 53, 59, 60, 66, 72, 84, 225 ; III, 361, 393 ; IV, 65, 89, 148.
 Long xuyên (đạo), II, 133.
 Long xuyên (nghĩa dân), III, 234.
 Lô khu, I, 235.
 Lô việt, I, 194.
 Lô yêm, I, 221 ; IV, 146, 188.
 Lô yển (thành), IV, 194.
 Lộ bồi, III, 8.
 Lộ khê, II, 214.
 Lôi châu, I, 167.
 Lôi dương, I, 28, 36.
 Lôi lập, I, 179, 221, 224.
 Lôi lập (cửa), I, 125, 138.
 Lỗi đình, III, 170.
 Lũ bá, I, 167.
 Lũ đấng, I, 86.
 Lục hoàn, I, 50, 162, 227. X. Lạc hoàn.
 Lục khôn, I, 224 ; III, 368.
 Lục khôn Xa gia lục, IV, 27.
 Lục niên (thành), II, 431.
 Lục ngạn, IV, 51, 169.
 Luận Chính, I, 247.
 Luật hải (cửa Sốt), IV, 32.
 Lũng bông, I, 86, 88.

- Lũng trâu, I, 105.
 Luống cày, I, 167, 181.
 Lũy (sông), II, 213.
 Lữ Hữu Ninh, I, 134, 163.
 Lữ phụ, II, 40.
 Lữ quán, II, 355, 359, 363.
 Lữ quán (bảo), II, 373.
 Lữ tổng, I, 224; III, 173.
 Lược canh (xã), IV, 136.
 Lương (lưu thủ), I, 264.
 Lương Bá Uyên, III, 368.
 Lương Châu, II, 400.
 Lương điền, I, 202.
 Lương Hữu Ký, IV, 385.
 Lương giang, II, 216; III, 145.
 Lương Kim Tam, IV, 173.
 Lương mang, III, 316.
 Lương phú, II, 37.
 Lương phú (sông), II, 69.
 Lương phúc, I, 121, 161.
 Lương quán, I, 209.
 Lương Tiến Tường, III, 131;
 IV, 306, 386.
 Lương Trinh Quán, III, 271.
 Lương Văn Anh, II, 66.
 Lương Văn Ba, II, 106.
 Lương Văn Canh, II, 394; III,
 30.
 Lương Văn Vân, III, 308, 375;
 IV, 364.
 Lưu Diên, I, 90.
 Lưu đồn, I, 171, 177, 247.
 Lưu đồn (đạo), I, 78, 109, 127,
 155.
 Lưu Gia Khu, IV, 265.
 Lưu Phúc Tường, III, 92, 173.
 Lưu Phước Trung, II, 31, 151,
 298, 311, 324, 356, 383, 402,
 431, 444; IV, 51, 102, 147,
 154, 273, 286, 300, 309, 314,
 330, 371.
 Lưu Tiến Hòa, II, 138, 199.
 Lưu Thế Canh, I, 104.
 Lưu Thiện Hựu, II, 114.
 Lưu Văn Trung, II, 54, 181.
 Lưu Văn Vượng, IV, 82, 235,
 258.
 Lưu Vượng, IV, 393.
 Lưu Xuân Dương, IV, 391.
 Lý (độc chiến), II, 55.
 Lý (tên), I, 77, 78.
 Lý (tướng), I, 92.
 Lý A-tử, III, 109.
 Lý Á-thất, IV, 74.
 Lý Bình Đạo, III, 227.
 Lý Chấn-thị, IV, 241.
 Lý Gia Du, III, 375; IV, 116,
 183.
 Lý hòa (cầu), IV, 77.
 Lý hòa (cửa), II, 414.
 Lý Hòa Nguyên, III, 109.
 Lý lê (đạo), II, 115, 134.
 Lý Minh, I, 64.
 Lý nhân, III, 40.
 Lý Tài, I, 243, 250, 252, 254,
 255, 258, 259.
 Lý Trương Hoàng, IV, 180.
 Lý Văn Chính, IV, 274.
 Lý Văn-quang, I, 209, 225.
 Lý Xã, I, 167.
 Lý nhân, III, 40.
 Lý nhân công, III, 105.

M

- Ma a môn si, IV, 90.
 Ma bố (trạm), II, 346.
 Ma chiết, II, 249.
 Ma Doãn Điền, III, 84; IV, 108, 180, 234, 255.
 Ma Doãn Trinh, IV, 180.
 Ma đế (bảo), II, 265.
 Ma Lặc, II, 39.
 Ma li, II, 137, 179, 206, 251, 252, 272, 299.
 Ma li (cửa), II, 50.
 Ma li (đạo), II, 199, 240.
 Ma li (trạm), II, 346.
 Ma Liệt, III, 316.
 Ma Sĩ Nhuận, IV, 234.
 Ma Sĩ Trạch, III, 382; VI, 42.
 Ma Thế Cố, III, 143, 224, 307.
 Ma Thế Trạch, III, 307.
 Ma Văn Tư, III, 357.
 Ma văn (thủ), II, 199, 240, 272.
 Ma văn (vũng), II, 366.
 Mã cảnh (núi), II, 366.
 Mã cao, I, 58, 223; IV, 323, 352.
 Mã la kha, II, 183.
 Mã Sĩ Anh, III, 213.
 Mã trường (sông), IV, 367.
 Mạc Cảnh Huống, I, 32.
 Mạc Công-bính, II, 92, 140.
 Mạc Công-du, II, 334; IV, 169, 201, 271, 357, 363, 386.
 Mạc Công-tài, III, 149.
 Mạc Cửu, I, 167, 172, 181, 198.
 Mạc Chính Trung, I, 29.
 Mạc Diên, I, 252.
 Mạc Đăng Doanh, I, 28.
 Mạc Đăng Dung, I, 28.
 Mạc Hoàng, I, 252.
 Mạc Kính Chương, I, 38.
 Mạc Kính Dung, I, 39.
 Mạc Kính Hoàn, I, 90.
 Mạc Khoan, I, 235.
 Mạc Mậu Hợp, I, 33, 38.
 Mạc Ngọc Liên, I, 39.
 Mạc Phúc Hải, I, 30.
 Mạc Quan-phù, II, 394; III, 30.
 Mạc Sùng, I, 235.
 Mạc Tú, I, 242.
 Mạc Tử-duyên, I, 240; II, 35.
 Mạc Tử-hoàng, I, 240.
 Mạc Tử-sinh, II, 55, 57, 75.
 Mạc Tử-thăng, I, 240, 252.
 Mạc Tử-thiêm, II, 334; III, 254; IV, 27, 46.
 Mạc Thiên-từ, I, 198, 201, 210, 223, 224, 226, 233, 238, 241, 251; 262; II, 31, 35, 55.
 Mạc Văn Diên, IV, 123.
 Mạc Văn Tô, II, 139, 151, 164, 185, 191, 193, 233, 357; III, 356; IV, 102, 153.
 Mạc Xán Vi, III, 310.
 Mạc lũng, IV, 108.
 Mai Cầu, I, 56.
 Mai Công Hương, I, 163.
 Mai Đình Dũng, I, 34.
 Mai Đức Giai, IV, 5, 149, 221.
 Mai Đức Nghị, II, 58, 164, 348, 374; IV, 330.
 Mai Đức Nho, IV, 347.
 Mai Gia Cương, III, 25; IV, 162.
 Mai giang, II, 70.
 Mai Huy Minh, II, 328.
 Mai hương (bảo) II, 193.

- Mai Hữu Thận, III, 100.
 • Mai nương, II, 118, 191.
 Mai nương (bảo), II, 275.
 Mai nương (trạm) II, 316.
 Mai pha, III, 159.
 Mai Phú Lĩnh, I, 115, 124.
 Mai Phúc Hòa, I, 133.
 Mai sao (mỏ), IV, 287.
 Mai Tiến Huệ, III, 83.
 Mai Tiến Vạn, II, 170, 211, 274,
 331, 361; IV, 246.
 Mai Tiến Vĩnh, III, 348.
 Mai Vạn Long, I, 135, 140.
 Mai Văn Bảo, II, 231.
 Mai Văn Châu, IV, 240, 356.
 Mai Văn Hiên, II, 106.
 Mai Văn Hiến, III, 252.
 Mai Văn Hiếu, I, 105.
 Mai Văn Hoan, I, 215.
 Mai Văn Huệ, II, 183.
 Mai Văn Nghị, II, 222.
 Mai Văn Phương, III, 343.
 Mai Văn Thành, IV, 194.
 Mai viên, IV, 162.
 Mai xá, I, 128.
 Mai xá (kênh), I, 127.
 Mai An-liệt, I, 159.
 Mãn học, II, 39.
 Mãn trường, I, 105.
 Mang Khê, II, 450, 455.
 Máo điền, III, 170.
 Mãn Khê (bảo), II, 324, 324.
 Mãn Khê (đầm) II, 315.
 Mãn thít, II, 55, 56, 207; III, 129.
 Mãn trường, II, 423.
 Mãn tuyến (mỏ vàng), III, 84.
 Mãn trường, I, 91.
 Mãn Văn Liên, I, 90, 105.
 Mật cật (núi), I, 117.
 Mễ tân [bến gạo], II, 419.
 Miện (quận), I, 98.
 Minh hương, I, 154; II, 141;
 III, 172; IV, 68.
 Minh linh, I, 33, 34, 61, 167,
 214, 253, 257.
 Minh linh (cửa), I, 116, 161.
 Minh Lộc, I, 98.
 Minh lương, I, 90, 91, 93.
 Minh nông, IV, 92.
 Minh Tiến, I, 140.
 Minh Vũ, I, 83.
 Mộ hoa, I, 33.
 Mộc châu, III, 208; IV, 129.
 Mộc thượng (động), IV, 129.
 Mỗi nại, I, 115.
 Mỗi nại (lũy), I, 119.
 Môn lai phủ tử, II, 124.
 Mông Kiến-sinh, III, 385.
 Mông phụ (bảo), II, 178.
 Mông sơn, IV, 92.
 Mông tự, IV, 353.
 Mục vương, III, 257.
 Mục vương Anh duệ hoàng
 thất tử, III, 395.
 Mũi dùi (lũy), I, 84.
 Mừng Luồng, III, 316.
 Mừng Tát, I, 235.
 Mừng Then, III, 126.
 Mừng vang, IV, 319.
 My sơn (núi), III, 413.
 Mỹ cầu, III, 159.
 Mỹ dụ, I, 97.
 Mỹ Khê, III, 263.
 Mỹ lộc (xã), III, 392.
 Mỹ lung, I, 262; II, 69, 108.
 Mỹ Lương, I, 33, III, 378; IV,
 51, 165.
 Mỹ thị, I, 244.

Mỹ tho, I, 122, 125, 179, 211, 221,
222, 242; II, 47, 57, 75, 144;
III, 251; IV, 37.
Mỹ tho (bảo), II, 227, 340.

Mỹ tho (cửa biển), I, 135.
Mỹ ý, II, 320.
Mỹ ý (bảo), II, 452.
Mỹ ý (cửa biển), II, 315.

N

Nại Cầm Thác, III, 272.
Nại Khâm Tiệp, III, 272.
Nại tử châu, III, 269.
Nam bản, I, 167, 172, 214.
Nam Bổ chính, I, 59, 63, 71, 73,
77, 106, 257; II, 428.
Nam chương, III, 45, 126; IV,
20.
Nam dương (mỏ bạc), III, 84.
Nam đường, IV, 194.
Nam giao, III, 324; IV, 15.
Nam giới (cửa), I, 89, 92.
Nam hà, I, 113, 121.
Nam hoa, I, 95.
Nam hoắc (mỏ), IV, 287.
Nam ngạn, I, 93.
Nam ngọc, IV, 42.
Nam phố, I, 176.
Nam phố (núi), I, 256.
Nam quan, III, 157.
Nam quan (ải), III, 63.
Nam sách, III, 232.
Nam sang, III, 355; IV, 266.
Nam vang, I, 135, 154, 155, 211,
221, 223, 240, 242; II, 225, 232;
IV, 98, 123, 146, 188, 269, 282,
356.
Nam vang (thành), I, 122; IV, 194.
Nan dũ (hòn Nan), II, 363.
Nan kê, I, 135.
Nàng mi Bà ân, I, 147.

Nặc Ấn, II, 32, 37, 52, 197, 275;
IV, 148.
Nặc Bồn, I, 201.
Nặc Chấn, II, 228; III, 347; IV,
47, 90, 101, 139, 142, 146, 163,
174, 184, 187, 264, 273, 281, 309.
Nặc Ông Chân, I, 98.
Nặc Đôn, I, 210; IV, 90, 146.
Nặc Hiên, I, 211.
Nặc Hình, I, 226.
Nặc Nguyên, I, 211, 212, 221,
223, 224, 225; IV, 90, 139, 146,
169, 187, 195.
Nặc Nhuận, I, 225, 226.
Nặc Nộn, I, 122, 135, 162, 235,
240, 242.
Nặc Ô Đài, I, 122.
Nặc Sa, I, 139.
Nặc Tào, I, 163.
Nặc Tôn, I, 226, 235, 240, 242,
259; II, 32.
Nặc Tha, I, 193, 194, 199, 210,
211.
Nặc Thâm, I, 162, 163, 174, 179,
180, 181, 210; II, 32.
Nặc Thu, I, 122, 135, 137, 141,
154, 155, 162, 174, 176, 180.
Nặc Vinh, I, 259; II, 32.
Nặc Xuy bồn bột, I, 174.
Nặc Yêm, I, 155, 162, 174, 179,
180, 181, 182, 199, 211; IV,
90, 146.

Nậm nàng (cửa), IV, 175.
 Ninh ba, I, 223.
 Ninh biên, III, 126.
 Ninh biên (đồn), IV, 248.
 Ninh giang, III, 40.
 Ninh Lộc, I, 87.
 Noãn hải khẩu, IV, 185.

Nông Á Bính, IV, 13.
 Nông Khoan Triều, IV, 85.
 Nông giang, III, 396.
 Nông giang (bảo), IV, 44, 75, 92.
 Nông giang (kho), IV, 129.
 Nông Phúc Đồ, IV, 85.
 Nông Văn Nho, IV, 211.

NG

Nga vương, I, 172.
 Ngạc tri, II, 174, 175.
 Ngã bảy, II, 39.
 Ngang (núi), I, 44.
 Ngao châu (đạo), II, 127, 134.
 Nghệ an, I, 28, 64, 92, 103, 106,
 124, 153, 162, 186, 187, 221,
 247; II, 86, 102, 431; III, 38,
 47, 334; IV, 167.
 Nghệ an (đồi), IV, 306.
 Nghệ an (thồ phi), IV, 191, 344,
 347, 352, 363.
 Nghệ an (kén lính), III, 74.
 Nghệ an (gỗ lim), III, 143.
 Nghệ an (giặc biển), III, 261.
 Nghệ an (thuế), III, 381.
 Nghi dương, I, 40.
 Nghi giang, II, 76, 273; III, 131.
 Nghi giang (sông), I, 258.
 Nghi xuân, I, 95, 100, 105.
 Nghĩa (tên) I, 255.
 Nghĩa (tướng), I, 38.
 Nghĩa an, I, 149.
 Nghĩa đô, I, 39.
 Nghĩa giang, I, 33.
 Nghĩa hòa (thuộc), II, 325.
 Nghĩa sơn, I, 33.
 Nghĩa dinh [dinh Ngói], II,
 453, 454

Nghiêu phong, III, 40.
 Ngọc anh (công chúa), III, 399.
 Ngọc châu (công chúa), III,
 398.
 Ngọc bảo, I, 28.
 Ngọc du, III, 189.
 Ngọc đảo, I, 232; II, 48.
 Ngọc hàn, II, 62.
 Ngọc huyền, II, 152; IV, 31.
 Ngọc liên, I, 56.
 Ngọc ma, III, 40.
 Ngọc nga (công chúa), IV, 347.
 Ngọc ngoạn (công chúa), IV,
 347.
 Ngọc nguyên, I, 232.
 Ngọc nham (xã), IV, 93.
 Ngọc nhiễm, I, 159.
 Ngọc phố, IV, 42.
 Ngọc Phượng, I, 177.
 Ngọc quỳnh (công chúa), III,
 398.
 Ngọc sơn, I, 30.
 Ngọc toàn, II, 42.
 Ngọc tú, I, 41.
 Ngọc thực (công chúa), IV,
 354.
 Ngọc tram (núi), I, 113, 147.
 Ngọc trân (công chúa), IV, 346.
 Ngọc Trục, I, 28.

- Ngọc xuyên (công chúa), 347.
 Ngô Bá Nhân, IV, 310, 398.
 Ngô Công Chính, IV, 369.
 Ngô Công Nghi, IV, 9.
 Ngô Công Quí, II, 66, 76, 127, 133, 198.
 Ngô châu (bãi), I, 208.
 Ngô Dao, IV, 257.
 Ngô Đình Giỏi, III, 124; IV, 310.
 Ngô Đình Nga, I, 41.
 Ngô Đình Siêu, III, 209.
 Ngô Đình Thứ, I, 243.
 Ngô Đức Trấn, II, 426, 445; III, 43, 79.
 Ngô Huy Viên, III, 46; IV, 200, 380.
 Ngô Hữu Hựu, II, 58, 79, 104.
 Ngô Khôn, IV, 254.
 Ngô Lăng, I, 148.
 Ngô Lương Uyển, IV, 190, 193, 205.
 Ngô Ma, II, 75.
 Ngô Mãn quan, III, 151.
 Ngô Ngạnh, IV, 33.
 Ngô Nhậm, III, 45, 108.
 Ngô Nhân Tĩnh, II, 287, 364; III, 30; IV, 12, 105, 147, 160, 187, 199.
 Ngô Phúc Oánh, I, 256.
 Ngô Tam Đồng, III, 78.
 Ngô Tân, I, 133.
 Ngô Tông Chu, II, 80, 98, 152, 163, 260, 329, 380, 408; III, 8.
 Ngô Tông Chu (tự điền), III, 217.
 Ngô Thắng Lâm, I, 121, 133.
 Ngô Thế Lân, I, 238.
 Ngô thị Ngọc làm, I, 35.
 Ngô Triều Cao, II, 329, 107; III, 16.
 Ngô Trọng Tân, IV, 393.
 Ngô Văn Bình, II, 225.
 Ngô Văn Dần, IV, 109.
 Ngô Văn Duyệt, IV, 310, 332.
 Ngô Văn Duyên, II, 127.
 Ngô Văn Đức, IV, 381.
 Ngô Văn Ngụy, IV, 208.
 Ngô Văn Ngũ, IV, 9.
 Ngô Văn Ngữ, III, 43, 363.
 Ngô Văn Sở, II, 81, 114, 175; III, 44.
 Ngô Văn Tiến, IV, 109.
 Ngô Văn Tham, III, 219, 355, 364, 368; IV, 6.
 Ngô Văn Uyên, III, 43.
 Ngô Văn Vĩnh, III, 160; IV, 271.
 Ngô Vị, III, 124; IV, 14, 194, 208, 336, 339, 384.
 Ngô Xiêm, III, 49, 78.
 Ngũ, III, 42.
 Ngũ hồ (núi), I, 240.
 Ngũ Khắc Bạt, II, 220.
 Nguyên (thiếu tề), II, 453; III, 6.
 Nguyên soái Hiệp, I, 116, 118, 123.
 Nguyễn Ánh, II, 27.
 Nguyễn Bá Đằng, IV, 387.
 Nguyễn Bá Điều, III, 392.
 Nguyễn Bá Huê, III, 378.
 Nguyễn Bá Phong, II, 350.
 Nguyễn Bá Quỳnh, I, 32, 33.
 Nguyễn Bá Tồn, II, 242.
 Nguyễn Bá Tuần, IV, 251, 303.
 Nguyễn Bá Uông, III, 228, 231; IV, 221.

- Nguyễn Bá Xuyên, III, 64 ; IV, 310, 345, 365.
 Nguyễn Bái, IV, 169.
 Nguyễn Bảo, III, 357 ; IV, 231.
 Nguyễn Bảo Tiến, II, 199.
 Nguyễn Bảo Tri, II, 43, 79, 103, 225, 371.
 Nguyễn Bát, IV, 357.
 Nguyễn Bình, II, 118, 186.
 Nguyễn Bình Khiêm, I, 30.
 Nguyễn Cốc, I, 249.
 Nguyễn Công Doanh, II, 103, 196.
 Nguyễn Công Diên, IV, 228.
 Nguyễn Công Đạt, IV, 378.
 Nguyễn Công Đạt, IV, 246.
 Nguyễn Công Điền, II, 295, 316.
 Nguyễn Công Định, III, 347 ; IV, 207.
 Nguyễn Công Hạc, III, 246 ;
 Nguyễn Công Hòa, III, 246 ; IV, 256.
 Nguyễn Công Hoàn, II, 410.
 Nguyễn Công Khương, IV, 380.
 Nguyễn Công Mân, II, 410.
 Nguyễn Công Nga, II, 101, 118, 392 ; III, 262.
 Ngô Công Qui, II, 53.
 Nguyễn Công Tiệp, IV, 205.
 Nguyễn Công Thái, II, 118, 211, 253, 254, 313, III, 262.
 Nguyễn Công Thắng, II, 183.
 Nguyễn Công Thịnh, II, 126.
 Nguyễn Công Trừ, III, 142.
 Nguyễn Công Vị, IV, 346.
 Nguyễn Công Viên, III, 43.
 Nguyễn Công Xanh, II, 139.
 Nguyễn Cư Cần, I, 210.
 Nguyễn Cư Tuấn, II, 200 ; IV, 205.
 Nguyễn Cư Trinh, I, 204, 211, 212, 215, 216, 221, 224, 232, 234.
 Nguyễn Cử Châu, III, 207.
 Nguyễn Cương, I, 209.
 Nguyễn Cường, I, 210.
 Nguyễn Cửu, I, 51.
 Nguyễn Cửu An, IV, 94, 186, 248.
 Nguyễn Cửu Dật, I, 244, 246, 250, 251.
 Nguyễn Cửu Dực, I, 177, 178.
 Nguyễn Cửu Đàm, I, 241, 245 ; II, 29.
 Nguyễn Cửu Hanh, II, 183, 309, 318, 334, 439.
 Nguyễn Cửu Khâm, I, 169.
 Nguyễn Cửu Khoáng, IV, 22, 229, 291, 338.
 Nguyễn Cửu Khôi, I, 233, 241.
 Nguyễn Cửu Lợi, IV, 255.
 Nguyễn Cửu Pháp, I, 248.
 Nguyễn Cửu Phú, I, 179, 180, 182, 185.
 Nguyễn Cửu Sách, I, 243.
 Nguyễn Cửu Siêu, I, 233.
 Nguyễn Cửu Tuấn, I, 259, 261.
 Nguyễn Cửu Tự, I, 233.
 Nguyễn Cửu Thận, I, 250, 251.
 Nguyễn Cửu Thế, I, 177, 202.
 Nguyễn Cửu Thiêm, I, 140.
 Nguyễn Cửu Thông, I, 238.
 Nguyễn Cửu Thống, I, 243 ; IV, 32.
 Nguyễn Cửu Triêm, I, 179, 185, 193, 195.
 Nguyễn Cửu Ung, I, 133, 140, 163.

- Nguyễn Cửu Vạn, I, 153, 162, 173, 174.
 Nguyễn Chuẩn, II, 90 ; IV, 200.
 Nguyễn Danh An, IV, 135.
 Nguyễn Danh Dương, III, 262.
 Nguyễn Danh Gia, III, 378.
 Nguyễn Danh Khoáng, I, 259, 264.
 Nguyễn Danh Nho, II, 218.
 Nguyễn Danh Quý, I, 71.
 Nguyễn Danh Tập, II, 42.
 Nguyễn Danh Thế, I, 52, 55.
 Nguyễn Danh Thọ, I, 73.
 Nguyễn Danh Xán, III, 44.
 Nguyễn Doãn Thống, II, 76.
 Nguyễn Diên Phái, I, 122.
 Nguyễn Doanh Nhạc, II, 356.
 Nguyễn Du, III, 234, 262 ; IV, 22, 183, 251, 274.
 Nguyễn Dũng, III, 247 ; IV, 84.
 Nguyễn Duy Cung, III, 49.
 Nguyễn Duy Hòa, II, 198 ; III, 161, 232, 290 ; IV, 202, 248, 275, 317, 334, 391.
 Nguyễn Duy Hợp, III, 49, 136, 247.
 Nguyễn Duy Lân, IV, 10.
 Nguyễn Duy Thi, I, 51, 81.
 Nguyễn Dự, III, 343.
 Nguyễn Dương Lâm, I, 122, 140.
 Nguyễn Đại Hiệu, I, 176.
 Nguyễn Đại Lữ, I, 261.
 Nguyễn Đàn, II, 137, 142, 164, 170.
 Nguyễn Đạo, II, 93, 112, 259, 285.
 Nguyễn Dắc, IV, 147, 169, 246.
 Nguyễn Đặc, IV, 291.
 Nguyễn Đăng Bích, IV, 220.
 Nguyễn Đăng Bình, IV, 135.
 Nguyễn Đăng Cơ, III, 43, 92 ; IV, 171.
 Nguyễn Đăng Đệ, I, 172, 178, 185, 186, 188, 191, 192 ; III, 27, 159.
 Nguyễn Đăng Hựu, II, 93, 151, 164, 449 ; III, 158 ; IV, 205, 350.
 Nguyễn Đăng Khuông, I, 234.
 Nguyễn Đăng Ngạn, III, 247 ; IV, 274.
 Nguyễn Đăng Sở, III, 103.
 Nguyễn Đăng Tài, III, 96 ; IV, 73, 290, 393.
 Nguyễn Đăng Tuân, IV, 290, 339.
 Nguyễn Đăng Tiến, I, 209.
 Nguyễn Đăng Thiệp, IV, 73.
 Nguyễn Đăng Thịnh, I, 192, 194, 198, 204, 209, 224.
 Nguyễn Đăng Trường, I, 248, 261, 262.
 Nguyễn Đăng Vinh, III, 96.
 Nguyễn Đạo Cần, IV, 84.
 Nguyễn Đình Bá, III, 271.
 Nguyễn Đình Cầm, IV, 173.
 Nguyễn Đình Chất, III, 28 ; IV, 12, 29.
 Nguyễn Đình Do, IV, 206.
 Nguyễn Đình Đắc, II, 71, 121, 193, 217 ; III, 37, 43 ; IV, 64, 114.
 Nguyễn Đình Đễ, II, 344.
 Nguyễn Đình Đống, I, 254.
 Nguyễn Đình Đức, III, 247 ; IV, 198, 208, 244, 271, 288, 320, 344.
 Nguyễn Đình Hán, III, 347.
 Nguyễn Đình Hiệu, II, 445.

- Nguyễn Đình Hùng, I, 59.
 Nguyễn Đình Huyền, II, 47.
 Nguyễn Đình Giá, III, 223.
 Nguyễn Đình Lân, IV, 163.
 Nguyễn Đình Minh, III, 63.
 Nguyễn Đình Phúc, II, 233.
 Nguyễn Đình Quang, I, 147.
 Nguyễn Đình Quát, II, 139.
 Nguyễn Đình Sâm, III, 333.
 Nguyễn Đình Tuyên, III, 229,
 384 ; IV, 13, 29, 93, 161, 229.
 Nguyễn Đình Tứ, III, 49, 78,
 126.
 Nguyễn Đình Thanh, IV, 10.
 Nguyễn Đình Thắng, III, 333.
 Nguyễn Đình Thịnh, IV, 393.
 Nguyễn Đình Thuyền, II, 33,
 37.
 Nguyễn Đình Thử, II, 260.
 Nguyễn Đình Trác, IV, 221,
 257.
 Nguyễn Đò, II, 43, 64, 103, 126,
 208.
 Nguyễn Đức Bảo, I, 115, 132,
 146, 150.
 Nguyễn Đức Bằng, IV, 290.
 Nguyễn Đức Chí, II, 152, 168,
 181.
 Nguyễn Đức Chiêu, I, 133 ; III
 333.
 Nguyễn Đức Đàm, IV, 206.
 Nguyễn Đức Giá, IV, 377.
 Nguyễn Đức Giảng, II, 182,
 240, 371.
 Nguyễn Đức Hậu, IV, 6.
 Nguyễn Đức Hội, III, 129,
 246 ; IV, 115, 234.
 Nguyễn Đức Huy, II, 31 ; IV, 7.
 Nguyễn Đức Huyền, III, 193,
 228, 338 ; IV, 8, 185, 193, 308,
 328.
 Nguyễn Đức Khang, I, 162,
 177, 185.
 Nguyễn Đức Long, IV, 330,
 346.
 Nguyễn Đức Nhuận, IV, 267.
 Nguyễn Đức Sỹ, III, 357, 387 ;
 IV, 232, 273, 286.
 Nguyễn Đức Tế, IV, 9.
 Nguyễn Đức Tu, IV, 150.
 Nguyễn Đức Tuy, III, 233.
 Nguyễn Đức Tư, III, 44 ; IV,
 311.
 Nguyễn Đức Thành, II, 162,
 185, 191, 198, 221, 228, 233,
 290, 357.
 Nguyễn Đức Thiện, II, 95, 112,
 126, 164, 174, 175, 223, 225,
 265, 266, 372 ; III, 148 ; IV,
 347.
 Nguyễn Đức Thịnh, II, 156.
 Nguyễn Đức Thu, II, 370 ; III,
 27.
 Nguyễn Đức Trạch, IV, 10.
 Nguyễn Đức Triệu, IV, 207,
 248.
 Nguyễn Đức Trinh, II, 194,
 248.
 Nguyễn Đức Xuyên, II, 52, 58,
 111, 172, 197, 210, 219, 296,
 316, 317, 337, 344, 348, 364,
 374 ; III, 34, 37, 69, 90, 131,
 224, 321, 343, 388 ; IV, 129,
 150, 157, 184, 226, 330.
 Nguyễn Đường, III, 49.
 Nguyễn Gia Cát, III, 13, 78,
 253 ; IV, 118, 197.

- Nguyễn Gia Phan, III, 45, 108.
 Nguyễn Hiên, II, 122.
 Nguyễn Hiền, IV, 51.
 Nguyễn Hiệu, IV, 163, 183.
 Nguyễn Hóa, II, 51, 52, 55.
 Nguyễn Hoài Châu, II, 312.
 Nguyễn Hoài Quỳnh, II, 223, 290; III, 11, 26, 209, 267, 269, 341; IV, 110, 198, 229, 290, 291, 318, 332.
 Nguyễn Hoán, II, 109.
 Nguyễn Hoàng, I, 27.
 Nguyễn Hoàng Đức, I, 157; II, 40, 41, 47, 87, 117, 120, 126, 160, 167, 168, 174, 186, 192, 202, 241, 287, 308, 359, 363, 372, 373; III, 18, 25, 26, 147, 262; IV, 17, 64, 145, 150, 183, 270, 305, 318, 330, 357, 390.
 Nguyễn Hoàng Toán, IV, 346, 349.
 Nguyễn Hoành Nho, IV, 151.
 Nguyễn Học, II, 41.
 Nguyễn Huệ, I, 243; II, 234; III, 222.
 Nguyễn Huy, IV, 30, 302, 336.
 Nguyễn Huy Chung, IV, 255.
 Nguyễn Huy Khuê, III, 144.
 Nguyễn Huy Phan, II, 20.
 Nguyễn Huy Tá, IV, 374.
 Nguyễn Huy Tú, II, 81; III, 398.
 Nguyễn Huy Thảng, III, 78, 49.
 Nguyễn Huy Trinh, IV, 200, 285, 313, 355, 362, 373, 378.
 Nguyễn Hữu Bác, I, 211, 214.
 Nguyễn Hữu Bản, I, 52.
 Nguyễn Hữu Châu, IV, 13.
 Nguyễn Hữu Chính, II, 94, 118.
 Nguyễn Hữu Chính, I, 253; II, 44, 61, 62.
 Nguyễn Hữu Dật, I, 51, 52, 53, 54, 65, 71, 76, 77, 82, 85, 86, 90, 106, 109, 115, 119, 127; IV, 365.
 Nguyễn Hữu Diễn, IV, 369.
 Nguyễn Hữu Doãn, I, 194, 210, 211.
 Nguyễn Hữu Định, II, 338.
 Nguyễn Hữu Đạo, III, 44, 62, 160.
 Nguyễn Hữu Đồng, III, 33, 34, 178, 188, 342.
 Nguyễn Hữu Hào, I, 141, 146, 162, 176.
 Nguyễn Hữu Hiệu, IV, 380.
 Nguyễn Hữu Hợp, I, 133.
 Nguyễn Hữu Kinh, I, 147, 149, 153, 154, 155, 200, 214; IV, 189.
 Nguyễn Hữu Khánh, I, 153, 154.
 Nguyễn Hữu Khôi, I, 162.
 Nguyễn Hữu Liêu, I, 39.
 Nguyễn Hữu Nghị, II, 118; IV, 200.
 Nguyễn Hữu Nghiêm, IV, 14.
 Nguyễn Hữu Nhân, I, 240; IV, 249.
 Nguyễn Hữu Oai, I, 146, 149.
 Nguyễn Hữu Phụng, III, 131; IV, 252.
 Nguyễn Hữu Sắc, I, 89, 92.
 Nguyễn Hữu Siêu, IV, 352.

- Nguyễn Hữu Tá, I, 97.
 Nguyễn Hữu Tiến, I, 61, 77, 86, 109; IV, 365.
 Nguyễn Hữu Toàn, IV, 14.
 Nguyễn Hữu Tôn, I, 233, 234, 244.
 Nguyễn Hữu Tồn, III, 398.
 Nguyễn Hữu Thanh, IV, 14.
 Nguyễn Hữu Thành, III, 218.
 Nguyễn Hữu Thân, IV, 74.
 Nguyễn Hữu Thận, III, 124; IV, 5, 14, 112, 142, 264, 271, 333, 338, 384.
 Nguyễn Hữu Thụy, II, 37, 38, 39, 41, 42, 55.
 Nguyễn Hữu Thừ, II, 139.
 Nguyễn Hữu Thừa, I, 173.
 Nguyễn Hữu Viên, IV, 172.
 Nguyễn Hựu, I, 39, 48.
 Nguyễn Hựu Bình, IV, 374.
 Nguyễn Hựu Cung, III, 227.
 Nguyễn Hựu Nghi, IV, 267, 314, 326, 362, 367, 398.
 Nguyễn Hữu Nhân, IV, 350, 363.
 Nguyễn Hy, IV, 248.
 Nguyễn Kế, II, 181.
 Nguyễn Kế Loát, II, 164.
 Nguyễn Kế Nhuận, II, 52, 72, 159, 311.
 Nguyễn Kiêm Hành, I, 190.
 Nguyễn Kim, I, 27; II, 92, 142.
 Nguyễn Kim Bảng, IV, 72, 312.
 Nguyễn Kim Thử, II, 32.
 Nguyễn Kim Diệu, IV, 13.
 Nguyễn Kim Giám, IV, 85, 348.
 Nguyễn Kim Huy, IV, 13.
 Nguyễn Kim Loan, II, 32.
 Nguyễn Kim Lộc, IV, 347.
 Nguyễn Kim Phan, II, 32.
 Nguyễn Kim Phẩm, II, 31, 40, 41, 47; IV, 13.
 Nguyễn Kim Phương, IV, 216, 374.
 Nguyễn Kim Truy, IV, 234, 269, 281, 310, 316, 386.
 Nguyễn Kim Xuyên, II, 20.
 Nguyễn Kinh Thi, I, 175.
 Nguyễn Kinh, I, 28.
 Nguyễn Kỳ Kế, II, 183, 192, 208, 247, 260, 318, 351, 449; III, 18, 64, 178, 259, 338, 398; IV, 42.
 Nguyễn Khải, I, 49, 52, 53.
 Nguyễn Khánh, IV, 290.
 Nguyễn Khắc Kham, I, 59.
 Nguyễn Khắc Khoan, III, 43, 303, 365.
 Nguyễn Khắc Liệt, I, 65, 66, 71.
 Nguyễn Khắc Minh, I, 55.
 Nguyễn Khắc Tuyên, I, 243.
 Nguyễn Khắc Thiệu, II, 223, 390; IV, 6, 131, 207, 302.
 Nguyễn Khắc Tráng, III, 188; IV, 171, 254.
 Nguyễn Khoa, II, 105.
 Nguyễn Khoa Cương, II, 186.
 Nguyễn Khoa Chiêm, I, 147, 157, 172, 178, 185, 186, 187.
 Nguyễn Khoa Danh, I, 133, 140.
 Nguyễn Khoa Đăng, I, 186, 187, 190.
 Nguyễn Khoa Hảo, III, 136; IV, 261.
 Nguyễn Khoa Kiên, I, 254, 255.
 Nguyễn Khoa Minh, III, 395; IV, 22, 198, 276, 279, 370.

- Nguyễn Khoa Thuyên, I, 241, 242, 244, 251 ; III, 136,
 Nguyễn Khoa Thường, IV, 355.
 Nguyễn Khoa Trục, I, 226.
 Nguyễn Lệnh Tân, I, 254, 258, 260.
 Nguyễn Liêm, II, 227.
 Nguyễn Loan, II, 42.
 Nguyễn Long, II, 43, 80, 157, 164, 193, 252, 299.
 Nguyễn Lược, III, 169.
 Nguyễn Lượng, III, 355.
 Nguyễn Lữ, I, 243.
 Nguyễn Lý, III, 188 ; IV, 145, 255, 344.
 Nguyễn Mão, IV, 374.
 Nguyễn Mãn, I, 259.
 Nguyễn Mậu Bách, IV, 365.
 Nguyễn Mậu Đĩnh, I, 256, 258.
 Nguyễn Mậu Xuân, IV, 256.
 Nguyễn Minh Châu, I, 187.
 Nguyễn Mộng Bi, II, 101, 151.
 Nguyễn Mỹ Đức, I, 115.
 Nguyễn Mỹ Thắng, I, 65.
 Nguyễn Năng Thiệu, I, 105.
 Nguyễn Nghi, II, 31, 33, 36.
 Nguyễn Nghĩa, I, 86.
 Nguyễn Nghiễm, I, 254.
 Nguyễn Ngoạn, II, 94.
 Nguyễn Ngọc Chiêu, II, 329.
 Nguyễn Ngọc Chương, II, 99, 151.
 Nguyễn Ngọc Huyền, II, 440.
 Nguyễn Ngọc Tốt, II, 139.
 Nguyễn Ngô Dao, I, 246.
 Nguyễn Nho, IV, 386.
 Nguyễn Nhu, III, 92.
 Nguyễn Như Phương, IV, 84.
 Nguyễn Phan, IV, 357.
 Nguyễn Phan Long, I, 182.
 Nguyễn Phu Như, II, 61.
 Nguyễn Phú Thuật, IV, 7.
 Nguyễn Phúc Kiều, I, 51, 64, 71, 76, 77, 86, 93.
 Nguyễn Phúc Liên, IV, 178.
 Nguyễn Phúc Trung, III, 123.
 Nguyễn Phúc Ninh, I, 56.
 Nguyễn Phương Giao, II, 183.
 Nguyễn Quang An, II, 196.
 Nguyễn Quang Bình, II, 113.
 Nguyễn Quang Cường, II, 406.
 Nguyễn Quang Diệu, II, 150, 406, 449 ; III, 69, 256, 262 ; IV, 7, 12, 205.
 Nguyễn Quang Hiếu, IV, 139, 151, 155.
 Nguyễn Quang Huyền, III, 267, 365 ; IV, 246, 366.
 Nguyễn Quang Minh, I, 70, 73.
 Nguyễn Quang Tiễn, I, 209, 225, 232, 236.
 Nguyễn Quang Toán, II, 165, 175, 178, 190, 204, 230, 292, 321, 409, 453 ; III, 42, 85.
 Nguyễn Quang Tự, II, 406.
 Nguyễn Quang Thủy, III, 5.
 Nguyễn Quân, I, 262.
 Nguyễn Quý, II, 82.
 Nguyễn Quốc Bảo, IV, 374.
 Nguyễn Quỳnh, IV, 352.
 Nguyễn Sĩ Lịch, IV, 369.
 Nguyễn Sùng, I, 115.
 Nguyễn Tài Năng, IV, 394.
 Nguyễn Tạo, I, 37.
 Nguyễn Tăng Địch, III, 131, 264, 334 ; IV, 205.
 Nguyễn Tăng Trí, I, 153.
 Nguyễn Tân, II, 58, 59, 60.

- Nguyễn Tân Lễ, I, 136, 139, 148.
 Nguyễn Tập, IV, 145.
 Nguyễn Tịch, I, 59.
 Nguyễn Tiêm, IV, 374.
 Nguyễn Tiến Bảo, II, 242.
 Nguyễn Tiến Hậu, IV, 387.
 Nguyễn Tiến Huyền, II, 311; III, 8.
 Nguyễn Tiến Khoan, I, 248.
 Nguyễn Tiến Lộc, II, 151, 174, 249.
 Nguyễn Tiến Lượng, II, 105, 128, 154, 160, 162, 167, 185, 189, 230, 248; IV, 238.
 Nguyễn Tiến Văn, II, 55.
 Nguyễn Tính, I, 88.
 Nguyễn Tuần Lý, III, 394.
 Nguyễn Tuấn, IV, 144.
 Nguyễn Tử Châu, II, 124, 142, 161, 172, 183, 223, 261, 306, 386; III, 253; IV, 45.
 Nguyễn Tử Chính, II, 311.
 Nguyễn Tường Vân, III, 178; IV, 66, 149, 208, 333, 392.
 Nguyễn Tường Vĩnh, II, 20.
 Nguyễn Thái, II, 58.
 Nguyễn Thái Nguyên, II, 66, 79, 103, 124, 126, 164, 192, 208, 223, 249, 260, 306; III, 16.
 Nguyễn Thành, I, 149; III, 26; IV, 224, 248.
 Nguyễn Thành Chân, II, 240; III, 246, 341.
 Nguyễn Thắng, IV, 200.
 Nguyễn Thắng Hồ, I, 150.
 Nguyễn Thắng Long, I, 135.
 Nguyễn Thắng Quyền, I, 139.
 Nguyễn Thắng Sơn, I, 139, 140, 141.
 Nguyễn Thận, II, 126.
 Nguyễn Thận Ngôn, IV, 200, 380.
 Nguyễn Thế Niêm, IV, 255.
 Nguyễn Thế Nga, IV, 303.
 Nguyễn Thế Trung, III, 44, 126, 188, 293; IV, 308.
 Nguyễn Thế Trực, III, 6, 45.
 Nguyễn Thị Kim, III, 210.
 Nguyễn Thích, IV, 232.
 Nguyễn Thiếp, II, 405.
 Nguyễn Thịnh, III, 96.
 Nguyễn Thoan, II, 112, 118, 149, 168, 169, 179, 331.
 Nguyễn Thu, II, 20.
 Nguyễn Thụy, IV, 197, 343.
 Nguyễn Thừa Diễn, II, 57.
 Nguyễn Thừa Mân, I, 233, 241.
 Nguyễn Thừa Tự, I, 202, 209, 211, 212.
 Nguyễn Thừa Thân, IV, 206.
 Nguyễn Thường Hiến, III, 147.
 Nguyễn Trang, II, 62.
 Nguyễn Trật, I, 70.
 Nguyễn Trí Hòa, III, 34, 44, 92; IV, 170.
 Nguyễn Trí Thắng, I, 148.
 Nguyễn Triều Văn, I, 74, 76.
 Nguyễn Trọng Cầu, II, 20.
 Nguyễn Trọng Chiêu, III, 234.
 Nguyễn Trương Hiệu, IV, 267.
 Nguyễn Ưông, I, 30.
 Nguyễn Ư Dĩ, I, 30, 32.
 Nguyễn Ư Dĩ, III, 105.
 Nguyễn Văn An, III, 147; IV, 391, 395.
 Nguyễn Văn Bàn, IV, 369.

- Nguyễn Văn Bản, IV, 175.
 Nguyễn Văn Bảo, II, 171, 266, 292; IV, 236.
 Nguyễn Văn Bằng, IV, 351.
 Nguyễn Văn Biện, II, 106, 149, 265, 266; IV, 178.
 Nguyễn Văn Bình, II, 57, 58, IV, 31, 191.
 Nguyễn Văn Cẩn, III, 309.
 Nguyễn Văn Cận, IV, 197.
 Nguyễn Văn Công, III, 43; IV, 73, 146, 224, 329.
 Nguyễn Văn Cúc, IV, 391.
 Nguyễn Văn Cửu, IV, 178.
 Nguyễn Văn Chân, II, 193.
 Nguyễn Văn Chấn, II, 98, 124, 188, 221, 227, 248, 249, 345, 385, 415, 452; III, 63, 96, 208, 348; IV, 100.
 Nguyễn Văn Châu, II, 118, 234; IV, 197.
 Nguyễn Văn Chiêm, IV, 391.
 Nguyễn Văn Chiêu, II, 124.
 Nguyễn Văn Chính, II, 174.
 Nguyễn Văn Chính, I, 248.
 Nguyễn Văn Chính, IV, 109.
 Nguyễn Văn Chức, IV, 369.
 Nguyễn Văn Dạng, III, 45.
 Nguyễn Văn Danh, II, 220.
 Nguyễn Văn Diên, IV, 190.
 Nguyễn Văn Diên, I, 192.
 Nguyễn Văn Du, III, 267.
 Nguyễn Văn Duệ, I, 255; II, 86, 88.
 Nguyễn Văn Dung, III, 42.
 Nguyễn Văn Dương, II, 105, 393.
 Nguyễn Văn Đại, II, 225; III, 355.
 Nguyễn Văn Đàm, II, 439, 446.
 Nguyễn Văn Đăng, III, 43, 92.
 Nguyễn Văn Đạo, II, 32, 192; IV, 9, 165.
 Nguyễn Văn Đắc, II, 143, 168, 207, 210.
 Nguyễn Văn Đầu, II, 253.
 Nguyễn Văn Điềm, II, 354.
 Nguyễn Văn Điển, II, 423.
 Nguyễn Văn Điền, II, 249.
 Nguyễn Văn Đình, II, 63, 58, 61.
 Nguyễn Văn Đồng, I, 260.
 Nguyễn Văn Đức, II, 105; III, 136.
 Nguyễn Văn Đường, IV, 201.
 Nguyễn Văn Giám, IV, 94.
 Nguyễn Văn Giảng, II, 51; IV, 124.
 Nguyễn Văn Giáp, II, 194, 209, 263, 400, 409; III, 35, 42.
 Nguyễn Văn Hạnh, III, 120; IV, 74, 178, 216.
 Nguyễn Văn Hào, II, 124, 125, 168, 188, 227, 248, 249, 273, 332.
 Nguyễn Văn Hậu, II, 348.
 Nguyễn Văn Hiền, I, 254.
 Nguyễn Văn Hiến, IV, 266.
 Nguyễn Văn Hiếu, III, 313; IV, 249.
 Nguyễn Văn Hoàng, III, 43, 136, 160.
 Nguyễn Văn Hoàng, II, 29, 30, 31, 36.
 Nguyễn Văn Hội, II, 54.
 Nguyễn Văn Huân, IV, 82.
 Nguyễn Văn Huấn, II, 54, 118, 168, 175, 194, 220, 262.

- Nguyễn Văn Huệ, I, 254, 256, 261, 262, 263; II, 28, 39, 41, 42, 46, 47, 52, 57, 61, 62, 83, 86, 97, 113, 159; III, 85.
 Nguyễn Văn Huân, III, 310.
 Nguyễn Văn Huyền, IV, 221.
 Nguyễn Văn Hưng, II, 105, 175, 190, 193, 199, 234, 290, 292; III, 364, 368, 376; IV, 13, 200, 203, 277, 333, 336, 338, 355, 362, 380.
 Nguyễn Văn Hương, IV, 14.
 Nguyễn Văn Hường, II, 163.
 Nguyễn Văn Hựu, II, 122; IV, 186.
 Nguyễn Văn Kiên, II, 234; III, 44, 178; IV, 156.
 Nguyễn Văn Kim, II, 42, 46; III, 44, 100, 144.
 Nguyễn Văn Kỹ, II, 183; III, 140.
 Nguyễn Văn Khánh, IV, 41, 203, 205, 231.
 Nguyễn Văn Khiêm, II, 52, 56, 58, 184, 188, 264, 315, 389; III, 16, 79, 116, 131, 141, 269; IV, 15, 150, 185, 189, 204, 224, 330.
 Nguyễn Văn Khoa, IV, 197.
 Nguyễn Văn Khôn, II, 400, 412.
 Nguyễn Văn Khổng, III, 309.
 Nguyễn Văn Khuê, III, 280; IV, 267.
 Nguyễn Văn Khương, III, 310.
 Nguyễn Văn Lạo, I, 180.
 Nguyễn Văn Lân, II, 344; III, 311; IV, 30.
 Nguyễn Văn Lê, III, 43.
 Nguyễn Văn Lễ, III, 79, 147, 158; IV, 170, 211, 254, 333.
 Nguyễn Văn Liêm, II, 50, 58, 63.
 Nguyễn Văn Linh, II, 118, 149; III, 124.
 Nguyễn Văn Loan, IV, 178.
 Nguyễn Văn Lỗ, II, 439.
 Nguyễn Văn Lợi, II, 128, 130, 140, 157, 162, 165, 193, 196, 233, 247, 248; IV, 178.
 Nguyễn Văn Luật, II, 109.
 Nguyễn Văn Lục, III, 34.
 Nguyễn Văn Lữ, I, 256, 257; II, 46, 52, 62, 65, 67.
 Nguyễn Văn Lương, IV, 397.
 Nguyễn Văn Lượng, IV, 194.
 Nguyễn Văn Mãi, IV, 361.
 Nguyễn Văn Mạo, IV, 240.
 Nguyễn Văn Mân, II, 73, 90; III, 36; IV, 265.
 Nguyễn Văn Mãn, II, 58, 82, 86.
 Nguyễn Văn Mỹ, II, 183, 192.
 Nguyễn Văn Năng, IV, 347.
 Nguyễn Văn Nghi, III, 44.
 Nguyễn Văn Nghị, II, 82, 104, 165, 175, 192, 208; IV, 178.
 Nguyễn Văn Nghĩa, II, 63, 67, 75, 109, 118, 139, 167, 230; III, 279.
 Nguyễn Văn Ngoạn, III, 398; IV, 386.
 Nguyễn Văn Ngũ, II, 263, 344, 380, 440; III, 34, 35, 42.
 Nguyễn Văn Nguyên, IV, 233, 259.
 Nguyễn Văn Nguyên, II, 185, 274; III, 242.
 Nguyễn Văn Nguyệt, IV, 190.
 Nguyễn Văn Ngữ, III, 50.

- Nguyễn Văn Nhạc, I, 243, 250, 252, 254, 255, 260 ; II, 31, 39, 57, 65, 158, 171, 175, 179 ; III, 85.
 Nguyễn Văn Nhân, II, 61, 112, 118, 128, 151, 154, 162, 190, 204, 224, 287.
 Nguyễn Văn Nhân, I, 251 ; II, 31, 60, 75, 80, 84, 94, 118, 126, 130, 139, 167, 172, 174, 177, 191, 194, 230, 259, 260, 271, 306, 383 ; 386 ; III, 25, 62, 179, 227, 256, 262, 321, 394 ; IV, 98, 154, 160, 189, 284, 320, 326, 330, 391.
 Nguyễn Văn Nhiên, III, 178 ; IV, 229.
 Nguyễn Văn Như, IV, 105, 190.
 Nguyễn Văn Oai, II, 51, 57.
 Nguyễn Văn Pháp, II, 370.
 Nguyễn Văn Phát, II, 174.
 Nguyễn Văn Phần, IV, 386.
 Nguyễn Văn Phong, II, 91, 290 ; IV, 37, 183, 190, 224, 232, 343, 369, 386, 395.
 Nguyễn Văn Phú, II, 82, 260, 270 ; IV, 154, 232.
 Nguyễn Văn Phúc, IV, 302.
 Nguyễn Văn Phương, I, 87 ; II, 329, 391.
 Nguyễn Văn Phương, III, 346 ; IV, 387.
 Nguyễn Văn Quang, III, 43 ; IV, 38, 190, 271, 326, 385.
 Nguyễn Văn Quế, II, 140, 181, 274, 331 ; IV, 221, 352.
 Nguyễn Văn Quý, II, 37, 42, 47 ; III, 79 ; IV, 114.
 Nguyễn Văn Quyền, IV, 173.
 Nguyễn Văn Sách, IV, 192.
 Nguyễn Văn Sâm, IV, 395.
 Nguyễn Văn Sĩ, IV, 65.
 Nguyễn Văn Sĩ, II, 209 ; III, 26.
 Nguyễn Văn Soạn, II, 265 ; III, 26 ; IV, 186, 190.
 Nguyễn Văn Sử, II, 227 ; III, 355 ; IV, 214, 394.
 Nguyễn Văn Tam, IV, 266.
 Nguyễn Văn Tánh, II, 76, 105, 130, 140, 162, 185, 193, 196, 233, 234, 248, 292, 317, 343 ; III, 50, 212, IV, 225.
 Nguyễn Văn Tạo, IV, 175.
 Nguyễn Văn Tiến, II, 344.
 Nguyễn Văn Tin, II, 149 ; IV, 65.
 Nguyễn Văn Tĩnh, I, 192.
 Nguyễn Văn Toàn, III, 119.
 Nguyễn Văn Toán, IV, 201.
 Nguyễn Văn Toán, III, 358 ; IV, 14.
 Nguyễn Văn Tông, IV, 178.
 Nguyễn Văn Tôn, IV, 153.
 Nguyễn Văn Tồn, II, 54, 194, 207, 249 ; III, 27, 92, 392 ; IV, 103, 114, 332.
 Nguyễn Văn Tuấn, II, 105 ; IV, 191.
 Nguyễn Văn Tuyên, II, 233.
 Nguyễn Văn Tuyết, II, 63.
 Nguyễn Văn Tư, III, 35.
 Nguyễn Văn Từ, II, 217 ; III, 42 ; IV, 340.
 Nguyễn Văn Tường, I, 87 ; II, 123, 234 ; III, 63.
 Nguyễn Văn Thạc, III, 26.
 Nguyễn Văn Thái, III, 271.
 Nguyễn Văn Tham, II, 101.

- Nguyễn Văn Thành, II, 52, 57, 58, 61, 66, 78, 105, 106, 114, 139, 158, 167, 168, 171, 174, 176, 179, 184, 189, 193, 210, 218, 261, 265, 267, 292, 293, 308, 314, 316, 317, 370, 376, 418, 419, 459; III, 7, 20, 44, 80, 146, 317; IV, 64, 81, 106, 138, 150, 157, 174, 182, 226, 259, 267, 283, 319.
- Nguyễn Văn Thao, IV, 361.
- Nguyễn Văn Thảo, II, 43, 46.
- Nguyễn Văn Thắng, IV, 178.
- Nguyễn Văn Thắng, II, 98, 345, 385, 415; III, 218, 348; IV, 183, 336, 385.
- Nguyễn Văn Thận, II, 193, 209, 402, 417, 427; III, 34, 35.
- Nguyễn Văn Thị, IV, 369.
- Nguyễn Văn Thiêm, II, 64; III, 392.
- Nguyễn Văn Thiện, II, 151, 390; III, 269, 374; IV, 42, 89.
- Nguyễn Văn Thiệu, II, 292, 311.
- Nguyễn Văn Thịnh, II, 58, 105, 112, 154, 262, 265, 307; III, 27; IV, 119, 385.
- Nguyễn Văn Thông, II, 234; IV, 200.
- Nguyễn Văn Thống, III, 25.
- Nguyễn Văn Thuận, II, 43, 234; III, 133; IV, 191.
- Nguyễn Văn Thuật, IV, 77.
- Nguyễn Văn Thục, IV, 252, 317.
- Nguyễn Văn Chung, III, 381.
- Nguyễn Văn Thúy, II, 234.
- Nguyễn Văn Thụy, II, 58, 138, 160, 162, 230, 298, 311, 324, 347, 356, 389; IV, 102, 140, 146, 149, 154, 195, 197, 223, 231, 269, 275, 282, 300, 323, 357, 358, 363.
- Nguyễn Văn Thuyền, IV, 267, 321.
- Nguyễn Văn Thư, II, 99, 105, 118, 139, 157, 193, 227.
- Nguyễn Văn Trạc, I, 88.
- Nguyễn Văn Trí, II, 382, 406, 447; III, 280; IV, 7, 94, 165, 291, 363, 367.
- Nguyễn Văn Trị, II, 54; IV, 156.
- Nguyễn Văn Triêm, IV, 246, 323.
- Nguyễn Văn Triều, III, 44, 213.
- Nguyễn Văn Triệu, II, 225.
- Nguyễn Văn Trọng, IV, 194.
- Nguyễn Văn Truyền, IV, 380.
- Nguyễn Văn Trương, II, 66, 75, 80, 86, 117, 120, 159, 168, 172, 174, 179, 191, 194, 261, 262, 307, 320, 331, 343, 385, 417, 420, 450; III, 5, 14, 18, 33, 69, 227, 267; IV, 75, 263, 318.
- Nguyễn Văn Trượng, III, 378; IV, 291.
- Nguyễn Văn Uy, III, 98.
- Nguyễn Văn Vân, II, 253; III, 6, 13, 50; IV, 370.
- Nguyễn Văn Vị, III, 119.
- Nguyễn Văn Viện, II, 118.
- Nguyễn Văn Vĩnh, III, 355.
- Nguyễn Văn Xuân, II, 234, 392, 418; III, 25, 365; IV, 6, 248, 273, 330, 357, 369, 378.
- Nguyễn Văn Xiêm, IV, 247.
- Nguyễn Văn Xuyên, III, 374.
- Nguyễn Văn Y, IV, 333.
- Nguyễn Văn Yên, II, 419; III, 116.

- Nguyễn Văn, I, 241.
 Nguyễn Vệ, I, 243.
 Nguyễn Viên, III, 17.
 Nguyễn Viết Cơ, III, 27, 44.
 Nguyễn Viết Huê, III, 95.
 Nguyễn Viết Ky, IV, 343, 362.
 Nguyễn Viết Tráng, I, 39.
 Nguyễn Viết Trí, I, 134.
 Nguyễn Viết Ung, III, 135; IV, 37, 266.
 Nguyễn Vinh Tiêm, IV, 355.
 Nguyễn Vinh Ty, II, 329.
 Nguyễn Vinh Xiêm, IV, 313.
 Nguyễn Vĩnh Thị, III, 362.
 Nguyễn Vô Địch, I, 133.
 Nguyễn Xuân, III, 219, 364, 368, 376; IV, 30, 199.
 Nguyễn Xuân Tinh, III, 27; IV, 370, 373.
 Nguyễn Xuân Thực, III, 126, 256; IV, 205, 229, 257, 298, 333.
 Nguyễn Y Mân, II, 177, 179, 220.
 Nguyệt (quần), II, 51.
 Nguyệt đức, III, 228.
 Ngư cốt (núi), II, 210.
 Ngư khô, I, 155.
 Ngư trường (sông), II, 218.
 Ngự thiên, III, 40.
 Nguru cước (bảo), III, 229.
 Nguru chữ, I, 216.
 Nguru pha (lũy), I, 104.

NH

- Nha dạ (sách), II, 347.
 Nha phân, II, 118.
 Nha phiên, II, 311.
 Nha phu (cửa biển) II, 178.
 Nha trang, I, 214; II, 37.
 Nha trang (cửa biển), II, 168.
 Nhà cấp (núi), II, 219.
 Nhai châu, IV, 265.
 Nhạn châu, II, 193.
 Nhâm-lạch TỐI, I, 242.
 Nhân ân (thuộc), II, 325.
 Nhân lý, III, 159.
 Nhân lộ (bảo), IV, 315.
 Nhật bản, I, 125.
 Nhật bản (đạo), II, 127, 134.
 Nhật chiêu, III, 268.
 Nhật lệ, I, 53, 49, 65, 109, 223; III, 239.
 Nhật lệ (cửa), I, 61, 73, 76; 106, 113, 115, 116, 119, 157, II, 414, 454.
 Nhật lệ (lũy), I, 60.
 Nhĩ hạ, I, 128.
 Nhĩ hà (sông), IV, 135.
 Nhị thủy (cửa), IV, 175.
 Nhiều thủy, III, 124.
 Nhu phạt (nước) II, 257, 293.
 Nhữ Công Chiêu, III, 49.
 Nhượng (cửa), I, 89.

O

- Oai quốc công, III, 105.
 Oan sãn, II, 48.
 Ô cam, I, 254.
 Ô da, I, 252.
 Ô giang (nguồn), II, 414; III, 125.
 Ô lan, I, 73, 80.
 Ô li vi, II, 158, 194, 208, 264, 294.
 Ô liêm (lũy), I, 149.
 Ô môn, IV, 356.
 Ô nguyên, II, 30.
 Ô Thạch nhị, IV, 74.
 Ốc đột lục mân, I, 211.
 Ốc luân, IV, 157.
 Ốc nha A lặc thi, I, 142.
 Ốc nha Cao la hãm, I, 174.
 Ốc nha Cao la hãm Mạng trà tri biện, IV, 90.
 Ốc nha Cống sa, I, 135.
 Ốc nha Đa trình, I, 137.
 Ốc nha Diệp, II, 207.
 Ốc nha Đầu rồng Sóng sâm, II, 166.
 Ốc nha Kê, I, 238; II, 115.
 Ốc nha Là, II, 136.
 Ốc nha Lịch đa thi na, I, 135.
 Ốc nha Liên song lam, II, 161.
 Ốc nha Long, II, 71.
 Ốc nha Lục, IV, 357.
 Ốc nha Ma, IV, 357.
 Ốc nha Oa, II, 207.
 Ốc nha Ốc, II, 107.
 Ốc nha Phi biệt vọng sa, II, 203.
 Ốc nha Phi miệt bông sa, II, 161.
 Ốc nha Sa thi sang, II, 136.
 Ốc nha Suất, II, 34.
 Ốc nha Tha la ma, II, 136.
 Ốc nha Thát, I, 148, 149.
 Ốc nha Thu my, IV, 198.
 Ốc nha Thủ triều Bồn nha diệt, III, 45.
 Ốc nha Trà tri, III, 12.
 Ốc nha Uông, I, 226.
 Ốc nha Vị bồn rạch, III, 347.
 Ốc nha Vu bông sa, II, 161.
 Ốc nha Xà cốt, II, 349.
 Ông do, II, 60.

P

Pa đơ chê, II, 183.

PH

- Pha na khi, III, 215.
 Phá băng, III, 330; IV, 186.
 Phả bộ lam Ma-la-xa, III, 337.
 Phá xác, I, 178.
 Phạm (ký lục), I, 69.
 Phạm (văn chức), I, 60.
 Phạm Cẩm Long, I, 154.
 Phạm Cảnh Giảng, IV, 48, 75.
 Phạm Công Lý, I, 260.
 Phạm Công Nghĩa, II, 337.

- Phạm Công Nhuận, III, 100.
 Phạm Công Thư, IV, 173.
 Phạm Công Trí, II, 114.
 Phạm Công Trừ, I, 73.
 Phạm Chi Hương, II, 20.
 Phạm Duật, III, 394.
 Phạm Duy Tự, IV, 173.
 Phạm Đặc Chất, II, 234, 272.
 Phạm Đăng Hưng, II, 240 ; III, 222, 398, 399 ; IV, 195, 205, 283, 298, 306, 318, 320, 398.
 Phạm Điền, II, 63.
 Phạm Đình Ân, II, 329.
 Phạm Đình Bảo, IV, 225.
 Phạm Đình Tích, II, 418 ; IV, 348.
 Phạm Đình Quế, III, 271.
 Phạm Huy Đình, I, 253.
 Phạm Hưng Nhượng, IV, 206, 300.
 Phạm Hữu Bân, III, 242.
 Phạm Hữu Huệ, I, 172, 178.
 Phạm Hữu Lễ, I, 91, 92.
 Phạm Hữu Nghi, II, 5, 19.
 Phạm Hữu Ứng, I, 226.
 Phạm Khánh Đức, I, 182.
 Phạm Khắc Minh, III, 244.
 Phạm Lam, I, 238.
 Phạm Lân, II, 20.
 Phạm Ngạn, II, 30, 40.
 Phạm Ngọc Uân, II, 199 ; III, 45, 219.
 Phạm Ngô Cầu, I, 158, 260, 261 ; II, 61.
 Phạm Như Đăng, II, 152, 318, 401, 425 ; III, 51, 158 ; IV, 17, 45, 64, 99, 138, 155, 174, 183, 193, 205, 254, 263, 345.
 Phạm Như Năng, II, 271.
 Phạm Như Đăng, IV, 274, 370.
 Phạm Nhữ Phong, III, 100, 347, 397 ; IV, 27, 313.
 Phạm Phi Nam, IV, 129.
 Phạm Phương, I, 98.
 Phạm Quang Ảnh, IV, 245.
 Phạm Quang Túy, II, 444.
 Phạm Quang Triệt, II, 199 ; IV, 205, 261, 288.
 Phạm Tất Đồng, I, 81, 84.
 Phạm Tiến Lượng, IV, 329.
 Phạm Tiến Tuấn, II, 157 ; III, 219, 229.
 Phạm Tiến Thụy, IV, 380.
 Phạm Thanh, I, 105.
 Phạm Thích, III, 49, 126 ; IV, 160, 184, 198.
 Phạm Thự, IV, 173.
 Phạm Văn Chân, IV, 290.
 Phạm Văn Chấn, IV, 395.
 Phạm Văn Châu, II, 63.
 Phạm Văn Dật, IV, 194.
 Phạm Văn Đàn, II, 104.
 Phạm Văn Diễm, II, 170, 311, 342, 352, 387, 419 ; III, 35.
 Phạm Văn Lâm, II, 127.
 Phạm Văn Lượng, IV, 380.
 Phạm Văn Nhân, II, 236 ; IV, 149, 234.
 Phạm Văn Nhân, II, 37, 50, 58, 63, 65, 66, 72, 82, 92, 115, 158, 164, 184, 208, 222, 325, 347, 359, 366, 373, 388 ; III, 5, 10, 25, 27, 116, 141, 266 ; IV, 150, 189, 259, 337.
 Phạm Văn Nho, II, 106.
 Phạm Văn Nhung, II, 309.
 Phạm Văn Quỳnh, IV, 259, 352.

- Phạm Văn Sĩ, II, 43, 72, 75, 78, 124.
 Phạm Văn Súc, II, 105.
 Phạm Văn Tín, III, 398, IV, 387.
 Phạm Văn Toán, IV, 112, 174.
 Phạm Văn Tông, II, 234.
 Phạm Văn Trường, III, 338; IV, 73, 74, 308, 394.
 Phạm Văn Thạch, IV, 178.
 Phạm Văn Tham, II, 60, 65, 79, 86, 90.
 Phạm Văn Thận, II, 72, 76.
 Phạm Văn Thù, III, 244.
 Phạm Văn Trí, I, 51.
 Phạm Văn Trí, II, 234.
 Phạm Văn Ưông, IV, 197.
 Phạm Văn Xuân, III, 375.
 Phạm Xuân Cảnh, II, 226.
 Phan Bá Phụng, IV, 191.
 Phan Bảo Đĩnh, III, 247.
 Phan Bảo Định, IV, 254, 391.
 Phan Công Tích, I, 36.
 Phan Chính Thế, III, 49, 242.
 Phan Đặc Lân, IV, 290.
 Phan Đăng Ưng, III, 135.
 Phan Đình Tần, IV, 249.
 Phan Đình Trung, III, 218.
 Phan Đức Quang, IV, 393.
 Phan Gia Thành, IV, 248.
 Phan Huy Áng, I, 256.
 Phan Huy Ích, II, 114; III, 108.
 Phan Huy Thực, IV, 195, 313, 363.
 Phan Huy Vịnh, II, 20.
 Phan Hưng Tạo, I, 90.
 Phan Hữu Nhượng, III, 46; IV, 370.
 Phan Hữu Trí, IV, 198.
 Phan Kế Điều, III, 251, 256.
 Phan Kiêm Đồng, I, 104.
 Phan Lân, I, 95.
 Phan Long, IV, 133.
 Phan Long Vân, IV, 191.
 Phan Mạnh Chính, II, 227.
 Phan Ngạn, I, 40, 41.
 Phan Nguyên Kỳ, IV, 126.
 Phan Như Đăng, II, 80.
 Phan Phương Khánh, III, 218, 242, 266, 364.
 Phan Quang Anh, IV, 393.
 Phan rang, I, 83, 153, 148; II, 118, 120, 129, 159, 168; III, 252.
 Phan rang (đạo), II, 199, 240.
 Phan ri, I, 141, 148, 153; II, 116, 118, 120, 129, 211; III, 240.
 Phan ri (bão), II, 205.
 Phan Tiến, I, 243.
 Phan Tiến Cần, IV, 205.
 Phan Tiến Dưỡng, II, 199.
 Phan Tiến Điện, IV, 240.
 Phan Tiến Hoàng, II, 105, 265, 271; III, 14, 136, 158, 227, 279, 358, 362; IV, 14, 156, 164, 290, 291.
 Phan Tiến Khánh, IV, 282.
 Phan Tiến Lương, IV, 216.
 Phan Tiến Quý, II, 109; III, 174; IV, 248, 317, 336, 361.
 Phan Tiến Tuất, IV, 240, 261.
 Phan Tiến Thận, II, 48.
 Phan Tiến Thiện, IV, 231.
 Phan Thiên Phúc, II, 58, 79, 168, 192, 208, 260; III, 16, 255.

- Phan thiết, II, 179, 208, 225, 249.
- Phan thiết (đạo), II, 197.
- Phan thiết (trạm), II, 346.
- Phan Trọng Phiên, I, 254, 258.
- Phan Văn Đồng, II, 118.
- Phan Văn Đức, II, 228, 385 ; III, 25, 246, 253.
- Phan Văn Hải, IV, 378.
- Phan Văn Hóa, IV, 380.
- Phan Văn Huyền, II, 37 ; IV, 348.
- Phan Văn Kỳ, II, 143, 382.
- Phan Văn Lợi, IV, 178.
- Phan Văn Mãn, III, 242.
- Phan Văn Mậu, IV, 295.
- Phan Văn Nhân, IV, 65.
- Phan Văn Tài, II, 315, 394 ; III, 30.
- Phan Văn Tải, IV, 37.
- Phan Văn Tào, II, 150, 182.
- Phan Văn Tuế, I, 253.
- Phan Văn Tuyên, IV, 291.
- Phan Văn Thê, III, 244.
- Phan Văn Thịnh, IV, 249.
- Phan Văn Thọ, IV, 325, 395.
- Phan Văn Thủy, II, 105, 129 ; IV, 186, 232, 286, 326, 385, 388.
- Phan Văn Triệu, II, 125, 154, 194, 293, 348 ; III, 14.
- Phan Viện, II, 43.
- Phan Xá, I, 62.
- Pháp kê, II, 453.
- Phạm Bình, I, 248.
- Phật cương, I, 66.
- Phi nhã Cô ba, III, 214.
- Phi nhã Chất trí, II, 177.
- Phi nhã Long mang, IV, 98, 103.
- Phi nhã Ma kha A mặc, IV, 184, 187.
- Phi nhã Mai, III, 368.
- Phi nhã Na trật, IV, 98.
- Phi nhã Oan sản, II, 38, 39.
- Phi nhã Phật lãng, III, 369.
- Phi nhã Phi phạt, II, 350 ; IV, 110.
- Phi nhã Phi phạt Cô sĩ, IV, 187.
- Phi nhã Phi sai Bô liên tra, IV, 187.
- Phi nhã Sĩ xú Ly giá ba ha, IV, 48.
- Phi nhã Tân, I, 235.
- Phiên an, III, 360 ; IV, 109.
- Phiên trấn, I, 163, 174, 180, 216, 240 ; II, 30, 32, 63.
- Phiên trấn (dinh), I, 153 ; II, 121, 164.
- Phong (đốc chiến), I, 252.
- Phong doanh, III, 40.
- Phong kha minh, IV, 378.
- Phong lộc, III, 40.
- Phong tỷ sê ri, II, 58.
- Phong xuy, II, 32.
- Phong yêu (núi), II, 448.
- Phổ cát, III, 223 ; IV, 308.
- Phổ châm, I, 149 ; II, 162, 249, 254, 275.
- Phổ châm (dồn), II, 347.
- Phổ hải, I, 148 ; II, 159, 205, 206, 225, 252, 271 ; III, 252.
- Phổ hải (đạo), II, 196, 199.
- Phổ hoa, II, 392, 400.
- Phù âu (nguồn), I, 153 ; II, 414 ; III, 246.
- Phù bài, III, 362.
- Phù cầm, III, 176.

- Phù cừ, III, 40.
 Phù dung, III, 40, 355.
 Phù dương, I, 84, 86, 89, 93, 96.
 Phù hoa, III, 40.
 Phù khang, III, 40.
 Phù liệt, III, 176.
 Phù lộ, I, 107, 120.
 Phù lưu, I, 86, 105; IV, 92.
 Phù ly, I, 33, 243.
 Phù mi, II, 129, 272, 299.
 Phù mi (trạm), II, 346; III, 254.
 Phù mi (thủ), II, 199.
 Phù mi thượng, II, 179.
 Phù ninh, III, 40.
 Phù sa (bãi), II, 392.
 Phù Tài I, 86, 89.
 Phù tôn, I, 115.
 Phù tôn (phủ), I, 161.
 Phù thạch, I, 93.
 Phù thịnh, I, 185.
 Phù viên, I, 193.
 Phù xác, I, 178.
 Phù yên, III, 40.
 Phú an, III, 242.
 Phú ân (sách), IV, 138.
 Phú châu, I, 43, 191.
 Phú chiêm, II, 264.
 Phú đặng (kho), II, 194.
 Phú gia (gò), II, 263.
 Phú hòa, II, 389.
 Phú kê, III, 379.
 Phú kỳ, I, 70.
 Phú lăng sa, II, 49, 331; IV, 336.
 Phú lộ, I, 93.
 Phú môn, I, 202.
 Phú mỹ (trạm), II, 246.
 Phú quý (gò), II, 171.
 Phú quốc, I, 167; II, 49; IV, 352.
 Phú quốc (đảo), II, 42, 43, 47.
 Phú quốc (sở), II, 104, 142.
 Phú triêm, II, 387, 392.
 Phú trung, II, 172, 308, 357.
 Phú vang, I, 33, 62, 167, 257.
 Phú xá, I, 116.
 Phú xuân, I, 134, 162, 208, 248, 254, 258; II, 43, 61, 62; IV, 317.
 Phú xuyên (xã), III, 176.
 Phú yên, I, 43, 56, 63, 78, 83, 141, 152, 156, 167, 169, 179, 186, 191, 208, 214, 226, 227, 251, 253, 254, 256, 257, 263; II, 36, 172, 194, 265, 288, 340, 360, 378; III, 10, 385; IV, 162, 173, 174.
 Phú yên (lục), IV, 132.
 Phú yên (thành đất), IV, 163.
 Phú yên (thuế chiếu), III, 347.
 Phủ áo (vũng), II, 354, 364.
 Phủ lật, IV, 139, 269, 281.
 Phủ lịch, IV, 147.
 Phủ Bà rịa (nguồn), III, 303.
 Phủ bỏ, IV, 186.
 Phủ đôn, IV, 186.
 Phúc an, III, 361.
 Phúc châu, I, 95.
 Phúc chính, III, 361.
 Phúc Chu, I, 145.
 Phúc Chú, I, 189.
 Phúc điền, I, 83.
 Phúc giang (sông), I, 182, 198.
 Phúc kiến, I, 186, 209, 223, 225; IV, 270.

- Phúc Khoát, I, 201.
 Phúc Lan, I, 68.
 Phúc long, I, 153, 208; II, 32, 247; III, 261.
 Phúc lộc, I, 107; III, 40, 361.
 Phúc lộc (sông), II, 30.
 Phúc nghi (bảo), IV, 180.
 Phúc nguyên, I, 46.
 Phúc Tần, I, 80.
 Phúc tinh (mỏ), III, 109.
 Phúc tự, I, 107.
 Phúc thị, I, 34.
 Phúc thọ, III, 40.
 Phúc Thuần, I, 230.
 Phúc Trăn, I, 132.
 Phúc yên, I, 52,
 Phung (vua), I, 233.
 Phùng Huy Giảng, IV, 38, 333.
 Phùng Khắc Khoan, I, 40, 58.
 Phùng Thế Hòa, III, 95.
 Phùng Thế Xứng, IV, 164.
 Phùng thị, III, 326.
 Phùng Văn Nguyệt, II, 118, 130, 175.
 Phùng Văn Tiêm, II, 105.
 Phùng thiên, III, 40, 64, 246.
 Phương kiều, IV, 52.
 Phương lang, III, 323.
 Phương thành, I, 167.
 Phương xuân, I, 152.
 Phương mới, II, 172.
 Phương trảng, II, 392.

QU

- Qua Tuệ thư, I, 170.
 Quách Công Cát, III, 377.
 Quách Công Chuyên, III, 377; IV, 166.
 Quách Công Giá, III, 377.
 Quách Công Huynh, IV, 166.
 Quách Công Quán, III, 377.
 Quách Công Thận, IV, 322.
 Quách Tất Công, IV, 382.
 Quách Tất Tại, IV, 382.
 Quách Tất Thúc, III, 375; IV, 21, 51, 377.
 Quách Tự Tào, III, 377.
 Quan Chiêu, IV, 186.
 Quan da, III, 40
 Quan hóa, III, 40.
 Quan Lung, IV, 319.
 Quang Bàn, II, 86; III, 35, 42, 85.
 Quang Duy, III, 37, 42, 85.
 Quang hóa, II, 29, 31, 57, 126, 140; III, 29, 92; IV, 31, 147, 153.
 Quang hóa (đạo), II, 112.
 Quang hưng (lãng), III, 372.
 Quang Oai (đạo) II, 127.
 Quang Toàn, III, 37
 Quang Thiệu, III, 37, 42, 85.
 Quang Thủy, II, 86, 453; III, 37.
 Quang uy (đạo), II, 103.
 Quảng nói về, II, 183.
 Quảng bá, I, 54.
 Quảng bình, I, 43, 64, 93, 94, 132, 156, 157, 162, 171, 177, 247; II, 62, 407; III, 40, 385.
 Quảng bình (cửa biển), I, 85.
 Quảng bình (dinh), I, 74, 431; III, 375; IV, 7, 398.
 Quảng bình (đạo), I, 155.

- Quảng bình (quân), II, 456.
 Quảng chừ (kho), IV, 15, 380.
 Quảng địa, III, 40.
 Quảng điền, I, 33, 62, 113, 150, 167, 257.
 Quảng đông, I, 158, 167, 178, 186, 223, 253; II, 35, 287; IV, 163, 183, 225, 350.
 Quảng đức, II, 454; III, 40, 246, 385.
 Quảng đức (dinh), II, 431; IV, 7.
 Quảng đức (quân), II, 456.
 Quảng khuyến, I, 95.
 Quảng nam, I, 31, 33, 34, 43, 46, 63, 69, 132, 150, 154, 158, 162, 167, 169, 172, 179, 186, 190, 208, 236, 249, 250, 251, 253, 255, 260; II, 27, 385; III, 334, 357, 385; IV, 151, 174, 182, 189, 291.
 Quảng nam (dinh), I, 42; II, 431, IV, 398.
 Quảng nam (nước), I, 159.
 Quảng nam (quân), II, 456.
 Quảng nam (thuế), II, 422.
 Quảng Ngãi, I, 43, 63, 137, 152, 156, 167, 179, 186, 191, 208, 211, 238, 244, 254, 260; II, 385; III, 303, 332; IV, 162, 174.
 Quảng Ngãi (quân), II, 456.
 Quảng Ngãi (thuế), II, 422.
 Quảng Ngãi (lấy sâm), IV, 395.
 Quảng Ngãi (thành đất), IV, 246.
 Quảng Ngãi (thuế nguồn), IV, 199.
 Quảng Phú, I, 152.
 Quảng phúc, I, 83.
 Quảng tây, I, 186.
 Quảng thịnh (kho), IV, 15, 380.
 Quảng trị, III, 385; IV, 15, 317.
 Quảng trị (dinh), II, 431; IV, 7, 398.
 Quảng trị (thuế gỗ), III, 335.
 Quảng trị (quân), II, 456.
 Quảng yên (trấn), III, 39.
 Quế phong, III, 40.
 Quy hợp, I, 50; IV, 92.
 Quy lai (xã), IV, 78.
 Qui ninh, I, 82, 152, 156, 167, 179, 182, 191.
 Qui nhơn, I, 204, 208, 241, 243, 251, 253, 255, 260; II, 28, 30, 42, 52, 63, 65, 82, 168, 175, 190, 260, 306, 316; III, 334.
 Quy sơn, III, 131.
 Qui sơn (núi), I, 111, 246; IV, 190.
 Quý châu, III, 381, 399.
 Quý (muru sĩ), I, 258.
 Quý huyện, III, 144.
 Quý hương, III, 63, 144.
 Quý lộc, I, 246.
 Quỳnh châu, I, 222.
 Quỳnh lưu, IV, 334, 347.
 Quỳnh nhai, IV, 99.

R

Ròn (chợ), II, 401.

Ròn (cửa) I, 86, 88, 121; III, 7.

S

- Sà bôn, I, 33.
 Sa chủy, I, 119.
 Sa chủy (đồn), I, 84.
 Sa đàm (thành), II, 157.
 Sa đéc, I, 226 ; II, 29, 55, 250.
 Sa huỳnh, II, 412, 413.
 Sa huỳnh (cửa biển), II, 321.
 Sa kỳ (cửa biển), II, 444 ; III, 136 ; IV, 126.
 Sa kỳ (núi), IV, 395.
 Sa lật Văn tri Khôn sĩ thi na, II, 140.
 Sa lung, II, 176, 178, 311, 317.
 Sa phụ, I, 121, 157, 171.
 Sa phụ (lũy), I, 108, 115, 119.
 Sa quán (trạm), II, 346.
 Sa yền (bảo), II, 313.
 Sá phát Ba ni, III, 150.
 Sá sâm Phủ di lạc, IV, 226.
 Sá sĩ na Phật đa, IV, 237.
 Sá tốt, I, 193.
 Sá thông sự, IV, 299.
 Sạ đầu, I, 28.
 Sạ phún, III, 273.
 Sạ trật Sĩ na, IV, 154.
 Sài gòn, I, 122, 153, 179, 225, 257, 258, 262 ; II, 28, 29, 40, 43, 57, 75, 80, 91.
 Sài mạt, I, 201, 226.
 Sài mạt (phủ), I, 167.
 Sài nặc, II, 60.
 Sài (nguồn), II, 414.
 Sâm (cai cơ), II, 34.
 Sâm áo, II, 193.
 Sâm châu, I, 28.
 Sâm dữ, II, 216.
 Sâm dương (đèo), II, 274, 299.
 Sâm hạ, I, 28.
 Sâm khê, I, 156, 156, 163.
 Sâm Nghi Đống, II, 86.
 Sâm Ngọc Long, IV, 165.
 Sâm tứ (châu), IV, 381.
 Sãn sơn, II, 449.
 Sênh Hâm, IV, 111.
 Sĩ tiến, III, 223.
 Sĩ vương, IV, 8.
 Siêu, (ốc nha), IV, 272.
 Siêu (tổng quản), II, 453.
 Sóc sơn, I, 28.
 Sót (cửa), I, 89.
 Sô liên tốc, I, 211.
 Sô si, II, 37, 38, 39.
 Sơn âm, III, 375, 377 ; IV, 51.
 Sơn âm (núi), IV, 162.
 Sơn bô, I, 193.
 Sơn bô (nguồn), II, 414.
 Sơn bốc, II, 140.
 Sơn chiết, II, 41.
 Sơn đầu, I, 116.
 Sơn điền (thuộc), II, 325.
 Sơn định, III, 40.
 Sơn lại (hòn), II, 142.
 Sơn man, III, 85.
 Sơn nam, I, 38.
 Sơn nam hạ, III, 37, 43, 214, 355, 368 ; IV, 7, 167, 266.
 Sơn nam hạ (trấn), III, 38.
 Sơn nam thượng, III, 37, 43 ; IV, 167, 266, 345.
 Sơn nam thượng (thành), IV, 9.
 Sơn nam thượng (trấn), III, 38.
 Sơn phủ, II, 140.
 Sơn quả, II, 311.
 Sơn tây, I, 39, 90 ; III, 43, 148, 333 ; IV, 156, 167.
 Sơn tây (giặc), III, 261 ; IV, 48.

Sơn tây (trấn), III, 39.
 Sơn tử, III, 85.
 Sơn trà (bão), II, 423.
 Sơn trang, III, 85.

Sơn trung, II, 140.
 Sơn vi, III, 357.
 Sùng (đồ đốc), I, 87.
 Sư không (mỏ), IV, 287.

T

Tà bồn, I, 175.
 Tà lạp (sách), II, 251.
 Tà ni (nước), II, 106.
 Tà ôn (cửa), II, 99.
 Tá (tham mưu), I, 244.
 Tả ao, I, 104.
 Tả trạch, III, 246.
 Tả trạch (nguồn), II, 399, 406,
 414.
 Tả Bằng chu, IV, 225.
 Tả Tam, I, 210.
 Tả Tứ, I, 210.
 Tả Văn Nhuệ, II, 115.
 Tài (trường), I, 89.
 Tài Lễ, I, 111, 115, 116, 120.
 Tài phụ, I, 261, 262.
 Tài trí, I, 146.
 Tam ái, II, 399.
 Tam chế (sông), I, 91, 102.
 Tam dị (bão), IV, 10.
 Tam đà (sông), II, 42.
 Tam điệp (đồn), III, 37.
 Tam độc (đất), IV, 264.
 Tam đời, III, 40.
 Tam giang (phá), I, 79, 244.
 Tam hiệu (đình), I, 81, 86.
 Tam hoạt (nước), II, 110.
 Tam Khê (sông), IV, 335.
 Tam kỳ, I, 93.
 Tam kỳ giang, II, 40, 392.
 Tam lộng, I, 93.
 Tam lư (xã), IV, 133.

Tam phụ, I, 257, 260.
 Tam thái (núi), II, 264.
 Tam tháp, II, 174, 175.
 Tam thoa (cửa), II, 431.
 Tâm chân, III, 40.
 Tào Nham, I, 93.
 Tạp Vỹ, I, 162, 182.
 Tắc khái (cửa), II, 115, 119,
 127, 251.
 Tắc khái (đạo), II, 134.
 Tăng Đức Thần, II, 82, 133.
 Tăng Khôi Nguyên, III, 310.
 Tăng Quang Lư, II, 257.
 Tăng Sĩ Lương, IV, 270.
 Tâm bào, I, 226.
 Tâm bồn, I, 221, 224, 225.
 Tâm linh, I, 221.
 Tâm Phong long, I, 226.
 Tâm Phong thâu, I, 221.
 Tâm Phong Xuy, I, 226.
 Tân an, I, 83, 126; II, 172; III,
 361; IV, 77.
 Tân an (sông), II, 446.
 Tân bình, I, 153, 208; II, 32,
 247; III, 361.
 Tân bình (sông), II, 132.
 Tân châu, I, 226; II, 31, 52,
 162; IV, 147.
 Tân châu (đạo), II, 186, 198;
 IV, 165.
 Tân hoa (lũy), I, 242.
 Tân hòa, II, 52, 53, 204.

- Tàn hội (câu), II, 389, 392.
 Tàn khai (thôn), 112.
 Tàn khánh, III, 393.
 Tàn lại, I, 182.
 Tàn lân (thôn), IV, 282.
 Tàn lập (thôn), II, 101.
 Tàn long, III, 361.
 Tàn phúc, I, 43.
 Tàn quan, II, 412, 413; III, 13.
 Tàn thắng, I, 115.
 Tàn trào (bãi), I, 208.
 Tàn lê Bắc, I, 221.
 Tập đình, I, 243, 250, 252, 253.
 Tập trận (đồng), II, 104, 203, 347.
 Tất Đồng, I, 85.
 Tất Kiều, I, 211.
 Tây dương, I, 37, 46, 125, 223; III, 271; IV, 352.
 Tây đô, I, 29, 38, 41.
 Tây lan, I, 39.
 Tây phương, I, 159.
 Tây sơn, I, 243, 255, 257; II, 27, 44, 48, 49, 54, 59.
 Tây sơn (núi), I, 253.
 Tây sơn (sở), I, 325.
 Tây sơn thượng, II, 316.
 Tề Bồ sâm, III, 157.
 Tề ngôi (giặc biên), II, 157, 187, 263, 281, 282, 315, 350, 358, 364, 394, 428; III, 30, 50, 144, 208, 218, 246, 268, 271, 280, 370, 378, 381; IV, 74.
 Tích áo, II, 352.
 Tiềm Vân, I, 97.
 Tiên bình, I, 33, 43.
 Tiên châu, II, 68, 261.
 Tiên cốc, III, 6.
 Tiên hưng, III, 378.
 Tiên lệ (bảo), IV, 282.
 Tiên lục, III, 392.
 Tiên lũy, III, 355.
 Tiên lý, III, 42.
 Tiên lý (bảo), IV, 347.
 Tiên lý (kho), IV, 44.
 Tiên minh, I, 40; III, 232.
 Tiên nộn, I, 172.
 Tiền giang, I, 226, 241; II, 243.
 Tiếp Vũ, I, 90, 91.
 Tiết Phương chương, IV, 274.
 Tiêu cơ (bảo), II, 103.
 Tiêu tây dương, II, 58.
 Tín Đức, I, 146, 177.
 Tinh phụ, II, 71, 72, 108.
 Tinh phụ (đồn), II, 52, 53.
 Tĩnh (cai cơ) II, 34.
 Tĩnh gia, IV, 355.
 Tĩnh xuyên (xã), IV, 10.
 Tỷ thôn phủ, I, 178.
 Toàn phủ, II, 249, 254, 265, 271, 275.
 Toàn thắng, I, 117.
 Toàn thắng (trại), I, 76.
 Toàn thịnh (trạm), II, 346.
 Toàn Võ, I, 87, 97.
 Tô (giám quân), II, 45, 46.
 Tô châu (núi), I, 240.
 Tô hà (trạm), II, 346.
 Tô Huệ Vân, IV, 391.
 Tô lộ xuy La môn, III, 371.
 Tô Mậu Kim, II, 329.
 Tô thích giá thi, I, 159.
 Tô Trần, II, 5, 19.
 Tô Văn Đoàn, I, 260; II, 58, 70, 82, 92, 208, 225; III, 10.
 Tô Văn Mạc, IV, 244.
 Tô Long, I, 99.

- Tôn Sĩ Nghị, II, 81, 86.
 Tôn Thất Bản, I, 244.
 Tôn thất Bình, IV, 224, 334, 344, 347, 349.
 Tôn thất Bình, IV, 307.
 Tôn thất Cảnh, I, 246.
 Tôn thất Chí, I, 248, 250, 251, 254, 259.
 Tôn thất Chương, II, 92, 209, 348, 358; III, 51, 269, 375; IV, 143, 162, 190, 195.
 Tôn thất Cốc, II, 41, 45, 47.
 Tôn thất Dịch, IV, 285.
 Tôn thất Diễn, I, 204.
 Tôn thất Diệu, I, 157, 159, 167.
 Tôn thất Doanh, I, 248.
 Tôn thất Dự, II, 36, 37, 40, 43, 47, 53.
 Tôn thất Dục, I, 234, 237.
 Tôn thất Đạt, I, 133, 172.
 Tôn thất Dịch, IV, 361.
 Tôn thất Điền, I, 202.
 Tôn thất Điền, II, 98.
 Tôn thất Điều, IV, 375.
 Tôn thất Đồng, I, 263; II, 98.
 Tôn thất Hà, I, 49.
 Tôn thất Hải, I, 47.
 Tôn thất Hán, III, 105.
 Tôn thất Hạo, III, 257.
 Tôn thất Hắc, I, 66.
 Tôn thất Hiệp, I, 235; III, 279.
 Tôn thất Hòa, I, 50.
 Tôn thất Hoan, IV, 375.
 Tôn thất Hội, II, 52, 53, 54, 58, 72, 75, 86, 98, 119, 126, 139, 167, 168, 169, 171, 174, 178, 180, 192, 195, 205, 206, 213, 215, 220, 231, 260; IV, 329.
 Tôn thất Huống, I, 247.
 Tôn thất Huy, II, 52, 58, 72, 73, 75, 119, 161; IV, 216, 367, 393.
 Tôn thất Huyền, II, 92, 115; III; 178; IV, 22, 201.
 Tôn thất Hương, I, 244.
 Tôn thất Hy, II, 43.
 Tôn thất Kính, I, 250.
 Tôn thất Khê, I, 52, 66, 69, 176; IV, 297.
 Tôn thất Khôi, IV, 345.
 Tôn thất Lễ, I, 222.
 Tôn thất Lịch, II, 265.
 Tôn thất Liêm, III, 17, 35.
 Tôn thất Lộc, I, 76, 77.
 Tôn thất Mãn, I, 43, 44, 98.
 Tôn thất Nghiêm, I, 212, 236, 246.
 Tôn thất Nhuận, I, 146, 149.
 Tôn thất Nhuận, I, 146, 149.
 Tôn thất Nông, II, 215.
 Tôn thất Phong, IV, 345.
 Tôn thất Phương, I, 133.
 Tôn thất Quyền, I, 254.
 Tôn thất Tiếp, I, 245, 246, 247, 248.
 Tôn thất Tĩnh, I, 250, 251, 254.
 Tôn thất Tuấn, I, 64.
 Tôn thất Tuyên, I, 49, 69.
 Tôn thất Tử, I, 216.
 Tôn thất Thao, I, 81.
 Tôn thất Thăng, I, 244; II, 55, 170, 386, 454; III, 273; IV, 82, 273, 329, 380.
 Tôn thất Thận, I, 169.

- Tôn thất Thuận, IV, 104.
Tôn thất Tráng, I, 81, 82, 88, 93, 105, 111, 132.
Tôn thất Triều, IV, 292, 332.
Tôn thất Trinh, I, 174.
Tôn thất Trung, I, 73, 75; II, 109, 117.
Tôn thất Văn, I, 241, 243.
Tôn thất Vệ, I, 49, 53.
Tôn thất Vị, IV, 297.
Tôn thất Viên, I, 236.
Tôn thất Xuân, I, 254, 258, 259; II, 31, 35.
Tôn thất Yên, I, 69, 109.
Tôn thất Yến I, 98.
Tôn Thọ Vinh, II, 225, 234, 348.
Tổng Đĩnh Đức, I, 199.
Tổng Đồng, II, 58.
Tổng Đức Đại, I, 177.
Tổng Đức Minh, I, 116, 126, 133, 135.
Tổng Hữu Đại, I, 70, 76, 86, 89, 91, 95, 105.
Tổng Hữu Đại, I, 70, 76, 86, 89, 91, 95, 105.
Tổng Hữu Thanh I, 140, 146.
Tổng Hữu Thận, I, 133, 146.
Tổng Hữu Trường, I, 245, 247.
Tổng Phúc Khang, I, 93.
Tổng Phước Châu, II, 80, 271, 383, 395; III, 46.
Tổng Phước Diệu, I, 178.
Tổng Phước Đại, I, 209, 210.
Tổng Phước Đạm, I, 249, 251, 260; II, 64, 65, 75, 76, 79, 119, 184.
Tổng Phước Đào, I, 163, 177, 181, 190, 202.
Tổng Phước Hiệp, I, 242, 244, 251, 253, 254, 255, 256, 257, 258.
Tổng Phước Hòa, I, 254, 257, 260, 262.
Tổng Phước Hợp, I, 240.
Tổng Phước Hựu, I, 256, 262.
Tổng Phước Khoa, II, 99, 108.
Tổng Phước Khuông, II, 29, 33.
Tổng Phước Lương, I, 261; II, 29, 33, 36, 37, 315, 385, 410, 419, 443, 454; III, 6, 18, 34, 50, 381, 396; IV, 8, 111, 193.
Tổng Phước Ngoạn, II, 58, 104; III, 397; IV, 27, 48, 75, 111, 112, 134, 236, 277.
Tổng Phước Ngọc, II, 64, 111, 123.
Tổng Phước Tài, I, 156, 157.
Tổng Phước Thiêm, II, 36, 37, 39, 40.
Tổng Phước Thiệu, I, 169.
Tổng Phước Thông, I, 64.
Tổng Phước Tráng, I, 146.
Tổng Phước Trị, I, 32; IV, 356.
Tổng Phước Trí, I, 140.
Tổng sơn, I, 31; III, 144, 179, 332; IV, 82, 113.
Tổng sơn (biên binh), IV, 363.
Tổng sơn (công thần), II, 422.
Tổng Sùng, I, 243.
Tổng Tuấn, I, 149.
Tổng thị (Hoàng hậu), III, 305.
Tổng thị (nguyên phi), III, 117.
Tổng Triều Phương, I, 69.
Tổng Uy, I, 86.
Tổng Văn Hiệp, IV, 295.
Tổng Văn Hùng, I, 69.

- Tống Văn Khương, II, 60; IV, 92, 247.
 Tống Văn Phúc, II, 37, 104.
 Tống Văn Sở, IV, 249, 369.
 Tống Văn Vạn, II, 20.
 Tống Việt Phước, II, 209, 241, 254, 337, 347, 369, 370, 382, 388, 405, 409, 411, 413; IV, 330.
 Tu hà, II, 219.
 Tú dung (mỏ chì), III, 85.
 Tú Long, I, 87.
 Tú Minh, I, 104, 118.
 Tú sơn (mỏ vàng), III, 84.
 Tụ long, III, 382; IV, 70, 96.
 Tụ long (bảo), IV, 42, 138, 180.
 Tụ long (mỏ đồng), III, 84.
 Tuần dã, II, 369.
 Tuần lễ, I, 99.
 Tuấn (đô đốc), II, 352.
 Tuấn Đức, I, 173, 185.
 Túc tông, III, 299.
 Tùng châu, I, 52, 65, 149.
 Tùng luật, (cửa biển), II, 414, 443.
 Tuy hòa, I, 44.
 Tuy viên, I, 33.
 Túy (tiên phong), II, 41, 45, 46.
 Tuyên chinh, I, 248.
 Tuyên quang, III, 44, 62, 148, 382; IV, 167, 180.
 Tuyên quang (mỏ), III, 84, 105.
 Tuyên quang (thồ phi), IV, 210, 303.
 Tuyên quang (trấn), III, 39.
 Tuyên vương, III, 257.
 Tuyên uy (đạo) II, 126, 272.
 Tư dung (cửa) I, 111, 116, 125, 195, 246, 249; II 401, 414; IV, 81, 125, 185, 290, 379.
 Tư nghĩa, I, 33, 43.
 Từ Hữu Dụng, I, 210.
 Từ Văn Chiêu, II, 359, 382, 444, 452; III, 35, 42.
 Từ Văn Tú, II, 118, 266.
 Tứ (hoàng tử) I, 60.
 Tứ chánh, I, 222.
 Tứ kỳ, III, 355.
 Tứ kỳ giang, II, 41.
 Tử đôi, III, 379.
 Tử khê, III, 124.
 Tự quán (trạm), II, 346.
 Tương dương, III, 40, 381.
 Tương dực đế, I, 27.
 Tường (tiên phong), I, 252.
 Tường Quang, I, 249.
 Tường Trung, I, 90, 91.
 Tường Vân, I, 169.
 Tường Vĩnh quan, II, 136.
 Tượng đầu (bảo), III, 358.
 Tượng sơn, III, 309.

TH

- Thạc (cai đội), I, 253.
 Thạch bàn (trạm) III, 254.
 Thạch bi (núi) I, 83, 214, 241.
 Thạch bích, III, 103, 124, 279.
 Thạch bích (đá vách), II, 457.
 Thạch bích (man), IV, 290.
 Thạch cốc, II, 159, 382.
 Thạch đậu, II, 266.
 Thạch hà, I, 90.
 Thạch hãn, I, 150.
 Thạch hãn (núi) I, 44.
 Thạch hãn (sông), I, 110.

- Thạch hãn (xã) IV, 12.
 Thạch hiệp, I, 104.
 Thạch hồ (trạm) II, 346.
 Thạch liêm, I, 158.
 Thạch tân, (bảo), II, 311, 315, 317, 342.
 Thạch thành, II, 178, 195.
 Thạch thành (nguồn) II, 325; III, 242, 348.
 Thạch xá, II, 121, 127.
 Thạch yển, II, 172, 175.
 Thái dương, II, 152; III, 131, 338, 383.
 Thái dương (sông) I, 174.
 Thái Bá Hùng, IV, 11.
 Thái Bá Trật, I, 92.
 Thái Càn, II, 176.
 Thái bình, III, 40.
 Thái bình (đạo), III, 308.
 Thái Đình Tư, IV, 232, 387.
 Thái hòa trung, III, 251.
 Thái Khang, I, 83, 122, 141.
 Thái Khiên, III, 331.
 Thái ninh, III, 40.
 Thái Ngọc Bạch, IV, 212, 266.
 Thái nguyên, I, 39; III, 44, 62, 104, 148; IV, 7, 13, 156, 167.
 Thái nguyên (trấn), III, 39.
 Thái nguyên (trấn lý) IV, 182.
 Thái nguyên (thồ phi) IV, 233, 247.
 Thái Sinh, I, 232, 248.
 Thái tô, III, 292.
 Thái tông, III, 295.
 Thái Văn Nguyên, III, 256.
 Thái vương, III, 105.
 Tham dich, III, 251.
 Tham dich tây, IV, 269, 299.
 Tham dich Triệu bôn nha, IV, 198.
 Tham lương, II, 40.
 Thán lung, II, 73.
 Thanh (nước), I, 178; II, 338; IV, 71, 183, 241, 249, 313, 349, 373.
 Thanh (người), II, 251; IV, 74, 177, 265.
 Thanh (sai dịch nước), III, 362.
 Thanh (thuyền nước), III, 271.
 Thanh (giặc biên), III, 331; IV, 314, 353.
 Thanh bình, III, 375, 383, 387.
 Thanh bình (giặc) IV, 322, 327.
 Thanh châu, II, 198; IV, 41.
 Thanh châu (đạo), II, 133.
 Thanh Chiêm, III, 347.
 Thanh Chương, I, 100; IV, 352.
 Thanh chương (huyện) II, 431.
 Thanh chương (sông), I, 95.
 Thanh đồ, III, 40.
 Thành Đức, I, 248.
 Thanh hà, 115, 154; II, 425; III, 232; IV, 71.
 Thanh hà (bảo), III, 6.
 Thanh hà (kho), II, 415.
 Thanh hà (hành cung), III, 34.
 Thanh Hàm, II, 90.
 Thanh hảo, II, 315, 413, 447, 450.
 Thanh hảo (quân thứ), II, 433.
 Thanh hoa, I, 28, 31, 38, 48, 103; III, 36, 51, 333, 377, 389, 391; IV, 167.
 Thanh hoa (kén lính), III, 74.
 Thanh hoa (trấn), III, 38.
 Thanh hoa (giặc), IV, 211, 308, 355.

- Thanh hoa (người), IV, 267.
 Thanh hoa nội, III, 77.
 Thanh hoa ngoại, III, 38, 44, 62, 77.
 Thanh hóa, II, 86; III, 357.
 Thanh kỳ, II, 352.
 Thanh khúc, III, 146.
 Thanh lan, I, 38.
 Thanh lăng, IV, 92.
 Thanh lăng (sách), IV, 381.
 Thanh Minh, I, 180, 184.
 Thanh miện, III, 355.
 Thanh Nghệ, I, 33; IV, 167.
 Thanh Nghệ (đường kênh), III, 120.
 Thanh Nhân, I, 258, 260, 262.
 Thanh sơn, III, 40.
 Thanh sơn (bảo), II, 104.
 Thanh tu (trạm), II, 346.
 Thanh tuyên, II, 214.
 Thanh truyền (xã), IV, 220.
 Thanh tương, I, 36.
 Thanh thủy, III, 40.
 Thanh xuân (quán), I, 50.
 Thanh xuyên, III, 40.
 Thành Tĩnh, I, 247.
 Thảo câu (đồn), II, 44.
 Tháp cái, II, 449.
 Thất xỉ đa, II, 53.
 Thăng (lưu thủ), II, 35, 41, 45, 46.
 Thăng bình, I, 43, 78.
 Thăng Điện, I, 78.
 Thăng hoa, I, 33, 43, 63, 156, 167, 182, 191, 254, 255; II, 63.
 Thăng long, III, 37, 42.
 Thăng long (thành), III, 246.
 Thăng long (đắp thành), IV, 366.
 Thăng (tham đốc), I, 120.
 Thăng Bố, I, 81.
 Thăng Nham, I, 96, 98.
 Thăng Sơn, I, 143.
 Thâm nguyên, IV, 92.
 Thân Vạn Đồng, IV, 10, 240.
 Thân Văn Quan, I, 90.
 Thần tông, III, 294.
 Thận Đức, I, 178, 184.
 Thất Khê, III, 40.
 Thất Tuyên, III, 40.
 Thế (tên), I, 127.
 Thế lại, I, 35, 29.
 Thế lương, I, 94.
 Thế tông, III, 299.
 Thi bồ, II, 392.
 Thi nại, II, 308, 380, 394, 447, 452; III, 13, 399.
 Thi nại (cửa biển), II, 159, 171, 175, 178, 193, 331, 342, 364, 373, 384, 397; IV, 65.
 Thi nại (trấn), II, 379.
 Thị dã, II, 193, 194, 310, 355, 362, 369.
 Thị kiể (trạm), II, 346.
 Thị linh (bảo), III, 326.
 Thị môn (Kênh), I, 127.
 Thị Nghi (núi), II, 215.
 Thị Thừa, I, 82.
 Thị Uyển, II, 49.
 Thiêm Vinh, I, 90.
 Thiên đức (sông), IV, 69.
 Thiêm Lộc, I, 260; IV, 63.
 Thiên mục, I, 177; II, 200.
 Thiên phúc, III, 40.
 Thiên quan, III, 375.
 Thiên tôn (núi), I, 29; III, 83.
 Thiên Trường, III, 355.
 Thiệu Chính, I, 216, 221; II, 187.

- Thiều châu (giặc), III, 213.
 Thiệu hóa, III, 40.
 Thiệu long giáo chủ Nguyễn thị, III, 193.
 Thiệu thiên, III, 40.
 Thịnh Du, III, 150.
 Thịnh Hội, I, 76, 77.
 Thọ hạc (xã), III, 189.
 Thọ hương, I, 254.
 Thọ Khang, I, 155.
 Thọ Khang (kho), III, 137.
 Thọ Khang thượng (kho), II, 415.
 Thổ lỗ (man), IV, 383.
 Thọ xuân, III, 40.
 Thổ châu, II, 28, 58.
 Thổ châu (đảo), II, 49, 52, 53, 54, 58.
 Thổ dữ (hòn đất), II, 358.
 Thổ ngõa, I, 208.
 Thổ sơn (đồn), III, 142.
 Thôi ngòi (xã), IV, 316.
 Thôn ba hú, II, 124.
 Thông (kênh), II, 30.
 Thông (đô đốc), I, 113, 149; IV, 367.
 Thông binh, IV, 153, 378.
 Thông binh (đạo) II, 126.
 Thông nông (cửa), IV, 176.
 Thu châu, III, 40.
 Thu bồn I, 232.
 Thu bồn (sông), I, 250.
 Thu lay (nguồn), II, 414.
 Thu vật, III, 40.
 Thu vi, III, 240.
 Thuần đức, I, 89, 173.
 Thuận an, III, 242, 361, 378.
 Thuận an (cửa), I, 64; II, 397; IV, 184, 186, 314, 379.
 Thuận bình, I, 33.
 Thuận biên (trạm), III, 382.
 Thuận đức, I, 115.
 Thuận hóa, I, 31, 33, 41, 43, 46, 56, 126, 151, 167, 190, 236, 249, 254, 258, 261; II, 61, 62, 414.
 Thuận hóa (quân), II, 345.
 Thuận Quảng, I, 33, 37, 42, 51.
 Thuận Thành, I, 147, 148, 170, 179; II, 201, 221, 271, 290; III, 208, 326, 348.
 Thuận thành (man), I, 209.
 Thuận thành (ruộng), II, 196.
 Thuận thành (trấn), I, 150; II, 162, 188, III, 63.
 Thuận trạch, I, 185.
 Thuận Trung, I, 115.
 Thuộc vinh (man), IV, 306.
 Thủy vân, II, 251, 281.
 Thủy vân, III, 381.
 Thủy (tên), I, 40.
 Thủy ba, III, 362.
 Thủy đường, I, 40.
 Thủy liên, I, 111, 160.
 Thủy loan, I, 252.
 Thủy tuần (sách), IV, 138.
 Thủy xá, I, 214; II, 197; III, 122.
 Thủy vĩ, IV, 207, 314.
 Thủy vĩ (châu), IV, 274.
 Thụy (tên), I, 40; II, 361.
 Thụy thánh (lăng), IV, 150.
 Thượng ải, II, 406.
 Thượng cát, III, 176.
 Thượng dã, I, 149.
 Thượng hải, I, 223.
 Thượng hồng, III, 40.
 Thượng kế, III, 330; IV, 186.

Thượng lập (kho), II, 415, 445. Thượng lộ, I, 204.
Thượng lập (hành cung), III, 83. Thượng sai (sách), IV, 138.

TR

Trà cầu, II, 321.
Trà dê, II, 252.
Trà dương đại (sách), II, 125.
Trà dương tiểu (sách), II, 125.
Trà đình (nguồn), IV, 65.
Trà giang, (sông), II, 29.
Trà kiêu, I, 43.
Trà kê, II, 450, 455.
Trà khúc, II, 266, 321, 413;
III, 133.
Trà khúc (bào), II, 412.
Trà khúc (kho), II, 387.
Trà khúc (sông), II, 175.
Trà lai, I, 172.
Trà lang, I, 255.
Trà lang (núi), II, 37.
Trà lân, III, 39, 381, 399; IV,
92.
Trà lý, III, 176, 368, 378.
Trà nường, II, 248.
Trà ôn, II, 55, 56, 66.
Trà phụ, II, 210.
Trà sơn, I, 232, 250; II, 66;
III, 134.
Trà sơn (vung), I, 69; IV, 157.
Trà tân, I, 262; II, 56, 70.
Trà vân, I, 232.
Trà vĩnh, I, 226; II, 34, 133,
136, 157; III, 129, 175; IV, 44.
Trà xuy, I, 177.
Trạch (chương cơ), I, 49.
Trạm dã (bào), II, 265.
Trang việt, IV, 108.
Tranh giang, I, 261.
Trào (cửa), III, 240.
Trần Bái, I, 86.
Trầm bôn, III, 330.
Trầm ma (thác), I, 249.
Trần A-nhị, III, 109.
Trần An Bình, I, 125.
Trần Bá Bảo, III, 28; IV, 257,
298, 314, 371.
Trần Bá Giáo, IV, 310.
Trần Bá Kiên, IV, 393.
Trần Bá Liêu, III, 392.
Trần Bách Niên, I, 38.
Trần Búa, I, 257.
Trần Công Bách, I, 104.
Trần Công Chủ, II, 174.
Trần Công Chương, II, 40.
Trần Công Dẫn, II, 115.
Trần Công Đán, III, 246; IV,
197, 223, 305.
Trần Công Đê, II, 149, 164.
Trần Công Hiến, II, 172; III,
43, 79, 104; IV, 9, 190, 308.
Trần Công Hiếu, IV, 351.
Trần Công Hòa, III, 173.
Trần Công Lại, III, 43, 269;
IV, 144, 145, 150, 190, 196,
211, 386.
Trần Chấn, IV, 163, 183, 314,
350, 363.
Trần Chi Thái, IV, 248.
Trần Chi Thành, IV, 206.
Trần Chính Đức, IV, 382.
Trần Danh An, II, 81.
Trần Danh Diệu, IV, 317.

- Trần Danh Phác, III, 188 ; IV, 171.
- Trần Duy An, II, 328.
- Trần Duy Trung, I, 248.
- Trần Đại Cự, III, 14.
- Trần Đại Định, I, 193, 194.
- Trần Đại Huệ, II, 47.
- Trần Đại Luật, II, 80, 247 ; III, 109.
- Trần Đại Lực, I, 233.
- Trần Đại Nghĩa, II, 82 ; III, 392.
- Trần Đại Thê, II, 33, 47.
- Trần Đăng Long, IV, 185, 229, 261.
- Trần Đăng Nghi, IV, 276.
- Trần Đình An, I, 140.
- Trần Đình Anh, IV, 206, 316.
- Trần Đình An, I, 111, 116, 126, 129, 133, 156, 163.
- Trần Đình Hiến, I, 242.
- Trần Đình Hoàn, III, 84.
- Trần Đình Hy, I, 214, 216, 227.
- Trần Đình Hỷ, I, 201.
- Trần Đình Khánh, I, 156, 157, 158.
- Trần Đình Thuận, I, 159, 162, 163.
- Trần Đình Trung, IV, 194.
- Trần Đình Trưng, III, 395 ; IV, 374.
- Trần Đĩnh, II, 47.
- Trần Đôn lâm, I, 40.
- Trần Đức Hòa, I, 43, 52, 185.
- Trần Đức Khoan, II, 192.
- Trần Đức Thuận, III, 131.
- Trần Giai, I, 243, 246.
- Trần Hiền chu, IV, 177.
- Trần Hiếu Liêm, II, 90, 101, 122, 126, 142.
- Trần Hưng, II, 47.
- Trần Hưng Đạt, II, 138 ; III, 225, 253.
- Trần Hữu Điền, IV, 201.
- Trần Hữu Lộc, IV, 238.
- Trần Hữu Thiên, II, 329 ; IV, 190.
- Trần Hựu, IV, 194.
- Trần Kiên Nhân, IV, 194.
- Trần Khôi, IV, 192.
- Trần Liên, I, 240, 242.
- Trần Lợi Trinh, III, 136, 255 ; IV, 185, 285.
- Trần Lương Điện, II, 105.
- Trần Mậu Khánh, II, 107, 142.
- Trần Minh Đức, II, 242.
- Trần Minh Nghĩa, III, 28, 51, 159, 244 ; IV, 300, 305, 315.
- Trần Minh Triết, II, 33.
- Trần Ngọc Chữ, II, 175.
- Trần Ngọc Phân, I, 43.
- Trần Ngọc Quán, IV, 37, 68, 246, 350.
- Trần Ngọc Quán, IV, 100.
- Trần Ngọc Thành, III, 131.
- Trần Nhật Vĩnh, IV, 380, 386.
- Trần Phúc Chất, II, 182, 269.
- Trần Phúc Giai, II, 33, 57.
- Trần Phúc Hậu, II, 199.
- Trần Phúc Hiền, III, 136 ; IV, 206, 350.
- Trần Phúc Nhai, II, 58.
- Trần Phúc Nhân, III, 136.
- Trần Phúc Tuy, II, 378.
- Trần Phúc Thành, I, 234, 238, 241.
- Trần Phúc Tri, II, 217, 247.

- Trần Phúc Trung, IV, 11.
 Trần Phương, II, 30.
 Trần Quang Diệu, II, 190, 191, 193, 199, 202, 203, 209, 215, 217, 218, 220, 262, 309, 314, 338, 341, 342, 352, 360, 380, 389, 406, 424, 428, 444; III, 35, 42, 85.
 Trần Quang Mãn, IV, 206.
 Trần Quang Minh, II, 105.
 Trần Quang Quỳnh, III, 96.
 Trần Quang Tĩnh, II, 223; III, 256; IV, 205, 262, 314, 318.
 Trần Quang Tĩnh, IV, 126.
 Trần Quang Thái, III, 25, 33, 158, 375; IV, 12.
 Trần Quốc Cao, III, 28.
 Trần Tiến Bảo, III, 209.
 Trần Tiến Triều, I, 105.
 Trần Tiến Trợ, II, 329.
 Trần Tiến Voi, II, 164.
 Trần Toàn, IV, 200.
 Trần Tú, II, 63.
 Trần Tuấn Thụy, III, 100.
 Trần Thái, I, 235, 240.
 Trần Thế Hanh, III, 392.
 Trần Thế Quyền, IV, 13.
 Trần Thiên Tài, IV, 73, 258.
 Trần Thụy Quan, II, 98.
 Trần Thượng Xuyên, I, 125, 138, 154, 155, 174, 179, 180, 182.
 Trần Trọng Huyền, IV, 192.
 Trần Trừ, II, 5, 20.
 Trần Văn An, III, 149.
 Trần Văn Bảo, II, 228.
 Trần Văn Bô, II, 185.
 Trần Văn Bùa, II, 170, 262.
 Trần Văn Cường, IV, 266.
 Trần Văn Chung, IV, 178.
 Trần Văn Đại, III, 131; IV, 183, 221, 326, 353, 384, 392.
 Trần Văn Đạo, I, 70.
 Trần Văn Điều, IV, 173.
 Trần Văn Hòa, I, 260.
 Trần Văn Hóa, IV, 199.
 Trần Văn Hoảng, IV, 271.
 Trần Văn Học, III, 214.
 Trần Văn Huyền, IV, 92.
 Trần Văn Kỹ, II, 403, 446.
 Trần Văn Lan, II, 106.
 Trần Văn Lễ, I, 70.
 Trần Văn Long, IV, 138.
 Trần Văn Lộc, IV, 42, 191.
 Trần Văn Luật, II, 185.
 Trần Văn Lưu, II, 149.
 Trần Văn Mô, III, 6.
 Trần Văn Năng, III, 19, 63; IV, 28, 101, 147, 153, 165, 244, 271, 279, 378.
 Trần Văn Nhân, II, 164.
 Trần Văn Phái, II, 182.
 Trần Văn Phán, IV, 43, 206.
 Trần Văn Phận, IV, 370.
 Trần Văn Phú, III, 131; IV, 231.
 Trần Văn Phúc, II, 31.
 Trần Văn Quế, IV, 155.
 Trần Văn Quý, IV, 92.
 Trần Văn Tin, II, 105, 124, 164, 194, 348; IV, 28, 214.
 Trần Văn Tĩnh, III, 232, 263.
 Trần Văn Toàn, III, 131; IV, 348.
 Trần Văn Tuấn, III, 17, 209, 290; IV, 22, 205, 236, 288, 334, 335, 363, 390.
 Trần Văn Tuấn, IV, 186.

- Trần Văn Tứ, II, 262.
 Trần Văn Tự, II, 40.
 Trần Văn Thạc, IV, 387.
 Trần Văn Thái, II, 174, 238, 325, 337; III, 81, 133, 141, 229; IV, 45, 69, 215, 317.
 Trần Văn Thìn, III, 378, IV, 233, 379.
 Trần Văn Thịnh, IV, 129.
 Trần Văn Thông, IV, 310.
 Trần Văn Thuyên, II, 227.
 Trần Văn Thức, I, 256, 257, 262, 263.
 Trần Văn Trạc, II, 391, 409, 429, 449; III, 18; IV, 45, 183.
 Trần Văn Tri, IV, 7.
 Trần Văn Trí, III, 98.
 Trần Văn Trinh, IV, 112, 134, 156, 363.
 Trần Văn Trung, II, 105.
 Trần Văn Xạ, II, 54.
 Trần Văn Xung, II, 382.
 Trần Việt Bình, III, 209.
 Trần Việt Kết, II, 194, 210, 320.
 Trần Việt Thành, II, 105.
 Trần Vũ Khách, II, 129.
 Trần Xuân Bằng, I, 113.
 Trần Xuân Cách, II, 32; IV, 13.
 Trần Xuân Hiệp, IV, 13.
 Trần Xuân Thành, IV, 13.
 Trần Xuân Trạch, II, 31, 41; IV, 13.
 Trấn biên, I, 98, 154, 159, 174, 180, 209, 210, 216, 256, 257, 261; II, 30, 32, 63, 243.
 Trấn biên (kho), III, 241.
 Trấn biên (dinh), I, 135, 153; II, 106, 121.
 Trấn di (bảo), II, 99.
 Trấn định, II, 73; III, 40.
 Trấn định (dinh) II, 41, 92.
 Trấn định (kho), III, 241.
 Trấn giang, I, 240, 241, 242, 262; II, 55, 57, III, 393.
 Trấn giang (đạo), I, 252.
 Trấn hải (đài), IV, 184.
 Trấn nam quan, I, 40.
 Trấn ninh, I, 50, 108, 116, 157, 171, 173, 215, 246; III, 150, 169, 238.
 Trấn ninh (lũy), I, 108, 115, 118, 119; II, 419, 442; III, 5.
 Trấn ninh (xã), II, 455.
 Trấn tĩnh, III, 40.
 Trâu Đường Văn, IV, 247.
 Trâu Tôn, III, 105.
 Tre (hòn), II, 65.
 Triều ân, I, 42.
 Triều Cương, I, 97.
 Triều châu, I, 233.
 Triều Nghĩa, I, 86.
 Triều Phương, I, 77.
 Triều sơn, I, 237.
 Triều sơn (xã), III, 188.
 Triều Tin, I, 113, 115, 117.
 Triều Tô, I, 87, 104.
 Triều tôn (xã), IV, 83.
 Triều Văn, I, 51, 77.
 Triệu Bình-trung, IV, 274.
 Triệu bốn nha Xa kê, IV, 195.
 Triệu bốn nha, IV, 47.
 Triệu Đại Sĩ, II, 428; III, 26.
 Triệu phong, I, 33; II, 407.
 Triệu phụ, II, 72.
 Triệu tồ, I, 27; III, 291.
 Triệu tường (núi), I, 29.
 Triệu Văn Thanh, IV, 13.

- Trinh Nghệ, I, 169.
 Trinh Tường, I, 149.
 Trinh (Phò mã), I, 92.
 Trinh cụ, III, 208; IV, 129, 183.
 Trinh lạn (mỏ đồng), IV, 281.
 Trinh quang (thành), I, 215.
 Trinh Bàn, I, 95.
 Trinh Cán, II, 44.
 Trinh Căn, I, 95, 105, 106, 108, 115, 121, 153, 162, 169.
 Trinh Công Tuấn, IV, 7.
 Trinh Cương, I, 187, 192.
 Trinh Chí, I, 30.
 Trinh Danh Quán, II, 328.
 Trinh Doanh, I, 202, 215, 233.
 Trinh Duy Tuấn, I, 28.
 Trinh Đào, I, 73, 76, 77, 81, 84, 85.
 Trinh Đệ, I, 73.
 Trinh Đống, II, 44, 62.
 Trinh Gia, I, 54.
 Trinh Hiến, III, 227, 313.
 Trinh Hoài Đức, II, 80, 98, 166, 307, 318, 355; III, 30, 178, 227, 267, 394; IV, 155, 189, 205, 249, 279, 305.
 Trinh Huyền, I, 153, 159.
 Trinh Kiểm, I, 28, 33.
 Trinh Kiều, I, 71.
 Trinh Khương, I, 192, 195.
 Trinh Lệ, I, 64.
 Trinh Liễu, I, 124.
 Trinh Năng-phát, III, 223.
 Trinh Ninh, I, 90, 95.
 Trinh Nghị Lộc, I, 171, 173, 185.
 Trinh Ngọc Tri, II, 55, 452; III, 17, 35, 98; IV, 145, 180.
 Trinh Nhạc, I, 54.
 Trinh Phúc Thường, II, 150.
 Trinh Quang Chiêu, II, 183.
 Trinh Quốc-anh, I, 235; II, 38.
 Trinh Sâm, I, 233, 241, 245, 247, 251, 253, 254, 258, 260; II, 44.
 Trinh Tạc, I, 64, 73, 90, 95, 113, 119, 120, 128.
 Trinh Tàn Tài, II, 78.
 Trinh Tùng, I, 33, 36, 38, 41.
 Trinh Tường, I, 162.
 Trinh Thế Khanh, I, 105.
 Trinh Thời Tế, I, 106.
 Trinh Thụ, I, 185.
 Trinh Tráng, I, 41, 49, 51, 52, 55, 64, 65, 66, 71, 73, 81, 87.
 Trinh Trọng, I, 88, 89.
 Trinh Văn Thành, IV, 5, 355.
 Trinh Văn, IV, 21, 161, 169.
 Trinh Xuân, I, 49.
 Trinh Xuân Trạm, IV, 386.
 Trinh Yên, I, 235.
 Trọng hiệp (sách), I, 97.
 Trú cầm, IV, 92.
 Trụ Lương, I, 177.
 Trúc dã (sở), II, 325.
 Trúc lâm, I, 129, 185.
 Trung (hoàng tử), I, 53.
 Trung, (cai cơ), II, 58, 65.
 Trung (tướng), I, 29.
 Trung am, I, 30.
 Trung chỉ, I, 76.
 Trung đan (kênh), I, 127, 147.
 Trung hòa (lũy), I, 73.
 Trúc Khê (bảo), II, 419.
 Trung sơn, III, 40, 381.
 Trưng khánh, III, 40.
 Trục (giặc), II, 60.
 Trưng quốc công, I, 27; III, 105.

- Trương Á-lộc, III, 50.
 Trương Á-nhị, III, 385.
 Trương Bảo Thiện, III, 271 ;
 IV, 67.
 Trương Bát quan, II, 66.
 Trương Cầu, I, 167.
 Trương Công Phụng, I, 256.
 Trương Công VI, II, 403 ; IV,
 202, 336, 380.
 Trương Công Tuyên, IV, 369.
 Trương Công Trình, IV, 205,
 350.
 Trương Chí Lý, III, 27, 135,
 247.
 Trương Đăng Quế, II, 5, 19.
 Trương Đắc Danh, I, 95.
 Trương Đình Điều, II, 234.
 Trương Đức Khoan, II, 76,
 124, 183, 260, 356.
 Trương Luyện, III, 41.
 Trương Minh Thành, III, 51.
 Trương Nhạc, I, 232.
 Trương Nhung, I, 195.
 Trương Phúc Căn, IV, 178.
 Trương Phúc Cường, I, 115,
 119, 126, 127, 132, 140.
 Trương Phúc Dĩnh, I, 249,
 250, 258, 260 ; II, 43, 58, 122,
 321.
 Trương Phúc Du, I, 223, 226.
 Trương Phúc Đăng, III, 21,
 254, 398 ; IV 7, 12, 150, 204,
 299.
 Trương Phúc Giáo, II, 51, 54,
 80 ; IV, 126, 246.
 Trương Phúc Hùng, I, 88, 89,
 90, 100, 104.
 Trương Phúc Loan, I, 232,
 236, 237, 243, 246, 247.
 Trương Phúc Luật, II, 58, 61,
 74, 82, 101, 109, 122, 151,
 176, 183, 185, 207, 209, 210,
 213, 264, 266.
 Trương Phúc Nhạc, II, 48.
 Trương Phúc Phan, I, 159,
 161.
 Trương Phúc Phấn, I, 59, 71,
 176.
 Trương Phúc Phương, III, 25.
 Trương Phúc Phượng, II, 406 ;
 III, 43 ; IV, 45.
 Trương Phúc Quyền, IV, 197.
 Trương Phúc Tá, I, 255.
 Trương Phúc Tường, IV, 351.
 Trương Phúc Thận, I, 251, 259,
 261, 264.
 Trương Phúc Thuận, I, 259.
 Trương Phúc Thức, I, 185.
 Trương Phúc Vĩnh, I, 193,
 194.
 Trương Phúc Đa, I, 54.
 Trương Quang Hải, IV, 332,
 393.
 Trương Tiến Bửu, II, 105 ;
 III, 62, 147, 158, 269, 313 ;
 IV, 64, 160, 161, 187, 252,
 300, 370.
 Trương Tiến Cường, IV, 348.
 Trương Tiến Lộc, II, 200.
 Trương Thặng, I, 232.
 Trương Thiêm Lộc, I, 136.
 Trương Trà, I, 34.
 Trương Triều Lương, I, 76.
 Trương Triều Nghị, I, 76.
 Trương Văn Bác, II, 36.
 Trương Văn Chính, IV, 248.
 Trương Văn Dực, I, 180.
 Trương Văn Đa, II, 48, 52, 53, 56.

- Trương Văn Giao, II, 84, 95, 101, 126, 156, 161.
 Trương Văn Hán, IV, 369.
 Trương Văn Hạnh, I, 227.
 Trương Văn Khánh, II, 101.
 Trương Văn Luân, II, 299.
 Trương Văn Minh, IV, 177, 251, 356.
 Trương Văn Ngoạn, IV, 5.
 Trương Văn Nhuận, III, 309.
 Trương Văn Phúc, II, 127.
 Trương Văn Phụng, II, 194.
 Trương Văn Tại, IV, 191.
 Trương Văn Tự, IV, 391.
 Trương Văn Trâm, IV, 178.
 Trương Văn Vân, I, 104, 108, 117.
 Trường cơ (lãng), III, 372.
 Trường dã, II, 370.
 Trường diễn (lãng), III, 372.
 Trường dục (lũy), I, 56, 76, 77, 115.
 Trường đồn, II, 32.
 Trường đồn (đạo), I, 242.
 Trường giang, II, 30.
 Trường hưng (lãng), III, 372.
 Trường mậu (lãng), II, 440; III, 372.
 Trường nguyên (lãng), III, 372.
 Trường phong (lãng), III, 373.
 Trường sa, I, 116, 121.
 Trường sa (bãi), I, 172.
 Trường sa (lũy) I, 65.
 Trường thái (lãng), III, 373.
 Trường thanh (lãng), III, 373.
 Trường thiệu (lãng), III, 373; IV, 23.
 Trường thọ, I, 177.
 Trường xá, I, 126.
 Trường yên, III, 40.

U

- Úc sơn (bảo), II, 171.
 Uông Sĩ Điền, I, 254.
 Uy viên (đồn), IV, 99.
 Ưu đàm (bảo) II, 314.
 Ứng hòa, III, 40.
 Ứng thiên, III, 40, 374, 376.

V

- Vàm cỏ (bảo), II, 126, 271.
 Vàm cỏ (câu), II, 185.
 Vàm cỏ (thành) II, 92.
 Vạn khư (sở), II, 325.
 Vạn Long, I, 136, 141.
 Vạn Lộc (phường), I, 71.
 Vạn lý trường sa, I, 222.
 Vạn Ninh, I, 39; III, 364.
 Vạn tượng, I, 50, 58, 227; II, 269, 347, 383, 385, 389, 402, 431; III, 83, 126, 169, 260; IV, 11, 109, 191, 238, 339.
 Vang ly Ma-lư, I, 238.
 Văn (tên), I, 39.
 Văn úc (cửa), IV, 114.
 Văn Du, I, 92.
 Văn Giáo, I, 124.
 Văn Khuông, I, 57.

- Văn Lan, I, 33.
 Văn Lộc, I, 117.
 Văn Nhung, I, 134.
 Văn Phái, I, 174.
 Văn Phong, I, 43, 56.
 Văn Quán, IV, 108.
 Văn Quân, II, 91.
 Văn Sùng, I, 122.
 Văn Tiến Thề, II, 392, 403.
 Văn Trường, I, 90, 94.
 Văn Thông, I, 137.
 Văn Thuần, I, 92.
 Văn Trai, I, 61.
 Văn Vị, I, 136, 133, 141,
 Văn Cát, I, 90.
 Văn Dương, IV, 32.
 Văn đồn, III, 271.
 Văn Khả, I, 98.
 Văn quan, II, 392.
 Văn quan (cửa), II, 414.
 Văn quang, IV, 84.
 Văn sơn, II, 357, 370, 382.
 Văn sơn (bão) II, 389.
 Văn sơn (chợ), II, 194.
 Văn thê, I, 202.
 Văn Trạch, I, 107.
 Văn trận, III, 238.
 Vi chuyển ba, III, 105.
 Vi Quảng Vĩ, III, 218.
 Vị Bôn xuy, II, 32.
 Vị hoàng, III, 42; IV, 94.
 Vị nê, I, 258; II, 179, 225.
 Vị nê (trạm), II, 346.
 Vị nê (đạo), II, 197.
 Vị xuyên, III, 208.
 Vĩ dã, I, 110; IV, 63.
 Viên chấn (thành), II, 324.
 Viên kiều, III, 247.
 Việt (cửa), I, 37, 46; II, 414.
 Việt châu, III, 40.
 Việt yên, I, 93; III, 40.
 Vinh li ma, II, 48.
 Vinh quang, I, 149.
 Vịnh giang (kênh), IV, 47.
 Vĩnh an, III, 361.
 Vĩnh an (châu), III, 133.
 Vĩnh bình, III, 361.
 Vĩnh cơ (lăng), III, 372.
 Vĩnh diên (lăng), III, 372; IV, 189.
 Vĩnh diên (lăng), III, 95, 372.
 Vĩnh đỉnh, III, 42.
 Vĩnh điện, III, 40.
 Vĩnh hòa, III, 381.
 Vĩnh hòa (thôn), II, 96.
 Vĩnh hưng (lăng), III, 372.
 Vĩnh khánh, IV, 41.
 Vĩnh lại, I, 39; III, 355; IV, 117.
 Vĩnh mậu (lăng), III, 372.
 Vĩnh phong (lăng), III, 373.
 Vĩnh tế (sông), IV, 389.
 Vĩnh tường, III, 40.
 Vĩnh thái (lăng), III, 373.
 Vĩnh thanh, III, 360; IV, 109.
 Vĩnh thanh (lăng), III, 373.
 Vĩnh thanh (thành đất), IV, 182.
 Vĩnh thuận, III, 40, 246.
 Vĩnh trấn, II, 242.
 Vĩnh trấn (dinh), II, 34, 92, 164, 204.
 Vĩnh trấn (kho), III, 241.
 Vĩnh xương, I, 83.
 Võ Bá Diên, II, 121.
 Võ Công An, II, 226.
 Võ Công Bửu, II, 105.
 Võ Công Chấn, IV, 368.

- Võ Công Hanh, IV, 232.
 Võ Công Nhất, IV, 155.
 Võ Công Tân, IV, 368.
 Võ Công Tĩnh, IV, 211.
 Võ Chấn (mỏ chi), III, 127.
 Võ Danh Trung, III, 37; IV, 12, 211.
 Võ Di Minh, II, 210, 228.
 Võ Di Nguy, I, 249, 260; II, 43, 44, 61, 66, 84, 128, 168, 192, 325, 355; III, 20.
 Võ Doãn Thiếp, IV, 48, 221.
 Võ Doan Văn, III, 25, 269; IV, 165.
 Võ Đăng Quỳ, IV, 374.
 Võ Đình Duyên, III, 25.
 Võ Đình Minh, IV, 174.
 Võ Đình Phương, I, 105.
 Võ Đức Thông, II, 313; IV, 183, 314, 333, 373.
 Võ Giáp, II, 227.
 Võ Hành, IV, 200.
 Võ Hữu Hợp, III, 272.
 Võ Huy Cáp, IV, 173.
 Võ Huy Đạt, IV, 393.
 Võ Hữu Bích, IV, 66.
 Võ Nhai, I, 39; IV, 233.
 Võ Nhàn, II, 37.
 Võ Phi Thừa, I, 112.
 Võ Quang Gia, IV, 393.
 Võ Qui Đĩnh, IV, 68.
 Võ Tánh, II, 72, 75, 76, 86, 91, 114, 123, 139, 167, 168, 171, 174, 179, 192, 193, 195, 202, 203, 261, 308, 316, 329, 355, 380, 396, 408; III, 8; IV, 329.
 Võ Tánh (tự diên), III, 175.
 Võ Tiến Sinh, II, 58, 112.
 Võ Thế Nho, IV, 74.
 Võ Trinh, III, 49; IV, 29, 205, 277, 361; IV, 193.
 Võ Văn Anh, IV, 391.
 Võ Văn Chấn, II, 104.
 Võ Văn Chất, II, 104.
 Võ Văn Châu, IV, 339.
 Võ Văn Chỉ, IV, 219.
 Võ Văn Chiêu, III, 217; IV, 44.
 Võ Văn Chính, II, 51; IV, 348.
 Võ Văn Doãn, IV, 150, 205, 299, 314.
 Võ Văn Dũng, II, 86, 214, 314, 338, 341, 342, 360, 380, 389, 424, 446, 449; III, 42, 85.
 Võ Văn Điện, IV, 290.
 Võ Văn Giáo, II, 233.
 Võ Văn Hoán, IV, 191.
 Võ Văn Kế, III, 394; IV, 208.
 Võ Văn Lai, IV, 394.
 Võ Văn Lượng, II, 193, 210, 211, 213, 233, 236.
 Võ Văn Ngữ, IV, 10.
 Võ Văn Nhậm, II, 62.
 Võ Văn Phú, III, 136.
 Võ Văn Sĩ, II, 109, 233; III, 222.
 Võ Văn Sáng, IV, 323.
 Võ Văn Sơn, II, 211.
 Võ Văn Sự, II, 350, 380.
 Võ Văn Tĩnh, IV, 302.
 Võ Văn Tục, II, 370.
 Võ Văn Thân, IV, 258.
 Võ Văn Thiêm, I, 89, 90.
 Võ Văn Trí, IV, 205, 224, 240.
 Võ Văn Vượng, IV, 43.
 Võ Xá, I, 76, 77, 108, 208.
 Võ Xuân Biều, III, 247; IV, 206, 304.
 Võ Xuân Lý, III, 27.

Võng nhi, I, 191.
 Võng nhi (thuộc), I, 325.
 Vọng các, II, 35, 38, 54, 59, 60.
 Vọng các (công thần) III, 318.
 Vọng doanh, III, 40, 161.
 Vô tà ơn, I, 222.
 Vũ đảo, III, 382.
 Vũ Bách Phúc, I, 104.
 Vũ cần dung (sách), II, 349.
 Vũ cần xa (sách), II, 349.
 Vũ Côn Bảo, II, 161.
 Vũ Công Chấn, II, 80.
 Vũ Công Độ, II, 20.
 Vũ Công Lễ, II, 126.
 Vũ Công Quang, I, 91.
 Vũ Công Thìn IV, 163.
 Vũ Cơ, III, 188.
 Vũ Chân, I, 56.
 Vũ Danh Trung, IV, 37.
 Vũ Doãn Triêm, II, 36.
 Vũ Doãn Trung, I, 36.
 Vũ Duy Nghi, III, 103.
 Vũ Đình Lục, IV; 108, 161.
 Vũ Đình Khanh, III, 363.
 Vũ Đình Tử, III, 49, 78.
 Vũ Đức Cát, III, 368.
 Vũ Đức Cung, I, 39.
 Vũ lao, III, 161.
 Vũ nhai, III, 229.
 Vũ Nhân, I, 257.
 Vũ Phạm Khải, II, 19.
 Vũ Phi Thừa, I, 115, 124, 133.
 Vũ Qui Đĩnh, IV, 37.
 Vũ Tiên, III, 230.
 Vũ Tiến Đầu, II, 105.
 Vũ Tiến Sinh, II, 142.
 Vũ Văn Càn, II, 105.
 Vũ Văn Đoan, IV, 191.
 Vũ Văn Dũng, II, 220, 309.
 Vũ Văn Kế, II, 115; IV, 309.
 Vũ Văn Lân, II, 199.
 Vũ Văn Lượng, II, 109, 120, 168, 171, 178, 185, 191, 192.
 Vũ Văn Thân, III, 374.
 Vũ Viết Bảo, IV, 284, 361.
 Vũ Viết Đề, IV, 225.
 Vũ viết (sách), II, 349.
 Vũ Xuân Càn, II, 5, 19; III, 126; IV, 205, 352, 384.
 Vũ Xuân Nùng, I, 211.
 Vũ Xương, I, 33, 34, 52, 63, 125, 167, 214.
 Vu quang, IV, 92.
 Vững Diên, II, 192, 209. X. Diên.
 Vững lăm, II, 178, 195; IV, 241. X. Lăm.
 Vững Quýt, II, 267, X. Quýt.
 Vững tàu, II, 159, 168, 208, 251, 345; III, 136.
 Vững tàu (đạo), II, 115, 186.
 Vững tàu Phan rang, II, 192.
 Vương Kiến lập, I, 40.
 Vương Văn Học, II, 385; IV, 143.
 Vương xá, III, 365.

X

Xa gia, III, 214, 368.
 Xa Văn Tiên, IV, 129.
 Xà năng (sông), IV, 188.
 Xác bà ân, I, 83.
 Xí Xương mã, III, 107, 215.
 Xỉ đa, II, 431.
 Xỉ Khê, III, 92; IV, 153.
 Xích đẳng (kho), III, 356; IV, 258.

- Xích lam, II, 179, 251.
 Xích lam (đạo), III, 115, 127, 134.
 Xích lam (trạm), II, 340.
 Xích thổ, II, 352.
 Xích, Xiêm la, I, 122, 158, 163, 182, 224, 233, 235; II, 31, 37, 44, 52, 53, 58, 154, 177, 186, 208, 237, 270, 280, 338, 361; III, 150, 272, 308, 322, 388, 397; IV, 28, 33, 47, 48, 81, 110, 137, 154, 163, 169, 184, 226, 231, 249, 299, 332.
 Xiêm (người), IV, 148, 281.
 Xiêm (quân), IV, 244.
 Xoài mút (sông), II, 57.
 Xoang mai, III, 368.
 Xuân (tướng), I, 92; IV, 269.
 Xuân (giặc), IV, 10.
 Xuân (tên); I, 39.
 Xuân canh (xã), IV, 136.
 Xuân đài, I, 253; II, 352, 355.
 Xuân đài (cửa), II, 170, 178, 193, 195.
 Xuân hòa, I, 204; III, 230.
 Xuân Sơn, I, 84, 86, 89.
 Xuân Thắng, I, 98.
 Xuy bồn bột, I, 179, 180.
 Xuy mít (bảo), II, 211.
 Xương cạm, III, 330.
 Xương ngàn, III, 273.

Y

- Y na, II, 179.
 Ý thận huy gia từ phi, III, 358.
 Yên cương (Hòn Khói), I, 251.
 Yên châu, III, 40.
 Yên du, II, 31.
 Yên Khang, III, 116.
 Yên Khánh, III, 40, 116.
 Yên Lãng, IV, 108.
 Yên Lãng (xã), IV, 102.
 Yên Quảng, III, 44, 271, 364; IV, 167.
 Yên Sơn, IV, 92.
 Yên tử, I, 39.
 Yên tượng (núi), II, 370.
 Yên Thế, IV, 93.
 Yên Trị, III, 375.
 Yên Việt, III, 40.
 Yên Xuân, IV, 67.
 Yên Vĩ (xã), IV, 109.

MỤC LỤC

ĐẠI NAM THỰC LỤC

TẬP IV

CHÍNH BIÊN — ĐỆ NHẤT KỶ III

THỰC LỤC VỀ THẾ TỒ CAO HOÀNG ĐẾ

	<i>Trang</i>
Quyển XXXVII (<i>Gia-long năm thứ 8, 1809</i>)	5
Quyển XXXVIII	17
Quyển XXXIX	30
Quyển XL (<i>Gia-long năm thứ 9, 1810</i>)	50
Quyển XLI	80
Quyển XLII (<i>Gia-long năm thứ 10, 1811</i>)	105
Quyển XLIII	123
Quyển XLIV (<i>Gia-long năm thứ 11, 1812</i>)	141
Quyển XLV	158
Quyển XLVI (<i>Gia-long năm thứ 12, 1813</i>)	177
Quyển XLVII	193
Quyển XLVIII (<i>Gia-long năm thứ 13, 1814</i>)	209
Quyển XLIX	227
Quyển L (<i>Gia-long năm thứ 14, 1815</i>)	240
Quyển LI	254
Quyển LII (<i>Gia-long năm thứ 15, 1816</i>)	270

		<i>Trang</i>
Quyển	LIII	288
Quyển	LIV	294
Quyển	LV (<i>Gia-long năm thứ 16, 1817</i>)	309
Quyển	LVI	325
Quyển	LVII (<i>Gia-long năm thứ 17, 1818</i>)	341
Quyển	LVIII	354
Quyển	LIX (<i>Gia-long năm thứ 18, 1819</i>)	366
Quyển	LX	384
SÁCH DẪN (<i>TẬP I: Tiền biên; TẬP II, III, IV:</i> <i>Chính biên, đệ nhất kỷ</i>)		401

TIMSACH.COM.VN

NHÀ XUẤT BẢN SỬ HỌC

Sắp chữ, in và đóng sách tại Liên xưởng in Lê-văn-Tân
Giấy phép xuất bản số 08
Số lượng in 1.610. Xong ngày 23-7-1963.